"Bản sử thi... về nước Đông Đức, nhìn từ căn bếp ngoại ô chứ không phải từ những hành lang quyền lực."

- The Guardian

Eugen Ruge

Hoàng Đăng Lãnh *dịch*

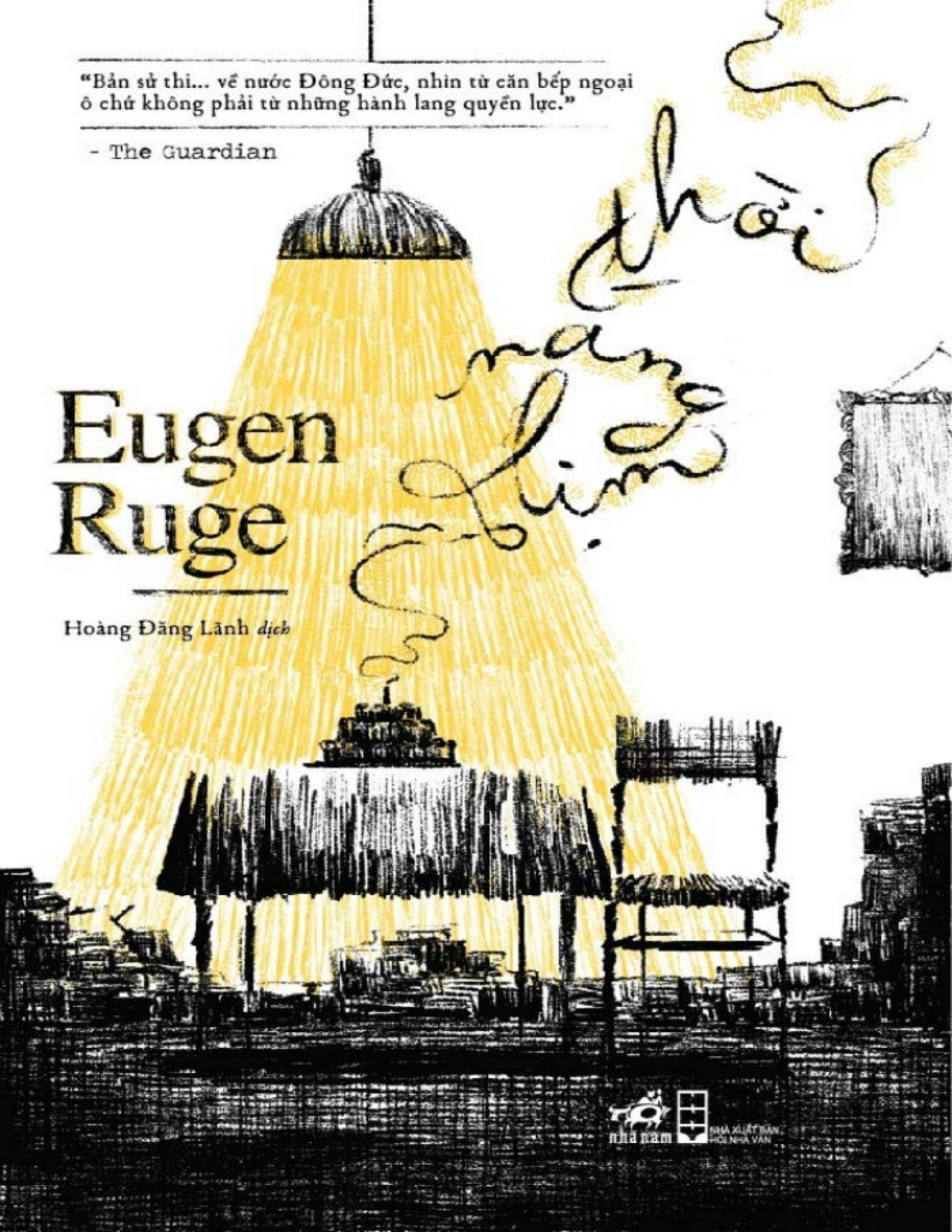

nhã nam
NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Thời Nắng Lịm

Eugen Ruge

—★—

Hoàng Đăng Lãnh *dịch*

Nhà xuất bản Hội nhà văn

Nhã Nam *phát hành*

—★—

ebook©vctvegroup

LỜI CHÀO CỦA TÁC GIẢ

Bạn đọc Việt Nam thân mến,

Nghe tin cuốn sách *Thời nắng lịm* cũng sắp được xuất bản tại Việt Nam, tôi rất mừng. Mặc dù chưa bao giờ có dịp tới Việt Nam, nhưng "Việt Nam", tất nhiên, đối với tôi bao giờ cũng là tên gọi một đất nước thân quen, hay có thể nói đúng hơn, là một người bạn từ xưa. Ngay từ hồi nhỏ, lúc còn đến trường đi học, tôi đã từng đi thu nhặt phế liệu (vâng, thậm chí còn tự nguyện là đằng khác) bán lấy tiền ủng hộ Việt Nam. Khi tròn 21 tuổi, cũng là lúc tôi đón tin về chiến thắng của nhân dân Việt Nam trong cuộc chiến tranh chống xâm lược Mỹ, một chiến thắng - mặc dù, như người ta bảo chúng tôi, hợp với quy luật - song vẫn đáng kinh ngạc dường nào.

Từ đó đến nay, xét về nhiều mặt, mặc dù nhiều quan điểm cũng như cách nhìn nhận của tôi đối với mọi sự đã có những biến chuyển và thay đổi nhất định, nhưng, cho đến tận giờ, tôi vẫn coi cuộc xâm lược ấy của đế quốc Mỹ là một trong những tội ác lớn nhất thế kỷ hai mươi. Cho đến giờ, tôi vẫn còn thấy hiển hiện trước mắt mình những tấm hình về các hậu quả tàn khốc của bom napalm và chất độc màu da cam trên đất nước các bạn. Cho đến hôm nay, lòng tôi vẫn tràn đầy niềm khâm phục và kính trọng đối với dân tộc Việt Nam, một dân tộc đã chiến đấu và chiến thắng đế quốc Mỹ; cho đến hôm nay, lòng tôi vẫn tràn ngập đau buồn, mỗi khi

nghĩ tới những đau thương mất mát mà nhân dân Việt Nam phải gánh chịu trong cuộc đấu tranh ấy.

Liệu cuốn sách của tôi còn kể được chuyện gì cho các bạn? Việc gì mà các bạn Việt Nam lại phải quan tâm đến câu chuyện gia đình tôi cơ chứ? Đó là những câu hỏi tôi tự đặt ra cho mình, khi được yêu cầu viết đôi lời để mở đầu cuốn sách. Song, càng nghĩ kỹ, tôi càng thấy các câu hỏi ấy thật ngớ ngẩn. Mặc dù thoạt nghe có vẻ nể nang chân thành, nhưng loại câu hỏi như thế vẫn có thể bị hiểu nhầm là kênh kiệu. Lý do khiến tôi đặt câu hỏi ngớ ngẩn như thế, có lẽ, nằm ở chỗ tôi không hiểu biết gì về đất nước Việt Nam ngày nay. Nguyên do làm tôi lúng túng phải chăng là ở chỗ, Việt Nam, đối với tôi, trước hết vẫn còn là một biểu tượng, và tôi chưa có được một bức tranh thực sự nào, của ngày hôm nay, về đất nước đó.

Cố nhiên, tôi có thể tra cứu trên Internet để biết, rằng Việt Nam có 93 triệu dân, và mức độ tăng trưởng công nghiệp hằng năm là 10,3%. Tôi có thể ngắm nghía và trầm trồ trước các tấm ảnh chụp nhiều ngôi nhà cao chọc trời ở Thành phố Hồ Chí Minh, có thể chiêm ngưỡng hình ảnh các cô gái trẻ mặc áo phông tân thời, cưỡi xe gắn máy qua các phố phường ở đó. Rõ ràng, Việt Nam là một đất nước hiện đại, một đất nước "bình thường", một đất nước cũng sản xuất hàng tiêu dùng và phát triển dịch vụ như bất kỳ nơi nào khác, một đất nước mà dân chúng cũng phải đối mặt với các vấn đề môi trường, tàu xe chậm trễ, và - hẳn rồi - một đất nước cũng có các nhà văn, độc giả văn học thích thú, quan tâm đến cả những câu chuyện xảy ra ở phía ngoài phạm vi đất nước mình... Không phải ư?

Bạn đọc thân mến! Các bạn thấy đấy, quả nhiên đã đến lúc tôi cần đến thăm Việt Nam rồi. Có lẽ, việc xuất bản cuốn sách của tôi ở đất nước

các bạn sẽ là một cơ hội cho tôi được đến thăm các bạn; và có lẽ, bản dịch cuốn sách này sẽ mở đầu cuộc làm quen giữa chúng ta.

Berlin, 9 tháng Bảy năm 2016
EUGEN RUGE

Tặng tất cả mọi người

NĂM 2001

Anh nằm liệt như chết hai ngày liền trên bộ ghế xô-pha bọc da. Rồi anh trở dậy, xả vòi hoa sen để tắm, giội nước xối xả và kỳ cọ thật lâu, như để gột rửa cho kỳ hết bụi bặm còn sót lại của nhà thương trên da thịt. Xong xuôi đâu đấy, anh lên xe chạy về Neuendorf.

Như thường lệ, anh lái xe chạy theo tuyến xa lộ A115. Ngó nghiêng, liếc trời nhìn đất xem có gì thay đổi không. Hừ, có gì thay đổi không nhỉ?

Xe cộ trông có vẻ sạch sẽ tinh tươm hơn thì phải. Sạch hơn ư? Có vẻ màu mè hơn thế nào đó thì mới đúng. Mà cũng ngớ ngẩn hơn.

Trời xanh trong. Thế thôi, chứ thế nào nữa.

Mùa thu đang lặng lẽ, lén lút luồn về, vẩy nhẹ lên cây cối những đốm vàng nho nhỏ làm dấu. Thì cũng giữa tháng Chín rồi còn gì. Và, nếu anh xuất viện hôm thứ Bảy thì hôm nay phải là thứ Ba rồi. Nhưng, là ngày bao nhiêu trong tháng... thì từ mấy bữa nay đến giờ anh chẳng còn biết nữa.

Mới đây, Neuendorf đã có lối rẽ riêng từ xa lộ xuống. Với Alexander, "mới đây" vẫn có nghĩa là sau Bước ngoặt[1]. Rời xa lộ là đâm ngay xuống phố Thälmann (phố này, tên vẫn còn nguyên thế[2]). Mặt phố rải nhựa phẳng lì, hai bên vỉa hè có lối lát gạch đỏ dành cho xe đạp. Nhà

cửa vừa mới tân trang lại, được cách nhiệt theo một tiêu chuẩn nào đấy của Liên minh châu Âu. Số nhà mới xây trông cứ như bể bơi công cộng có mái che: thiên hạ gọi đấy là vi-la thành thị.

Song, chỉ cần rẽ trái, rồi đi chừng trăm thước theo con đường rải đá ngoằn ngoèo trước khi lại rẽ sang trái lần nữa thì, đúng chỗ này, tại một phố hẹp với hai hàng bồ đề hai bên, thời gian dường như đã ngừng trôi. Vỉa hè lát đá, gồ ghề vì rễ cây trồi lên. Hàng rào xiêu vẹo, mục nát, bọ cánh lửa bám đầy. Nằm sâu trong các góc vườn cỏ dại mọc cao, lấp ló nhiều khung cửa sổ im lìm của những biệt thự bỏ không mà vấn đề hoàn sản đang bị tranh cãi tại một văn phòng luật sư ở phương trời xa xôi nào đó.

Một trong số ít nhà ở đây còn có người ở là nhà số bảy, phố Am Fuchsbau. Mái nhà phủ rêu. Mặt tường phía trước nứt nẻ. Bụi cây cơm cháy mọc chạm mái hiên. Và cây táo, mà xưa ông Kurt, bố anh, bao giờ cũng tự tay tỉa tót, nay thả sức đâm nhánh trổ cành, lung tung xòe cả.

Túi nhựa cách nhiệt dùng để đựng thức ăn của hãng "Thức ăn trên bốn bánh xe" đã thấy móc treo trên hàng rào. Anh nhìn thấy rõ phía ngoài túi ghi rành rọt dòng chữ: thứ Ba. Alexander gỡ túi xuống rồi bước vào sân.

Tuy có mang chìa khóa theo, anh vẫn bấm chuông. Thử xem ông Kurt có ra mở không. Thật ra có thử cũng vô ích, bởi anh biết, bố anh sẽ chẳng ra mở đâu. Thế nhưng, anh nghe tiếng kẹt quen thuộc của cánh cửa thông ra hành lang, và ghé ngó qua cánh cửa sổ con con, anh thấy ông Kurt hiện ra, như một bóng ma trong cảnh tranh tối tranh sáng ở phòng ngoài.

- Bố mở cửa cho con, Alexander nói to.

Ông Kurt bước tới gần, nhìn thao láo.

- Bố mở đi.

Nhưng ông Kurt vẫn đứng trơ, không động đậy.

Alexander mở khóa, bước vào, ôm lấy bố, mặc dù đã từ lâu rồi anh khó chịu mỗi khi ôm bố như thế. Ông Kurt rất hôi. Mùi hôi hám của tuổi già, xông ra từ các tế bào sâu thăm thẳm. Có tắm rửa, có đánh răng, súc miệng kỹ, ông vẫn hôi.

- Bố nhận ra con không? Alexander hỏi.

- Ừ, ông Kurt nói.

Mồm ông già bết đầy mứt mận. Người hộ lý phiên sáng nay chắc lại vội chuồn rồi. Áo len ông mặc, cúc cài lệch, dép đi trong nhà, ông xỏ mỗi một chiếc.

Alexander hâm thức ăn cho bố. Đóng cầu chì, bật lò vi sóng. Ông Kurt đứng cạnh, nhìn chăm chú.

- Bố đói bụng không? Alexander hỏi.

- Ừ, ông Kurt đáp.

- Lúc nào bố cũng kêu đói.

- Ừ, ông Kurt nói.

Hôm nay có món xúp thịt kho, ăn với bắp cải tím xào (từ ngày ông Kurt suýt chết vì nghẹn miếng thịt bò to, các món thịt đều phải thái miếng nhỏ). Alexander pha cà phê, rồi lấy đĩa thịt từ lò vi sóng ra, đặt lên khay nhựa cho bố.

- Bố ăn đi, anh nói.

- Ừ, ông Kurt đáp. Rồi ông bắt đầu ăn. Một lúc khá lâu chỉ nghe tiếng ông Kurt nhai tóp tép. Alexander vừa nhấp nhấp tách cà phê còn rất nóng, vừa nhìn bố ăn. Lát sau, anh bảo:

- Nĩa bố cầm ngược rồi.

Ông Kurt ngừng nhai, như nghĩ ngợi. Rồi lại ăn, loay hoay dùng chuôi nĩa đẩy miếng thịt kho ra đầu mũi dao.

- Nĩa bố cầm ngược rồi, Alexander lại nói.

Anh nói đều đều, không lên giọng, thử xem bố anh phản ứng thế nào. Chẳng có tí phản ứng nào. Tuyệt nhiên không. Không biết cái gì đang diễn ra trong đầu bố nhỉ? Trong khoảng không gian hộp sọ bao bọc khỏi thế giới bên ngoài kia, ít gì, chắc vẫn còn chứa đựng một thứ *Tôi* nào đó! Không biết bố nghĩ gì, cảm giác thế nào, lúc ông đi đi lại lại trong phòng nhỉ? Hay sáng sáng, những lúc ông ngồi bên bàn viết và, theo lời chị giúp việc kể, nhìn trân trân hàng giờ vào tờ báo mở rộng trước mặt, thì ông nghĩ ngợi những gì? Mà có nghĩ ngợi gì không cơ chứ? Không nói không rằng được, thì nghĩ ngợi làm sao?

Rốt cuộc ông Kurt cũng cắm được mũi dao vào miếng thịt, và với vẻ mặt thèm thuồng, ông run run toan đưa miếng thịt lên miệng. Nhưng miếng thịt tuột rơi trở lại xuống đĩa. Ông lại loay hoay, thử lần nữa, từ đầu.

Đúng thật trớ trêu, Alexander nghĩ bụng. Sự suy sụp của bố anh lại bắt đầu chính từ tiếng nói. Ông Kurt, nhà hùng biện nổi tiếng, người dẫn chuyện tài ba ngày nào ấy. Thật khó mà quên cảnh bố anh ngồi ghế bành. Vâng, ghế bành ông Kurt! Mọi người xung quanh nhìn như dán mắt vào miệng ông, vị giáo sư lừng danh, mỗi khi ông cất tiếng kể những mẩu giai thoại nho nhỏ trong đời mình. Cũng buồn cười, chuyện gì ông kể cũng thành giai thoại. Bất kể chuyện gì - đến cả chuyện ông suýt bỏ xác trong trại giam - bao giờ cũng mang một kết cục khôi hài, bao giờ cũng thành chuyện đùa hóm hỉnh. Ờ, đã có dạo như thế. Xưa lắm rồi. Câu cuối cùng ông Kurt còn nói gãy gọn được là câu: *tôi mất tiếng mất rồi*. Kể cũng khá. So với ngày nay thì đúng là một màn diễn tuyệt vời. Thế nhưng, đã hai năm rồi còn gì: *tôi mất tiếng mất rồi*... và, ai nấy đều tưởng, ừ thì thế, ông ấy chỉ mất tiếng thôi, còn thì vẫn tỉnh táo khỏe mạnh như thường. Cười cười, gật gật, nhíu mày, nhăn mặt... để góp chuyện. Ông làm bộ, nhưng rất khéo. Hiếm lắm mới lộ tẩy ông lẫn, như đổ rượu vang vào cà phê chẳng hạn. Hay như đôi khi, ông đứng ngẩn ra đấy, ngơ ngơ ngác ngác cầm cái nút chai trong tay, ngẫm nghĩ mãi, rồi rốt cuộc, nhét nó vào tủ sách.

Đến khổ, dùng dao nĩa, từ nãy đến giờ mà ông Kurt chỉ ăn được mỗi một miếng thịt kho. Giờ thì ông buông hết dao nĩa ra, dùng cả năm ngón tay mà bốc. Rồi thoáng ngừng, ngước mắt len lén nhìn lên Alexander, như đứa trẻ nghịch ngợm muốn thử xem bố mẹ sẽ nói gì, đoạn nhét miếng thịt vào mồm. Thêm miếng nữa. Rồi nhai.

Và, vừa nhai ông vừa giơ mấy ngón tay bê bết nước thịt lên, như để thề thốt vậy.

- Giá mà bố biết, Alexander nói.

Ông Kurt lặng yên. Ít gì ông cũng vừa tìm được cách giải quyết chỗ thịt kho. Nhét vào miệng. Nhai. Nước thịt chảy thành vệt dưới cằm.

Đã từ lâu rồi, ông Kurt hoàn toàn không làm được gì nữa. Không cất tiếng nói được nữa, không tự đánh răng được nữa. Đến cả lau đít cũng chẳng được, ông ngồi được lên cầu để đi ngoài đã là mừng lắm rồi. Việc duy nhất ông còn làm được, một việc được thôi thúc từ nội tâm, một việc ông thực sự quan tâm và thực hiện với chút khéo léo còn sót lại, là ăn. Tiếp nhận dinh dưỡng. Ông ăn không phải để hưởng thụ. Cũng không phải vì ngon miệng (các đầu dây thần kinh vị giác của ông, Alexander cầm chắc, đã liệt hết cả rồi, do hàng chục năm hút tẩu nặng). Ông ăn để sống sót. Ăn = sống, Alexander tự nhủ, là công thức bố thuộc từ trại lao công. Thuộc lòng, thuộc nhớ đời. Cái lối nhét thịt tham lam nhồm nhoàm vào miệng kia không phải cái gì khác hơn là lòng ham sống. Đấy là ham muốn cuối cùng còn lại trong con người ông, khiến ông còn lay lắt sống; là thứ khiến cơ thể ông tiếp tục thoi thóp, là thứ khiến tim mạch ông, tuy rệu rã, vẫn vận hành, thậm chí, như mọi người nơm nớp lo, sẽ còn vận hành khá lâu nữa là khác. Ông Kurt sống dai hơn mọi người, dai hơn bà Irina. Và, bây giờ, không chừng sẽ dai hơn cả anh nữa cũng nên.

Nước thịt đọng thành giọt trên cằm ông Kurt. Alexander cố nén, để không bật dậy xé giấy ăn miết lên mặt bố, dằn thật đau, cho bõ ghét.

Giọt nước thịt to dần, run rẩy rơi xuống.

Phải hôm qua không nhỉ? Hay hôm nay? Thì một lúc nào đó trong hai ngày qua, lúc còn nằm bẹp trên chiếc xô-pha bọc da (không cựa quậy, chẳng rõ tại sao, cố không để da mình chạm vào lớp da trâu bọc ghế), trong đầu anh đã nảy ra ý nghĩ: hay là giết quách lão già đi. Mà cũng không phải là ý nghĩ thoáng qua nữa. Anh tính toán đủ kiểu: áp gối lên mặt hay, để gây

án mạng hoàn hảo hơn, cho ăn miếng thịt bò thật dai. Như miếng thịt nướng bố nghẹn suýt chết dạo nào.

Và lần ấy, lúc ông Kurt mặt mày xanh ngoét hướng về phía anh, loạng choạng rồi bất tỉnh ngã gục xuống mặt đường, nếu Alexander không theo bản năng kịp nhanh tay lật người ông nằm nghiêng khiến miếng thịt to nhai đã nhão văng ra từ họng ông cùng bộ răng giả, thì có lẽ ông Kurt chẳng còn sống trên đời này và Alexander đỡ thêm lần nữa (ít gì cũng là một lần) phải đắn đo như bây giờ.

- Bố có biết con vừa đi vắng một dạo không?

Ông Kurt giờ đã chuyển sang món bắp cải tím. Từ ít lâu nay, ông giở lại thói quen con trẻ, ăn lần lượt từng món, hết thịt, đến rau, rồi khoai tây. Đến lạ, bây giờ ông lại cầm nĩa ở tay, đúng chiều là khác. Xúc rau đưa lên miệng.

Alexander hỏi lần nữa:

- Bố có biết con vừa đi vắng một dạo không?

- Ừ, ông Kurt đáp.

- Thật à, bố biết thật à? Thế bao nhiêu lâu nào, một tuần, hay một năm?

- Ừ, ông Kurt đáp.

Bố vừa nói gì nhỉ, một năm à?[3]

- Một năm à?

- Ừ, ông Kurt đáp.

Alexander cười. Đúng là anh có cảm tưởng một năm đã trôi qua thật. Như bắt đầu một cuộc đời khác vậy, sau khi cuộc đời kia kết thúc bằng một câu nói vô thưởng vô phạt:

- Tôi thử chuyển anh sang bên phố Fröbel.

Gọn lỏn có thế.

- Phố Fröbel ư?

- Vâng, sang bệnh viện.

Mãi tới phòng ngoài anh mới sực nghĩ ra, phải hỏi cô y tá xem: thế có nghĩa là anh phải mang quần áo ngủ và bàn chải đánh răng theo chứ gì. Và cô y tá lại vào phòng bác sĩ để hỏi, thế có nghĩa là *bệnh nhân* phải mang quần áo ngủ và bàn chải đánh răng theo phải không ạ. Rồi ông bác sĩ bảo cô ta, phải, có nghĩa là *bệnh nhân* phải mang quần áo ngủ và bàn chải đánh răng theo. Độc có thế.

Bốn tuần liền. Hai mươi bảy thầy trò bác sĩ cả thảy (anh đã nhẩm đếm). Y học hiện đại mà lại.

Tay trợ lý, dáng dấp như cậu học sinh trung học mới tốt nghiệp, tiếp anh trong gian phòng nhập viện hết sức kỳ quặc - từ phía sau tấm bình phong có tiếng rên khe khẽ của một bệnh nhân nặng nào đó vọng ra - và giải thích anh nghe cơ sở của công việc chẩn đoán. Gã bác sĩ có mái tóc đuôi ngựa (một gã trông cũng dễ mến) bảo anh, vận động viên chạy marathon không mắc bệnh hiểm nghèo bao giờ. Bà bác sĩ X-quang trước khi khám còn hỏi, ở tuổi anh, anh còn ý định có con không. Ông bác sĩ

phẫu thuật mang cái tên Fleischhauer, kẻ băm thịt. Và, tất nhiên, bác sĩ trưởng Koch mặt rỗ, trông giống nhạc trưởng người Áo Karajan.

Và hai mươi hai người khác.

Còn vài chục kỹ thuật viên phòng xét nghiệm nữa, những người hút máu anh đầy ống nghiệm, gom nước tiểu anh chán chê, lật đi lật lại mô tế bào của anh dưới kính hiển vi hay quay nó trong máy ly tâm nào đấy. Làm tất cả những thứ đó, chỉ để rút ra một kết luận nghèo nàn, thậm chí đáng hổ thẹn mà bác sĩ Koch buông gọn bằng mấy tiếng:

- Không mổ được đâu!

Lão bảo vậy. Bằng cái giọng kin kít của lão. Với gương mặt rỗ. Với mái tóc kiểu Karajan. Không mổ được đâu, lão bảo thế, rồi ngả lưng ra sau và lắc lư hết phía trước lại phía sau trên chiếc ghế xoay. Và, mắt kính lão lấp lóe lấp lóe theo nhịp lắc lư ấy.

Ông Kurt giờ đã xong chỗ rau. Chuyển sang khoai tây, ăn suông. Alexander biết chuyện gì sẽ xảy ra (nếu anh không rót ngay cho bố cốc nước). Không uống kèm nước, khoai sẽ mắc lại trong họng ông Kurt, khiến ông nấc hộc một tiếng thật to, to đến mức tưởng ruột gan sẽ ộc hết ra ngay vậy. Có lẽ, dùng khoai tây cũng làm ông Kurt tắc thở được.

Alexander vội đứng dậy, rót nước đầy cốc.

Thật nực cười, còn ông Kurt thì *mổ được:* ba phần tư dạ dày ông đã bị cắt bỏ. Thế mà, với phần còn lại, ông ăn như thể dạ dày được bồi thêm ba phần. Bất kể dọn món gì ra, ông đều vét sạch. Cả hồi trước, bao giờ bố cũng ăn sạch đĩa như thế, Alexander nghĩ bụng. Bất kể món nào bà Irina dọn ra cho ông cũng vậy. Ông ăn hết rồi cất tiếng khen - ngon tuyệt! Lúc

nào cũng một lời khen ấy, lúc nào cũng "cảm ơn", cũng "ngon tuyệt". Và, nhiều năm sau này, khi bà Irina đã mất và thỉnh thoảng anh có dịp làm cơm cho bố ăn, anh mới thật thấm thía những lời "Cảm ơn!", "Ngon tuyệt!" muôn thuở ấy đã hành hạ mẹ anh, đã làm bà khổ sở đến mức nào. Thế nhưng, chẳng ai trách ông Kurt được điều gì. Đúng là ông chẳng bao giờ đòi hỏi ai, đến bà Irina ông cũng chẳng đòi phải nấu ông ăn. Không ai nấu ông ăn thì ông ra hiệu, hoặc làm miếng bánh mì phết bơ là đủ. Có ai nấu ông ăn, ông ăn rồi cảm tạ tử tế. Đoạn ông ngủ trưa. Rồi ông đi dạo. Sau đó ông ngồi soạn đống thư từ. Chê ông thế nào bây giờ? Chẳng chê được gì sất. Thế mới khổ.

Ông Kurt dùng ngón tay chấm chấm mấy mẩu khoai vụn còn sót. Alexander chìa khăn giấy cho bố; ông già cũng đưa khăn lên lau miệng thật, lau xong gấp lại cẩn thận và đặt xuống bên cạnh đĩa.

- Bố ơi, Alexander nói. Con vừa phải nằm viện đấy.

Ông Kurt lắc lắc đầu. Alexander nắm lấy khuỷu tay bố và thử nói to lần nữa.

- Con, anh chỉ tay vào ngực mình, vừa-phải-nằm-viện! Bố hiểu không?

- Ừ, ông Kurt nói, rồi đứng dậy.

- Kìa bố, con chưa nói hết, Alexander nói.

Nhưng ông Kurt vẫn không nói năng gì. Ông thất thểu đi vào phòng ngủ, chân vẫn xỏ độc một chiếc dép đi trong nhà. Đoạn ông tụt quần xuống. Ngoảnh lại nhìn Alexander với vẻ chờ đợi.

- Bố muốn nghỉ trưa à?

- Ừ, ông Kurt đáp.

- Thôi được, thì ta thay tã vậy nhé.

Ông Kurt lết vào buồng tắm. Alexander đã tưởng bố hiểu anh nói gì, thế nhưng trong buồng tắm, ông Kurt tụt quần lót xuống rồi cứ thế đứng đái thành cầu vồng xuống nền nhà.

- Bố làm cái gì thế!

Ông Kurt có vẻ hốt hoảng, nhưng không dừng được nữa rồi.

Alexander tắm táp cho bố, đỡ ông nằm lên giường và lau nền buồng tắm xong thì tách cà phê đã nguội tanh. Anh nhìn đồng hồ mới hai giờ chiều. Sớm lắm cũng phải bảy giờ mới đến phiên trực tối của cánh y vụ. Anh đắn đo trong chốc lát, nghĩ bụng hay cứ đút túi hai bảy ngàn trong két bạc xây ốp vào tường kia rồi lẳng lặng biến đi. Song lại thôi, để chờ đã. Anh muốn mở két lấy tiền trước mặt bố anh; và, dù biết có nói cũng chẳng tích sự gì, anh vẫn muốn kể rõ ngọn ngành với bố, để nghe ông "Ừ" một tiếng - dù "Ừ" là tiếng duy nhất bố anh còn nói được.

Alexander cầm tách cà phê đi vào phòng khách. Làm gì bây giờ? Làm gì giết thời gian nhỉ? Anh lại thấy bực mình, vì đã để mình bị cuốn vào nhịp sinh hoạt hằng ngày của bố anh. Và nỗi bực này, muốn hay không muốn, còn cộng thêm cả nỗi bực dọc đã thành cố hữu về căn phòng này. Chỉ có điều bây giờ, sau bốn tuần không đến đây, nỗi bực dọc dường như tăng hơn nữa thì phải: rèm cửa xanh, giấy dán tường xanh, tất tật đều

xanh. Chỉ vì màu xanh da trời là màu người tình cuối cùng của bố anh ưa thích... Rõ vớ vẩn, vào tuổi bảy tám. Vừa chôn bà Irina được nửa năm xuống lòng đất... Thậm chí cả khăn giấy, lẫn nến, cũng xanh nốt!

Cả năm giời hai người quấn quýt nhau như lũ học trò mới lớn. Gửi thư tình cho nhau, tặng quà gói giấy màu xanh cho nhau. Nhưng rồi ả nhân tình chắc nhận thấy ông Kurt bắt đầu sinh dở người, bèn biến mất. Còn lại là cỗ *quan tài xanh* này, như Alexander vẫn nói. Một thế giới màu xanh lạnh lẽo, từ nay không còn ai trú ngụ.

Còn mỗi góc đặt bàn ăn là như cũ. Thực ra, cũng chẳng hẳn thế... Mặc dù ông Kurt không động đến lớp gỗ quý ốp tường - dạo trước, đấy là niềm kiêu hãnh của bà Irina! Gỗ ốp tường thứ thiệt mà lại! Cả bộ sưu tập *hầm bà rằng* (nói theo thứ tiếng Đức trọ trẹ của bà Irina) cũng còn đấy, chỉ có điều...! Mỗi lần sửa sang nhà cửa, ông Kurt lại cho tháo gỡ toàn bộ những thứ đồ vật lưu niệm hay quà tặng dồn tích bao năm được treo móc lung tung lộn xộn đầy mặt tường ấy xuống, lau chùi sạch sẽ, chọn những thứ "quan trọng nhất" (theo ý ông) rồi treo trở lại theo "thứ tự tùy tiện" (cũng theo ý ông vậy). Mỗi khi làm như thế, ông gắng sử dụng "hợp lý" mấy lỗ đinh có sẵn. Theo quan điểm mỹ học thỏa hiệp của ông. Bức vách trông cũng có thế thật.

Thanh đoản kiếm do Gojkovic, tay diễn viên chuyên thủ vai thủ lĩnh bộ lạc trong các phim người da đỏ của hãng DEFA ấy (không phải vừa nhé!), tặng bà Irina giờ treo ở đâu? Và, đâu là chiếc đĩa Cuba các đồng chí ở nhà máy Karl Marx trao tặng ông Wilhelm nhân sinh nhật cụ tròn chín chục? Nghe đâu lúc ấy ông Wilhelm lôi ngay ví, rút ra một tờ một trăm mác bỏ lên đĩa; chẳng là cụ tưởng người ta đòi đóng tiền Quỹ đoàn kết nhân dân...

Treo đâu chả được, Alexander nghĩ bụng. Toàn đồ linh tinh... Toàn đồ vật thôi chứ gì. Với ai đó, sau này có kế chân anh đến đây, thì chúng cũng chỉ là đống đồ đáng vứt đi mà thôi.

Anh rời sang phòng làm việc của bố anh ở phía bên kia phòng khách (phía mà Alexander thấy đẹp hơn).

Ở đây khác phòng khách. Bên ấy bố anh đảo lộn hết cả lên, bao nhiêu đồ gỗ bà Irina sắm trước đây ông đem thay hết. Cái tủ kính cũ đẹp là thế, ông thay bằng cái tủ gỗ ép chán mớ đời; đến cả cái bàn con con, dù chân đã long lay nhưng vẫn đẹp tuyệt vời mẹ anh dùng làm bàn điện thoại từ xưa, ông cũng vứt nốt. Và cái làm Alexander giận nhất, là thậm chí chiếc đồng hồ treo tường ông cũng quẳng đâu mất; chiếc đồng hồ quả lắc cũ kỹ mà thân mật ấy, cứ nửa tiếng một lại lên tiếng rù rù, như thể để nhắc rằng nó vẫn nhớ trách nhiệm báo giờ của nó, cho dù hộp chứa quả lắc không còn nữa; nó gốc gác vốn là chiếc đồng hồ tủ đứng, bà Irina theo mốt, lôi nó từ trong tủ đem treo lên tường; đến tận giờ Alexander vẫn nhớ ngày anh với bà Irina đi chở cái tủ đồng hồ ấy về nhà, mẹ anh đã nài nỉ mãi, toan nói để bà chủ chiếc đồng hồ hiểu cái tủ thừa, không cần đến nữa, mà không xong; rốt cuộc hai mẹ con đành nhờ hàng xóm góp tay chất cái tủ to đùng lên xe rồi chở đi cho bà yên tâm; cái tủ to đến mức thò hẳn ra khỏi thùng xe khiến chiếc Trabbi[4] lúc chạy suýt mất cả thăng bằng. Ừ, khác với phòng khách đã bị thay đổi hoàn toàn ấy, trong phòng ông Kurt mọi thứ vẫn như cũ, nguyên vẹn đến ghê người.

Chiếc bàn giấy vẫn kê xéo bên cửa sổ - bốn chục năm ròng, mỗi lần tân trang, dọn dẹp phòng ốc xong, bốn chân bàn lại được kê đúng vào vết chân cũ trên nền thảm. Chiếc ghế bành kềnh càng trong góc cũng thế, nơi ông Kurt từng khoanh tay ngồi khom lưng kể chuyện vui. Cả tủ sách

kiểu "tường Thụy Điển" (sao gọi là tường *Thụy Điển* nhỉ?) cũng không chút suy chuyển. Sách xếp nặng làm các ngăn sách cong hẳn xuống; chỗ này chỗ kia ông Kurt gá thêm vài tấm gỗ, màu gỗ đôi khi không hợp lắm, nhưng trật tự chung không hề thay đổi - như một bản sao lưu cuối cùng của bộ não ông Kurt vậy: đây là loạt sách tra cứu thỉnh thoảng Alexander cũng dùng đến (xong để lại chỗ cũ nhé!), kia là sách về cách mạng Nga, tiếp theo, xếp thành hàng dài là bộ Lenin toàn tập màu hung hung đỏ và bên trái, cạnh Lenin, ở ngăn tủ cuối, nằm dưới ngăn để cặp giấy dày cộp dán dòng chữ nghiêm khắc GIẤY TỜ RIÊNG, vẫn còn bàn cờ bằng gỗ ọp ẹp, gập đôi lại được, với những quân cờ do một tù nhân vô danh ở trại gulag nào đó đẽo gọt tự bao giờ.

Không kể sách mới xếp vào, thứ độc nhất bốn chục năm qua góp thêm vào đây là đôi thứ trong số quà lưu niệm nhiều vô kể do ông bà nội anh mang từ Mexico về dạo nào. Ông bà vừa mất, số đồ đạc này liền bị bán tống bán tháo hoặc đem biếu xén vội vã, chỉ còn lại đôi thứ mà ông Kurt, vì một lẽ khó hiểu nào đấy, không muốn vứt đi, nhưng cũng không dám mang ra bày giữa đống "hầm bà rằng" ở góc phòng khách; bảo vì thiếu chỗ, nhưng thực ra là vì bà Irina ghét cay ghét đắng mọi thứ từ nhà bố mẹ chồng đưa sang. Rốt cuộc, ông Kurt "tạm thời" xếp chúng lên tủ sách Thụy Điển và chúng cứ thế "tạm thời" nằm tại đó đến tận giờ: con cá mập con nhồi bông có lớp da sần sùi từng làm Alexander hồi nhỏ mê mẩn, giờ bị ông Kurt dùng dây gói quà treo lên một thanh ngang của giá sách; cái mặt nạ gớm ghiếc của dân Aztek vẫn nằm chỏng chơ trong tủ kính, cạnh vô số chai rượu mạnh nhỏ tí, và cái vỏ ốc lạ, to đùng, màu hồng hồng mà ông Wilhelm không biết bằng cách nào lắp được chiếc bóng đèn điện vào bên trong, cũng nằm đấy, không cắm điện, ở ngăn tủ dưới.

Anh chợt nghĩ đến Markus, con trai anh, và hình dung Markus đang loanh quanh trong nhà này, mũ áo phông trùm đầu, nhét tai nghe. Hai năm trước, anh trông thấy nó như thế lần cuối. Anh tưởng tượng Markus đứng trước tủ sách của ông Kurt và dùng mũi giày đá đá nhẹ vào mấy ngăn phía dưới; chắc nó sẽ lơ đãng lật qua lật lại những đồ đạc suốt bốn mươi năm dồn chất tại đây và thầm tính xem dùng làm gì hay đem bán được bao nhiêu. Chắc chẳng ai mua Lenin cho nó; bàn cờ gỗ gập đôi kia may lắm được vài đồng. Duy có con cá mập con nhồi bông và vỏ ốc hồng khổng lồ có thể sẽ làm nó thích và lôi về bày ở nhà mình, chẳng buồn biết mấy thứ ấy ở đâu ra.

Anh thoáng nghĩ, hay cầm con ốc đi rồi ném nó trở lại biển về nơi chốn cũ. Nhưng rồi anh lại nghĩ, làm thế có vẻ giống cảnh trong một bộ phim truyền hình rẻ tiền và nhạt nhẽo, nên thôi.

Anh ghé ngồi xuống bên bàn giấy và mở cánh cửa ngăn bàn bên trái ra. Ở ngăn giữa, tít phía trong cùng, trong hộp giấy ảnh ORWO cũ mèm, chiếc chìa khóa mở két bạc đã nằm suốt bốn chục năm nay, lẫn giữa số tuýp keo dán lổn ngổn. Giờ nó vẫn nằm đấy (trong đầu Alexander bỗng thoáng một ý nghĩ vớ vẩn là chiếc chìa khóa có khi đã tự dưng biến đâu mất, khiến dự định của anh cũng sẽ tiêu tan nốt).

Anh cẩn thận nhét chìa khóa vào túi, như thể lo bây giờ vẫn còn kẻ nào giật nó khỏi tay anh, rồi nhấp một hớp cà phê nguội.

Đến lạ, sao chiếc bàn làm việc ông Kurt ngồi lại nhỏ thế. Bên chiếc bàn con này ông Kurt đã viết các công trình đời ông. Ông đã ngồi ở đây, trong một tư thế khó chấp nhận về mặt y khoa, trên chiếc ghế tồi tệ hết mức về phương diện công thái học, hút thuốc lá tẩu, uống thứ cà phê phin chua loét và bằng phương pháp bốn-ngón-rưỡi gõ như nện búa lên máy

chữ. Tách-tách-tách-tách, bố đang làm việc đấy! Mỗi ngày bảy trang, là mức "chuẩn" ông đặt ra, song cũng có khi, đến bữa ăn trưa ông đã tuyên bố: hôm nay mười hai trang nhá! Hoặc mười lăm! Cứ như thế, ông gõ đầy một loạt các ngăn trên "tường Thụy Điển", rộng một thước, cao ba thước rưỡi, rặt một thứ ấy; chả thế mà ông được mệnh danh là "một trong những sử gia có năng suất lao động cao nhất CHDC Đức". Và, nếu lôi tất tật các bài đăng báo hay tạp chí cùng các tham luận in trong vô số tuyển tập ra, rồi xếp thành hàng bên mười, mười hai hay mười bốn cuốn sách ông Kurt đã cho xuất bản, thì toàn bộ công trình của ông cũng phải chiếm hết bề ngang giá sách, ngang ngửa bộ Lenin toàn tập chứ không ít. Chà, những một thước khoa học! Để đạt tới bề dày một thước khoa học ấy, ông Kurt đã lao tâm khổ tứ suốt ba chục năm, đã hành hạ gia đình ông suốt ba chục năm. Để có được bề dày ấy, bà Irina đã phải nấu ăn, giặt quần giũ áo cho ông; ông Kurt được thưởng huy chương, tặng bằng khen, hay bị cấp trên quở mắng, thậm chí có lần bị Đảng cảnh cáo đều là vì bề dày một thước khoa học ấy; cũng vì nó mà ông phải mặc cả đi mặc cả lại với bọn nhà xuất bản muôn đời thiếu giấy in để đòi tăng bằng được số bản ấn hành, phải nhiều lần tranh đấu bảo vệ cách hành văn hay tên sách ông đặt, có lúc thua, có lúc nhờ mánh khóe, hay chây lì, mà thắng được đôi phần. Thế mà bây giờ, tất tật, tất tật đều thành đống GIẤY LỘN cả.

Alexander đã nghĩ như thế. Anh đã tưởng, ít nhất anh cũng được hưởng phần đắc thắng sau Bước ngoặt. Mọi thứ, anh tưởng vậy, thế là xong. Cái gọi là nghiên cứu khoa học, chỉ đúng nửa vời và cũng chỉ chứa đôi phần tâm huyết mà bố anh đã mổ cò về lịch sử phong trào công nhân Đức ấy, Alexander đinh ninh, chắc chắn sẽ bị cuốn phăng đi trong Bước ngoặt và sẽ không còn dấu vết gì từ cái gọi là công trình của bố anh sót lại nữa.

Nhưng rồi ông Kurt lại lần nữa ngồi xuống chiếc ghế tồi tệ nọ, để tuy già đã ngót tám mươi, vẫn vụng trộm mổ cò nốt cuốn sách cuối cùng của đời ông. Và mặc dù cuốn sách không vang dội thế giới - một cuốn như thế hai chục năm trước, trong đó một người cộng sản Đức thuật lại những năm tháng chịu tù đày ở trại gulag, rất có thể đã vang dội thế giới rồi đấy (song hồi đó ông Kurt hèn, không dám viết những chuyện ấy ra) - vâng, dù cuốn sách không làm rung chuyển thế giới, muốn hay không, nó vẫn là một cuốn quan trọng, một cuốn độc đáo, một cuốn "để đời", một cuốn mà Alexander đã viết không nên và nay chắc cũng không viết được nữa.

Anh có muốn viết không? Chẳng phải anh vẫn bảo đó sao, anh bị sân khấu thu hút, chính vì sân khấu chứa đựng cái gì đó không lâu bền? Hừ, không lâu bền - nghe cũng hay hay; nếu người ta không bị ung thư.

Muỗi nhảy múa loạn xạ dưới ánh nắng, ông Kurt vẫn ngủ say - thế mà thiên hạ cứ bảo người già ít ngủ. Alexander tự nhủ, phải tìm chỗ ngả lưng, chợp mắt một lát.

Anh vừa định rời khỏi phòng thì dòng chữ GIẤY TỜ RIÊNG trên gáy cặp giấy đập vào mắt anh; cái cặp làm anh tò mò từ lâu nhưng chưa dám mở bao giờ, mặc dù hồi trẻ, đến xem trộm tập ảnh chụp các cảnh ái ân của bố anh, anh còn chẳng ngại, mãi đến khi ông Kurt cho lắp ổ khóa khóa chặt cửa tủ mới thôi.

Anh lôi cặp giấy xuống: trong đấy toàn những mảnh giấy ghi chép linh tinh. Các bản sao giấy tờ, trên cùng là tập thư từ, viết bằng mực tím, như trước đây nhiều năm ở Nga người ta vẫn viết.

“Ira vô cùng yêu quý!” (1954)

Alexander lật tiếp... Rõ đúng kiểu bố anh. Đến thư tình ông cũng viết cẩn thận cả hai mặt, chữ viết cực kỳ nắn nót, trang nào trang nấy kín chữ, hàng cách hàng đều đặn đến tận cuối thư, không bao giờ phải co dòng hay phải viết thêm ra lề.. Không biết lão làm thế nào để được như thế? Lại thêm bấy nhiêu lối xưng hô mỹ miều, bóng bẩy đến chóng mặt ông trút lên bà Irina nữa chứ:

“Irina thân yêu, thân yêu, quý giá vô vàn của anh!” (1959)

“Mặt trời của anh, cuộc đời của anh ơi!” (1961)

“Người vợ thân yêu, người bạn đời, người nữ đồng chí của anh!” (1973)

Alexander nhét cặp giấy vào chỗ cũ rồi theo cầu thang lên phòng bà Irina. Anh buông người, ngả lưng xuống chiếc ghế xô-pha lớn phủ một thứ vải như lông gấu, tính chợp mắt một lát. Song lão bác sĩ mặt rỗ trông giống Karajan lại cứ hiện ra trước mắt anh, ngật ngà ngật ngưỡng trên chiếc ghế xoay, như con lật đật được lên dây cót. Mắt kính lấp la lấp lánh, giọng đều đều lặp đi lặp lại mỗi một câu... Thôi, được rồi đấy. Anh phải nghĩ sang cái gì khác mới được. Đã dứt khoát như thế rồi, không phải nghĩ ngợi lôi thôi, không phải thêm thắt gì nữa.

Anh lại mở mắt. Ngắm bầy thú nhồi bông xếp ngay ngắn trên thành ghế xô-pha, theo thứ tự do chị giúp việc định đoạt: con chó này, con nhím này, con thỏ bị sém một bên tai này...

Nhỡ họ nhầm, thì sao nhỉ!

Rõ vớ vẩn, anh nghĩ bụng, bà Irina cho đến cuối đời vẫn một mực nói *phòng của con. Các con lên trên phòng của con mà ngủ,* câu nói ấy tự dưng lại vang lên bên tai anh. Trong khi đó, khó hình dung được còn có căn phòng nào đáp ứng tốt hơn ước mơ thời con gái của bà, một ước mơ, dù muộn mằn, rốt cuộc cũng được toại nguyện: Cả bốn bức tường đều hồng một màu. Chiếc gương kiểu rococo, tuy bị hư hại chút ít, nhưng là thứ thiệt. Cạnh cửa sổ kê chiếc bàn đứng con con sơn trắng, nơi bà Irina có lần đứng tựa vào, lấy dáng trầm ngâm để chụp ảnh. Và mấy chiếc ghế con (dám cũng là kiểu rococo lắm) kê trong phòng, duyên dáng đến mức khó ai dám ngồi lên.

Mà đúng thế thật, mỗi khi thử nhớ đến mẹ trong căn phòng này, anh lại chỉ nhớ bà ở tư thế ngồi bệt dưới nền nhà, vừa mê mẩn một mình nghe giọng Vysotsky[5] rủ rỉ trong băng nhạc, vừa chìm dần cùng ly rượu vào cơn say.

Và kia là máy điện thoại, vẫn cái từ thời Cộng hòa Dân chủ Đức, xưa đặt ở tầng dưới. Vẫn chiếc máy bà từng thầu thào không thành tiếng gọi anh:

- Sashenka. Con. Phải. Đến. Ngay.

Mấy tiếng ấy, từ miệng một bà mẹ người Nga, người từng hết sức hãnh diện vì *trong đời chưa bao giờ* nhờ vả con điều gì ấy:

- Sashenka. Con. Phải. Đến. Ngay.

Sau mỗi tiếng, thinh không lặng đi rất lâu, đến mức người nghe ở đầu dây kia đã toan đặt ống nghe, vì ngỡ đường dây bị đứt tự lúc nào.

Còn anh? Anh đã nói gì nhỉ?

- Mẹ thôi không uống thì con đến.

Anh đứng dậy, bước đến chiếc bàn đứng sơn trắng chứa khá nhiều ngăn kéo bí mật ở bên hông. Bà Irina mất rồi mọi người mới tìm thấy chỗ bà giấu rượu ở đây. Anh kéo ngăn ra, lục lọi tứ tung trong đó như con nghiện rồi thôi, lại buông người xuống ghế xô-pha. Chẳng còn chai nào ở đây nữa.

Hay lúc ấy anh bảo "say" nhỉ? Mẹ thôi không say thì con đến?

Hai tuần sau anh đánh xe đến Nhà tang lễ để lay mẹ dậy... Không phải thế, anh đến đấy vì còn phải làm xong mấy thứ giấy tờ gì đó. Nhưng, lúc đã ra ngoài phố, một ý nghĩ bỗng nảy ra và bám chặt lấy anh, anh chỉ cần *nói* với mẹ đôi lời là mẹ khắc thức dậy. Anh đi bách bộ mấy vòng quanh khu nhà, cố xua ý nghĩ ấy đi mà không được, đành bước vào trong, khăng khăng đòi nhìn mặt mẹ lần cuối, bất chấp lời người ta khuyên anh nên gìn giữ hình ảnh mẹ như khi bà "còn sống" thì hơn.

Rồi họ đẩy xe đưa bà vào. Họ kéo rèm. Anh đứng bên thi thể mẹ, được khâm liệm cẩu thả. Phải nhận là trông cũng giống mẹ anh đi (trừ khuôn mặt quá nhỏ và các nếp nhăn trông như nếp đàn gió trên môi bà). Anh đứng cạnh bà, nhưng không dám nói gì với bà trước mặt hai tay nhân viên nhà đòn dỏng tai đứng sát sạt sau tấm rèm, sát đến nỗi giày họ thò ra ở mép rèm phía dưới. Cũng để gọi là có làm cái gì đó, anh chạm vào tay mẹ - và cảm thấy ngay tay bà lạnh, lạnh như miếng thịt gà lấy từ tủ lạnh ra vậy.

Không, họ không nhầm. Họ có ảnh X-quang, cả chụp cắt lớp CT. Kết quả xét nghiệm, kết luận rõ ràng: U lympho không Hodgkin, loại u phát dần dần. Cho đến nay - cách nói rõ tế nhị (!) - chưa có biện pháp điều trị nào hiệu quả.

- Như thế, nếu tính năm, thì được bao nhiêu?

Và lão bác sĩ ấy xoay đi xoay lại mãi, lâu vô tận, trên chiếc ghế lão đang ngồi, với vẻ mặt như thể bất mãn lắm vì phải trả lời thứ câu hỏi như thế:

- Tôi không thể dự đoán cho anh được.

Và giọng lão nghe khò khè, như tiếng máy thở ôxy của ông già nằm trong góc phòng.

Mốc thời gian. Mười hai năm: Bước ngoặt. Thời gian lùi xa, không nắm bắt được nữa. Tuy thế, anh vẫn cố mường tượng xem, mười hai năm có nghĩa là bao nhiêu nhỉ.

Rõ ràng là mười hai năm trước Bước ngoặt đối với anh dài hơn mười hai năm sau Bước ngoặt rất nhiều. Năm 1977 - đúng là xa xưa lắm rồi! Nhưng năm 1989 lại khác, vụt một cái, qua một bến xe điện chứ mấy, thế mà bao nhiêu chuyện đã xảy ra, đúng không?

Anh đã bỏ đi, rồi quay về (mặc dù đất nước anh trở về đã biến mất). Anh xin được việc làm với lương bổng hậu hĩnh tại một tạp chí về võ thuật (rồi lại bỏ). Mắc nợ (rồi cũng trả được hết). Đã toan làm phim (thôi quên nó đi).

Bà Irina mất, đã *sáu năm*.

Anh đã dựng mươi mười hai vở kịch gì đó (ở toàn nhà hát hạng làng nhàng), từng đến Tây Ban Nha, Ý, Hà Lan, Mỹ, Thụy Điển, Ai Cập

(nhưng Mexico thì chưa), ăn nằm với cả đống đàn bà (tên họ tuổi tác thế nào, anh chẳng nhớ nữa), rồi sau một dạo loăng quăng đây đó, lại dính vào một mối quan hệ có vẻ bền chặt...

Làm quen với Marion, đã *ba năm*.

Bây giờ nhìn lại, thấy cũng chẳng phải là gần lắm.

Anh chợt nhớ mình đã định báo cho cô ấy biết. Ít gì, cô cũng đã là người duy nhất vào viện thăm anh - mặc dù anh đã cấm cô đến thăm. Nhưng rồi anh cũng phải nhận là chuyến viếng thăm ấy chẳng đến nỗi nào. Không, cô ấy không quá ư lo lắng như anh e ngại, không tìm cách nói gì đó làm anh vui. Cũng không mang theo hoa hoét gì, mà là xa-lát cà chua. Làm sao cô ấy biết anh đang thèm cái gì nhỉ? Làm sao cô ấy biết anh sợ kinh người phải nhận hoa trong bệnh viện nhỉ?

Hay, hỏi khác đi: Tại sao anh không đủ sức yêu Marion? Già quá ư? Tại cô ấy ngang tuổi với anh. Hay tại hai ba dây tĩnh mạch xanh nhờ nhờ ở đùi cô ấy? Hay tại anh?

"Irina thân yêu vô vàn của anh!... Mặt trời của anh! Cuộc đời của anh ơi!"

Anh chưa bao giờ viết như thế cho người đàn bà nào. Viết như thế là viết theo lối cổ ư? Hay ông Kurt yêu bà Irina thật? Chẳng lẽ lão chó già thông thái rởm ấy, cỗ máy mang tên Kurt Umnitzer ấy, cũng biết *yêu* thật sao?

Ý nghĩ ấy nảy ra trong đầu làm anh bỗng buồn nôn, phải chồm ngay dậy.

Lúc anh lần cầu thang đi xuống, thì đã quá hai rưỡi một lát. Ông Kurt vẫn còn ngủ. Anh biết Marion lúc này đang bận trong vườn, gọi điện giờ còn sớm quá. Anh đành gọi phòng vé. Lúc đầu anh đã định ra thẳng sân bay, nhưng sau lại thôi, để gọi điện; họ nối điện thoại cho anh tới chỗ này chỗ kia, mãi mới nối được nơi cần hỏi. Song anh lại ngập ngừng khi nghe nói, anh có muốn đặt vé ngay cho chuyến bay ngày mai cũng không khó khăn gì. Với điều kiện anh có thẻ tín dụng.

Thẻ thì anh có.

- Ông định thế nào, đặt vé ngay hay không ạ, người đàn bà ở đầu dây kia hỏi bằng một giọng không phải không lịch sự, những đủ cho thấy bà không muốn nhùng nhằng mãi vì chuyện vớ vẩn như thế này.

- Vâng, tôi đặt ngay, anh đáp, rồi đọc số thẻ tín dụng.

Lúc anh đặt ống nghe xuống là 14 giờ 46 phút. Anh đứng yên giây lát trong cảnh nửa tối nửa sáng, đợi xem có cảm xúc gì dâng lên không. Chẳng thấy gì. Chỉ văng vẳng trong đầu giai điệu từ đĩa nhạc bằng nhựa cổ lỗ của bà nội Charlotte, cái đĩa khi chuyển nhà đã tuột khỏi tay anh, rơi xuống mặt đường, vỡ tan thành ngàn mảnh vụn:

México lindoy querido
Si muero lejos de ti...

Bài hát của "xương cá vàng". Tiếp theo thế nào ấy nhỉ? Anh không nhớ nữa. Không biết còn tìm thấy đĩa ấy ở Mexico hay không? Sau những nửa thế kỷ?

Anh vào "cỗ quan tài xanh", vơ mấy ly cà phê bẩn đem vào bếp. Đứng bên cửa sổ bếp một lúc, nhìn ra vườn. Như thể ít nhất cũng phải dành một giây phút nhớ đến bà ngoại, anh đưa mắt tìm cái chỗ giờ bị cỏ mọc cao che khuất, hồi xưa bà Nadya vẫn đứng khom lưng hàng giờ chăm đám dưa chuột của bà... Song, anh chẳng thấy ai. Bà Nadya biến mất tăm tự bao giờ.

Anh lôi thùng đồ nghề để trong góc bếp ra, xách vào phòng ông Kurt.

Trước hết, anh lấy hộp bàn cờ dựng phía bên trái Lenin khỏi tủ sách rồi mở ra. Đoạn anh mở tiếp cặp giấy mang dòng chữ GIẤY TỜ RIÊNG, lấy một tập trong đó nhét vào hộp bàn cờ vừa mở. Vào bếp, anh tìm một túi ni-lông màu trắng khá lớn nhét bàn cờ vào đó. Anh làm như máy, lặng lẽ, dứt khoát, như thể đã dự định từ lâu.

Tiền, anh nghĩ bụng, lát nữa cũng cho vào túi này.

Đoạn anh lục lọi trong thùng đồ nghề, vớ được chiếc đục gỗ đã cũ, thọc nó vào khe cửa tủ bị khóa ở gầm bàn. Nghe răng rắc, gỗ toác ra. Cứ tưởng dễ mở, hóa ra anh phải lôi hết các ngăn kéo một bên tủ ra thì tấm gỗ ngăn giữa mới chịu bục để anh mở nốt cánh cửa còn lại. Tranh ảnh cũ. Bộ bài với các quân bài in hình gợi dục. Băng video. Vài tạp chí cùng loại đó... Anh không nhầm, cái hộp nhựa dài màu đỏ đựng phim đèn chiếu đây rồi. Hồi trước, có mỗi một lần duy nhất anh mở trộm cái hộp này, giơ tấm phim đèn chiếu tốt nhất lên ánh sáng, nhận ra mẹ mình, quần áo nửa kín nửa hở, đang ở tư thế rất khêu gợi, liền hốt hoảng nhét vội vào chỗ cũ.

Anh vào buồng tắm lấy chiếc giỏ chứa quần áo bẩn rồi nhét toàn bộ số đồ đạc kia vào đấy.

Chiếc lò sưởi đốt than cuối cùng còn lại ở nhà này nằm trong phòng khách lớn. Từ đời nào đời nào đến giờ, chẳng ai ngó ngàng đến nó. Alexander lôi báo cũ cùng đôi tấm gỗ đứng chặn sách từ trên tủ sách Thụy Điển của ông Kurt xuống, lấy lọ dầu rán trong bếp lên phòng... Vò báo, nhúng vào dầu, rồi châm lửa...

Ông Kurt bỗng hiện ra giữa khung cửa. Vui vẻ. Tươi tỉnh. Đôi chân gầy khẳng khiu đâm xuống từ ống quần tã. Tóc dựng đứng, rối bời ngang dọc, hệt như nhánh cành trên cây táo ngoài sân. Ông tò mò tập tễnh bước đến gần.

- Con đốt chỗ ảnh của bố, Alexander nói.

- Ừ, ông Kurt đáp.

- Bố nghe con nói này, con sẽ đi xa. Bố hiểu không? Con đi xa, chưa biết bao lâu. Bố hiểu không?

- Ừ, ông Kurt nói.

- Vì thế con đốt đi, để không ai tìm thấy nữa.

Ông Kurt không tỏ vẻ gì ngạc nhiên. Ông ngồi xổm bên cái giỏ cạnh Alexander, ngó vào lò. Lửa bắt đầu bén và Alexander ném dần từng lá bài vào lửa. Xong đến ảnh, rồi chỗ tạp chí... Anh nghĩ bụng chốc nữa sẽ vứt mấy cuộn băng video vào thùng rác ngoài đường, nhưng số phim đèn chiếu thì phải đốt. Nhưng, cái hộp đâu rồi nhỉ?

Anh nhìn quanh: ông Kurt đang cầm cái hộp trên tay. Ông chìa nó cho anh.

- Sao hả bố? Bố đưa con làm gì? anh hỏi ông.

- Ừ, ông Kurt đáp.

- Bố biết cái gì đây không? anh gặng hỏi.

Ông Kurt căng óc nghĩ, xoa xoa tay lên hai bên thái dương, như hồi xưa, mỗi khi ông muốn tìm một từ nào đấy. Như thể xoa như thế điện sẽ lóe lên trong đầu ông, một xung điện cuối cùng.

Bỗng ông thốt lên:

- Irina.

Alexander lặng nhìn bố, nhìn sâu vào mắt ông. Đôi mắt ông xanh. Một màu xanh trong sáng, và trẻ trung. Quá trẻ trung, cho một gương mặt nhăn nheo như thế này.

Anh đón cái hộp từ tay bố, đập đập cho phim rơi ra. Vốc từng vốc, tung hết vào lửa. Số phim đèn chiếu cháy, vèo vèo, không thành tiếng.

Anh mặc quần áo cho bố, chải đầu, rồi cạo râu cho ông ở những chỗ cô y tá làm dịch vụ chăm người già để sót lại lởm chởm. Rồi pha cà phê (bằng máy, cho ông Kurt). Chẳng buồn hỏi xem bố muốn uống hay không. Sau đó là đến lúc đi dạo. Ông Kurt đã lon ton chạy ra cửa, như chú chó con quen lệ đòi dẫn đi chơi bằng được.

Hai bố con đi bách bộ dọc theo đường *ra bưu điện* của ông Kurt, như trước đây ông vẫn gọi, mặc dù đường đến bưu điện chỉ chiếm một đoạn rất ngắn trong quãng đường hằng ngày ông vẫn đi. Dẫu thế, lúc nào

ông Kurt cũng nói to *bố ra bưu điện tí nhá* trước khi rời khỏi nhà. Sau này, đến lúc chẳng còn gì để mang ra bưu điện nữa, ông vẫn tiếp tục *ra bưu điện*. Chính nhờ cái thói máy móc ấy của ông mới có hai mươi bảy nghìn đồng mác nằm trong két bạc ngầm kia. Bởi vì, suốt một dạo dài ông Kurt vẫn nhớ mã số để rút tiền từ máy. Và vì chẳng còn gì để làm ở bưu điện, ông đành rút tiền vậy. Mỗi lần một ngàn mác. Song có một lần ông lấy hẳn tám nghìn nhét ví. Alexander phải lấy cho vào két, cho nên cũng chỉ một mình anh biết có số tiền nằm ở đó.

Hai người đi dọc phố Fuchsbau, ngang qua nhiều nhà hàng xóm mà trước đây ai anh cũng quen. Đây là nhà ông Horst Mählich, người suốt đời đinh ninh ông Wilhelm là điệp viên Xô-viết cỡ bự và đến lúc chết vẫn khăng khăng ông bị ám hại chứ không phải chết bình thường. Kia, nhà lão Bunke mật thám Stasi[6]. Sau Bước ngoặt lão còn trồng rau vài năm ở đây và lúc nào cũng ới qua hàng rào xởi lởi chào hỏi người qua đường. Rồi lão lặn mất tăm. Kia nhà ông thầy thể dục Schroter, kia nhà ông bác sĩ từ bên Tây sang và kia, ở cuối phố, nhà ông bà nội anh. Ngôi nhà đã được "hoàn sản". Bây giờ ở đấy là người cháu gọi chủ nhà cũ bằng ông, vốn là một tay quốc xã hạng vừa, nhờ làm chủ xưởng sản xuất ống nhòm cho quân đội mà giàu lên. Kẻ kế thừa đã sửa sang ngôi nhà, quét vôi mới. Hiên nhà đồ sộ xây bằng đá tự nhiên, hồi trước do bị ông Wilhelm bồi quá nhiều bê-tông mà sập, nay được tân trang lại như cũ. Và toàn bộ hàng hiên bây giờ lắp kính, cửa sổ nào cũng được trang trí đủ thứ lạ mắt, khiến Alexander khó tin được chính anh từng ngồi ở đó với bà nội Charlotte hóng chuyện kể về xứ Mexico của bà.

Hai người rẽ vào phố Steinweg. Ông Kurt phì phò thở thành tiếng, đi gập cả người song vẫn bước đều. Chính ở đây, trên mặt đường nhựa phẳng lì, bọn anh từng trượt pa-tanh, từng lấy phấn vẽ đầy mặt phố. Đằng

kia là cửa hàng thịt, nơi mẹ anh vẫn từng nhắm mắt mua ào mấy gói thịt được gói sẵn cho bà ở phòng trong. Kia vốn là Hiệu sách nhân dân, giờ thành đại lý du lịch. Tiếp theo là cửa hàng hàng tiêu dùng, gọi tắt là Konsum (sự thực chẳng dính dáng mấy đến hàng tiêu dùng); anh chỉ còn nhớ mang máng, hồi xưa lắm rồi, ở đây có bán sữa bằng tem phiếu.

Cuối cùng là bưu điện.

- Bưu điện đấy, bố ạ, Alexander nói.

- Ừ, ông Kurt đáp.

Rồi họ không nói gì thêm nữa.

Hai người trèo lên phía tháp nước trên đỉnh đồi. Đứng ở đây nhìn cảnh phía sông Havel rất đẹp. Hai bố con ngồi xuống chiếc ghế băng, lặng lẽ rất lâu nhìn nền trời đang nhuốm dần sắc đỏ.

NĂM 1952

Cuối năm hai anh chị đi nghỉ vài ngày bên bờ Thái Bình Dương. Một chiếc xe tải chở cà phê đưa họ từ sân bay đến Puerto Ángel[7].Bạn bè mách họ chỗ này: ngôi làng thơ mộng, vịnh nước đẹp như tranh, đã vách đá, còn thêm thuyền đánh cá thả neo.

Lờ bệ bê-tông xây làm nơi bốc dỡ cà phê đi thì cái vịnh đúng đẹp thật.

Còn ngôi làng: khoảng hai mươi, hai nhăm nóc nhà gì đó, một trạm bưu điện hiu quạnh và một ki-ốt nhỏ bán tạp hóa, có cả rượu.

Nơi độc nhất cho thuê là ngôi nhà vườn nhỏ tí (bà chủ người gốc Tây Ban Nha gọi đây là "bungalow"); nhưng dù sao cũng lợp ngói. Bên trong nhà, dưới tấm màn chống muỗi thả từ nóc xuống (bà chủ gọi là "pavilion", đình hóng mát) có kê một chiếc giường sắt, với hai chiếc bàn con đặt hai bên. Cột nhà có đinh đóng, treo vài ba chiếc mắc áo.

Phía trước "bungalow" là hiên nhà có mái che, hai chiếc ghế đu đã lung lay và chiếc bàn nhỏ.

- Chà, đẹp thế này còn gì, Charlotte nói.

Chị cố tình lờ mấy con dơi đậu chúc đầu dưới mái chìa, đúng hơn là ngay trong phòng, bởi ở vùng này, người ta chừa một khoảng trống khá

rộng từ tường đến mái nhà. Chị cũng lờ cả con lợn khoang ụt ịt đang luẩn quẩn trong sân, bới tung đất ở xung quanh túp lều bằng gỗ mà bà chủ gọi là buồng tắm.

- Chà, đẹp thật. Mình nghỉ lại đây, anh ạ.

Wilhelm gật đầu, mệt mỏi ngồi xuống chiếc ghế đu. Ống quần anh hếch cao lên, thò ra ống chân gầy gò, nhợt nhạt. Vốn đã gầy, mấy tuần gần đây anh lại giảm thêm năm sáu ký gì đó. Chân tay khẳng khiu của anh trông cũng giống như khung chiếc ghế đu anh đang ngồi.

- Rồi ta sẽ đi chơi quanh đây vài chuyến, Charlotte hứa hẹn.

Thế nhưng, hầu như chẳng có gì đáng gọi là "vùng quanh đây" cả.

Duy có một lần hai anh chị, cũng lại bám xe chở cà phê, đến Pochutla[8] gần đấy và ghé cửa hàng người Tàu. Wilhelm hờ hững đi lại một lúc lâu trong cửa hàng chồng chất hàng hóa rồi dừng lại lơ đãng nhìn một con ốc to, vỏ đánh bóng loáng.

- Hai nhăm peso[9], anh Tàu nói.

Chà, cũng bộn tiền đây.

- Anh vẫn muốn một con như thế này còn gì, Charlotte nói.

Wilhelm nhún vai.

- Chúng tôi mua con này, Charlotte bảo.

Rồi trả tiền, không mặc cả.

Một lần khác họ bách bộ đến Mazunte[10]. Bãi biển ở đâu chả ít nhiều giống nhau; nhưng bãi ở Mazunte khác nơi khác ở chỗ đầy những vết gì đen đen. Một lát sau, khi chứng kiến vài ba ngư dân xúm nhau lột mai một con rùa đang sống nguyên thì họ mới vỡ lẽ vết đen đen đó ở đâu ra.

Họ không đến Mazunte lần nào nữa. Xúp thịt rùa họ cũng không bao giờ ăn nữa.

Rồi cũng đến giao thừa. Cánh đàn ông trong làng bỏ công bao nhiêu ngày hò hét bốc vác cà phê bây giờ mới được trả lương. Khoảng ba giờ chiều ai nấy đều say, đến sáu giờ thì bất tỉnh hết cả lượt. Trong làng ắng lặng. Mọi thứ im lim, chẳng thấy bóng một ai. Cũng như mọi tối, Charlotte cùng Wilhelm nhen một đống lửa nhỏ bằng số củi giá vài peso họ thuê gã *mozo*[11] gom giúp.

Trời tối rất nhanh, đêm rất dài.

Wilhelm rít thuốc.

Lửa cháy xèo xèo.

Charlotte làm ra vẻ để ý đến đám dơi bay vụt qua vụt lại không thành tiếng, như sao sa trước ánh lửa.

Đúng mười hai giờ đêm, hai người uống sâm banh bằng cốc uống nước thường và ăn hết chỗ nho dành riêng cho mỗi người: theo phong tục vùng này, người ta ăn đúng mười hai quả nho vào lúc giao thừa. Mười hai điều ước - mỗi tháng một điều.

Wilhelm cho một lúc cả vốc nho vào miệng.

Trước hết Charlotte ước Werner còn sống. Chị dành liền một lúc ba quả cho điều ước này. Thằng Kurt còn sống, chị đã nhận được thư của nó. Trong thư không thấy nó đả động đến lý do, nhưng thằng này chẳng biết làm thế nào đã lại lang bạt tận đâu đó ở vùng Ural bên Nga, rồi lấy vợ ở đấy. Chỉ có Werner là không tin tức gì. Bất chấp mọi cố gắng liên lạc của Dretzky. Bất chấp bao lần hỏi thăm ở Hội Chữ thập đỏ. Bất chấp mọi đơn từ chị nộp ở Lãnh sự quán Liên Xô; kể từ lá đơn đầu tiên đến giờ đã là sáu năm rồi.

- Nữ công dân, xin chị bình tĩnh. Rồi mọi sự sẽ đâu vào đấy.

- Thưa đồng chí, tôi là đảng viên cộng sản, tôi chỉ muốn biết liệu con tôi còn sống hay không.

- Chị là đảng viên không có nghĩa là chị được ưu tiên đâu ạ.

Đồ mặt lợn. Ngữ như mày phải đem xử bắn mới hả. Chị cắn nghiến một quả nho để ước điều này.

Thêm cả Ewert và Radovan, dành mỗi người một quả.

Một quả, dùng để đổi hình phạt thành bệnh thương hàn. Thứ thương hàn có thể chữa lành được. Quả này, để thương hàn lây sang mụ Inge, vợ lão Ewert, vừa leo lên chức Tổng biên tập.

Thế nào mà giờ còn lại mỗi ba quả. Phải hượm hượm mới được.

Quả thứ mười để chúc sức khỏe tất cả bạn bè chị. Nhưng ai là bạn chị?

Quả thứ mười một: cho tất cả những ai bị mất tích. Như mọi năm chị vẫn ước.

Còn quả thứ mười hai... cứ thế là cắn, chẳng ước chẳng mong gì. Chả kịp nữa.

Thật ra, có ước ao cũng vô ích. Đã năm lần rồi, chị ước năm sau hai anh chị sẽ được quay về Đức. Nào được tích sự gì đâu, họ vẫn nằm chết gí ở đây.

Chết gí ở đây, trong khi ở bên kia, tại quốc gia mới ấy, bọn họ đang chia nhau ghế.

Hai hôm sau họ quay trở lại Mexico City. Thứ Tư, họp ban biên tập, như thường lệ. Wilhelm tuy không được bầu vào ban lãnh đạo nữa, nhưng vẫn giữ chân trước đây ở tạp chí *Bưu điện dân chủ,* tức là chân kế toán, thủ quỹ, góp tay lúc lên khuôn cũng như giúp phát hành số ấn bản đã co lại chỉ còn vài trăm.

Song cả Charlotte cũng cảm thấy có trách nhiệm phải dự họp. Ban biên tập họp mỗi tuần một lần và mọi người không ai rõ đây có phải đồng thời cũng là phiên họp chi bộ Đảng hay không. Nhóm càng thu nhỏ, mọi thứ càng lẫn lộn: chi bộ, ban biên tập, ban điều hành.

Cả thảy còn lại bảy người, ba trong "ban lãnh đạo", đúng hơn là hai thôi, kể từ ngày Wilhelm không tái đắc cử.

Charlotte nhẫn nhục ngồi cuối dự hết cuộc họp và không sao đủ sức nhìn thẳng mặt Radovan. Con mẹ Inge Ewert nói năng vớ vẩn, chẳng biết

mặt giấy là bao nhiêu, lẫn lộn cả cột lẫn hàng. Nhưng chị cố nén, không chen lời, cũng không bàn thêm gì; đến cả lỗi in trong bài báo họ đưa chị sửa chị cũng lờ đi, để các đồng chí ở Berlin biết, từ ngày họ loại chị khỏi chân Tổng biên tập, tờ tạp chí đã tụt hạng đến mức nào.

Họ bãi nhiệm chị với lý do "vi phạm kỷ luật Đảng". Chị không còn cách nào khác là phải viết báo cáo gửi Dretzky. Lỗi "vi phạm kỷ luật Đảng" của chị chẳng qua là đúng ngày 8 tháng Ba, tức là ngày Quốc tế phụ nữ, chị lên trang bình luận ca ngợi luật nam nữ bình quyền của Cộng hòa Dân chủ Đức, bất chấp việc đa số ban biên tập trước đó đã bác đề nghị ấy của chị, với lý do nó "không hấp dẫn". Thật ra, chính *chê như thế* mới đáng gọi là chuyện tai tiếng chứ.

Chị còn báo cáo thêm chuyện Ewert mang tâm lý "thất bại chủ nghĩa" đối với các vấn đề hòa bình, cũng như Radovan vi phạm các chủ trương Dretzky hồi đến Mexico đã đề ra cho một nhiệm vụ chính trị hết sức tế nhị ở xứ này là tranh thủ người Do Thái (tạp chí *Bưu điện dân chủ* vẫn còn khá nhiều độc giả người Do Thái trung lưu).

Vâng, chị biết, báo cáo thế là chơi không đẹp. Nhưng mà buộc chị tội "vi phạm kỷ luật Đảng" là chơi đẹp ư?

- Đến cuối tháng Hai chị viết đôi lời cho trang văn hóa được không?

Đấy là tiếng gã Radovan.

- Độ trang rưỡi, chị ạ, về những chuyện của địa phương đây.

Charlotte gật đầu rồi nguệch ngoạc viết gì đó vào sổ tay. Có nghĩa là tôi không còn đủ tin cậy để viết cho phần chính trị nữa chứ gì?

Tối đến, chị mở nước để tắm bồn, việc gần như đã thành lệ vào mỗi ngày họp ban biên tập.

Ngày thứ Năm và thứ Sáu chị lên lớp phụ đạo tiếng Anh và tiếng Pháp, mỗi ngày ba tiết (số tiền chị kiếm được trong hai ngày dạy thêm này còn nhiều hơn Wilhelm kiếm một tuần ở *Bưu điện dân chủ)*.

Thời gian còn lại, trước khi Wilhelm về, chị nằm đu đưa trong võng bạt treo trên sân thượng, sai cô hầu gái đưa hạt dẻ và nước xoài lên đấy rồi chăm chú lật sách đọc về lịch sử châu Mỹ ở thời trước khi Colombo đặt chân. Chẳng ai hoạnh họe gì chuyện này, chị vẫn chống chế với lý do chị phải đọc để viết bài cho trang văn hóa.

Cuối tuần, như thường lệ, Wilhelm đọc báo *Nước Đức mới (Neues Deutschland - ND)*. Báo được đóng thành kiện gửi hai tuần một từ Đức sang. Bởi vì cả tiếng Tây Ban Nha lẫn tiếng Anh anh đều mù tịt, cho nên *ND* là thứ duy nhất cho anh đọc. Anh đọc từng dòng, đến tận tối mịt, trừ hai lần, mỗi lần nửa tiếng, dẫn chó đi dạo.

Charlotte lo việc nội trợ, bàn bạc với Gloria, cô hầu gái, về thực đơn tuần tới, xem xét hóa đơn rồi tưới hoa. Đã từ lâu chị trồng một cây hoa quỳnh trên sân thượng. Chị mua cây hoa từ mấy năm trước, nhưng lại thầm mong sẽ không bao giờ phải thấy ngày quỳnh nở.

Sáng sớm thứ Hai Wilhelm đã lao đến xưởng in, còn Charlotte gọi điện cho Adrian, hẹn gặp anh vào buổi trưa.

Từ lâu, Adrian đã hẹn đưa chị đi xem bức tượng nữ thần Coatlicue khổng lồ. Anh cũng đã nhiều lần kể chị nghe về vị nữ thần đất này của dân

Aztek, chị còn thấy cả một tấm ảnh chụp bức tượng. Trông đến ghê cả người. Gương mặt nữ thần do hai đầu rắn nhìn nghiêng ghép lại một cách kỳ quái, khiến mỗi con rắn chỉ có một con mắt và hai chiếc răng. Đầu lâu Huitzilopochtli, con trai nữ thần, thò ra từ trong lòng bà. Quàng quanh cổ nữ thần là vòng đeo kết từ những bàn tay người bị chặt rời và những trái tim moi ra từ lồng ngực, biểu tượng cho lễ vật của người Aztek xưa.

Người ta tìm thấy bức tượng này hơn một trăm năm mươi năm trước dưới lớp đá lát quảng trường trung tâm. Trong lúc nói thế, Adrian vừa nhấp cà phê vừa nhìn Charlotte như nhìn một thí sinh đi thi.

Đây là lần đầu tiên chị đến trường đại học. Chị có cảm giác, mọi thứ ở đây, đến cả mấy tách cà phê trong phòng làm việc của Adrian, đều thiêng liêng thế nào đó. Ngay Adrian, chị cũng thấy như trang nghiêm hơn, vầng trán trông thông thái hơn và đôi bàn tay có vẻ dịu dàng hơn mọi khi.

- Năm 1790 người ta khai quật bức tượng rồi đưa về trường, Adrian nói. Song ông hiệu trưởng hồi đó lại cho chôn nó xuống dưới quảng trường Zócalo. Đào lên chôn xuống như thế ba lần cả thảy, bởi không ai chịu nổi bộ mặt khủng khiếp đó. Ngay cả khi đào lên rồi, bức tượng vẫn đứng khuất hàng chục năm sau tấm bình phong và chỉ được giới thiệu với người xem như một thứ quái vật.

Chị theo chân Adrian qua một trận đồ bát quái gồm cơ man nào hành lang với cầu thang lên xuống, để cuối cùng bước ra sân sau. Adrian nắm vai Charlotte, nhẹ nhàng xoay chị một vòng ra sau. Ngang tầm mắt, chị nhìn thấy ngay đôi bàn chân bức tượng thần Coatlicue. Thế mà chị cứ tưởng bức tượng cao ngang đầu người là cùng. Chị thận trọng ngước nhìn lên bức tượng cao gần bốn thước rồi nhắm ngay mắt lại, quay đi.

- Cái đẹp của bức tượng là ở chỗ, cái khủng khiếp được che đậy dưới vỏ thẩm mỹ vậy, Adrian trầm ngâm nói.

o0o

Tháng Giêng chị viết xong hai trang bàn về mối quan hệ biện chứng trong khái niệm cái đẹp ở nền nghệ thuật của dân Aztek.

Sang tháng Hai, bài viết của chị bị toàn thể ban biên tập, kể cả Wilhelm, nhất trí gạt đi, với lý do *lý thuyết quá*.

Tháng Ba bắt đầu mưa, hoàn toàn ngoài dự kiến, và Adrian ngỏ lời cầu hôn chị.

Chị chẳng có gì với Adrian. Song với Wilhelm chị cũng chẳng còn gì nốt; bởi anh này từ ngày ra khỏi ban lãnh đạo đảng, không còn ham hố tình dục nữa.

Hai người ngồi trên bậc thang dẫn lên Kim tự tháp Mặt trời của thành Teotihuacán đổ nát. Đây không phải lần đầu chị đi xe với Adrian đến đây. Charlotte phóng tầm mắt vượt khỏi thành phố chết, nhìn ra xa, nơi đồi núi nhấp nhô được gọi là thung lũng Mexico, mặc dù sự thực nó nằm những hai ngàn thước trên cao. Và, chị chợt nghĩ, chị dư sức *vứt bỏ những của nợ ấy đi*.

Thay vào đó, được một lần trong đời thấy hoa quỳnh nở.

Song tối hôm đó về đến nhà, bắt gặp Wilhelm đang ngồi bệt cạnh con chó giữa nền nhà, chị hiểu ngay, chị không thể làm việc ấy.

Ấy là chưa kể, nếu chị ở lại Mexico đây, liệu có bao giờ chị gặp lại các con không?

Ấy là chưa kể, chị định đi dạy con cái bọn nhà giàu đến hết đời thật ư? Hay chị định giữ vai cai quản đám người hầu của một vị giáo sư đại học về hưu vừa góa vợ?

Ấy là chưa kể, vào lúc chị đã bốn chín!

o0o

Tháng Tư có thư ông Dretzky; thật buồn cười ở chỗ thư đề đúng ngày mồng một tháng Tư. Cứ nhìn tiêu đề ở đầu thư thì ông Dretzky này giờ là Thứ trưởng Bộ giáo dục. Ông ta không đả động chút nào đến bản báo cáo của Charlotte; chỉ báo tin ở Lãnh sự quán Liên Xô đang có sẵn hai giấy nhập cảnh cho anh chị và thúc hai người nhanh chóng lên đường về nước nhận nhiệm vụ mới. Charlotte với cương vị Viện trưởng sẽ phụ trách Viện văn học và ngôn ngữ trực thuộc Viện hàn lâm khoa học về Nhà nước và pháp luật sắp thành lập. Còn Wilhelm, như ông Dretzky viết trong thư - do nằm trong số những người gọi là dân phía Tây di cư, cho nên không được nhận vào cơ quan mật vụ mới theo nguyện vọng - sẽ làm Giám đốc điều hành Viện hàn lâm.

Tối hôm đó hai anh chị đi dạo qua quảng trường Almeda, thả mình mặc cho dòng người cuồn cuộn cuốn đi. Từ xa vọng lại tiếng nhạc của một ban nhạc dân gian Mexico, gọi là ban *mariachi* nào đó, và hai anh chị lại ăn bánh tráng bột ngô tortilla với hoa bí đỏ như xưa nay.

Song, mọi sự không phải như xưa nay nữa.

Ba viên cảnh sát cưỡi ngựa chầm chậm, hệt như trong một đoạn phim quay chậm, len giữa đám đông. Cả ba đều đội mũ sombrero rộng vành, vừa to, vừa nặng; to và nặng đến mức như họ đang làm xiếc thăng bằng chứ không phải đội mũ. Chính vì thế trông dáng vẻ các kỵ sĩ vừa đáng nể vừa lố bịch. Họ đại diện cho Nhà nước mười hai năm trước đã cứu sống hai anh chị... Trong đầu Charlotte chợt nảy một ý nghĩ quái đản: mọi thứ chỉ là trò Cá tháng Tư mà thôi. Song, rồi chị lại nghĩ, ông Dretzky định đưa Wilhelm về làm giám đốc điều hành một viện hàn lâm thì không quái đản ư? Cái anh Wilhelm nhà chị nào có biết khỉ gì về công việc điều hành. Mà, nói cho cùng, Wilhelm chẳng biết gì sất. Wilhelm là thợ tiện, có thế thôi.

Mặc dù đã có lần, cũng chỉ là trên giấy tờ, anh ta từng làm đồng giám đốc hãng Xuất nhập khẩu Lüddecke & Co. thật, thế nhưng, một là do trót cam đoan bảo mật đến trọn đời, anh chàng còn không khai điều này vào lý lịch Đảng, hai là cái hãng Xuất nhập khẩu Lüddecke ấy chẳng qua chỉ là một công ty ma do Nga tài trợ để mật vụ của Quốc tế III mượn danh tuồn người tuồn của ra vào mà thôi.

Ở Mexico, Wilhelm mãi không tìm được việc, đến khi tìm được, dù được trả lương rất hậu, thì lại là chân hộ vệ cho một tay buôn kim cương, một công việc không những chạm lòng tự trọng vô sản của anh chàng - vì phải canh giữ mạng sống và tài sản của một gã triệu phú - mà còn khiến anh ta luôn luôn phải tự ti tủi hổ, bởi vì lúc nào anh ta cũng có mặc cảm dường như được trả công cho sự ngu dốt của mình thì phải. Gã Mendel Eder nọ nhận anh ta làm chân hộ vệ, không phải bất chấp anh mù tịt tiếng Tây Ban Nha, mà chính là vì thế. Những lúc phải đôi co mặc cả, gã nhà buôn lấy làm yên lòng hơn khi có một tay hộ pháp câm điếc lầm lì đứng cạnh.

Mãi về sau, khi phần lớn dân lưu vong đã quay lại Đức rồi, Wilhelm mới chuyển sang làm cho tạp chí *Bưu điện dân chủ*. Song, dù trong lý lịch anh khai ở mục công tác cuối cùng đã kinh qua là "Giám đốc điều hành tạp chí *Bưu điện dân chủ*" (và biến chân hộ vệ cho Eder thành chân "khuân vác ở hãng Eder") đi nữa, thì ông Dretzky cũng phải thừa biết không thể nào đem công việc biên nhận tiền thiên hạ quyên góp cho tạp chí *Bưu điện dân chủ* ra so với điều hành cả Viện hàn lâm chứ.

- Giờ hóa ra tôi lại thành cấp trên của cô cơ đấy, Wilhelm vừa nói vừa gõ gõ vào bao cho điếu thuốc tòi ra.

- Đã chắc gì, Charlotte đáp.

Không biết những gì đang diễn trong cái đầu kia của hắn nhỉ?

Đã nhiều lần họ tính chuyện hồi hương, song bao giờ cũng thế, cứ đến phút chót lại gặp trở ngại gì đấy. Lần đầu là vì không xin được giấy phép qua Mỹ. Lần sau vì tiền trong quỹ đi lại đã cạn, phải dành cho nhiều đồng chí khác quan trọng hơn. Rồi đến lượt Lãnh sự quán Liên Xô quả quyết chưa nhận được giấy tờ cho họ; sau lại khăng khăng vì họ nhiều lần bỏ lỡ giấy phép, giờ đành chịu khó chờ lượt sau vậy.

Nhưng lần này mọi việc có vẻ trôi chảy. Ở Lãnh sự quán người ta trao giấy tờ nhập cảnh cho anh chị thật. Họ được xếp chuyến tàu thủy đi thẳng, thậm chí với vé giá rẻ. Thêm vào đó, vé Wilhelm (tại sao lại đúng Wilhelm không biết?) còn được trả bằng tiền trích từ quỹ Đảng, mặc dù giờ hai người đã đủ sức tự chi cho chuyến vượt đại dương.

Charlotte bắt tay lo thu xếp nhà cửa, hủy mọi thứ hợp đồng còn dở dang và đành chịu thiệt, nhượng chậu hoa quỳnh cho cửa hàng hoa với giá rẻ. Bao nhiêu là việc phải làm, nhiều đến mức chị cũng ngạc nhiên. Và mãi đến lúc này chị mới nhận ra chị đã nhập sâu vào cuộc sống nơi đây đến mức nào; mỗi cuốn sách chị phải ngẫm đi ngẫm lại xem nên mang theo hay để lại, mỗi vỏ ốc, mỗi vật kỷ niệm con con chị phải xoay đi lật lại xem nên gói giấy báo đem về hay vứt bỏ, mọi thứ đều gắn liền với một kỷ niệm nào đó của đoạn đời đang đến hồi kết ở đây. Song, trong khi cân nhắc xem thứ này thứ nọ còn dùng được không ở cuộc sống mới, trong đầu chị cũng hình thành dần một bức tranh mơ hồ về cuộc sống mới ấy.

Hai anh chị sắm năm chiếc thùng lớn đựng quần áo, chuyển một phần của cải nhỏ nhoi của họ thành ít đồ trang sức bằng bạc, và với số tiền còn lại, mua một lô những thứ họ e sẽ khó lùng ở nước Đức hậu chiến, như chiếc máy chữ xách tay Thụy Sĩ (có điều bị thiếu mất chữ cái "ß") chẳng hạn, hay hai bộ bát đĩa bằng nhựa cứng hết sức tiện lợi, một cái lò nướng bánh nhỏ, vô số chăn vải bông in các mẫu hình của thổ dân da đỏ, năm chục hộp cà phê tan Nescafe cũng vô cùng tiện lợi, hơn hai cây thuốc lá, thêm vào đó là vô số quần áo mà họ đinh ninh sẽ hợp cả thời tiết lẫn cương vị xã hội mới của họ. Thay cho số áo xống mỏng, sáng màu mặc mùa hè, giờ Charlotte thử đóng bộ thứ áo sơ-mi cài kín cổ và vài bộ âu phục kín đáo với các tông màu xám khác nhau; chị đi uốn tóc rồi sắm một cặp kính không quá choáng nhưng đủ sang trọng, có cái gọng mảnh mai màu đen mà những khi chị đứng trước gương thử ánh mắt một vị nữ viện trưởng, luôn tạo cho gương mặt chị vẻ nghiêm khắc đáng tin cậy.

Và, tuy vẫn ăn mặc như xưa, nhưng mang kính mới và mái tóc mới, chị đến gặp Adrian một lần nữa, lần cuối cùng. Hai người, như mọi khi, đến một tiệm ăn nhỏ ở Tacubaya, nơi chỉ bất tiện duy nhất một điều là

nằm quá gần Lãnh sự quán Liên Xô. Adrian gọi hai ly rượu vang trắng cùng món ớt tây nhồi thịt *chiles en nogada* và trong khi chờ nhà hàng dọn món, anh hỏi Charlotte đã biết tin Slánský[12] bị kết án tử hình chưa.

- Sao anh lại hỏi thế, chị khẽ hỏi.

Thay vì trả lời, Adrian nói thêm:

- Cả mười người khác nữa - về tội chủ trương phục hồi nhà nước Do Thái.

Rồi anh lôi tờ *Herald Tribune* đặt lên bàn.

- Đây, em đọc đi, anh nói.

Nhưng Charlotte không muốn đọc.

- Đây chính là bằng chứng, Adrian vừa nói vừa gõ gõ ngón tay trỏ lên tờ báo, cho thấy không có tí ti thay đổi nào hết.

- Em xin anh, anh nói khẽ chứ, Charlotte nói nhỏ.

- Thấy chưa! Chưa gì em đã sợ! Không biết về bên ấy rồi sẽ thế nào?

Thức ăn được dọn ra, nhưng Charlotte chẳng thiết ăn gì nữa. Hai người ngồi im lặng một lúc lâu trước đĩa ớt tây nhồi thịt. Rồi Adrian cất tiếng:

- Charlotte ạ, chủ nghĩa cộng sản, cũng như tín ngưỡng người Aztek ngày xưa vậy, đều đòi con người ta hiến máu cả.

Charlotte giật phắt ví xách tay chạy vọt ra ngoài phố.

Năm ngày sau họ xuống tàu, con tàu sẽ đưa họ về châu Âu. Đúng vào giây phút nhổ neo và sàn tàu dưới chân chị hơi chao đi, có lẽ chỉ vài ly thôi, đôi chân chị bỗng mềm nhũn khiến chị phải lấy hết sức bám chặt hàng lan can. Cơn yếu lòng kéo dài chừng một phút, nhưng Wilhelm không hay biết gì.

Bờ biển mờ dần trong sương, con tàu quay mũi ra đại dương rồi lên đường, để lại sau một vệt dài thẳng băng trên mặt nước. Gió mát rượi, trên boong tàu dây căng buồm rung bần bật và chẳng mấy chốc xung quanh họ đã miên man một màu xám vô tận, kéo lên tận chân trời ở mọi hướng.

Ngày đã dài, đêm còn dài hơn. Charlotte mất ngủ, lúc nào cũng mơ độc giấc mơ Adrian dẫn chị đi xem một viện bảo tàng xây ngầm dưới đất. Và lần nào chị cũng choàng tỉnh rồi không ngủ tiếp được nữa. Chị nằm chong mắt hàng giờ trong bóng tối, cảm nhận từng bước oằn mình vươn tới, từng pha chòng chành của con tàu, thấm thía từng cơn thân tàu run lên cùng gió giật. Cả mười người khác nữa, Adrian bảo thế. Tại sao chị không đọc nhỉ, cũng để xem xem đấy là tên những ai chứ? Toàn câu hỏi là câu hỏi. Không biết thằng Kurt nhà chị làm gì ở tận Ural ấy? Tại sao những bấy nhiêu năm mà Hội Chữ thập đỏ vẫn không tìm nổi Werner đang ở đâu? Chị đúng là một đảng viên tồi. Thật thà mà nhận thì đầu chị rặt những ý nghĩ vi phạm kỷ luật Đảng. Và, suýt nữa thì cả thân xác chị cũng phạm kỷ luật nốt.

Ban ngày chị tìm cách lảng xa Wilhelm để sắp xếp lại đầu óc đang lộn xộn. Chị tự hỏi, không có Đảng thì giờ này chị sẽ là ngữ gì mới được chứ. Ở trường dạy nội trợ, chị được dạy cách giặt cách là, cách mạng tất hay quần áo thủng. Nếu không có Đảng, cùng với Wilhelm, chen vào đời chị, thì có lẽ giờ này chị vẫn còn mạng tất, giặt quần, là áo cho ông chủ tịch hội đồng giáo viên Umnitzer là cùng, cái ông từng phản chị, ngủ lăng nhăng với tụi nữ sinh ấy, chắc vẫn phải nín nhịn kiểu cách đối xử kiêu ngạo của mẹ chồng và vẫn phải thỉnh thoảng điên tiết vì cái bà Paschke chết tiệt, luôn chiếm chỗ phơi quần áo của chị ấy.

Vào Đảng, lần đầu tiên chị mới được tôn trọng và đề cao. Phải những người cộng sản, mà lúc xưa chị vẫn tưởng là bọn cướp đường (hồi còn con nít, chị cứ hình dung họ xông vào các nhà rồi lật tung giường chiếu, chăn màn lên; vì mẹ chị vẫn chẳng bảo tụi cộng sản "phá rối trật tự" là gì), phải những người cộng sản mới nhận ra năng khiếu của chị để chi tiền cho chị học ngoại ngữ, mới trao các nhiệm vụ chính trị cho chị. Và, trong khi anh trai Carl-Gustav của chị, người anh được mẹ chị chắt bóp dã man dành tiền cho đi học nghệ thuật ấy - Charlotte đến tận giờ vẫn cay đắng nhớ lại chuyện, để dè sẻn khí đốt, mẹ chị sai chị đứng canh ấm nước sôi, cũng như cảnh tượng mẹ chị tức tối cầm thớt thái bánh mì gõ vào gáy chị, nếu chẳng may chị không kịp tắt bếp *trước* khi ấm nước sôi rít lên - trong khi Carl-Gustav không thành nổi nghệ sĩ và chìm nghỉm đâu đó trong đám đàn ông đồng tính ở Berlin, thì chị đây, là người chỉ được học xong bốn lớp trường dạy nội trợ thôi nhé, đang trên đường trở về Đức để tiếp nhận một Viện nghiên cứu văn học và ngôn ngữ, và điều duy nhất khiến chị xót xa là mẹ chị không còn được chứng kiến vinh quang này nữa và chị cũng không còn có thể gửi cho mẹ chị một bức thư lời lẽ sắc gọn, trên đầu thư có in dòng chữ *Charlotte Powileit, Viện trưởng*.

Rồi đêm lại xuống. Thân tàu nghiêng qua chao lại trong bóng đêm và Charlotte cứ vừa chợp mắt là Adrian đã lại đến dẫn chị chui vào những lối đi sâu thẳm dưới lòng đất mà ở cuối đang có cái gì đó kinh khủng chực sẵn chờ chị... Tiếng hét của chính chị làm chị bật dậy.

Còn Wilhelm thì lại có vẻ mỗi ngày một khỏe ra. Vừa đây thôi, lúc còn ở trên bờ bên kia đại dương, anh chàng bị mất ngủ liên miên, lại luôn mồm than ăn không ngon miệng. Thế mà giờ, chị càng ăn ít đi bao nhiêu, anh ta càng có vẻ thèm ăn thêm bấy nhiêu. Anh ta ngủ được, rồi ngày nào cũng như ngày nào, bất kể thời tiết xấu thậm xấu tệ, anh ta vẫn đi lại cho dãn gân dãn cốt trên boong tàu và bao giờ cũng quay về phòng với chiếc mũ phớt chính hiệu Tardan bằng dạ ướt mèm nhưng dường như không bao giờ nhàu nát trên đầu, lại cằn nhằn chị suốt ngày chỉ chui rúc một chỗ.

- Tôi say sóng, Charlotte chống chế.

- Chuyến đi, cô có say đâu, Wilhelm đáp lại.

Wilhelm - con người suốt mười hai năm qua tại các buổi dạ tiệc chỉ đứng lầm lì ở xó nào đó như cây ba toong bị chủ bỏ quên ấy, con người mà đến tận giờ chót không đọc nổi một biển hiệu viết bằng chữ Tây Ban Nha nào và luôn luôn phải cầu cứu Charlotte mỗi dịp bị cảnh sát hỏi han ấy - giờ đây bỗng biến thành người am hiểu và yêu chuộng Mexico hết mực, có thể huyên thuyên hầu quý ông quý bà ngồi cùng bàn với thuyền trưởng vô số chuyện thật sự bất ngờ về những gì đã trải qua. Và, mặc dù từ thời ở Hamburg tại hãng Xuất nhập khẩu Lüddecke anh ta đã quen lối nói gì cũng úp úp mở mở, chẳng mấy chốc mọi người đều tin anh này từng một mình một ngựa phóng từ bờ đại dương này sang bờ đại dương kia, từng ngồi ca-nô ở Puerto Ángel câu cá mập, và từng đích thân phát hiện tháp Palenque

của người Maya bị rừng nguyên thủy phủ kín - trong khi Charlotte vò võ một mình chấm bánh mì khô với nước trà hoa cúc.

o0o

Ngọn gió lạnh như băng thổi từ nước Đức mới ra đón họ có vẻ không làm Wilhelm nao núng chút nào. Một tay giữ vành mũ, anh ta ưỡn ngực, nghênh ngang đi qua khu vực cảng, tự nhiên như thể quen thuộc chốn này lắm. Charlotte so vai rụt cổ, bước thấp bước cao đi theo sau.

Rồi họ chui vào một cái lán. Một người đàn ông mặt mũi nhợt nhạt lật qua lật lại xem xét giấy tờ hai anh chị. Và, trong khi Charlotte còn băn khoăn không biết ở Đức ngày nay người ta xưng hô "công dân" hay "đồng chí" với nhân viên hải quan thì Wilhelm đã dàn xếp xong mọi sự, thậm chí còn kịp gọi cả taxi.

Cảnh trong phố trông chẳng khác ngoài cảng là mấy, và mặc dù nhìn thoáng qua Charlotte chưa nhận thấy gì đổ nát lắm, *mọi thứ* thật ra đều tan hoang cả, từ nhà cửa, đến bầu trời và những con người qua lại, ai nấy đều dựng cao cổ áo che khuất mặt.

Ở một góc phố, người ta đang bán xúp, múc từ cái thùng tôn ra.

Một góc khác, hai bóng người đang loay hoay kéo chiếc xe tay chất đầy ắp toàn thứ bỏ đi vượt mép đường lên vỉa hè.

Dần dần Charlotte cũng nhận ra, hôm nay chị đội chiếc mũ có mạng thưa màu đen che mặt mua cốt cho chuyến hồi hương này thật không phải.

Wilhelm nhặng xị sai bảo người khuân vác. Charlotte nhét hai đô-la vào tay người đàn ông, ông này ngẩn mặt nhìn.

- Cô cứ phóng tay quá, Wilhelm nhăn nhó.

- Anh cũng thế chứ gì, chị đốp lại.

o0o

Tàu vào ga, xinh xịch, xinh xịch, hằm hè. Đâu cũng một mùi xe hỏa, mùi khói than lẫn mùi xú uế không lẫn vào đâu được. Đã lâu, Charlotte không đi xe hỏa.

Chị nhìn ra cửa sổ. Phong cảnh lướt qua trước mắt theo nhịp tàu chạy đều đều. Hết rừng cây sũng nước, sang cánh đồng đất cày vỡ còn loang lổ tuyết đầu mùa chưa tan hết. Ngọn khói mảnh mai bốc lên nóc chòi của người gác chắn tàu, và lúc tàu chạy lướt qua, Charlotte còn kịp thoáng nhìn thấy viên gác chắn tàu đang quay tời kéo thanh chắn đường ngỏng lên.

- Gác chắn tàu kìa, Wilhelm nói. Vẻ đắc thắng, ta đây lắm.

Charlotte không nói gì, vẫn chỉ nhìn ra cửa sổ, thử tìm xem có thấy gì làm yên lòng không, gắng vui khi nhìn đỉnh tháp nhà thờ lợp ngói nung, cố gợi trong cảnh vật trôi qua một thứ gì đó như tình cảm quê hương. Dù sao, những con đường cây mọc cao hai bên cũng nhắc nhở chị ở Đức vẫn có thứ gì tựa tựa mùa hè. Gió mát. Chị chợt nhớ chiếc mô-tô ba bánh BMW R32 có gắn thùng xe bên hông của Wilhelm hồi nào. Bọn trẻ ngồi trong thùng xe, vô tư, cười nói.

Tàu dừng. Cửa khoang mở ra và một luồng khói than nâu pha hơi mưa lành lạnh lùa theo vào. Người đàn ông không chào hỏi, ngồi xuống ghế, không bỏ áo choàng, một chiếc áo bằng da màu sẫm, đã cũ. Đôi giày ông ta mang dính bê bết bùn.

Người đàn ông liếc nhìn chị một loáng rất nhanh, rồi lôi một hộp đựng bánh mì từ trong cặp xách tay và lấy ra khoanh bánh mì kẹp ăn dở. Ông ta nhai lâu, nhai kỹ, còn lại một phần tư miếng bánh, ông ta nhét trở lại vào hộp. Đoạn, ông ta rút tờ báo *Nước Đức mới* từ trong cặp ra mở rộng trước mặt, và đập ngay vào mắt Charlotte là dòng chữ in ở mặt sau tờ báo:

ĐẢNG KÊU GỌI ĐỒNG CHÍ!

Charlotte thấy ngượng, vì cái mạng che mặt gắn trên mũ của chị, vì chị đã lo sợ, vì năm chục hộp cà phê tan Nescafe chị mang theo trong va-li... Phải rồi, Đảng đang cần đến chị. Đất nước này cần đến chị. Chị sẽ làm việc, sẽ góp sức xây dựng đất nước này. Liệu còn nhiệm vụ nào cao quý hơn không?

Người đàn ông đưa tờ *ND* lên cao, khiến chị đọc được cả phần cuối trang. Toàn tin vặt, nhưng bỗng dưng làm chị thích thú. Cứ nghĩ tối nay, nếu muốn, chị có thể đến ngay rạp Ngôi Sao ở quận Berlin-Mitte xem phim là đã thấy thú vị. Phim *Đường hy vọng*. Charlotte sẵn lòng tin đấy là điềm lành và bỗng cảm động, đến mức rưng rưng nước mắt - tại sao thế không biết? - khi lướt đọc thấy ở mục ĐÈN PHA mấy dòng thông báo:

> *Ai cần mua thông lớn, xin viết giấy hay gọi điện đến Hợp tác xã hàng tiêu dùng Đại Berlin, chậm nhất đến hết ngày 18 tháng 12.*

Người đàn ông mở rộng tờ báo khiến Charlotte đọc được cả trang đầu. Và đập ngay vào mắt là dòng chữ dưới một bức ảnh:

Đồng chí Thứ trưởng Bộ Giáo dục...

Bây giờ, lẽ ra chữ tiếp theo phải là Karl-Heinz Dretzky. Nhưng không phải.

Con tàu lắc lư chạy qua đoạn bẻ ghi. Charlotte loạng choạng giữa lối đi trong toa, đập đầu va trán thế nào chị cũng chẳng biết nữa. Khó nhọc lắm chị mới lần được đến cầu tiêu, dùng tay lật nắp cầu lên rồi nôn hết những gì chị vừa ăn lúc sáng vào đấy.

Rồi chị đậy cầu, ngồi phịch lên nắp. Nhịp bánh xe đập xuống đường tàu hòa với nhịp hàm răng chị va nhau cầm cập, nhói thẳng lên đầu chị. Chị vẫn còn cảm thấy ánh mắt lạnh lùng, dò xét xoáy vào chị qua mép tờ báo. Áo choàng da, màu đen, không sai tí nào. Mọi sự thế là rõ, mọi sự khớp nhau không chệch đi đâu được.

Bảo chị "được tuồn vào" là đúng rồi, được tuồn vào qua tay tên gián điệp phục quốc Do Thái Dretzky.

Con tàu nghiến rít lên, nghe ken két, như thể sắp đứt thành từng khúc. Hai tay chị ôm chặt lấy đầu... Hay chị hóa điên? Không, chị vẫn tỉnh lắm. Đã lâu lắm, giờ đầu óc chị mới tỉnh táo thế này... Giá dòng chữ trên báo là: *Tân* Thứ trưởng... Suýt nữa thì chị đã xuýt xoa tự khen mình sớm học được cách phân biệt những nét tinh tế kiểu như vậy. *Tân* Thứ trưởng! Đã có tân, ắt có cựu... Song, không có ông cựu thứ trưởng đó. Không hề có. Hóa ra anh chị được một kẻ không có thực bảo trợ. Thì chính họ cũng không có thực vậy. Rồi ở ga Đông sẽ có vài người đàn ông mặc áo choàng màu đen bằng da đứng chờ, chị sẽ đi theo họ, ngoan ngoãn, không la lối. Rồi chị sẽ ký tên nhận tội. Rồi chị sẽ biến mất. Biến đi đâu? Chị không biết. Những người tên tuổi không được nhắc đến nữa đã ở đâu nhỉ? Những người không những không tồn tại, mà còn chưa từng tồn tại ấy?

Chị đứng dậy, ngả mũ ra, rót nước súc miệng, đoạn tự ngắm mình trong gương. Rõ ngu, chị nghĩ bụng.

Chị lục chiếc kéo cắt móng tay trong túi xách ra rồi cắt rời mạng che mặt khỏi vành mũ. Ít gì cũng đỡ bận tâm.

Người đàn ông đứng hút thuốc ngay giữa lối đi. Chị so người lách qua, gắng không chạm vào ông ta.

- Cô đi đâu nãy giờ lâu thế, Wilhelm căn vặn.

Charlotte không đáp. Chị ngồi vào chỗ, nhìn qua cửa sổ ra ngoài. Những cánh đồng trải rộng, những ngọn đồi thoai thoải lướt qua, chị nhìn, mà chẳng thấy gì. Trong lòng, chị tự lấy làm lạ, sao lúc này chỉ thấy bực bội. Tự lấy làm lạ về những gì đang diễn ra trong đầu. Chị cứ tưởng phải nghĩ đến cái gì hệ trọng mới phải. Đằng này chị lại nghĩ đến chiếc máy chữ Thụy Sĩ thiếu chữ cái "ß". Chị thử hình dung xem ai sẽ hưởng năm chục hộp Nescafe chị mang về. Chị nhớ chậu hoa quỳnh phải để lại cho gã bán hàng hoa (với giá rẻ mạt). Và, chị cứ lan man như thế, trong khi cảnh vật phía ngoài như một cuốn phim vô đề cứ thế trôi qua, trong khi một chiếc máy kéo đang lọ mọ lăn qua cánh đồng...

- Máy kéo kìa, Wilhelm nói lớn.

... trong khi đoàn tàu dừng lại ở một ga nhỏ, nhem nhuốc...

- Ga Neustrelitz, Wilhelm lại nói.

... trong khi cảnh vật mỗi lúc một bằng phẳng và tẻ nhạt hơn, trong khi hàng cây thông đơn điệu hai bên đường tàu trôi lướt qua, chốc chốc lại bị một cây cầu, một đoạn đường nào đấy chạy dọc đường tàu hay một thanh chắn đường vắng tanh bóng người ngắt quãng, trong khi dây điện tín vội vã nhảy từ cột điện trước sang cột điện sau một cách vô bổ và những giọt nước mưa bắt đầu từ từ lăn chéo mặt kính cửa sổ xuống dưới, chị chợt nhớ cảnh Wilhelm ngồi ghế đu gần một năm trước ở Puerto Ángel, bắp chân gầy gò, nhợt nhạt thò từ ống quần ra ngoài...

- Ơ kìa, cô tháo mạng che mặt rồi, Wilhelm nói.

- Phải, Charlotte đáp, tháo rồi.

Wilhelm cười. Lòng trắng mắt anh ta sáng lên trên khuôn mặt rám nắng và mái đầu hói bóng lên như mặt da giày đánh xi.

Tàu chạy qua ga Oranienburg. Bảng chỉ đường dựng ở góc phố. Chị nhớ quán rượu phía ngoài thành phố, nơi chỉ cần vài xu là gọi được cà phê rồi rủ nhau tránh nắng dưới bóng mát một cây dẻ nào đấy, lôi bánh mì mang theo ra ăn; nhớ mấy bãi tắm, cảnh thiên hạ đóng bộ dạo chơi ngày Chủ nhật, nhớ tiếng rao mấy người bán hàng rong đeo khay trước bụng và mùi xúc xích bockwurst nóng. Bây giờ, tàu chạy qua đây, chị thoáng nghĩ, hay đây là vùng Oranienburg nào khác mà chị không biết nhỉ, gồm toàn những ngôi nhà nằm rải rác một cách vô lý, dù có người ở đi nữa vẫn có vẻ như bị bỏ hoang.

Một cây cột điện bị gãy. Xe chở lính. Lính Nga.

Một người đàn bà dắt xe đạp đứng chờ bên thanh chắn tàu, trong giỏ chở hàng treo trước xe có chú chó con ngọ nguậy. Charlotte chợt nhận ra chị không thích chó tí nào.

Rốt cuộc cũng đến Berlin. Một chiếc cầu gãy lướt qua. Mặt tường nhà lỗ chỗ vết đạn, vết bom. Kia là một ngôi nhà bị trúng bom, toang hoác phô hết ruột gan ra giữa trời: phòng ngủ, bếp, buồng tắm. Một tấm gương vỡ. Chị có cảm giác còn nhìn thấy cả cốc nước súc miệng đặt dưới gương. Con tàu từ từ lăn qua khu nhà, chầm chậm như đưa người ngoạn cảnh. Charlotte chợt như thấy thương hại cho dân xứ này: họ còn biết bao nhiêu việc phải làm!

Không còn gì quen thuộc với chị nữa cả. Không còn chút gì của chốn đô thành mà cuối những năm ba mươi chị phải rời bỏ ấy. Cửa hàng cửa hiệu lèo tèo, biển hiệu khốn khổ, nguệch ngoạc viết bằng tay. Phố xá vắng tanh. Chẳng mấy xe cộ, thưa thớt người bộ hành.

Rồi lại thấy một hàng dài người xếp nối đuôi nhau trước một tòa nhà. Họ đứng đấy, thờ ơ, xám xịt.

Cạnh đó, giữa cảnh tượng tuyệt vọng ấy, vài người thợ đang loay hoay vá một đoạn phố bị hỏng.

Rồi đường ray bắt đầu chia nhánh.

- Ga Đông đây rồi, Wilhelm nói.

Charlotte men theo lối đi trên toa tàu, bủn rủn hai đầu gối. Tiếng phanh rít ken két. Wilhelm xuống trước, đón hành lý từ trên toa xe xuống đất. Rồi đến lượt chị bước xuống sân ga. Chị nhận ra vòm mái che ga tàu

trước tiên, chim câu đậu trên các thanh xà ngang bằng thép. Từ bên ga S-Bahn vọng sang tiếng loa sang sảng:

- Xin quý khách lùi laa...ại!

Charlotte lén nhìn xung quanh.

- Ô hay, sao mặt mũi cô nhợt nhạt hết ra thế kia, Wilhelm ngạc nhiên.

MỒNG 1 THÁNG 10 NĂM 1989

Cái trò điên đảo ấy bắt đầu trước tám giờ sáng một chút.

Vào đúng Chủ nhật.

Đang lúc yên ắng.

Có ai lắng nghe, thì cũng chỉ nghe được mỗi tiếng chim sẻ ríu rít ở xa xa đâu đó lọt vào phòng ngủ đây qua cánh cửa sổ mở hé mà thôi, để sực hiểu nơi đây yên tĩnh đến độ nào. Đây là sự yên tĩnh ở một xó xỉnh hẻo lánh, từ một phần tư thế kỷ nay ngái ngủ, vật vờ nằm khuất sau hàng rào biên giới, không một chuyến xe chạy xuyên đầu này đầu kia, không ồn ào cảnh cất nhà, dựng cửa, không chút rộn ràng tiếng máy cưa hay máy cắt cỏ trong vườn.

Tiếng chuông điện thoại réo lên, đâm nhói từng hồi độc địa vào bầu không gian yên ắng đó.

Đôi lúc, bà Irina dám cam đoan, chỉ cần nghe tiếng chuông điện thoại réo là đủ biết mụ Charlotte đang ở đầu dây kia. Bà nằm ngửa trên giường, hai chân co lại, nghe qua cánh cửa phòng ngủ tiếng ông Kurt từ dưới bếp đi lên, gỗ lát sàn kêu rin rít dưới chân khi ông bước qua phòng khách để rốt cuộc nhấc ống nghe lên, nói:

- Vâng. Mẹ à.

Bà Irina nhắm mắt, mím môi, cố nín cơn bực bội.

- Không, mẹ ạ, ông Kurt nói tiếp. Alexander không ở đây.

Bao giờ nói chuyện với mụ Charlotte ông ấy cũng gọi con trai là "Alexander", chứ không gọi "Sasha", nghe chướng cả tai. Ai đời bố gọi con mình là "Alexander", trong tiếng Nga người ta chỉ khách sáo như thế với người ngoài.

- Hai bà cháu hẹn nhau mười một giờ, ông Kurt nói, thì chắc mười một giờ Alexander sẽ đến thôi... A lô? A lô?

Chắc mụ Charlotte đã lại cúp máy - ngón mới nhất của mụ là thế; mỗi khi không buồn nói nữa, hay chán nghe chuyện rồi là cứ thế dập máy.

Ông Kurt quay lại bếp.

Bà Irina nghe ông loẹt quẹt, lục cục dọn bữa sáng. Gần đây ông khăng khăng đòi để *ông* cuối tuần dọn bữa sáng - chắc là để bà thấy ông cũng coi trọng nam nữ bình quyền lắm.

Bà Irina nhăn mặt, thoáng tiếc rẻ cái khoảnh khắc buổi sáng sớm này, khoảnh khắc duy nhất thuộc về bà, không ai gọi điện, không ai quấy rầy, để yên cho bà uống ly cà phê và hút điếu thuốc đầu tiên trong ngày trước khi bắt tay vào việc. Thật khoan khoái. Khoan khoái ngang chén rượu mạnh nhỏ tí ti mà gần đây, thỉnh thoảng, bà vẫn tự cho phép mình làm một hơi. Bà sắt đá lắm, một chén thôi. Để trang bị cho cả ngày. Để qua được trò điên đảo ấy.

Tiên tảo, như tiếng Đức trọ trẹ bà vẫn nói.

Cả mấy tuần nay rồi, ngày nào cũng một trò ấy! Trước hết mụ Charlotte gọi điện, dặn dò chuyện này chuyện kia, đòi cái này cái nọ, sau lại bảo thôi thôi, chuyển sang dặn dò đòi hỏi thứ gì khác hẳn. Không biết Irina đã lo đủ nhãn dán lọ hoa chưa! Cũng như mọi năm, năm nay mụ Charlotte đã hỏi mượn lọ hoa của hầu hết hộ dân ở làng Neuendorf này. Và mặc dù năm nào cũng đâu vào đấy, chẳng có chuyện gì, năm nay mụ giở chứng, đòi ghi tên chủ lên lọ hoa, kẻo lúc trả bị lẫn.

Sao lại thế nhỉ? Còn bà, bà Irina tự hỏi, sao bà cũng lật đật đáp xe, lo kiếm bằng được mấy cái nhãn của nợ ấy làm gì chứ? Bà mất cả nửa ngày lông nhông đảo qua gần hết các cửa hàng văn phòng phẩm trên phố. Nói thì dễ, chứ tìm chỗ để xe trong trung tâm có dễ đâu, lại phải đi vòng tránh mấy công trường trên phố (bao giờ cũng vẫn mấy công trường đó, năm này qua năm khác chẳng thấy nhúc nhích gì), còn xếp hàng đổ xăng (mất thêm cả nửa tiếng đồng hồ cãi cọ với bọn chen ngang), rồi lại bực mình mất công mua đường, bởi vì vừa mừng tìm được nơi đỗ xe đã cụt hứng nhìn thấy cái biển "Hôm nay bận kiểm kê" treo trước cửa hiệu, và rốt cuộc, vì dĩ nhiên không cửa hàng văn phòng phẩm nào có nhãn bán cả, bà phải nhét túi chai cognac mang đến xưởng DEFA dúi vào tay gã trưởng phòng phóng ảnh nhờ kiếm giúp vài cái nhãn của nợ ấy... Thế mà lão Wilhelm có thiết hoa hiếc gì đâu. Bà Irina vẫn nhớ như in cảnh năm ngoái, lão ngồi lọt thỏm trong chiếc ghế bành và - hệt như đứa trẻ lặp đi lặp lại mãi một câu nói đùa nhạt nhẽo - ai đến mừng tuổi lão cũng đốp vào mặt bằng câu:

- Cứ nhét rau vào lọ hoa kia!

Và, lần nào đám thuộc hạ bao quanh lão cũng cười toáng lên, làm như thể lão vừa phán điều gì thâm thúy lắm.

Lão Wilhelm bị nghễnh ngãng từ lâu rồi. Mà mắt lão cũng lòa nốt. Lão chỉ còn ngồi trơ ra trong ghế bành, như bộ xương bọc da mang râu mép. Thế nhưng, mỗi lần lão giơ tay, ra hiệu định nói gì đó, là mọi người liền nín lặng, kiên nhẫn chờ lão phát ra đôi tiếng khò khè xong thì sẽ tranh nhau mỗi người một kiểu đoán xem lão vừa nói gì. Năm nào lão cũng nhận một huân chương gì đó. Năm nào cũng diễn văn. Năm nào cũng vẫn một thứ cognac mạt hạng đó, cũng rót mời khách trong mấy chiếc ly nhôm màu mè ấy. Và, bà Irina có cảm giác thế, đám thuộc hạ xúm quanh lão mỗi năm một đông thêm, họ sinh sôi thế nào đó rất nhanh, rặt những kẻ còng lưng lùn tịt mặc âu phục màu xám như nhau, đều nhầy nhầy mỡ, khiến bà không biết ai ra với ai nữa, những người hầu như lúc nào cũng cười cợt và chuyện trò với nhau bằng một thứ tiếng mà, nói thật tình, bà cố mấy cũng không hiểu. Bây giờ mà nhắm mắt lại là bà sẽ biết ngay cuối buổi hôm nay bà sẽ cảm thấy những gì: gò má căng ra vì suốt buổi phải giả bộ tươi cười, trong họng ợ mùi mayonnaise, do bà buồn chán không biết làm gì hay hơn nên đi nếm hết các món bày trên bàn buffet, đầu lưỡi lưu vị cognac trộn lẫn vị nhôm tanh tanh rỉ ra từ ly đựng rượu.

Nói gì thì nói, bà không thích vào nhà bố mẹ chồng, cứ nghĩ đến đã thấy khó chịu. Bà ghét cả đống bàn ghế, cửa trong cửa ngoài lẫn thảm trải sàn, thứ nào cũng tối màu, nặng trình trịch. Có thế thật, trong nhà mọi thứ đều màu tối và nặng nề. Mọi thứ, cả mấy con thú chết lão Wilhelm cho nhồi bông treo lên tường kia cũng vậy, đều gợi nhớ cái thời xưa khốn khổ của bà. Vâng, ba mươi mấy năm rồi mà bà vẫn chưa quên phải lau bụi trong các khe tủ treo quần áo như thế nào. Chưa quên phải nấu cháo yến mạch cho lão Wilhelm như thế nào; tức là phải đứng chực dưới chân cầu thang, nghe xem lúc nào, ở tầng trên, lão ra khỏi buồng tắm, thì hấp, chạy ngay vào bếp, khuấy cháo lên, để khi múc ra, bột mạch không bị vón cục... Chưa bao giờ trong đời bà lại bất lực như thế, tiếng nói chẳng thạo, cứ như

người câm người điếc, chỉ biết hoang mang nhìn vào cử chỉ hay ánh mắt người khác mà đoán ý họ.

Còn ông Kurt?

Ông Kurt ấy à - trong khi bà, có con nhỏ bám váy, phải đứng trong gian phơi quần áo là sơ-mi cho lão Wilhelm - lại thản nhiên ngồi đớp nho với mụ Charlotte trong phòng khách. Đúng như thế chứ thế nào. Còn con mẹ Stiller nữa chứ.

Ấy *pardon,* bà *tiến sĩ* Stiller mới phải.

Bà nghe tiếng ông Kurt vào phòng, đặt cái gì đó lên bàn, rồi lại quay lại bếp. Bây giờ là tám rưỡi. Trước mười giờ bà phải đi chở hoa về. Rồi ghé cửa hàng chuyên bán hàng cho sĩ quan Nga, mua cây thuốc lá Belomorkanal. Bà còn định làm bánh chẻo pelmeni nữa chứ - thì một khi Sasha đã ghé ăn trưa...

Thế nhưng ông Kurt khăng khăng bắt bà nằm yên đó, chờ ông thò đầu qua cánh cửa mở hé mời bà dậy ăn sáng, bằng thứ giọng như giọng trẻ con. Thế mà bà cũng chiều ông ấy. Tại sao nhỉ?

Bà ngắm mình trong tấm gương hình bầu dục, treo ngang trên đầu giường... Tại thế nằm? Hay tại nhìn qua chiếc gương khốn nạn này lúc nào cũng thấy mình cắm ngược đầu xuống đất? Rồi phải tống nó đi, bà Irina nghĩ bụng, rồi sực nhớ ngay, gần đây, cứ sáng Chủ nhật, lúc ông Kurt dọn điểm tâm còn bà nằm đây ngắm mình trong gương là ý nghĩ ấy lại nảy trong đầu bà.

Tệ nhất là bà bắt đầu nhận ra trên mặt mình những nét của mẹ bà. Điều đó làm bà nản. Đã đành là trông bà vẫn còn đẹp. Lão Horst Mählich,

với cặp mắt cứ như mắt chó ấy, hôm nay thế nào cũng thòm thèm xuýt xoa khen bà đẹp cho mà xem, đến như tay Bí thư Quận ủy mới, mồm miệng lúc nào cũng nhăn nhăn nhở nhở ấy, một tay chẳng ra đực không ra cái, người ngợm trông như được đắp bằng nhựa chứ không phải bằng da bằng thịt - khác hẳn tên bí thư cũ, tuy lùn, mập, nhưng rất đàn ông, thậm chí còn biết hôn tay các quý bà - ừ, đến như tay Bí thư Quận ủy mới, khi chào bà, cũng sẽ cúi mình nhiều hơn mức cần thiết và, trong khi cúi chào như thế, ánh mắt lướt qua người bà sẽ không khỏi sáng lên, nếu không phải là ngưỡng mộ, thì cũng là nét gì đó đầy vẻ lúng túng vậy.

Thế nhưng, tất cả những cái đó đều không che nổi sự thật là tuổi già đang lấn tới, rõ mồn một, không cách gì cưỡng được nữa. Và, từ khi mẹ bà đến ở đây cùng với vợ chồng bà (bà đón mẹ từ Nga sang đã mười ba năm nay, sau khi vượt qua bao nhiêu cửa ải giấy tờ phức tạp rắm rối) thì ngày ngày bà phải tận mắt chứng kiến xem bước lấn tới ấy sẽ dẫn đến đâu. Dĩ nhiên, bà vẫn biết rồi ai cũng già. Thế nhưng sự hiện diện của mẹ bà buộc bà phải nhận ra sự vô vọng của cuộc đấu tranh hằng ngày bà vẫn dấn thân vào, nó nhức nhối xoáy vào tâm can bà, gieo rắc vào đầu những ý nghĩ phản nghịch, thì thầm vào tai những lời dụ dỗ người đàn bà trong bà, thôi, đầu hàng đi! Quần tất bó đùi làm gì, chăm răng sửa lợi làm gì, tỉa tóc, gội đầu, nhuộm tóc nhuộm tai làm gì? Để khoe dáng trước mắt mấy lão đàn ông già nua chán phè nào đấy ư? Để năm nào cũng được hưởng chút niềm vui đắc thắng trước con mẹ, ấy *pardon,* bà tiến sĩ Stiller, đang mỗi ngày một phì ra như bị khoai tây và gương mặt vì bệnh huyết áp cao mỗi ngày một đỏ gay ấy ư?

Chuông điện thoại reng.

Bước chân ông Kurt lại ken két trên sàn lát gỗ của phòng khách rộng thênh thang. Qua chiếc ghế xô-pha, sát sạt ngang cửa phòng ngủ, rồi cuối cùng, tiếng ông nói vào điện thoại:

- Vâng. Chào mẹ.

Thật khó mà tin được, bà Irina nghĩ bụng, làm sao ông Kurt lúc nào cũng vui vẻ, nhẫn nại với mụ Charlotte thế chứ.

- Chưa, mẹ ạ, tiếng ông Kurt nói, bây giờ là tám rưỡi. Hai bà cháu hẹn nhau mười một giờ, thì Alexander phải hai tiếng rưỡi nữa mới đến cơ.

Nói cho đúng ra, bà Irina trong thâm tâm vẫn rất tự ái. Vâng, bà cho đấy là nỗi bất công lớn và kéo dài bà phải chịu, khi đến tận giờ ông Kurt vẫn không chịu nhìn nhận những gì mụ Charlotte từng gây ra cho bà.

- Kìa mẹ, nào con có biết hai bà cháu hẹn nhau lúc nào đâu, vẫn tiếng ông Kurt nói.

Mụ đối xử với bà rất tệ. Như với con ở. Mụ chỉ mong, bà Irina cầm chắc thế, làm sao tống được bà về cái làng nhỏ xứ Nga của bà - để ghép ông Kurt với con mẹ tiến sĩ Stiller nọ.

Bà nghe tiếng ông Kurt trở lại bếp. Lạy Chúa, không biết cái ông này cần bao nhiêu lâu để mở gói pho-mát rồi bày hai cái đĩa ra? Ấy thế nhưng sau đó lại huênh hoang vừa góp sức làm việc nhà. Thật ra chỉ hỏng việc chứ ích lợi gì. Có lần ông ấy bật máy pha cà phê nhưng lại quên để bình hứng ở dưới. Lần khác, ông dọn trứng chưa luộc lên bàn, nhưng nước trong nồi thì đun sôi đúng ba phút.

Niềm vui duy nhất hôm nay là Sasha đến ăn trưa. Đó, bà Irina vừa nghĩ vừa tung chăn, để làm vài động tác thể dục yoga (hay đúng hơn, vài động tác bà nghĩ là yoga) - đó là niềm vui duy nhất của lễ sinh nhật hôm nay.

Giống như mọi người khác, Sasha cũng được trao nhiệm vụ đặc biệt" - mụ Charlotte thích trao những cái gọi là "nhiệm vụ đặc biệt" cho mọi người, thậm chí có cả người chịu trách nhiệm nhận giấy gói hoa lẫn người phụ trách rửa chai nước uống Vita-Cola, do kỹ thuật nạp chai kém nên chai nào cũng bị dính bê dính bết phía ngoài. Sasha chịu phần kéo cái bàn kéo ra. Chả hiểu thế nào mà mụ Charlotte cứ đinh ninh chỉ độc một mình Sasha kéo nổi cái bàn ấy. Rõ vớ vẩn, song bà Irina tránh không động đến chuyện này. Bởi nếu mụ dặn Sasha đến lúc mười một giờ, thì có nghĩa là sau khi sắp xếp bàn ghế xong xuôi sẽ chẳng đáng công quay lại Berlin nữa và còn đủ thời gian trước lễ sinh nhật lưu lại nhà bà, và hai mẹ con, như mọi năm, sẽ ăn bánh pelmeni phết kem chua chấm mù tạc, như Sasha vẫn thích.

Ấy là nếu con Catrin không bám theo.

Nào bà có ghét bỏ gì con Catrin đâu (viết C, không có chữ *h,* và nhấn giọng ở chữ i, Catr*i*n!)[13], chỉ có điều bà không hiểu tại sao thằng Sasha nhà bà phải dọn ngay đến nhà nó mà ở mới được. Chà, đúng ra thì bao giờ con bà cũng dọn ngay đến nhà các cô ả của nó, thay vì thong thả chờ xem thế nào, để tìm hiểu thêm chút đỉnh. Thì cũng để xem mọi sự có thành không đã chứ! Vả lại, cứ ở đây có phải hay hơn không, bà đã sửa sang tầng áp mái, nói cho đúng, thành hẳn một căn hộ riêng, có cả phòng tắm riêng nhé.

Không, nào bà có ghét bỏ gì con Catrin đâu kia chứ, bà Irina vừa đưa hai chân lên cao vừa nghĩ bụng, chỉ có điều, thật lòng mà nói, bà thật sự không hiểu Sasha nhà bà yêu gì ở con bé ấy... Thì đã đành đấy không phải chuyện của bà. Và, bà cũng biết giữ ý lắm để không nhỡ mồm nói gì, dẫu chỉ một lời. Thế nhưng bà vẫn lấy làm lạ, không hiểu sao một chàng điển trai, dáng dấp trí thức, trẻ trung như thế mà không kiếm được ai khá hơn. Diễn viên, thấy bảo thế. Chẳng lẽ nó không thấy con bé trông *tởm* thế nào ư? Đùi đã xấu, lại không có cả eo lẫn mông. Rồi cái cằm, nói thật, trông cứ như cằm gã thợ xây... Được cặp mắt của nó, thì phải nhận là đẹp. Chỉ có điều, ánh mắt đung đưa ấy, cái nét bồn chồn trong đôi mắt ấy, mỗi khi nói chuyện với ai đó... Chưa bao giờ bà Irina có được cảm giác gần gũi với nó. Lúc nào nó cũng có vẻ như đang để tâm trí ở đâu đó, lúc nào cũng có cảm giác như nó đang nghĩ ngợi cái gì lung lắm, ngay cả khi nó mỉm cười với mình, cũng có vẻ như nó đang tính toán chuyện gì trong đầu.

Thôi kệ, bà Irina tự nhủ rồi đưa mắt ngắm cặp đùi duỗi thẳng của bà, cặp đùi mà nói thật lòng, bà vẫn còn thấy đẹp, nhất là khi đem so với cặp đùi khẳng khiu của con Catrin; bà dứt khoát thôi không mặc chiếc váy dài hở lưng như năm ngoái nữa mà sẽ mặc váy màu xanh nước biển, dù nó hơi ít vẻ hội hè và đúng ra thì hơi ngắn ở tuổi bà thật - nhưng thôi kệ, bà lại nghĩ bụng, cứ để chúng nó sung sướng, hạnh phúc, hay không sung sướng với nhau cũng mặc, miễn sao mỗi năm một lần, bà gật gù, phải làm sao để Sasha một mình về nhà là được. Mỗi năm một lần thôi, bà ước được ăn pelmeni với Sasha như hồi xưa. Ước như thế có gì là sai? Mà con Catrin nào có thích ăn pelmeni đâu. Và, sau bữa ăn, bà Irina thả chân xuống, vừa thở phào vừa nghĩ, Sasha sẽ ngả lưng ở phòng trên một lúc, rồi hai bố con sẽ ngồi chơi cờ trong phòng ông Kurt. Bà thích cảnh hai bố con ngồi đánh cờ trong phòng ông Kurt, mỗi người nhấp một ly cognac, rồi bà, rửa bát xong, cũng sẽ rót một ly đem đến ngồi cạnh, không nói gì - thật đấy! (cùng

lắm chỉ đá đá chân Sasha dưới gầm bàn mỗi khi cậu ta không để ý một nước cờ hiểm). Sau đó, cả nhà sẽ cùng nhau sang dự lễ sinh nhật - cứ nghĩ đến cảnh được dạo một đoạn qua làng Neuendorf dưới trời thu là bà lại tự nhủ, thôi thì sang dự cũng được, thậm chí bà còn thấy dễ chịu, nếu đi để được nhớ lại một thời xa xưa bàng bạc, dạo ở làng đây người ta còn gom lá vàng rụng để đốt, lúc Sasha còn nắm tay láu táu bước bên bà...

Thế nhưng điện thoại lại reng lần nữa, lần thứ ba kể từ sáng đến giờ. Bà Irina bật phắt dậy, chưa kịp nghĩ ngợi gì thì tay bà đã nắm chặt ống nghe.

- Sao mẹ không để yên cho người ta ăn xong bữa sáng đã nào, bà gắt, không để bà Charlotte kịp nói gì.

Rồi dập mạnh ống nghe, trừng trừng nhìn chiếc máy điện thoại, như thể nhìn một con thú bà vừa hạ, giờ chỉ chực đợi nó kêu là giáng thêm một đòn cho chết hẳn. Thế nhưng điện thoại câm tịt.

- Chả việc gì bà phải bực bội thế, ông Kurt khẽ khàng.

Ông đứng ngay sau lưng bà, hai tay, mỗi tay một cốc đựng trứng luộc (có cả trứng hẳn hoi!).

- Ông lại còn bênh nữa, bà vùng vằng.

Ông Kurt không đáp, đặt cốc xuống bàn rồi, bằng một cử chỉ khoan dung, đầy vẻ bề trên dù không chủ ý, hai tay ông ôm trọn bà vào lòng rồi nhẹ nhàng đung đưa bên này bên kia. "An ủi", nói theo ngôn ngữ của riêng hai người; mặc dù mới đầu làm bộ cưỡng lại nhưng thật ra thì bà thích được an ủi như thế, và ông Kurt vừa quàng tay ôm là lập tức bà có ngay cảm giác mình có nhiều cớ cần được an ủi lắm, vì những mất mát bà phải

chịu, vì tất tật những thứ mà cả thiên hạ lẫn chính ông Kurt đã gây ra cho bà. Bà tựa đầu vào vai ông Kurt, cứ để yên ông đu bà sang bên này bên kia. Đúng lúc ấy thì cánh cửa phòng mẹ bà kèn kẹt mở ra, khiến bà lặng người, chờ nghe tiếng chân lệt bệt lết trên sàn nhà vài giây sau ắt sẽ vọng tới... Bà chợt nhận ra bóng người ấy, như một bóng ma, đang cúi lom khom, đầu đội chiếc mũ len tự đan, dùng khi ngủ về đêm, bất kể mùa nào, dây chìa khóa đêm ngày bất ly thân treo trên cổ như thể để phòng bị bà Irina khóa cửa nhốt không cho ra, chân mang không phải dép, mà hai mảnh giẻ bùng nhùng thì đúng hơn (cụ thích xỏ đôi này nhất vì nó không làm đau đôi bàn chân khốn khổ đầy chai)... là cụ bà Nadezhda Ivanovna, mẹ bà, một bóng ma hiện thân nay mai của bà vậy.

Bóng ma lết đến gần, dừng lại sau cánh cửa phòng khách hé mở, lẩm bẩm cất tiếng nói gì đó.

Bà Irina mở toang cửa ra:

- Mẹ cần gì à?

Bà Irina nói tiếng Nga với mẹ; mười ba năm cụ Nadezhda Ivanovna ở đây, cụ chẳng học được tí tiếng Đức nào, ngoài *Guten Tag* (xin chào) và *Auf Wiedersehen* (tạm biệt), chỉ có điều cụ cứ dùng lẫn lộn suốt.

- Bao giờ Sasha nó đến ấy nhỉ? cụ Nadezhda Ivanovna khẽ khàng hỏi.

- Làm sao con biết bao giờ nó đến, bà Irina gắt. Tốt nhất là bà đeo răng vào mà ăn sáng!

- Tôi chả thiết ăn sáng đâu, cụ Nadezhda Ivanovna nhẹ nhàng đáp rồi lết tiếp ra buồng tắm.

Bà Irina ngồi phịch xuống ghế, dùng ngón tay nhón một điếu thuốc lá Club[14] ra khỏi bao.

- Ăn cái gì đi đã, ông Kurt lên tiếng.

- Tôi cứ phải làm một hơi đã, bà Irina khăng khăng.

- Thôi, Irushka ơi! Bà chẳng nên chuyện gì cũng cáu kỉnh thế, ông Kurt nói. Trông nắng ngoài kia đẹp không kia.

Ông nhăn mặt làm trò, định chọc cười bà Irina.

- Tôi chả thiết ăn sáng đâu, bà Irina nhại mẹ.

- Mẹ không chết đói đâu mà lo, ông Kurt nói.

Bà Irina phẩy tay, ông chỉ được cái nói là giỏi, ông có phải lo gì cho cụ Nadezhda Ivanovna đâu. Ông ấy còn chẳng biết phòng cụ ra thế nào, bao nhiêu lần bà Irina bắt được đồ ăn thức uống mốc meo trong phòng, cụ Nadezhda Ivanovna chẳng hay lôi những của nợ sắp thiu sắp thối gì đó về phòng là gì - rồi lặng lẽ ăn ở đấy. Bởi cụ nhất định muốn cho mọi người thấy cụ chẳng nhờ vả ai. Ông Kurt không phải đôi bữa rửa lại chỗ bát đĩa cụ Nadezhda Ivanovna do tính hà tiện cố hữu chỉ rửa qua loa bằng nước ấm chứ không chịu dùng xà phòng rửa bát. Ông cũng không phải chịu nạn dưa chuột, năm nào cũng dịp này là phát thành dịch, vì cụ Nadezhda Ivanovna cứ nhất định làm ra vẻ "có ích" bằng cách chiếm cứ căn bếp mấy ngày liền, thậm chí cả tuần liền, làm chỗ muối số dưa cụ hái trong vườn, một việc mà, ừ thì bên Nga, ở xứ Ural của cụ có lẽ cũng có ích thật, nhưng ở đây, nơi đến bất cứ cửa hàng nào bỏ vài xu là mua được lọ dưa chuột muối chua ngon lành, thì đúng là vớ vẩn không chịu được.

- Khiếp quá đi mất, bà Irina càu nhàu, xung quanh toàn người già thế này này.

- Vậy tôi dọn đi chỗ khác nhá, ông Kurt hóm hỉnh.

Ông đùa thế, bà Irina không thấy hay ho gì lắm, song liếc sang, thấy ông ngồi đấy, với khuôn mặt đầy nếp nhăn, với cặp lông mày mỗi ngày một lởm chởm (trước khi sang dự sinh nhật phải tỉa cho ông ấy mới được) và với hai con mắt xanh, một con bị mù hẳn từ thời niên thiếu và dần dần bỏ được thói động đậy cùng hướng với con còn sáng (một cái tật sau bốn chục năm chung sống bà Irina chẳng mấy khi còn để ý đến nữa, mặc dù bà vẫn thường viện nó ra để giải thích những thói tật khác của ông, như thói hiếu danh quá độ hay tật ngoại tình cố hữu chẳng hạn) - khi thấy ông ngồi ở đó như thế, vụng trộm giấu nụ cười tủm tỉm tự tán thưởng câu nói đùa của minh, tự dưng bà cảm thấy thân thiết với con người ấy biết bao. Còn hơn thế, bà còn cảm thấy rất rõ niềm khao khát lạ lùng muốn tha thứ tất tật mọi chuyện cho ông ấy - dù chỉ trong giây lát ấy thôi, bởi vì bà nhận ra ông Kurt cũng đang già đi. Thôi thì, ít ra về mặt đó ông đã không bỏ rơi bà.

- Này, Irushka này, ông Kurt nói, hôm nay Chủ nhật, chả biết trời đẹp được lâu nữa không, tôi với bà đánh xe vào rừng nhặt nấm, hay làm gì đấy cho vui.

- Nấm ông có thích nhặt đâu mà đi, bà Irina đáp.

Chẳng những ông Kurt không thích nhặt nấm, ông cũng chả nhặt được bao giờ. Nhưng bà Irina làm thinh, bởi bà nghĩ lý do là tại một con mắt bị mù của ông.

- Cơ mà tôi thích nhìn bà loanh quanh tìm nấm lắm, ông Kurt vẫn nài.

- Ông nó ạ, nhưng tôi còn phải nấu ăn, lại đi mua quà cho ông Wilhelm...

- Quà gì thế?

Bà Irina trố mắt:

- Từ ba chục năm nay đến giờ, năm nào chả một quà ấy cho ông Wilhelm!

Ấy là chục bao thuốc lá Belomorkanal, thứ thuốc lá lâu đời của Nga bà Irina mua trong quầy hàng của cái gọi là Nhà Sĩ Quan cho lão Wilhelm; thứ thuốc tởm chết người đi được song lão Wilhelm vẫn hút, chỉ cốt để vênh vang với các đồng chí của lão, rằng lão biết cách bóp bẹp đầu điếu thuốc cho vào mồm trước khi châm lửa hút. Và, trong khi hút, trọ trẹ buông vài câu tiếng Nga, mớm nhắc lại "thời ở Moskva" của lão.

- Irushka ơi là Irushka, ông Kurt nói, hai năm nay rồi ông ấy còn hút nữa đâu.

Khỉ thật, ông Kurt nói đúng. Sau lần bị viêm phổi nặng (đúng ra thì lão đã bị nhiều lần viêm phổi nặng rồi) lão Wilhelm bỏ thuốc thật; buổi lễ sinh nhật năm ngoái lão còn đưa hết cả cây Belomorkanal cho lão Horst Mählich. Lão này chẳng chút ngượng ngùng bóc ngay ra hút trước mặt mọi người.

- Chứ ai nấu bữa trưa bây giờ?

- Thì làm qua loa cái gì đó cũng được chứ sao, ông Kurt đáp.

- Qua loa thế nào! bà Irina lắc đầu. Sasha nó đến mà tôi lại nấu cái gì qua loa làm sao được!

- Sao lại không được?

- Vì năm nào chả thế, hôm nay Sasha về là nhà mình ăn pelmeni ạ!

- Ôi giời, ông Kurt buông thõng, ăn gì mà chả được.

Nói rồi, ông đập thìa vào đầu quả trứng luộc rồi bóc vỏ cho trở lại cốc đựng trứng; bà Irina không ưa ông làm thế vì sau đó lại mất công moi ra.

Nhưng bà không nói gì. Bà hít một hơi dài, khiến bà hơi chóng mặt. Bà nghe tiếng cụ Nadezhda Ivanovna từ buồng tắm đi ra.

- Tôi đi tắm cái đã.

Bà Irina ra khỏi buồng tắm thì ông Kurt đang lật lật mấy trang báo. Đĩa ăn của ông vẫn trống trơn, không chút vụn bánh mì nào.

- Sao ông không ăn gì cả, bà Irina nói. Rồi dạ dày ông lại đau cho mà xem.

- Đúng là không có lấy một lời nào, ông Kurt thất vọng nói. Không một chữ về Hungari, không một lời về dân tị nạn, không một tin gì về sứ quán ở Praha chứ lại...

Ông gập báo lại, ném xoạch lên bàn. Ngay trang đầu là dòng chữ đậm:

CỘNG HÒA DÂN CHỦ ĐỨC VÀ CỘNG HÒA NHÂN DÂN TRUNG HOA SÁT CÁNH BÊN NHAU TRONG CUỘC ĐẤU TRANH CHUNG CỦA THỜI ĐẠI

Hôm qua, bà Irina đã đọc thấy dòng chữ này ở trang đầu - báo *ND,* số cuối tuần, ông Kurt chưa đọc, vì hôm qua tạp chí văn học *Literaturnaya, Gazeta* đặt mua từ Moskva vừa đến. Bà tự hỏi, sao ông ấy vẫn chịu khó đọc cái tờ *Nước Đức mới* thối inh ấy mới được chứ!

Ông Kurt gõ gõ ngón tay lên mặt báo:

- Bà có hiểu bọn họ muốn nói gì không?

Bà Irina nhún vai. Cả bức ảnh ở trang đấu bà cũng thấy rồi, chụp một lô những ông lớn nào đấy đứng xếp làm ba hàng trước sau, trông nhang nhác như nhau cả, phải cố lắm mới nhìn ra đâu là người Đức giữa đống người toàn Tàu ấy. Một bức ảnh quái gở, lâu nay vẫn thường thấy trên báo *ND,* nhưng hiện giờ trông nó càng quái gở, khi tình hình thực tế là dân chúng đang đua nhau bỏ họ ra đi (một thực tế làm bà Irina, ngược hẳn với ông Kurt, thấy hí hửng "cho bõ ghét" hơn là lo ngại).

- Đây là lời cảnh cáo, ông Kurt giảng giải. Liệu hồn, tụi mày mà làm loạn ở đây thì sẽ có Thiên An Môn cho mà xem. Giời ơi là giời, thật đúng đầu óc toàn bê-tông, ông Kurt kêu lên. Đúng rồi, toàn bê-tông!

Ông lấy một miếng bánh mì trắng trong giỏ bánh ra, phết bơ.

Hình ảnh hiện ra trước mắt bà Irina khi nghe nhắc đến "Thiên An Môn" là hình ảnh người đàn ông gầy gò mặc áo trắng đứng chặn trước một đoàn xe tăng bốn hay năm chiếc gì đó. Bà nhớ, ngồi trước máy vô tuyến bà đã nín cả thở lúc chiếc xe đi đầu phụt khói mù mịt, lắc lư dữ tợn, chực

lách sang bên. Bà biết rõ cái cảm giác khi đứng sát sạt bên xe tăng như thế. Hai năm liền, dù chỉ là chân y tá cứu thương thôi, bà đã từng ra mặt trận. Loại xe tăng T-34, cứ nghe máy nổ bà khắc nhận ra ngay.

- Cơ mà ông bảo thằng Sasha nhá, bà Irina nhắc. Kẻo nó lại làm cái gì bậy bạ thì chết.

Ông Kurt khoát tay.

- Bà cứ làm như Sasha nó sẽ nghe tôi không bằng.

- Gì thì gì, ông vẫn phải nói với nó.

- Nói cái gì mới được chứ? Bà cứ đọc mấy dòng ngu xuẩn này mà xem, ông Kurt gõ ngón tay lên tờ *ND,* gõ mạnh đến mức bà Irina xót cả ruột. Toàn chuyện láo toét, toàn thứ ngu xuẩn.

- Thì tối nay ông cứ thử nói thế với mẹ ông xem.

Bà khoái chí nhón một điếu thuốc ra khỏi bao. Ông Kurt nắm lấy tay bà.

- Thôi, thôi, bà ăn cái gì đi đã nào.

Đồng hồ trong phòng khách rù rù chín giờ. Trong giây lát hai người cùng lặng yên, như thể đã hẹn nhau từ trước -muốn nghe xem đồng hồ rù rù điểm mấy giờ thì bao giờ cũng phải lắng nghe cho kỹ. Đoạn, ông Kurt cất tiếng:

- Thôi được rồi, để tôi nói với nó.

Nói xong, ông lấy thìa ăn trứng, nhưng lại dừng, trầm ngâm một lát rồi nói tiếp:

- Nhưng ăn sáng xong mình đi dạo một lúc.

Giờ đến lượt bà Irina cũng lấy một miếng bánh trong giỏ ra, vừa phết bơ lẫn pho-mát vừa nhẩm tính, nếu thôi không phải đi cửa hàng Nga thì dư ra bao nhiêu thời gian để đi dạo. Nói cho đúng, bà chẳng thích đi dạo tí nào, nhất là đi với ông Kurt, ông ấy lúc nào cũng đi như chạy vượt lên trước. Với lại bà không có đôi giày nào hợp mà đi dạo.

- Bà muốn tôi gọi điện cho bà Vera không? ông Kurt hỏi. Biết đâu bà ấy muốn đi cùng.

- Ái chà, hóa ra là thếế...ế, bà Irina dài giọng.

- Làm sao? Thế là thế nào?

- Ông nhớ con mẹ Vera chứ gì, đúng không?

- Không phải bà ấy là bạn *bà* à, ông Kurt nói. Tôi cứ tưởng đi với mỗi mình tôi bà không thích.

- Đã bao giờ tôi bạn bè với con mẹ ấy đâu, bà Irina chua chát.

- Thế càng hay, ông Kurt nói, thì tôi với bà đi một mình.

Bà Irina đẩy miếng bánh sang một bên, châm thuốc hút.

- Này bà nó, thế là thế nào đây.

- Chẳng thế nào cả, bà Irina đáp. Ông đi dạo với bà Vera, thì cứ đi.

- Nào tôi có muốn đi dạo với bà Vera đâu, ông Kurt đáp.

- Xin lỗi đi, bà Irina mỉa mai, ông chả vừa nói ông thích đi dạo với bà Vera đấy thôi.

Lặng đi một hồi. Đoạn có tiếng kẹt cửa ở đâu đấy và sau đó là tiếng chân cụ Nadezhda Ivanovna lết ngoài hành lang, mỗi lúc một gần, rồi chững lại... Bà Irina kéo toang cửa, chìa cái đĩa đựng miếng bánh mì phết pho-mát cho mẹ.

- Đây, mẹ ăn đi, bà nói như ra lệnh.

- Cái gì đấy? cụ Nadezhda Ivanovna hỏi nhưng không đưa tay đón cái đĩa.

- Giời ạ, bánh mì chứ cái gì! Phết pho-mát! Mẹ tưởng con định đầu độc mẹ chắc?

- Tôi ăn pho-mát không tiêu, cụ Nadezhda Ivanovna khẽ đáp.

Bà Irina đứng phắt đậy, đùng đùng đi thẳng vào phòng cụ Nadezhda Ivanovna đặt cạch cái đĩa lên bàn.

Quay trở lại phòng khách, bà Irina mới ý thức được cái mùi trong phòng cụ Nadezhda Ivanovna là mùi gì - ngoài mùi thức ăn thiu mốc lẫn mùi dầu bôi chân hăng hắc, rõ rệt nhất là thứ mùi ngòn ngọt của bột chống mới nhập từ Nga, do cụ Nadezhda Ivanovna rắc quá nhiều ở mọi ngóc ngách.

Bà Irina lại mở giật cửa phòng lần nữa, nói to:

- Mà thỉnh thoảng mẹ cũng phải thông gió chứ!

Bà ngồi phịch xuống, hai tay ôm lấy mặt.

- Bà uống cà phê không? ông Kurt hỏi.

Bà Irina gật đầu, rồi nói:

- Tôi xin lỗi.

Ông Kurt rót cà phê, rồi cẩn thận phết đều bơ đông lạnh còn hơi cứng lên miếng bánh mì, hệt như miếng bà Irina vừa đưa vào phòng cụ Nadezhda Ivanovna. Ông chìa miếng bánh cho vợ.

- Này, Irushka, tôi cứ tưởng, mình đã cho qua chuyện ấy.

Phải, bà Irina thoáng nghĩ, tôi cũng tưởng mình đã cho qua chuyện ấy.

Thế nhưng bà lại nói:

- Thôi ông ạ, ông đi dạo một mình đi, tôi còn lắm việc quá.

- Đi một mình á, ông Kurt nói, đi một mình thì ngày nào tôi chả đi.

- Thế thì ra vườn, bà Irina thủng thẳng, tỉa chỗ hoa hồng cũng được vậy.

- Tỉa hoa à? Ông Kurt thở phù, và bà Irina nói thêm:

- Lát nữa tôi bưng cà phê ra cho ông, cả bánh phết mứt mâm xôi Himbeermarmelade.

Ông Kurt gật đầu, rồi nói nhại bà:

- “Imbärmarmeladde”.

Bởi đúng là bà Irina nói như thế. *Imbärmarmeladde*. Bà thường nói *Ihrsinn* và *Imbärmarmeladde* và *Dê-dê-E-rờ* thay cho Đê-Đê-Er. Từ ba chục năm nay rồi, bà cứ nói như thế, cứng đầu cứng cổ giữ riêng cách phát âm của bà, và cũng từ ba chục năm nay ông Kurt giễu bà chuyện đó.

- Tôi lại nói sai cái gì nào, bà Irina vặn.

- Không, có sai gì đâu, ông Kurt nói tỉnh khô. Ông ngừng một lúc rồi tiếp: Mới đầu mứt nằm trong con gấu, sau đó nó chui ra khỏi con gấu để bà mang ra vườn cho tôi[15].

- Gớm cái ông này, bà Irina kêu lên, vừa cười vừa giơ tay dọa đánh ông.

Ông Kurt làm bộ né tránh rồi đi vào phòng riêng tính tìm cái tẩu thuốc. Đúng lúc ấy điện thoại lại reng.

- Bà để đấy tôi nghe, ông Kurt nói vọng từ trong phòng.

Ông bước vội ra, đặt tẩu thuốc lên bàn, rồi bước tới máy điện thoại, nhấc ống nghe.

- Vâng, tôi nghe.

- A lô, ông Kurt lại nói. Cứ nghe cách ông “a lô”, bà Irina biết ngay đầu kia không phải mẹ ông.

- Thế à, ông Kurt nói. Sao lại thế?

Mặt ông bỗng tái xanh.

- Chuyện gì thế? bà Irina nôn nóng.

Song ông Kurt chỉ giơ tay, ra hiệu bảo khoan hẵng hỏi, và nói tiếp vào ống nghe:

- Không đùa đấy chứ, hả.

Rồi ông lặng im nghe một hồi, chỉ chốc chốc lại khẽ nói:

- Ờ... Ờ... Ờ...

Sau đó có vẻ như đường dây bị ngắt:

- A lô, ông Kurt nói to. A lô?

Hóa ra vẫn là bà Charlotte à? Có chuyện gì nhỉ?

Ông Kurt chậm rãi trở lại bàn, ngồi phịch xuống.

- Ai thế? bà Irina hỏi.

- Sasha, ông đáp khẽ.

- Sasha ư?

Ông Kurt gật đầu.

- Chuyện gì vậy? Nó đâu?

- Nó đang ở Giessen[16], ông Kurt nói khẽ.

Toàn thân bà phản ứng ngay - như thể bị nện một cú rõ mạnh vào người, trong khi đầu óc phải mãi một lúc mới hiểu, Giessen là thế nào.

Hai người ngồi lặng im một lúc lâu.

Lát sau, ông Kurt quay ra nhồi thuốc vào tẩu. Chốc chốc ông lại thở mạnh qua đường mũi, phì phì phát ra một thứ tiếng vẫn phát ra mỗi khi ông hoàn toàn bất lực.

Túi đựng thuốc sợi của ông sột soạt.

Rồi cánh cửa phòng cụ Nadezhda Ivanovna kẹt mở. Tiếng chân chầm chậm, chầm chậm lết về phía phòng khách... rồi dừng. Đoạn, qua khe cửa mở hé, tiếng cụ Nadezhda Ivanovna vọng vào, khẽ khàng, nhưng dứt khoát và lớn dần:

- Ông bà nhớ nhắc thằng Sasha, kẻo nó lại quên lọ dưa muối nhé.

Ông Kurt đứng dậy, tiến về phía cửa, mở toang ra và nói:

- Mẹ à, hôm nay Sasha không đến đâu.

Cụ Nadezhda Ivanovna thoáng một giây lúng túng, đoạn cụ lại nói:

- Không sao, dưa chuột muối để được lâu lắm.

- Ôi giời, ông Kurt giơ hai tay thốt lên, sau lại buông tay xuống rồi nói: Mẹ ơi, mẹ ngồi xuống đây một lúc.

- Thôi, tôi ăn sáng rồi, cụ Nadezhda Ivanovna đáp.

- Mẹ cứ ngồi xuống đây một lát, ông Kurt lại nói.

Cụ Nadezhda Ivanovna lết vòng quanh bàn, ghé ngồi xuống mép một chiếc ghế, đặt lọ dưa muối lên bàn, xếp hai bàn tay nổi gân đầy vết

chai sần vào nhau.

- Mẹ ạ, ông Kurt lựa lời nói, chuyện nó là thế này: Sasha chắc còn lâu nữa mới lại đến đây.

- Nó ốm à? cụ Nadezhda Ivanovna hỏi.

- Không, ông Kurt nói, cháu nó sang bên Tây rồi.

Cụ Nadezhda Ivanovna đắn đo một lát rồi hỏi:

- Bên Mỹ à?

- Không phải, ông Kurt đáp, không phải bên Mỹ mẹ ạ. Ở bên Tây, Tây Đức ấy.

- Tôi biết rồi, cụ Nadezhda Ivanovna gật gù. Tây Đức, thì cũng là Mỹ chứ gì.

Bà Irina không nhịn được nữa.

- Nó đi rồi, bà hét tướng lên. Chết rồi, mẹ hiểu chưa, nó chết rồi!

- Kìa, bà nó, ông Kurt nói tiếng Đức với vợ, sao bà lại nói thế.

Quay sang cụ Nadezhda Ivanovna, ông nói tiếng Nga:

- Không phải thế đâu. Ý nhà con nói cháu đang ở rất xa, và sẽ không về nữa.

- Thì về thăm nhà cũng được, cụ Nadezhda Ivanovna khăng khăng.

- Không mẹ ạ, cả về thăm nhà cũng không. Đến giờ thì con cũng chưa biết gì hơn.

Cụ Nadezhda Ivanovna chậm rãi đứng dậy, lết về phòng. Cụ khép cửa lại, cánh cửa kêu kẹt kẹt, khô khan.

NĂM 1959

Vô cùng.

Thằng Achim Schliepner bảo không đếm được đến vô cùng.

Alexander nằm trên phản, mơ đếm được đến vô cùng. Nó mơ nó sẽ là người đầu tiên đếm được như thế. Đếm như thế nào thì nó biết cách rồi. Nó sẽ đếm, đếm mãi. Đếm tới những số to chóng mặt. Một triệu. Một nghìn triệu. Một ức triệu. Một nghìn ức triệu... Rồi bỗng nhiên, đến vô cùng! Tiếng vỗ tay rầm rầm. Giờ thì nó nổi tiếng. Nó sẽ đứng trên một chiếc Chaika đen, mui trần, thứ xe tuyệt vời của các quan chức Liên Xô, nhiều chỗ mạ kền bóng loáng, đuôi xe có cánh như cánh tên lửa. Xe chạy chầm chậm qua các phố. Hai bên đường toàn người với người, đông nghịt như ngày mồng Một tháng Năm, ai nấy reo hò, vẫy chào nó bằng những lá cờ nhỏ ba màu đen-đỏ-vàng trên tay.

Bỗng bốp một cái, nó bị cuốn sách đập vào đầu. Đấy là sách của bà giáo Remschel, bà ấy canh bọn trẻ ngủ. Đứa nào không ngủ bà đập bốp sách lên đầu.

Mẹ đến đón nó. Trời đã sâm sẩm tối. Chỉ lát nữa ông thợ thắp đèn đường sẽ qua đây.

- Mẹ ơi, bao giờ mình đến bà ngoại?

- Giời ơi, Sashenka, còn lâu.

- Tại sao cái gì cũng còn lâu hả mẹ?

- Con cứ mừng là cái gì cũng còn lâu đi đã. Bao giờ con lớn, tự nhiên mọi thứ lại rất nhanh.

- Sao lại thế?

- Thì nó thế. Càng già, ngày tháng càng nhanh.

Đến lạ.

Rồi hai mẹ con về đến cửa hàng hợp tác xã Konsum. Cửa hàng nằm ở giữa quãng đường về. Đường khá xa, nhất là vào buổi sáng. Nó thấy đường về có vẻ gần hơn. Nó băn khoăn, không biết có phải vì đến chiều là nó đã già thêm một tí rồi không.

- Con có vào đây với mẹ không, mẹ hỏi nó, hay đứng đợi ngoài này?

- Con vào với mẹ, nó nói.

Ở cửa hàng Konsum có sữa tươi bán theo phiếu. Cô bán hàng dùng muỗng múc sữa vào can đựng. Hồi trước là cô Blumert, nhưng rồi cô ấy bị bắt đưa đi mất. Nó còn biết tại sao cô ấy bị bắt nhé: vì cô ấy bán sữa không thu phiếu. Thằng Achim Schliepner nó bảo thế. Nghiêm cấm bán sữa không thu phiếu. Bởi thế, Alexander thấy hoảng khi nghe cô bán hàng mới nói to:

- Không sao, chị Umnitzer ạ, mai chị mang phiếu ra cũng được.

Mẹ nó vẫn cố lục lọi trong ví.

- Con không thích sữa đâu, Alexander vùng vằng.

- Sao cơ?

Nó thấy nghèn nghẹn trong cổ, không cất ngay thành lời được. Đoạn, nó nói nhỏ:

- Con không uống sữa đâu.

Mẹ nó đỡ can sữa từ tay cô bán hàng.

- Con không uống sữa á?

Ra khỏi cửa hàng, chân nó cứng đơ không cất nổi một bước. Mẹ cúi xuống hỏi nó:

- Sao thế hả con?

Nó dằn từng tiếng nói mẹ biết nỗi lo lắng của nó. Mẹ nó cười to.

- Sashenka, chẳng ai bắt mẹ đâu!

Thế là nó mếu máo khóc. Mẹ bế nó lên cao, hôn vào má.

Mẹ gọi nó là cún, cún con[17].

Ở cửa hàng bánh nó được thưởng miếng bánh mật ong. Mật ong ngọt hòa lẫn ở đầu môi với vị mặn trong nước mắt của nó. Nhờ thế, mọi sự ở đời lại dần dần đâu vào đấy.

- Nhưng cô Blumert bị bắt thật, nó nói.

- Vớ vẩn! mẹ nó trợn tròn mắt. Đây có phải Liên Xô đâu.

- Sao lại thế?

- Chà, đấy là mẹ chỉ nói quấy thế thôi, mẹ nó nói. Không khéo con lại mách bà nội, mẹ bảo ở Liên Xô người ta bắt dân bỏ tù, thì khốn.

Nhà nó ở phố Steinweg. Bà với ông Wilhelm ở dưới, nhà nó ở trên: mẹ nó, bố nó, và nó.

Bố nó là *doktor*. Không phải bác sĩ, nhưng vẫn là *doktor,* ghi trên trang giấy bố đánh bằng máy chữ. Bố nó rất cao to và cái gì bố cũng biết. Mẹ thì không phải cái gì cũng biết. Đến tiếng Đức mẹ nói còn chẳng đúng nữa là.

- Thế "kryssa" (con chuột) tiếng Đức là gì nào?

Chỉ thế thôi, là mẹ đã chịu thua rồi.

Cơ mà hồi chiến tranh mẹ đi đánh nhau thật nhá, đánh nhau với bọn Đức.

- Mẹ có bắn chết thằng nào không?

- Không, Sashenka, mẹ có bắn súng lúc nào đâu. Hồi ấy mẹ làm cứu thương.

Thế nhưng nó vẫn hãnh diện lắm. Mẹ nó thắng, bọn Đức thua. Chỉ lạ một điều là bố cũng người Đức.

- Bố đánh nhau với mẹ à?

- Không, lúc chiến tranh nổ ra bố đã ở Liên Xô rồi.

- Sao lại thế?

- Vì bố phải chạy khỏi nước Đức.

- Sau rồi sao?

- Bố đi đốn gỗ.

- Rồi sao nữa?

- Rồi bố gặp mẹ.

- Thế rồi sao?

- Bố mẹ đẻ ra con.

Đẻ! Nó tưởng tượng đẻ là khoan thành lỗ sâu xuống đất[18]. Giống như máy phun nước tưới vườn của bà nội. Một cái cọc dài, nhọn đầu, cắm sâu xuống đất. Sau đó là thế nào thì chưa rõ. Nhất định có dính dáng đến đất.

o0o

Cứ sáng Chủ nhật là nó lại chui vào giường bố mẹ nó nằm. Nó thọc ngón tay vào lỗ đít rồi nói:

- Bố ngửi này.

- Phù, bố nó kêu lên rồi vùng dậy.

Thật là lạ, cứt của nó mà cũng thối.

Sau đó cả nhà tập thể dục buổi sáng, cùng lắc vòng.

- Môn này bây giờ hợp thời lắm, mẹ nó bảo thế.

Mẹ nó lúc nào cũng hợp thời. Bố thì không hợp thời mấy.

Lúc nào bố cũng muốn giữ nguyên quần áo hay đồ đạc cũ.

- Đôi giày vẫn còn tốt chán, bố bảo thế.

Nhưng mẹ lại bảo:

- Nhưng lỗi thời rồi.

Mùi khét, là cái mùi xộc vào mũi lúc nào mẹ thui lông gà.

Điều nó thấy tiện lợi là bố thích ăn thịt ức.

Điều nó không thể hiểu là tại sao bố mẹ tự nguyện đi ngủ trưa.

Sau đó là đoạn chơi cờ. Bố chấp nó hai con xe, nhưng rồi vẫn cứ thắng.

- Hồi còn nhỏ, Morphy mới sáu tuổi đã hạ được bố ông ấy rồi, bố nó bảo vậy.

Cũng chẳng ngại lắm. Giờ nó mới bốn tuổi; phải lên năm cái đã, rồi thì vẫn còn kịp, để thắng bố ván cờ.

Trong tuần có mấy ngày, thứ Hai đến thứ Sáu. Nó còn biết thứ Sáu đầu tháng khác thứ Sáu giữa tháng. Cứ thứ Sáu giữa tháng là nó được xuống với bà nội.

Trước khi xuống, phải tắm. Chải đầu, rồi - nó biết ngay - thể nào mẹ nó cũng lôi kéo cắt tóc ra.

- Cứ bao giờ xuống bà là mẹ lại cắt tóc con.

- Ngồi yên nào.

- Cơ mà nhặm lắm!

Đúng thế - cái cảm giác Xuống-Thăm-Bà là vậy: tắm rửa thơm tho, khoác áo tắm, ngứa ngáy ở sau gáy.

- Thôi, con đi được rồi, cún con ạ, mẹ nó bảo.

Mẹ đứng trên, ở đầu cầu thang. Bà đứng dưới, cuối cầu thang.

- Nào xuống đây, chú chim sẻ của bà.

Nó quay lại vẫy mẹ. Vẫy như thế có nghĩa là, mẹ cứ vào đi. Nó không muốn mẹ nghe bà gọi nó là "chú chim sẻ". Nó cũng không muốn bà

nghe mẹ gọi nó là "cún con".

Thế nhưng mẹ không chịu hiểu, cứ đứng nguyên đấy, lại còn gật gật đầu nữa chứ.

Nó bám thành cầu thang chầm chậm đi xuống, đến chỗ các bậc thang ngoặt dẫn xuống gian phòng ngoài rộng rãi, nơi mà cứ tối đến là cái vỏ ốc màu hồng to đùng lại bật sáng lên. Chẳng ai biết ông Wilhelm làm cách nào gắn được bóng điện vào trong.

Đây là thế giới của bà nội. Cái gì ở đây cũng khác một tí. Lời lẽ nó nói cũng khác ngay, *rắc rối* hơn thế nào đó.

- Bà ơi, hôm nay mình lại làm chuyện bí mật chứ?

- Nhất định rồi, chim sẻ ạ.

Trước hết phải dọn bàn. Alexander sốt sắng chạy đi chạy lại giữa bếp và phòng trà. Bà nội gọi phòng lớn như thế.

Cách dọn bàn (chỉ dùng cho tầng dưới thôi) là: khăn giấy lau tay, lồng trong cái vòng nhỏ bằng bạc, sắp ngoài cùng. Sau đến dao, tiếp theo là nĩa. Rồi đến cái thớt mỏng, bằng gỗ, dùng để cắt bánh mì. Dưới này, bà nội dùng thớt để ăn. Như thế *tiện* hơn, vì trên mặt thớt dễ dùng dao cắt bỏ vỏ bánh mì. Ông Wilhelm không thích ăn vỏ bánh mì. Chiếc thìa con để phía trên cái thớt, dùng để ăn món kem chanh nổi tiếng của bà.

Kem chanh là món Alexander thích ăn. Nó chẳng biết do đâu lại thế; đúng ra thì nó chẳng thích kem chanh tí nào. Nhưng mà đó là món nó

thích ăn - bà bảo vậy.

Ở chỗ bà nó còn uống cả trà hoa cúc, ăn pho-mát dẻo và pa-tê gan. Mấy thứ đó đều gắn với bà. Cũng như cảm giác ngứa ngáy ở gáy vậy.

Đĩa đựng bơ phải đặt làm sao để ông Wilhelm dễ với.

Thế là dọn bàn xong.

Trong lúc chờ đợi hai bà cháu làm chuyện bí mật.

Bí mật của hai bà cháu là ăn bánh mì cắt lát trong bếp. Gọi là bánh gặm. Làm thế là vì ông Wilhelm không chịu được bánh gặm. Người khác ăn ông cũng không chịu được; bà bảo thấy ai ăn ông lại nổi da gà. Cho nên hai bà cháu bí mật ăn bánh gặm với nhau trong bếp. Ăn với mứt.

Cho đến khi ông Wilhelm xuất hiện.

- Thế nào, *hombre*[19]*?*

Vừa hỏi ông vừa xòe cả bàn tay trùm lên mặt nó.

Ông Wilhelm đầu tuy nhỏ, nhưng đôi bàn tay lại to.

Vì trước đây ông là công nhân. Bây giờ ông sang trọng hơn, nhưng đôi bàn tay thợ vẫn to. Bàn tay to đến mức che kín mặt Alexander. Alexander suýt nghẹn, vì miệng đang ngậm đầy bánh.

- Nào, để xem hai bà cháu dọn món gì cho khỉ ăn nào, ông Wilhelm nói rồi khệnh khạng đi vào phòng khách.

- Ông đùa đấy, bà thì thầm với Alexander.

Alexander nghĩ bụng, ông Wilhelm buồn cười thế, có lẽ vì ông ấy không phải là ông nội thật của nó. Vì thế cho nên nó mới gọi ông là ông Wilhelm. Nhỡ gọi nhầm "ông nội" là ông lại nhe hàm răng giả ra. Làm Alexander ghê cả người.

Ăn tối có nhạc, từ máy quay đĩa. Máy quay đĩa là một cái hòm màu tối, phía trên có cái nắp hình bán nguyệt mở lên đóng xuống được.

Ông Wilhelm không thích nhạc.

- Lúc nào bà cũng thích nghe thứ của nợ ấy, ông cằn nhằn.

Thế nhưng, chỉ có ông mới biết sử dụng máy quay đĩa như thế nào. Cho nên bà phải nài nỉ:

- Ông ơi, ông mở nhạc cho bà cháu tôi nghe đi, cháu Alexander nó thích nghe Jorge Negrete[20] hát lắm.

Rốt cuộc ông cũng lôi một bao đựng đĩa nhạc trong tủ ra. Ông dốc cho chiếc đĩa nhựa trôi ra khỏi bao rồi xòe tay đỡ lấy, rất thận trọng, cố làm sao cho các ngón chỉ chạm vành và tâm đĩa nhạc, tay kia ông cầm một chiếc chổi lông quét nhẹ, vòng vòng theo các đường rãnh nhỏ trên mặt đĩa. Chốc chốc ông lại giơ chiếc đĩa soi ra phía ánh sáng. Xong xuôi, ông sờ soạng tìm cái chốt thò ra trên mặt máy để đặt sao cho nó xuyên đúng tim đĩa; vì cái chốt nằm khuất phía dưới nên ông phải loay hoay mãi mới được. Phức tạp lắm. Cuối cùng, ông chỉnh tốc độ quay của máy rồi cúi người xuống, đầu nghiêng nghiêng khiến Alexander nhìn thấy cả đỉnh đầu hói của ông, và cẩn thận hạ đầu kim lên mặt đĩa. Mới đầu chỉ nghe khe khẽ tiếng xèn xẹt bí hiểm... trước khi tiếng nhạc vang lên.

Xương cá vàng![21] Alexander tưởng tượng ra một mẩu xương cá mạ vàng. Có điều, sao xương cá lại dính dáng đến nhạc thì nó không biết. Bố mẹ nó không có máy hát, cho nên bản "Xương cá vàng" là bản nhạc duy nhất nó biết. Nhưng hay ra phết:

México lindoy querido
Si muero lejos de ti
Que digan que estoy dormido
Y que me traigan aquí[22]

Nó chẳng hiểu gì; nhưng điệp khúc này chắc nó vẫn nhẩm theo được.

- Cháu có biết tại sao người ta gọi người da đỏ châu Mỹ là người Indian không? ông Wilhelm hỏi rồi ném bộp một khoanh bánh mì lên thớt.

Alexander biết tại sao người ta gọi người da đỏ là người Indian. Chính ông Wilhelm đã đôi lần cắt nghĩa cho nó. Cũng chính vì thế mà nó chần chừ.

- À ra thế, ông Wilhelm đắc thắng, ra chú mình không biết. Cái bọn trẻ này! Chẳng biết mô tê gì sất!

Ông phết tiếp một mẩu bơ lên khoanh bánh rồi miết một nhát.

- Ông Colombo gọi người da đỏ là người Indian vì ông ta tưởng mình đặt chân lên đất Ấn Độ, India. *Comprende*[23]? Và ta vẫn gọi họ mãi như thế. Thế có ngớ ngẩn không?

Ông phết thêm một lớp ngon ngộn pa-tê gan lên khoanh bánh.

- Người da đỏ, ông nói tiếp, là thổ dân trên lục địa châu Mỹ. Châu Mỹ là của họ. Thế nhưng...

Ông đặt một quả dưa chuột muối lên khoanh bánh mì, đúng hơn là quẳng quả dưa lên bánh, nhưng trệch, quả dưa lăn xuống bàn.

- Thế nhưng, ông nói, hiện giờ họ thuộc hạng nghèo nhất. Bị tước đoạt, bị bóc lột, bị áp bức.

Ông cắt dọc quả dưa thành hai nửa, ấn ngập cả hai vào lớp pa-tê gan rồi nhồm nhoàm nhai.

- Đấy, ông lầu bầu, chính là chủ nghĩa tư bản đấy!

Ăn tối xong, Alexander theo bà vào nhà kính. Trong đấy vừa ấm áp vừa ẩm ướt. Có mùi gì ngòn ngọt, mằn mặn. Bồn phun nước trong chậu cảnh kêu rù rù. Giữa đám cây xương rồng, cây cao su cảnh lổn ngổn những thứ bà đem từ Mexico về: nào san hô, nào vỏ sò, vỏ hến, cả những đồ vật bằng bạc thật, bộ da rắn đuôi chuông chính tay ông Wilhelm dùng dao rựa hạ thủ; trên tường treo mũi kiếm của một con cá kiếm thật, dài gần hai thước, nhưng trông không thực, giống như cái sừng ngựa thần trong chuyện cổ tích. Song, ghê nhất vẫn là con cá mập con nhồi bông, lớp da sần sùi của nó lúc nào cũng làm Alexander sởn gai ốc.

Hai bà cháu leo lên giường ngồi. Giường của bà đặt ở đây vì chỉ có ở đây bà mới ngủ yên được. Rồi bà bắt đầu kể chuyện. Bà kể về chuyến đi dài, cưỡi ngựa mấy ngày liền, sau lại đi ca-nô; về giống cá cọp piranha hung dữ, có thể chén gọn một con bò; về những con bọ cạp chui vào giày của bà; về những giọt nước mưa to như quả dừa; về những cánh rừng

nguyên thủy cây cối ken nhằng nhịt, dày đến mức phải dùng dao rựa chặt mới mở được lối đi, một lối đi khi quay lại, cây cối đã lại mọc che kín mất rồi.

Hôm nay bà kể về người Aztek. Lần trước bà kể người Aztek đi xuyên sa mạc. Bữa nay họ tìm thấy một thành phố bỏ hoang; vì không ai ở đấy cả, người Aztek bảo đây là nơi Thần Thánh cư ngụ và đặt tên thành phố này là Teotihuacán, *nơi người sẽ hóa thành Thần*.

- Bà ơi, cơ mà làm gì có Thần Thánh.

- Thật ra thì không có Chúa hay Thần Thánh gì, bà đáp. Rồi bà lại kể Thần Thánh đã tạo ra thế giới thứ năm như thế nào.

- Bởi vì thế giới, bà nói, đã bốn lần tiêu tan rồi; tối tăm, lạnh lẽo, không thấy mặt trời đâu nữa, chỉ còn độc một ngọn lửa trên đỉnh kim tự tháp Teotihuacán là vẫn cháy mà thôi. Các vị thần họp nhau bàn bạc và nhất trí, phải có ai đó trong số họ chịu hiến sinh thì mặt trời mới mọc được.

- Bà ơi, *hiến sinh* là thế nào hả bà?

- Có nghĩa là ai đó phải ném mình vào lửa để mặt trời mới mọc lên.

- Tại sao thế?

- Thì ai đó phải hiến mạng, để người khác sống.

Đến lạ!

Mẹ đưa nó lên giường ngủ.

- Hôm nay mẹ nằm đây với con chứ?

- Hôm nay không, mẹ nói khẽ, mẹ vừa uốn tóc.

Lúc mẹ đi ra, váy mẹ kêu sột soạt.

Hôm nay nó thấy người thế nào ấy. Trong bóng tối như có ma lượn lờ. Nó chợt nghĩ đến Thần vừa phải nhảy vào lửa. "Kipitalismus"[24], ông Wilhelm nói thế thì phải; nghe nóng ran: "kipit" tiếng Nga có nghĩa là "nước sôi". Nó thấy cá cọp piranha bơi tung tăng trong bát canh đang sủi bọt. Đừng nhúng tay vào, bố nó bảo. Người Aztek nhảy múa trên sa mạc toàn cát, mặt mũi méo xệch vì đau đớn. Bà gọi to, ông Wilhelm, ông Wilhelm. Ông Wilhelm hiện ra, đổ nước từ lọ dưa muối lên cát cho khỏi nóng. Mẹ nó mặc váy rất đẹp, chia giày dép cho người Aztek. Giày nữ, đã cũ, lỗi thời, mấy người Aztek ngắm nghía ngạc nhiên lắm nhưng vẫn xỏ chân vào. Rồi họ đi tiếp, xuyên sa mạc, cát ướt đẫm nước dưa chuột muối. Giày họ bê bết bùn.

Alexander choàng tỉnh, nôn thốc tháo, ra toàn mùi kem chanh. Sau đó nó bị sốt suốt ba ngày.

Sang tháng Tư là sinh nhật nó. Nó được tặng chiếc xe trượt đẩy chân (bánh hơi hẳn hoi), phao bơi và một xe kéo bánh xích, chạy bằng pin.

Đến dự sinh nhật có mấy đứa bạn: Peter Hofmann, Matze Schoneberg, Katrin Mählich và Renate ít nói. Thằng Peter Hofmann ăn một lúc cả ba miếng bánh. Chúng nó chơi trò bịt mắt bắt dê.

Bây giờ, vì nó đã lên năm, nó lại hỏi mẹ nó:

- Mẹ ơi, bao giờ mình đi thăm bà ngoại Nadya hả mẹ?

- Đầu tháng Chín.

- Thế bao giờ đến tháng Chín hả mẹ?

- Giờ mới tháng Năm, hết tháng Sáu, tháng Bảy, tháng Tám rồi mới đến tháng Chín con ạ.

Alexander phát cáu.

- Mẹ bảo bao giờ con lớn thời gian sẽ trôi nhanh hơn cơ mà.

- Bao giờ con lớn hẳn cơ, Sashenka ạ. Thật lớn cơ.

- Thế bao giờ con mới thật lớn?

- Mười tám tuổi thì con thật lớn.

- Thế lúc ấy con sẽ cao bao nhiêu? Cao như bố à?

- Nhất định con sẽ cao hơn.

- Tại sao thế?

- Chà, con cái thường cao lớn hơn bố mẹ. Cũng là vì về già bố mẹ thường lùn đi một tí.

Rồi mẹ quay đi, nói tiếng Đức: cho tôi mua nửa cân thịt băm.

Trời chuyển sang hè.

Mới đầu nó còn phải mặc cả để được phép Mặc-Quần-Cộc. Nhưng rồi, chỉ ít ngày sau, mùa hè khỏe lên, lặng lẽ lan khắp nơi, len lỏi vào mọi ngóc ngách ở làng Neuendorf, xua hết hơi lạnh; bãi cỏ giờ ấm hẳn lên, không trung râm ran tiếng côn trùng và chẳng ai còn nhớ mấy ngày đầu, mặc quần cộc chạy ra ngoài còn sởn da gà; cũng chẳng ai nghĩ lúc nào đấy mùa hè sẽ trôi qua.

Nó trượt pa-tanh. Bánh xe bằng kim loại, rất mới, kêu rất to. Ông Wilhelm bước ra:

- Thật không chịu được. Trò khỉ gió!

Làm cung bắn nhau. Tên bẻ từ bụi cây gì đó, không biết bụi gì; buộc mũi tên nhọn bằng dây đồng. Thằng Uwe Ewald bắn tên vào mắt thằng Frank Petzold. Phải vào bệnh viện. Bị mắng một trận ghê người.

Lấy phấn vẽ lên mặt đường phố. Thằng Peter Hofmann mới đầu vẽ dấu thập ngoặc, nhưng sửa ngay thành cửa sổ - thêm mấy nét vẽ là được.

Bị nghiêm cấm chui vào lô cốt. Bọn trẻ lớn vẫn chui; bọn nhỏ cũng chẳng vừa. Alexander vừa chui vào đấy đã thấy ngay con gì như con ma: có đầu hẳn hoi, má đỏ, sáng như ngọn đèn. Hoảng quá, tóc gáy nó dựng cả lên. Nó lặng lẽ chuồn ngay.

Không ra cấm, nhưng hình như cũng không ra cho phép là trò kỵ sĩ cưỡi ngựa với bạn Renate Klumb. Chơi trò này, Renate phải nằm sấp

xuống cỏ, váy kéo lên, nó cưỡi lên lưng. Renate không cần động đậy gì cả, chỉ cần chạm vào nhau đôi chỗ là được.

Nhá táo xanh với thằng Matze. Rồi bị ỉa chảy.

Con Katrin Mählich bị kẹt ngón tay vào ghế xếp.

Nghịch cát ở thùng cát nhà Hofmann, xây phố bằng cát cho bọ cánh lửa. Bọ cánh lửa giờ nhiều lắm. Mấy hòn đá do nắng chiếu vào ấm hẳn lên, chúng nó bò đàn đàn ra đấy sưởi, nằm yên không động đậy.

Đúng lúc mặt trời đứng yên trên trời cao, ngày nào cũng chói chang như ngày nào, thời gian, bất chấp mọi lời mẹ hứa hẹn, dường như dừng lại không trôi nữa và Alexander cũng gần quên khuấy đi rồi thì mẹ lại bảo:

- Tuần sau nhà mình đi thăm bà Nadya.

Alexander khoe:

- Tuần sau tao đi Liên Xô.

Thằng Achim Schliepner có vẻ không chú ý gì lắm.

- Liên Xô là nước lớn nhất thế giới đấy, Alexander lại nói.

Nhưng thằng Achim Schliepner lại nói:

- Nước Mỹ lớn hơn.

Lên đường. Toa xe màu lá cây. Toa giường nằm, dễ chịu như ngôi nhà trên bánh xe. Có thể uống cả trà nữa. Ly uống trà có hình điện Kremlin. Bay vòng quanh điện Kremlin là chiếc vệ tinh sputnik nhỏ tí ti.

Ở Brest, tàu hỏa đổi bánh xe. Đường ray ở Liên Xô rộng hơn.

- Mẹ ơi, Liên Xô là nước lớn nhất thế giới nhỉ.

- Đúng rồi.

Nó không nhớ gì, nhưng *cái gì* nó cũng biết. Thậm chí cả mùi xe taxi ở Moskva, vừa có mùi cao su cháy sém, vừa có mùi xăng. Cả thành phố Moskva hình như ám toàn mùi taxi.

Quảng trường Đỏ. Hàng người rồng rắn trước cửa Lăng.

- Không, con ạ; không kịp đâu.

Nhưng lại được ăn kem Eskimo. Mới lại sữa chua *prostokvasha* với đường.

Tàu điện ngầm. Đứng trước cầu thang cuốn nó hơi rờn rợn. Trước cửa quay còn kinh hơn.

Thêm ba ngày chạy trên tàu nữa. Đến Sverdlovsk[25] phải đổi tàu, chạy nửa ngày thì rốt cuộc cũng đến Slava.

Nhà ga nằm phía ngoài thành phố. Chiếc xe jeep đón mẹ con nó phải chạy vòng để tránh ổ gà trên đường. Không phải ổ gà thường, mà to, như miệng núi lửa.

Xóm dân cư. Hàng rào gỗ ván chạy dài. Nhà cửa cũng bằng gỗ; nhà nào nó cũng tưởng nhà bà ngoại Nadya.

Chú lái xe bóp còi, bà ngoại Nadya xuất hiện ở cửa.

- Sao bà lại khóc hả mẹ?

- Bà mừng nên bà khóc, mẹ nó đáp.

Ngôi nhà của bà khá nhỏ. Căn bếp, thêm một phòng nữa. Giữa nhà là cái lò sưởi. Bà ngoại ngủ trên lò, mẹ con nó ngủ giường.

Phía sau nhà là cái sân, có nhà tắm hơi nước và chuồng bò. Con chó khoang đen trắng bị xích ở sân là con Druzhba. Druzhba nghĩa là Hữu nghị. Hữu nghị sủa váng lên, xích kêu loảng xoảng. Bà quát nó:

- Hữu nghị! Im!

Trong chuồng bò là một con bò cái và một con lợn. Con bò màu nâu, tên là Marfa. Còn con lợn không có tên, chỉ gọi là lợn thôi. Cũng như ông Wilhelm chỉ là ông Wilhelm thôi.

Nó rất sợ con lợn. Lúc nào được thả ra là con lợn chạy tứ tung trong sân, kêu ầm lên. Con Hữu nghị cũng sợ lợn. Nhưng con Hữu nghị thì nó không sợ.

Không những thế, nó còn được dắt con Hữu nghị đi chơi. Nói cho đúng thì nó làm gì cũng được. Leo cả mái nhà. Đến như vũng nước nó cũng được lội. Chỉ không được vào rừng thôi.

- Cấm bước vào rừng nhé, bà dặn.

Vì trong rừng dễ bị lạc. Bị lạc thì chó sói ăn thịt.

- Rồi chỉ còn xương của cháu thôi, bà lại nói.

- Thôi mẹ đừng dọa cháu thế, mẹ nó can.

Tuy thế nó vẫn không được phép vào chơi trong rừng. Mẹ nó bảo:

- Vào đấy muỗi nó ăn thịt đấy.

Nhưng bị muỗi ăn thịt thì nó chẳng tin. Bị chó sói thì tin hơn.

Múc nước từ giếng lên rất hay. Bà ngoại Nadya đặt đòn gánh lên vai, bên trái bên phải, mỗi bên một thùng đựng nước, rồi hai bà cháu lên đường. Cái giếng không xa lắm. Treo thùng nước vào cái móc rồi thả ra là nó tự chạy xuống.

Alexander được phép giúp bà kéo thùng lên.

Mỗi tuần một lần có bán bánh mì. Hàng người xếp dài trước cửa hàng. Mỗi người được mua ba ổ. Alexander cũng được tính một suất. Ba người trong nhà được cả thảy chín ổ. Giá mỗi ổ là mười một cô-pếch. Ba ổ để ăn, sáu ổ còn lại cho bò. Nhúng nước cho mềm. Lúc ăn, con bò tóp tép rõ to. Khoái trá lắm.

Nhà bà có điện, nhưng không có khí đốt. Nấu gì bà cũng nấu trong cái ngách lò. Lúc nào pha trà thì bà bật ấm xa-mô-va lên. Lúc nào cũng trà

đen, sáng, trưa, tối. Ấm xa-mô-va reo khe khẽ, còn bà ngoại chơi bài với nó.

Tối nào bác Pavel Avgustovich cũng ghé chơi, mặc com-lê, đeo cra-vat. Bác ấy lạ lắm, người gầy nhom, cổ lỗ, bác ấy hôn tay mẹ.

- Đúng là đáng xấu hổ, mẹ nói với bà. Gì thì anh ấy cũng tốt nghiệp nhạc viện.

- Thì biết làm sao được, bà đáp. Chúa đã định rồi.

Có hôm lại toàn các bà đến chơi, bà nào cũng choàng khăn trên đầu. Các bà hát với nhau đến tận đêm. Mới đầu hát bài vui nhộn. Ai nấy vỗ tay theo nhịp, có bà còn nhảy. Sau đến lượt hát các bài buồn. Các bà đều khóc. Cuối cùng các bà ôm nhau, người này lau nước mắt người kia.

- Tiếc thật, Alexander nói, nhà mình không ở chung một phòng.

Lại quay về nhà. Thứ Sáu xuống bà nội, nó có chuyện để kể.

- Cháu đi tàu mất năm ngày nhá!

- Hay nhỉ, bà nó nói. Nhưng có lẽ cháu để đến tối hẵng kể, cho ông Wilhelm cùng nghe. Ông cũng thích nghe những chuyện này lắm đấy.

Nó tỏ ra băn khoăn. Bà động viên nó:

- Bà cháu mình hẹn nhau thế này; bà sẽ gợi ý để cháu kể.

Gợi ý thế nào?

- Ví dụ nói về Liên Xô. Bà sẽ bảo, bà muốn sang Liên Xô nghỉ phép. Như thế là gợi ý để cháu kể chuyện Liên Xô.

Ông Wilhelm phết bơ lên khoanh bánh mì. Ông nói:

- Người da đỏ hiện nay là người nghèo khổ nhất. Bị áp bức, bị bóc lột, bị cướp đoạt đất đai.

Bà nói:

- Ở Liên Xô không có chuyện ai bị bóc lột hay bị áp bức

- Chuyện đó thì rõ rồi, ông Wilhelm nói.

Bà quay sang nhìn Alexander, rồi dài giọng nhắc lại:

- Ở Liên Xô không có chuyện ai bị bóc lột hay bị áp bức cả.

- À, phải rồi, cháu vừa đi Liên Xô về, ông Wilhelm sực nhớ ra. Kể xem nào!

Bỗng dưng Alexander quên tiệt hết cả.

- Thế nào, ông Wilhelm thúc, cháu không nói chuyện với người bình dân à?

- Ở chỗ bà ngoại Nadya, phải múc nước từ giếng lên.

Ông Wilhelm ho húng hắng.

- Thôi được, cứ cho là như thế. Lúc tôi với bà ở bên ấy, bà nhớ không, thậm chí ở Moskva cũng còn giếng. Ngay ở Moskva nhé, cháu tưởng tượng xem. Còn bây giờ thì sao? Cháu cũng đi qua Moskva, đúng không?

Alexander gật đầu.

- Thấy chưa, ông Wilhelm nói tiếp. Bao giờ cháu lớn lên thì không nơi nào ở Liên Xô phải dùng nước giếng nữa. Bao giờ cháu lớn như bố cháu bây giờ thì Liên Xô đã lên chủ nghĩa cộng sản từ lâu rồi - có khi khắp nơi trên thế giới rồi cũng nên.

Phải lấp hết giếng nước thì Alexander thấy cũng không hay lắm, nhưng nó không muốn làm ông Wilhelm buồn. Thành ra, nó lại nói:

- Liên Xô là nước lớn nhất thế giới.

Ông Wilhelm gật đầu, ra vẻ hài lòng và nhìn nó, như chờ nó kể chuyện tiếp. Cả bà cũng có vẻ chờ. Nó bèn nói thêm:

- Cơ mà thằng Achim Schliepner ngu lắm. Nó bảo nước Mỹ mới là nước lớn nhất.

- Thế à, ông Wilhelm nói to. Hay nhỉ.

Rồi quay sang phía bà, ông nói tiếp:

- Cái nhà Schliepner ấy, bầu cử cũng lại không đi đâu nhé. Nhưng rồi ta sẽ lôi cổ chúng nó đi thôi.

Đến nhà trẻ. Bây giờ nó đã lên nhóm lớn. Thằng Achim Schliepner chuyển đi nơi khác. Còn lại nó là đứa khôn nhất. Bằng chứng là:

- Tao đến Moskva rồi nhá.

Đến cả bà giáo Remschel cũng chưa đến đó nhá.

- Khi nào lớn, tao sẽ đi Mexico.

Bởi khi nào nó lớn thì khắp nơi đã là *Komponismus*[26]. Lúc ấy người da đỏ không còn bị bóc lột và áp bức nữa. Không ai phải hy sinh làm gì. Chỉ còn rắn đuôi chuông, chắc chắn thế. Và bọ cạp trong giày. Thế nhưng nó biết cách rồi: sáng sáng phải rũ giày cho kỹ. Có thế thôi; đấy là mẹo bà mách riêng cho nó.

Hôm nay Chủ nhật. Alexander đi ngoài đường với bố mẹ. Dọc phố Thälmann. Cây cối nhiều màu. Khắp nơi thoang thoảng mùi khói. Mọi người quét gom lá rụng thành đống nhỏ nhỏ rồi đốt. Ném quả dẻ vào lửa, lúc sau nó nổ đánh tách một cái.

Cả nhà đi ngay giữa lòng đường. Tay nắm tay, mẹ bên trái, bố bên phải. Alexander nói bố mẹ biết sự thể sẽ thế nào.

- Rồi con sẽ lớn nhá, còn bố mẹ thì nhỏ đi. Sau đến lượt bố mẹ lớn lại, còn con nhỏ đi. Cứ thế mãi.

- Không được, bố nó nói, không hẳn thế. Bố mẹ sẽ nhỏ lại chút ít, nhưng không trẻ lại. Bố mẹ sẽ già đi, rồi lúc nào đấy sẽ chết đi.

- Ai cũng chết à?

- Đúng rồi, Sasha ạ.

- Con cũng thế à?

- Ừ, cả con lúc nào đấy cũng sẽ chết, nhưng từ giờ đến lúc đó còn rất rất lâu, lâu *vô cùng,* con chưa cần nghĩ đến.

Đến lạ.

Vô cùng. Đằng xa kia, nơi mọi thứ mờ đi trong khói, nơi cây cối trông nhỏ dần, chắc là nơi vô cùng. Bố mẹ đang cùng đi với nó đến nơi ấy. Hơi lạnh mơn man gò má nó. Bước, bước mãi, nhẹ nhàng đến phát sợ, nhưng dường như vẫn không tiến được thêm chút nào.

Nếu nó có mỉm cười thì chỉ vì ngượng mà thôi: cái trò nó nghĩ ra khi nãy, lúc lớn lên lúc nhỏ lại, thật ngốc nghếch quá.

NĂM 2001

Cái sân bay trông giống nhà trọ dành cho kẻ vô gia cư. La liệt túi ngủ. Người xếp hàng dài trước các quầy vé. Trên bảng hiệu nhấp nháy tin báo các chuyện bay bị hủy. Ở đây thiên hạ dường như ai nấy đều đọc độc một tờ báo ấy thì phải. Bức ảnh trang đầu chụp một chiếc máy bay đâm thẳng vào tòa nhà chọc trời. Hay đấy là máy bay không người lái nhỉ? Hay tên lửa?

Máy bay đi Mexico cũng bị trễ.

Alexander mua một cuốn hướng dẫn du lịch (loại *Backpacker* nổi tiếng, dùng cho khách du lịch bụi), một cuốn từ điển Đức-Tây Ban Nha cầm tay, chiếc gối đỡ cổ thổi hơi và một tờ báo tiếng Tây Ban Nha, để nhập hội. Một từ, không cần từ điển cũng hiểu, là *terrorista*[27].

Rốt cuộc, rồi cũng được làm thủ tục lên máy bay. Lúc máy bay lăn trên đường băng chuẩn bị cất cánh, mấy cô tiếp viên múa may chỉ dẫn các biện pháp an toàn. Các cô vừa múa vừa mỉm cười, nếu có thể gọi đấy là cười, một cách nhẫn nại. Alexander thử hình dung khuôn mặt họ sẽ thế nào khi máy bay bị rơi thật.

Ý nghĩ ngay lúc máy bay cất cánh: thì ra vẫn còn khá nhiều cách để từ giã cõi đời này. Chỉ nghĩ thế đã thấy yên lòng, kể cũng buồn cười.

Anh gắng ngồi thật thoải mái, kẹp giữa một ông béo quá cỡ cổ đeo dây chuyền vàng và một bà mẹ mặt mũi nhợt nhạt, cố giữ yên đứa con luôn mồm đòi uống Cola. Anh không đọc gì, cũng không định ngủ, mắt không rời màn hình nhỏ treo ngay trước mũi, chỉ đường máy bay đang bay, độ cao tăng và nhiệt độ giảm dần.

Anh nhận tất tật, những gì họ đưa cho anh, cà phê, tai nghe, tấm bịt mắt để ngủ, bữa trưa, đến cả món tráng miệng bí hiểm đựng trong hộp nhựa anh cũng xơi trọn.

Khoảng hai ba giờ sau thì có chiếu phim. Một bộ phim hành động xoàng xĩnh nào đấy. Người đấm người, giẫm đạp nhau, ồn ào, đến mức anh còn nghe thấy qua cả tai nghe người ngồi cạnh. Thật ra, chẳng có gì đặc biệt, nhưng tự dưng anh không chịu được. Sao lại chiếu những thứ như thế? Để xem người hành hạ người thế nào sao?

Anh lấy tấm bịt mắt đeo lên, nhét tai nghe vào tai rồi dò suốt một lượt các chương trình.

Nhạc Händel. Một bản *aria* nào đấy trong số các bài nổi tiếng: dè dặt và u sầu đến đáng ngại. Anh rón rén nghe, sẵn sàng tắt máy bất cứ lúc nào, đề phòng lời ca chạm quá sâu vào lòng anh.

Nhưng không, chẳng có chuyện gì. Anh ngả lưng, thả hồn theo lời ca tiếng nhạc thần tiên - không, cũng chẳng thần chẳng tiên gì, mà ngược lại. Khác hẳn nhạc của Bach: đầy vẻ hạ giới, vẻ trần gian. Trần gian đến mức xót xa. Anh chợt hiểu, đây là nỗi đau vĩnh biệt. Nhìn cuộc đời, với con mắt kẻ từng trải, biết rõ đời rồi sẽ lụi tàn. Không biết lúc sáng tác bài ca tài tình này Händel bao nhiêu tuổi? Không biết thì hay hơn.

Không rõ thằng cha này đã tốn bao nhiêu thời gian để viết. Mà sao mọi sự lại nhẹ nhàng thế, rành mạch thế.

Ý nghĩ đó làm anh chợt nhớ đến vở kịch cuối cùng anh dựng ở K. Thì rồi, nếu muốn anh cũng có thể tự an ủi rằng lời phê tiếng bình không đến nỗi ghê gớm như anh ngại lúc đầu. Anh nhớ hôm khai trương anh đã ngồi bệt trên bậc thang thế nào, đã ngồi chết lặng nhìn đám diễn viên uốn éo, hò hét thủ vai ra sao. Phông màn rắc rối, lòe loẹt. Hệ thống đèn chiếu rối rắm (còn mua thêm cả chiếc đèn pha đắt kinh người)... Bề bộn quá. Nhọc nhằn quá. Rắc rối quá.

Có phải đấy không nhỉ? Nỗi nhọc nhằn, sự rắm rối ấy. Có phải *đấy* mới là căn bệnh ung thư của anh?

U lympho không Hodgkin... Rồi lão ta giảng giải cho anh về căn bệnh, miễn cưỡng ngật ngà ngật ngưỡng trên chiếc ghế xoay, tay mân mê chiếc thước kẻ bằng nhựa. Có đúng tay lão cầm thước kẻ không nhỉ? Lúc giải thích gì đó cho anh về tế bào T, là thứ sẽ làm anh chết dần chết mòn ấy, có phải lão cứ vẽ những quả cầu ngộ nghĩnh vào không trung không?

Chuyện ngược đời là ở chỗ, loại tế bào này vốn là tế bào kháng bệnh. Cứ theo như Alexander hiểu, thì tế bào hệ miễn dịch, vốn giữ vai trò chống đối các tế bào lạ xâm nhập, nay lại biến thành những tế bào độc hại khổng lồ.

Đêm hôm trước, đêm trước buổi chẩn bệnh, sau khi anh đã thao thức, nằm chong mắt hàng giờ và gần phát điên phát cuồng vì tiếng lạch xạch phát ra từ chiếc máy thở ôxy của ông già nằm giường bên cạnh, một thứ tiếng lạch xạch lì lợm xuyên qua cả núm bông bịt tai, vào khoảng ba giờ sáng, sau khi hết câu hỏi này đến câu hỏi khác, hết tình huống này đến

tình huống khác đã đảo qua đảo lại trong đầu, anh vùng dậy, lần ra hành lang đứng trước tấm sơ đồ giải phẫu người để hoài công định vị xem căn bệnh mình nằm đâu... thì bỗng dưng trong đầu anh nảy ra ý nghĩ, dù nó là cái gì, dù nó nằm ở đâu thì người ta cũng sẽ cắt bỏ nó đi, và anh sẽ vật lộn, để sống ở đời này. Nói đến vật lộn, anh hình dung cảnh mình chạy vòng trong vườn hoa Humboldthain, chạy để sống, anh nghĩ bụng, chạy để rũ hết bệnh tật, chạy đến lúc không còn lại cái gì của anh sất, ngoại trừ cái lõi, cái bản chất của anh, chạy đến lúc giữa da với gân không còn dư chỗ nào cho thứ mô độc địa nọ...

Nhưng tuyệt nhiên không có gì để cắt bỏ, để định vị cả. Nó bắt nguồn từ chính anh, từ hệ miễn dịch của anh. Không, nó *vốn là* hệ miễn dịch trong người anh. Chính anh, chính anh là căn bệnh của mình.

Giọng lão bác sĩ trong tai anh vẫn đang mô tả cái gì đó cong cong. Tâng tâng, quạc quạc, cười cười...

Anh bỏ tấm bịt mắt, ngó quanh xem có ai thấy anh đỏ mặt không... Nhưng chẳng ai để ý đến anh. Ông béo cổ đeo dây chuyền vàng dán mắt vào màn hình trước mặt (dù sao ông ta cũng đã tìm được cách để không bị *ung thư*). Bà mẹ mặt mũi nhợt nhạt đang gắng ngủ, còn độc đứa trẻ là trân trân nhìn anh bằng cặp mắt sáng màu Cola.

Sân bay Mexico. Nóng như lò sấy hơi. Vừa đặt chân vào thành phố (mà đồng thời cũng là đặt chân lên một đất nước, lên một lục địa) anh thoáng nghĩ, ở đây không có mùi phân đạm như trong nhà kính của bà nội anh.

Anh bắt taxi. Tay lái xe chạy như chú heo con bị thui, ngồi nghiêng nghiêng trên ghế, ngả gần nửa người qua cửa xe. Chạy như trên cầu trượt hình số tám. Alexander ngồi ngả người ra sau. Chiếc xe phóng như bay trên đại lộ nhiều luồng, lái xe quay tay lái liên tục, chạy vòng vòng như bị sai đường, lách bạt mạng qua khe hẹp giữa các xe chạy trên đường. Xe cộ gào rống ầm ầm. Rẽ ngoặt sang phải, vào một đường phố hẹp, bên trái, bên phải toàn người là người. Đèn đỏ, nhưng tay lái xe không dừng lại. Và, đến lúc này mới thấy gã quay đầu nhìn bên này bên kia để trông chừng.

Khách sạn Borges, theo gợi ý từ cuốn hướng dẫn du lịch *Backpacker,* nằm ở *Centro histórico*[28], 35 đô-la một đêm. Tại quầy lễ tân, gã trai mặt búng ra sữa mặc com-lê màu xanh giảng giải gì đó anh không hiểu. *El quinto piso,* thì anh hiểu, có nghĩa là tầng năm. Căn phòng khá rộng. Bàn ghế sơn màu booc-đô, cũng không đến nỗi kệch cỡm lắm. Alexander buông người xuống giường. Làm gì bây giờ nhỉ?

Anh xuống gác, bước ra đường. Hòa mình cùng thiên hạ. Lúc này là tám giờ tối. Phố xá đầy người; anh bơi giữa đám đông, thở hơi thở người khác. Mấy viên cảnh sát người nhỏ thó thổi còi liên tục; mặc dù trời nóng nực họ vẫn mặc áo chống đạn dày cộp. Lúc bị thụt chân xuống một hố trũng rộng như miệng cống trên đường, anh ngã xô vào đám người đi ngược về phía anh. Mọi người vừa cười vừa đỡ anh, tay người Âu to lớn, vụng về này. Rồi anh lọt vào giữa một công viên. Người ta chào bán đủ thứ. Thịt lẫn rau trong những cái chảo to tướng. Chăn màn, đồ trang sức, máy điện thoại cũ, lưỡi cưa vòng, đồng hồ báo thức, bóng bì heo. Những thứ anh không biết là thứ gì, hay đúng hơn là thứ gì cũng có, mũ kết từ lông chim, hình nộm người, các loại đèn, thánh giá, bộ loa âm thanh nổi, các loại mũ...

Alexander mua một chiếc mũ. Anh biết mà, từ lâu anh đã muốn mua mũ để đội, nhưng chưa có cớ. Bây giờ thì anh có cớ để mua. Ở Mexico ai cũng đội mũ, để che nắng. Nhưng anh chẳng nói vậy. Anh mua chiếc mũ, vì thấy nó hay hay. Anh mua chiếc mũ để phá lệ anh buộc phải học từ xưa. Anh mua chiếc mũ, để khác với bố anh. Anh mua chiếc mũ để đảo ngược cả cuộc đời anh, vốn *không* đội mũ bao giờ. Tại sao nhỉ? Mọi thứ đều đơn giản thế này kia mà! Anh thấy buồn cười. Thậm chí anh cười thật. Không, dĩ nhiên không cười to, chỉ cười mỉm thôi. Anh thả mình theo dòng người. Giờ anh thuộc hẳn vào đám đông. Đều đội mũ, anh là một người trong số họ. Bỗng dưng anh nói được tiếng Tây Ban Nha. Cái này giá bao nhiêu... Tôi muốn... *Taco, tortilla?... Gracias, Señor... Señor!* Anh cúi người kiểu cách, như người ta vẫn làm mỗi khi nhận bằng hay danh hiệu danh dự gì đó. Bà già bán hàng cười khúc khích, hàm răng còn độc một chiếc. Alexander đi tiếp. Lại ăn tortilla. Lại đi, lại dừng. Lại xe cộ. Lại gặp một đám cảnh sát người nhỏ con, thổi còi inh ỏi, trông có vẻ vô nghĩa; nhưng anh chợt hiểu: họ chỉ thổi thế thôi, chẳng có ý gì hơn. Như chim vậy. Chim thì tất phải hót vậy. Đến lạ! Họ hoa chân múa tay, vô nghĩa, vô lý, trong khi xe cộ vẫn tự vận hành theo một quy luật tự nhiên nào đấy.

Tiếng nhạc từ đâu đó vọng đến. Không phải còi, nhạc hẳn hoi. Nghe chưa rõ lắm, văng vẳng, lúc tiếng vĩ cầm, lúc tiếng kèn trumpet. Vĩ cầm với kèn trumpet! Cách phối nhạc điển hình ở Mexico, như anh từng nghe qua mấy đĩa nhạc bằng nhựa của bà nội Charlotte. Anh dấn bước, mỗi lúc một hồi hộp. Bây giờ thì nghe như thể một dàn giao hưởng khổng lồ nào đó đang thử dây đàn, các ca sĩ như đang thay nhau thử giọng. Có chuyện gì thế nhỉ? Alexander đang đứng giữa một quảng trường sáng trưng đèn điện. Anh không tin vào mắt mình nữa: quảng trường đầy người với người, hàng trăm nhạc công, lập thành nhiều ban nhạc lớn nhỏ mặc đồng phục, ban lớn chục người, ban nhỏ hai ba người, kẻ đội mũ sombrero rộng

vành, kẻ đội mũ rơm mỏng, người này trang sức bằng dải đăng-ten bạc, hay bằng vạt áo gắn khuy cúc vàng, người kia đeo cầu vai có tua rủ, màu hồng, màu trắng hay xanh nước biển. Và tất cả đều chơi nhạc! Đồng thời! Thật khó hiểu! Thình lình xuất hiện ở đây như đám sâu bọ lạ lùng. Phải chăng đây là cuộc diễu hành rước thánh? Hay một cuộc bãi công? Hay họ đang hát hò chống ngày tận thế? Phải chăng đây là nơi duy nhất tiếng hát họ vọng được đến tai chúa?

Alexander như bị mê hoặc, lần từ nhóm nhạc công này đến nhóm nhạc công khác, dỏng tai nghe tìm tiếng nhạc của anh: Phía sau... Không phải. Đây rồi... nghe giống lắm. Suýt nữa anh vấp phải một trong số các ca sĩ. Anh ta mặc com-lê màu xanh, áo sơ mi trắng tinh bên trong, tóc đen, cổ thắt chiếc nơ to đùng.

- *México lindo,* Alexander nói.

Anh ca sĩ nói: *Sí!*

- Jorge Negrete, Alexcander lại nói.

Anh ca sĩ lại nói: *Sí!*

Mấy nhạc công đứng gần rít nốt hơi thuốc lá, bỏ chai rượu trên tay xuống, xốc quần lên, sửa mũ sombrero cho ngay ngắn; và bỗng nhiên, tiếng nhạc từ đĩa nhạc cũ kỹ của bà nội anh vang lên: Rum-tata-rum-tata... *Voz de laguitarra mía... al despertar la mañana...*

Alexander trân trân nhìn chàng ca sĩ, nghi hoặc. Chiếc nơ ngộ nghĩnh, mái tóc đen bóng, hàm răng trắng lấp lánh dưới bộ ria mép và những lời ca đúng như những lời từng cất lên từ chiếc đĩa nhạc ngàn năm trước đã vỡ tan thành hàng ngàn mảnh vụn ấy...

Tất nhiên mọi thứ đó đều không thực. Chắc chỉ là ảo tưởng mà thôi. Một trò bịp bợm gì đó.

México Undo y querido
si muero lejos de ti
que digan que estoy dormido
y que me traigan aquí

Bài ca kết thúc. Nước mắt lăn trên gò má anh. Mấy nhạc công cười, anh ca sĩ cất tiếng hỏi:

- Americano?

- *Alemán,* Alexander khẽ đáp.

- *Alemán,* anh ca sĩ nhắc lại, nhắc to, cho mấy người kia cùng nghe thấy.

- *Ah, Alemán,* họ đồng thanh.

Và, họ không cười nữa. Ai nấy gật gật đầu, vẻ kính nể, như thể anh đã cuốc bộ từ Đức đến tận đây vậy. Anh ca sĩ đập vai anh, nói:

- Hombre.

Alexander bỏ đi. Mấy nhạc công vẫy vẫy tay theo.

Anh bước chầm chậm. Anh cất tiếng hát. Giờ chỉ còn ít người đi lại trên phố. Anh mua một chai bia. Nước mắt trên má anh đã khô tự lúc nào. Anh hít sâu bầu không khí ban đêm giờ đã trở lạnh. Có lẽ chỉ vì không còn đám đóng nữa? Không còn nghe tiếng còi. Trời đêm không một vì sao. Anh đang ở Mexico. Bao nhiêu năm anh đinh ninh mình sẽ *không bao giờ,*

không một lần trong đời đặt chân lên đất này nhỉ? Thế mà giờ anh đang ở đây, đang bước đi trong thành phố này. Tất tật đều là bịp bợm. Bức tường ấy. Ung thư. Ai bảo mình bị ung thư chứ? Nghĩ lại, tự dưng anh có cảm giác mọi thứ đều điên rồ thế nào đó. Lời chẩn bệnh, chỉ là một lời nói khống. Bệnh viện, chỉ là một bộ máy điên khùng nhằm đặt ra đủ thứ tên bệnh. Đó là thứ bệnh gì mới được chứ? Một chỉ số pH nào đó, một thứ của khỉ nào đó. Tốt nhất là bỏ đi, dứt khỏi thế giới bệnh hoạn, thế giới sinh bệnh gây hoạn ấy...

Ta đây. Ta chào mi, thành phố mênh mông này. Ta chào bầu trời, ta chào cây cối, chào các ổ gà trên đường phố rải nhựa ở đây. Ta chào các bà các cô bán bánh bột ngô cùng các nhạc công. Ta chào tất cả các người, những người đã chờ đợi ta. Ta đây, ta đã sắm một chiếc mũ. Đây là khởi đầu vậy.

Lẽ ra anh phải cho tiền các nhạc công mới phải?

Đấy là ý nghĩ duy nhất khiến lòng anh ít nhiều không yên lúc mơ màng ngủ thiếp đi.

Sáng hôm sau, tiếng chó sủa làm anh thức giấc. Chó ở đâu nhỉ? Anh ngó qua cửa sổ nhìn ra ngoài. Đúng thật, trên nóc nhà bên cạnh có hai con chó lai, một con lòng xù, một con trụi. Chúng nó canh giữ gì ở đó nhỉ? Ống khói ư? Hay mái nhà?

Mới năm rưỡi sáng. Dậy bây giờ thì sớm quá (mặc dù lúc này bên Đức, anh nhẩm tính, mười hai rưỡi trưa rồi đây). Anh kéo chăn kín đầu. Không ăn thua. Cửa sổ một lớp kính, không ngăn nổi từng hồi tiếng chó

sủa. Tiếng hú, sau đó đến tiếng sủa. Con này hú, con kia sủa. Hú trước, sủa họa theo: Hu hu - gâu gâu.

Anh nhổm dậy, xem con nào hú, con nào sủa. Con hú lông xù, con sủa trụi lông.

Ngưng một lúc. Đến anh bây giờ cũng chờ: Hu hu - tiếng gâu gâu đâu, sao không thấy?

Anh chợt nhớ ra nút tai Ohropax. Anh vẫn còn Ohropax trong túi, của Marion, dạo ấy Marion mang nút tai đến bệnh viện cho anh. Thứ nút tai Ohropax chế từ chất dẻo, thứ của nợ hợp thời trang ấy. Nhưng cũng hơn là không có.

Lúc nằm lại xuống giường anh sực nhớ. Marion! Anh quên không điện cho cô. Không phải quên, anh không kịp nữa... Miếng Ohropax két két trong tai, đầy trách móc. Thứ chất dẻo nở dần ra, muốn tuột khỏi lỗ tai... Rồi anh sẽ viết thư cho cô, anh tự nhủ. Marion yêu quý, anh sẽ mở đầu như thế, chắc em sẽ ngạc nhiên... Anh đang ở Mexico, bởi vì... Vì làm sao? Vì anh đang lần theo dấu vết bà nội... Chà, nghe đến là tuyệt... Marion yêu quý... Rồi giải thích cho cô ấy thế nào về việc anh không gọi điện?

Marion yêu quý, anh không cắt nghĩa được gì sất. Bỗng dưng anh đang ở Mexico. May mà anh có nút tai Ohropax, ở đây có chó trên nóc nhà... Nhưng thật tình, cứ ken két trong tai. Lần sau, nếu được thì anh xin... Hay là thuốc ngủ. Mà là thuốc ngủ cho chó... Hu hu... Con nào đấy nhỉ? Một con hú, con kia giờ nghe rất khẽ. Em nghe thấy không? Nghe xa xa, đằng sau tiếng ken két... Hu hu... Tiếng gâu gâu đâu rồi...

Anh tỉnh ngủ. Nắng chói lọi trong phòng. Vừa đúng tám giờ. Anh trở dậy, tắm rửa. Tự ngắm mình một lúc trong gương, ngẫn ngừ xem có cần cạo râu không. Đội mũ lên đầu. Anh thấy ai vậy?

Chà, còn ai nữa mới được chứ: một gã đàn ông đội mũ. Bốn bảy tuổi. Mặt mũi nhợt nhạt, râu ria lởm chởm.

Trông anh già hơn tuổi.

Trông dữ dằn hơn chính anh.

Bước đầu, thế là đủ cái đã.

Anh thấy phòng điểm tâm của khách sạn quá sạch sẽ tinh tươm. Tây quá. Anh sang ăn sáng ở quán cà phê đối diện. Một quán cổ, mang vẻ quán cà phê thành Viên, chỉ lạ một điều là mấy chiếc đèn ống trần trùi trụi, chiếu sáng trưng mọi thứ xung quanh. Cô bán hàng người da đỏ trông vàng khè dưới ánh đèn. Anh gọi bữa điểm tâm kiểu Mexico. Người ta dọn cho anh thức gì đó là lạ: sền sệt, đo đỏ trộn xanh lá cây. Cà phê tuy chỉ rót từ một chiếc bình nhôm xoàng xĩnh ra mà lại rất được, đặc quánh, phải pha thêm sữa mới uống được.

Sau đó là đến Mexico City giữa lúc ban ngày. Hồi trước anh cứ hình dung thành phố sặc sỡ lắm. Nhưng khu vực gọi là phố cổ lại xám xịt. Trông chẳng khác một thành phố cỡ lớn nào đó ở miền Nam Tây Ban Nha là mấy, chỉ có điều nhà cửa ở đây xiêu vẹo. Như anh đọc trong sách hướng dẫn du lịch *Backpacker* thì nền đất ẩm ướt ở đây đã từng làm cả dân Aztek hồi xưa cũng phải điêu đứng.

Ngoài ra, qua sách anh còn biết người Mexico không gọi thành phố này là Mexico City, mà gọi là DF - tức là *Distrito Federal*.

Anh cũng biết thêm về các ban nhạc *mariachi* trên quảng trường *Plaza Garibaldi,* họ sẵn sàng chơi một bản nhạc cho bất kỳ ai muốn nghe. Quảng trường này nghe đâu rất ưa dân du lịch. Giá cả, cũng vì thế mà cao một cách tương xứng vậy.

Trên quảng trường *Zócalo* người ta đang dựng tạm một cái hội trường rất lớn, lớn đến mức chắc ai cũng phải lo đoàn Holiday on Ice sắp đến dừng chân diễn ở đây. Anh vào thăm *Catedral Metropolitana,* thánh đường mà sách *Backpacker* giới thiệu là kiệt tác của kiến trúc ba rốc ở Mexico; anh lững thững lê chân qua gian nhà thờ hoành tráng, để rồi ngơ ngác đứng ngắm nhìn vẻ sặc sỡ đến trơ trẽn của ban thờ cao đến hai chục thước và dát vàng hết lớp này đến lớp khác đặt ở đó.

Bên cạnh thánh đường là *Templo Mayor,* ngôi đền lớn nhất trong thành phố xưa của người Aztek, hay nói đúng hơn là vết tích đáng thương của ngôi đền ấy. Bị hủy hoại, bị cướp phá, bị san bằng, ngôi đền cũng là bằng chứng của cuộc tranh chấp giữa hai nền văn minh, nền văn minh Cơ Đốc giáo chủ hòa với nền văn minh Aztek khát máu, một nền văn minh đã bị một Hernán Cortés[29], chỉ với *hơn hai trăm lính* (và, tất nhiên rồi, bằng kế liên minh khôn khéo) tiêu diệt hoàn toàn trong vòng vài tháng. Đứng từ đống đổ nát của ngôi đền có thể nhìn thấy lưng sau của thánh đường, và nhận ra mặt sau ấy được xây chính từ những mảnh đá lấy từ ngôi đền này vậy.

Bên mép quảng trường có thể thấy một người đàn ông da đỏ đội mũ lông chim đồ sộ. Miệng lầm rầm, tay ông huơ huơ hương trầm làm mê hoặc hai người bản xứ ngồi lọt giữa vòng tròn phấn trước mặt ông. Khoảng một hai chục người, già, trẻ, riêng rẽ hay cặp đôi đứng xếp hàng

chờ. Không tính chiếc khố mỏng thì người đàn ông ở trần hoàn toàn. Ông ta lùn tịt, béo ị, cặp môi tím bầm.

Trong một ngõ hẻm anh bắt gặp bốn đứa trẻ. Bọn nó chơi nhạc. Đúng ra là ba đứa chơi, một đứa thổi kèn klarinette, hai đứa vụng về gõ trống và một bé gái nhỏ nhắn mặc quần hơi cộc đi vòng quanh, ngả mũ xin tiền khách bộ hành. Con bé chắc chưa đến năm tuổi, ánh mắt nó đầy vẻ hoang mang, dè dặt. Alexander đưa nó vài peso. Anh đắn đo, không biết có nên đưa nó đúng khoản tiền anh cho là đã nợ mấy nhạc công ở quảng trường Garibaldi hay không. Rồi lại thôi. Anh e bị chê cười. Nhưng ai chê mới được chứ?

Anh xuống tàu điện ngầm đến ga Insurgentes. Người bán rong lên lên xuống xuống, rao bán những chiếc CD ghi thứ nhạc ghê người, phát ra từ máy quay chạy pin họ mang theo. Alexander thấy bực mình, vì đã không cho mấy đứa trẻ thêm chút tiền nữa.

Giờ anh lại leo lên mặt đất, Đại lộ Nghĩa quân - *Avenida de los Insurgentes*. Đây là một đường phố thường, bình dân, bẩn thỉu, bụi bặm hơn khu trung tâm, nhưng cũng không như trong tưởng tượng trước đây của anh về Mexico City. Người đông, xe cộ rầm rầm. Nằm giữa hai luồng đường ngược xuôi là dải đất hẹp chưa đầy một thước, hàng cây con cằn cỗi mọc trên đó không rõ bằng cách nào mà sống sót. Nhà cửa hai bên hè phố là những bản sao vụng về các kiểu kiến trúc khác nhau, từng được các chủ nhân kiêu hãnh dựng lên từ một dạo xa xưa nào đó, nay bị bỏ hoang, dầm mưa dãi nắng, tróc sơn, phai màu, tường nhà gắn nhan nhản biển quảng cáo. Trên các mái nhà người ta dựng nhiều khung màn hình to tướng quảng cáo những mặt hàng giá 99 peso.

Anh đi dọc phố Insurgentes về phía Nam. Địa chỉ anh tìm đã vượt ra ngoài phần bản đồ in trong quyển *Backpacker*. Nhưng anh đã ngắm trước đường đi trên tấm bản đồ thành phố treo ở khách sạn. Anh bước chẳng nhanh lắm, cũng không quá chậm, qua những quán rượu, hàng ăn vừa mở lại sau giờ nghỉ trưa. Anh rảo qua các hàng tạp hóa, các hiệu ảnh, các vũng nước thải và công trường, xe máy hỏng, xe đạp gãy, đường ống bục. Thật ra, cái gì cũng hư, cũng hỏng.

Anh mua một chiếc bánh taco hay tortilla, hay bánh gì đó chẳng rõ, tại một quầy bán bánh rong, mặc dù anh đã đọc trong quyển *Backpacker* rằng không nên ăn quà vặt dọc đường. Anh kệ, vẫn ăn, nhưng chiếc bánh taco hay tortilla, hay bánh gì đó không rõ ấy bỗng có vị rất đáng ngờ. Ăn chưa hết nửa, anh đã quẳng đi. Khát nước, anh ghé vào một quán ăn xây theo kiểu McDonald's mua một ổ burger và một cốc Cola. Bàn ghế bằng nhựa, cái nào cũng hỏng, xiêu vẹo, nứt nẻ. Một chiếc máy chơi game tự động kêu vo vo. Hai cậu thiếu niên bước vào, mặc áo phông có mũ trùm đầu, quần jean cạp trễ. Vừa ăn bánh anh vừa nghĩ, thật là lạ, khắp nơi trên thế giới, bọn thiếu niên, không phải tất cả thì cũng một loại thiếu niên nhất định nào đấy, đứa nào đứa nấy đều ăn mặc giống nhau. Hai cậu kia mua thứ gì đó, rồi trở ra.

Alexander nhìn theo hai cậu lê bước qua đường, nghênh ngang, khệnh khạng.

Được khoảng ba cây thì Alexander rẽ trái, thêm một đoạn lại rẽ trái, rồi rẽ phải, thì đến nơi, phố Tapachula. Một đường phố hẹp, không cây cối; thay cho cây cối là cột đèn và cột điện, nối với nhau bằng một mớ dây điện lằng ngoằng như mạng nhện. Nhà 56A, một ngôi nhà bề ngang rộng

chưa tới bốn thước, hai tầng. Anh nhận ra hàng lan can sân thượng, nơi bà nội anh từ trên đó cúi nhìn xuống. Hình trong ảnh thôi, dù chỉ là ảnh đen trắng, nhưng sao anh thấy mọi thứ như nhuốm màu lá cây. Có vẻ nhiệt đới và khoan hậu thế nào đó.

Anh thận trọng nhìn vào trong qua cánh cửa sổ gài song sắt ở tầng dưới. Ngổn ngang một lô thùng gỗ, trông như nhà kho. Anh bấm chuông, nhưng không ai mở cửa. Anh qua lề đường đối diện, đứng ngắm nghía ngôi nhà. Thử cảm nhận chút gì đó. Song, thông thường người ta phải cảm nhận thế nào về nơi ở từ thời nảo thời nào của bà nội mình chứ?

Cảm nhận duy nhất là gan bàn chân anh đau nhức. Cả sống lưng cũng đau. Qua một dạo nằm viện, rõ ràng cơ bắp anh đã nhão ra.

Tại góc phố, anh vẫy một chiếc taxi loại "bọ hung" màu sơn vừa trắng vừa xanh lục, mặc kệ quyển *Backpacker* anh đọc khuyên không nên vẫy taxi dọc đường như thế. Trông tay lái xe niềm nở, lại mặc chiếc áo sơ mi trắng sạch sẽ thế kia. Trong xe, thấy có đồng hồ tính tiền hẳn hoi.

Tay lái xe rẽ phải, vào phố Insurgentes, nhằm hướng Bắc, tất cả đều rất chuẩn. Xe chạy bon bon, đồng hồ taxi nhảy đều đều.

Đột nhiên, tay lái xe quay xe rẽ trái, mặc dù trung tâm nằm bên phải mới đúng. Anh tự nhủ, chắc anh ta muốn tránh đoạn đông xe cộ trên phố Insurgentes. Song, thay vì rẽ phải để chạy song song với đường cũ, tay lái xe tiếp tục cho xe chạy ngoằn ngoèo khó lần và có vẻ mỗi lúc một rời xa nơi anh cần đến.

- *Adónde vamos?*[30] Alexander cất tiếng hỏi.

Tay lái xe nói gì đó đáp lại, tay vung lên, cười nhăn nhở qua gương chiếu hậu.

- Dừng lại, Alexander nói to.

- *No problem,* gã lái xe đáp bằng một thứ tiếng gì đó như tiếng Anh. *No problem*.

Nhưng hắn không dừng ngay.

Vài ba phút sau hắn mới dừng xe trong một ngõ cụt, ba phía tường cao, nhà mái tôn, rác rưởi đổ đống. Gã lái xe bóp một hồi còi ngắn, rồi bằng cả tay chân lẫn mồm miệng hắn ra hiệu bảo Alexander ngồi yên trong xe. Sau đó, hắn biến.

Alexander ngồi chờ một lúc, rồi mở cửa xuống xe. Song, vừa loay hoay chui ra khỏi cửa xe thấp tè, ngẩng đầu toan đứng thẳng dậy thì anh đã thấy hai bóng người đứng ngay trước mặt. Thoạt nhìn cặp mũ trùm đầu và đôi quần jean cạp trễ, anh đã tưởng đây chính là hai cậu anh gặp lúc trước ở quán burger, nhưng nhìn kỹ thì không phải, hai đứa này trẻ hơn, chắc chỉ nhỉnh hơn mười sáu tuổi là cùng, gầy, cao lêu nghêu. Đứa lớn mới mọc ria mép, trông cũng biết còn non. Nó nắm trong tay một con dao chạm trổ khá đẹp. Đứa kia nhỏ con hơn, có cặp mắt thông minh nhìn qua nhìn lại rất nhanh. Nó vừa chỉ chiếc xe taxi, vừa hỏi Alexander câu gì đó.

Alexander không hiểu nó nói gì, nhưng đoán ra ngay, nó hỏi đại loại, liệu anh có chịu trả tiền taxi không. Đúng là mánh ngớ ngẩn. Anh nói to bằng tiếng Đức:

- Tôi không hiểu gì cả.

- Dinero, peso, dollar, *thằng nhỏ nói*.

Alexander lôi ví ra, định bụng sẽ dứt khoát chỉ trả cho tụi nhỏ đúng số tiền hiện trên đồng hồ taxi thôi. Song, anh chưa kịp đếm thì thằng nhỏ đã giật phắt ví tiền trên tay anh và lùi ra xa, lục lọi. Alexander bất giác bước một bước về phía nó, nhưng thằng có ria mép vung dao, dứ dứ liên tục về phía anh. Thằng nhỏ lôi tiền trong ví ra, ba trăm đô-la cùng vài trăm peso gì đó, rồi quẳng chiếc ví về phía Alexander. Loáng một cái hai đứa đã biến đâu mất.

Không chần chừ lâu, anh cất bước đi. Anh chỉ muốn đi khỏi đây. Anh nghe tiếng ai gọi, rồi tiếng xe VW nổ máy, chạy theo anh. Gã lái xe vượt lên, chạy một lúc cạnh anh, nói gì đấy với anh, nhưng Alexander không thèm để ý đến hắn. Mắt nhìn thẳng, anh cứ thế bước đi, như đang xuyên đường hầm.

Mãi một lúc anh mới tìm ra cái từ "trấn lột". Anh vừa bị trấn lột. Bởi hai thằng nhóc mười lăm mười sáu tuổi. Hai thằng nhãi ranh. Anh thấy nhục quá. Nhục vì ngọn dao thì ít, vì đôi mắt thông minh, nhanh, sắc sảo của thằng bé con thì nhiều, đôi mắt dường như nói cho anh biết anh thực sự là kẻ như thế nào: một gã da trắng ngốc nghếch, vụng về, đáng bị trấn lột. Không phải thế sao? Không phải anh là kẻ như thế à? Đúng rồi, anh là như thế. Anh cảm thấy điều đó. Anh cảm thấy sự dối trá đó.

Anh thất thểu bước tiếp trên con đường anh nghĩ sẽ phải đâm ra phố Insurgentes. Trời tối dần. Phố xá dần dần nhộn nhịp trở lại; nhà cửa lên đèn. Dân chúng kéo nhau ra đường, như thể chỉ để trân trân nhìn anh, gã da trắng đần độn, vụng về. Dối trá. Anh nhìn về phía các cửa hiệu, hàng ăn. Dối trá tuốt. Anh nhìn biển quảng cáo trên các nóc nhà, nhìn đàn xe taxi lăng xăng ngược xuôi dọc phố Insurgentes, cánh bán hàng rong mời chào

anh mua nào trang sức nào kính râm. Giả dối cả. Thậm chí nhìn hàng cây tội nghiệp mọc trên dải đất giữa hai làn đường, những ngôi nhà vụng về sao chép, nhìn lối đi bị hư hại, hay những đoạn dây điện thoại rủ lòng thòng khắp nơi, những biển bảng rách thủng, những viên đá lát lề đường sơn vàng, những cần ăng-ten, dây điện, quán ăn xây nhại kiểu McDonald's, hay gã đàn ông mặc áo trắng phau, với chiếc nhẫn to đùng trên ngón tay mũm mĩm đứng trước cửa nhà thổ đèn ống nhấp nháy kia, anh cũng thấy giả dối nốt. Và anh lấy làm ngạc nhiên sao mình không nhận ra điều đó sớm hơn. Anh đã bị lừa, suốt cả một đời anh, anh bị người ta dắt mũi (anh hớn hở nhận ra điều đó). Hóa ra *mọi sự* đều dối trá, lừa đảo hết, và anh chính là một gã da trắng ngờ nghệch, vụng về, đáng bị trấn lột. Chứ sao nữa?

Trời đất ơi, anh đã nghĩ ngợi thế nào chứ? Chẳng lẽ anh tin sẽ có ai chờ đợi anh ở đây? Chẳng lẽ anh đã tin Mexico sẽ dang tay đón anh như đón một người quen biết cũ? Chẳng lẽ anh đã nuôi hy vọng đất nước này sẽ - chà... sao nhỉ - chữa cho anh khỏi bệnh?... Phải, phải, đại loại thế... Tiếng gì đó khó chịu buột ra từ miệng anh. Anh cười nhăn nhở, anh thở hồng hộc. Nhưng chính anh lại chẳng biết gì. Chân anh bước đi như cái máy. Cơn giận dữ đẩy anh đi tiếp. Anh thấy khát nước, nhưng cứ tiếp tục bước đi. Anh thấy cổ họng khô khát, thấy khản hết cả tiếng vì nói nhiều, mặc dù chỉ là câm lặng tự nói-vào-trong-lòng. Giờ đến lượt gan bàn chân lại đau nhức, nhưng cái khát vẫn tệ hơn. Về chuyện này anh đã có kinh nghiệm do chạy marathon: cái đau sẽ qua, nhưng cái khát sẽ mỗi lúc một tệ hại. Anh lục túi quần moi ra vài đồng peso còn sót. Chẳng đủ mua chai nước; tuy chỉ thiếu ba peso, nhưng ba peso là ba peso, không xin ai được, sẽ chẳng ai cho anh, gã da trắng ngờ nghệch, vụng về này ba peso cả. Đến kẻ bị ung thư như anh cũng chẳng ai cho đâu. Anh ngồi xuống một chiếc ghế băng. Đầu anh quay cuồng. Anh chợt nhớ lần chạy marathon ở R. anh bị lôi giữa chừng ra khỏi cuộc đua vì cơ thể mất nhiều nước quá. Dạo ấy

anh bất tỉnh, chẳng biết mình làm gì nữa. Còn hôm nay, anh nhẩm tính trong đầu, cả ngày độc tách cà phê với ly Cola. Trời nóng. Anh đã cuốc bộ hơn hai chục cây không ít. Trong bụng anh chỉ muốn ghé bừa vào quán cà phê nào đấy uống nước vòi cũng được. Nhưng sách *Backpacker* bảo không được làm thế. Anh phải đi tiếp, không ngồi lại, không ngả lưng ở đây được. Ngả lưng là chết. Gã da trắng ngờ nghệch, vụng về nằm chết ở đây. Anh hình dung mình sáng hôm sau nằm chết trên ghế băng, mũ bị lột, quần dài bị cuỗm... Đang có kẻ nào định tháo đôi giày Tiệp dã ngoại anh dùng từ mấy năm nay mà không phải thay dây.

- Ông làm gì đấy?

Phải mất một lúc anh mới vỡ nhẽ người đàn ông đang quỳ trước mặt loay hoay với chiếc giày chân phải của anh là người đánh giày.

- Không cần, Alexander nói to. Không!

Anh rụt chân khỏi chiếc ghế đẩu, đặt xuống đất. Người đàn ông vẫn tiếp tục đánh, *I make verry gutt priced,* ông ta nói rồi cười cười với Alexander, *verry gutt price*[31]. Alexander đứng dậy, song người kia vẫn đeo lấy chân anh. Alexander định bước đi thì ông ta lết theo, chặn đường anh, như một con nhặng vậy, *verry gutt quallitie*[32], con nhặng lẩm bẩm, không rõ ý nói việc ông ta làm hay đôi giày anh mang. Alexander chỉ muốn rời khỏi đây, xua con nhặng đi. Đến lúc này thì con nhặng đứng chắn trước mặt anh, thấp hơn anh hai cái đầu nhưng chắc nịch:

- You have to pay my work[33]. con *nhặng nói*.

Chưa gì, một nhóm những kẻ hiếu kỳ đã bao thành vòng quanh hai người. Alexander quay lưng, toan tháo thân về hướng khác.

- *You have to pay my work,* con nhặng gằn giọng nhắc lại.

Con nhặng dang cánh chặn đường anh, tay này cầm chiếc ghế đẩu, tay kia giỏ đồng hồ đánh giày. Alexander dấn tới, toan đấm. Nhưng không, anh không đấm, anh quát to. Anh quát rống lên, thẳng vào mặt ông đánh giày:

- I have no money[34].

Con nhặng ngớ người lùi lại sau.

- I have no money, *Alexander lại hét*. I have no money!

Thậm chí, anh hét cả bằng tiếng Tây Ban Nha:

- No tengo dinero[35].

Giơ cả hai tay lên cao mà hét.

- No tengo dinero!

Anh hét vào đám đông:

- No tengo dinero!

Anh quay vòng quanh, hét to:

- No tengo dinero!

Mọi người dãn ra, anh hét theo họ. Đám người chạy như đàn gà tan tác. Loáng một cái, chẳng thấy ai đứng quanh nữa, còn độc mỗi ông đánh giày, tay bên này cầm chiếc ghế đẩu, tay bên kia chiếc giỏ đồng hồ. Ông ta

đứng sững đó, lặng im, trố mắt nhìn gã da trắng ngờ nghệch bỗng dưng hóa điên.

NĂM 1961

Vẫn như mọi lần vào các chiều thứ Sáu, bà là người cuối cùng còn ở lại.

Từ năm giờ sáng đến giờ bà cứ phải luôn chân chạy đi chạy lại. Trước lúc thùng thư được mở lần đầu trong ngày, bà đọc lại một lần cuối bài đồng chí Hager đặt bà viết. Buổi sáng bà còn phải lên lớp dạy hai lần, mỗi lần hai tiết tiếng Tây Ban Nha. Vừa nghỉ trưa xong là buổi thảo luận về chủ nghĩa hiện thực, xung quanh nền văn học tiến bộ Bắc Mỹ. Giữa chừng thuyết trình, bà chợt nhận ra mình đang lẫn lộn giữa James Baldwin với John Dos Passos.

Tự học! Bây giờ, bốn giờ mười lăm phút chiều, lúc đang dọn lại bàn làm việc, bà sực nhớ ra cái từ ấy.

Đã là tự học thì thôi, đừng xía vào địa hạt chuyên môn khác làm gì. Nửa năm trước, trong buổi họp mở rộng của ban lãnh đạo, tay Harry Zenk đã nói thế, lúc bà xung phong chủ trì một buổi xê-mi-na nhân dịp năm mươi năm cách mạng Mexico.

Bà xếp tập bài kiểm tra sáng nay cho sinh viên trong lớp làm sang một bên rồi lơ đãng tìm cây bút của bà (bút bà có cả trăm cây, nhưng đúng cây đang tìm mới là cây bà thích nhất). Rốt cuộc rồi bà cũng thôi, bức bối, không tìm nữa. Bà đem mấy chén uống trà cáu bẩn sang phòng thư ký, đoạn rửa tay, rửa đến lần thứ tư thứ năm gì rồi mà không hết cảm giác bụi

phấn vẫn còn bám ở các kẽ ngón tay. Đoạn, bà kéo cánh cửa cuốn, toan đóng tủ hồ sơ mà cô Lissi, thư ký của bà, để quên không đóng. Cả Lissi cũng chuồn ra về từ bao giờ rồi. Bực một nỗi, cánh cửa cuốn bằng gỗ bị kẹt đâu đó. Bà Charlotte bặm môi bặm lợi bấu tay vào nắm đấm cánh cửa, kéo mạnh xuống. Nắm đấm bật ra. Bà bước gấp ra phòng ngoài, ném xoạch nắm đấm lên mặt bàn giấy cô Lissi rồi viết lên một mảnh giấy: NHỚ BÁO QUẢN GIA. Chấm than.

Song, bà chợt nhớ, tay quản gia mấy hôm trước đã chuồn sang Tây mất rồi. Bà đành chậm rãi vò mảnh giấy, ném vào thùng rác, rồi thả người xuống chiếc ghế Lissi vẫn ngồi. Hai tay ôm gáy, bà nhìn chăm chăm vào bức chân dung Walter Ulbricht[36] treo trên tường; bức ảnh nằm lọt giữa vết mờ để lại trên tường, vốn của một bức ảnh cũ lớn hơn từng treo ở đó.

Thế là tay Harry Zenk sẽ thành hiệu phó cơ đấy.

Miệng bà ợ ra toàn mùi cá. Bà rất ghét ăn cá, bà chỉ ăn vì cần dầu cá thôi.

- Đàn bà chúng mình, cô Gertrud Stiller nói lúc ăn trưa nay, cứ phải gắng sức gấp đôi mới ngoi lên được.

Gấp đôi thế nào, phải gấp ba ấy chứ.

Bà Charlotte đứng dậy, lôi mấy kẹp tài liệu có ghi dòng chữ "chỉ dùng cho công vụ" ra, và vừa nghĩ thầm trong bụng - ai mà biết được còn ai khác sẽ ngó vào đây - bà vừa lấy nốt khỏi ngăn tủ bị hỏng cửa cả mấy tờ báo phương Tây lưu trữ tự đời nào đến giờ nhét hết vào cặp, rồi ra về.

Ngoài hành lang, một chiếc đèn ống bị hỏng, kêu xẹt xẹt.

Trên mấy cánh cửa gỗ vẫn còn rõ nhiều vết cháy rám đen, do lính Nga dạo sau chiến tranh hút thuốc lào cuốn *makhorka* rồi dụi đầu điếu lên đó mà thành.

Tờ báo tường treo ngay bên cạnh thông báo thắng lợi mới nhất của nền công nghệ và khoa học Liên Xô: Hôm kia, công dân Liên Xô Yuri Gagarin là người đầu tiên trên thế giới đã bay vào vũ trụ.

Trời bên ngoài ấm. Mùa xuân đột ngột kéo về tự lúc nào, bà Charlotte chẳng để ý. Bà tự nhủ đi bộ nốt đoạn đường chừng hai cây xuyên cánh rừng thưa dọc đường xe lửa, cho thư thái một chút, lúc trời đang đẹp thế này. Được vài trăm thước bà đã toát cả mồ hôi. Cái cặp mỗi lúc một nặng. Bà vẫn còn mặc cả chiếc áo len dày bên trong áo măng-tô. Tự dưng hình ảnh thời niên thiếu của bà hiện ra trước mắt, vào một ngày ấm áp, mặc chiếc váy len màu trắng vẫn thường phải mặc vào các ngày chủ nhật, mỗi khi mẹ đưa bà vào vườn hoa Tiergarten, như dạo ấy người ta thường nói, để "đón chào" Hoàng đế. Thế mà lúc Hoàng đế đi ngang, bà còn hắt hơi bắn cả nước mũi nước dãi vào Ngài. Bỗng chốc cảnh tượng dạo đó lại hiện ra rõ mồn một trước mắt bà:

Hoàng đế thoăn thoắt bước đến gần, đi theo Ngài là các hoàng thân và sĩ quan tùy tòng; chiếc áo len dày, quá nóng, đâm vào da ngứa ngáy không chịu được; cái bạt tai như trời giáng của mẹ ngay lúc bà chưa kịp cả mở mắt ra sau khi hắt hơi.

Về đến nhà bà phải chịu phạt, bị nhốt hết ngày trong buồng tối. Trong buồng tối bà bị suyễn suýt chết mà mẹ bà chẳng chút động lòng, hoặc vì tưởng Charlotte giả vờ, hoặc vì thầm mong cho con gái chết ngạt

thật. Mẹ bà chả đã có lúc nói với bà hàng xóm: thằng Carl-Gustav nhà tôi mà "bình thường" thì có đem cho con Lotte đi tôi cũng chả tiếc. Và bà Charlotte chợt nhớ lại vẻ mặt tử vì đạo của mẹ bà cùng thánh giá mẹ bà đeo ngoài cổ áo kéo lên cao khi nói như thế.

Trường đời là thế. Giả sử không qua thứ trường như thế, thì liệu bà có là bà nữa không? Tụi sinh viên đặt cho bà biệt hiệu Madame "Dứt Khoát". Tụi nó tưởng đặt như thế sẽ làm bà cáu lắm. Chúng nó nhầm to! Bà dùng cả hai tay xốc cái cặp lên... Không, không, Madame Dứt Khoát không bỏ cuộc, Madame Dứt Khoát sẽ tranh đấu đến cùng. Harry Zenk làm hiệu phó cơ đấy! Chà, cứ để xem thế nào đã nhé!

Ông Wilhelm dĩ nhiên đã lại chui xuống tầng hầm, tức là dưới "trung ương", như lão vẫn gọi cái hầm rượu cũ lão thuê sửa thành nơi hội họp ấy. Trong nhà tối om, nhất là lúc vừa bước vào, sau khi bị nắng buổi chiều tà chiếu thẳng mặt. Có mỗi bóng đèn trong vỏ ốc, do ông Wilhelm quên không lắp công tắc, là sáng cả ngày lẫn đêm. Đúng là phí phạm. Bà Charlotte tìm mọi cách để bù lại sự phí phạm đó, chẳng hạn bằng cách tránh không bật đèn ở hành lang lúc cởi giày và áo khoác. Bà mò mẫm xỏ chân vào đôi dép đi trong nhà rồi vội vàng leo cầu thang lên gác. Sáu giờ tối, thằng cháu Alexander sẽ đến học tiếng Tây Ban Nha với bà.

Bà đem quần áo sạch từ buồng ngủ vào buồng tắm, để tắm một cái cho thật đã đời. Từ dạo bác sĩ Süß bảo bà bị hen suyễn là do dị ứng bụi bặm trong nhà, bà coi tắm vòi hoa sen như phương thuốc chữa bệnh và cũng không ngần ngại tự cho phép mình hưởng sự xa xỉ ấy nhiều lần trong ngày. Sáng sớm, tất nhiên bà tắm nước lạnh, nhưng buổi chiều và buổi tối thì bà dùng hoa sen nước nóng gội đầu, để mặc nước xối thật lâu từ trên đầu

xuống mắt, xuống mũi, khoan khoái rửa ráy khoang mũi, khoang miệng. Ít nhất thì đây cũng là cái lợi của việc Kurt và Irina chuyển đi ở chỗ khác: tránh được cái cảnh đang lúc tắm thì thể nào cũng có ai đấy mở vòi nước ở đâu đó trong nhà, và - do ở làng Neuendorf này vốn nước chảy yếu - nước tắm hoặc sẽ nóng như nước sôi, hoặc sẽ lạnh ngắt như dùng để giội lên trứng luộc ăn sáng vậy.

Tắm xong bà chui ngay vào bộ quần áo lót để sẵn đó, rồi hơi rùng mình đón trước cảm giác lành lạnh sẽ đến lúc rời buồng tắm, bà mặc thêm chiếc áo len cashemere tuy không còn mới để diện nhưng mềm mại và ấm áp. Bà chợt nảy ra ý nghĩ, sau bữa tắm khoan khoái thế này, phải tự thưởng thêm cho mình một chút thảnh thơi nữa là nhắn cho Alexander hôm nay thôi đừng đến, để bà được ngả lưng, xả hơi, cho đến lúc ông Wilhelm từ hầm rượu chui lên ăn tối. Chẳng lẽ bà không đáng được hưởng phần thưởng này sau tuần lễ điên rồ vừa qua à?

Bà xuống phòng khách gọi điện cho Kurt.

- Vâng, được ạ, Kurt đáp. Vậy hẹn mai mẹ nhá.

Hẹn mai là thế nào?

- Làm một vòng xe hơi mà mẹ, Kurt nhắc.

- Trời đất, phải rồi, mẹ vui lắm, bà đáp.

Trong nhà kính trồng hoa thật thoải mái. Bồn phun nước nhỏ kêu rù rù. Độ ẩm không khí ở đây gần như độ ẩm vùng nhiệt đới. Từ ngày bác sĩ Süß mách riêng với bà, độ ẩm cao trị được dị ứng, bà dành phần lớn thời

gian vào đây. Nói đúng ra thì trước đây phần lớn thời gian bà cũng dùng để vào đây, có điều bây giờ việc bà vào đây ngồi là có cơ sở khoa học hẳn hoi. Vào những mùa ấm áp trong năm, bà còn ngủ ở đây.

Bà nằm xuống giường, chủ ý không đắp chăn để khỏi ngủ quên. Bà không thích ông Wilhelm bắt quả tang bà ngủ quên. Lúc này huyết áp bà hơi xuống, cho nên dù nhiệt độ trong nhà kính cao ngang nhiệt độ vùng nhiệt đới, bà vẫn thấy lành lạnh. Nhưng bà không thấy khó chịu, thậm chí còn thoải mái, khiến bà nhớ lại những cảm giác nhất định, chôn chặt trong lòng từ lâu. Thôi, tốt nhất cứ để yên đấy, nghĩ thêm nữa ở tuổi bà có lẽ không đứng đắn lắm. Những cảm giác thừa, chẳng để làm gì. Hoàn toàn vớ vẩn. Không biết lão Wilhelm còn nghĩ đến không nhỉ? Nếu không sao lão lại cằn nhằn lúc bà chuyển ra khỏi buồng ngủ của hai người. Dẫu gì thì hai ông bà cũng đã ngủ riêng từ lâu: Ngay trong phòng ngủ chung họ đã kê giường cách xa nhau đến hai thước còn gì. Thế lão muốn gì? Không biết lão có vì thế mà khổ sở không nhỉ? Hay bà chiều lão lần nữa? Thôi, thôi, cứ nhớ đến cốc nước bên chiếc bàn con cạnh giường ngủ của ông Wilhelm là bà đã rùng mình, sực tỉnh. Ngay từ năm 1940 ở Pháp, lúc bị giam trong trại Vernet, ông Wilhelm vì mắc chứng thiếu vitamin C đã rụng gần hết răng, cái nào sót lại thì trên đường đến Casablanca cũng rụng nốt. Lạy Chúa, cái thời đến khổ, bao nhiêu là sợ hãi, bao nhiêu là lộn xộn... Trước mắt bà chợt tối sầm. Bà vừa nghĩ đến tay Zenk, tay này có hàm răng thật hoàn chỉnh. Không, tất nhiên tay Zenk chưa phải nằm trại giam bao giờ. Tay này chưa ở đâu hết. Trừ... ấy là đoán phỏng thế, trong Đoàn Thanh niên Hitler...

Lúc bà mở mắt ra, trời đã tối. Trong nhà yên ắng. Bà Charlotte xuyên qua bếp đến cánh cửa hồi xưa dùng làm cửa sau (lối đi từ bếp ra phòng ngoài ông Wilhelm điên điên khùng khùng đem bịt lại, đâm ra giờ,

ngay cả khi dọn bữa trưa, cứ phải đi vòng tít ra hành lang). Đứng ở đầu cầu thang, bà ới xuống tầng hầm:

- Ông ơi?

Qua cánh cửa kép của hầm rượu vang hôm xưa vọng ra tiếng cười nói râm ran. Bây giờ đã chín rưỡi tối mà mấy tướng vẫn ngồi dưới đấy. Bà lần cầu thang đi xuống, hy vọng nếu mình xuất hiện, đám kia sẽ tan nhanh hơn. Bà ồn ào mở cửa. Từ trong đám khói thuốc lá mù mịt nhao nhao tiếng chào hỏi có vẻ hơi quá niềm nở, càng khiến bà có cảm giác mình là kẻ xía vào phá đám ở đây. Mấy vị cánh hẩu mọi khi đều có mặt ở đây cả: tay Horst Mählich với một cậu tên Schlinger, một đảng viên còn trẻ vẫn thường làm bà khó chịu vì sự hăng hái quá đáng. Cả gã Weihe, tuy không phải đảng viên, cũng ngồi đây, ngoài ra còn vài ba người nữa bà không quen lắm. Trên mặt bàn bằng gỗ sồi là chiếc gạt tàn đầy ắp tàn thuốc, mấy quyển sổ ghi chép mở ra đầy vẻ quan trọng, và giữa lô tách cà phê và chai Vita-Cola là cái gì đó trông như bản nháp cho một tờ áp phích.

MỘT ĐẦU TÀU HỎA TẶNG CUBA

Phía dưới là hàng chữ Tây Ban Nha viết sai:

LA VIVA REVOLUTION![37]

- Xin lỗi, tôi không muốn quấy rầy đâu, bà Charlotte nói, quyết định rút lui không điều kiện khỏi đây. Thế nhưng bà chưa kịp đóng kín cửa, ông Wilhelm đã nói lớn:

- À, bà này, bà làm giúp chúng tôi vài miếng bánh được không? Mấy đồng chí đây đều đói cả rồi.

- Vâng, để tôi xem còn thứ gì không, bà Charlotte lầu bầu trong miệng rồi leo cầu thang lên trên.

Trong bếp, bà đứng ngây ra một lúc, hơi bối rối trước sự trâng tráo quá mức đó. Nhưng rồi bà cũng như cái máy, lôi chiếc bánh mới nguyên từ ngăn bánh ra (may mà cô giúp việc Lisbeth đã mua sẵn từ trước) cắt thành khoanh. Tại sao bà chịu làm nhỉ? Bà có phải thư ký cho ông ấy đâu? Ít ra bà cũng từng là Viện trưởng!... Không, tất nhiên bà *không* phải là Viện trưởng. Đáng tiếc cho bà là người ta đã hạ tầm các viện xuống thành các "ban", cho nên bà, nghe không kêu lắm, chỉ là "trưởng ban" thôi. Nhưng cái đó đâu có làm thay đổi một sự thực là: bà từng là cán bộ, từng lăn ra làm việc như trâu cày ngựa kéo, từng đóng vai trò quan trọng tại một Viện hàn lâm đào tạo các nhà ngoại giao tương lai cho CHDC Đức (Guinea là quốc gia ngoài phe xã hội chủ nghĩa đầu tiên công nhận CHDC Đức về ngoại giao, và tuyên bố công nhận đó chỉ bị rút lại do sức ép từ phía Cộng hòa Liên bang Đức mà thôi nhá!). Bà từng là trưởng ban trong Viện hàn lâm - còn lão Wilhelm đã làm gì nào? Chẳng là gì sất. Lão già về hưu, hưu non nữa là khác... Và có nhẽ - vừa ngây người nhìn chằm chằm vào tủ lạnh xem có thứ gì phết được lên bánh mì không, bà vừa nghĩ, trong lòng tức điên - sau khi lão, vì không kham nổi chân Giám đốc điều hành Viện hàn lâm nên phải thôi việc, nếu chẳng phải bà đã đích thân tất tưởi đến gặp ban lãnh đạo quận, năn nỉ các đồng chí ở đấy ít nhất cũng xếp cho lão một công việc công ích nào đấy, thì có nhẽ lão đã *tiêu đời* từ lâu. Chính bà đã dỗ dành lão nhận chân Bí thư chi bộ Đảng khu phố, chính bà đã nói ngon nói ngọt khuyên lão coi đây là một nhiệm vụ xã hội quan trọng. Chỉ khổ một nỗi, dần dần lão đâm ra tin như thế thật. Và, còn tệ hơn nữa là hình như nhiều người khác cũng tin như thế thì phải!

Rốt cuộc bà chọn hộp pho-mát dẻo và lọ dưa chuột muối chua rồi bắt tay vào phết bơ lên các khoanh bánh mì bày trên mâm gỗ... Bí thư Đảng ủy khu phố! Chỉ là chân thu Đảng phí của mươi mười lăm cựu chiến binh ngụ trên đoạn từ phố Thälmann đến quảng trường Nạn nhân chủ nghĩa phát xít thôi, chứ có là gì đâu. Thế mà lão Wilhelm làm trò gì? Lão tổ chức các cuộc họp kín gì đó dưới kia, dưới trụ sở "trung ương" của lão, trù tính các "chiến dịch" của nợ gì đó. Như dịp bầu cử địa phương vừa rồi đấy, lão lập *đội tác chiến cơ giới,* để chờ đến đầu giờ chiều, chở cánh tuyên truyền đến nhà những ai chưa đi bầu, léo nhéo lôi kéo họ đi bầu cho bằng được. Cái bọn của khỉ ấy, xe chúng nó chạy nát hết cả bãi cỏ nhà bà! Bây giờ đến lượt sáng kiến mới của lão đây: đầu tàu hỏa tặng Cuba. Làng Neuendorf có chưa đến mười ngàn dân mà đòi người ta quyên đủ tiền mua đầu máy diesel của nhà máy Karl Marx! Họ đang quyên góp như điên đấy, bọn trẻ thiếu niên tiền phong thu gom phế liệu mang đi bán, dân chúng lại còn phải cóng thêm gì đó nữa cho buổi tombola[38] đình đám, gọi là đỉnh cao của toàn chiến dịch, sẽ diễn ra vào cuối tuần sau tại Câu lạc bộ đoàn kết nhân dân.

Vừa phết pho-mát dẻo lên bánh mì, bà Charlotte vừa nghĩ, không biết làm cách nào lão thuyết phục được người ta chứ. Bằng lối úp úp mở mở, làm bộ làm tịch của lão. Bằng chiếc mũ bốn mùa của lão. Bà cũng phải thừa nhận lão rất nổi tiếng ở Neuendorf, trên mặt báo, dù chỉ là báo địa phương, lão được nhắc đến luôn. Mọi người đều biết lão, gặp ngoài đường ai cũng chào. Không phải chào bà, chào *lão ấy* đấy. Người ta kháo nhau những chuyện gì đâu về lão... Lão làm thế nào nhỉ? Không, không ai bảo chính lão tung những chuyện ấy ra. Nhưng bằng một cách nào đấy, có ma mới biết được... Lão chỉ vừa gắn sợi dây thòng lọng của lão lên tường dưới "trụ sở trung ương" làm vật trang trí là các đồng chí trẻ đã tin sái cổ rằng lão vốn là một tay quăng thòng lọng lão luyện. Chỉ cần lão pha Cuba

Libre[39] ra mời là ai nấy đều làm như lão quen đích thân Fidel Castro không bằng! Và, nếu lão uống Nescafe theo "kiểu Mexico" (nghĩa là, nào có gì ghê gớm đâu, lão chỉ khuấy bột cà phê với váng sữa một lúc, cho sủi phồng lên) rồi trong khi nhấm nháp cà phê lại hút kèm điếu thuốc lá không đầu lọc *papirosa* của Nga thì mọi người có mặt đều rõ Wilhelm là người từng gây dựng mạng lưới tình báo viên Liên Xô tại Mexico vậy.

Bà Charlotte nghĩ thầm, chà, họ mà biết chuyện! Bà lặng người trong chốc lát (đúng đang lúc thái mấy quả dưa chuột nhỏ xíu thành những khoanh cũng nhỏ xíu). Lặng người trong chốc lát để nhớ đến Hamburg dạo đó, đến cái gọi là "hoạt động tình báo" của lão Wilhelm. Ba năm liền lão chỉ ngồi trong phòng giấy hút thuốc. Đấy, "hoạt động tình báo" của lão đấy. Ba năm giời đơn độc. Tuyệt không một việc gì hết. Tin tức về các vụ bắt bớ không ngớt lan về, nhưng lão Wilhelm vẫn ngồi yên đấy chờ. Chờ cái gì mới được chứ? Hồi đó họ liều chết để làm gì nhỉ? Bà không biết. *Ai nấy chỉ cần biết những gì cần phải biết thôi,* lão Wilhelm bảo thế. Còn bà, thay vì cùng bọn trẻ sang Moskva thì bà nằm lại Đức, đóng vai vợ lão, để ngụy trang. Bà đã mừng rỡ đến mức gần phát quýnh lên - chuyện này tất nhiên không thể cho ai biết được - khi mọi việc bại lộ, khiến hai người phải cuống cuồng đánh bài chuồn. Dùng hộ chiếu Thụy Sĩ mới ghê chứ. Trong khi lão Wilhelm giọng Berlin không chệch vào đâu được. Lạy Chúa tôi, tình với báo gì! Đến cả hộ chiếu đàng hoàng cho người ta còn chẳng lo được nữa là.

Bánh biếc gì chán quá. Bánh còn mới nên cứ bết cả ra. Bà Charlotte bực dọc đặt mấy miếng dưa chuột lên bánh, mặc dù càng về cuối, bà càng chắc bà sẽ *không* xuống hầm rượu lần nữa...

Làm thế nào bây giờ? Bà chợt nhớ ra chiếc máy điện thoại Viện hàn lâm. Vừa mới đây thôi, lão Wilhelm cho dời cái gọi là điện thoại Viện hàn lâm của lão xuống hầm rượu. Máy là máy nội bộ, mà lão Wilhelm, mặc dù ra khỏi Viện đã sáu năm nay, vẫn ngang nhiên sử dụng. Bà dùng máy lẻ Viện hàn lâm *của bà* gọi vào máy lẻ Viện hàn lâm *của lão,* để báo với lão, bánh đã dọn trên bàn trong bếp rồi, và - mặc dù đúng lúc đó bụng bà lên cơn đói điên cuồng - bà vẫn đi ngay ra khỏi bếp để tránh phải giáp mặt Schlinger, khi cậu này lên đón mâm bánh xuống.

Độ này bà ăn nhiều, ngủ ít. Đêm đêm, cứ khoảng hai ba giờ sáng là buồn tiểu, bà loạng choạng ngoài hành lang như một đứa trẻ, rụt rè, bé bỏng. Từ lâu, vào cái giờ mẹ bà vẫn gọi là giờ chó sói này, bà hoàn toàn bất lực... Đến nhìn cái vỏ ốc bà cũng thấy ghê ghê, nên bà gắng không nhìn ngang nhìn ngửa, để không phải nghĩ đến cái gì gớm ghiếc nữa. Nhưng lúc ngồi cầu chờ rặn nốt giọt nước tiểu cuối cùng, tự dưng bà lại lo, hay là bài viết của bà không vừa lòng đồng chí Hager, có thể bà đã đi lạc đề và bài báo nói trắng ra là xoàng, nhỏ nhen, bảo thủ chăng...

Sáng ra, mối lo vẫn còn trong đầu, mặc dù trời sáng có làm giảm nhẹ đi chút ít. Tuy thế bà vẫn cưỡng lại được ý muốn cứ nguyên cả váy ngủ chạy ra thùng thư xem tờ *ND* đã đến chưa. Bà trở dậy như mọi ngày, lần chần tắm nước lạnh, thong thả pha một tách Muckefuck, nước bột mì rang giả cà phê, và làm một lát bánh mì phết bơ, rồi mới đi lấy báo, đem tờ báo - cùng bánh mì lẫn nước giả cà phê - vào nhà kính ở ngoài, thậm chí còn lướt được qua trang đầu đăng tin về những mưu mô tội lỗi của địch ở vùng ranh giới, để cuối cùng mới giở đến trang văn hóa. Và ở đó, có bài của bà!

Không đơn thuần là vấn đề sở thích. Về cuốn tiểu thuyết *Đêm Mexico* của tác giả Wolfgang Koppe, do Mitteldeutscher Verlag xuất bản. Bài của Charlotte Powileit.

Đây không phải lần đầu bà có bài được đăng; nhưng cũng tuyệt nhiên không phải chuyện thường ngày. Mặc dù, nói cho cùng, bài báo bà đã thuộc làu làu, bà vẫn đọc lại từng chữ, rất thú vị, cùng bánh mì cắt lát và nước bột rang giả cà phê. Lúc này, khi đã in ra, bài báo càng có vẻ rắn rỏi, chắc chắn hơn trước.

Đúng ra đây chỉ là bài phê bình, song, vì nó cũng đề cập đến nhiều vấn đề cơ bản, cho nên họ dành cho bà hẳn nửa trang, nguyên cả sáu cột. Mọi sự liên quan đến cuốn sách của một nhà văn Tây Đức vừa được xuất bản tại một nhà xuất bản CHDC Đức. Cuốn sách rõ tuyệt, đọc phát bực. Ngay mấy trang đầu bà đã thấy ngao ngán. Câu chuyện một người lưu vong Do Thái quay trở về Đức - về bên Tây Đức - và nhận thấy các tư tưởng phát-xít ở đó vẫn tiếp tục tồn tại. Chuyện có vậy, không hơn không kém. Song, đáng lẽ quay sang CHDC Đức - âu cũng là một phương án đáng để cân nhắc vậy - anh chàng lại trở về Mexico, để sau một chặp lý sự về cuộc sống và cái chết, anh ta tự sát. Câu chuyện hấp dẫn, chữ nghĩa tuyệt vời, tác giả cũng rõ ràng bộc lộ thái độ chống phát-xít. Nhưng rồi cũng chỉ thế thôi, không có gì hơn.

Tuy nhiên, như thế mới chỉ là chuyện nhỏ. Tệ hơn là tác giả mô tả Mexico hoàn toàn sai, như thể chưa sống ở đó bao giờ vậy.

Rằng nhân vật chính là người đồng tính luyến ái, thì nói cho cùng, bà chẳng có gì để phản bác, mặc dù, cái lối người dẫn chuyện *Tôi* mô tả những cuộc phiêu lưu tình ái của anh ta với một trẻ vị thành niên Mexico -

lê thê, nhàm chán, tởm lợm - thì phải nhận bà đã rất khó chịu, vì nó khiến bà nhớ đến anh trai Carl-Gustav của bà.

Lý do chính để bà chê là lý do chính trị. Cuốn sách quá tiêu cực. Sặc mùi thất bại chủ nghĩa. Nó kéo người đọc vào bóng tối, khiến người đọc trở thành thụ động và nhỏ bé, đẩy người đọc vào một thế giới tàn nhẫn, xấu xa; nó không chỉ ra một lối thoát nào cả, bởi vì - theo lời của nhân vật *Tôi,* người dẫn chuyện - chẳng có lối thoát nào hết. Thật đáng ngạc nhiên là anh ta nhận ra điều đó chính vào lúc ngắm bức tượng nữ thần Coatlicue khổng lồ.

Đáng lẽ phải nhận ra quan hệ biện chứng giữa sự sống và cái chết toát ra từ bức tượng, đáng lẽ nhìn thấy ở đó biểu tượng của một lý tưởng lớn và sự đề cao một dân tộc anh hùng, thì nhân vật *Tôi* lại đánh giá đây là "tượng đài táo bạo và lạnh lùng nhất tôn vinh sự vô bổ", là "lời thừa nhận tính xấu xa của sự tồn tại", khiến anh ta cho rằng, tốt nhất là tránh vào rừng sâu, rối biến.

Không, *bà Charlotte đọc và đắc ý với từng lời từng chữ,* cuốn sách này không thích hợp để dùng vào việc giáo dục thái độ cởi mở, tinh thần nhân đạo cho giới trẻ. Nó không thích hợp cho việc động viên mọi người chống lại nguy cơ của tai họa bom nguyên tử, nó không thích hợp cho việc xây dựng niềm tin vào tương lai nhân loại và chiến thắng của chủ nghĩa xã hội, và chính vì vậy không thể để nó nằm trên các giá sách của đất nước chúng ta.

Chấm! Hết!

Tách Muckefuck uống đã cạn, lát bánh mì ăn đã hết, chỉ còn lại cảm giác là lạ trong bụng. Lẫn đâu đó trong đống giấy tờ, sách vở của bà, còn

tấm ảnh chụp bức tượng Coatlicue dạo nào bà cắt từ tạp chí *Siempre* ra. Hay của Adrian đưa cho bà nhỉ?

Gần chục năm đã trôi qua, thế mà lòng ham muốn thử xem tác động của bức tượng Coatlicue như thế nào, vẫn còn đó.

Tầng trên bắt đầu rục rịch. Đã tám giờ sáng, ông Wilhelm trở dậy. Tiếng nước chảy ào ào vào bồn tắm. Đúng là ông Wilhelm thường tắm bồn vào buổi sáng và, ngồi trong bồn, ông bật đèn tia cực tím tắm thêm mươi mười lăm phút nữa. Bà Charlotte đem tờ báo nhét trở lại vào thùng thư, cũng có hơi dớ dẩn thật, song niềm kiêu hãnh về bài báo của chính mình làm bà ngường ngượng, và bà muốn để ông Wilhelm như mọi khi tự đi lấy báo và tự đọc đến bài của bà.

Tám giờ mười lăm phút thì cháo yến mạch chín. Ông Wilhelm xuống cầu thang - nghe tiếng chân đi bà biết ông vui. Ông đã kịp đóng bộ, com-lê, cra-vat, chỉnh tề (com-lê thì lúc nào ông chả mặc, thậm chí cả bên trong bộ quần áo bảo hộ lao động). Ông đi thẳng một mạch ra thùng thư lấy tờ *ND,* nhìn lướt qua trang đầu như mọi khi và trong lúc vừa múc cháo yến mạch, ông vừa buông đôi lời bình. Lời bình hôm nay là:

- Tây Berlin đúng là trò khỉ. Cứ thế này thì phải đóng chặt biên giới lại!

Chỉ nói vớ nói vẩn! Nhưng bà Charlotte không định cãi. Bà im, lặng lẽ múc cháo ăn. Lão thì biết gì về chính sách đối ngoại cơ chứ. Tương quan tứ cường hay Hiệp định Potsdam, lão đều ú ớ hội tề cả. Nghĩ thế trong bụng, nhưng bà lại nói to:

- Tay quản gia cũng bỏ đi rồi.

- Tay Wollmann ấy à?

- Đúng rồi, tay Wollmann, bà đáp.

- Cho quỷ tha hắn đi đâu thì tha, ông Wilhelm lớn tiếng.

Nhưng bọn trẻ! Bà hiểu chứ, chúng nó ăn học bằng tiền của ta, rồi chuồn. Thì phải chốt cửa lại chứ sao nữa!

Bà Charlotte gật gật đầu rồi dọn dẹp, cất bát đĩa đi.

Ăn sáng xong, ông Wilhelm đi đọc *ND*. Ông ngồi bên bàn giấy. Và, y hệt như hồi ở Mexico, ông đọc kỹ *từng* bài.

Trong lúc đó, tiếng là lo việc trong nhà, nhưng thật ra bà Charlotte cứ thấp thỏm chờ ông Wilhelm phát hiện ra bài viết. Bà định dọn dẹp trong bếp, nhưng lại thôi, bụng bảo dạ để cô giúp việc Lisbeth sẽ dọn. Bà đi loanh quanh khắp nhà, trong đầu quẩn quanh với ý nghĩ không biết nên dùng mấy căn phòng vợ chồng Kurt và Irina giờ bỏ trống vào việc gì. Nhìn số đồ gỗ, bà lại nổi cơn tự ái. Chính tay bà mua nhá, cho vợ chồng Kurt và Irina lúc hai người từ Liên Xô trở về, để rồi khi chuyển đi Irina cố ý để lại. Nhưng tự dưng bà lại nghĩ đến tay Zenk. Đúng ra là bà cân nhắc nên thưa chuyện này với ông Hager thế nào, nếu giả sử vài ngày nữa ông ấy gọi điện hỏi bà thật, hay nói cho đúng hơn nữa, bà nên làm thế nào để tuy không cần nói toẹt ra, vẫn khiến ông ấy hiểu rằng bà, vâng, bà tự xem mình mới xứng đáng làm hiệu phó.

Lúc bà xuống nhà, ông Wilhelm đã lại đang lăng xăng trong nhà.

- Ông đọc *ND* xong rồi à? bà Charlotte vờ hỏi.

- Xong rồi. Đưa cái này đi tombola được không?

Ông cầm trên tay tấm khăn trải bàn, giơ lên cao. Chiếc khăn màu kiểu Mexico, dệt tay, với các hình mẫu rắn rết, đại bàng.

- Không, ông ạ, không đem chiếc khăn ấy đi tombola được.

Lão đọc bài báo chưa nhỉ? Hay lão để sót, không đọc thấy tên mình?

Đúng mười giờ cô Lisbeth đến. Cô này, như mọi khi, cái gì cũng hỏi, có khi năm lần bảy lượt những câu tưởng đã rõ mười mươi... Không cần hút bụi Lisbeth ạ, cứ tôi ở nhà thì không cần nữa... Phải rồi, hôm nay giặt quần áo... Phải, một giờ ăn trưa.

- Này Lisbeth, cô có đọc *ND* không đấy?

- Cháu đặt báo *Märkische Volkstimme* rồi ạ.

- A thế à, báo *Märkische Volkstimme* đấy.

Cơ mà Lisbeth đằng nào cũng đần độn. Nó cứ việc *Märkische Volkstimme* mà đọc.

Ông Wilhelm lại trở vào, tay cầm con đại bàng bằng sứ do chủ nhà cũ lúc tháo chạy để lại.

Bà Charlotte tròn hai mắt:

- Ai mua thứ này mới được chứ?

- Không phải là mua! Bà không biết tombola là gì à?

Cô Lisbeth hỏi:

- Bác ạ, hôm nay nấu cháo khoai tây hay làm khoai nghiền ạ?

Bà Charlotte mắm môi, thầm đếm đến năm cố nén cơn bực bội để khỏi quát ầm lên.

- Cô muốn làm gì thì làm, tôi chả thiết.

Ba giờ chiều, đúng giờ như mọi lần, Kurt bấm chuông. Bà Charlotte thức dậy sau giấc trưa, đánh bộ đồ màu xám và nhân dịp vui trong ngày, bà kín đáo đeo lên cổ sợi dây chuyền Mexico.

Thằng Alexander đứng cạnh xe đợi, Irina cũng đứng đó, trang điểm lòe loẹt như con vẹt. Song, dĩ nhiên, đó là việc cô ấy.

- Con gái yêu, bà chào Irina. Chào Alexander, bà nói: Nào chú chim sẻ của bà. Chào Kurt, bà chỉ nói: anh Kurt.

Chiếc xe màu xanh da trời, nhỏ tí xíu. Xe Trabant. Cả nhà ngắm nghía chiếc xe tứ bề. Ông Wilhelm cũng mò ra xem.

- Đừng nói gì với ông ấy nhá, bà rỉ tai Kurt.

Tất nhiên ông Wilhelm không biết bà đưa Kurt vay năm ngàn mác mua xe. Quay sang ông Wilhelm, bà làm bộ ngạc nhiên:

- Ra ông đấy à, ông muốn làm một vòng ư?

- Ôi giời, ông Wilhelm đáp, tôi thì giờ đâu mà dự cái trò này.

- Đằng nào xe cũng không đủ chỗ, Kurt nói.

Alexander phàn nàn:

- Áo khoác của cháu ngứa quá.

Ông Wilhelm gõ gõ lên vỏ xe chế bằng chất dẻo rồi lên tiếng giảng giải:

- Sau này rồi xe hơi sẽ chỉ làm bằng chất dẻo.

Bà Charlotte lại quan tâm chuyện khác:

- Vậy lên xe như thế nào đây?

Chiếc xe chỉ có hai cửa.

- Mẹ lên ngồi đằng trước, Kurt nói.

Nhưng bà Charlotte không chịu (ít ra cũng vì lý do an toàn, bởi gì thì gì, Kurt cũng mới học lái xe). Kurt gập ghế phía trước để bà Charlotte lom khom - như thể bò bằng bốn chân - chui vào hàng ghế sau. Chả hiểu ai thiết kế xe thế này, đến cửa xe cũng dè sẻn.

Bà ngạc nhiên thấy Kurt lên ngồi ghế phụ, còn Irina ngồi ghế lái.

- Ai lái vậy?

Cả hai đều quay lại tỏ vẻ ngạc nhiên.

- Con lái, Irina nói.

Thật ra Irina nói là "con *láy*". Năm năm sống ở Đức mà tiếng vẫn chỉ trọ trẹ. Làm thế nào cô ấy thi được bằng không biết.

- Áo khoác của cháu ngứa quá, Alexander nhăn nhó.

Đấy là bộ bà Charlotte tặng nó dịp Giáng sinh.

- Làm sao lại ngứa được chứ? bà Charlotte hỏi.

- Ở cổ cháu đây này.

- Cổ cháu còn cổ áo sơ mi cơ mà, bà Charlotte sốt ruột.

- Vẫn ngứa lắm.

- Thôi được rồi, Irina nói, thế thì ta chạy qua nhà cho con thay áo vậy.

Kể ra cũng hơi bực. Thằng nhỏ được nuông chiều quá đáng. Nó thông minh, cởi mở, nhưng với kiểu dạy dỗ thế kia, sau này nó bất hạnh là cái chắc.

- Hồi bà còn tuổi cháu, bà Charlotte định kể Alexander nghe về chiếc váy len ngứa ngáy ngày xưa bà phải mặc vào Chủ nhật hằng tuần mỗi khi mẹ dắt bà vào Tiergarten. Nhưng đúng lúc đó xe nổ máy và toàn bộ cỗ xe kêu rộp rộp như cối xay cà phê.

Irina dừng xe cạnh ngôi nhà trên phố Fuchsbau. Giàn giáo bao quanh ngôi nhà. Để tu sửa ngôi nhà này, Kurt cũng phải mượn bà Charlotte một khoản bộn.

- À, thế ra xe là mua cho Irina đấy, bà Charlotte chờ Irina cùng Alexander chui ra khỏi xe liền cất tiếng hỏi.

- Kìa mẹ, con có chạy được xe đâu. Mẹ cũng biết, con chỉ nhìn một mắt.

Bà Charlotte lặng im. Đúng thế thật, bà quên khuấy chuyện đó. Nhưng, con Irina cần xe làm gì chứ?

- Với lại con sẽ trả lại tiền cho mẹ mà, Kurt nói. Mỗi tháng con tạm trả hai trăm mác, bao giờ tăng lương thì ba trăm.

-Thì ra là thế, bà Charlotte nói và cố nhịn, vâng, *cố nhịn,* để không buông thêm: Anh trả tiền, cô ấy chạy.

Nhưng Kurt vẫn nói:

- Mẹ, con không hiểu sao mẹ cứ hằn học thế.

- Nào tôi hằn học gì đâu.

- Con nghĩ, Kurt nói, có lẽ mình nên nhân dịp chúng con đã ở riêng để sắp xếp lại mọi chuyện.

- Tôi cũng nghĩ vậy, bà Charlotte nói.

Bà không muốn kéo mãi chuyện này ra. Bà tấm tức vì Kurt xử không phải với bà. Cứ làm như mọi sự đều do bà cả. Thế mà từ lâu chính bà đã cố cải thiện quan hệ với con dâu, nhưng con bà đâu có để ý. Nào bà có bao giờ dám buông lời chê trách Irina, đến cả những trò nhảm nhí, hay thói tiêu pha quá trớn của cô ấy bà cũng chẳng than lấy một lời, ngược lại, thậm chí bà còn đưa cả tiền cho cô ấy sửa sang nhà cửa, mặc dù thật lòng

mà nói, bà vẫn thấy nhà với cửa làm gì cho hoang phí. Bây giờ cô ấy lại đòi sắm xe hơi... Nhưng làm thì có chịu làm đâu. Kurt cày tối mặt tối mũi, đã xong bằng tiến sĩ, lại còn ra cả sách, sách tuyệt vời nhá, trong khi Irina trầy trật mãi lớp đào tạo nhân viên thủ thư vẫn chửa xong. Mà xong làm sao được, đến tiếng Đức nói còn chẳng ra hồn.

Những chuyện như thế bà Charlotte chẳng nói ra. Thay vì thế, bà lại hỏi:

- Anh đọc *ND* chưa ấy nhỉ?

- Con đọc rồi, Kurt đáp. Cả bài viết của mẹ con cũng đọc rồi.

Vừa lúc đó thì mẹ con Irina và Alexander lên xe. Alexander mặc áo len. Bà Charlotte cất tiếng:

- Hồi bà bằng tuổi cháu...

Nhưng cái cối xay cà phê lại lăn bánh. Cái xe đến lạ, ngồi trong đấy, đến nói chuyện với nhau cũng chẳng được; ngồi ghế sau còn bị dồi bên này hất bên kia. Ấy là chưa kể Irina chạy nhanh phát khiếp, ào ào qua ngã tư mà chẳng thèm nhìn sang phải sang trái gì cả.

- Thế không phải để ý đường ưu tiên à? bà Charlotte cố nhã nhặn, hỏi.

Không ai đáp lại bà, có lẽ vì không rõ bà hỏi ai, hoặc vì xe chạy ồn át mất tiếng bà. Bà thôi không hỏi thêm.

Xe chạy đến công viên Sanssouci, cả nhà bảo nhau xuống xe. Nhưng Alexander nhăn nhó:

- Con muốn đi nữa cơ!

- Thì lát nữa mình lại chạy xe quay v`ê mà con, Kurt ôn t`ồn.

Song thằng con không chịu, nằng nặc đòi: Đi xe cơ!

- Thôi được, ta chạy đến Cecilienhof vậy.

- Đến đấy chỉ thêm được mỗi đoạn, bố mẹ bảo đi xe một vòng cơ mà!

Thật không còn ra thể thống nào nữa. Cả nhà bàn đi tính lại mãi xem có chạy thêm đến quận Bornim hay Neufahrland hay không, r`ồi mới dứt khoát, chỉ đến cung điện Cecilienhof thôi, nhưng đi vòng vèo cho dài đường ra. Alexander cũng chịu như thế.

- Xe nhà cháu có thùng xăng phụ nhá, nó khoe với bà.

Bà Charlotte gật gù.

Rốt cuộc cũng đến Cecilienhof. Tìm chỗ đỗ xe - cứ như đưa tàu thủy cập bến không bằng. Kurt đỡ bà ra khỏi xe. Đúng là trò leo trèo. R`ồi Kurt hỏi:

- Sao? Mẹ thấy xe bọn con thế nào?

- Tuyệt, bà Charlotte đáp.

Thằng Alexander dùng tay áo chùi vết phân chim trên vỏ xe. Bà Charlotte nhịn, không nói gì. Đi một quãng r`ồi mà Alexander vẫn còn thỉnh thoảng ngoái nhìn chiếc xe. Bà Charlotte chờ đến lúc họ đi khuất một đoạn.

- Hồi bà bằng tuổi cháu bây giờ, bà gắng một lần thứ ba, Chủ nhật nào bà cũng phải theo chân cố nội vào Tiergarten, vì cố có thói quen kỳ quặc muốn đón Hoàng đế thỉnh thoảng vẫn đi dạo ở đấy.

Alexander trố mắt.

- Hoàng đế thật á?

- Chứ sao, bà Charlotte đáp, Hoàng đế Wilhelm đấy. Đôi khi phải chờ hàng tiếng, chả biết rồi Hoàng đế có đến hay không. Và lúc nào bà cũng phải mặc váy len trắng ngứa ngáy kinh khủng. Đúng là ngứa ghê ngứa gớm ấy, bà nói và liếc nhìn gương mặt Alexander xem lời bà có tác động gì đến cháu không.

Chả thấy có tác động gì. Đã thế, Alexander lại hỏi:

- Thế Hoàng đế có đến không ạ?

Irina nói lớn:

- Thôi, mẹ đừng kể chuyện ấy nữa. Nếu hồi xưa mẹ gặp chuyện không may thì bây giờ mẹ chẳng nên bắt người khác cũng gặp chuyện như thế.

- Thế Hoàng đế có đến không ạ? Alexander gặng hỏi.

- Có, bà Charlotte đáp, sau rồi Hoàng đế cũng đến. Cơ mà bà rất ghét ông ấy.

Đến bãi tắm cuối hồ Heiliger hai mẹ con Irina và Alexander kéo nhau đi ném mồi cho thiên nga. Bà Charlotte cùng Kurt ngồi xuống chiếc ghế băng. Gió mát thổi nhè nhẹ, dễ chịu. Tiếng lau sậy xào xạc.

- Thế nào, anh thấy bài tôi viết thế nào? bà hỏi, rồi nói thêm: Nhưng đừng có mà hắc quá nhé.

Bà nhận thấy Kurt đang cố lảng.

- Thôi, có thế nào thì cũng tuôn ra. Anh chê bài tôi viết chứ gì?

- Con không hiểu mẹ, Kurt nói, mẹ dính vào chuyện như thế làm gì.

- Sao lại bảo là dính? Mà dính chuyện gì mới được chứ?

Kurt nhìn bà. Bà chợt nhận ra anh chỉ nhìn bà bằng một con mắt, và trong giây lát bà bỗng có cảm giác hối hận, như thể bà có lỗi vì việc đó vậy.

- Mẹ ạ, đây là chiến dịch chính trị, Kurt nói. Một số người đang tính lên gân lên cốt.

- Cơ mà quyển sách quá tệ, bà chống chế.

- Thì mẹ đừng đọc nó nữa.

Kurt chợt khô khan một cách bất thường.

- Không, không, anh Kurt ạ, như thế không được, bà Charlotte nói nhanh. Cả tôi cũng được quyền có ý kiến của tôi chứ. Cả tôi cũng có quyền chê cuốn sách dở và có hại chứ. Mà tôi thấy nó dở và có hại thật; ý tôi là thế và tôi sẽ giữ ý kiến của tôi.

- Đâu chỉ là chuyện cuốn sách đấy hả mẹ.

- Nhưng tôi chỉ nói đến cuốn ấy thôi.

- Không phải đâu, Kurt khăng khăng. Đây là chuyện đường lối, cải tổ hay trì hoãn, dân chủ hóa hay quay về với chủ nghĩa Stalin.

Bà Charlotte sốt ruột đưa tay ôm hai bên thái dương.

- Stalin... Sao tự dưng ai cũng một điều chủ nghĩa Stalin, hai điều chủ nghĩa Stalin thế!

- Con không hiểu mẹ, Kurt nói. Và, dù cố nén, giọng anh vẫn gay gắt khi nói dần từng tiếng: Thì con trai mẹ bị giết ở Vorkuta đấy thôi.

Bà Charlotte đứng bật dậy, đưa tay ra hiệu Kurt đừng nói nữa.

- Mẹ không muốn con nói thế. Kurt, mẹ không muốn con nói như thế!

Alexander chạy đến, hổn hển báo tin bọn chim hải âu cướp mồi của thiên nga. Rồi nó lại chạy đi.

Kurt im lặng. Bà cũng lặng im.

Tiếng lau sậy xào xạc ở ven hồ.

Cảm giác đầu tiên lúc bà bước vào nhà là cảm giác ngột ngạt, như thể có miếng giẻ cũ kỹ tấp lên mặt lên mũi vậy. Leo cầu thang lên phòng tắm, bà hiểu ngay cảm giác ấy từ đâu ra: ở hành lang tầng trên, Mählich và

cậu Schlinger, mỗi tên cầm một cây cọ sơn trong tay đang hì hục bên một tấm áp phích lớn. Và, chắc là để có chỗ phẳng rộng, họ đã cuốn tấm thảm dài trải hành lang lại. Bụi mù mịt.

- Các anh làm gì thế kia, giọng bà rít lên.

- Anh Wilhelm bảo..., Mählich toan cất lời.

- Anh Wilhelm bảo! Anh Wilhelm bảo...! Bà Charlotte hầm hầm.

Vào buồng tắm bà uống ngay một viên Prednisolon chống hen suyễn, làm xong, bà lấy chiếc khăn ẩm che miệng trước khi bước ra hành lang. Hai tên kia đã kịp gọi ông Wilhelm lên tiếp sức.

- Có chuyện gì thế nào, ông Wilhelm hỏi, giọng kẻ cả.

Bà Charlotte không đáp, lách người đi qua dải hành lang hẹp. Bà vô tình đụng phải Schlinger, khiến cậu này mất thăng bằng phải chồm người, giẫm chân lên tấm áp phích vừa sơn, đúng vào chữ *revolution* viết sai.

- Cái bà này, bà bị làm sao thế!

Bà Charlotte không ngoảnh lại, đi một mạch theo cầu thang xuống tầng dưới. Ông Wilhelm bám theo sau, rồi bước lên trước, ngáng lối vào nhà kính.

- Bà nói giúp tôi xem bà có chuyện gì thế nào?

- Ông ạ, bà Charlotte cố hết sức giữ bình tĩnh. Chắc ông cũng phải biết tôi bị dị ứng bụi trong nhà chứ.

- Sao, bà bảo sao?

- Dị ứng bụi nhà, bà nói.

- Lúc nào bà cũng cái trò ấy, ông Wilhelm cằn nhằn.

Bà Charlotte kéo nhanh cánh cửa nhà kính, đóng lại ngay trước mặt ông, rồi kéo rèm.

Bà ngả lưng xuống giường, nghe tim đập thình thịch và hơi thở hơi khò khè của chính mình. Đầu lưỡi vẫn còn vị đăng đắng của thuốc Prednisolon.

Bà nằm như thế một lúc lâu.

Bồn phun nước kêu rù rù.

Bà chợt nhớ chậu hoa quỳnh, chậu hoa bà để lại cho cửa hàng hoa, không kịp đợi xem hoa nở.

À, còn thêm cái này nữa: hồi ở Mexico, nào bà có bị hen bao giờ.

Đêm hôm đó bà mơ toàn chuyện dữ, nhưng dữ thế nào thì sáng ra bà không còn nhớ nữa. Mà cũng chẳng muốn nhớ lại.

Cả ngày Chủ nhật bà ở nhà, nhặt cỏ dại trong vườn.

Sáng thứ Hai bà nghe thời sự báo tin đội quân do phía Hợp chủng quốc Hoa Kỳ vũ trang vừa đổ bộ vào Cuba.

Đến thứ Tư thì quân đổ bộ bị tiêu diệt.

Không thấy đồng chí Hager gọi điện nữa.

Buổi tombola ông Wilhelm tổ chức thành công rực rỡ. Vị Bí thư Quận ủy đọc diễn văn và đại diện Mặt trận Quốc gia tặng ông Wilhelm chiếc Huy hiệu Danh dự mạ vàng.

MỒNG 1 THÁNG 10 NĂM 1989

Cụ không biết cụ ngồi thế đã bao lâu, trên giường, nơi cụ vẫn thường ngồi, chân này vắt tréo chân kia, hai tay hờ hững đặt trên đùi như thể không phải tay cụ vậy. Cụ không khóc nữa. Nước mắt đã khô tự lúc nào, và những hạt muối li ti đọng lại ngứa ngáy trên mặt cụ.

Bên ngoài, trời sáng lắm, sáng đến mức nhìn ra, cụ lóa cả mắt. Mấy cây bạch dương lá vàng lấp lánh. Thu năm nay ấm, mùa màng sẽ được lắm đây, cụ Nadezhda Ivanovna nghĩ bụng. Đận này ở Slava người ta bắt đầu thu hoạch khoai tây, đây đó ngoài đồng, những đống lửa đầu tiên bốc lên từ các đống thân lá khoai tây bị đốt. Và, hễ khi nào thân lá khoai tây cháy thì cũng là lúc thời nắng lịm đang về, chẳng còn gì ngăn nổi.

Cụ Nadezhda Ivanovna hỉ mũi rồi nâng đôi que đan sáng nay cụ để nằm trên gối lên tay. Tất cụ vốn định đan cho Sasha, giờ đành cho anh Kurt vậy, đã gần xong một chiếc, chiếc kia cụ đang đan đến phần gót. Đan tất thì cụ rất thạo, cụ từng đan nhiều đôi, mấy đôi đầu tiên trông chỉ nhỏ như túi bọc trứng luộc, ba chục năm rồi mà mũi cụ vẫn còn lưu mùi tóc sau gáy thằng bé, mỗi khi cụ nhớ cảnh nó ngồi trên đùi cụ để chơi trò *malchik-palchik*[40], chơi hàng giờ, hoặc để nghe cụ hát, bài hát về con Dê Non không vâng lời bà nội, bài hát nó nghe đi nghe lại không chán, giờ thì chắc nó quên rồi, mặc dù bài hát nó đã thuộc lòng từ lúc mới lên hai; thuộc thì thuộc cơ mà lúc nào cũng hỏi, cũng đòi: Ta...ại saa...o, ta...ại saa...o, chỉ sừng non với móng chân, gọi mãi gọi mãi cũng chỉ thấy sừng non với

móng chân thôi, nhưng không sao, chắc nó sẽ gửi bưu thiếp cho cụ, dù nó có việc quan trọng phải làm bên ấy, nó còn phải làm quen với mọi thứ ở xứ đó, cái xứ Mỹ ấy cụ đã thấy trên vô tuyến, chương trình bên kia cơ, phải bật hai lần, mà thật ra cụ xem chương trình bên kia là chính, Brezhnev[41] cụ xem chán rồi, xứ Mỹ vẫn hay hơn thế nào ấy, dù đôi lúc họ chiếu những thứ cụ chẳng dám xem, hoặc giả có xem cũng sợ phải tội, rồi cụ Nadezhda Ivanovna lại nghĩ bụng, hay những thứ chiếu trên vô tuyến chỉ là hình với ảnh, và rốt cuộc thì mọi thứ cũng chẳng khác ở đây là mấy, trông gần lắm, hay những thứ cụ thấy đó vẫn diễn ra trên đất Đức nhỉ, chỉ phía bên kia biển nước, hay nước Đức chính là nước Mỹ, hay là một phần của Mỹ, hay Mỹ là một phần của Đức, lung tung xòe đến phát điên lên được ấy, mà để làm gì cơ chứ, nếu rốt cuộc mọi thứ đều như nhau như Ira vẫn bảo, chỉ có điều bên kia mua cái gì cũng có, Ira bảo thế, ở nước Đức bên kia kìa, tức là một phần của Mỹ ấy, thế nhưng cụ chẳng hiểu gì. Thì ở chỗ bến xe khách vẫn dừng, nơi thằng Sasha đi học, cũng ai muốn mua gì thì mua, chẳng tem chẳng phiếu gì, mua bao nhiêu cũng được, miễn sao khuân được hết, mua sữa đựng túi giấy bồi, ở Slava sẽ chẳng ai tin cụ, nhưng thật tình mà nói, chẳng biết do túi giấy bồi hay do bò là bò Nhà nước, sữa vắt bằng máy, mà thứ sữa ấy, khi để yên, không quánh lại, cứ thế mà hỏng đi thôi, thì sữa vắt từ bò Nhà nước nó khác với sữa bò nhà mình trong chuồng mà lại, thằng bé chuộng sữa đông pha đường lắm, sữa chua, rồi cả bơ cũng có, có tất, muốn gì cũng có.

Đan gót chân cụ phải chia mũi đan thành ba, song cụ chẳng đếm bao giờ, kim nó cứ tự động đan, rồi các mũi bắt chéo nhau trước khi lại chạy thẳng theo thân kim, chân anh Kurt cùng cỡ nhưng cái anh này thật tình mà nói chẳng bao giờ mang tất cụ đan, dù cứ khi nào cụ tặng thì lại cảm ơn rất lịch sự, đúng thế, nhưng biết làm sao được, tay cụ phải có việc để làm, sang xuân còn có việc trong vườn, nếu cụ còn sống đến lúc ấy, cơ

mà đến lúc ấy cụ phải có cách giết thời gian, chứ nếu chỉ xem vô tuyến thì mụ mị cả đầu óc, thỉnh thoảng cụ cũng đọc cuốn sách anh Kurt đưa cho cụ, đọc thì cụ biết, ít ra cụ cũng thoát khỏi mù chữ từ dạo cụ đến Slava, xứ của Xô-viết, có điều cuốn sách nó dầy quá, cuốn *Chiến tranh và hòa bình,* đọc đến đoạn giữa thì quên đoạn đầu, cảnh cắt cỏ mô tả trong truyện thì cụ nhớ, công việc nặng nhọc lắm, đời cụ, cụ đã cắt cơ man là cỏ, cứ chiều tối, đi làm ở nhà máy cưa về là cắt, vào tháng Tám hằng năm, sang tháng Chín đến lượt thu hoạch khoai tây. Ở Slava là thế. Bây giờ cụ chỉ có việc chăm dưa chuột, nhưng dưa ở đây nó cứ tự động mọc, chỉ thỉnh thoảng phải tưới, mở vòi nước cái là xong, sống ở Đức nhẹ nhàng như thế, dân Slava chẳng ai tin, nhẹ nhàng thế nhưng mọi sự cứ đầu đầu và Ira luôn miệng càu nhàu, thỉnh thoảng cụ tự hỏi không biết bỏ cái nhà ở Slava có phải là sai lầm không, nhưng rồi cụ lại tự an ủi, biết làm sao được, xương cốt già hết rồi, đến leo thang lên lò sưởi mùa đông cụ còn chẳng leo nổi nữa, thì thôi, cụ chẳng than thân trách phận gì, song dần dần đâm chán, ít gì cụ cũng bẩy tám rồi, các chị gái cụ còn chẳng sống nổi đến hai mươi, chị Lyuba, chị Vera, hai chị đã nằm lại đâu đó ở một vùng giữa Gríshkin Nagár và Tatarsk, còn cụ vẫn ngồi đây, ở đất Đức này, thậm chí được cả lương hưu, ba trăm ba một tháng, mới đầu cụ để dành cho việc mai táng cụ sau này, canh cánh lo chết trước khi dành đủ tiền vì nếu thế thì, có ai mà biết được, người ta sẽ đem xác cụ đi thiêu, ở đây họ làm thế, nhưng giờ thì quá đủ rồi, gấp những ba lần tiền, mà cụ vẫn sống, vẫn tiếp tục nhét khoản lương hưu của cụ vào gối đầu giường, sau khi đưa một trăm cho thằng Sasha, Ira không nhận tiền của cụ, lúc nào cũng con không cần, mẹ hiểu không, vênh vênh cái mặt, khiến cụ bực cả mình.

Có tiếng gõ cửa, ra là anh Kurt, hỏi cụ lát nữa có cùng đi dự lễ sinh nhật ông Wilhelm không. Chà chà, sáng nay cụ còn nhớ, sau đầu óc già cả quên khuấy đi mất, nhưng cụ không muốn nhận cụ quên.

- Tôi đi chứ, cụ nói. Sao lại không.

Có điều cửa hàng hoa cạnh nghĩa địa đóng từ lâu rồi, khỉ quá, mình ngu quá là ngu, làm thế nào bây giờ, cụ vẫn còn hộp sô-cô-la nhân rượu, chỉ mong sao không phải của chính ông bà Charlotte tặng cụ, hai ông bà toàn tặng cụ thứ sô-cô-la nhân rượu ấy, mà cụ nào có ăn, nhưng cũng chẳng sao, vì nhờ thế cụ có thức gì để mời mỗi khi Sasha dẫn bạn gái đến thăm cụ, cô bạn mới của nó tên Kalinka hay tên gì nhỉ, không biết con bé có cùng đi sang Mỹ không hay ở lại Đức? Con bé cũng không đến nỗi nào, mỗi tội đôi tay khẳng khiu, chẳng làm lụng gì được, mà nó làm gì đâu, diễn viên gì đó, gầy thì gầy, đóng phim người ta vẫn cần, hay là tặng ông Wilhelm dưa chuột muối, dưa loại tốt, giống Ural, muối với tỏi và rau thì là, thằng bé Sasha mê dưa chuột của cụ, có điều sinh nhật tặng dưa chuột chả biết có được không, cụ phải hỏi anh Kurt, ít gì ông ấy cũng chín mươi rồi, thế mà trông vẫn phong độ lắm, cái ông Wilhelm này, nom cứ như tám mươi, lúc nào cũng com-lê như bộ trưởng, mà nói năng cũng thế, trịnh trọng lắm, thoáng trông biết ngay ông đã từng chu du thiên hạ, ông bà ấy đi tàu thủy vượt biển, lạy Chúa, cụ đã có lần thấy biển, cơ man nào là nước, đến tận chân trời, chuyện ở Slava chẳng ai tin, mà đằng ấy, sát mép chân trời, mấy chiếc tàu thủy trông nhỏ li ti như hình nộm trên nóc nhà, nghĩ mà thấy khiếp, và cụ nghĩ, đi tàu hỏa vẫn hơn, ít ra thì nó cũng còn chạy trên mặt đất và khi nó chạy thì cũng chẳng sợ lắm, rồi cũng quen dần, để rồi rốt cuộc cụ còn ngủ và khi mở mắt ra thì bỗng dưng cụ đã ở Đức và thật tình cũng chẳng biết như thế là xa hay gần, thằng Sasha có lần chỉ trên bản đồ cho cụ xem, như thể nhìn bản đồ là biết, tỷ dụ, từ Tatarsk đến Gríshkin Nagár là bao xa, trên bản đồ chỉ bằng bốn ngón tay xếp lại nhưng thực ra là bốn năm đằng đẵng cụ vẫn đi qua, hay lâu hơn, cụ chẳng biết nữa, cụ đã mải mốt bước đi, từ khi nảo khi nào đến giờ cụ chỉ có đi là đi. Thật tình mà nói cụ chẳng nhớ gì đến Tatarsk, nơi cụ sinh ra nữa, bố cụ đi thả bè gỗ trôi

sông mất tiêu không về, lúc đầu mẹ cụ bảo thế, về sau tự dưng mẹ lại quả quyết bố chết trận, mọi sự cứ tối mò mò, chẳng biết đâu mà lần, đến khi lần ra chỗ sáng thì cái đầu tiên cụ nhìn thấy mỗi khi nhớ lại, là con đường, một bức tranh mờ nhạt, lay lắt về một con đường đi mãi không hết, và khi cụ nhìn xuống thì thấy đôi chân lấm bẩn của chính mình, đó chính là thứ đầu tiên cụ còn nhớ được, cùng cơn khát nước không ngớt giày vò cũng như đôi bàn tay, khi đập lên trán, do quá nhiều muỗi mà đỏ nhoét vì máu.

Cụ lấy chiếc áo liền váy ra mặc, áo mới, màu tím có kim tuyến vàng óng ánh, kể ra ở tuổi cụ cũng là hơi diện, ở Slava chẳng ai mặc thế này, nhưng ở đây người ta mặc tất, kể cả người già, mỗi khi đi nhảy ở câu lạc bộ Volkso-Dali-Rität[42], mỗi năm một lần, vào cửa không mất tiền, là nơi cụ hay đến, dạo chân cụ còn lành lặn, mặc dù cụ không biết nhảy theo các điệu được quy định, cứ nhảy bừa, theo kiểu ở vùng Ural nhà cụ, nhấp chút rượu ngọt là y như rằng cụ thấy ai cũng ít nhiều nhảy kiểu Ural như cụ, bây giờ cụ phải xỏ giầy, giầy rất tốt, Ira sắm cho cụ, nhưng Nhà nước trả tiền, chuyện này ở Slava rồi cũng chẳng ai tin cụ, thứ giầy như thế này, loại tốt, bằng da, thứ giầy hồi nhỏ cụ vẫn trông ngóng mỗi khi vào một xóm làng nào đó ngồi ăn xin trước cửa nhà thờ, cụ ghét ngồi như thế lắm, hai chị lớn được vào làng kiếm việc, còn cụ, đứa bé nhất, phải ngửa tay ăn xin, suốt cả ngày, cúi đầu xuống, ngửa tay đưa lên cao, thế nhưng, nếu không thấy ai mang giầy thì thôi, hạ tay xuống, chuyện này cụ vỡ nhẽ ngay, ai chân quấn giẻ sẽ chẳng cho gì, chân mang dép - thỉnh thoảng, nhưng cơ mà, nếu thấy giầy da thì phải căng người ra, giầy da thứ thiệt, đúng như đôi cụ đang đi, gọi là giầy *chuẩn hình,* thứ này ở Slava không ai biết, mỗi bên những mười hai lỗ để xỏ dây, kể ra cũng tiếc vì rốt cuộc không đi thăm Slava được nữa, cụ Nina đã làm giấy mời, đến thị thực cũng có rồi, nhưng biết làm sao được, chân cẳng thế này, đến lê ra nhà thờ còn khó nhọc nữa là, có giầy *chuẩn hình* cũng chẳng giúp gì, đôi chân liệt rồi,

lê lết khắp mọi chân trời rồi, đến tận Gríshkin Nagár, đi từ Tatarsk, bốn năm trời ròng rã, có khi lâu hơn cũng nên, hết đi lại lết, hè nào cũng như hè nào, từ lúc tuyết tan đến mùa thu hoạch, rồi sau đó cầu Chúa cho gặp nhà địa chủ từ tâm cho trú đông tạm, dù chỉ là trong một góc chuồng gia súc cũng được.

Cụ phải tháo hết dây giầy ra mới xỏ-chân-vào-giầy được, sau đó cụ lại phải xâu dây từ đầu, ngược từ dưới lên trên hết mười hai lỗ rồi thắt lại, như thắt nơ, là xong. Rồi cụ chải tóc, nhưng không phải vì thế mà phải vào buồng tắm, cụ nghĩ bụng, soi vào màn hình vô tuyến là đủ rồi, có khi còn hay hơn vì không phải nhìn rõ mình, đoạn cụ khoác chiếc áo khoác mùa hè, ngoài trời vẫn còn ấm, và thay vì xách túi, cái túi xách mọi khi cụ vẫn mang theo người - chẳng biết để làm gì, bởi chìa khóa phòng đằng nào cụ cũng móc dây chuyền quàng cổ, còn ví tiền cụ giấu trong túi khâu thêm ở cạp váy - tức là thay vì xách túi, cụ cầm lọ dưa chuột để trên bàn từ sáng, rồi cụ lại ngồi xuống giường, chờ anh Kurt đón. Ngồi chờ thế này, cụ chẳng ngại, khi biết chờ cái gì thì có chờ lâu cũng chẳng ngại, có khi còn thấy thú vị. Cụ chợt nhớ cụ chưa ăn uống gì, miếng bánh mì pho-mát Ira vất cho cụ vẫn còn nguyên trên bàn, nhưng cụ nhất định không đụng đến, cụ có phải con chó đâu cơ chứ, thế là cụ cứ ngồi yên, chờ, lọ dưa trên đùi, không nghĩ ngợi gì cả, hay đúng hơn không nghĩ xoáy vào chuyện gì cả, chỉ thấy lạ, sao cụ lại nhớ đến dạo xưa, hồi cụ còn nhỏ ngồi ăn xin trước cửa nhà thờ và ngắm các đôi giầy đi ngang, lâu lắm cụ không nhớ đến chuyện này, nhưng chuyện ở đâu thì cụ không biết nữa, cái làng ấy, những gương mặt dạo ấy, chẳng còn gì, quên ráo cả, cũng như cụ quên khuấy đoạn đầu cuốn sách gọi là *Chiến tranh và hòa bình* nó ra làm sao, cụ chỉ nhớ cái ngày cụ tìm thấy Lyuba, chuyện này tất nhiên cụ nhớ, chị ấy nằm giữa tuyết, trông cứ tưởng đống giẻ đóng băng. Cụ lấy rìu dọa một trong mấy gã đàn ông, thấy người ta bảo vậy. Rồi cả nhà cụ phải bỏ đi, mang

tiếng là bọn gây rối, ngay giữa mùa băng giá, cụ vẫn nhớ lão địa chủ dẫu gì cũng cho được phần tư pút bánh mì, cụ cũng nhớ cảnh dân chúng đứng trong nhà sau cửa sổ nhìn ra, sau thế nào, cụ không biết nữa. Quên sạch. Thế nào đó rồi cũng qua được. Lúc nào đó, chẳng biết có phải mùa hè ấy không hay mùa hè sau nhỉ? thì họ đến Gríshkin Nagár; vẫn còn nguyên cả ba: mẹ Marfa, chị Vera với cụ, Nadezhda.

Cụ còn nhớ rất rõ về chị Vera. Lyubov xinh nhất, mẹ Marfa vẫn bảo thế, nhưng Vera dịu dàng nhất, cụ Nadezhda Ivanovna nhớ là nhớ nết dịu dàng ấy của Vera, một người kính Chúa, hiền lành, và cho đến tận giờ cụ vẫn tự hỏi sao chính Vera lại là người phải chịu kết thúc tàn nhẫn như thế. Chị ấy qua mỗi một mùa đông ở Gríshkin Nagár. Đấy là lần đầu tiên cả nhà được ở ngôi nhà riêng, họ hàng nhường cho căn nhà gỗ, gỗ nứt chỗ nào lấy bùn trát kín lại chỗ ấy, lò sưởi rộng đủ chỗ cho ba mẹ con ngủ, tối tối đốt gỗ thông, cháy toàn mùi nhựa, mọi người ngồi quanh bàn, mỗi người loay hoay một việc vặt vãnh nào đấy. Ấm xa-mô-va reo reo. Phía ngoài gió rít từng cơn, nhưng khi gió lặng thì tiếng sói hú, nghe văng vẳng, có vẻ xa lắm, song, nếu mùa đông mà kéo đủ dài, thì chúng mò đến, len lỏi mọi xó xỉnh ở Gríshkin Nagár, sáng ra mở cửa thể nào cũng thấy vết chân sói đầy mặt tuyết. Sang hè, bọn sói nhát hơn, cánh đàn ông bảo mùa hè dễ bị muỗi đốt chết hơn là bị sói vồ, người yếu lắm chúng nó mới dám xông vào, chắc chị ấy phải khát nước đến phát điên, ai mà biết chị ấy bị lạc từ lúc nào, nghe bảo ai bị lạc cũng đi lòng vòng, hai năm sau người ta tìm thấy chị cách nhà chừng mươi mười lăm véc-ta gì đó, đúng hơn là tìm thấy chiếc thùng thiếc chị ấy mang theo để hái dâu rừng, ở trong thùng, tốt nhất là đừng hỏi, đến giờ cụ vẫn sởn da gà mỗi khi nhớ lại những gì còn sót lại ở chị ấy, sừng với móng, bây giờ thì mày biết tại sao rồi nhé, quay đi quay lại, chui vào chui ra bụi dâu là mất hướng rồi, rừng taiga lớn lắm, dễ mất hướng lắm, rồi mày khắc thấy còn sót lại gì ở con dê non ấy, sừng với

móng thôi... Thôi kệ, chắc thằng nhỏ quên rồi, ở Đức làm gì có chó sói đâu, ở Đức mọi thức đều trật tự, ngăn nắp, đến cả rừng cũng ngăn nắp nữa là, còn ở bên Mỹ ai mà biết có rừng hay không.

Anh Kurt gõ cửa.

- Tôi biếu ông ấy lọ dưa muối, cụ Nadezhda Ivanovna nói. Hay biếu như thế không được, anh Kurt?

- Thưa mẹ, được ạ. Mẹ biếu lọ dưa được ạ.

Anh Kurt này tốt, lúc nào cũng lễ phép, thưa gửi đàng hoàng. Ira phải nói là may mắn tìm được người như thế, cụ Nadezhda Ivanovna vừa gượng đứng dậy vừa nghĩ bụng, mặc dù anh ấy từng ngồi trại cải tạo, ờ, anh ấy vốn là dân ở tù ra, mà dạo còn ở Slava cụ đã thấy cánh ở tù ra đứng đắn, đứng đắn hơn cả đám quản trại, gớm cái bọn bợm rượu ấy, nhưng anh này thế mà leo lên được, làm đến *lão sư,* cứ sáng thứ Hai lại xách cặp lên Berlin, làm gì ở đấy cụ chẳng rõ lắm, nhưng là việc gì đấy của Nhà nước, lương cao lắm, mua cả xe hơi cho Ira cơ mà, ở Slava ai mà tin cụ chứ, ai đời vợ chạy xe ô-tô, chồng đi bộ, à cơ mà Ira đâu nhỉ?

- Ira đâu rồi? cụ Nadezhda Ivanovna hỏi.

Kurt lắc đầu.

- Cô ấy không đi.

- Sao không đi? Sinh nhật ông Wilhelm cơ mà?

Kurt chỉ ngón tay trỏ lên trên. Bây giờ cụ Nadezhda Ivanovna nghe tiếng nhạc từ phòng Ira vọng ra, tiếng nhạc cụ nghe quen, Ira độ này hay

nghe bản nhạc đó, nhạc Nga, ca sĩ Nga, gào tới mạng, nhưng không phải tiếng nhạc làm cụ lo lắng.

- Cô ấy khó ở à? cụ hỏi.

- Vâng, khó chịu trong người, Kurt nói.

- Vì chuyện thằng Sasha à? cụ Nadezhda Ivanovna gặng hỏi.

- Vâng, vì chuyện thằng Sasha.

Nhưng đấy vẫn không phải là cớ để uống, cụ Nadezhda Ivanovna nghĩ bụng. Đàn bà sao lại thế, đời thuở nào vợ say chồng tỉnh không, xấu hổ chết đi được, đến thuốc lá cũng hút, mọi chuyện này không hay chút nào, đúng ngày sinh nhật ông Wilhelm lại uống say mèm, cứ làm như uống say trên kia thì thằng Sasha nó về không bằng.

- Mẹ vịn vào tay con, kẻo ngã.

Cụ vịn vào tay anh Kurt, bước từng bước xuống bậc thang trước cửa nhà. Cỏ dại mọc hai bên lối đi thế này, nhẽ ra phải nhổ nó đi, vừa khó nhọc bước đến cổng, cụ vừa nghĩ bụng, nhưng đây chẳng phải việc của cụ.

- Miễn sao ở đấy nó khỏe là được rồi, anh nhỉ, cụ Nadezhda Ivanovna nói.

- Vâng, miễn sao được như thế là ổn rồi.

Nhà bà Charlotte và ông Wilhelm ở cùng phố, không xa lắm, nhưng chân đã đau thì cũng không phải là gần. May sao, ở Đức đến vỉa hè cũng lát gạch. Anh Kurt đỡ hộ cụ lọ dưa chuột muối, mẹ vợ con rể khoác tay nhau đi chậm rãi. Có lẽ anh này không nghiêm với vợ, cụ Nadezhda

Ivanovna nghĩ bụng. Cụ thì Irina chẳng nghe rồi, cái gì nó cũng làm như giỏi hơn cụ, từ dưa chuột muối đến bột bánh pelmeni, ai lại cho trứng vào đấy, hoặc thử lựa lời bảo nó bớt uống rượu đi thì cứ là ầm ầm cả lên, sao mẹ cứ xía vào chuyện của con, đây có phải xứ đằng sau dãy núi Ural của mẹ đâu, xin lỗi đi, *còn xa nữa cơ nhá,* thôi thì cứ đóng cửa lại là yên. Có thể nó đến nông nỗi này là vì nó không có bố. Bà ngoại Marfa chiều nó quá, mới đầu thì bảo nhục ơi là nhục, có con với thằng da đen, lúc nào mẹ cũng bảo thằng da đen, thằng "di-gan", nhưng anh ấy có phải di-gan đâu cơ chứ. Anh ấy là nhà buôn, cụ mua dầu hỏa chỗ anh ấy, người thật tốt nhá, Pyotr Ignatyevich, không rượu chè như đám mu-dích ở Gríshkin Nagár đâu, ông chủ hẳn hoi hay gần như thế, mặc áo bành tô, và cái cách khiển xe tam mã của anh ấy thì cả làng chẳng mấy ai bì kịp, và dù đó là tội lỗi, cụ xin Chúa tha tội, thế nhưng trong lòng cụ chẳng thấy có lỗi gì, bởi vì nếu mẹ Marfa không chặn lại thì cả hai người đã làm lễ cưới trước chúa và Nhà thờ rồi, anh ấy hứa với cụ như thế, thề hẳn hoi.

- Ông ấy định cưới tôi đấy chứ, cụ nói.

- Ai hả mẹ? Kurt hỏi lại.

- Thì ông Pyotr Ignatyevich chứ ai.

- À thế ạ, Kurt nói, vâng, nhất định rồi.

Nhưng cụ biết ngay anh Kurt không thật tin cụ lắm.

- Lẽ ra ông ấy đã lấy tôi, cụ quả quyết, nếu mẹ Marfa không ngăn, sau đó cả nhà đi khỏi Gríshkin Nagár, rồi sau này, lúc Ira lớn rồi kia, thì chuyển về Slava.

- Đấy là năm nào hả mẹ?

- Cái năm Xô-viết v`ê ấy.

- Xô-viết v`ê thì chính mẹ mới lên mười chứ mấy.

- Không, không phải thế, cụ nói, tôi vẫn còn nhớ mà, ấy là dạo người bà con phải mổ bò, bởi vì ai có quá ba con sẽ bị diệt ku-lắc, thế nhưng r`ồi họ vẫn diệt ông ấy *vì* ông ấy đã mổ bò.

- Ý mẹ nói, họ xử bắn ông ấy chứ gì.

- Ừ, chắc là bắn, lâu lắm r`ồi.

- Sau đó mẹ v`ê Slava.

- Phải r`ồi, mới đ`âu mẹ Marfa không muốn v`ê Slava, vì Xô-viết họ v`ê đấy r`ồi.

- Thế nhưng ở Gríshkin Nagár cũng có Xô-viết r`ồi cơ mà, mẹ vừa kể đó thôi.

- Phải, cơ mà ở Gríshkin Nagár, anh biết không, ở đấy không nhi`êu Xô-viết lắm, độc mỗi sáu nóc nhà, đến nhà thờ cũng chẳng có để phá. Nghe nói ở Slava người ta phá nhà thờ. R`ồi họ làm ra điện. Mẹ tôi không muốn dính tí nào vào những thứ đó. Bà ấy chống lại tiến bộ. Tôi không chống. Phá nhà thờ là phải tội, nhưng có điện thì được, sao không? Mới lại, trường học người ta mở trong thành phố, nên cả nhà kéo vào đấy, cũng là vì cái Irina là chính.

- Thành phố nào, hả mẹ? Kurt hỏi.

- Sao, thành phố nào ấy à?

- Mẹ vừa bảo cả nhà kéo vào thành phố.

- Phải rồi, thì anh biết rồi thôi, cụ hơi ngơ ngác.

- À, ra mẹ bảo Slava.

- Đúng rồi, Slava. Chứ còn đi đâu nữa?

- Vâng, Kurt nói. Còn đi đâu nữa chứ.

Hai mẹ con chuyển sang lề đường bên kia. Mặt trời chiếu xuyên qua các tán cây thưa, sưởi qua cả quần áo, ấm đến tận xương cốt. Cụ Nadezhda Ivanovna khoan khoái đi bên Kurt, bám tay Kurt, cụ thấy vinh hạnh, đến chân cũng do nói nhiều mà quên cả đau. Hay là cụ cứ đi lần nữa đến nhà thờ, nhà thờ Chính thống giáo ấy, lên tàu điện cũng đỡ một đoạn, thắp ngọn nến cho thằng Sasha, dù nó chẳng tin đạo, nhưng biết đâu vẫn thiêng, để nó, cái thằng nhỏ ấy, rốt cuộc được yên thân, hay cụ góp ít tiền từ thiện, gì chứ ít tiền thì cụ có.

Ngôi nhà bà Charlotte cùng ông Wilhelm ở rất đẹp. Ngọn tháp nho nhỏ nhô lên từ một bên mái khiến ngôi nhà có vẻ gì như nhà thờ vậy, mẹ Marfa chắc sẽ tưởng đây là nhà thờ, nhưng đúng ra cứ nhà gạch là mẹ tưởng nhà thờ. Lối vào nằm ngang mặt đường, chính đây là điều khiến cụ có cảm tưởng vào nhà quan, ai đến thăm chỉ cần lên một bậc thang là đã đứng trước hai cánh cửa gỗ dày, có chạm khắc hẳn hoi, và hai tay nắm hình đầu cá vàng.

Một người đàn ông trẻ tuổi mặc com-lê ra mở cửa, cụ Nadezhda Ivanovna biết anh này, cụ gặp anh ta đã nhiều lần ở nhà bà Charlotte và

ông Wilhelm, một người vui vẻ, lúc nào cũng cười cười và chào hỏi cụ hơi quá nồng nhiệt, *Babushka, Babushka*[43], anh ta nói, còn cụ đáp lại, xin Chúa phù hộ con, con trai ạ.

- Bog s toboyu, synok.

Trước hết vào phòng ngoài, từ đây qua tấm cửa bằng gương vào một hành lang rộng, có hẳn một góc treo áo khoác trên tường, trông hệt như cửa chính, bằng gỗ chạm khắc, nhưng ông Wilhelm quét sơn, màu mè rất sành chứ không như Ira nhà cụ, cứ đồ gỗ là sơn trắng, y như trong bệnh viện.

Giờ đến lượt bà Charlotte nhào ra, bà ấy già hơn cụ Nadezhda Ivanovna, nhưng chân cẳng vẫn tốt lắm, tóc thì uốn như tóc con gái. Mặc dù anh Kurt và bà Charlotte nói chuyện bằng tiếng Đức, song cụ Nadezhda Ivanovna hiểu bà Charlotte hỏi thăm Irina và Sasha, và cứ nhìn nét mặt thì biết bà chẳng vui vẻ gì với tin Kurt thông báo: cụ Nadezhda Ivanovna đoán ngay là vì Sasha đang ở Mỹ. Có điều bà vẫn bình tĩnh lắm, miễn sao đừng để ông Wilhelm biết gì cả, *ni slova Vilgelmu*[44], bà dặn thêm bằng tiếng Nga.

- Bác hiểu chứ ạ, ông ấy rất...

Nói rồi, bà phẩy tay không rõ với ý gì. Ông Wilhelm làm sao? Mệt à?

Đúng là lão Wilhelm trông xọp hẳn so với lần trước cụ Nadezhda Ivanovna gặp, lão ngồi lọt mất hút trong chiếc ghế bành to tướng. Cất tiếng chào cụ, ánh mắt lão ta đùng đục và giọng nói khản đặc.

- Tôi biếu ông này, cụ Nadezhda Ivanovna nói rồi chìa lọ dưa muối ra.

Ánh mắt Wilhelm chợt sáng lên, nhìn cụ Nadezhda Ivanovna trước rồi chuyển sang nhìn lọ dưa, lão nói to.

- Gorokh!

Nhưng đấy có phải đậu đâu cơ chứ.

- Dưa chuột đấy, cụ Nadezhda Ivanovna giảng giải: *Ogurtsy!*

- *Gorokh,* lão Wilhelm khăng khăng.

- *Ogurtsy,* cụ Nadezhda Ivanovna lại chữa.

Song lão Wilhelm, như thể muốn cho cụ thấy đây là đậu, không phải dưa, nhờ người mở lọ, nhón một quả ra, đưa lên miệng cắn. Và, mặc dù bây giờ đã rành rành là lão đang cắn vào quả dưa chuột, lão ta vẫn một mực:

- Gorokh!

Cụ Nadezhda Ivanovna gật gật đầu - ra là đến nông nỗi này rồi đây. Lão lên đường rồi đấy. Giờ cụ hiểu vì sao ánh mắt lão đùng đục, cụ đã từng thấy ánh mắt đục như thế, của người đang hấp hối.

- Bog s toboyu, *cụ nói khẽ*.

Rồi quay người lần đi chào khách khứa. Cụ quen mặt nhiều người ở đây, dù chẳng biết tên họ là gì. Cụ biết mặt người đàn ông ít nói, đôi mắt u sầu, lúc nãy giúp Wilhelm mở lọ dưa chuột muối. Cụ cũng quen mặt vợ

ông ta, mụ tóc vàng, lúc nào nhìn cũng có cảm giác mụ cao hơn chồng hẳn cái đầu - trừ những lúc hai người đứng cạnh nhau. Cụ biết chị bán rau ở cửa hàng cạnh bưu điện, người luôn đon đả, mỗi khi trả tiền cụ thường tin cậy đưa nguyên cả ví vào tay để chị ta tự lấy. Cụ quen cả anh cảnh sát, lẫn ông hàng xóm bàn tay lúc nào cũng nhớp nháp mồ hôi và luôn miệng chào cụ bằng câu *Da zdravstvuet!* Nghĩa là muôn năm, nhưng *cái gì* muôn năm thì ông ta chẳng bao giờ nói. Nói chung, ở đây ai nấy đều thân thiện với cụ, cả những người cụ không quen, cánh đàn ông ai cũng đứng dậy bắt tay cụ, rồi vỗ vai cụ làm cụ cũng thấy ngường ngượng, duy có người đàn ông mặc bộ com-lê màu xám sáng, hồi năm ngoái còn vui vẻ nói chuyện tiếng Nga với cụ, giờ nhìn cụ như thể không nhận ra, tay ông ta run run, mặt cứng đơ, khiến cụ chợt thấy ông ta trông sao giống Brezhnev thế.

Cụ ghé ngồi xuống phía cuối bàn tiệc, ai đấy đẩy riêng cho cụ chiếc ghế bành nhỏ đến sát bàn, cụ ngồi lọt thỏm trong đó, khó nhọc lắm mới với tay đến mặt bàn. Người ta dọn cà phê, bánh ngọt cho cụ. May phước cà phê không quá đặc, còn bánh ngọt thì ngon tuyệt, cụ đặt đĩa lên đùi làm luôn hai miếng, trong khi mấy người khách khác quay ra nói tiếp câu chuyện. Rằng dân Đức lắm lời thì cụ chẳng lạ lắm, ai nấy đều có học có hành, tất họ có lắm chuyện để nói, nhưng cụ chẳng nghe thấy gì khác ngoài những tràng âm thanh khô khan, trầm nặng mọi khi cụ vẫn nghe. Thì đúng là cụ cũng muốn học tiếng Đức lắm, hồi mới sang, ngày nào cụ cũng ngồi cày chữ cái Đức, thế nhưng, sau khi đã *thuộc lòng tất tật các chữ cái, toàn bộ bảng chữ cái Đức,* cụ mới nghiệm ra điều quái đản: tuy thuộc hết như thế cụ vẫn chẳng nói được một tí tiếng Đức nào. Thế là cụ bỏ, chuyện đến vô bổ, học thứ tiếng khó nói, khó hiểu, từ ngữ cứ như bánh mì khô cứa trong họng, *chuttentak* - dùng để chào khi gặp mặt, khi chia tay lại: *Affidersin,* hay ngược lại, *Affidersin, Chuttentak,* rắc rối thế, mà chỉ là để chào hỏi nhau thôi đấy.

Người đàn ông có cặp mắt u sầu đẩy chiếc ly kim loại màu lục nhỏ nhắn về phía cụ rồi nâng cốc rượu của mình lên.

- Mời chị Nadezhda Ivanovna, ông ta cất tiếng.

- *Da zdravstvuyet,* ông có bàn tay ẩm hô to rồi cũng đưa cốc rượu lên cao.

- *Nu, zachem!*[45] cụ Nadezhda Ivanovna hỏi.

Đúng ra thì cụ chẳng muốn, nhưng bỗng dưng mọi người đổ dồn nâng cốc, thúc cụ uống, thôi kệ, cụ nghĩ, làm một ly cũng được để mừng sinh nhật ông Wilhelm, cụ uống một hơi cả ly rượu mạnh, nhưng ngay lúc nuốt ngụm rượu vào bụng, cụ sực nhớ ở Đức người ta không uống kiểu thế, ở Đức người ta chỉ nhấp nhấp miệng ly, cụ thấy hơi ngượng về sự thất thố của mình, chưa kể thứ rượu gì uống tởm quá, cụ không quen uống, cụ thấy hơi men bốc lên đầu và chỉ một lúc sau cụ có cảm giác như mọi người càng nói nhiều, nói nhanh hơn, các âm tiếng Đức rung bần bật trong tai cụ, cụ chợt thấy chóng mặt vì cụ cũng muốn thông báo tin gì đó, mặc dù cả năm qua chẳng có gì đáng kể, cụ nghĩ bụng, tin mới nhất nẩy ra trong đầu cụ là tin Sasha đang ở Mỹ.

- *Sasha v Amerike,* cụ nói với người đàn ông có đôi mắt u sầu.

- Vâng, chị Nadezhda Ivanovna, ông ta đáp.

Ông ta với chai rượu mạnh, toan rót thêm cho cụ một ly, song cụ Nadezhda Ivanovna cự tuyệt thẳng cánh. Mới một ly cụ đã say thế này, đến mức giữa những tràng âm thanh tiếng Đức rung bần bật ấy cụ còn nghe loáng thoáng cả tiếng Nga, hay đúng hơn, nghe thấy một từ thôi, còn đúng hơn nữa, tên một ai đó: đúng rồi, ông ta tên *Gorbachov,* không hiểu sao cụ

biết ông ta qua truyền hình, hay cụ chỉ tưởng thế thôi, người có cái bớt trên trán, đúng là có người như thế, nhưng sao họ cứ chiếu ông ta trên truyền hình Mỹ thì cụ không rõ, ông ấy người bên ta cơ mà - không phải à?

Giờ đến lượt Melitta - vợ cũ của Sasha - cũng đến, cụ Nadezhda Ivanovna nhận ra ả ngay, mặc dù ả tô son trát phấn như bà chúa. Từ ngày ả bỏ Sasha cụ không còn mấy thiện cảm với ả, vâng, cụ nhận là như thế, chuyện đến là không hay, thằng nhỏ gầy xọp đi, còn thằng Markus, chắt của cụ, từ dạo ấy cũng ít đến chơi với cụ hơn. Hồi còn bé, nó hay ngồi đùi cụ, như bố nó hồi xưa, rồi cụ hát nó nghe bài con dê non, có điều, nó có hiểu gì đâu, thằng Markus chẳng biết chút tiếng Nga nào, cụ cũng chẳng dạy nó. Suốt một dạo nó còn chạy ra chạy vào phòng cụ vòi kẹo sô-cô-la, nhưng cụ không được cho nó ăn kẹo, Melitta mẹ nó cứ làm như thuốc độc không bằng, rồi thì nó không đến thăm cụ nữa, cụ còn chẳng nhớ lần cuối cụ gặp Markus là lúc nào, giờ nó lớn quá, nhưng gầy như que củi, da dẻ nhợt nhạt, mà kể cũng không lạ, đến đồ ngọt nó còn không được ăn nữa là.

Cụ thấy Markus đem quà đến tặng cố nó, đoạn hai bên trao qua đổi lại dăm ba câu gì đó rồi Markus đi vòng quanh chào mọi người, trong lúc thằng nhỏ từng bước tiến tới gần chỗ cụ ngồi, cụ lục lọi vốn tiếng Đức của cụ để gắng đáp lại chắt cụ một câu gì bằng tiếng Đức, cho chắc ăn, cụ lẩm nhẩm đôi lần câu chào trước khi thằng bé đến đứng trước mặt cụ, ngoan ngoãn chìa tay chào cụ, bàn tay mềm mại, mỏng manh, yếu ớt, nhưng khuôn mặt thanh tú, trán cao và mái tóc đen xoăn tít của nó khiến cụ nhớ ngay đến Sasha.

- Affidersin, *cụ nói*.

Thằng bé trố mắt nhìn cụ, rồi quay về phía mẹ nó và cất tiếng cười.

- Auf Wiedersehen, *Markus nói*.

Nói xong là đi. Lách người khéo léo, nó rút bàn tay mềm mại khỏi tay cụ và thoắt một cái, nó biến đâu mất.

Cụ Nadezhda Ivanovna ngắm nghía bàn tay mình, bỗng có cảm giác như thể cụ vừa làm thằng bé đau, bằng bàn tay thô kệch, sần sùi do chuyên nhặt khoai tây, bàn tay thợ xưởng cưa, cụ ngắm mu bàn tay nổi đầy những đường gân gớm ghiếc, làn da khô khốc, nhăn nheo ở các khớp ngón tay, móng tay xây xước, sần sùi, lòng bàn tay sứt sẹo, nhăn nheo với bao nhiêu là nếp nhăn. Cụ vỡ nhẽ tại sao thằng bé né tránh không muốn để cụ vuốt ve nó.

Mọi âm tiếng Đức khàn khàn chợt lắng xuống khiến cụ Nadezhda Ivanovna ngước lên. Một người đàn ông xuất hiện, cầm trên tay cặp bìa màu đỏ; cụ biết ngay đấy là người đến trao huân chương, chả là ông Wilhelm hầu như năm nào cũng được nhận huân chương, của Nhà nước hẳn hoi, thêm vào đó là một tờ giấy, trên đó ghi rõ vì sao ông được nhận huân chương. Người đàn ông đang đọc to những gì ghi trong tờ giấy đó, nằm trong cặp bìa màu đỏ ông ta giữ trên tay. Cụ Nadezhda Ivanovna lắng nghe, đầy kính nể, mặc dù cụ không hiểu hết các chi tiết, cụ chỉ hiểu đại khái chuyện đang diễn ra đây trọng đại lắm, cụ ngả lưng ra sau, mắt đảo về phía cái cửa sổ lớn trong khi diễn giả đang nhắc lại cuộc đời ông Wilhelm, ngoài trời đã nhá nhem tối, chỉ còn nhìn thấy đỉnh ngọn cây, lá lay lay trong tán cây và cụ Nadezhda Ivanovna như cảm thấy hơi lạnh buổi chiều tà lướt qua mặt, giống như sau khi gom than nóng, quay người bước qua những luống trồng khoai tây chợt trở nên tối om để về nhà... Chẳng bao lâu nữa, khi hết mùa thu hoạch, là đến sinh nhật Nina. Giữa tháng Mười, đôi khi đã có tuyết, nhưng trời chưa lạnh, tâm trạng mọi người hưng phấn,

ai nấy đều đã cất trữ đủ khoai tây và đến lúc để hội hè, ngày hôm trước họ vừa làm bánh pelmeni, rồi mọi người cùng hát, cùng nhảy, rồi sau khi mỗi người cạn một ly lại cùng hát những bài hát buồn thiu, đến khi ai nấy ôm nhau khóc, rồi thì, lại nhảy múa, ở Slava là thế, cụ Nadezhda Ivanovna bâng quơ nghĩ ngợi đến mức suýt nữa quên cả vỗ tay lúc diễn từ kết thúc và ông trao huân chương gắn huân chương lên ngực ông Wilhelm.

Rồi âm tiếng Đức khàn khàn lại râm ran, rạt rạt bên tai cụ, nhưng giờ không làm chướng tai cụ nữa, ly rượu mạnh đã ngấm, làm ấm lòng, nhẹ óc, lòng dạ cụ đang ở Slava, tâm trí cụ đang dẫn cụ đi dọc theo Bolshaya Lesnaya và mọi thứ hiện ra thật rõ: mặt đường đỏ sẫm của con đường lát đá, con đường thẳng như kẻ chỉ, chạy dài đến rặng bạch dương xa tít tắp; những ổ gà to tướng lợn vầy tung tóe, giếng nước có gầu kéo và vỉa hè lát gỗ; dẫy hàng rào gỗ cao ngang đầu người che khuất những ngôi nhà một tầng bằng gỗ, và một trong số đó từng là nhà cụ. Đúng thế, đã lâu lắm rồi, khi bàn tay cụ còn trẻ trung, mềm mại, trẻ trung mềm mại như bàn tay thằng Markus, một mụ bói toán từng dựa vào bàn tay trơn tru chẳng mấy vết nhăn ấy để đoán cụ nay mai sẽ sung sướng, may mắn - mà rồi cũng đúng thế thật. Cụ từng có ngôi nhà riêng, chút ít của cải riêng, về sau còn có cả con bò, phần lông nâu, phần lông trắng, cụ đặt tên nó là con Marfa, để nhớ mẹ cụ, tiếc không còn sống để hưởng.

Đúng thế, mọi sự thật đơn giản. Cụ rất mong quay về Slava, dự sinh nhật của Nina, thị thực nhập cảnh cụ đã có rồi còn gì. Cụ sẽ ngồi trong bếp với Nina, cùng nhau hớp sữa chua. Hai người sẽ làm pelmeni, ăn mừng cùng với những người quen còn lại. Sau rồi họ sẽ chết, thật nhẹ nhàng. Cụ sẽ chết ở đấy, ở quê nhà, cụ muốn chết chôn ở đấy, cho sướng, cụ nghĩ bụng trong khi âm tiếng Đức ran rát bên tai cụ, thật may là cụ còn nghĩ đến điều đó, ngay tại lễ sinh nhật ông Wilhelm, nhưng nói thì cụ

chẳng nói ra với ai, cụ không đến nỗi ngốc nghếch vậy, và số tiền để trong gối, cụ sẽ đem đổi ở nhà băng thành tiền rúp.

- *Nu davai*[46], cụ nói rồi đẩy ly rượu kim khí màu xanh về phía người đàn ông mắt u sầu.

Người đàn ông đôi mắt u sầu rót rượu vào ly cho cụ, rồi cười.

- Chúc sức khỏe chị, ông ta nói.

- *Da zdravstvuyet,* ông có bàn tay ẩm nói vọng sang.

- *Bog s toboyu,* cụ Nadezhda Ivanovna nói rồi ực một hơi hết ly rượu.

NĂM 1966

Đúng tháng này mười năm về trước, họ cũng từ Liên Xô về. Vẫn là bầu trời màu trắng sữa như thế này trùm lên các cánh đồng. Chỗ này chỗ kia nhìn kỹ đã thấy cây cối đâm chồi, nhưng nhìn từ xa thì cảnh vật cũng xám xịt hệt như hôm nay vậy, làng mạc cũng chẳng một bóng người và Kurt nhớ lại, qua cửa sổ chiếc xe buýt mi-ni anh đã trân trân nhìn *cảnh vật bên ngoài* đó ra sao. Hình như đây là quê hương anh thì phải!

Hai người dùng nốt số tiền còn lại trồng răng vàng, mỗi người một chiếc răng cửa, để về đến Đức trông cho đàng hoàng. Ít quần áo lành lặn họ xếp riêng vào một va-li nhỏ, hòng lúc đến nơi còn có ngay đồ tươm tất mà mặc sau chuyến hành trình dài mấy ngày ròng rã. Song, ngay lúc Kurt xuống tàu và nhìn thấy bà Charlotte cùng ông Wilhelm đang đứng chờ trên sân ga, anh bỗng cảm thấy chiếc áo vét-tông nhồi bông và chiếc quần rộng anh mặc sao cũ kỹ, tồi tàn quá, mặc dù trước đó vẫn ngỡ là tạm được. Ông Wilhelm gọi hẳn một chiếc xe buýt loại nhỏ ra đón. Chắc ông tưởng họ nhiều đồ đạc lắm; thế nhưng lúc sắp xếp đồ đạc ở Slava, hai người thấy xem ra chẳng có thứ nào hợp với cuộc sống ở Đức, và của cải của họ teo gọn lại còn hai va-li nhỏ và một chiếc ba-lô. Rốt cuộc, những thứ anh đem từ Liên Xô về lần này còn ít hơn cả những thứ hai mươi năm trước, lúc anh mới mười lăm tuổi, mang từ đây sang đó.

Như thế, lúc về đây, anh đã ba nhăm. Và, mặc dù anh được nhận ngay một chỗ làm ở Viện hàn lâm khoa học (anh vẫn ưa nhấn mạnh là Viện

hàn lâm "chính hiệu" để phân biệt rõ với Viện hàn lâm ở Neuendorf) - âu cũng là một cách để đền bù vậy - nhưng những ngày đầu tiên không hề dễ dàng chút nào. Hình như anh là nghiên cứu sinh lớn tuổi nhất từ xưa đến giờ ở Viện thì phải. Sau hai mươi năm ở Nga, tiếng Đức anh nói bị pha khá nhiều. Anh không biết lúc nào nên cười, khi nào nên nói. Trở về từ một thế giới hoàn toàn khác, nơi mà sớm sớm mở mắt ra người ta chửi thề để chào nhau, anh không có được sự tế nhị cần thiết trước người quyền cao chức trọng hơn mình, ấy là chưa kể anh cũng không biết phải hành xử như thế nào trong cuộc tranh chấp tinh vi giữa đồng minh và địch thủ trong hoạt động khoa học xã hội chủ nghĩa. Suốt một năm trời, một vị thủ trưởng của anh cứ nghĩ - cũng chỉ là với ý tốt thôi - cứ giao cho anh việc dịch các văn bản tiếng Nga là đúng nhất. Đến ba năm sau, sếp anh vẫn còn lôi anh đi Moskva cốt chỉ để làm phiên dịch.

Giờ anh lại vừa ở Moskva về. Và, mặc dù anh chưa bao giờ thấy thành phố này bẩn thỉu, thô thiển, căng thẳng như lần này - nào những đường phố dài dằng dặc, nào mấy gã say rượu, nào cánh "cán bộ" mặt mũi đăm đăm, thậm chí tàu điện ngầm lừng danh mà anh xưa nay ít nhiều hãnh diện bởi hồi còn trẻ anh từng tham gia xây dựng vào những ngày thứ Bảy cộng sản - tất tật đều làm anh khó chịu: sự chật chội, sự ồn ào, lối sập cửa như máy chém của mấy cánh cửa tự động (và tại sao các đường tàu điện ngầm khốn kiếp ấy cứ phải nằm sâu cả *trăm thước* dưới lòng đất mới được chứ, và tại sao, kể cũng lạ, hồi ấy anh không hề thắc mắc chuyện này); rồi trên Quảng trường Đỏ máy ảnh còn tuột khỏi tay anh, rồi trong nghĩa địa Novodevichy, là nơi anh cảm thấy có nghĩa vụ phải ghé thăm, bởi hồi trước anh đã có lần cùng với Irina đến thăm mộ Chekhov và Mayakovsky ở đây, anh dính cơn mưa lạnh tháng Tư, thứ mưa chỉ có ở Moskva, thứ mưa làm chết người như chơi... Đấy, mặc dù mọi thứ đó đều làm anh khó chịu, ghê tởm, nhưng anh cũng không thể không thừa nhận

mình cảm thấy hả lòng hả dạ trước sự kính trọng mà mọi người ở xứ này, sau mười năm ròng rã, bỗng dành cho anh, vốn chỉ là một tên cựu tù nhân, một kẻ "bị đày chung thân".

Lần trước anh còn phải ngủ chung phòng khách sạn với một đồng nghiệp Rumani. Lần này thậm chí người ta còn đón anh ở sân bay, được xếp riêng một phòng đôi ở Khách sạn Bắc Kinh, mặc dù, đúng thật vớ vẩn, phòng không có bồn tắm (là chuyện thường thấy ở các khách sạn hoành tráng thời Stalin). Ông Yerusalimsky lừng lẫy tiếng tăm tỏ ra thán phục cuốn sách anh mới in lắm, đi đâu cũng giới thiệu anh là *chuyên gia* trong lĩnh vực của anh, rồi cuối cùng còn đích thân đưa anh một vòng thăm thành phố. Và, vừa đi Kurt vừa thầm cảm thấy khoái trá, vì đã không để lộ cho ai biết mọi nơi mọi chỗ đi qua ấy quen thuộc với anh đến mức nào: quảng trường Manezhnaya, khách sạn Metropol và ái chà, trông kìa, cả khu Lubyanka[47]… cơ đấy.

Riêng chuyện lăng nhăng với cô nghiên cứu sinh, lẽ ra anh không nên dính vào thì hơn, Kurt nghĩ bụng, trong lúc chiếc xe Trabbi rì rì lượn qua một thị trấn trông có vẻ là lạ. (Bởi Kurt thường đi xe lửa, cho nên anh vẫn chưa phân biệt được các địa danh ở vùng phía Nam Berlin này.) Mình ngu quá, Kurt tự nhủ, dính chuyện như thế với đồng nghiệp. Vả lại, cô gái nào có lấy gì làm sắc sảo đâu, so với Irina thậm chí còn xấu đến phát ngượng, nhưng ánh mắt đưa đẩy cùng lối liếc mắt của cô ta khiến anh phải chịu thua, không làm sao khác được. Lần đầu tiên Kurt tự hỏi, không biết thói hám gái của anh bắt nguồn từ *hoàn cảnh* cụ thể (do phần lớn thời trai trẻ của anh đã trôi qua trong trại cải tạo) - với tư cách người mác-xít, anh nghiêng về cách lý giải này hơn - hay đấy là thói *bẩm sinh* anh kế thừa từ bố anh, người mà bà Charlotte vẫn thường kêu là trai lơ ấy.

- Anh kể đi chứ, Irina giục, chuyến đi thế nào?

- Rất căng, Kurt đáp.

Mà đúng là căng thẳng thật.

Đúng thế, quả là có chuyện ngày nào anh cũng ở phòng lưu trữ. Rồi chuyện anh phải trình bày bản báo cáo ngoài chương trình tại hội nghị. Chuyện nhà xuất bản ứng trước tiền cho anh, hay chuyện ban biên tập tạp chí yêu cầu anh viết bài. Chuyện Yerusalimsky mời anh ăn cơm, rồi đưa anh một vòng thăm phố xá - mọi chuyện đó đều có thật, thật đến mức thậm chí làm chính anh trong lúc kể lại mọi chuyện cũng tin rằng, bận bao nhiêu việc như thế thì anh còn lấy đâu thời gian để dính chuyện tình ái lăng nhăng nữa chứ.

Chuyện anh nhớ nhà, cũng có thật. Và, chuyện anh đơn độc, giữa bao nhiêu người có thiện cảm với anh nhưng anh chẳng thân với ai. Không thân đến mức anh có thể hỏi họ, dù chỉ là hỏi vòng vo thôi, một số câu hỏi vẫn giày vò anh. Ví như câu, theo ý họ, nguy cơ chủ nghĩa Stalin hồi sinh ở Liên Xô lớn đến mức nào, sau khi nhà cải cách tuy vụng về song dễ mến Nikita Khrushchov bị truất khỏi ghế Tổng bí thư Đảng (không nhờ ông này thì Kurt, "kẻ bị đày chung thân", chắc chắn vẫn còn ngồi trại đâu đó sau dãy núi Ural).

- Anh có đến thăm nghĩa địa Novodevichy, anh nói.

Irina bảo:

- Anh làm em điếu thuốc.

Đúng ra thì chị nói không đúng giọng, mà lơ lớ: anh lam em đieu thuoc. Kurt đáp:

- Anh lam đieu thuoc cho em đay.

Nói rồi anh châm một lúc hai điếu, một điếu cho Irina, một điếu cho mình. Hít một hơi dài, anh bỗng thực sự cảm thấy kiệt sức, sự kiệt sức anh vừa thề thốt trong câu chuyện anh kể về thành phố Moskva căng thẳng. Anh cảm thấy lành lạnh trong người. Anh lặng lẽ ngắm người vợ đẹp sắc sảo đến mê hồn của mình và, lòng rạo rực ham muốn, thầm nghĩ đến buổi tối nay đang chờ anh.

Sasha nằm lại ở nhà. Hồi trước, nó không để lỡ dịp may nào cùng ra sân bay cho bằng được. Thế nhưng, cái thời nó mong ước trở thành kỹ sư chế tạo máy bay đã qua rồi. Hiện giờ nó chỉ thích dùng máy ghi âm ghi nhạc tân thời do đài RIAS[48] phát và cùng đám bạn bè đáng ngờ lượn lờ chỗ này chỗ nọ đến tận tối mới về. Trong đám này có một cô bạn gái học lớp bên cạnh, trông có vẻ trưởng thành trước tuổi. Nhà con bé thuộc hạng bất hảo, và mới mười hai tuổi, nó đã lồ lộ cặp vú to đáng nể trong chiếc áo len xanh xộc xệch.

Chính thế mà mức độ mừng rỡ của Sasha cũng vừa phải khi nhận món quà Kurt mang từ Moskva về cho nó. Đó là cuốn *Moya doroga v kosmos* của Yuri Gagarin - Đường vào vũ trụ của tôi.

- Cảm ơn bố, nó hờ hững nói, chẳng buồn nhìn đến quyển sách.

Kurt tự nhủ phải để ý nhiều hơn đến thằng nhỏ. Tiếng Nga nó nói mỗi ngày một ngắc ngứ. Ở trường nó cũng phải cố thêm. Mới đây, nó vác

cả điểm ba về nhà. Điểm ba![49] Kurt không nhớ anh có bao giờ bị điểm ba không. Theo Kurt, ai bị điểm ba là thuộc hạng không đứng đắn rồi.

Ở Moskva anh đã mất khá nhiều công tìm quà cho Irina. Mang gì về làm quà cho cô ấy bây giờ? Cô ấy dị ứng với mọi thứ dân gian của Nga. Và, chính Kurt cũng thấy ở đất nước của Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại ấy, thật ra, toàn của vứt đi. Đến phút chót anh đành mua một chai Sovetskoye Shampanskoye. Chờ Sasha lên giường ngủ, anh vừa lôi chai rượu ra vừa luôn mồm xin lỗi không tìm được thứ gì hay hơn. Rồi anh đi tắm. Irina mở chai sâm banh. Và, sau khi hai người đã hơi chuếnh choáng hơi men, chị mới lộ cho anh biết, phòng ngủ đã sửa xong. Mặc dù đã đoán từ trước, anh vẫn bất ngờ, và lại một lần nữa cảm thấy có lỗi với Irina. Đến lạ. Năm năm liền, anh đinh ninh ý định sửa sang phòng ngủ của Irina là phóng đại, suốt năm năm liền anh cố giảm công bớt việc càng nhiều càng hay, và thật lòng mà nói, anh chỉ muốn cho quét vôi mọi thứ thật cẩn thận, là xong. Phải, anh rất vội. Thời gian trôi phí hoài, khiến cuộc đời anh vào guồng quá muộn. Đêm đêm anh bồn chồn, hốt hoảng, hằng ngày anh sốt ruột sốt gan mỗi khi Irina cho phá bức tường nào đấy trong nhà, làm lòi hết cả bấy nhiêu đường ống với dây dẫn ra ngoài để sau đó lại lần lượt xây đắp lại như cũ. Đã đôi lần anh phải sập cửa sầm sầm bỏ nhà đi, sau khi nghe Irina nói đã chi những khoản tiền khổng lồ, chỉ là vì khăng khăng phải mua bằng được *đúng* cánh cửa này, *đúng* thứ gỗ này, *đúng* màu đỏ này mới xong. Nhưng rốt cuộc anh vẫn phải thừa nhận, nhìn chung, Irina có lý, mặc dù, đến là khó hiểu, trong những chuyện nhỏ lặt vặt bao giờ cô ấy cũng sai lè lè.

Căn phòng quả là đẹp tuyệt vời. Thật ra, nó rất đơn sơ, chứa độc chiếc giường đôi, kiểu giường đôi không ngăn ở giữa chẳng bói ra ở toàn đất CHDC Đức này, và chiếc tủ cũ mà lúc đầu Kurt chê, chỉ lắc đầu cười.

Sàn nhà trải thảm trắng, ba mặt tường cũng màu trắng, chỉ có mặt ở đầu giường quét màu đỏ gạch. Và, chính trên bức tường này là chiếc gương khổng lồ hình bầu dục, khung mạ vàng chạm trổ tỉ mỉ. Chiếc gương treo giữa hai chiếc đèn to, nghiêng một độ nghiêng mà chỉ thoáng nhìn cũng biết ngay nhằm mục đích gì.

- Không biết lúc làm ở đây, đám thợ họ nghĩ những gì, Kurt lẩm bẩm.

- Họ nghĩ đúng điều họ phải nghĩ thôi, Irina nói rồi nắm tay chồng luồn xuống dưới váy chị đang mặc. Tay Kurt sờ phải một mảng da trần phồng lên ở khoảng giữa quần lót và tất dài.

- Đúng là điên thật, Kurt nói, về sau lúc hai người nằm cạnh nhau trên giường. Vừa mới xong, trong cơn mây mưa, lúc họ nằm lên nhau và ở trong nhau, trong giây lát anh đã có cảm giác như mình được nhân đôi, không phải chỉ trong gương mà nhân đôi *thật sự*. Anh giải thích cho Irina, trong giây lát, anh tưởng như anh có nhiều tay, nhiều chân, nhiều *khui*[50]. Cứ khi nào nói tục, họ lại dùng tiếng Nga.

Vào lúc vẫn còn bốc và hai chân vẫn đang quắp ngang lưng chồng, Irina thì thầm vào tai anh:

- Em nghĩ em phải mời cô bạn gái Vera của em đến đây một lần mới được...

Sáng hôm sau Kurt dậy muộn; mãi tám giờ mới dậy. Hôm nay Chủ nhật. Từ nhiều năm nay, do cố tuân theo kỷ luật tự anh đặt ra, Kurt cũng có

được thói quen *không* làm việc vào Chủ nhật, thậm chí anh còn biết mừng mỗi khi được rảnh rỗi vào Chủ nhật nữa kia.

Vẫn mặc nguyên quần áo ngủ và áo choàng tắm, anh bước vào bếp. Đứng ở ngưỡng cửa, anh hào hứng đọc to bài thơ tứ tuyệt anh vẫn thường nặn óc nghĩ ra lúc cạo râu vào các sáng Chủ nhật làm trò cho cả nhà. Bài thơ hôm nay là:

Ta lò dò về tự Moskva
Sức lực tăng như thể gấp đôi ba.
Vui đến mức, lúc cạo râu,
Ta làm thơ cho quý vị khỏi sầu.

Sasha nhăn mặt. Irina cười không thành tiếng, tay rót trà hoa cúc cho anh. Chị bắt anh uống trà hoa cúc trước khi uống cà phê, để dưỡng dạ dày. Chiều vợ, Kurt nghe lời.

Lúc ăn sáng, Irina bảo hôm nay chị phải đi có việc mất một lúc: chả là tay Gojkovic - diễn viên người Nam Tư đóng vai chính trong phim về người da đỏ hãng DEFA muốn dựng - vừa sang đây.

Kurt nín lặng. Vụn bánh mì vướng lại trong cổ. Từ ngày làm việc tại DEFA - anh cũng chẳng hề biết chị làm gì ở đó - Irina vẫn thường làm anh thất vọng kiểu như thế. Hình như chỉ là công việc bán thời gian thôi, nhưng chị vẫn hay làm đến tận nửa đêm hoặc cả vào những ngày cuối tuần. Mà làm không công, bởi rốt cuộc cô ấy sẽ vung tay chi nhiều hơn lương cô ấy nhận. Nghĩ vậy, nhưng Kurt không nói gì. Anh hớp một hớp cà phê, nuốt trôi mẩu bánh. Thì phải rồi, Irina cũng có quyền làm việc. Dù đấy chỉ là một công việc hết sức kỳ quái là ngồi tán chuyện và nhậu vodka với đám diễn viên nào đó ở nhà khách hãng DEFA. Hoặc theo chân gã da đỏ nọ

loanh quanh đâu đấy. Anh đã có lần thấy một tấm ảnh chụp gã. Cường tráng ra phết, toàn cơ với bắp. Gã phô mình trần ra chụp ảnh, khiếp thế chứ!

- Thức ăn trưa nay để sẵn cả trên bếp, Irina nói. Khoảng bốn giờ chiều là em về rồi.

Irina vừa đi khỏi, Kurt - vẫn trong bộ quần áo ngủ và áo choàng tắm - lui về phòng làm việc của anh. Anh bật lò sưởi rồi ngồi lên đó. Trong lúc hơi ấm mỗi lúc một tăng dưới mông (chà, lắp lò sưởi ga cũng là ý hay!), anh ngắm nghía cái tủ sách nhập từ Thụy Điển do Irina thông qua mánh mung lắt léo nào đấy (cầu giời không phải là mánh gì phi pháp) sắm cho anh. Năm năm liền anh phải để sách vở trong thùng, chuyển từ phòng này sang phòng khác. Giờ sách xếp trật tự đâu ra đấy. Mỗi lần nhìn tủ sách anh lại thấy khoan khoái thế nào, chỉ mỗi một điều là anh bỗng dưng quên mất tại sao lại xếp quyển sách dạy chữ La-tinh của Krikhatzky, quyển sách nhỏ nhàu nát mà mười năm liền anh cứ lôi theo mình qua hết trại giam này đến trại giam khác ấy, cùng hàng với các công trình của chính anh. Anh lôi quyển sách ra khỏi giá, nhưng không biết xếp vào nơi nào khác (không phải sách tra cứu mà cũng chẳng phải loại chuyên san), anh lại nhét nó vào chỗ cũ.

Đoạn, anh lôi tập các bài thuyết trình cùng tạp chí của các đồng nghiệp Moskva lẫn mảnh giấy ghi số điện thoại và địa chỉ người này người nọ ra sắp xếp lại. Mớ giấy tờ thường dồn lại sau mỗi chuyến đi xa. Tất nhiên, phần lớn là những thứ vớ vẩn, hầu hết các số điện thoại, sau khi đã chép cẩn thận sang sổ điện thoại, anh sẽ chẳng bao giờ gọi; các bản ghi chép đa phần sẽ nằm vất vưởng ít lâu trong phòng này, rồi chờ một thời gian đủ lâu cho phải đạo, anh sẽ lại quẳng đi. Kurt để các bản sao anh nhờ

chụp ở phòng lưu trữ sang một bên, những thứ khác anh nhét cả vào thùng giấy lộn. Anh lại lôi mớ giấy ghi số điện thoại và địa chỉ ra rà soát một lượt. Anh cầm một mảnh giấy ghi số nhưng không điền tên ai trên tay. Phải mất vài giây anh mới nhớ ra số này số của ai... và, cũng chỉ trong giây lát, anh toan giữ số này lại, để trả thù thằng Gojkovic kia - nhưng rồi chợt nhớ đến buổi tối hôm qua, đến chiếc gương vàng, đến cảm giác được nhân đôi tuyệt vời và đến lời hứa hẹn Irina rỉ vào tai anh, lời hứa lúc ấy đã khiến lập tức hiện ra một hình ảnh mà hiện giờ đang mòn một tái hiện trước mắt anh. Đúng lúc đó, tiếng chuông reng lên phía ngoài cửa.

Anh nhét vội mảnh giấy vào túi áo choàng tắm rồi đi ra cửa, hình ảnh kia vẫn hiện trước mắt. Đó là hình ảnh từ hè năm ngoái, đi nghỉ bên bờ Biển Đen, họ cùng với Vera ở đấy, dĩ nhiên là tình cờ thôi, bởi vì họ đã bất ngờ gặp Vera ở phòng quá cảnh. Kurt chỉ quen Vera sơ sơ, cô ta vốn là đồng nghiệp cũ của Irina dạo ở phòng lưu trữ Viện hàn lâm Neuendorf, và bây giờ hóa ra lại ở cùng nhóm du lịch với họ; và cũng hóa ra cô ta vừa ly dị chồng và bay một mình đi Nessebar[51]. Và, chính ở đó, trên bãi biển Nessebar nọ, đã xuất hiện hình ảnh ấy, một hình ảnh, cũng như mọi khi, chỉ thoáng qua thôi trong đầu anh, trong khi anh bước mười, mười hai hay mười bốn bước gì đó từ bàn giấy ra đến cửa phòng. Chả là họ, cả ba người, đều lần đầu tiên đến vùng biển phía Nam này và, khi vừa đặt chân lên bãi biển, cả ba đều không ai ngờ cát ở Nessebar *nóng* đến bỏng chân như thế. Kurt vô tình nhảy chân này sang chân kia, bỏ chân này xuống cát, rút ngay chân kia lên. Hai chị cũng làm y như thế và, bỗng dưng, cả ba đều nhảy tưng tưng, chân này chân kia, một điệu nhảy trông đến là quái đản. Cùng nhảy điệu nhảy đó là *cặp ấy* của Vera - bằng một cách kỳ diệu nào đó, hay đơn giản chỉ là do thắt lưng áo choàng tắm của cô ta bị tuột - mà lộ ra. Chính *cặp ấy* thật sự - anh không biết dùng từ nào khác hơn để gọi chúng nữa - chính *cặp ấy,* to, nõn nà, li ti những tĩnh mạch xanh xanh, vẫn đang

còn đung đưa nhảy múa ngay trước mũi anh khi anh đưa tay mở cửa và nhìn thấy trước mắt một khuôn mặt tròn trịa mang nụ cười méo mó. Phải mất một lúc anh mới nhận ra khuôn mặt ấy là của Günther Habesatt, Bí thư chi bộ anh.

- Ra là anh, Kurt nói.

- Anh tha lỗi nhé, Günther đáp, liên tục chân nọ chéo lên chân kia, như thể gã đang cố nín cơn buồn tiểu.

Thế nhưng gã không buồn tiểu. Gã đứng như thế, chân này chéo chân kia một lúc ở giữa phòng, tấm tắc khen ngôi nhà lẫn căn phòng, nhất là khen tủ sách Thụy Điển. Gã không uống cà phê, chỉ xin cốc nước rồi buông người xuống chiếc ghế bành hình vỏ trứng đem từ nhà bà Charlotte sang đây. Toàn bộ thân hình phì nộn của gã lọt vào đó như lọt vào bồn tắm. Trong thâm tâm, Kurt khinh thường những ai quá mập. Günther nhìn chung là một tay dễ chịu, sẵn lòng giúp người khác, không thủ đoạn, nhưng yếu đuối, nhu nhược. Sở dĩ Kurt nghĩ thế là vì Günther, tuy miễn cưỡng (hay tỏ ra vẻ miễn cưỡng), đã chịu nhận giữ chức Bí thư chi bộ. Kurt cũng được đề cử vào chân đó, thế nhưng, đương nhiên rồi, anh không nhận.

Sau khi chẳng buồn nuốt mà há miệng dốc hết cốc nước vào thân mình to lớn của gã, Günther nhìn quanh lần nữa, như thể để xem còn ai khác trong phòng không. Rồi hạ giọng, đầu lắc lư, mắt đảo qua đảo lại, gã nói lý do vì sao gã đến đây tìm Kurt. Thật ra chuyện chẳng có gì ghê gớm, thậm chí vớ vẩn. Số là tay Paul Rohde, một thành viên thuộc loại hay bốc đồng và kém kỷ luật trong nhóm của Kurt đã cho đăng trên *Tạp chí khoa học lịch sử* bài bình luận về cuốn sách của một đồng nghiệp Tây Đức. Trong sách tác giả phê phán cái gọi là đường lối Mặt trận thống nhất của đảng Cộng sản Đức vào những năm hai mươi. (Thật ra, ai cũng biết, đấy

vốn là đường lối chia rẽ, bôi nhọ đảng Dân chủ xã hội và qua đó, đã hỗ trợ cho sự lớn mạnh của chủ nghĩa phát-xít một cách tệ hại.) Rohde lại còn đích thân gửi bài báo cho anh bạn đồng nghiệp Tây Đức kia và chua thêm mấy dòng, xin ông tha lỗi vì tôi phải chê sách của ông, mặc dù cả nhóm đều đánh giá cao cuốn sách, *nhưng đáng tiếc là ở CHDC Đức vấn đề về đường lối xây dựng Mặt trận thống nhất còn lâu mới đến lúc được thảo luận công khai*...

Gửi những dòng kiểu như thế đến tay một đồng nghiệp Tây Đức thì thật là ngu hết chỗ nói, nhưng... có cái gì đó khiến Kurt không hiểu. Anh lo ngại nghe Günther thuật lại ngọn ngành. Nói tóm lại, lúc đầu ủy ban khoa học Ban chấp hành trung ương đảng SED[52] viết thư yêu cầu kỷ luật nặng đồng chí Rohde. Hình thức kỷ luật sẽ được thông qua trong cuộc họp chi bộ diễn ra ngày mai, thứ Hai. Nhân dịp này – *thì anh cũng biết sự thể sẽ thế nào* - các đồng nghiệp của tay Rohde kia, đặc biệt là các đồng nghiệp cùng phòng, mà trước hết là Kurt, với tư cách trưởng phòng, sẽ "tự phát" trình bày quan điểm. Chính đó là điều, Günther nói thêm, tôi muốn báo để riêng anh biết trước...

- Này, tôi xin lỗi hỏi anh, sao anh đã biết trước trong thư Ban chấp hành trung ương viết gì?

Günther có vẻ không hiểu câu anh hỏi.

- Thì của Ban chấp hành mà lại, gã đáp.

- Của Ban chấp hành thì sao?

Günther trố mắt, đưa đôi cánh tay mập mạp lên cao, rồi nói:

- Chà.

Chờ Günther đi khỏi, Kurt thay bộ quần áo lao động rồi bước ra vườn. Trời đẹp. Mà trời đã đẹp thì phải tận dụng bằng cách nào đó. Anh lôi chiếc cào ra để cào lá rụng, song chẳng còn tí lá rụng nào, anh lại suy đi tính lại, xem có tỉa cành cây ở đâu được không. Nhưng anh lại do dự, chồi cây đâm hết ra rồi, tỉa cành bây giờ có lẽ đã muộn. Mặc dù đã bỏ ý định tỉa cành, anh vẫn loay hoay mãi một lúc tìm chiếc kéo làm vườn; không thấy kéo đâu, anh lại tìm thấy mấy củ giống hoa tuy-lip và đi tìm chỗ trồng. Anh đi loanh quanh mãi trong vườn mà không tìm ra chỗ nào để trồng hoa. Bụng anh bắt đầu cồn cào dấu hiệu đói bụng. Anh lại nhét mấy củ hoa giống vào chỗ cũ.

Bước vào nhà, anh nghe tiếng nhạc ầm ĩ từ phòng Sasha vọng ra. Nhạc beat. Mới đây anh có loáng thoáng nghe nói đến thứ nhạc này. Anh gõ cửa rồi bước vào phòng con trai. Sasha vặn nhỏ nhạc. Nó đang ngồi bên bàn giấy, máy chạy băng đặt ngay trước mặt, tựa vào máy là quyển sách giáo khoa. Nó đang loay hoay viết gì đó vào vở học bài.

- Ồn thế này, con không làm bài tập được đâu, Kurt nói.

- Bài sinh ấy mà, Sasha nói, tay vẫn mân mê nghịch chiếc thập tự nhỏ bằng bạc gắn trên sợi dây chuyền nó đeo trên cổ.

- Kìa, Kurt hỏi, ra bây giờ con theo đạo à?

- Đâu có, Sasha nói giọng giảng giải, thập tự của dân hippie ấy mà, bố.

Bọn hippie. Anh nghe nói đến bọn này trên truyền hình - truyền hình Tây Đức. Bên ấy hiện giờ hay nhắc đến đám hippie này, bọn người

tóc để dài, là bọn người Kurt gắn với thứ nhạc mới này, và rõ ràng là bọn người không chịu làm ăn gì.

- Thế đấy, Kurt nói. Con định thành hippie à?

Sasha cười nhăn nhở.

Kurt quay người, đã định đi ra nhưng rồi lại đứng lại.

- Cả đời tao, anh nói, tao cứ cố dạy mày biết lao động. Thế mà mày...

Bỗng dưng anh nghe chính mình hét tướng lên:

- Thế mà mày định thành thằng hippie! Con trai tao mà thành thằng hippie à!

Kurt giật phắt chiếc máy chạy băng. Nó ọc lên một tiếng rồi câm bặt. Kurt hằm hằm bỏ đi, mãi tới lúc vào đến phòng mình anh mới biết đã giật đứt sợi dây điện.

Trong lúc xả vòi hoa sen để tắm - thật ra người anh chẳng dính tí đất đai nào, nhưng đã làm vườn thì lệ thường là sau đó phải tắm - cảnh tượng lúc nãy lại hiện ra trong đầu anh. Anh bực, bực với chính mình, nhưng chính vì thế lại càng cố tìm cách tự bào chữa cho cơn giận vừa qua. Cố nhiên, làm gì đã có nguy cơ Sasha sẽ thành thằng hippie. Song cái lối buông thả của nó, cái thói lười nhác của nó, cái kiểu không thèm màng đến tất cả những thứ mà anh, Kurt đây, vẫn cho là quan trọng và hữu ích... Làm thế nào để thằng nhỏ hiểu, nếu cứ vậy thì mọi sự sẽ ra sao? Chẳng phải nói, nó là thằng thông minh, có điều nó thiếu một thứ gì đấy, Kurt nghĩ bụng. *Thiếu một thứ gì đó bên trong đâu nó*.

Kurt sực nghĩ đến Krikhatzky, hôm nay thế là lần thứ hai anh nhớ đến cái tên này, và cuốn sách học chữ La-tinh anh từng tha từ trại giam này sang trại giam khác. Anh thoáng nghĩ trong giây lát, xem dùng việc này vào mục đích sư phạm như thế nào. Rằng, *thậm chí trong trại cải tạo* anh vẫn học chữ La-tinh ư? - đại loại một ý nghĩ như thế lóe ra trong đầu, nhưng anh biết, đó là chuyện vớ vẩn. Ở trong trại, nào anh có học chữ La-tinh để đi thi bao giờ, trong đó anh bị đói. Và, cái đói làm anh hóa đần, đần đến mức đôi lúc anh phải tự hỏi không biết rồi bệnh đần liệu sau này có khỏi không. Cũng chẳng mấy chốc nữa mà thành chứng nan y, anh tự nhủ và trong lúc dùng bàn chải kỳ cọ đôi chân, anh láng máng nhớ đến cái trạng thái kỳ quái, điên điên cuồng cuồng thỉnh thoảng ập đến, nhớ đến giọng nói mỗi lúc một hống hách, rành rọt, lạnh lùng, bất cần và thật là lạ, cứ như nói về người khác: Bây giờ hắn bị lạnh... Bây giờ hắn thấy đau... Bây giờ hắn phải đứng dậy...

Khoan đã. Sai rồi. Dùng bàn chải sau khi tắm nước lạnh là nghi thức buổi sáng nay rồi, giờ anh vô tình lặp lại. Kurt gạt bàn chải ra, ngắm mình trong gương. Đôi lúc anh thấy khó tin là anh vẫn còn đó. Rồi anh hình dung quá khứ như một cái hố sâu, nếu không cẩn thận anh lại rơi vào đấy. Anh bụng bảo dạ, rồi sẽ ghi lại tất cả những thứ đó. Khi nào thời điểm chín muồi.

Anh mặc quần áo rồi đi hâm thức ăn trưa, xúp thịt bò kho với bắp cải tím. Sasha vào phòng ăn, không còn đeo thập tự hippie trên cổ nữa. Nó ngồi vào bàn, lưng còng xuống, mắt nhìn chằm chằm xuống đĩa ăn. Nó dùng nĩa chọc chọc vào bắp cải tím, đút từng miếng nhỏ vào mồm. Nó vẫn giữ thói quen ấy, mặc dù đã mười hai tuổi rồi, cứ ăn riêng từng thứ, ăn hết thịt, đến rau. Song, Kurt quyết định nhịn, bỏ qua không đả động gì đến chuyện đó. Anh cố nói với giọng "hợp tình hợp lý":

- Bố vẫn để con nghe nhạc gì con muốn, đúng không nào?

Sasha chọc chọc nĩa vào bắp cải tím.

- Đúng không nào? Kurt hỏi lại.

- Vâng, Sasha đáp.

- Có điều, nếu vì thích nhạc beat mà con muốn thành hippie thì bố phải nói với con là các thầy các cô giáo con cấm những thứ ấy là có lý. Ở trường con cũng đeo cái đấy trên cổ à?

Sasha chọc chọc vào đĩa bắp cải tím.

- Bố hỏi, con cũng đeo cái thập tự ấy ở trường à?

- Vâng, Sasha đáp.

Kurt biết, cơn giận lại dâng lên trong lòng anh.

- Chẳng lẽ mày lại ngu thế hả con?

Kurt nhai đúng ba mươi hai lần, đúng y như bác sĩ nội khoa đã khuyên anh, rồi buông dao nĩa khỏi tay, đưa mắt nhìn thằng con trai đang tiếp tục chọc chọc nĩa vào bắp cải tím. Anh ngắm cổ tay mảnh mai của nó (đúng ra là cổ tay bên phải, tay kia khuất sau chiếc đĩa to), nhìn hàng lông mi dày và cong thừa hưởng của mẹ nó (và làm nó rất bực bội, vì trông có vẻ con gái quá), nhìn mái tóc xoăn do anh truyền cho nó (vì mái tóc này mà nó gặp lắm chuyện khó chịu ở trường, do tay hiệu trưởng hết sức trung thành với chế độ bao giờ thấy tóc nó dài quá tai chút ít là lập tức đánh hơi ra ảnh hưởng của văn hóa thanh niên phương Tây đồi trụy). Và, trong lòng

anh bỗng dâng trào đến nhức nhối một niềm khao khát được che chở thằng con mình tránh tất cả những gì khôn lường nay mai sẽ còn sập đến với nó.

o0o

Đêm anh bị sôi bụng. Sáng ra Irina bắt anh uống thuốc và chườm ấm bụng. Gần trưa anh thử nhét bình nước nóng dưới áo len, cố viết vài dòng cho cuốn sách về Hindenburg[53]. Rồi đi làm, bụng chỉ óc ách ít nước luộc gà.

Từ ngày Bức tường Berlin dựng lên, đường đến Viện xa hẳn ra. Trước đây tàu điện nhanh S-Bahn chạy thẳng một mạch qua Tây Berlin; với những người không được phép đặt chân xuống các vùng phía Tây đã có các chuyến tàu riêng, không dừng ở các bến nằm giữa phố Friedrich và hồ Griebnitz. Hiện nay, chuyến tàu "Vệ tinh" (Sputnik) phải chạy một vòng rộng quanh Tây Berlin. Để bắt được chuyến này, trước hết Kurt phải lên xe buýt đến ga Drewitz, đi một ga đến ga Bergholz nằm trên tuyến của tàu Vệ tinh. Đi tàu Vệ tinh, nếu mọi sự trôi chảy, anh đến ga Đông rồi nhảy tàu điện nhanh đi thêm mười lăm phút đến phố Friedrich. May là anh chỉ phải đi như thế vài lần trong tuần, bởi vì, mặt hay của nạn thiếu thốn kinh niên tại CHDC Đức là ở chỗ, cả phòng làm việc cũng thiếu nốt, do đó, cán bộ Viện sử học, như người ta thường nói, được chỉ thị dùng phòng làm việc tại nhà riêng. Họp phòng Kurt thường để vào các ngày thứ Hai, đằng nào ai cũng phải đến Viện. Còn không thì anh cố tránh đến Viện, được ngày nào hay ngày đó. Do anh ở Neuendorf, đường xa nhất, cho nên anh toàn xin nghỉ những cuộc họp không quan trọng, thậm chí nghỉ không xin phép hoặc xin phép với lý do chẳng ai kiểm chứng được, kiểu như xe buýt đến chậm, hoặc cáo ốm, đau dạ dày, thứ bệnh, tuy không nói thẳng ra, nhưng anh vẫn biết cách để thiên hạ hiểu anh mang vào thân do phải nằm trại cải tạo. Các

thủ trưởng của anh bao giờ cũng gật, dù họ cũng chỉ đoán thôi, chứ không thật sự biết anh từng phải trải qua những gì trong trại cải tạo. Lôi các lý do như thế ra để nghỉ, thật ra, anh cũng chẳng lấy làm bứt rứt chút nào. Ngược lại, mỗi lần trốn được họp hành anh lại mừng có thời gian để làm việc của anh. Với Kurt, cái đáng kể là những trang giấy anh viết ra. Và, xét riêng về mặt này, cứ căn cứ vào số lượng bài báo khoa học được đăng thì anh giữ một kỷ lục không ai phá nổi.

Từ phố Friedrich anh chỉ cần đi bộ thêm năm phút là đến nơi. Viện anh nằm đối diện trường Tổng hợp, chéo bên kia đường Clara Zetkin, xưa vốn là trường nữ sinh, được xây từ thời lập Đế chế[54]. Mặt tiền ngôi nhà ốp sa thạch, qua năm tháng đã đen sạm vì bụi than, và hai mươi năm đã qua vẫn còn lỗ chỗ vết đạn từ những ngày cuối cùng của cuộc chiến. Đi qua phòng thường trực là bậc thềm hoành tráng dẫn lên tầng lửng, do ban lãnh đạo Viện chễm chệ chiếm hết. Phòng của Kurt nằm ở tầng trên cùng. Lúc anh đến thì căn phòng họp đơn sơ đã chật cứng, mọi người phải lôi thêm ghế từ phòng thư ký sang. Thế nhưng, họ đưa thêm ghế cốt chỉ để ngồi cụm phía sau, trong khi phía trước đối diện với chủ tịch đoàn đang tọa thì số người ngồi thưa hẳn đi.

Đoàn chủ tịch cuộc họp gồm tay Günther Habesatt, Viện trưởng và vị khách từ ủy ban khoa học Ban chấp hành trung ương đảng SED, Günther giới thiệu là đồng chí Ernst. Gã trạc tuổi Kurt. Người không cao to lắm, thấp hơn hẳn so với Günther và Viện trưởng, tóc hoa râm cắt ngắn và bộ mặt có vẻ luôn cười cười cợt cợt.

Sau khi Günther, tư thế cứng đơ, nhưng mắt không láo liên, đọc lời khai mạc và tuyên bố lý do duy nhất của phiên họp, đồng chí Ernst - ngồi kẹp giữa bộ mặt đưa đám của Günther và cái đầu gật gù của Viện trưởng -

cất lời thông báo về *tình hình thế giới đang mỗi lúc một trở nên phức tạp và cuộc đấu tranh giai cấp ngày càng trở nên gay gắt*. Khác với Günther, đồng chí Ernst nói trôi chảy, hùng hồn. Giọng đồng chí thanh nhưng sắc và mỗi khi cần nhấn mạnh điều gì, lại hạ thấp xuống như để mơn trớn. Kurt bỗng thấy lối nói, hay cái kiểu cách lạ lùng lật lật từng trang sổ tay nhưng mắt không nhìn vào đó của đồng chí này rất quen thuộc. Trong lúc đồng chí này nói về *bọn xét lại và bọn cơ hội* và khẳng định *kẻ thù chính* đang nằm trong số đó - khi nói đến *kẻ thù chính,* giọng đồng chí hạ hẳn xuống - Kurt nhìn thấy anh chàng Paul Rohde. Anh này hình như ngay từ đầu đã ngồi ngay trước đoàn chủ tịch, người trông rúm ró, mặt mũi tái nhợt, mắt nhìn mông lung. Kurt nghĩ bụng, thế là hết đời Paul Rohde, khai trừ đảng, mất việc. Song, anh chợt hiểu, chuyện ở đây không còn là chuyện anh chàng Paul Rohde tội nghiệp nữa. Chuyện ở đây không còn là chuyện bức thư khốn kiếp nào đó. Chuyện đang xảy ra chính là chuyện Kurt e ngại đã từ lâu, nói cho đúng là từ ngày Khrushchov bị hạ bệ (hay thậm chí còn trước cả ngày hạ bệ Khrushchov nữa kia). Các biểu hiện báo hiệu chuyện này đã đầy rẫy, nhưng bây giờ Kurt mới vỡ lẽ, các biểu hiện ấy không đơn thuần chỉ là các biểu hiện mà thôi, sự thể chính là ở đó chứ ở đâu. Ở Đại hội đảng vừa qua, khi người ta mạt sát các nhà văn có ý kiến phê phán, ở chuyện cách chức Bộ trưởng Bộ văn hóa, ở vụ khai trừ Havemann[55] khỏi đảng. Chính nó đấy thôi, nó đã hiển hiện, trong Viện này, hiện thân ở người đàn ông có gương mặt lúc nào cũng như cười cợt này, con người có giọng nói hạ xuống mơn trớn, con người vừa lật lật từng trang quyển sổ tay mà không ngó vào, vừa giảng giải cho mọi người trong phòng họp về *vai trò của ngành sử học trong cuộc đấu tranh của thời đại chúng ta* cũng như về *mối quan hệ giữa tính đảng và sự thật lịch sử*.

Phòng họp trở nên yên ắng, một sự yên ắng thậm chí còn không bị tiếng ho húng hắng hay xì xào khe khẽ phá vỡ lúc diễn giả dừng lời. Bây

giờ đến lượt Rohde lên tiếng, tự phê bình. Kurt nghe anh khó nhọc phun bài nói đã học thuộc lòng thành từng hồi, từ nào tiếng nấy đều đã bàn định từ trước, Kurt không lạ gì. Anh nghe anh ta nghẹn lời, phút ấp úng kéo dài như vô tận trước khi những chữ *hành động... vô trách nhiệm... thù địch...* lần lượt xếp thành câu nói.

Sau đó tay Günther mời cử tọa đóng góp ý kiến. Vị trưởng ban "tự phát" giơ tay, cất tiếng phê phán đồng chí Rohde đã làm ông ta hết sức thất vọng, và rồi trong lúc đồng chí Ernst gật gật đầu tán thưởng, ông ta xin lỗi *về sự thiếu cảnh giác* của chính mình.

Bây giờ đến lượt Kurt, theo thứ tự đã định sẵn. Kurt nhận thấy ngay ai nấy đều đang hướng sự chú ý vào anh. Họng anh khô khốc. Đầu anh trống rỗng. Và, chính anh cũng kinh ngạc về câu nói mình buột ra:

- Tôi không rõ liệu tôi có hiểu đúng sự thể thế nào không.

Đồng chí Ernst nheo mắt, như thể không nhận ra Kurt. Người nhìn vẫn có thể tưởng đồng chí đang mỉm cười, song nét mặt đồng chí chuyển sang vẻ gì đó hơi bần tiện như mặt lợn.

Mọi người đều im lặng trong giây lát, đoạn Günther ghé sang đồng chí mặt lợn nói thì thầm. Trong phòng lặng như tờ, đến mức Kurt cũng nghe thấy Günther thì thào cái gì:

- Đồng chí Kurt tuần trước vừa ở Moskva.

Đồng chí mặt lợn nhìn Kurt, gật gật đầu:

- Đồng chí Kurt ạ, không ai buộc đồng chí phải phát biểu đâu.

Rồi quay ra phía mọi người, đồng chí nói thêm:

- Nào ta có đấu tố ai đâu, các đồng chí nhỉ?

Hắn cười. Ai đó cười theo. Mãi đến khi người tiếp theo phát biểu, Kurt mới biết tay anh đang run run.

Tay anh vẫn còn run lúc anh biểu quyết đồng ý khai trừ Rohde ra khỏi đảng.

Rồi anh thấy khát. Họp xong, anh xuống tầng dưới để khỏi chen nhau với đám đông đang nhào cả vào toa-lét ở tầng trên. Lúc mở cửa toa-lét nam ở tầng dưới anh chạm ngay trán Rohde. Anh này nhìn Kurt, rồi đưa tay ra bắt.

- Cảm ơn anh, anh ta nói.

- Vì chuyện gì? Kurt ngơ ngác.

Anh chần chừ giây lát rồi mới nắm tay Rohde. Bàn tay lạnh ngắt, ướt át. Kurt thoáng nghĩ, có lẽ anh ta cũng rửa tay rồi.

Trước sáu giờ tối một lát Kurt đã có mặt ở ga Đông, sớm hơn mọi khi. Tàu khởi hành tuy đúng giờ nhưng kẹt lại một ga trước khi đến Bergholz. Trục trặc kỹ thuật, anh nhân viên soát vé trên tàu xin hành khách chịu khó chờ.

Trục trặc kỹ thuật chẳng phải là chuyện bất thường trên tuyến đường này. Nhưng tiếng trò chuyện nho nhỏ của mấy hành khách khác trên tàu bỗng dưng làm anh khó chịu. Anh muốn tập trung nghĩ ngợi, nhưng

trên toa tàu chết gí một chỗ này đầu óc anh cũng bí rì rì. Anh xuống tàu, bất chấp cả lệnh cấm, anh vẫn vượt qua bên kia đường ray rồi cứ thế rảo bước đi. Mặc dù trời bắt đầu sẩm tối, nhưng từ đây đến Neuendorf chưa đến chục cây. Anh quen đường ở đây, dạo mùa thu cả nhà đã có lần hái nấm ở quanh đây. Thay vì men theo đường cái phải đi vòng qua một cái làng lân cận, đến Schenkenhorst anh rẽ vào đoạn đường tắt gần hơn. Gì chứ định hướng thì anh quen rồi.

Anh bước khá nhanh, dù do đói bụng đầu gối đã bắt đầu run. Lúc ở ga Đông anh đã định mua miếng currywurst[56], nhưng rồi e dạ dày sẽ đau, anh lại thôi. Bây giờ cảm giác đói cứ thế dần dần tụt xuống khuỷu chân. Người ta gọi đấy là bệnh hạ đường huyết. Chẳng đáng lo. Kurt biết rất rõ cơ thể người ta có thể hoạt động bình thường bao lâu dù bị đói. Rất lâu. Trời kéo đầy mây. Anh vô tình bước nhanh hơn. Dần dần cảnh tượng phiên họp lại hiện ra trước mắt... Gã mặt lợn. Đôi mắt hắn. Giọng nói cao the thé... *Nào ta có đấu tố ai đâu*... Khỉ thật, thằng cha làm mình nhớ đến ai nhỉ?

Con đường giờ dẫn thẳng vào rừng. Chỗ này tối hẳn so với ngoài đồng trống khiến anh chần chừ. Chả biết có nên đi vòng tránh khu rừng này không? Thế nhưng rừng gì thứ này chứ. Một vạt lưa thưa vài ngọn cây chứ đã là gì. Anh đã bao lần phải xuyên rừng taiga. Đã bao lần anh phải ngủ lại trong rừng taiga! Tuy thế, bây giờ anh vẫn vội đi như chạy. Con đường bỗng cong cong chuyển hướng chạy về phía Đông. Sợ lạc hướng, Kurt ngoặt sang trái và cứ thế đâm thẳng vào bóng đêm, chân bước lên nền đất mùn mềm mềm... Đột nhiên anh nhớ ra:

Phải rồi, Lubyanka. Moskva năm 1941.

Giờ hắn hiện ra rõ trước mắt anh. Giống nhau như lột: cặp mắt ti hí, tóc húi cua và ngay cả cái kiểu dùng tay lật lật từng trang sổ nhưng không nhìn vào đó:

- Anh lên tiếng phê phán đường lối ngoại giao của đồng chí Stalin kia đấy.

Số là, dạo Stalin và Hitler ký kết Hiệp ước hữu nghị với nhau, Kurt viết thư cho anh trai Werner ngụ ý, rồi tương lai sẽ cho thấy kết bạn với một tên tội phạm có lợi gì hay không.

Kết quả là mười năm nằm trại cải tạo lao động.

Vì tội tuyên truyền chống Nhà nước Xô viết và thành lập tổ chức bí mật. Thành viên tổ chức bí mật ấy gồm có anh và anh trai anh.

Tự dưng anh cảm thấy lớp đất mềm mềm dưới chân khó chịu thế nào. Đằng xa nghe như có tiếng cưa xẻ rẹt rẹt, tiếng răng rắc đáng sợ của những thân cây khổng lồ xoay xoay chầm chậm trước khi đổ vật xuống. Và, một lát sau thì các hình ảnh cũng hiện lên, thoáng qua, chẳng ăn nhập gì với nhau: cảnh điểm danh giữa trời lạnh âm ba mươi độ; mái lán gỗ đóng băng sáng sáng, một hình ảnh gắn liền với ký ức về cảnh lộn xộn âm thầm của ngót nghét hai trăm con người trong một lán đang cùng trở dậy, người nào người nấy hôi hám, bởi hơi thở thoát ra từ dạ dày trống rỗng, bởi giẻ quấn chân, bởi mồ hôi, nước tiểu... Thật khó mà tin được chính anh đã trải qua tất tật những thứ đó, rằng anh đã *sống sót*. Anh lại nhớ đến quyển sách của Krikhatzky anh luôn nhét túi áo ngực mỗi khi đi lao động. Đấy là tài sản cuối cùng của anh, nếu không kể thêm cái thìa. Đấy là bằng chứng cuối cùng rằng đâu đó ngoài kia vẫn còn một thế giới khác. Chính vì *vậy* anh đã không đổi quyển sách Krikhatzky (làm giấy quấn thuốc lá!) lấy

bánh mì, đã tha nó theo mình suốt cái mùa đông 1942-43 thậm tệ ấy, lúc chẳng còn gì để đổi, chẳng còn bánh mì, bởi ai nấy đều phải xực hết, 600 gram nếu đạt định mức, nghĩa là, tính thêm tất cả các hệ số thời tiết xấu vào, cứ hai thằng phải được tám khối gỗ, hạ mười bốn cây mỗi ngày, bằng tay thôi, xẻ thành đống một thước đều đặn, róc hết cành, nếu đạt 90 phần trăm định mức mày được nhận 500 gram thứ bánh mì chẳng ra gì, nhão nhoẹt, mày sẽ đói. Nếu chỉ được 400 gram thì mày không làm nổi định mức 400 gram nữa và cứ thế là xuống dốc, đến lúc nào đó mày khắc có đôi mắt ấy, đôi mắt người ta vẫn có trước khi nằm cứng đơ trên chõng, rồi chúng nó sẽ khiêng mày ra, qua trạm gác, dừng lại đó trong chốc lát để tên gác cổng dụi tắt điếu thuốc cuốn đang hút dở rồi giơ búa, đúng theo quy định của Nội quy, giáng một nhát lên sọ mày...

Kurt dừng lại, đứng tựa vào một thân cây. Cây thông. Cứ ngửi mùi anh biết. Anh nhắm mắt, trán tựa vào thân cây. Các hình ảnh vẫn còn loang loáng, nhưng đầu óc anh dần dần tĩnh lại. Thay vào đó là tiếng gì như tiếng phì phò. Con thú gì à, thú lớn không? Kurt vẫn còn nhớ cách xử lý mỗi khi gặp thú: giả vờ chết. Nằm sấp xuống đất giả vờ chết, và nếu con thú lật ngửa mình ra (bọn gấu chuyên lật mồi như thế) thì phải nín thở. Ngừng hẳn, đừng thở nữa.

Kurt nín thở và hơi nghiêng đầu sang phải, nhìn ra sau cây thông tới một khoảng trống nhỏ. Nơi đó, cách chỗ anh đứng chừng mươi mười lăm thước là một chiếc xe Trabbi màu xanh da trời đang đung đưa rập ràng khá nhanh theo nhịp.

Trakhayutsya, Kurt nghĩ: chúng nó đ... nhau.

Anh lôi cặp kính ra nhằm kiểm lại biển số xe. Không phải xe Irina. Không phải gã da đỏ. Anh thở phào. Hơi thở gây buồn buồn trong họng và

hơi thở dài chuyển thành trận cười sung sướng không thành tiếng. Đoạn anh đánh một vòng khá rộng đ ầy kính nể tránh chiếc xe đang rập rình kia để đi tiếp.

Trời nhỏ lộp bộp vài giọt nước mưa nhưng không thành hẳn cơn. Phía sông Havel chắc có dông. Giờ Kurt đã lại đi đúng hướng. Không, đây không phải rừng taiga. Chẳng có trại khổ sai lẫn gấu ở đây, trong rừng chỉ có xe Trabbi xanh cùng người đ... nhau trong đó. Đây không phải là bước tiến mới thì là gì, Kurt nghĩ bụng. Và không phải cũng là bước tiến hay sao, khi thay vì lôi cổ mày ra xử bắn người ta chỉ khai trừ mày khỏi đảng? Anh mong chờ cái gì mới được chứ? Chẳng lẽ anh đã quên lịch sử vận động khó nhọc ra sao ư? Đến Cách mạng Pháp cũng còn kéo theo bao nhiêu là hỗn loạn tri ền miên. Đ ầu rơi. Máu chảy. Một viên tướng cách mạng tự đăng quang Hoàng đế còn kéo hết cả châu Âu vào cuộc chiến nữa là. Cuộc cách mạng tư sản ấy kéo dài *hàng chục năm* mới đến đích. Vậy vì cớ gì cách mạng xã hội chủ nghĩa phải diễn ra khác đi? Khrushchov bị hạ bệ. Thì lúc nào đó sẽ lại có một Khrushchov mới. Lúc nào đó sẽ có chủ nghĩa xã hội đúng là xã hội chủ nghĩa, có thể là lúc đoạn đời anh đã kết thúc; một đoạn đời cực kỳ ngắn ngủi trong giai đoạn lịch sử thế giới anh vô tình được chứng kiến và, mẹ kiếp, biết cách tận dụng. Thôi, ít gì cũng là đoạn còn lại sau mười năm khổ sai và năm năm đi đày biệt xứ.

Có tiếng máy nổ lạch xạch sau lưng anh. Chiếc xe Trabbi chạy tới. Kurt bước tránh sang một bên và mặc dù thông thường chẳng bao giờ làm thế, anh đưa tay chào. Tuy đèn pha làm chói mắt chẳng thấy ai với ai, anh vẫn cảm thấy trong lòng dâng trào ni ềm vui thông đ ồng với những người lạ ng ồi trong xe kia, những kẻ chắc chắn vừa vội vàng phụ tình ai đó.

Mưa chuyển sang nặng hạt. Không trung ngào ngạt mùi mưa và cây cối, lá rừng, pha chút mùi khí thải của xe động cơ hai kỳ. Kurt làm một hơi thở sâu, hít tất tật vào lồng ngực, mũi vẫn còn hướng theo chiếc Trabbi. Và, bỗng dưng anh có cảm giác cái mùi khí thải xe hơi ngòn ngọt ấy có vẻ chính là mùi vị của tội lỗi vậy. Chà, sống ở đời thật tuyệt diệu. Tuyệt diệu, mà cũng thật đáng ngạc nhiên. Và, như đã bao lần vào những giây phút anh lấy làm kinh ngạc mình vẫn còn sống sót ấy, anh lại nghĩ ngay rằng Werner - người anh trai vóc người bé nhỏ của anh, người luôn luôn khỏe mạnh, điển trai hơn... - *không* còn sống nữa. Song, trong khi mọi lần trước đây, hồi ức về Werner thường kèm theo chút cảm giác ân hận thì lần này cảm giác của anh lại khác hẳn, mới lạ, không giống nỗi ân hận vốn vẫn nằm sâu trong lòng, mà là cảm giác trên lồng ngực, trong cổ họng. Một cảm giác nghèn nghẹn trong họng và lồng ngực mà một lúc sau anh nghĩ là nỗi đau buồn. Nỗi đau không đến nỗi ghê gớm như anh tưởng, và đến lạ, không tách biệt, mà trộn lẫn cùng niềm sung sướng trong lòng anh, trở thành một cảm xúc bao trùm hết thảy. Điều làm anh đau đớn không hẳn chỉ là cái chết, mà đúng hơn là quãng đời Werner không kịp sống. Đồng thời anh cũng thấy được an ủi. Vì anh đã nghĩ, đã nhớ đến Werner, khiến chừng nào mà anh, Kurt đây, còn sống, thì anh trai anh chưa biến mất hẳn khỏi đời này. Vì anh - khác hẳn mẹ anh chỉ bịt tai lại mỗi khi có ai nhắc đến Werner - còn gìn giữ anh trai trong lòng mình, và nhờ thế mà anh ấy không bị hủy diệt hoàn toàn. Đồng thời, trong lúc nước mưa ròng ròng chảy xuống mặt, anh cao hứng hình dung (vâng, hình dung một cách phi khoa học) anh có thể sống thay anh trai, thở thay, ngửi thay, thậm chí - anh nghĩ ngay đến sự nhân đôi thần kỳ tối qua - làm tình thay, và *cặp ấy* của Vera chợt hiện ra dưới cách nhìn hoàn toàn mới mẻ kia. Đ... thay, Kurt nghĩ bụng, nhân danh người anh trai bị sát hại tự hồi nào.

MỒNG 1 THÁNG 10 NĂM 1989

Đôi lúc lão quên lão phải làm gì.

Lão có cảm giác, qua đêm người lão cứng đơ ra.

Lão thử đảo mắt một vòng.

Tay trái lão giật giật.

Lão quay đầu sang phải, rồi sang trái.

Lão thấy từ trong góc nhà tranh sáng tranh tối có cái gì đó đang nhìn xoáy vào lão.

Lão Wilhelm nhón hàm răng giả khỏi cốc nước rồi trở dậy.

Lão vào buồng tắm, mở vòi cho nước chảy vào bồn. Đoạn lão bật đèn tia cực tím nhãn hiệu Sonja và, sau khi đeo kính đen, lão thả người vào bồn tắm.

Đầu lão trống không. Trong đầu chỉ có tiếng nước chảy vào bồn. Trong tiếng nước chảy như có giai điệu gì đó, một giai điệu lão nghe quen quen... Một kiểu ca khúc đấu tranh nhưng lại làm lão rầu rĩ. Nhạc tranh đấu rầu rĩ. Nhưng lời ca thế nào, lão chịu, nhớ không ra.

Hổ lốn! Đó là ý nghĩ đầu tiên của lão trong ngày hôm nay.

Lão gật gật đầu, phải, đấy là thứ hổ lốn. Lão cắn chặt hàm răng giả lão vẫn gọi là răng công hữu để nén cơn u sầu chợt dâng lên. Lão ngồi yên như thế trong bồn tắm cho đến khi nước dâng ngang rốn.

Bằng lối tắm đèn tia cực tím như thế này lưng lão vẫn trắng, nhưng lão thấy chả làm sao. Có ai nhìn lưng lão đâu.

Tắm xong lão cạo râu. Khi cạo, lão chập hai ngón tay đè lên ria mép. Bệnh đục nhân mắt của lão ngày một nặng. Đã bao nhiêu lần lão vô ý cạo phăng cả mảng râu, cho đến khi lão nghĩ ra mẹo chập hai ngón tay làm dấu để ít ra còn giữ được ít ria trên mép.

Lão mặc chiếc quần cộc ra ngoài quần lót và gập một lớp giấy vệ sinh độn thêm vào giữa. Lão mang tất vào chân, toan thắt lại bằng nịt tất. Thật đáng bực là bắp chân lão giờ teo nhỏ hơn cả vòng nịt, khiến lão chẳng còn cách nào hơn là nhét hết vào trong tất cho nó khỏi tụt.

Lão lần cầu thang xuống tầng dưới. Trong đầu lại văng vẳng cái giai điệu tranh đấu rầu rĩ lúc nãy. Lão cắn chặt hàm răng. Xuống cầu thang đầu gối lão lại đau. Chân lão lê theo nhịp không kịp.

Nhìn thấy lô lọ hoa rỗng ở hành lang, lão chợt nhớ hôm nay sinh nhật lão. Cho nên, thay vì trước hết ra thùng thư như mọi ngày, lão đi ngay vào bếp để hỏi, kẻo lại quên mất:

- Lọ hoa dán tên cả chưa?

- Mừng sinh nhật ông, bà Charlotte nói.

Bà nhìn lão, hai tay chống nạnh, đầu nghiêng sang một bên.

Trông bà hệt như con chim vậy.

- Tôi biết hôm nay sinh nhật tôi.

Lão ngồi vào bàn lấy thìa múc cháo yến mạch. Cháo chẳng có mùi vị gì. Lão đẩy bát cháo sang một bên rồi với ly cà phê.

- Ông đừng quên uống thuốc đấy, bà Charlotte dặn.

- Tôi không uống, lão Wilhelm đáp.

- Nhưng mà ông phải uống, bà Charlotte dằn giọng.

- Rõ nhảm, rõ nhảm, lão nói rồi đứng dậy, rời khỏi bàn.

Lão bước đầu bước ra thùng thư, nhưng thùng rỗng không. Hôm nay là Chủ nhật. Chủ nhật không có báo *ND*. Trước đây Chủ nhật vẫn có báo *ND,* giờ cũng bỏ nốt. Thật hổ lốn.

Lão về phòng lão, đóng cửa lại. Lão lại rơi vào tình huống chẳng biết làm gì. Có lẽ do uống thuốc. Ít lâu nay lão đã nghi nghi như thế. Khuỷu chân khuỷu tay cứng đơ. Đầu óc trống rỗng. Ai mà biết mụ cho mình uống cái gì. Thuốc làm lão ngu đần. Làm lão hay quên. Hay quên đến mức sáng ra lão lại quên mất là tối qua lão định bụng nhất quyết không uống thuốc nữa.

Lão sợ đã mất trí nhớ. Lão thử xem lão còn nhớ gì không; có điều, nhớ lại cái gì mới được chứ?

Lão bước tới tủ lôi hộp các-tông vốn dùng để đựng giày ra. Trong đấy, cùng cả lô huân chương, huy chương, lão cất giữ nhiều giấy tờ liên quan đến cuộc đời lão. Lão lấy bài báo cắt ra, do gập đi gập lại nhiều lần mà mép đã sờn rách. Cầm kính lúp lên tay, lão đọc:

Một đời cống hiến cho giai cấp công nhân.

Dưới hàng chữ này là bức ảnh một gã đàn ông đầu hói, tai to đang nhìn thẳng tới tương lai với vẻ đầy tự tin.

Lão chuyển dịch kính lúp vào khoảng giữa. Dòng chữ phồng lên và trượt đi dưới kính:

... gia nhập đảng Cộng sản Đức năm 1919...

Lão ngẩn người nghĩ ngợi. Dĩ nhiên lão biết lão vào đảng năm 1919. Tay lão đã viết cả tá lý lịch. Miệng lão đã kể như thế cả trăm lần cho các đồng chí của lão, cho công nhân nhà máy Karl Marx, cho thiếu niên tiền phong nghe. Thế nhưng khi một mình lão nhớ lại, cố nhớ đến cái ngày hôm ấy thì thật tình lão chỉ còn nhớ Karl Liebknecht[57] bảo lão:

- Này, cậu chùi mũi đi cái nào!

Hay không phải Karl Liebknecht nhỉ? Hay chuyện đấy không phải chuyện hôm kết nạp đảng?

Bà Charlotte vào phòng, tay cầm cốc nước và mấy viên thuốc.

- Tôi đang dở việc, lão Wilhelm nói và, để nhấn mạnh, lão dùng bút chì đỏ gạch ngang bài báo như mọi khi vẫn làm với mọi bài vừa đọc để

khỏi đọc lại thêm lần nữa. Nhưng, may lão sực nhận ra mình sai, nên vẫn kịp lật sấp mặt bài báo trước khi bà Charlotte bước đến bên bàn giấy.

- Ông mà không uống, bà nói, tôi gọi điện ngay cho bác sĩ Süß bây giờ.

- Bà mà gọi điện cho ông ấy, tôi sẽ bảo ông ấy biết bà định đầu độc tôi.

- Ông điên thật rồi đấy.

Bà Charlotte bỏ đi, tay vẫn cầm cốc nước và mấy viên thuốc.

Lão Wilhelm vẫn ngồi yên, lơ đãng nhìn cuộc đời lão vô tình bị gạch xóa. Làm thế nào bây giờ? Hủy, bản năng hoạt động bí mật mách lão vậy. Lão xé bài báo thành nhiều mảnh rồi quẳng vào thùng giấy... Quỷ tha nó đi. Cái quan trọng nhất không nằm ở đó. Cái quan trọng nhất chẳng nằm đâu trong hàng tá bản lý lịch lão từng khai. Đằng nào thì cái quan trọng nhất cũng *bị gạch xóa* mất rồi.

Cuộc đời khác của lão. *Hãng Xuất nhập khẩu Lüddecke*. Cái thời ở Hamburg. Kể cũng lạ, để nhớ lại thời kỳ này lão chẳng mất chút công sức nào:

Văn phòng của lão trong cảng.

Đêm đêm gió thổi.

Nơi giấu khẩu súng ngắn Korovin cỡ sáu ba lăm[58], giờ bảo tìm, lão tìm ra ngay.

Giờ giai điệu ấy lại vang lên. Lão nhìn qua cửa sổ. Mặt trời đã ló ra. Bầu trời trong xanh và những chùm quả thanh lương trà màu đỏ treo lủng lẳng sau những chiếc lá dần dần nhuốm vàng. Hôm nay trời đẹp đây. Một ngày đẹp tuyệt vời, lão nghĩ bụng, miệng cắn chặt hàm răng giả vào nhau. Lão cố dìm nó xuống.

Để làm gì chứ?

Lão từng liều thân làm gì chứ? Bao nhiêu người bỏ mạng để làm gì chứ? Để giờ một thằng nhãi ranh mới ngoi lên phá sạch sành sanh cả ư?

Chov, lão nghĩ bụng, nghe hệt như Khrushchov hồi nọ. Kể cũng lạ, ít gì thì cả hai tên đầu kết bằng "chov".

Lão ôm hộp các-tông đựng giày đi về phía tủ. Lúc lão nhét hộp vào ngăn tủ, tiếng huân chương đựng trong hộp kêu xủng xoảng.

Lão ra hành lang. Lão nghĩ ngợi trong giây lát xem phải làm gì. Nhìn vào chỗ các lọ hoa, lão sực nhớ lão định làm gì. Lão trở lại phòng lấy kính lúp, rồi lôi một lọ hoa ra. Trên lọ hoa có dán nhãn, song trên nhãn không thấy ghi gì cả. Lão lôi lọ thứ hai, cũng không chữ nào. Đến lọ thứ ba...

Lão đi đầu bước vào phòng khách.

- Chẳng có gì trên đó cả, lão gắt.

- Chẳng có cái gì trên cái gì mới được chứ?

- Trên lọ hoa ấy.

- Này ông ạ, giờ tôi còn khối việc cần làm đây này, bà Charlotte sốt ruột đáp.

- Khỉ thật, tôi đã bảo lọ hoa phải ghi tên vào mà.

- Thì ông đi mà ghi tên vào đi, bà Charlotte đáp, rồi không để ý gì đến lão, bà lục lọi lôi khăn trong tủ ra trải lên bàn.

Lão rất muốn giảng giải cho bà Charlotte biết nói như thế là ngu xuẩn. Bây giờ thì làm sao còn ghi tên được nữa. Lẽ ra phải ghi tên ngay từ *lúc đầu,* để *về sau* ai nhận lại đúng lọ của người nấy. Cơ mà chẳng đáng cãi nhau với mụ. Để cãi nhau với mụ ấy, lưỡi của lão không đủ nhanh, đầu lão phải nghĩ ngợi quá lâu mới tìm được đúng chữ đúng lời.

Lão lại bước đầu bước trở ra hành lang. Làm gì bây giờ? Lão đứng đực ra đó, trân trân nhìn chỗ lọ hoa xếp ngay ngắn trong góc dùng để treo áo khoác.

Bỗng nhiên, trông chúng giống hệt bia cắm mộ.

Cánh cửa chính mở ra, Lisbeth bước vào. Váy với áo sột soạt. Chị ta mang theo hương vị mùa thu vào nhà. Tay chị ta cầm bó hoa hồng.

- Cháu mừng sinh nhật bác ạ, chị ta nói.

- Cô Lisbeth, cô không phải vì tôi mà phí tiền như thế.

Lisbeth vẫn chìa hoa cho lão, cười tươi roi rói. Hàm răng chị ta hơi khểnh, mông trông chắc nịch, cặp vú núng nính trồi ra khỏi viền cổ áo xẻ rộng như sóng nước tràn mép bể bơi.

- Nhưng lát nữa cô đem hoa về nhá, lão Wilhelm nghiêm giọng như ra lệnh. Giờ pha tao ly cà phê.

- Cơ mà bác gái cấm cháu pha cà phê cho bác mà, Lisbeth nói nhỏ. Vì huyết áp bác cao đấy thôi.

- Rõ nhảm, lão nói gạt đi. Mày pha ngay cà phê cho tao.

Lão lại vào phòng lão, rồi đến ngồi xuống bên bàn giấy. Làm gì bây giờ. Lão chẳng biết làm gì, nhưng trước mặt Lisbeth lão không muốn để chị ta biết lão chẳng biết làm gì, bèn cầm kính lúp tìm cuốn sách nào đó trên đấy. Lão làm bộ tìm sách trên giá. Song lão lại tìm thấy con kỳ nhông nhỏ. Hồi xưa lão dùng dao rựa chém chết nó rồi thuê người ta nhồi bông. Nhồi giỏi lắm, con kỳ nhông trông như còn sống thật. Nhưng nó chết rồi. Nằm chết gí và bám đầy bụi trên giá sách. Tự dưng lão thấy thương con kỳ nhông bị lão chém bằng dao rựa. Nếu không, biết đâu nó còn sống đến giờ! Không biết kỳ nhông sống được bao lâu nhỉ?

Lão lôi Từ điển bách khoa toàn thư Meyers ra để tra, tập từ vấn La đến vần Lu rồi lật lật, vừa đến "legal"[59].

Lisbeth vào phòng đặt ly cà phê lên bàn lão.

- Suỵt, chị ta ra dấu với lão.

- Lại đây tao bảo, lão Wilhelm nói.

Lão lấy một tờ một trăm khỏi ví.

- Thế thì nhiều quá ạ, Lisbeth nói.

Nhưng vẫn bước đến. Lão kéo chị ta sát sạt vào mình rồi nhét tờ giấy bạc vào áo ngực chị ta.

- Cái bác này, hư lắm nhá, Lisbeth nói.

Hai má chị ta ửng đỏ, như sưng lên. Chị ta uốn người, nhẹ nhàng thoát khỏi vòng tay lão, với lấy khay đựng ly cà phê đem vào lúc nãy rồi cất bước bỏ đi.

- Này Lisbeth!

- Dạ?

Chị ta đứng lại.

- Nếu tao mà lăn ra chết là do mụ ấy đầu độc đấy.

- Kìa bác, sao bác lại nói thế được.

- Tao nói thế là tao nói thế đấy, lão Wilhelm khăng khăng. Để mày cũng biết thế.

Một lúc sau lão còn cảm giác như thể dấu vết của đôi vú núng nính như sóng tràn mép bể bơi kia vẫn lưu trên người lão.

Chuông ngoài cửa kêu reng reng. Lão nghe có ai đến. Sau đó lại lặng im. Rồi có tiếng lầm rầm. Đoạn gã Schlinger ló mặt vào. Với bó hoa cẩm chướng trên tay.

- Tôi lại đi ngay thôi, Schlinger nói, tôi muốn đến đầu tiên mừng bác.

Lão Wilhelm đang lúc tra từ điển bách khoa. Lão tra đến chỗ thân kỳ nhông có thể dài đến hai thước hai. Nó sống được bao lâu lão chưa tìm ra.

- Xin mừng bác nhân dịp sinh nhật, gã Schlinger cung kính, chúc bác Wilhelm yêu quý dồi dào sức sáng tạo và...

- Đem rau ra nghĩa địa cho tôi, lão Wilhelm nói.

Schlinger cười.

- Đúng là bác lúc nào cũng vui vẻ. Bao giờ bác cũng đùa vui được.

- Sao, mụ ấy bảo sao? lão Wilhelm hỏi.

- Ai cơ ạ?

- Mụ Charlotte chứ ai.

Schlinger ngẩn mặt. Mép trễ xuống, lông mày nhướng lên. Trên trán nhăn những nếp nhăn thờ ơ.

- Tôi biết rồi, lão Wilhelm nói. Mụ lại bảo lão già đần độn, điên rồ chứ gì.

- Kìa bác, bác vẫn còn rất...

- Sao?

- Ở tuổi bác mà bác vẫn...

- Đần độn, lão Wilhelm nói.

- Làm gì có ạ, bác vẫn còn rất minh...

Gã Schlinger vung bó hoa cẩm chướng trên tay lên.

- Tôi *có hơi* đần thật, lão Wilhelm lại nói. Nhưng chưa *hoàn toàn* ngớ ngẩn nhá.

- Vâng, đúng là không phải thế, gã Schlinger phụ họa.

- Tôi vẫn còn biết, sự thể ra sao nhá.

- Vâng, Schlinger đáp.

- Đúng ra là đang xuống dốc, đúng chưa.

Tay Schlinger hít vào, nhưng chưa đáp ngay. Gã đung đưa cái đầu, chẳng ra gật, không ra lắc. Rồi đột nhiên, nói rất nghiêm trang, đôi mắt hơi nheo lại:

- Vâng, phải thừa nhận là đang có vấn đề. Nhưng ta sẽ giải quyết được.

- Rõ nhảm, rõ nhảm, lão Wilhelm đáp lại.

Lão toan giảng giải cho gã Schlinger nghe những vấn đề kiểu như thế không phải để Đảng ủy vùng Potsdam giải quyết. Lão cũng toan nói gã hiểu những vấn đề kiểu như thế phải do Moskva giải quyết, nhưng vấn đề lại ở chỗ chính Moskva là vấn đề vậy. Có điều lưỡi cứ cứng đơ ra, đầu óc nặng trình trịch khiến lão không thể diễn đạt ý nghĩ lằng nhằng đó ra thành lời. Thành ra, lão chỉ thốt lên:

- Chov.

Trán Schlinger nhăn lại thành những nếp nhăn thờ ơ. Đầu gã không đung đưa nữa. Mắt gã ngước lên, nhìn đâu đó bên trên lão Wilhelm.

Bỗng nhiên trông gã hệt con kỳ nhông.

- Này, kỳ nhông sống được bao lâu?

- Bác nói sao ạ?

- Giống kỳ nhông ấy, lão Wilhelm nói, anh không biết con kỳ nhông à?

- Đấy là con như kiểu bò sát.

- Phải rồi, loài bò sát.

- Tôi nghĩ, thứ đó sống dai đấy, gã Schlinger đáp. Đầu gã lại đung đưa và mặt lộ vẻ như thể gã vừa phán điều gì thông thái lắm.

Tay Schlinger vừa đi khỏi thì lão Wilhelm sực nhớ lão phải làm gì. Lão đi đầu bước vào phòng khách.

- Tôi kéo cái bàn kéo ra, lão nói.

Song bà Charlotte ngăn lão lại.

- Để Alexander nó kéo.

- Để tôi làm, lão khăng khăng.

- Ông không làm được. Để Alexander nó làm.

- Sao lại Alexander! Đã bao giờ Alexander làm được *cái gì* ra hồn đâu?

- Cái bàn kéo này chỉ có Alexander mới kéo được, nhà mình đã bao nhiêu là lần thử rồi.

- Chỉ nói nhảm, chỉ nói nhảm, lão Wilhelm nói.

Nhất định là lão kéo được cái bàn. Gì thì lão cũng đã học nghề thợ nguội. Còn thằng ranh Alexander thì học cái gì? *Nó nghề gì mới được chứ?* Chẳng ra nghề ngỗng gì sất. Dẫu sao lão không nghĩ ra xem thằng Alexander làm nghề gì. Chỉ được cái lông bông, lại còn kiêu ngạo. Đến vào đảng thằng nhỏ cũng chưa. Nhưng để cãi nhau với bà Charlotte thì lưỡi lão cứng đơ, đầu óc nặng trình trịch.

Ai mà biết được mụ nhét cho mình ăn những gì. Đến Stalin chúng nó còn đầu độc nữa là.

Lão lại trở ra hành lang, chỗ bia cắm mộ xếp hàng lối ngay ngắn. Nhãn dán chưa đề tên sáng nhờ nhờ dưới ánh đèn nhuộm đỏ. Để làm gì nhỉ, lão nghĩ. Lão đã chực dùng bút chì đỏ viết tên họ người này người kia lên đó, nhưng lại thôi. Đằng nào lão cũng chỉ biết bí danh của họ. Bí danh thì lão còn nhớ. Clara Chemnitzer. Willi Barthel. Sepp Fischer từ bên Áo... Lão còn nhớ hết. Sẽ chẳng bao giờ quên. Sẽ đem theo cả xuống mồ. Cũng chả mấy nữa.

Chuông rung ngoài cửa. Ban đồng ca thiếu niên tiền phong đang đứng phía ngoài. Cô phụ trách bắt nhịp, hô hai ba và ban đồng ca cất tiếng

hát "Bài ca chú đội viên đánh trống". Bài hát hay, có điều không phải bài lão muốn nghe. Không phải bài nãy giờ cứ văng vẳng trong tai lão.

Lão lầm rầm điệu nhạc cho cô phụ trách đội thiếu niên nghe, song cô này cũng không biết nốt.

- Thôi được, lão nói.

Cô phụ trách đội rất trẻ, trông không khác gì đội viên tiền phong. Lão Wilhelm lôi tờ một trăm mác từ trong ví ra.

- Thưa ông Powileit, cháu không dám nhận đâu.

- Nhảm! Nhảm! lão Wilhelm nói. Mua kem cho bọn nhỏ ăn, sinh nhật này là sinh nhật lần cuối của ông đây.

Lão nhét tờ giấy bạc vào cổ áo ngực cô phụ trách thiếu niên.

- Vậy chúng cháu xin cho vào quỹ lớp vậy.

Mặt cô bé ửng đỏ. Cô xua đám trẻ ra khỏi vườn. Đến cổng, cô quay lại nhìn lần nữa. Lão Wilhelm cắn chặt hàm răng giả, vẫy vẫy tay chào.

Lão bước đều bước vào phòng khách. Đều bước, bởi giai điệu bản hành khúc vẫn văng vẳng trong đầu lão. Bà Charlotte đang đứng bên máy điện thoại. Lão vừa bước vào, bà liền buông ống nghe xuống.

- Không ai nhấc máy cả, bà nói.

Lão Wilhelm thấy ngay vẻ bồn chồn của bà Charlotte. Theo linh tính, lão hỏi:

- Thế nào, Alexander đâu?

- Không ai nhắc máy cả, bà Charlotte lại nói. Kurt cũng không nhắc.

- Thấy chưa, lão Wilhelm nói, vẫn chuyện đó thôi.

- Chuyện gì?

- Chuyện hổ lốn, lão đáp.

- Nhất định là có chuyện gì đấy, bà Charlotte lo lắng.

- Tôi đi kéo cái bàn ra, lão Wilhelm nói.

- Ông không được kéo cái gì sất, ông để yên tôi nghĩ xem thế nào.

- Chuyện nhảm, lão vùng vằng. Vậy ai kéo bàn ra đây?

- Nhất định ông không được kéo kiếc gì cả, bà Charlotte một mực. Ông làm hỏng bấy nhiêu thứ ở nhà này như thế đủ rồi!

Mụ này nói láo không ngượng mồm, lão Wilhelm toan bác lại ngay. Lão toan kể lể những gì lão đã sửa sang suốt bốn chục năm qua, bao nhiêu đồ điện lão sửa, bao nhiêu chỗ bồi đắp trong nhà, bao nhiêu thứ cải tiến trong sân ngoài ngõ - nhưng toàn những từ ngữ khó, rắc rối, dài dòng, cho nên lão chỉ bước một bước về phía bà, gồng mình, phồng mang trợn má rồi nói:

- Tôi đây là thợ nguội nhá. Bảy chục năm tuổi Đảng rồi nhá. Chứ bà đảng viên được bao lâu rồi nào?

Bà Charlotte nín lặng. Mụ phải câm miệng cơ đấy!

Lão quay người bỏ ra đi, kẻo không khéo lại làm toi mất thắng lợi nho nhỏ lão vừa giành được ấy.

Ngoài hành lang hai gã đàn ông đang đứng chờ.

- Phái đoàn, Lisbeth giới thiệu.

- Ái chà.

Lão đưa tay bắt tay hai người kia.

- Chị... chị... một gã nói rồi chỉ vào Lisbeth.

- Giúp việc nhà, Lisbeth nhắc.

- Chị giúp-việc-giữ-nhà mở cửa chúng tôi vào, một gã phân trần.

- Trông con cá đẹp nhảy, gã kia nói, mắt nhìn cái vỏ ốc to, bên trong có ngọn đèn lão Wilhelm lắp.

Hai gã đứng sát cạnh nhau, cả hai đều mập, hơi cúi khom khom, đều mặc áo khoác màu hơi sáng, hơi chỉnh tề, sạch sẽ quá. Gã lúc nãy nói chị-giúp-việc-giữ-nhà cầm trên tay một cái đĩa gì đó.

Gã ho húng hắng lấy giọng, rồi cất tiếng nói. Gã nói nhỏ, vòng vo, tiếng gã phun ra chầm chậm, chậm đến mức lão Wilhelm nghe tiếng này thì đã quên tiếng trước.

- Vào đề đi đồng chí, lão Wilhelm thúc. Tôi còn có việc.

- Vâng, xin rút gọn, gã đàn ông nói, đồng chí Powileit chắc còn nhớ, đề tài Cuba, chiến dịch quyên góp hồi ấy của chúng ta, cho nên chúng tôi nghĩ, chắc đồng chí cũng tán thành, chúng tôi chọn đề tài đó, vâng, để biểu thị ở đây, vâng, dưới dạng chiếc xe chúng tôi đang sản xuất tại nhà máy, vâng, để tượng trưng.

Gã đưa chiếc đĩa ra trước mũi lão Wilhelm. À ra thế, lão nghĩ bụng, rồi lôi tờ một trăm ra khỏi ví và áp xoạch nó lên đĩa.

Bọn nó trố mắt ra nhìn nhá. Nhưng nhân dịp sinh nhật lão không muốn mình mang tiếng keo kiệt.

Đến lượt tay Mählich đến. Mười một giờ đúng.

- Anh Wilhelm, Mählich miệng nói, tay bắt.

Lão ưa tay này chỗ đó, hắn không lắm lời.

- Đem rau ra nghĩa địa cho tôi, lão Wilhelm nói. Tôi với anh kéo chiếc bàn ra.

Hai người vào phòng khách, bê bàn đến trước cửa sổ.

- Cơ mà Alexander nó đến ngay giờ đấy, bà Charlotte kêu lên, toan ngăn họ lại.

- Nhảm! Nhảm! lão Wilhelm nói.

Bà Charlotte bỏ ra ngoài.

Hai người kéo hai bên bàn dài ra. Tay Mählich hỏi:

- Anh Wilhelm, anh thấy tình hình chính trị hiện nay thế nào?

Ông ta nhìn lão Wilhelm. Dưới đôi lông mày rậm rì, mắt ông ta như từ trong hang nhìn ra. Đôi mắt như thế cũng làm lão ưa. Người nghiêm túc. Lão Wilhelm như được động viên để đưa ra đôi lời phân tích tình hình.

- Vấn đề là ở chỗ, lão nói, vấn đề ấy chính là vấn đề.

Lão lôi phần giữa chiếc bàn ra. Phía bên kia, tay Mählich cũng làm y như thế. Nhưng mặt bàn không nằm yên mà gập đôi lại rồi tuột khỏi khung bàn.

- Sao thế nhỉ, Mählich ngạc nhiên.

- Anh lấy búa với đinh ra đây. Anh biết chỗ để chứ hả.

Tay Mählich đi ngay xuống tầng hầm mang búa với đinh lên. Lão Wilhelm đỡ phần mặt bàn ở giữa lên, dùng ngón cái và ngón trỏ để ướm khoảng cách từ mép bàn đến khung rồi đóng một chiếc đinh vào đó. Lão đóng thêm chiếc nữa bởi lão có cảm giác lập luận của lão chưa hoàn toàn thuyết phục tay Mählich. Lão nói tiếp:

- Vấn đề là mấy thằng Chov, anh hiểu không. Chov.

Mählich ngập ngừng gật. Lão Wilhelm giáng thêm nhát búa.

- Nhãi ranh mới ngoi lên, lão dằn giọng.

Nện nhát nữa.

- Bọn thất bại chủ nghĩa.

Lão trầm ngâm giây lát rồi tiếp:

- Trước đây ta biết phải làm gì với bọn chúng.

Tiếp thêm chiếc đinh nữa. Bà Charlotte chạy vào kêu lên:

- Trời đất ơi, hai ông làm gì thế này?

- Chúng tôi kéo bàn ra chứ làm gì.

- Nhưng các ông không được đóng đinh chứ.

- Sao không được? lão hỏi.

Đoạn, lão giáng búa đóng phập một chiếc đinh vào mặt bàn.

- Ghê thật. Anh đến là khéo tay, Mählich tấm tắc.

Còn lão Wilhelm đáp:

- Có học, có khác.

Ba rưỡi chiều, cánh cửa kéo ngăn các phòng mở ra, lễ sinh nhật bắt đầu. Lão Wilhelm đã kịp ăn bữa trưa và ngủ một giấc. Lisbeth pha thêm cho lão ly cà phê. Chị ta còn ngoáy tai và tỉa bớt tóc ngang mang tai cho lão, trong lúc làm chị ta nhiều lần đụng cặp vú bể bơi vào vai lão.

Nhà hàng đã chở mâm buffet thức ăn nguội đến nhà và bày hết lên chiếc bàn kéo. Vẫn chưa thấy Alexander đâu, khiến lão Wilhelm mừng thầm trong bụng. Lão cố tình hỏi đi hỏi lại bà Charlotte xem cháu *mụ ấy* đâu, bởi vì lão xem Alexander là cháu *của mụ* cũng như cả nhà này là bà con *của riêng mụ*. Cả nhà rặt bọn thất bại chủ nghĩa. Trừ Irina. Ít gì thì nó cũng từng ra trận. Ngược hẳn với thằng Kurt, hồi ấy bị cải tạo lao động, giờ cứ kêu ca mình là nạn nhân. Nó phải mừng được nằm trại mới đúng! Thằng ấy mà ra trận, chắc chẳng thoát chết. Mắt với mũi thế kia!

Bây giờ đến lúc chuông cửa rung liên tục khiến bà Charlotte phải chạy ra chạy vào như con gà trống. Trong khi đó lão Wilhelm ngồi lọt trong ghế bành, chốc chốc lại nhấp cognac từ chiếc ly nhôm mạ màu xanh lục và tự cảm thấy khoái trá một cách độc địa khi làm khách đến mừng sinh nhật lúng túng bằng mỗi câu:

- Đem rau ra nghĩa địa cho tôi.

Vợ chồng nhà Weihe đến, lọc cọc bước lại gần và cùng cất tiếng với giọng ngọt lùi.

Tay Mählich quay lại cùng với vợ, con mẹ tóc nhuộm vàng, chưa đến sáu mươi mà mồm miệng lúc nào cũng than vãn, kêu ca thấp khớp.

Rồi mụ Steffi, từ ngày chồng xuống lỗ lúc nào cũng ăn mặc diêm dúa đến khiếp.

- Đem rau ra nghĩa địa cho tôi.

Lão Bunke bước vào, thô kệch y hệt bó hoa cầm trên tay, cra-vát thắt lửng nửa chừng, một bên ve áo lận vào trong. Vừa bước vào đến phòng lão đã phải dùng khăn tay thấm thấm mồ hôi trán. Một thằng cha như thế mà cũng là đại tá an ninh cơ đấy, trong khi lão thì hồi xưa người ta không nhận, vì lão là *dân từ phía Tây di cư sang*. Đến tận giờ chuyện đó vẫn còn làm lão ấm ức. Thì lão cũng muốn ở lại Moskva hơn chứ. Thế nhưng đảng đã phái lão về Đức, và lão đã tuân theo lời đảng đòi hỏi. Cả đời lão, lão làm mọi việc đảng đòi hỏi lão, rốt cuộc lại mang tiếng *dân từ phía Tây di cư sang!*

- Đem rau ra nghĩa địa cho tôi.

Lão Bunke lại chấm chấm mồ hôi trán, rồi nói bằng giọng Sachsen[60].

- Ra đấy, rồi tôi ở lại luôn cũng được.

…

Cũng có vài gương mặt lão không quen.

- Cô là ai?

Chị Bäcker bán rau.

Harry Zenk, Viện trưởng Viện hàn lâm. Tay này chưa bao giờ đến dự lễ sinh nhật lão.

Ông Till Ewerts - vừa qua cơn tai biến.

- Đem rau ra nghĩa địa cho tôi.

…

A, đồng chí Krüger. Công an khu phố.

- Giá đồng chí mặc quân phục thì tôi đã nhận ra ngay, đồng chí ạ. Đem rau ra nghĩa địa cho tôi.

…

Vợ chồng Sondermann. Con trai nhà này đang ngồi tù, vì tội vượt biên.

- Ta không quen các người, lão Wilhelm vùng vằng.

- Ông bà Sondermann đấy mà ông, bà Charlotte đỡ lời.

- Ta không quen các người!

Tiếng rì rầm trong phòng chợt lắng đi giây lát.

- Thôi được, ông Sondermann nói. Đoạn, ông dúi bó hoa vào tay bà Charlotte rồi cùng với vợ bỏ ra về.

…

Kurt đến cùng bà Nadezhda Ivanovna. Không thấy Irina theo.

- Irina bị ốm, Kurt nói.

- Chứ Alexander đâu?

- Cháu Alexander cũng ốm, ông ạ, bà Charlotte chen lời.

Đúng là dòng họ thất bại chủ nghĩa. Không kể Irina. Và, tất nhiên, cũng không kể cả bà Nadezhda Ivanovna.

Bà Nadezhda Ivanovna đưa tặng lão lọ dưa muối.

Lão lục lọi trong trí nhớ. Đã lâu quá rồi, cái thời lão sang đào tạo ở OMS[61] tại Moskva và từ duy nhất lão còn tìm thấy trong đống tiếng Nga đổ nát của lão là *Gorokh,* tốt, tuyệt vời.

- Gorokh, gorokh, *lão nói*.

Bà Nadezhda Ivanovna đáp:

- Ogurtsy.

Lão Wilhelm gật gật đầu.

- Gorokh!

Lão bảo mở lọ cho lão (nhờ Mählich, chứ ngón tay ngữ trí thức của thằng Kurt làm sao mở được) rồi nhón ăn quả dưa chuột Nga. Ngày xưa lão hút thuốc Nga. Giờ ít nhất lão cũng còn ăn dưa chuột Nga.

- *Gorokh,* lão nói.

- Ông làm nước chảy hết lên áo rồi kìa, bà Charlotte bảo.

- Nhảm, chỉ nói nhảm!

…

Thế tay Bí thư Quận ủy đâu nhỉ?

…

Thay vào đó, đột nhiên là thằng bé nào đấy. Đứa nhỏ giữ bức tranh trên tay.

- Cháu Markus, chắt ông đấy, bà Charlotte nói.

Từ lúc nào thế? Lão Wilhelm bụng bảo dạ tốt nhất đừng hỏi gì. Lão ngắm nghía bức tranh, như thiên hạ vẫn thường ngắm tranh do trẻ con vẽ tặng. Song, lão chợt nhận ra và ngạc nhiên kêu lên:

- Con kỳ nhông!

- Con rùa nước ạ.

- Cháu Markus rất yêu động vật đấy ạ, người đàn bà đứng cạnh thằng nhỏ, chắc là mẹ nó, nói với lão. Lão Wilhelm lại bụng bảo dạ không hỏi xem đấy là ai.

- Này Markus, cố mà chết thì cháu được thừa kế con kỳ nhông trên giá sách kia.

- *Cool*[62], thằng nhỏ nói.

- Tốt nhất mày cứ lấy đem về luôn đi, lão Wilhelm nói.

- Ngay giờ ạ? thằng bé hỏi.

- Lấy luôn đi, cố chẳng sống được mấy bữa nữa đâu.

Lão nhìn theo thằng nhỏ đang làm một vòng, ngoan ngoãn chìa tay bắt từng người có mặt. Sau đó nó xăm xăm đến bên giá sách, đứng ngắm

nghía con kỳ nhông từ mọi phía nhưng chưa nhấc nó lên... Lão Wilhelm cắn chặt hàm răng giả.

…

Một người đàn ông mặc âu phục màu nâu gụ, đeo kính gọng mạ vàng xuất hiện. Tại sao hắn không bước đến gần? Sao hắn đứng dừng ở đó?

- Anh là ai, tôi không quen anh.

Tay Phó bí thư. Thay mặt Bí thư quận. Sao lại thay mặt?

- Đồng chí Juhn bận việc ạ, tay phó phân trần.

- À thế à, lão Wilhelm mỉa mai. Tôi cũng bận việc đây.

Ai nấy cười. Lão Wilhelm bực lắm.

Người đàn ông mở cặp giấy bìa đỏ ra, cất tiếng nói. Mắt hắn xanh. Giọng hắn nói nghe chỉ vo ve như tiếng trong ống nghe điện thoại.

Lão Wilhelm nghe chẳng hiểu hắn nói gì. Lão bực lắm. Gã đàn ông tiếp tục nói. Tiếng hắn nói kêu lạch cạch. Lạch cạch trong tai lão mà không rõ nghĩa. Nhảm nhí, lão nghĩ bụng. Học nghề thợ nguội. Vào đảng... Di cư sang Paris... Lão sực hiểu. Thì ra đấy là tiểu sử lão. Hóa ra những gì tuôn từ mồm gã Phó bí thư ra và lạch cạch vô nghĩa trong đầu lão là tiểu sử của chính lão. Tiểu sử lão đã viết ra hàng tá lần, đã không biết bao lần kể cho lính biên phòng, cho công nhân nhà máy Karl Marx, cho thiếu niên tiền phong nghe, nhưng lần nào cũng như lần nào, đều sót phần quan trọng nhất.

Ai nấy vỗ tay. Gã Phó bí thư bước tới gần. Trên tay hắn là một tấm huân chương giống hệt như cả tá huân chương lão cất trong hộp các-tông đựng giày.

- Tôi đủ xèng trong hộp rồi, lão Wilhelm nói.

Ai nấy cười.

Gã Phó bí thư cúi người gắn huân chương cho lão.

Ai nấy vỗ tay, cả gã Phó bí thư giờ tay đã rảnh, cũng vỗ.

Rốt cuộc, bữa tiệc buffet nguội cũng bắt đầu. Giữa hai phòng khách người qua kẻ lại lộn xộn một lúc trước khi người nào người nấy cầm đĩa trên tay và yên vị một chỗ nào đấy. Lão Wilhelm ngồi riêng một góc trong chiếc ghế bành tựa cao, nhấp nhấp rượu từ chiếc ly nhôm lấp lánh màu xanh lục. Lão nghĩ đến phần quan trọng nhất trong đời lão. Phần quan trọng nhất còn bị sót ấy. Lão nghĩ đến Hamburg cùng văn phòng ở cảng của lão. Đêm. Gió thổi. Lão nghĩ đến khẩu Korovin cỡ sáu ba lăm. Không phải lão *nghĩ đến,* mà lão nhớ lại. Lão nhớ khẩu súng nằm trong tay lão ra sao. Lão cảm thấy sức nặng của nó. Lão nhớ lại cái mùi thuốc súng sau khi bóp cò ấy... Để làm gì, lão nghĩ bụng. Lão nhắm chặt mắt lại. Tiếng gì đó rì rầm trong đầu lão. Toàn chuyện gẫu. Vô nghĩa. Nhảm nhí. Chỉ thỉnh thoảng lão nghe thấy - hay chỉ tưởng tượng ra không biết? - trong những lời nhảm nhí đó tiếng gì như tiếng sủa gắt: Chov!... Lại thêm lần nữa: Chov - chov...

Lão mở hé mắt nhìn quanh. À, thằng Kurt, chứ ai vào đây nữa! Chính mày cũng là một thằng Chov vậy, lão Wilhelm nghĩ. Thằng thất bại chủ nghĩa. Cả nhà mày là thế. Chỉ trừ độc Irina, ít gì nó cũng đã xông pha

trận mạc. Còn Kurt? Trong lúc đánh nhau thế thì Kurt nằm trại cải tạo. Phải lao động, khiếp thật, bằng đôi tay mở lọ dưa không xong kia. Còn người khác phải liều thân giữa bom đạn. Người khác, lão nghĩ tiếp, phải hy sinh vì sự nghiệp. Và, lão thật muốn đứng dậy kể đám người ngồi quanh đây nghe về những người đã bỏ mình vì sự nghiệp. Lẽ ra lão đã kể về cô Clara, người từng cứu sống lão. Về cậu Willi vì sợ mà vãi cả ra quần. Về anh Sepp, do *một tên phản bội nào đấy còn sót lại vì tổ chức chưa kịp trừ khử* khai ra, nên bị bắt và tra tấn đến chết trong hầm ngầm Gestapo. Vâng, từng như thế đấy, ông Giáo sư mười lần thông thái không mở nổi lọ dưa muối ạ. Xưa đã thế, ngày nay vẫn thế thôi. Lão thật muốn nói hết ra những điều ấy. Lão cũng muốn tuôn thêm về ngày xưa lẫn ngày nay. Và, về bọn phản bội. Về những gì cần phải làm, lão cũng muốn nói lắm. Lão thật muốn nói rõ vấn đề là ở chỗ nào, nhưng lưỡi lão cứng đơ, đầu óc lão quá già cỗi để nói hết thành lời những gì lão biết. Mắt vẫn nhắm, lão ngả người ra lưng ghế bành. Lão không nghe thấy tiếng ai nói nữa. Chỉ có tiếng rù rù trong đầu, như tiếng nước chảy vào bồn tắm sáng nay. Và giữa tiếng rù rù ấy văng vẳng một giai điệu, từ trong giai điệu ấy vang lên lời ca. Thật đột ngột. Đấy là lời ca lão đã cố nhớ, cố tìm từ sáng đến giờ, những lời đơn giản, u buồn và trong sáng, tự nhiên đến nỗi ngay giây phút đó lão quên khuấy là lão từng quên chúng từ lâu.

Lão khẽ hát lẩm nhẩm, cho riêng mình nghe, nhịp điệu hơi kéo dài, lão còn nhớ. Không chủ ý, nhưng cũng ngân nga trong giọng.

Đảng chúng ta, Đảng chúng ta, bao giờ cũng đúng
Đồng chí ơi, đó là điều rất đúng
Bởi ai tranh đấu cho dân quyền
Bao giờ cũng là người đúng
Chống kẻ gian và cường quyền
Ai chống lại cuộc đời
Không ngu si thì tồi tệ

Ai bảo vệ con người
Bao giờ cũng là người đúng
Từ tinh thần Lenin mà ra,
Do Stalin rèn luyện
Đảng chúng ta, Đảng chúng ta, Đảng chúng ta.

NĂM 1973

Rồi chiếc xe tải cũng dừng lại và cửa thùng xe phía sau ngửa ra, sập xuống.

Một cái đầu người đội mũ nhà binh xuất hiện. Cái đầu bắt đầu gào thét. Nước bọt sùi lên giữa các kẽ răng, long lanh dưới ánh đèn đường trước khi vỡ bụp.

Phải nói ngay là không thể hiểu cái đầu hét những gì. Một thứ ngôn ngữ lạ lùng, hình như gồm toàn nguyên âm thì phải.

Lại một cái đầu nữa nhô ra, thêm cái nữa và loáng một cái, đã có bốn năm người mặc quân phục đứng hò hét ở mép sau thùng xe. Họ hò hét lộn xộn, người này cố hét to hơn người kia.

Trên thùng xe che vải bạt bắt đầu lục tục. Đám tân binh, người nào vớ túi xắc hay gói bọc người nấy lần lượt từ trên thùng xe nhảy xuống đất. Họ vấp nhau, xô đẩy nhau trong bóng tối. Alexander cũng nhảy. Tay anh chạm xuống mặt đất thô, như kiểu mặt đường pit trong một sân vận động nào đó.

Sang ngày thứ hai anh bắt đầu nghe ra tiếng gào rống có nghĩa gì. *Ạy ều ước* có nghĩa là chạy đều bước. Còn *đơ viii đứ iêm* là đơn vị đứng

nghiêm. Với nhiều giọng khác nhau.

Ngày thứ ba thì anh đã kịp hiểu mọi câu nói rắc rối có liên quan đến "mông đít". Anh lệt bệt kia, anh động đậy mông đít anh đi nào *hoặc* Rồi tôi đá mấy cái vào mông đít anh cho anh biết tay *hoặc hay hơn, cũng học để biết,* Khi anh chạy, mông đít anh là điểm cao nhất.

Ngày thứ tư họ học bài chính trị đầu tiên: *Về chủ nghĩa phát xít mới và chủ nghĩa quân phiệt tại Cộng hòa Liên bang Đức*. Ai ngủ gật, phải đứng phạt suốt buổi.

Ngày thứ năm anh nhận được lá thư đầu tiên của Christina. Anh mở thư ngay, đọc luôn trên đường trở về phòng anh trong trại lính. Đọc kỹ lại lần nữa rồi nhét vào túi áo ngực. Buổi tối lên giường ngủ, đọc lần nữa.

Ngày thứ sáu là Chủ nhật. Cứ Chủ nhật thì mọi người được đến chơi ở phòng văn hóa đại đội. Nhưng, phải mặc quân phục xuất trại. Ở phòng văn hóa ai nấy được phép tự pha cà phê mang theo từ nhà.

Alexander không có cà phê mang theo. Anh ở lại phòng. Nằm trên giường, đọc lá thư của Christina đến lần thứ năm, thứ mười, hay thứ mười lăm gì đó. Anh như trút được gánh nặng khi được tin bữa anh lên đường nàng "buồn suốt ngày". Thấy lo ngại khi biết nàng cuối tuần sẽ đi với bạn gái cùng làm ở thư viện đến hồ Scharmiitzel: để cho "khuây khỏa" chút đỉnh. Anh viết thư trả lời, hơi trách nàng vì chuyện đó, rồi lại xóa lời trách móc đi. Anh viết lại từ đầu. Tả cảnh ngoài cửa sổ: dãy nhà mới xây, phía sau là hàng rào. Anh đã toan viết thêm rằng tiếp đó là bãi tập xe tăng, nhưng lại thấy ngập ngừng không viết thêm, không rõ đấy đã phải là mục tiêu quân sự người ta dặn anh không nói với ai hay chưa. Không biết thư có bị kiểm duyệt không nhỉ?

Sang ngày thứ bảy họ đứng trong sân trại, xếp hàng *thành đội ngũ* (có nghĩa là xếp hàng ba) để đợi cái gì đó (rằng đứng yên và chờ đợi là hai trong số những hoạt động chính của lính tráng thì Alexander đã học được rồi). Anh hơi bị nhức đầu do phải cai cà phê, chiếc mũ sắt đè nặng lên đầu, ba-lô lính nặng lưng, thêm túi đựng mặt nạ chẹn cổ, súng trường quàng vai. Anh vẫn chưa quen với mái tóc cắt cao quá mang tai; gió lạnh như cấu vào tai, luồn xuống và rít lên dưới mũ sắt rộng vành của Quân đội quốc gia nhân dân. Nhưng họ vẫn phải đứng nghiêm, không được phép động đậy. Alexander nhìn gáy người đứng trước, nhìn đôi tai anh ta đỏ rựng, và chắc mẩm anh ta cũng đang có cảm giác giống mình. Anh chợt nghĩ đến Mick Jagger[63]; và tự hỏi, không biết trong lúc mình đang đứng đây, trên bãi luyện quân mang tên Katzenkopf này nhìn chằm chằm vào đôi tai đỏ rựng của đồng đội phía trước thì một anh chàng như Mick Jagger làm gì. Anh láng máng nhớ đến bức ảnh trên một tạp chí phương Tây nào đấy, chụp Mick Jagger đứng trong phòng ngủ của anh ta, mặc áo len xù, quần legging, trông dáng hơi ẻo lả đàn bà, vẻ ngái ngủ, như vừa thức dậy xong. Alexander mường tượng, chắc chỉ giây lát nữa thôi, anh ta sẽ đi vào căn bếp rộng, ngợp ánh nắng để pha cà phê, nếu chưa có ai đã pha sẵn cho anh ta rồi, sẽ ăn bánh mì kẹp pho-mát và nho quả (hay cái gì khác, ai mà biết được bên ấy người ta ăn sáng thế nào) rồi sau đó - trong khi Alexander lăn lê bò toài hay bắn súng trên bãi tập Katzenkopf và *tập vượt chướng ngại vật* trên cánh đồng này - thì Mick đang gảy gảy đàn ghi-ta, ghi ghi chép chép vài âm điệu, hoặc sẽ leo lên một chiếc xe hơi quái dị nào đó bảo lái xe đưa đến studio để ghi băng một ca khúc mới, một ca khúc anh ta sẽ trình thiên hạ vào một chuyến công diễn nào đó, một chuyến công diễn mà anh, Alexander, sẽ không có mặt, cũng như anh chưa bao giờ có mặt tại buổi biểu diễn nào của Rolling Stones và cũng sẽ chẳng bao giờ có mặt tại buổi biểu diễn nào khác của Rolling Stones cả. Chẳng bao giờ, Alexander nghĩ

bụng, trong lúc anh đội mũ sắt và đeo ba-lô Quân đội quốc gia nhân dân trên bãi tập Katzenkopf để nhìn đôi tai đỏ rựng của đồng đội đứng trước mặt, chẳng bao giờ anh sẽ được xem Rolling Stones biểu diễn *live,* chẳng bao giờ anh được đến thăm Paris hay Rome hay Mexico, chẳng bao giờ đến được Woodstock[64], ngay cả Tây Berlin, nổi tiếng với các cuộc khỏa thân đi biểu tình cũng như nổi loạn sinh viên, với các cuộc làm tình tự do và phong trào đối lập ngoài nghị trường ở đó. Tất tật những thứ đó anh sẽ chẳng được trải qua, anh nghĩ, trong khi một tay hạ sĩ quan tham mưu nào đấy đang tay cầm bản nội quy, miệng giảng giải các xạ thủ phải giữ tư thế nào khi nằm bắn, tức là tư thế *nằm chéo so với bia,* anh sẽ chẳng được thấy gì, sẽ chẳng được chứng kiến gì, bởi vì giữa đây với đó, giữa thế giới bên này với thế giới bên kia, giữa một thế giới nhỏ bé và chật hẹp bên này, nơi cuộc đời anh sẽ trôi qua đây với thế giới bên kia, một thế giới mênh mông rộng lớn, nơi mà cuộc sống thật sự đang diễn ra, vì giữa hai thế giới ấy tồn tại một đường biên, mà anh, Alexander Umnitzer, sắp tới sẽ còn phải *canh giữ* nữa kia đấy.

Đó là ngày thứ bảy.

Ngày thứ hai mươi lăm là ngày tuyên thệ. Lễ tuyên thệ diễn ra trên một bãi trống nào đó phía ngoài doanh trại. Diễn văn. Cờ. Trống. Kèn. Rồi họ đọc lời thề đã phải học thuộc lòng trước đó trong nhiều buổi học chính trị. Mấy viên chỉ huy đi xen vào giữa hàng quân để kiểm tra xem lính tráng có thật sự đọc lời thề thành tiếng hay không.

Sau buổi lễ tuyên thệ, lần đầu tiên họ được xuất trại. Christina cùng bố mẹ anh cũng đến. Vừa thấy anh mặc quân phục bước ra, mẹ anh bật

khóc. Alexander vội vàng an ủi: anh vẫn khỏe đây mà, làm gì có chiến tranh đâu, thậm chí ăn uống trong doanh trại cũng không tồi.

Cái cảm giác sau gần một tháng mới lại được ôm Christina vào lòng thật là đặc biệt. Nàng bé nhỏ hơn, dịu dàng hơn anh vẫn mường tượng trong ký ức. Toàn thân nàng toát ra hương vị đàn bà làm anh ngây ngất. Alexander hít căng lồng ngực bầu không khí như sôi lên theo mỗi bước đi của người yêu, nhưng tự cảm thấy vướng víu, lố bịch trong bộ quân phục thô thiển, may không đúng cỡ, lại thêm mái tóc như cái nồi đất và chiếc mũ trông đến ngớ ngẩn chụp trên đầu. Chỉ một thoáng thôi, anh có cảm tưởng bắt gặp nét hốt hoảng trên gương mặt Christina khi nhìn bộ dạng anh thế này, nhưng sau đó nàng chuyển ngay sang vẻ mừng vui một cách hơi cường điệu.

Cả nhà đi vào một thị trấn lạ, mang tên Halberstadt, chỗ nào cũng đầy lính cùng người nhà của lính. Hiệu ăn nào cũng ứ đầy khách. Christina nảy ý định ra phía ngoài thị trấn tìm quán án, song khu vực Alexander được phép đi lại khi xuất trại, dĩ nhiên, chỉ khoanh trong Halberstadt. Cả nhà đành ngồi ăn món thịt xào ớt letscho trong một tiệm ăn chật cứng khách chỉ còn độc món letscho ấy. Bà Irina không muốn ăn, chỉ hút thuốc. Trong lúc chờ món ăn dọn ra, mọi người kể chuyện này chuyện nọ: chuyện ông Kurt lại bắt tay viết tiếp cuốn sách dở dang về Lenin trong thời gian lưu vong tại Thụy Sĩ, với hy vọng, khi ông Honecker lên cầm quyền thì cuốn sách chắc sẽ được xuất bản; rồi tin ông Wilhelm lại ốm nặng - Alexander bắt gặp mình đang nghĩ, có lẽ vào dịp đám ma ông Wilhelm anh sẽ được về phép đặc cách; thêm tin bà ngoại Nadya rốt cuộc cũng chịu sang CHDC Đức sống, song, vì thủ tục giấy tờ làm kéo dài hàng tháng, có khi hàng năm, thành ra cả nhà đang lo thời gian chờ đợi ở Slava trôi qua thì

chả biết bà có còn sống hay không. Sau đó ông Kurt và bà Irina về trước, để *hai con* được ở riêng một lúc với nhau.

Hai người được bốn tiếng. Alexander quyết định đưa Christina đi xem doanh trại. Họ vượt qua ngọn đồi rồi đi dọc theo con đường lát bê-tông dẫn thẳng đến bãi tập lái xe tăng và Alexander bắt đầu kể. Về những cuộc hành quân đường trường mang ba-lô dã chiến. Về những vết rộp mọng nước ở bàn chân, những mép thùng đạn sắc như dao cứa vào ngón tay, về những quả lựu đạn tuy chỉ dùng để ném tập nhưng rất nguy hiểm và về chất phóng xạ. Thậm chí với chút kiêu hãnh, anh kể chuyện ở đại đội bạn có người chết ngạt vì bị ói trong mặt nạ phòng độc mà đám sĩ quan huấn luyện không ai hay biết. Song anh cũng cảm thấy - trong lúc Christina nghe chuyện anh kể, khi thì *thế a* thán phục lúc lại *khiếp, lạy Chúa* đầy vẻ cảm thông - những chuyện ấy dường như không thật thế nào đó, không phải vì anh vô tình phóng đại, cũng không phải vì anh bất giác thêm muối thêm mắm, mà đơn giản chỉ là cái gì đó ngang phè phè, không phải chuyện anh muốn nói.

Bên trái, đằng sau hàng rào cao bằng gỗ, doanh trại quân Nga hiện ra, so với doanh trại của anh trông có vẻ màu mè, Á châu hơn (hàng rào sơn xanh lá cây, tường nhà quét vôi vàng, mép vỉa hè vôi trắng, ngôi sao ở cổng sơn đỏ còn mới toanh) và phía bên phải, xa xa đằng sau hàng rào dây thép gai là trại huấn luyện tân binh (phẳng lặng, xám xịt, vuông vắn). Alexander đếm thầm từng cửa sổ, toan chỉ Christina biết phòng "của anh" ở đâu, song lại thôi, không đếm nữa. Nhìn cánh cửa sổ thì thấy cái gì? Nhìn ngôi nhà lắp ghép mới xây kia thì làm sao thấy hết cái đần độn ngớ ngẩn của mọi sự ở nơi đây, làm sao thấu hiểu cảm giác một kẻ bị giam hãm, làm sao cảm thông với bao nhiêu chuyện nhỏ nhặt hằng ngày, nào là sự đụng tay chạm chân tối ngày với các đồng đội cùng phòng, nào là các

câu chuyện tục tĩu trước khi ngủ, nào là chuyện vắt tất lên ủng để hong cho khô hoặc chuyên xếp hàng sáng sáng với cả trăm thằng đàn ông khác bên các bồn đi tiểu và do đó cùng phải chứng kiến của nhau cảnh lắc lắc, đập đập hay bóp bóp cho giọt nước tiểu cuối cùng rơi ra.

Dẫu sao Christina cũng thấy cảnh tượng doanh trại "không niềm nở" lắm, nhưng nàng đoán ngôi nhà mới xây như thế chắc cũng có cái hay, chẳng hạn, sạch sẽ hơn, vệ sinh hơn.@c

Alexander lặng im không nói gì. Suốt cả đoạn đường về anh lặng thinh, nhất quyết không nói thêm một lời, nhưng cũng gắng làm sao để Christina không nhận ra sự im lặng cố tình đó. Ấy vậy mà lúc hai người ghé vào tiệm ăn uống vội ly cà phê thì anh lại lên tiếng nói. Vừa nói vừa bực với mình, sao mình không câm miệng được, sao vẫn đem những chuyện hong tất, chuyện đi đái đi tiểu kia ra mà kể, vừa hậm hực về chính mình, vừa bực bội thấy Christina, trong lúc anh đang nói, chốc chốc lại xem đồng hồ, và rốt cuộc nói bằng giọng nửa sốt ruột, nửa an ủi khiến anh ngừng bặt:

- Anh xem bố anh đấy, bố từng phải chịu bao nhiêu thứ kinh khủng hơn nhiều ấy chứ.

Anh đưa Christina ra ga. Hết giờ xuất trại mất rồi. Christina đi bên anh, mang theo làn hương cùng mái tóc thiên thần của nàng, bàn tay nàng lạnh ngắt và nàng bước đi từng bước ngắn. Đột nhiên Alexander cảm thấy căm ghét nàng, nhưng đồng thời cũng lại thèm muốn nàng tột bậc. Song nàng đang tan biến đi, đang rời xa anh, tên hèn nhát tóc cạo nhẵn quá mang tai và mặc bộ quân phục thùng thình này, anh phải giữ nàng lại, anh đẩy nàng vào cổng nhà ai đó, chắc mẩm trong đầu nàng cũng đang bị lòng ham muốn của anh lôi cuốn, khi nàng cưỡng lại, anh đinh ninh phải mạnh tay

hơn, anh cố xoay người nàng, anh xé toang quần tất nàng đang mặc trên người, song Christina kháng cự với sức mạnh không ngờ, miệng rên rỉ lạ lùng, đến đoạn hai người thở hổng hộc đứng đối diện nhau thì, chỉ một lát sau, Alexander quay người, bỏ đi.

Vẫn chưa đến chín giờ tối. Alexander lại chui vào quán rượu, gọi cốc bia, rồi ly rượu trắng, lại thêm cốc bia, mắt dõi theo cô tiếp viên, ngắm hai bắp đùi được che sơ sài dưới chiếc váy ngắn màu đen. Mặt trong chắc nịch của hai bắp đùi cọ sát sạt vào nhau lúc cô đi qua đi lại trong quán (khác với hai bắp đùi Christina, khoảng giữa còn tách ra một khe hở rộng đút vừa ngón tay). Và, Alexander sẽ chẳng nghĩ ngợi gì mà chồng ngay số tiền lương lính tám mươi mác anh nhận mỗi tháng, cộng bốn mươi mác trợ cấp biên phòng thêm vào khoản tiền bia rượu anh vừa uống, cốt sao được nhét bàn tay vào giữa hai bắp đùi nần nẫn kia của cô tiếp viên quán Harzfeuer ở thị trấn Halberstadt này. Anh gọi thêm cốc bia, dù cốc trước uống chưa hết, hỏi tên cô tiếp viên, biết cô tên Barbel, với một niềm hy vọng mơ hồ anh báo cô biết anh được xuất trại đến hai mươi bốn giờ. Cô ta mỉm cười, hất mái tóc màu nâu xõa xuống mặt ra sau lưng, rồi thu dọn gạt tàn thuốc, nhặt cốc ly bẩn mang vào bếp, lát sau lại đem cốc ly mới đầy bia đầy rượu ra, đi lại với cái vẻ uyển chuyển chắc nình nịch ấy giữa các bàn nước phần lớn toàn lính tráng ngồi, thoắt biến đi đâu đó, rồi lại hiện ra, ném về phía anh, hình như thế, một cái nhìn rất nhanh, đầy hứa hẹn, cười nhe hàm răng như răng thỏ và rốt cuộc, thay vì mang thêm ly rượu trắng nữa, cô mang biên lai đến cho anh, từ chối khoản tiền boa hậu hĩ và nghiêm giọng nhắc, nếu muốn về doanh trại cho kịp giờ thì anh phải lên đường ngay.

Sau đó anh men theo con đường lát bê-tông, trên đầu là bầu trời sao rộng lớn chốc chốc lại nghiêng nghiêng như sắp đổ sập xuống, thịt letscho

trong bụng anh chỉ chực ói ra ngoài, còn thì mọi sự chả là gì đối với anh, anh chỉ ngạc nhiên làm sao anh đi đúng về hướng doanh trại thật, làm sao anh tự nguyện trở về nơi ấy, nếu dọc đường anh không bị một chiếc xe hơi chẹt, nhưng không rõ vì lý gì mà nó không chạy tới. Lúc anh nằm xuống giường, mặc dù tối om chẳng nhìn thấy gì mọi thứ quanh anh vẫn quay cuồng, miếng thịt letscho không còn nhịn được nữa bèn ói thốc ra, nhưng thay vì rơi vào cầu tiêu, lại rơi vào một trong hai chục bồn rửa mặt của nhà tắm đại đội. Đến lúc này thì viên sĩ quan trực ban xô đến, lệnh cho Alexander mặc bộ đồ dã chiến lên người (một nhiệm vụ cực kỳ khó nhọc), rồi cả hai đi ra sân trại, Alexander phân trần với viên sĩ quan trực ban rằng anh yêu Christina và hai người gọi nhau bằng "Bonny", không, không phải Pony, mà là *Bonny,* như tên một bài hát nó như thế, rồi họ đến chỗ vọng gác, trực ban bắt Alexander cởi thắt lưng lính ra rồi đẩy anh vào một căn phòng nhỏ, trong đó chẳng có gì ngoài chiếc giường đơn, mặt căng lưới lò-xo thép, đến nệm cũng không trải. Cho nên, đúng sáu giờ sáng Chủ nhật, trước khi toàn đơn vị thức giấc, lúc Alexander bị lôi ra khỏi phòng phạt giam để còn kịp dọn bồn rửa mặt bị anh đêm qua nôn thốc nôn tháo làm bẩn thỉ, soi vào một trong số hai chục chiếc gương buồng tắm, anh vẫn còn thấy vết lưới lò-xo thép hằn rõ trên má phải.

Ngay hôm Chủ nhật ấy anh viết lá thư ăn năn gửi Christina. Song, mặc dù lâu nay nàng vẫn hằng ngày viết thư cho anh, lần này Christina không trả lời, hay ít ra thì hết ngày thứ Ba đến thứ Tư đều chưa thấy thư nàng đâu. Thứ Năm Alexander viết thư dọa chia tay với nàng, song, nếu giữa chừng không có báo động chiến đấu, thì chắc sang thứ Sáu anh đã rút lời đe ấy lại rồi.

Lần đầu tiên họ được phát không chỉ súng suông, mà cả hai băng đạn đầy, mỗi băng ba chục viên đạn thật. Trước lúc xuất quân, viên đại đội trưởng - một gã chân ngắn cũn cỡn và giọng nói the thé - báo tin đơn vị họ nhận nhiệm vụ bọc hậu ở một đoạn biên giới, do một cái gọi là tình huống như sau đã nảy sinh: một quân nhân thuộc quân đội Liên Xô - mang theo súng trường tự động Kalashnikov cùng sáu chục viên đạn thật - lái một chiếc xe buýt Ikarus hình như là đang chạy về hướng biên giới ở đoạn nằm giữa Stapelburg và đỉnh Brocken.

Xe chạy chừng tiếng rưỡi thì họ được rải từng nhóm ba người một ở đâu đó trong rừng. Alexander cùng nhóm với Kalle Schmidt, một gã tay lúc nào cũng run run, và Behringer, một gã trong trại từng nhiều lần quả quyết:

- Bọn khốn ấy mà để tao đến sát biên giới thật, thì tao chuồn ngay!

Ba người nằm phục đâu đó ở một ngã ba đường rừng. Biên giới ở chỗ nào họ không rõ lắm. Tiếng chó sủa phía xa xa. Chẳng mấy chốc trời tối đến nỗi họ chẳng nhìn thấy nhau. Trong rừng chỗ nào cũng nghe tiếng ráng rắc, kèn kẹt, xung quanh nghe toàn tiếng chân bước khiến Kalle chốc chốc lại lên đạn quát hỏi mật khẩu những bóng người vô hình nào đấy, Alexander cũng lên đạn - vì hễ cứ nhìn một lúc lâu vào con đường mờ mờ trong bóng tối kia thì thể nào cũng thấy bóng ma - và lắng nghe từng tiếng động vọng đến từ phía Behringer nằm.

Họ được thả xuống đây lúc bốn giờ chiều. Khoảng mười hai giờ đêm họ nghe tiếng nổ phành phạch quen thuộc của động cơ xe tải Robur đưa người đến thay phiên gác. Tám tiếng, là một ca gác thông thường của lính biên phòng - đây chính là cái đang chờ đợi họ, nếu sau đợt huấn luyện này họ bị chuyển về một đơn vị biên phòng nào đó; tám tiếng mỗi ngày,

luân phiên theo ca suốt cả năm trời, và Alexander vẫn chưa thể hiểu làm sao anh có thể chịu đựng nổi chuyện đó, anh còn chẳng biết làm sao để chịu đựng nổi đến *lễ Giáng sinh,* chịu đựng đến lúc được gặp lại Christina.

Ý nghĩ ấy nảy ra đúng vào lúc tay học viên sĩ quan quên không kiểm tra an toàn khẩu súng của anh. Súng hai cậu kia, Kalle Schmidt và Behringer, là hai người trèo lên thùng xe trước anh, thì anh ta kiểm tra đúng theo quy định. Song lúc đến lượt Alexander thì chiếc xe tải bỗng lùi một chút ra sau, khiến tay học viên sĩ quan phải nhảy sang một bên, và trong lúc anh ta bận vặc nhau với gã lái xe thì Alexander đã trèo lên thùng xe và lặng lẽ ngồi xuống giữa hai cậu kia, kẹp khẩu súng đạn đã lên nòng giữa hai đùi. Anh trù tính, sự thể sẽ là thế này, sau khi chuyện xảy ra thì người ta sẽ không khó nhọc gì để xác minh lại trình tự sự việc, trước hết là do lỗi của lái xe cho nên việc kiểm tra súng đã không được tiến hành, và do súng chưa chốt an toàn và vẫn còn ở trạng thái lên đạn *bắn từng viên,* nên anh, tân binh Alexander, vì không để ý, hay rất có thể, vì anh sơ ý làm cái gì đó vướng vào cò súng, đã khiến súng cướp cò, xuyên thủng một chỗ nào đấy (mà lúc này anh có thể bình tĩnh chọn) trên cánh tay trái của anh, bởi anh đã "rất vô tình" tựa tay lên họng khẩu Kalashnikov. Ngón tay anh đã đặt lên cò súng, khi chỉ còn vài li ngăn cách anh khỏi tình trạng miễn nghĩa vụ quân sự lâu dài, khi chỉ còn cần một mô đất, chỉ cần mép cổng doanh trại nữa thôi để xe xóc nhẹ, thì đột nhiên Alexander không còn chắc chốt an toàn nằm ở vị trí *bắn viên một* hay ở vị trí bắn *liên thanh,* tức là nếu bóp cò, rất có thể súng sẽ làm luôn một lúc hai hoặc ba viên thì thử hỏi còn gì sót lại ở cánh tay anh nữa kia chứ.

Mãi đến lúc giao trả súng, trực ban mới té ngửa ra rằng chẳng những băng đạn vẫn đầy mà đạn cũng đã lên nòng rồi. Cho nên, lúc được lệnh lên gặp đại đội trưởng, Alexander đã đinh ninh thế nào anh cũng bị

quạt một trận nên thân, anh cũng chuẩn bị tinh thần để hứng chịu tất tật, thậm chí cả hình phạt nằm áp mặt lên lưới lò xo thép mà ngủ qua đêm. Song, anh ngạc nhiên thấy đại đội trưởng mời anh ngồi, rồi cất tiếng nói bằng một giọng ôn tồn và thân mật, đến mức Alexander suýt buột miệng chữa lời viên chỉ huy: ông nội *dượng* ạ - nhưng, có lẽ vì anh không gọi ông Wilhelm là ông nội, cả ông nội *dượng* cũng không nốt, cho nên, cũng may, anh không nói gì. Đại đội trưởng báo tin anh biết đồng chí Wilhelm Powileit, ông nội anh, phải vào bệnh viện vì bị sưng phổi nặng và tình trạng sức khỏe của đồng chí nguy kịch đến mức Alexander phải dũng cảm chuẩn bị cho "tình huống xấu nhất" có thể xảy ra.

Alexander gật đầu, làm vẻ mặt bàng hoàng, trong khi thực ra trong bụng đang như mở cờ, để đưa tay đón tờ giấy phép.

- Tôi mong đồng chí về còn kịp.

Sáng ra Alexander đã ngồi trên tàu. Anh buồn ngủ lắm, nhưng không muốn ngủ. Anh nhìn ra ngoài cửa sổ, có cảm giác phong cảnh tuy đã khô cằn vào lúc cuối thu nhưng vẫn nhiều màu sắc và đầy đặn thế nào đó, đâu đâu cũng có cái gì đó để nhìn. Làng xóm, bò bê, cây cối, người người thong thả đi dọc phố. Anh thấy cảm động trước thái độ nhã nhặn của nhân viên soát vé, chỉ vì anh ta không la lối mà hỏi vé anh đâu. Anh cũng cảm động trước sự vui vẻ của hành khách, tuy có thể chỉ là vì họ lơ đãng mà nhường bước cho anh và nói chuyện với anh như thể anh là người hết sức bình thường vậy.

Chuyến đi, với hai lần chuyển tàu, kéo dài lê thê. Từ nhà ga chính của Potsdam anh còn phải đi thêm hai mươi phút tàu điện đến khu phố cổ

kiến trúc ba-rốc với trục đường chính được sửa sang trong nhiều năm qua (con phố mang tên Klement Gottwald[65], là người đã ra lệnh giết hại Slánský). Song, chỉ cần đi vài bước chệch khỏi trục đường chính, phố xá lại trở lại vẻ bình thường, nghĩa là hư hại, với những ngôi nhà xinh xắn hai tầng ngày xưa, mặt ngoài giờ đã đen đen xám xám và loang lổ ướt do nước mưa nhỏ từ những máng hứng nước thủng lỗ chỗ. Chỗ này chỗ kia thậm chí còn thấy cả vết đạn từ dạo chiến tranh trên tường nhà.

Phố Gutenberg, số nhà mười sáu. Chuông hỏng. Cửa vào, như thường lệ, bị khóa chặt. Chả là vì bà Pawlowski sợ lũ mèo của bà bị làm sao. May mắn quá, bà ta tay bế con mèo vừa hay nhìn ra ngoài cửa sổ và cũng nhận ra anh. Mặc dù từ xưa vẫn xem anh là kẻ đột nhập phải chống trả, nhưng lần này bà ta tỏ lòng thương hại, vì chả gì anh cũng đang mặc quân phục đứng trước cửa. Bà đưa tay trỏ trỏ lên tầng áp mái. Qua làn cửa kính anh cũng đọc được môi bà mấp máy nói:

- Để tôi gọi con bé!

Ít giây sau nghe tiếng chìa quay trong ổ khóa và Christina hiện ra ở ngưỡng cửa, đầu tóc hơi rối, tay áo xắn cao và vẫn còn quàng chiếc yếm làm bếp trước ngực.

- À, nàng nói. Độc mỗi một tiếng: à. Đoạn, nàng hất đầu bảo anh theo vào.

Anh thong thả bước theo nàng, hít thở mùi vị quen thuộc ở hành lang tầng dưới (phần mùi mốc, phần nước đái mèo), ngước nhìn với vẻ kính cẩn bể nước tráng men ở hành lang tầng trên, nơi nàng vẫn hứng nước, rồi nối gót Christina leo lên cầu thang xiên xiên và kẽo kẹt dẫn lên tầng áp mái.

Trên đó, lọt giữa hai bức tường khung gỗ bồi đất sét đóng viên là vài ba thước khối không gian của căn phòng áp mái. Căn phòng áp mái của Christina, nhưng cũng là căn phòng áp mái *của anh,* "địa chỉ nhà riêng" của anh từ khi anh dọn về đây ở trước đó gần một năm (lúc còn là học sinh và bị bố mẹ phản đối), và bây giờ lại là phòng của Christina: Ngay từ giây khắc đầu tiên anh đã có cảm giác, ở đây, anh là khách đến chơi. Thay vì, như anh đã định bụng, cởi phăng bộ quân phục vứt vào góc phòng, anh ngồi xuống một trong hai chiếc ghế xoay là hai chỗ ngồi duy nhất trong phòng, để ngắm Christina. Tay áo xắn cao và yếm buộc bó vào thân, nàng đứng bên tủ lạnh rửa bát đĩa. Anh cố đoán tâm trạng nàng ra sao, thích thú nhìn nàng thành thạo gác đĩa cho ráo nước và chồng mấy chiếc ly lên nhau. Để có nước nóng tráng bát đĩa, nàng cho nước đầy cái ấm nhôm cao rồi cắm que đun nước vào đó. Anh ngắm nàng và có cảm giác động tác nào của nàng cũng khêu gợi niềm ham muốn xác thịt khó lòng cưỡng nổi.

- Anh uống cà phê không?

Alexander không uống cà phê.

Anh thay quần áo xong (anh tự nhủ, quần áo mình còn để đây là điềm hay rồi) thì hai người lên tàu về Neuendorf thăm bố mẹ. Bà Irina hơi thất vọng vì họ không ngủ lại mà còn định đến quán Núi (đúng hơn là chỉ mình Christina muốn đến quán Núi, Alexander thật ra chỉ ao ước, giá được hưởng một buổi tối ấm cúng với riêng nàng thì hơn, song, anh lại nghĩ nàng đòi đi nhảy bằng được là điềm lành: Chính nàng chả bảo đấy thôi, từ hai tháng nay đến giờ nàng chỉ ru rú một mình ở nhà). Bà Irina dọn nhanh bữa tối "gọn nhẹ". Cả nhà ngồi ăn, đúng hơn là chỉ một mình Alexander ăn. Mặc dù luôn mồm than phiền không được nghe mọi người nói chuyện, bà Irina cứ luôn chân chạy vào bếp rồi lại chạy ra, miệng ngậm thuốc lá và

l`âu b`âu những gì không ai hiểu. Ông Kurt chưa ăn vì còn sớm quá (con biết đấy, dạ dày bố!), còn Christina múc chiếu lệ đôi thìa món xúp hành bà Irina vừa nấu quấy quá xong. Còn độc Alexander chén thả cửa vì cả ngày ngoài chiếc bánh mì kẹp xúc xích anh chưa có gì trong bụng, đã tọng hết cả thịt lợn xông khói lẫn pho-mát Bungari lại còn húp nốt chỗ xúp Christina ăn dở. Vừa ăn, anh vừa dỏng tai nghe mọi người bên bàn lượn từ chuyện này sang chuyện khác. Bắt đ`âu từ nạn thiếu thốn hàng hóa ở khắp CHDC Đức, thiếu cả hành, sang chuyện khủng hoảng d`âu mỏ ở phương Tây (bên ấy, may phước, ra không phải cái gì cũng suôn sẻ), từ đây nhảy sang chuyện chiến tranh Yom Kippur[66] và từ chuyện bọn quốc xã nằm trong hàng ngũ quân đội Nasser[67] sang bộ phim *Chiến tranh hai giới* (vừa chiếu cách đây không lâu trên truy`ên hình Tây Đức), nhưng r`ài vòng trở lại đ`ê tài của thế giới hiện thực, tức là trở lại thư viện của Christina (ở đấy người ta vừa nhận một anh ty nạn người Chile vào làm, anh này từng có mặt lúc Victor Jara[68] bị giết hại) và rốt cuộc, sau khi than phi`ên chán chê sự đ`ân độn của độc giả thời nay, chuyện chuyển sang cuốn sách tra cứu nào đó v`ê chính trị mà Christina cùng ông Kurt cứ trao lời đổi tiếng đ`ây vẻ khoái trá, vì trong l`ân xuất bản mới, tên tuổi người ti`ên nhiệm của ông Honecker *bị gạch sành sanh* khỏi cuốn sách, dù trước đó, h`âu như trang nào cũng thấy nhắc tên ông ta.

Y như trong sách George Orwell vậy, Christina - bởi nàng hiện đang đọc George Orwell - chêm thêm lời bình. Lúc nói vậy, miệng nàng, hay đúng hơn là một bên miệng nàng, hơi nhếch lên, khiến khóe miệng (và chỉ khóe miệng mà thôi) hơi hở, làm hàm răng thoáng lộ ra và tạo cho nàng cái vẻ mỉa mai lạnh lùng nàng vẫn có, mỗi khi nói đến những cuốn Alexander chưa đọc. R`ài cả nhà chợt nhận ra mình quá ham chuyện, quên cả giờ giấc. Bà Irina khao - *ngoại lệ đấy nhé* - một chuyến taxi. Và, lúc taxi gọi đã đến chờ ngoài đường r`ài, lúc Christina cùng Alexander đã ra đến

bậc thang bằng đá phía ngoài và hai ông bà Irina và Kurt ôm nhau đứng ở vòm cổng, mỗi người một tay vẫy vẫy theo rồi, họ mới sực nhớ đến ông Wilhelm. Cả nhà hẹn nhau, ngày mai mười một giờ bố mẹ đi cùng bà Charlotte đến đón hai người vào bệnh viện thăm ông.

- Mà này con, con mặc quân phục theo nhá, ông Kurt gọi với theo Alexander.

Alexander đứng sững lại.

- Sao cơ ạ? Mặc quân phục á?

- Ừ, ông Wilhelm muốn vậy.

- Bố không đùa đấy chứ? Alexander hỏi lại.

Anh nhìn ông Kurt. Rồi bà Irina. Rồi Christina. Cả mấy người đều lặng im mất một lát. Đoạn Alexander cất tiếng:

- Chả nhẽ cả nhà đòi con ngày mai đóng quân phục thật à.

- Thôi anh, nào có gì ghê gớm lắm đâu, Christina cất tiếng nói.

- Chắc chỉ lần này nữa thôi, bà Irina nói thêm vào.

- Bố cũng thông cảm mà, ông Kurt nói.

Nhưng anh cũng phải nhớ, nếu không (tức là nếu không phải ông Wilhelm đang hấp hối) anh đã chẳng được nghỉ phép đột xuất thế này. Ngồi trong xe rồi thay quân phục cũng được. Vả lại, bà nội đã mất công đánh điện tín cho trung đoàn trưởng của anh. Ừ, trời đất, chuyện ngu xuẩn hết sức, nhưng con biết ông Wilhelm thế nào rồi.

- Ta đi bây giờ hay cắm trại ở đây ạ? tay lái taxi hỏi kháy.

Anh chị lên xe.

Như mọi khi, một đám đông đứng tụ tập trước quán Núi. Chẳng ai có vé. Mọi người chuyền tay nhau chai vodka. Cả đám lắc lư theo tiếng nhạc rập rình đang từ trong lọt ra ngoài qua các cửa sổ lẫn tường nhà. Alexander cùng Christina đến nơi đúng lúc đang có bản song tấu ghi-ta "No one to depend on", nghe rầu rầu, cay cú, tuyệt hay, một ca khúc Santana mà ban nhạc Delfine ở đây chơi lại đúng như dân hâm mộ mơ ước, từng nhịp, từng âm, từng khúc, như thể đích thân Carlos Santana đang đứng trên sân khấu vậy. Bản "Fools" của Deep Purple, thậm chí bản "Hey, Joe" theo lối chơi của Jimmi Hendrix cũng vậy, dội từ trong ấy ra y hệt các bản gốc. Lúc nghỉ giải lao, cánh cửa chính mở ra và tay gác cửa - đứng kiễng trên đầu ngón chân, vác bộ mặt lạnh như tiền - bắt đầu cái nghi thức quen thuộc, tức là hắn dùng ngón tay trỏ làm một vòng trên đầu đám đông rồi nói ngắn gọn *cậu này, cậu này, và cậu này,* chỉ định ba hay bốn kẻ may mắn nào đó được vào bên trong. Đó là một nghi thức lựa chọn mà khách quán Núi ai cũng biết và chấp nhận, bất chấp, hay chính là vì tiêu chuẩn lựa chọn rất mơ hồ vậy.

Vào những lúc như thế Christina không gặp khó khăn bao giờ. Hình như nàng có đầy đủ các điều kiện để hút ngón tay trỏ của gã gác cửa về mình: tóc vàng óng, mắt xanh như làn nước, chiếc áo khoác kiêu kỳ màu xanh xám cũng như bộ váy ni-lông cực ngắn nàng cố tình mở cúc áo khoác để lộ ra, đều là hàng do chị gái nàng bên Tây Đức gửi tặng (và cũng là kết quả trực tiếp của Hiệp định cơ sở giữa CHDC Đức và CHLB Đức).

Christina bước ngay đến bên cửa và kéo Alexander theo sau. Bởi từ xưa đến giờ, bao giờ anh cũng lọt được theo nàng vào trong.

Song lần này, gã gác cửa đưa tay ngăn anh với Christina và nói:

- Dừng lại!

- Anh ấy đi với tôi mà, Christina nói.

Nhưng, thay vì chờ gã gác cửa xiêu lòng đổi ý, Alexander đã quay người bỏ đi mất.

Chà, sau khi anh *đã lại lần nữa làm hỏng hết chuyện,* Christian khăng khăng đòi thôi thì, ít nhất cũng ghé quán Hertz uống cốc rượu vang chứ. Họ tìm được chỗ ngồi thật, dù chỉ là chỗ dở hơi nhất, ở ngay giữa lối đi đối diện quầy bánh ngọt. Hai người đành ngồi ở đó uống chai Rosenthaler Kadarka dưới ánh đèn sáng choang. Christina chào hết người quen này đến người quen khác ngồi phía xa. Chốc chốc lại có người bước đến bên bàn họ ngồi, hoặc để giễu cợt mái tóc anh, hoặc để nhã nhặn hay xỏ xiên hỏi thăm anh trước khi bị anh chạy bàn bực bội xua khỏi lối đi. Với ai Alexander cũng cố giữ vẻ mặt phải lẽ, cố giữ gìn để không than phiền, không nổi cáu, không ghen (hay ít nhất cũng không để lộ ra) và dứt khoát không đả động đến chuyện bộ quân phục, bởi vì anh chỉ còn nốt một mục tiêu mà anh cố bằng mọi giá không để trượt.

Trên đường về thậm chí anh còn lấy được vẻ phấn chấn. Anh nhắc Christina nhớ lại chuyện, dạo ấy, lần đầu tiên, hai người đi nhảy ở Kellermann-Haus, sau đó anh đưa nàng về nhà, rồi nàng đưa anh ra bến xe điện, rồi anh lại đưa nàng về nhà và nàng lại đưa anh ra xe điện. Và, cũng

như dạo ấy, Christina chịu cho anh để tay lên mông nàng, anh cảm nhận thấy sự uyển chuyển của cặp mông nàng, thậm chí anh còn có cảm giác như đang chạm vào lớp ni-lông thô đầy gợi cảm của chiếc váy liền áo nàng mặc dưới áo khoác và, trong khi bầu không khí anh hít vào mỗi lúc một sền sệt, trong đầu anh đã diễn ra đủ các cảnh tượng, nào hai người kéo chiếc váy lên cao làm tình với nhau bên tủ lạnh, hoặc thong thả hơn, trong tiếng nhạc phát ra từ máy quay đĩa và ánh đèn dìu dịu. Song, lúc họ về đến nhà, lò sưởi than đã tắt, bên trong lạnh chẳng khác gì bên ngoài và Christina không chút ngại ngần trút bỏ nhanh xiêm áo để chui tọt vào chăn. Alexander nằm xuống bên nàng, tự cảm thấy ngượng ngùng như lần đầu vậy. Anh hùng hục gắng đến mức tuyệt vọng để sưởi ấm và thọc vào cửa mình nàng. Đến khi anh vừa vào sâu trong nàng, cao trào khoái cảm đã dâng lên ngay nhưng phụt ra yếu ớt.

Sáng ra anh thử lần nữa, ngay lúc còn ngái ngủ, miệng vẫn còn vương hơi rượu và mùi thuốc lá; hai người miết vào nhau và, tuy không nhìn mặt nhau, rốt cuộc, cũng cùng làm nốt đến chung cuộc.

Alexander đốt lửa lò sưởi than, xuống hai tầng cầu thang vào toa-lét và nhân tiện xách xô nước lên, rồi trong lúc Christina soạn bữa ăn sáng, anh chạy đi mua bánh mì con ở hiệu Braune. Họ ăn trứng, uống cà phê trong tách "Bonny", dù vẫn chưa hề gọi nhau bằng cái tên cưng ấy, và Alexander hỏi Christina có còn yêu anh không.

Thay vì trả lời, nàng lại hỏi, anh còn yêu nàng không. Khi hỏi, mép nàng lại nhếch lên như mỗi khi nàng nhắc đến những sách anh chưa đọc. Alexander chợt nghĩ, có lẽ Christina cũng chẳng đẹp như lâu nay anh vẫn tưởng. Thoáng nghĩ vậy, nhưng anh chẳng vì thế mà hoảng hốt chút nào.

Mười một giờ, anh chẳng nói chẳng rằng khoác bộ quân phục lên người rồi hai anh chị ra đứng chờ trước cửa. Ông Kurt cùng bà Irina đi chiếc xe Lada mới đến. Bà nội Charlotte ngồi ghế sau.

- Chà, chà, thằng cháu tôi, bà nội nói vui vẻ.

- Con thấy chưa, ông Kurt nói.

- Trông nó y hệt thằng lính Đức, bà Irina nói rồi, trước khi nhấn ga, đưa tay gạt nước mắt.

Trong xe nồng nặc mùi da giả còn mới.

Chiếc đồng hồ của xe Lada 1300 chỉ mười một giờ bốn phút.

Hôm ấy là ngày mồng 2 tháng 12 năm 1973.

Alexander còn phải năm trăm mười ba ngày nữa trong quân ngũ.

NĂM 2001

Anh đánh được một giấc ngon lành. Anh muốn nói để Marion biết. Anh nghĩ bụng, cô ấy lại đúng, nhưng nói cho cùng, cũng chả biết cô ấy đúng chỗ nào, vả lại chắc cô ấy còn đang ngủ, anh thôi, không muốn quấy. Anh xoay người lần nữa, về phía Marion, cảm thấy hài lòng vì có cô ở đây. Có điều, lúc anh mở mắt nhìn thì nửa bên kia chiếc giường đôi rộng mênh mông lại trống không.

Anh lôi chiếc gối chưa ai đụng tới về phía mình, vò nhàu nó.

Ít gì đêm qua anh cũng không đổ mồ hôi, không bị sốt, mình mẩy không thấy đau chỗ nào, chẳng thấy buồn nôn. Anh đã kịp tìm hiểu các triệu chứng trong một quán Internet, tất cả đều có vẻ không rõ ràng, không *đặc trưng* như họ viết trong đó. Nhưng, sự thật không thể chối cãi là, các hạch bạch huyết cánh tay phải anh đang lần lần sờ tới, vẫn còn sưng tấy lên đây.

Anh lôi Ohropax nhét lỗ tai ra. Tự dưng nổi cơn hứng vớ vẩn, anh nhét hai cục nút tai xuống dưới chiếc gối không ai dùng vừa bị anh vò nát kia. Anh trở dậy, rời khỏi giường.

Anh ngó ra xem mấy con chó còn đó không (à, vẫn còn).

Anh đánh răng. Gần đây, đọc trên Internet thấy nói người mắc u lympho không Hodgkin (Non-Hodgkin lymphoma) rất nhạy đối với các

bệnh lây nhiễm nên anh chỉ dùng nước khoáng đánh răng. Rồi, như bài cầu nguyện buổi sáng, đoạn viết về tuổi thọ anh đọc thấy trên Internet hiện ra từng câu từng chữ trong đầu anh đang nửa tỉnh nửa mê:

> *Tính chung cho bệnh nhân mắc các chứng u không Hodgkin, hiện nay, tỷ lệ đàn ông sống được thêm năm năm là 62 phần trăm, tỷ lệ phụ nữ là 66 phần trăm. Đây là các chỉ số trung bình, trong đó tính đến cả bệnh nhân sống thêm được mười năm hoặc lâu hơn. Bởi vậy, việc dùng số liệu này để dự đoán tuổi thọ cho từng bệnh nhân riêng lẻ là không có giá trị. Khả năng kéo dài tuổi thọ sẽ tăng lên, nếu bệnh nhân biết cách giữ gìn sức khỏe.*

Anh theo cầu thang máy từ tầng năm xuống tầng trệt. Dạo này anh ăn sáng trong khách sạn. Thay cho món cháo đặc nhiều mỡ đáng ngờ ở quán cà phê đối diện, hiện giờ anh tự làm món musli, trộn từ sữa chua, nhiều hoa quả cùng các loại cốm ngũ cốc khác nhau, đã rang chín hoặc tẩm đường, bày sẵn ở đây. Thậm chí có cả bánh mì nâu, gần giống như trong một khách sạn ở châu Âu vậy. Alexander lấy mỗi thứ một ít, dứt khoát ăn.

Anh ngồi bên cửa sổ rộng. Lúc sau thì hai cô gái người Thụy Sĩ đến. Anh quen họ trong khách sạn. Anh cũng chẳng rõ có thật muốn họ đến ngồi cùng không, nhưng trước khi anh trả lời được câu hỏi đó thì sự thể đã ngã ngũ rồi. Ba ngày quen biết sơ sơ, chẳng chút hứa hẹn nào ấy, dường như cũng đã đủ làm nảy sinh các mối liên hệ với nhau thì phải.

Vả lại, chẳng chê hai cô vào đâu được. Hai cô tên Kati và Nadja. Cả hai đều chưa đến ba mươi. Cùng đi dép xỏ ngón. Và đang lúc chu du thiên hạ. Thì ra họ đã ở châu Phi hai tháng, sau đến Brasil, Argentina, Đất Lửa, Chile, Peru, Ecuador vân vân. Hiện họ đã ở Mexico City một tuần, "Đê-Ef

", như họ nói với vẻ thành thạo, đâu đó trên đường du ngoạn họ còn học tiếng. Từ DF họ sẽ đi xe buýt đến Oaxaca, từ đó đi tiếp đến San Cristobal de las Casas hoặc Palenque (thứ tự trước sau thế nào anh chẳng nhớ rõ), nói tóm lại, xong Mexico họ sẽ bay đến Sydney rồi đáp minibus, như hai cô khoe, làm "náo loạn" miền Đông Nam Úc châu - hay Tây Bắc nhỉ? - sau đó đi New Zealand xem chim kiwi, rồi sau cùng sẽ sang Bangkok để từ đó trở lại châu Âu, nếu không hứng lên nhảy sang thăm đồng bằng sông Mekong một chuyến như quyển hướng dẫn du lịch *Backpacker* mách họ.

Hai người có quyển cẩm nang du lịch *Round-the-world Backpacker* chứa đựng đủ hết các thông tin. Sáng nào hai cô cũng dùng cuốn cẩm nang này vạch chương trình chuyến đi tới. Hôm qua họ thăm vườn hoa Chapultepec và Bảo tàng dân tộc học. Alexander chịu nghe hai cô thuyết phục mà cùng đi với họ, bởi vì, như sách *Backpacker* quả quyết, Bảo tàng dân tộc học ở Mexico City nằm trong số các bảo tàng tốt nhất thế giới, hay có thể cũng là vì anh cảm thấy vừa bị hai cô thu hút vừa bị họ làm cho chán ngán.

Thì đã bảo chẳng chê hai cô vào đâu được mà lại. Kati, người đầu tiên đang đến gần bàn anh ngồi, là một nhân vật dễ thương và thông minh. Ở khách sạn này chắc ai cũng sẽ bảo cô đẹp, nếu không tính đến nụ cười trắng nhởn, để hở hơi nhiều lợi hoặc đôi ống chân, lạy Chúa, hơi cong, cạo sạch lông và bôi dầu bóng loáng thò ra dưới chiếc váy xòe màu nâu kia.

- Hello, Kati nói, rồi ngồi xuống phía bên tay trái anh, bên chiếc bàn vuông trải khăn trắng.

Giọng cô nói to và đúng lúc chào Alexander cô mở mắt ra. Ngang trán, cô buộc mái tóc xoăn đen, mới gội, bằng một dải băng trắng, trông như băng giữ vệ sinh, để lúc ăn sáng, tóc khỏi xõa xuống mặt. Kem chống

nắng cô dùng hơi nhiều, vẫn chưa thấm hết, và cứ trông lớp vảy mỏng tang ở cuối sống mũi thì đủ biết cô quên bôi kem ở khoảng giữa cặp lông mày tỉa.

- Thế nào, hôm nay đi đâu đấy? Alexander hỏi, song lại hơi giật mình, anh hỏi thế không khéo các cô tưởng hôm nay anh cũng muốn đi theo họ.

- Chắc là đến bảo tàng Frida Kahlo[69], Kati đáp. Anh đến đấy chưa?

- Chưa, Alexander đáp, cố tỏ ra vẻ thờ ơ.

- Hình như Trotsky[70] cũng ở gần đâu đấy, Kati nói.

Nadja đến bên bàn. Nadja nhỏ hơn, nói chung mọi thứ đều "ít hơn" bạn cô, răng không trắng bằng, nhưng chắc là răng thật, màu tóc cũng ít rõ rệt hơn. Chiếc áo cộc màu tím, cổ xẻ sâu, cô khoác trên người bằng một hệ thống dây nhợ lằng nhằng tựa dây trói tù. Trông đập ngay vào mắt như thế, nhưng không hiểu sao cô cứ mờ mờ làm sao, len lén đi lại, rón rén lách người giữa các hàng ghế dãy bàn, tiếng chào từ miệng cô cất lên chỉ to hơn hơi thở chút ít và ánh mắt cứ lướt lướt qua người Alexander.

Khó mà biết đó là vì thô lỗ hay vụng trộm. Anh hơi ngạc nhiên nghe Nadja bảo cô học khoa truyền thông. Ngoài ra cô còn học Đức học, tâm lý học, Ấn Độ học và chút ít thanh nhạc (đó chính là điều anh không hiểu), trong khi Kati "chỉ" học luật, chính trị học và quản lý du lịch thôi, hay đúng hơn là đã từng học.

- Cậu nghĩ thế nào, hôm nay mình đi Frida Kahlo chứ? Kati hỏi Nadja.

Nadja nhún vai, cũng là để xốc bộ dây đeo áo lúc nào cũng chỉ chực tuột ra.

- Trotsky cũng ở gần đâu đấy, Kati giảng giải.

- Trotsky à? Nadja chúm môi.

Kati như chợt nhớ ra:

- Trotsky cũng là cộng sản. Như bà nội anh ấy.

Thật không may là Alexander đã kể hai cô nghe về bà Charlotte. Khi nghe kể ông bà anh từng là đảng viên cộng sản, Kati bình bằng một tiếng "Ô" vô thưởng vô phạt, như thể cô vô tình bước nhầm vào một toa-lét đang có người vậy. Song bây giờ cô lại thấy thú vị:

- Có khi họ quen nhau cũng nên ấy chứ, nhỉ?

- Không đâu, Alexander đáp.

Lẽ ra bây giờ anh có thể kể các cô nghe về ông Wilhelm. Về những lời đồn đại xung quanh các hoạt động tình báo của ông. Ông bao giờ cũng bác đi, nhưng đồng thời cũng lại làm thiên hạ bán tín bán nghi. Chẳng hạn, mỗi khi nhắc đến Trotsky, ông lại giữ vẻ mặt như thể ông có gì đó đáng giấu giếm thật, mặc dù chắc chắn là ông đặt chân lên đất Mexico chỉ trước khi Trotsky bị ám sát ít lâu, nếu không phải là mãi sau đó. Thế nhưng, đến cả chuyện này cũng chẳng biết thật giả thế nào. Lẽ ra anh cũng có thể kể chuyện anh, vâng chính anh đây, từng gặp kẻ mưu sát Trotsky bằng da bằng thịt trong nhà ông bà anh. Buồn cười một nỗi là chuyện cũng đúng thế thật, mặc dù mãi hai chục năm sau cuộc viếng thăm CHDC Đức của tay họa sĩ Mexico tên Alfaro Siqueiros[71] ấy, anh mới biết tay này không phải chỉ vì

“nghệ thuật tranh đấu” và “những đóng góp cho sự nghiệp của giai cấp công nhân” của gã mà phải ngồi tù ở Mexico. Gã ngồi tù vì dùng súng liên thanh toan giết Trotsky, mặc dù trong vụ này, chẳng rõ thế quái nào mà đã lọt được vào giữa phòng ngủ Trotsky rồi, gã vẫn bắn trượt.

Chuyện đó lẽ ra anh có thể kể, nhưng anh không nói gì. Anh đi lấy thêm bánh, cà phê và thêm quả trứng ăn sáng. Khi quay lại bàn anh nhận ra hai cô đã bàn xong lịch trình hôm nay, nên không hỏi nữa. Anh không hỏi, hai cô kia cũng không hỏi gì anh. Khiến anh hơi hơi tự ái. Rồi lại thấy bực mình vì đã tự ái.

Một tiếng sau anh đã ngồi trong tàu điện ngầm. Cứ như anh tính thì hôm nay phải là Chủ nhật, nhưng chẳng thấy sự yên tĩnh của ngày Chủ nhật đâu: Tàu điện ngầm thậm chí có vẻ còn đông hơn mọi ngày, người ta có vẻ hân hoan thế nào, có người đã diện quần áo màu mè lại còn mang theo cờ Mexico trên tay. Chủ nhật nào ở Mexico cũng thế này sao? Anh phải chuyển một lần tàu đến ga Indios Verdes, ở đó, bên rìa một bến xe khổng lồ là một chiếc xe buýt ọp ẹp, phía trước cắm lá cờ to quá cỡ và tấm biển viết tay: *Teotihuacán*.

Ông tài chờ khách lên đầy xe. Rồi, lúc xe đã lăn bánh trên đường, một thanh niên trẻ lần qua các dãy ghế thu của mỗi hành khách ba mươi peso mà không xuất vé.

Xe chạy qua vùng ngoại ô hay phía ngoài ngoại ô. So với vùng này, khu phố bọn trẻ lột tiền của anh có thể gọi là khu nhà giàu được. Nhà cửa ở đây trông như ụ tổ kiến, hoặc hộp giấy xám xếp bên nhau. Dây thép gai chăng dọc tuyến đường chính, không rõ để ngăn người vào hay người ra.

Đường xa hơn anh tưởng. Song anh tưởng thế nào mới được chứ? Xe đang chạy qua một vùng đất giống như thảo nguyên. Xương rồng mọc lác đác. Túi ni-lông nhiều màu mắc trên các bụi xương rồng. Rác văn minh mà lại.

Anh nhớ lại bức ảnh trắng đen bé tí chụp bà nội anh đứng trước Kim tự tháp Mặt trời ở Teotihuacán. Thật ra, hầu như chẳng nhận ra gì trong ảnh. Ảnh chụp cây xương rồng, hình như thế, bà nội anh đứng bên cạnh, quần áo sáng màu, váy trắng, áo cài sát cổ rất gia giáo, nền nếp, có nét gì từa tựa người đàn bà da trắng trong phim *King Kong và,* phía sau bà, lù lù hình bóng đen sì của kim tự tháp. Hồi ấy, khi nghe bà kể về đô thành bị bỏ hoang có kim tự tháp nằm ở giữa, anh đã hình dung thành phố này như đường phố anh sáng sáng vẫn đi nhà trẻ, vắng tanh, tối om om và những cột đèn khí vẫn còn cháy. Người đàn ông gầy gò, sáng sớm hay chiều tối vẫn đạp xe qua Neuendorf, dùng cây sào có móc ở đầu để tắt hoặc thắp đèn khí ấy dường như giống vị thần nhỏ bé và xấu xí nhảy từ kim tự tháp vào lửa để biến thành mặt trời treo trên mặt đất.

Anh mừng vì anh đi có một mình. Hôm qua ở viện bảo tàng anh thấy chật chội quá. Chắc anh không chịu nổi viện bảo tàng, kể cả viện bảo tàng thú vị nhất thế giới cũng không. Có lẽ đã đến lúc phải thừa nhận điều đó chăng? Đám đông khách tham quan, vật trưng bày, cảnh chen chúc hỗn độn làm anh ngột ngạt. Anh chẳng biết anh có nên khâm phục sự kiên nhẫn của hai cô gái Thụy Sĩ không. Theo gương hai cô, anh cũng mượn tai nghe thuyết minh đeo được một lúc để cố nghe các thông tin lẫn lời hướng dẫn, nhưng rồi bực bội tắt đi, để suốt hai tiếng liền hoàn toàn vô định len lỏi lạc lõng giữa vô số vật trưng bày và khách tham quan. Thậm chí việc thấy mình đột ngột đứng trước tấm lịch bằng đá đồ sộ và sừng sững của người

Aztek anh từng thấy khắc hình trên khuy măng sét bằng bạc của ông Wilhelm cũng không làm anh phấn chấn hơn chút nào.

Sau đấy ba người ngồi nghỉ gần cả tiếng đồng hồ trong công viên Chapultepec. Alexander chọn một chiếc ghế băng để ngồi, còn hai cô - lúc ở trong viện bảo tàng làm anh tức điên người vì cứ thì thầm rúc rích với nhau về chuyện gì đó - giờ đã ngả người xuống ngay bãi cỏ bên cạnh và nhắm mắt ngủ ngon lành. Lúc họ sau đó ngồi uống cà phê trong quán, Alexander định lái câu chuyện lần nữa sang viện bảo tàng, cốt chỉ để hai cô, nhưng trước hết để cả chính mình, thấy rằng mọi thứ nhìn thấy hay nghe được trong viện bảo tàng chẳng còn lưu lại gì trong đầu, rằng chỉ trong vòng hai chục phút là cùng - anh cầm chắc như thế - mọi thứ sẽ tan biến như làn gió nhẹ lướt qua mà thôi. Thế nhưng câu hỏi anh chợt nghĩ ra, liệu người Aztek có tin vào sự tồn tại của thiên đường hay không, thì hai cô trả lời khá rành rọt: người Aztek, theo như máy thuyết minh, tin rằng có thiên đường, và những người chết trận, người hiến sinh trên ban thờ hoặc trẻ con, như Kati bảo, sẽ được lên thiên đường. Hay như Nadja cãi, đàn bà chết trong lúc ở cữ?

Câu chuyện thiên đường dần dần chuyển thành chuyện về cái giống và khác trong quan niệm về cõi bên kia, và rồi về những nét chung riêng giữa các tôn giáo nói chung. Hóa ra, Kati và Nadja không những ít nhiều am hiểu gần như mọi tôn giáo trên thế giới, mà chính họ còn theo hay từng theo nhiều tôn giáo nữa kia. Kati từng sống hàng tuần liền trong một nhà tu của đạo Hindu. Ở Thụy Sĩ, cô tham dự đều đặn một lớp học về Phật giáo Tây Tạng; nhưng trong túi xắc cô cũng luôn mang bức tranh Đức Mẹ Đồng trinh; còn Nadja thì sùng kính Đạt Lai Lạt Ma, ở Haiti cô theo học vu thuật voodoo, ngoài ra, cô học cả phép tu Tantra của Ấn, cô tin vào khả năng

chữa bệnh của đá núi và, cũng như Kati, cô tự coi mình rất có thể là biệt phái viên của một nền văn minh ngoài trái đất nào đấy.

Điều đáng ngạc nhiên là ở chỗ, Alexander nghĩ bụng, hai cô xem mọi chuyện đó sao dễ dàng thế, chấp nối mọi sự sao nhẹ nhàng, tự nhiên thế, giáo phái toàn cầu mới ấy sao lâng lâng thông thoáng, như một bức tranh phác họa bằng thuốc nước vậy. Và, trong khi ngồi trong xe buýt đến Teotihuacán, anh nhớ lại cuộc chạm trán khó nhọc, điên rồ và dữ dằn của chính mình với *nó* dạo ấy, vào cái mùa đông giữa hai thế kỷ, khi mọi thứ đều tan nát và chim trời, nói thật không ngoa, rơi từ trên trời xuống đất. Anh gắng nhớ lại giây phút *nó* - ừ, thật ra nó là cái gì nhỉ? - chạm vào anh, quay nhìn về phía anh, hay chỉ là đánh tiếng với anh? Anh không còn biết nữa. Giây phút ấy tuột khỏi ký ức tự lúc nào. Anh chỉ còn nhớ đến lúc trước và lúc sau. Anh nhớ anh đã nằm ròng rã hàng bao nhiêu ngày (tính ngày thôi ư?) trên sàn một căn phòng ọp ẹp nào đó để bất lực chờ các cơn đau cắn xé từ trong ra, anh nhớ đến bóng tối, đến xương chậu nhức nhối. Và anh cũng nhớ đến cái sau đó, đến cảm giác được giải thoát, được khai sáng, anh nhớ đến cái buổi sáng anh xách hộp tro ấm ra sân sau, đứng đó và ngước nhìn lên nhìn thấy nó, bên trên ấy, trong những nhánh cây dương đen sì.

Quá trình hóa học trong cơ thể chăng? Cơn điên khùng cực độ ư? Hay giây phút khai sáng? Sau đấy anh đi lang thang hàng ngày liền trên đường phố với nụ cười của kẻ u mê trên mặt, cột điện hoen gỉ nào đối với anh cũng như một kỳ quan, cảnh tượng những toa tàu màu vàng chạy xành xạch dọc đường tàu trên cao ở đại lộ Schonhauser làm anh hân hoan hạnh phúc và trong ánh mắt những đứa trẻ không chút ngượng ngùng nhìn thẳng vào khuôn mặt cười cợt của anh, anh đã nhiều lần nhìn thấy nó, cái mà anh - người được giáo dục cách nhìn đời vô thần - không tìm được lời để gọi.

Phải chăng tội lỗi của anh nằm ở sự ngạo mạn? Phải chăng là vì anh thật sự nghĩ anh đã miễn dịch với mọi thứ? Hay là vì anh cố tình lờ đi, không thèm để ý đến nó nữa? Phải chăng nó đòi anh phải hối cải? Phải chăng anh phải học cách đón nhận thông điệp đó? Và gọi tên nó, một cách thanh thản như hai cô người Thụy Sĩ kia?

Bãi đậu xe ở ngoại vi thành Teotihuacán nhiều xe con, xe buýt hơn Alexander tưởng, nhiều hơn là anh lo ngại. Khách đến thăm đi thành từng đợt qua các hàng bán quà lưu niệm để đến lối vào. Vé vào cửa. Nóng nực. Bụi bặm. Dòng khách du lịch chậm rãi diễu qua Đường Người Chết, trục giao thông chính của thành phố xưa kia. Đường phố có bậc thang, vì người Aztek xưa không biết đến xe có bánh. Bởi vậy trên đường phố chính rộng rãi và lát đá tảng cho đến tận giờ vẫn không có xe cộ chạy. Ngay cả những người bán quà lưu niệm đứng đầy bên phải bên trái con phố dưới nắng chiếu chói chang đều phải mang vác sò hàng hóa nhỏ nhoi của họ đến đây, bày bán trên những chiếc bàn xếp đơn sơ, quàng trên người hoặc xếp trên những chiếc khay mang trước bụng.

Một người bán rong bắt chuyện với Alexander, bám theo anh một lát. Người đàn ông tạng bé nhỏ, không còn trẻ nữa. Móng tay anh ta đen sì, y hệt mấy con rùa đẽo từ đá thủy tinh núi lửa anh ta chào bán. Đây là thứ đá xưa kia dùng để làm dao cho các giáo sĩ moi tim từ lồng ngực người sống nộp mạng cúng thần. Alexander cầm con rùa lên tay, không phải để ngắm nghía, để thử xem cái cảm giác chạm vào đá thủy tinh núi lửa nó ra sao thì đúng hơn. Người đàn ông lải nhải, cam đoan tự tay khắc con rùa ấy, rồi tự giảm giá, từ năm chục xuống bốn chục peso, ngang bốn đô-la. Alexander trả tiền, mua con rùa.

Lát sau anh đã đứng trước Kim tự tháp Mặt trời, chắc hẳn phải gần đúng nơi bà nội anh đã đứng sáu mươi năm về trước và tự hỏi, không biết anh muốn gì ở đây. Chẳng lẽ anh đần độn đến mức hy vọng trên đỉnh tháp kia không có ai? Để anh có thể đứng, dù chỉ trong giây lát, một mình với tảng đá? Anh chẳng biết nữa. Anh đứng sững ra đó nhìn tòa kim tự tháp. Anh nắm gọn mu con rùa đá trong lòng bàn tay như nắm chuôi dao. Rồi, trước khi sự vô vọng kịp làm anh nản lòng, anh xăm xăm bước tới. Trước mắt anh loang loáng hai chiếc giày dã ngoại màu nâu, chiếc này bám đầy bụi, chiếc kia sạch hơn... Hai trăm bốn mươi tám bậc cả thảy để lên đến đỉnh ngọn kim tự tháp lớn thứ ba thế giới này. Hình như anh đã đọc vậy đâu đó trong quyển cẩm nang du lịch *Backpacker* thì phải. Anh chỉ nhẩm đếm chiếc giày sạch. Anh phải cố bằng được để không bỏ cuộc giữa chừng. Ít nhất là thế! Thế nhưng, các bậc thang do dân da đỏ xây nên rõ ràng đã vi phạm mọi định chuẩn công nghiệp của Đức. Anh cảm thấy anh đã tham lam quá. Anh biết cái gì đang xảy ra trong cơ thể anh, đến lúc nào đó nồng độ muối axit lactic sẽ tăng lên trong cơ bắp. Bắp đùi sẽ mỗi lúc một đau nhức, mỗi lúc một rệu rã. Anh cố chống lại sự mệt mỏi ấy, như thể anh có thể đánh lừa chính cơ bắp anh vậy. Bước chân anh chậm dần. Tim anh đập hối hả, dội thình thịch lên đầu. Phổi có vẻ không còn đủ dung tích nữa. Anh đã đếm được chín mươi sáu lần chiếc giày sạch, song khi cơn ho nổi lên thì anh đành chịu thua, ngồi bệt xuống.

Hai tay ôm đầu, anh ngồi nhìn những tảng đá vuông vắn xám xịt, rỗ lỗ chỗ, được xếp làm thành bậc thang. Những người lúc nãy anh bỏ lại sau bây giờ đang vòng bên trái bên phải để vượt lên. Các bà các cô phần lớn mang dép xỏ ngón. Một người mang giày đế phẳng, một người khác giày cao gót đỏ. Rồi lại dép xỏ ngón, hai đôi hùng hổ đi về phía anh, một đôi màu đen, đôi kia màu tím...

Đôi màu đen dừng lại, đôi ống chân hơi cong, trơn tru nhẵn nhụi, bôi dầu bóng loáng.

- Anh khỏe thật đấy, Kati cất tiếng nói.

- Tôi tưởng các cô định đến chỗ Trotsky kia mà, Alexander ngạc nhiên.

- Đông quá, Kati đáp. Hôm nay quốc khánh.

Hai cô, thậm chí cả Nadja, tỏ ra mừng rỡ vì bất ngờ gặp anh ở đây. Chắc hai cô đều nghĩ anh sẽ đi cùng lên đỉnh tháp, cho nên khi biết anh không đi theo họ, mới đầu hai cô ngỡ ngàng, thậm chí hơi ngượng ngùng, sau lại tỏ ra hơi lo lắng.

- Anh mệt à, có chuyện gì vậy?

- Không, không có gì đâu, Alexander đáp. Tôi ngồi chờ ở đây.

Anh ngồi lại trên bậc thang, nhìn ngó xung quanh. Nhìn mọi người vòng sang hai bên, tránh chỗ anh ngồi để leo lên tiếp. Người đội mũ lưỡi trai mềm, người đội mũ sombrero mới mua, người mặc quần cộc. Người đeo ba-lô và máy ảnh, người mập mạp mặc áo phông, người bò bằng cả tay lẫn chân, người mồ hôi mồ kê nhễ nhại, người dắt theo trẻ con tay cầm cờ Mexico nho nhỏ (Quốc khánh mà!), đàn ông mang dây chuyền vàng, ông già chống gậy, người nói tiếng Mỹ rất to, người chẳng biết mô tả thế nào cho đúng, người trẻ tuổi mặt mũi nhợt nhạt, râu đã hai ba ngày chưa cạo, đàn ông da nâu mặc áo màu mè, một người phụ nữ quàng khăn, một anh thanh niên trẻ tóc xoăn tay cầm quả dứa, một nhóm đàn ông Nhật mặc com-lê, các cô gái trẻ mảnh mai mặc áo ngắn hở bụng, các cô gái béo nẫn, cũng mặc áo ngắn hở bụng. Họ leo, họ bò, họ loạng choạng, họ xăm xăm, họ lò

cò, họ trườn lên chỗ đó, trên đỉnh tháp Teotihuacán ấy, *nơi người sẽ hóa thành Thần,* rồi lại đi xuống, bộ dạng bên ngoài trông chả khác gì so với trước.

- Thế nào? Alexander hỏi.

- Kinh thật, Kati đáp. Khung cảnh thật ghê.

Cả ba cùng đi xuống. Họ đi đến hết Đường Người Chết. Nadja đọc to từ cuốn cẩm nang *Backpacker* (tóm tắt, bằng tiếng Anh, đó là câu chuyện về vị thần đã hiến sinh để biến thành mặt trời của thế giới thứ năm). Trong một quán hàng lưu niệm lớn ở lối ra, cô mua một cái mặt nạ làm bằng đá thủy tinh núi lửa, màu đen, trông vẻ gớm ghiếc, vì nó làm cô nhớ đến mặt nạ voodoo ở Haiti.

Kati mua sợi dây chuyền đá thủy tinh núi lửa đeo cổ, rất hợp với mái tóc sẫm màu của cô.

Ở đây họ cũng chào bán rùa làm từ đá thủy tinh núi lửa. Cố để hai cô không thấy, Alexander lén đặt con rùa của anh vào giữa đám rùa đá bày la liệt cả trăm con trên mặt quầy tại lối ra vào.

Chỗ này, mỗi con giá hai mươi nhăm peso.

NĂM 1976

Giá bây giờ Irina có phải kể về nguồn gốc mấy quả mơ chị thái miếng vào buổi sáng ngày lễ Giáng sinh để nhồi cùng với mấy thứ hoa quả khác vào thân con ngỗng bỏ lò nướng, thì chắc chị sẽ phải bắt đầu câu chuyện từ đầu, với đầy đủ ngọn nguồn của nó.

Câu chuyện này Kurt kể đi kể lại không biết bao nhiêu lần. Irina cũng chẳng còn nhớ chị nghe anh kể chuyện này lần cuối là bao giờ. Chuyện từ mùa thu năm 1943, một cây to đổ, nhánh đè giập chân Kurt. Viên thiếu úy trẻ tuổi Sobakin đã cứu sống anh bằng cách thu xếp cho anh, đằng nào lúc bấy giờ cũng đã kiệt sức, không phải đi nằm trạm xá (ở đó suất bánh mì còn ít hơn nữa) mà đến trực đêm tại lò nấu nhựa đường suốt ngày có lửa đốt. Làm ở đấy còn béo bở ở chỗ, ngay gần đó là một cánh đồng khoai tây. Về sau, khi hình phạt dành cho Kurt chuyển thành "đày chung thân", anh vẫn thường ngồi chơi cờ với Sobakin, nay đã đeo lon đại úy, trong văn phòng của ban quản lý trại, tranh luận thẳng thắn một cách khá bất ngờ, như Kurt nói, về lẽ công bằng và chủ nghĩa xã hội. Hai người kết bạn với nhau, sau lại chia tay nhau vì phải lòng cùng một người, tức là chị vậy, Irina Petrovna đây.

Sau khi chuyển về CHDC Đức họ đứt liên lạc với Sobakin. Anh ta trở thành một nhân vật trong các giai thoại, nhân vật của một thế giới mỗi ngày một trở nên xa vời, trắc trở và phi thực, cho đến một ngày nóng nực của năm nay, vào khoảng ba rưỡi chiều gì đó, Kurt nhận được cú điện thoại

từ Bộ An ninh quốc gia và một giọng nói hồi hộp hỏi anh có phải đúng là Kurt Umnitzer, từ năm 1941 đến 1956 ở Slava, Bắc Ural hay không: Có vị tướng Liên Xô muốn nói chuyện với anh.

Sobakin đã phát phì, nặng thêm cả đến trăm ký. Ông ta mừng rỡ bởi cuộc tái ngộ, ôm Irina chặt đến mức suýt làm chị ngạt cả thở, ông sung sướng như đứa trẻ về các thành công khoa học của Kurt (ông vẫn chả gọi Kurt là *umniza* - có nghĩa gần như là "kẻ ranh khôn" trong tiếng Nga - đấy thôi?), thản nhiên chiếm chỗ Kurt vẫn ngồi trên ghế bành, cạn sạch cả một chai vodka và phun ra những thứ kỳ quái về thế chiến mới mà theo ông ta, khỏi bàn gì thêm, chắc chắn sắp nổ ra. Rồi, lúc chia tay, ông ta vô tình đấm một quả làm lõm hẳn một chỗ to bằng cái tô trên nóc chiếc xe Lada hầu như còn mới nguyên của anh chị.

Không biết có phải vì chỗ lõm trên chiếc Lada hầu như còn mới nguyên ấy, hay vì vấn đề lẽ công bằng và chủ nghĩa xã hội, hay vì một nguyên do nào khác mà hai tháng sau, bưu điện đưa đến nhà anh chị ở phố Fuchsbau một bưu kiện lớn nặng như gói gạch, trong đó không chứa gì khác ngoài trứng cá đen của Nga.

Số trứng cá đó anh chị Kurt chỉ xài một phần nhỏ (trứng cá anh chị chỉ ham ở mức vừa phải, bởi vì, làm thế nào mà đúng mùa hè sau khi Stalin chết, một toa tàu đầy trứng cá đen, nói như dạo ấy, được "phân phối" đến Slava, dù ở đấy cái ăn thường ngày cũng chẳng đủ nữa là. Anh chị Kurt tọng trứng cá vào miệng nhiều đến nỗi Irina mắc chứng gì như sốc đạm và lo ngay ngáy hàng tháng giời, không biết đứa con anh chị thụ thai ngay dạo Stalin chết liệu có mắc dị tật gì do mẹ bị bội thực trứng cá hay không.) Vâng, anh chị chỉ xơi một phần rất nhỏ số trứng cá đó, một phần lớn hơn họ dùng để chiêu đãi bạn bè vào các bữa sáng thịnh soạn thường

diễn ra sau những bữa tiệc vui quá đà. Song, phần lớn số trứng cá của Sobakin được dùng làm quà biếu xén hay của trang trải những món hàng chỉ có thể mua được qua nhiều dịch vụ rắm rối diễn ra kín đáo ở các cửa sau mà thôi.

Irina dùng trứng cá đổi được cho phòng trưng bày Am Stern lấy một lô đồ sứ Waldenburg, được nung lò bằng bụi tro nóng, nhiều người chuộng. Chị đem số đồ sứ này đổi được một lô cửa sổ áp mái; số cửa sổ áp mái còn dư ra không dùng đến, chị chở sang Finsterwalde đổi lấy một số cửa sổ áp mái rộng hơn (khoảng 100 phân); số này ông đánh cá Eberling ở Groβzicker trên đảo Rugen đến chở đi, để lại cho chị một thùng lươn do ông ta hong khói trộm trong cái lò giấu sau nhà để xe.

Bà Nadezhda Ivanovna, do mới sang CHDC Đức chưa được bao lâu và muốn để mọi người biết bà không hề có đòi hỏi gì cao, xơi hai con trong số lươn hong khói đó (các vị cứ ăn bánh ngon lành đi, tôi nhai mấy con rắn này được rồi). Irina để dành ba con cho Sasha, nhưng cậu ta tuyên bố không muốn ăn vì "kính trọng lòng ham sống của loài lươn" (lươn, trước đây cậu ta vẫn chén ngon lành!). Ông hàng thịt được ba con, ông này vẫn thường gói riêng cho Irina những gói gọi là "kín", chứa đôi thứ không nên để các khách hàng khác trông thấy (như thịt mông, thịt thăn xông khói hay thịt đùi nấu chín chẳng hạn). Ba con cho tay thợ sửa xe ô tô, một con cho ông bán sách và hai con cho chị đồng nghiệp cũ, mấy quả mơ khô chính là từ vườn cây của bố chị này mà ra, chưa kể mộc qua lẫn lê mùa đông dày vỏ. Irina gọt vỏ và xắt miếng mấy thứ quả này rồi trộn với mơ chị ngâm từ trước, thái đôi mấy quả vả chị mua được ở cửa hàng Nga, thêm nho khô (chị dùng thay nho tươi), hạt dẻ (tự tay chị nhặt ở mấy ngọn đồi làng Caputh) cùng cam Cuba (chị cứ thế mua ở cửa hàng!) là thứ cam nhiều xơ nên phải thái nhỏ, rồi cho tất tật vào chảo, đảo rán qua với thật

nhiều bơ, sau đó làm nguội bằng cognac xứ Armenia; mọi thứ đó được nhồi chặt vào con ngỗng chị đã chuẩn bị sẵn theo một công thức cổ có từ ba trăm năm nay, và nghe đâu do các tu sĩ xứ Burgund[72] nghĩ ra nên được gọi là món *ngỗng thầy tu Burgund*.

Con ngỗng phải đến năm ký, nhưng lúc đẩy con vật đã vặt sạch lông, rửa ráy sạch sẽ, ướp muối, thân nhồi đầy và xiên kỹ càng vào lò nướng, Irina vẫn băn khoăn không biết có đủ cho mọi người ăn không. Chị nhẩm tính, cả thảy có bảy người: ngoài ông bà Charlotte, năm nay có thêm mẹ chị, lại còn Sasha với con bé mới của nó nữa.

Irina tính phải đem xào nốt nội tạng con ngỗng, cả tim gan lẫn mề. Mọi khi chị vẫn để mọi thứ đó ngày hôm sau mới xào, để cùng ăn suốt mấy ngày lễ Giáng sinh với phần thịt ngỗng chắc chắn sẽ còn thừa. Ngon tuyệt! Chị khoái cắn miếng mề sần sật lẫn nếm vị gan ngỗng ngòn ngọt. Kurt ngược lại, chúa ghét những thứ nội tạng đó, cũng như gặm xương lẫn thức ăn hâm nóng lại là anh không thích, dù chẳng nói ra lời. Song, chị biết tính anh, anh không ưa cái lối hai ngày liền ăn mãi một món.

Irina thái bộ lòng ngỗng thành nhiều phần nhỏ, rắc thêm rõ nhiều tiêu rồi cho cả vào mỡ dừa đang sôi trên chảo, đoạn vặn nhỏ lửa để bắt tay pha nước màu, là thứ căn bản nhất, quan trọng nhất để nướng ngỗng. Đây là một thứ nước màu pha từ cognac, mật ong và rượu vang Bồ Đào Nha, nhờ đó mà thịt ngỗng nướng sẽ được bọc một lớp vỏ cứng, tạo thành từ mật ong và đường hoa quả. Các thầy tu Burgund xưa kia cũng biết hưởng thụ ra trò đấy chứ. Mà xứ Burgund nằm đâu nhỉ?

Ngoài món ngỗng Burgund, các món ăn ngày lễ Giáng sinh khác đều là món ăn thuần kiểu Đức. Ngoài bắp cải tím và cải xanh, còn có món bánh khoai tây nghiền Thuringen (là thứ khó làm nhất trong các loại bánh

khoai tây nghiền), khoai tây cho Kurt vì anh không ăn bánh khoai tây nghiền, lại thêm món nộm củ cải đỏ khai vị, chè yến mạch tráng miệng và bánh nướng nhân nho khô Giáng sinh tự tay chị làm để dùng lúc uống cà phê. Và, thứ nào cũng dư thừa, bởi Irina không sợ gì bằng sợ nghe câu hỏi *chả biết có đủ cho mọi người ăn không*. Suốt cả thời niên thiếu chị đã phải luôn tự hỏi như thế. Suốt cả thời niên thiếu chị đã phải xếp hàng mua bánh mì; suốt cả thời niên thiếu chị phải nhai khoai tây sắp thối (bởi lúc nào cũng phải ăn khoai tây sắp thối *trước*, đâm ra *lúc nào* cũng chỉ được ăn khoai tây sắp thối); suốt cả thời niên thiếu chị phải ngong ngóng chờ từ ngày sang đông cho đến lúc băng giá đổ xuống, bởi vì cả nhà sẽ chỉ thịt con lợn gầy bà Marfa nuôi suốt cả năm bằng bã thức ăn - mà nếu đã phải thịt thì bao giờ cũng hối hả - khi ngoài trời lạnh đến âm năm mươi độ và cả chân lẫn móng con lợn nhốt trong chuồng lát gỗ mỏng bị cóng cứng hết cả một lượt.

Khổ thân con lợn, Irina nghĩ bụng.

Chị bóc bỏ lớp vỏ ngoài rồi lấy một con dao to, dùng tay đè mạnh lên sống dao cắt cây bắp cải tím làm đôi. Và trong một hơi thở dài, lần nữa chị cảm thấy hãnh diện vì mình quả thật đã thoát ly khỏi cảnh sống đó - chị, Irina Petrovna, chính đứa con gái dạo nào từng luôn bị trêu chọc vì mái tóc đen xoăn làm lộ *tông tích bố đẻ của mình* ấy.

Cánh cửa phòng bà Nadezhda Ivanovna mở ra cùng một tiếng ken két kéo dài. Bà vào bếp:

- Pomoch tebe?

Chị có cần bà giúp không. Nhưng Irina chẳng cần mẹ giúp, thậm chí ngược lại, bà làm chị khó chịu vì cứ tò mò nhòm nhòm ngó ngó xem chị làm gì.

- Để bộ lòng còn thừa cho tôi đấy, bà Nadezhda Ivanovna nói, giọng như ra lệnh.

- Kìa mẹ, Irina gắt, ở nhà đây mẹ không phải ăn của thừa bao giờ, mẹ hiểu không.

Bà Nadezhda Ivanovna bỏ đi, cánh cửa vào phòng bà lại rít lên. Phải gọi thợ đến sửa mới được, Irina nghĩ bụng, bởi chị biết, tiếng rin rít ấy không phải do bản lề khô mỡ mà là do tấm bản lề dưới bật ra cọ vào khung cửa.

Chị bắc chảo xào bộ lòng ngỗng trên bếp xuống, thêm bột ớt tây làm gia vị (bao giờ cũng phải gia bột ớt tây sau cùng, nếu không sẽ mất mùi thơm!) rồi trộn với bắp cải tím thái nhỏ, thêm táo nạo, ít muối, ít đường, bỏ hành vào nồi, sau đó rót rượu vang đỏ và nước nóng vào. Chị dừng tay rót cho mình cốc bia, lúc nấu ăn chị chả thích uống bia mà - và nếm một chút lòng còn nóng, nhưng ngon tuyệt... Nào có phải chị không muốn để lại cho mẹ chị ít lòng. Sự thể là ở chỗ bà coi việc ăn bộ lòng như một sự *hy sinh*. Irina không muốn mẹ chị phải hy sinh như thế. *Hôm nay cả mẹ cũng ăn ngỗng Giáng sinh như mọi người* chị nghĩ thầm và chợt bắt quả tang mình đang tưởng tượng ra cảnh mắm môi mắm lợi nhét miếng thịt ngỗng to tướng vào miệng mẹ.

Kurt xuất hiện ở ngưỡng cửa, trên người vẫn mặc quần áo lao động - cứ như thể trang trí cây thông lễ Giáng sinh là *công việc nặng nhọc* lắm không bằng. Anh gọi chị sang phòng bên, xem cây thông có vừa ý chị không.

Kurt vẫn đảm nhiệm việc trang trí cây thông Giáng sinh từ ba năm nay đến giờ. Thật ra thì sau ngày Sasha ra ở riêng, anh đã muốn thôi, không dựng thông Giáng sinh nữa, nhưng Irina đòi giữ phong tục ấy cho bằng được. Lễ Giáng sinh sẽ còn vui hơn ấy chứ! Lễ Giáng sinh mà không có cây thông thì còn ra cái gì nữa? Cây thông và ngỗng bỏ lò là hai thứ không thể thiếu trong dịp lễ Giáng sinh, và mặc dù Irina không ham gì các cuộc viếng thăm hằng năm của bố mẹ chồng, mặc dù ngay bây giờ chị đã cảm thấy bầu không khí sượng sùng năm nào cũng bao trùm bàn tiệc, do các câu chuyện gắng gượng, do vẻ vui mừng rất kịch của mọi người khi mở các bọc quà gói ghém cẩn thận (trừ ông Wilhelm là người năm nào cũng kịch liệt phản đối tặng quà nhận cáp, nhưng rồi năm nào cũng được tặng một chai Stolichnaya và một hộp xúc xích vùng Eberswalde, thứ xúc xích mà rốt cuộc ông ta, phần miễn cưỡng, phần khoái trá vẫn bỏ miệng, hay nói cho đúng hơn, nhờ bà Charlotte đút vào miệng). Mặc dù những cảnh tượng đó, nói cho cùng, diễn ra thật ngượng ngùng, cực nhọc, và ở mức độ nào đó hết sức ngu xuẩn, Irina vẫn khăng khăng đòi làm cho đúng điệu, vâng, thậm chí chị còn thích thú là đằng khác, dẫu chỉ là vì cái cảm giác khoan khoái ắt ào đến sau khi bố mẹ chồng ra về, chị sẽ được hưởng cái giây phút Kurt mở cánh cửa sổ và hai anh chị, mồ hôi mồ kê, mệt mỏi và no kềnh no càng, buông người xuống ghế bành ở góc nhà, châm điếu thuốc và cầm ly cognac trên tay cùng nhau cười nhạo ông bà Wilhelm.

- Trông không cầu kỳ quá chứ? Kurt hỏi.

- Cây đứng có vẻ nghiêng, Irina đáp.

- Thì rõ rồi, nhưng em không thấy hơi nhiều thứ quá chứ?

- Có gì đâu, Irina nói rồi nghiêng đầu ngắm nghía cây thông nghiêng, cành phủ đầy bông giả làm tuyết, giăng dây kim tuyến và treo lủng lẳng những quả cầu thủy tinh nhiều màu. Thông Giáng sinh bao giờ cũng vẫn thế, mặc dù cây thông do Kurt chọn mua trông chả khác nào con ma: hễ trời đổ tối và nến điện thắp sáng lên thì sẽ chẳng thấy có gì khác thường nữa cả.

- Chỗ dây kim tuyến, Irina nói, anh phải làm sao đừng tụ tập thế kia.

- Vâng ạ, Kurt đáp, dây kim tuyến không được tụ tập thế kia.

- Em lại nói sai cái gì nào?

- Có gì đâu, Kurt nói và mỉm cười, một nụ cười bao giờ cũng pha chút ranh mãnh, hừ, thậm chí còn - không biết gọi thế nào cho đúng nhỉ? - đêu đểu thế nào đó, bởi vì khi ấy, con mắt chột của anh hơi lồi ra một chút. Dạo ấy, lúc lần đầu tiên thấy anh trong chiếc quần và áo bông sờn rách đứng trước mặt, chị không thể nào tin gã đàn ông trông đêu đểu này một ngày nào đó sẽ thành chồng chị.

Irina rửa bắp cải và nhúng qua nước nóng để lá giữ nguyên màu xanh. Chị vừa nếm miếng lòng xào vừa nghĩ bụng, mình phải kiên nhẫn hơn với mẹ mới phải. Bực bội với bà chẳng được tích sự gì, cái xứ Slava nơi bà Nadezhda Ivanovna từng sống biến bà thành người bướng bỉnh như

thế. Mà nói cho cùng, mẹ còn sống đến giờ cũng là may lắm rồi. Irina nhớ lại chuyến chị về Slava gần đây, mới mấy tuần trước thôi, để đón bà Nadezhda Ivanovna. Slava - tiếng Nga nghĩa là Vinh quang - chả hiểu sao lại đặt tên như thế cho cái nơi toàn dân bị đày ải lẫn đám tội phạm hết hạn tù cư ngụ! Chẳng có gì thay đổi sất. Vẫn những đường phố lát đá hòn lổn nhổn ấy, vẫn những ổ gà to tướng chỉ chực làm xe lật nghiêng khi chạy qua ấy, vẫn những thói tục thô kệch, vẫn đám dân lười biếng ấy, vẫn những kẻ say mèm ngồi trên vỉa hè lát ván gỗ trước các quán hàng, lè nhè buông lời sàm sỡ bình phẩm bộ cánh chị mang trên người ấy.

Dạo tháng Ba, Petya Shishkin, người bà con xa cuối cùng của Irina còn lại ở chốn này, bị cướp. Vào lúc nửa đêm, trời lạnh đến bốn sáu độ dưới không, bọn cướp lột hết quần áo, chừa lại cho ông ta độc chiếc quần lót. Petya, tất nhiên là say, gõ cửa cầu cứu hết nhà này đến nhà khác đều không được, cuối cùng phải chịu chết cóng ngoài đường.

Xứ sở Slava là thế. Quê hương chị là thế.

Và, trong lúc vớt bắp cải ra cho ráo nước, chị sực nhớ đến cái thời từng diễn ra như một cơn ác mộng, cái thời chị mù quáng, đến mức thật sự sẵn sàng bỏ mình hy sinh ngay cho mảnh đất quê hương ấy: *Vì Tổ quốc, vì Stalin! Hu ra!*

Irina lắp cối vào thân máy xay thịt và đang định thái bắp cải xanh để xay thì Kurt vào báo tin các con vừa đến.

Chị chùi nhanh tay vào tạp dề rồi bước ra hành lang. Kurt đã kịp mở cửa ngoài. Sasha bước vào trước. Irina thầm nghĩ, cậu ta khoác chiếc áo măng-tô lông cừu trông như một vị công tước Nga, gương mặt hơi tái vẻ quyền quý, mái tóc đen xoăn đã kịp mọc dài trở lại sau một thời gian rời

quân ngũ, mái tóc xoăn người di-gan mà Irina cũng có và suốt một dạo cứ lấy làm xấu hổ, mãi đến khi tuổi đã muộn màng, tóc đã bắt đầu đổ bạc chị mới nhận ra ưu thế của nó. Sasha dừng lại ở cửa ra vào, chờ đợi trong giây lát và nhường bước đẩy *cô người yêu mới* vào phòng trong.

Cho đến giờ, Irina chỉ biết rất ít về cô mới này. Cô nàng tên Melitta (như tên hãng giấy lọc quảng cáo trên truyền hình Tây Đức) và, cũng như Sasha, đang học ở Đại học Humboldt. Và, cô ấy là *người đàn bà của đời con,* theo như Sasha mới sau ba tháng làm quen đã kịp cam đoan. Cũng có thể vì lời cam đoan ấy, nhưng cũng có thể do xem quảng cáo túi giấy lọc nên Irina đã tưởng tượng sẵn trong đầu một hình ảnh thế nào đó về cô, thế nhưng, vừa nhìn thấy cô, thì dù hình ảnh trong đầu chị có mơ hồ đến thế nào đi nữa, chị vẫn biết ngay đây không phải là người như chị vẫn tưởng.

Cô gái trẻ đang chìa bàn tay phải nói là ít trau chuốt ra cho Irina đây là một người nhỏ nhắn, không có gì đặc sắc, tóc vàng xỉn, môi xám ngoẹt và nét duy nhất nổi bật ở con người này là đôi mắt chăm chú màu xanh lục.

- Có cần cởi giày không ạ? cô người yêu mới hỏi.

- Vào nhà chúng tôi, không ai phải cởi giày cả, Irina nói với một vẻ chê bai không giấu giếm, bởi chị rất ghét cái lối đòi khách vào nhà phải cởi giày. Đấy là kiểu cách nhỏ mọn nhà quê. Và, nếu có ai đòi chị, Irina này, cởi đôi giày chị đã chọn kỹ càng sao cho hợp với bộ cánh trên người rồi xỏ chân vào dép để lê lết đi trong một căn hộ lạ hoắc nào đấy, thì hậu quả tất yếu của việc này là, chị sẽ không bao giờ đặt chân vào căn hộ ấy nữa.

Nhưng, cũng phải nói cho ra nhẽ rằng đôi giày phẳng, trông như hai quả dưa chuột cô bé Mới mang trông cũng chẳng khác dép lê trong nhà là

mấy.

- Vào nhà chúng tôi, không ai phải cởi giày, Irina nhắc lại.

Song cô bé Mới, nhanh nhảu, vẫn cởi giày ra, miệng than phiền ngoài đường bẩn kinh người. Giờ đến lượt Sasha cũng lưỡng lự, không biết có nên cởi giày không.

- *Nu eshschyo by,* Irina khẽ rít qua kẽ răng. Lại cả anh nữa.

Sasha nhìn cô bé Mới, lại nhìn sang Irina. Nhún vai. Nhưng không cởi giày ra nữa.

Cô bé Mới mang theo hoa tặng Irina; tuy chỉ là mấy nhánh hoa cúc khẳng khiu thảm hại, nhưng còn hơn không. Irina lịch sự cảm ơn, rồi trong khi mọi người còn loay hoay ngoài hành lang, chị lẳng lặng đem lọ hoa cắm mấy bông cúc tây nở sắp tàn trên bàn ăn cất đi và tìm một lọ hoa khác. Lúc chị đem lọ hoa cúc mời được tặng vào phòng thì Kurt đang giảng giải về cây thông anh trang trí. Trong khi hầu như chẳng bao giờ kể về công việc của mình, anh lại thường dông dài không dứt về những chuyện vớ vẩn, chẳng ra đâu vào đâu như thế.

Sasha khen cây thông "hoàn toàn okay", còn cô bé Mới cứ há hốc mồm nhìn nó không rời mắt.

Kurt bảo phải chạm cốc nhân dịp cô bé Mới ra mắt cả nhà. Anh hỏi hai cô cậu uống gì, nhưng cô bé Mới chỉ xin "một cốc nước lã thôi ạ". Kurt nói:

- Ai chạm nước lã bao giờ.

Hai thanh niên liếc nhìn nhau, rồi, gần như đồng thanh, "Vậy cho con xin ngụm rượu vang đỏ."

- Mừng lễ Giáng sinh, Kurt nói.

- Mừng đấng Tối cao, Sasha nói.

- Cảm ơn hai bác, cô bé Mới tiếp lời.

Còn Irina nói lớn:

- Nâng cốc nào, cứ tự nhiên nhé, ở nhà này không ai khách sáo với nhau cả.

Irina khi đứng bếp bao giờ cũng mở toang cửa. Nếu không phải đang lúc mỡ sôi hay máy gì đó đang chạy thì chị nghe rõ tiếng người nói từ phòng khách, hầu như chỉ nghe tiếng hai bố con Umnitzer. Hai vị này đã nói thì chẳng mấy ai chen vào được, lúc nào hai vị cũng có chuyện để góp, lúc nào hai vị cũng to mồm, vị nào cũng có tin gì đó sốt dẻo. Lần này, tin sốt dẻo là tin buổi hòa nhạc của Biermann[73] ở Koln. Chuyện ồn ào quanh vụ Biermann đã đến lúc làm Irina ngán đến tận cổ, bởi vậy, vừa xay bắp cải xanh trong cối xay thịt, chị vừa ngẫm nghĩ về trang phục của cô bé Mới: chiếc váy vải nhung màu nâu, quần tất len cũng nâu, dày cộp - không biết con bé mặc cái gì bên trên nhỉ? Một thứ áo gì chẳng ra áo, màu gì chẳng ra màu. Và, tại sao chân đã ngắn mà nó lại không chịu đi giày cao gót cho tôi nhờ? Thằng Sasha nhà chị thích như thế ư? Chả lẽ sở thích của bọn trẻ bây

giờ như thế? Irina xào qua hành với bơ, cho bắp cải xanh rồi rót đầy nước vào nồi. Đoạn chị bắt tay làm món bánh khoai tây nghiền.

Chưa bao giờ - trong lúc tay vẫn nạo khoai tây sống, vì bánh khoai tây nghiền Thuringen chính hiệu bao giờ cũng cần khoai sống lẫn khoai chín (nửa này, nửa kia, hay nói đúng hơn, phần khoai sống phải nhỉnh hơn một chút) - Irina nghĩ bụng, chưa bao giờ chị gặp gã đàn ông nào ưa nhìn quần tất len dày màu đất nung cả. Cánh đàn ông thường ưa các thứ màu khác. Ai cũng hám thứ quần áo lót cầu kỳ của đàn bà, không ai ưa quần tất len cả! Hay là tính thằng Sasha khác người? Khác cả Kurt ư? Bố nó năm sáu rồi mà đã chịu yên đâu, vẫn còn thòm thèm gái lạ lắm...

Chị làm một hớp bia, nhưng không rõ sao bia bỗng nhạt thếch. Chị đổ bia xuống bồn rửa bát đĩa rồi vào phòng khách lấy một ly rượu vang đỏ. Trong ấy, câu chuyện đang xoay quanh cuốn sách mới của Christa Wolf[74]. Cuốn sách thật tuyệt, Irina góp chuyện, mặc dù chưa đọc trọn quyển. Đọc chưa hết nhưng chị đã nghe quá nhiều tranh luận quanh cuốn sách, nhiều đến mức chị bắt đầu quên chính cái văn phong rắm rối ấy đã làm chị nản lòng đến cỡ nào. Sao cái bà ấy lại viết như thế này? Irina cứ băn khoăn mãi. Bà ấy đau khổ vì lẽ gì mới được chứ, trong khi bà ta có tất cả, thậm chí cả một ông chồng - nghe nói vậy - lo nội trợ cho mình cơ mà.

- Cuốn sách thật tuyệt, Irina nói rồi rít hai hơi dài từ điếu thuốc Sasha đang hút. Đoạn chị trở lại vào bếp và bắt tay vào việc.

Chị bóp bóp khối khoai tây vừa nạo cho chảy nước ra, hứng vào nồi rồi đun sôi lên cùng ít sữa. Chị thái dăm ba miếng bánh mì trắng to bằng cỡ ngón tay cho vào chảo, rán giòn lên. Trong khi rán, chị bắt tay mài củ cải đỏ thành từng lát mỏng. Dần dà các ngón tay chị tê hết cả. Đằng nào thì chị cũng đã tự hủy hoại đôi tay dạo xây lại ngôi nhà này. Bê đá bê gạch, trộn

vôi trộn vữa. Khó mà tin được, một ngôi nhà như thế này đã ngốn bao nhiêu là xi-măng. Chị làm một ngụm rượu vang, vẩy vẩy tay, và đúng lúc chị vừa cầm cái bàn mài lên tay thì cô bé Mới bước vào bếp. Liệu cô có giúp gì được không?

Nhưng mọi việc Irina làm đã gần xong, chỉ còn ít khoai tây luộc phải nghiền. Nhưng nghiền dễ thôi, vả lại, chày để nghiền chị chỉ có một cái.

- Ô, hôm nay có bánh khoai tây nghiền ạ!

- Bánh khoai tây nghiền Thuringen, Irina nói rõ thêm.

- Cháu thích bánh khoai tây nghiền lắm, cô bé Mới nói, mặt tươi roi rói nhìn Irina.

Không, con bé chẳng đến nỗi xấu xí lắm. Khuôn mặt thật ra rất đẹp. Và, nếu nhìn kỹ, thậm chí dưới chiếc áo không-rõ-là-áo-gì kia cũng nhô lên cặp gì như cặp vú. Có lẽ phải nói chuyện với nó, sao phải tự làm xấu mình đi như thế!

Chờ cô bé Mới ra khỏi bếp rồi, Irina mới thêm bơ vào chỗ bắp cải xanh tím kia, mỗi thứ một thìa - lại một thìa mù-tạc vào chỗ bắp cải xanh. Đấy là bí quyết của chị, không phải ai chị cũng mách.

Đúng hai giờ chiều thì chuông cửa ngoài reng. Bà Charlotte cùng lão Wilhelm đứng trước cửa, cả hai mỗi người xách một túi dederon[75] trên tay. Không biết năm nay trong túi có gì? Khăn trải bàn? Hay lịch Cuba?

Lão Wilhelm bước vào, chẳng nói gì và cứng đơ như mọi khi, còn bà Charlotte, cũng như mọi khi, rối rít, vui vẻ ra mặt và nức nở khen tất tật những gì Irina làm. Kể cũng lạ, càng về già bà càng hay khen Irina, khen quá lời, thậm chí lố bịch. Vừa bước vào, bà đã khen mùi thơm lan từ trong bếp ra và, một tay vẫn còn trong áo choàng lông thú Kurt đang đỡ cho bà, bà đã kịp thề lấy thề để cả ngày nay chưa ăn gì ngoài quả trứng luộc lúc sáng (cứ làm như thể bà nhịn như thế thì Irina sẽ vui lắm không bằng) rồi hỏi (có lẽ đến lần thứ hai hay thứ ba gì rồi) cái giá treo quần áo ngoài kiểu tân thời - thật ra không thật đúng hiệu - Irina sơn trắng là mới hay cũ, và khen ngôi nhà này giữa mùa đông mà vẫn sáng sủa để rồi chuyển sang tràng than vãn quen thuộc rằng chỗ bà ở tối tăm quá, ngụ ý anh chị ở như trong lâu đài thế này, còn tôi vẫn phải chui rúc trong cái hố sâu tối tăm kia!

Thế nhưng, lúc chào cô bé Mới bà Charlotte thay đổi hẳn, trịnh trọng, như đóng kịch:

- Ông bà đã nghe nói nhiều về cháu.

- Tôi có nghe gì đâu, lão Wilhelm lầu bầu.

Bà Charlotte cười, như mọi khi bà vẫn cười mỗi lần lão Wilhelm đùa bỡn, hay đúng hơn là bà cười cái thói thô kệch của lão, làm như thể có chuyện gì vui lắm. Song, rất có thể lão đã có thế nào nói thế đó, bởi bà Charlotte nghe ai nói gì về cô bé Mới được kia chứ!

Giờ bà Nadezhda Ivanovna cũng rời phòng bà ra ngoài. Bà Charlotte dang rộng tay kêu lên, bác Nadezhda Ivanovna! Thật ra, hai bà chỉ mới gặp nhau có mỗi một lần, bốn năm trước, dạo bà Nadezhda Ivanovna lần đầu sang thăm con gái. Song bà Nadezhda Ivanovna cũng đã dang rộng đôi tay gầy guộc của cô thợ cưa và thu hoạch khoai tây năm xưa

ôm lấy bà Charlotte, hôn một cái lên má trái, một cái má phải, rồi lại cái nữa lên má trái. Dĩ nhiên, bà nhầm. Nhác trông cũng biết mùi băng phiến toát ra từ quần áo bà có vẻ như làm bà Charlotte khó thở, khiến bà vội thoát khỏi vòng tay bà Nadezhda Ivanovna, nuốt ực một cái, rồi nhanh chóng lấy lại tư thế để nói đôi lời chào hỏi rất chuẩn bằng tiếng Nga dù hơi lơ lớ. Trong khi đó lão Wilhelm chỉ rặn được mỗi *Dobry den* (Xin chào), nhưng bà Nadezhda Ivanovna nói gì đáp lại thì lão chẳng hiểu gì:

- Pazdravlyayu s rozhdestvom - *xin mừng Giáng sinh*.

Lão Wilhelm đáp:

- Gorokh, Gorokh!

Giờ thì bà Nadezhda Ivanovna lại không hiểu lão. Có vẻ lão chỉ định nói *tốt, tốt,* nhưng nghe lão phát âm lại thành ra *đậu Hà Lan, đậu Hà Lan*.

o0o

Lời bà Nadezhda Ivanovna nói "xin mừng Giáng sinh", vô tình nghe như lời khiêu khích vậy, bởi lão Wilhelm vốn vẫn khước từ lễ Giáng sinh. Lão bảo lễ Giáng sinh là lễ tôn giáo, mà tôn giáo là do kẻ thù giai cấp dựng lên cốt làm mụ mẫm đầu óc giai cấp công nhân, đại loại thế, bởi vậy, lão bảo trò hề lễ Giáng sinh không hợp với lương tâm lão, cho nên - như mọi năm - lão chọn chỗ ngồi quay lưng lại phía cây thông.

Trái lại, bà Charlotte tỏ ra *thích thú* với cây thông Giáng sinh, và đằng sau lưng lão Wilhelm bà trợn mắt, đảo qua đảo lại một lượt tỏ sự bất đồng với lão; bà *thích thú* với cách thức trang trí bàn ăn, bà *thích thú* với mấy bông hoa đẹp (ý bà muốn nói mấy bông cúc), nói chung, bà *thích thú*

với mọi thứ, rồi trước sự ngạc nhiên của mọi người, bà tự cho phép mình làm một ly rượu ngọt nhỏ. Thì bà cũng phải tự thưởng cho mình một chút, bà bảo thế, dạo này bà làm việc quá nhiều, *kiệt cả sức, sắp gục đến nơi*...

Irina lẩn một mình vào bếp.

Lẫn trong tiếng trò chuyện của bố con Kurt thỉnh thoảng chị lại nghe tiếng bà Charlotte nói như sáo thổi. Trong lúc gọt thêm khoai tây cho Kurt, chị nghĩ bụng, Lạy Chúa, đến cả cái đó chị cũng đã vượt qua, đến cả nỗi bất hạnh đó chị cũng thoát được và, có lẽ, điều làm chị quý những ngày lễ Giáng sinh này chính là ở chỗ, lát nữa, chị có thể đóng cửa lại, cánh cửa của chị, cánh cửa ngôi nhà chị, sau lưng bà Charlotte. Trời đất, dạo mới chân ướt chân ráo từ Nga sang, chị đã ngưỡng mộ ngôi nhà của bà Charlotte đến mức nào! Bây giờ đến lượt bà Charlotte phải trầm trồ về căn nhà của chị. Chính chị, những lúc bước qua các phòng trong nhà này và ngắm nhìn công trình của mình thì, phải nói thật, chính chị cũng ngạc nhiên, không biết làm sao mình đã làm nổi tất cả những thứ đó, làm sao mà đến cả ngàn quyết định một mình chị phải thực hiện lúc sửa lại ngôi nhà này - vì Kurt lúc nào cũng chỉ đòi làm sao cho đơn giản nhất, rẻ tiền nhất, ít rườm rà nhất - mà rồi rốt cuộc hầu như quyết định nào cũng đúng cả. Nào những bức tường chị bảo phá chỗ này, cho dựng lại chỗ kia, nào việc mở rộng nhà kính mùa đông mà có Chúa mới biết rắc rối phức tạp thế nào, nào lo việc thiết kế phần nhà cơi nới mà mới đây mẹ chị dọn vào ở, nào bồn tắm phải lớn cỡ nào, nào tường phải ốp gạch tầm cao đến đâu, nào đặt ống dẫn nước và lò sưởi, ổ điện, công tắc đèn chỗ nào, nào lắp bếp lò vào đâu, cuối cùng tất tật đều ngon lành, hợp lý. Còn mỗi cái lò sưởi than chẳng khi nào dùng đến nữa, lẽ ra chị phải bất chấp ý Kurt cho đập đi mới đúng (cái anh Kurt nhà chị cứ lo xa ngày trời đổ đất sụp, e cái thời khốn khó biết đâu sẽ có ngày trở lại thì mình vẫn phải dùng đến nó). Và cái tầng

áp mái, lẽ ra chị phải cho nới rộng ngay, thay vì nghe lời Kurt đòi, cho tạm dừng ít lâu. Làm việc bao giờ chả thế, đã dừng nghỉ, bắt đầu lại rất khó.

Irina rửa chỗ khoai tây đã sạch vỏ nhưng còn nguyên củ, không bổ đôi (chị rất chú trọng sao cho củ khoai còn nguyên!), chắt nước rồi cho ít muối vào, đậy nắp và lắc đều. Đoạn, chị cẩn thận đổ một cốc nước vào cái nồi chị giữ nghiêng, cốt muối khỏi trôi đi. Một cốc thôi, không hơn! Muốn khoai tây vẫn còn vị khoai tây thì phải hấp chứ không luộc.

Chị bắc nồi nước luộc bánh khoai tây nghiền lên bếp và đang định bắt tay nghiền chỗ khoai tây chín để nguội từ nãy thì các con chạy vào.

- Chúng cháu dọn bàn nhé, cô bé Mới nói.

- Chúng con dọn bàn nhé, Sasha cũng nói.

- Anh chị biết bát đĩa để đâu mà dọn.

- Con biết, Sasha nói.

- Anh Alexander dọn bàn, cô bé Mới tiếp lời, cháu nặn bánh với bác.

- Nặn bánh thì anh chị để tôi tự làm thôi, Irina ngăn.

Nhưng Sasha đã lục lọi trong thùng đựng dao nĩa và, tất nhiên, lôi không đúng thứ để dùng ra. Trong lúc chị chưa kịp ấn loại dao nĩa cấn thiết vào tay cậu ta thì cô bé Mới, bằng mấy ngón tay móng không được trau chuốt lắm, đã nhanh nhảu nặn bánh.

- Ấy chết, không được quên nhân bánh mì rán đâu, Irina vội nói.

- Vâng, cháu biết ạ, cô bé Mới nói. Bà cháu gốc Thuringen mà!

Irina đành quay sang làm nốt món nộm củ cải đỏ, giã hạt hồ đào rồi trộn cả với kem sữa. Chị nếm thử.

- Đã có muối trong nước luộc bánh chưa ạ? cô bé Mới hỏi.

Chà chà, suýt nữa thì chị quên. Lại còn phải giội nước dùng lên thịt ngỗng nữa chứ. Khỉ thật, sao cứ bấn lên, quên trước quên sau thế này!

Chị lấy giẻ lót tay lôi cái nồi đựng nguyên cả con ngỗng đang nằm trong lò ra, rồi nghiêng cái nồi, từ từ múc chỗ nước dùng sôi sủi tăm giội lên khắp mình con ngỗng.

- Sao trông nước dùng đen thế ạ, cô bé Mới khẽ kêu lên.

- Thì đã bảo ngỗng thầy tu mà lại, Irina điềm nhiên đáp.

Irina xẻ thịt ngỗng nướng ngay trên bàn ăn, xẻ được miếng nào chị bỏ luôn vào đĩa ai muốn ăn miếng đó. Trước hết là hai cái đùi, một cái cho Sasha là hiển nhiên rồi. Còn một cái chị hỏi cô bé Mới xem cô muốn ăn không; Kurt và các bậc cao tuổi đằng nào cũng chỉ thích phần thịt ức.

Cô bé Mới nhìn về phía Sasha, như thể muốn hỏi, thế ra anh chưa nói gì với mẹ à?

- À, con quên mất, Sasha vội đỡ lời, Melitta ăn chay mẹ ạ.

- Sao, ăn chay á?

- Kìa mẹ, cô ấy không ăn thịt.

- Nhưng đây là thịt gia cầm đấy chứ, Irina nói.

- Thôi, cháu xin thử một miếng nhỏ thôi ạ, cô bé Mới nói. Chứ cả cái đùi thì thôi ạ.

Ánh mắt Irina đảo quanh bàn ăn và dừng lại ở bà Nadezhda Ivanovna. *Hôm nay cả mẹ cũng ăn ngỗng Giáng sinh*.

- Mẹ chuyển đĩa của mẹ sang đây cho con.

Bà Nadezhda Ivanovna chìa đĩa của bà về phía Irina. Irina dùng nĩa toan chuyển cái đùi ngỗng vào đĩa cho bà, song không may miếng đùi ngỗng tuột ra, trên nĩa chỉ sót lại miếng da ngỗng cứng. Chị gạt nhanh miếng da xuống đĩa để kịp chuyển nốt miếng đùi sang cho bà. Ai dè, đúng lúc đó bà Nadezhda Ivanovna rụt đĩa lại.

- Tôi thế này đủ rồi!

Miếng đùi rơi đánh toẹt xuống khăn trải bàn.

- Nu chyortpoberi![76]

Khi nguyền rủa, Irina vẫn chỉ biết nguyền rủa bằng tiếng Nga.

Bà Nadezhda Ivanovna lấy tay làm dấu thánh. Irina vùng vằng đặt miếng thịt đùi đánh oạch lên đĩa bà.

Một sự im lặng bất thường bỗng trùm lên bàn ăn trong giây lát, cho đến khi bà Charlotte - chắc là do sự cố nói trên mới sực nhớ có bà

Nadezhda Ivanovna ngồi bên - lại cất tiếng nói bằng một giọng cố tình ra vẻ bình thản, khiến Irina chớm tự ái.

- Bác Nadezhda Ivanovna này, *kak nravitsya vam u nas* - bác thấy ở bên chúng tôi có thích không ạ?

- Nhưng tôi đã ở đây rồi mà.

- Vâng, bà Charlotte nói, giờ bác sống ở đây, giờ bác có phòng riêng mà.

- Cái phòng đẹp lắm, bà Nadezhda Ivanovna đáp, cái gì cũng đẹp. Mỗi tội lẽ ra ta nên mua máy vô tuyến ở Moskva thì hơn.

- Kìa mẹ, Irina nói chen vào, máy vô tuyến con mua cho mẹ rồi thôi. Mẹ có vô tuyến rồi còn gì.

- Thì rồi, bà Nadezhda Ivanovna khăng khăng. Cơ mà lẽ ra mua nó ở Moskva vẫn hơn.

- Mẹ chỉ nói vớ vẩn, Irina gạt đi. Mẹ không nhớ mình phải mang theo bao nhiêu là thứ à! Với lại, giá có mua ở Moskva thì cũng chả có máy nào tốt bằng máy con mua cho mẹ ở đây.

- Thì rồi, nhưng giá mình mua máy ở Moskva, bà Nadezhda Ivanovna vẫn khăng khăng, thì nó còn nói được tiếng Nga.

Ai nấy cười vang. Lão Wilhelm cười thậm chí hai lần, lần đầu cười hôi theo mọi người, lần tiếp theo, sau khi nghe Sasha dịch lại câu chuyện. Rồi lão nói:

- Nhưng nói chung thì ở Liên Xô cũng có máy vô tuyến tốt.

Mọi người lại nín thinh.

Cô bé Mới bỗng nói to:

- Chà, cháu phải nói thật là, ăn ngon miệng quá. Cháu chưa bao giờ ăn bắp cải ngon như hôm nay.

- Ngon tuyệt, bà Charlotte tiếp lời; mặc dù bà bảo bà nhịn suốt cả ngày hôm nay, nhưng ăn thì bà chỉ lấy một phần cỏn con.

- Thịt tôi không nhai được, lão Wilhelm chêm vào.

Còn Kurt thì nói:

- Thịt ngỗng ngon tuyệt. Mỗi khoai tây, tôi nói thật, có vẻ chưa chín hẳn.

Thì tọng bánh khoai nghiền vào, Irina nghĩ bụng, nhưng không nói gì. Chị cố nuốt giận. Đã bảo, giá cứ để một tay chị dọn bàn thì mọi sự chắc chắn đâu ra đấy. Đằng này cứ lắng nhắng trong bếp của chị...

Chị làm một miếng thịt ngỗng (nãy giờ chị chưa ăn miếng nào vì nếm lòng ngỗng xào đâm no). Đúng thật, thịt ngỗng lẽ ra phải mềm nữa mới phải.

Món nộm củ cải đỏ không ai đụng đến.

Được mỗi món chè yến mạch đỏ là thành.

Đến lúc dẹp bàn.

- Các vị chuyển đĩa bẩn sang đây cho tôi, còn thì cứ ngồi yên đấy, Irina nói bằng giọng như ra lệnh, khiến cả cô bé Mới cũng không dám đứng dậy.

Bà Nadezhda Ivanovna vẫn loay hoay đâm dao, chọc nĩa, đánh vật với miếng đùi ngỗng mà chả thấy nó suy suyển chút nào. Còn lão Wilhelm lại bắt đầu câu chuyện muôn thuở của lão: dạo-chúng-tôi-còn-ở-Moskva.

Irina bê chỗ thịt ngỗng đã tanh bành của chị vào bếp.

Gạt bỏ bắp cải tím, bắp cải xanh.

Chỗ bánh khoai tây nghiền cũng còn dư lại quá nửa.

Chị ngồi xuống chiếc ghế duy nhất trong bếp, châm một điếu thuốc.

Một cảnh tượng chợt hiện ra trước mắt chị: Bà ngoại Marfa, mẹ Nadezhda và chị, cả ba người như ba cái bóng lẳng lặng cúi xuống bên chảo, trong đó lầu bầu vài miếng thịt lợn xám ngoét cùng tuyền cải bắp với cải bắp.

Tại sao nó ăn chay? Bệnh tật gì chăng? Hay nó thương hại súc vật?

Sasha bước vào bếp.

- Mẹ cho con xin một điếu.

Cậu ta nhón một điếu từ bao thuốc Club của chị ra. Irina bật lửa, châm thuốc cho con trai.

- Mẹ buồn hả mẹ?

- Đâu có gì đâu, sao con hỏi thế?

Hai mẹ con lẳng lặng rít vài hơi thuốc. Irina chợt nghĩ, có lẽ con bé Mới phái Sasha vào bếp với chị.

- Sao nó lại ăn chay?

- Cô ấy không ăn chay trường đâu mẹ ạ, thỉnh thoảng cô ấy cũng ăn thịt đấy.

- Nhưng con người ta phải có thịt, Irina nói. Ai chả phải ăn thịt!

- Kìa mẹ, nhưng chả lẽ vì thế nên mẹ không ưa cô ấy.

- Có phải mẹ không ưa nó đâu. Chỉ hỏi thế thôi chứ!

Hai mẹ con rít mỗi người một hơi thuốc.

- Cô bé dễ thương đấy, chị nói tiếp.

- Vâng, đúng là cô ấy dễ thương thật, Sasha đáp.

Hai mẹ con lại rít tiếp hơi thuốc nữa.

- Đối với mẹ điều đáng kể nhất là con hạnh phúc thôi, Irina nói.

Ngoài trời rơi rơi lẻ tẻ vài bông tuyết. Rơi xuống khu vườn đã trở nên tối om, rồi biến mất.

Sasha dụi tắt điếu thuốc.

- Mẹ cần con giúp không?

- Thôi thôi, con ra phòng ngoài đi, mẹ còn pha cà phê.

Sasha từ sau lưng ôm lấy chị, siết vào lòng.

- Đừng con, Sashenka, Irina nói khẽ khàng.

Thật khoan khoái trong lòng khi có đứa con trai cao lớn thế, mà vẫn thơm mùi đứa trẻ.

Irina đặt nước pha cà phê. Thức ăn còn thừa chị chia vào các bát tô, bánh khoai tây nghiền chị dồn vào một cái tô lớn, bởi chị không tìm thấy tô nào vừa. Chị cất cái nồi có nắp đậy đựng thịt ngỗng hơi dai còn thừa vào chạn đựng thức ăn và chồng bát đĩa bẩn cạnh bồn rửa bát.

Phải chăng Sasha đúng là khác người thật?

Trong khi vừa đổ bơ lỏng rồi rắc đường lên chiếc bánh nướng bột mì trộn nho khô, chị vừa nghĩ bụng, dần dần rất khó chiều Kurt. Lúc nào cũng phải chịu đựng cái nhìn dò hỏi của anh ấy. Lúc nào cũng phải so sánh với đám đàn bà trẻ hơn. Vâng, chị đang già đi, mẹ kiếp, chị đang tiến gần đến cái tuổi ngũ tuần. Trên giấy tờ, thậm chí chị còn già hơn thế. Vì hồi ấy, ở ủy ban, chị đã khai dối thêm hai năm. Chị chữa số bảy trong năm sinh của chị thành số năm, cốt chỉ để được ra trận. Và, mặc dù lúc nào chị cũng mừng sinh nhật thật của mình, với bạn bè bao giờ chị cũng nói rõ tuổi thật của chị, nhưng cái "tuổi chứng minh thư" kia vẫn cứ bám riết lấy chị như một lời cảnh báo thường xuyên, và điều kinh khủng chính là ở chỗ, lời cảnh báo ấy bao giờ cũng thành hiện thực, bao giờ cũng nhanh hơn! Tuổi chứng minh thư vừa đến thì cái tuổi thật cũng ập tới ngay, nó cứ như cái

máy hủy thời gian vậy, Irina nghĩ bụng, cứ như thể chị phải già nhanh hơn kẻ khác vậy. *Vì Tổ quốc, vì Stalin! Hu ra!*

Lúc cả nhà uống cà phê thì lại thêm một chuyện mới mẻ nữa. Cô bé Mới hóa ra học *tâm lý học*. Chứ không phải học lịch sử như Sasha.

- Thứ như thế mà cũng có ở ta cơ à? bà Charlotte ngạc nhiên.

- Khoa học *pseudo,* ông Wilhelm nói, là thứ giả khoa học kia mà[77].

- Ngụy khoa học, Kurt chữa. Đồng chí Stalin gọi đấy là ngụy khoa học.

- Ngụy khoa học là gì cơ ạ? cô bé Mới ngơ ngác.

- Thì là khoa học về tụi ngụy chứ là gì, Sasha nói.

- Chà, bà thấy chuyện này hay thật, bà Charlotte lại nói như sáo thổi. Thật mà, các cháu ạ, hay thật đấy. Bà tin chắc là có mối liên hệ thế nào đó giữa thân xác với... bây giờ gọi là gì nhỉ...

- Tâm lý ạ, cô bé Mới nói.

Mặc dù cô vừa nói vừa cười, nhưng ánh mắt cô vẫn đầy châm chọc.

Rốt cuộc Kurt đứng dậy, nói:

- Nào các con, bây giờ bố bật nhạc ngày Giáng sinh nhá.

Anh nói thế, như ra hiệu. Quà ngày Giáng sinh đã nằm sẵn tại chỗ ngồi của người nhận, chỉ bà Charlotte vẫn như mọi năm, khư khư giữ quà của bà trong cái túi vải dederon nhằm trao tận tay cho từng người. Làm vậy là phá lệ và năm nào cũng làm Irina bực lắm. Giờ ai nấy bắt tay sột soạt mở giấy bọc, loay hoay tháo băng cột gói quà, xếp gập lại, cẩn thận dùng tay là qua là lại cho phẳng. Irina chợt nghĩ, không biết cô bé Mới có dựa vào loại giấy gói quà chị dùng ở đây để luận về "tâm lý" của chị không. Ai biết được ấy? Tâm lý học! Không biết thằng Sasha nó nghĩ thế nào? Chẳng lẽ nó không có cảm giác lúc nào cũng bị theo dõi sao?

Còn độc lão Wilhelm là ngồi đực ra đấy, không động gì đến gói quà của lão. Bà Nadezhda Ivanovna vội vã trở về phòng đem ra hai đôi tất bà đan cho Kurt và Sasha. Bà Charlotte *thích thú* nhận hộp đồ trang sức bà ao ước từ trước - để làm gì chả biết?! Cô bé Mới cẩn thận thử lọ nước hoa cô được tặng như thể đó là quả bom không bằng (lần sau - nếu lần sau ấy vẫn còn - nó sẽ được đôi tất vải bông vậy). Kurt được cái tẩu hút thuốc và mừng rỡ ra mặt (có nghĩa là anh chợt múa may như đứa trẻ lên sáu, ngậm tẩu vào mồm, xỏ tất chân lên tay rồi át cả tiếng nhạc Giáng sinh, ứng khẩu một bài tấu, trong đó "cái tẩu" bắt vần với "đào tẩu"); Alexander loay hoay thử bộ dao cạo râu (quà thật sự của cậu ta là chiếc áo măng-tô lông cừu Mông Cổ Irina đã gửi từ trước, để khỏi gây cảm giác chị thiên vị con trai dưới mắt người khác), còn bà Nadezhda Ivanovna được tặng chiếc khăn choàng bằng len và chiếc gối sưởi chạy điện - vì đêm đêm, bà hay bị lạnh do đã quen ngủ trên lò sưởi. Bà hỏi đi hỏi lại cả đến chục lần, quà cáp thế này chả tốn nhiều tiền quá ư, phải đến lúc Irina phát bẳn lên gắt, bà mới thôi.

Irina cũng đã nhận trước quà. Kurt tặng chị chiếc áo liền váy và một đôi giày hợp bộ, dĩ nhiên, tiền mua những thứ đó đựng trong phong bì,

chứ Kurt đến gói bánh mì nướng còn chẳng mua nổi, nói gì quần áo đàn bà. Nhưng Irina thấy vui lòng. Chị chẳng đòi gì hơn. Quà của Sasha chị không nhận, thậm chí còn cấm nó mua quà vì cu cậu chỉ sống bằng hai trăm mác Đông Đức học bổng (với tiền của anh chị phụ thêm vào) thì lấy đâu ra tiền quà cáp. Riêng mẹ chị, mẹ chưa bao giờ tặng chị cái gì sất vào dịp Giáng sinh; mỗi bà Marfa là có lần tặng chị con búp-bê tự tay may bằng giẻ rồi độn rơm vào mà thôi. Con búp-bê tên là Katya và cứ bị bọn trẻ khác chê do đôi mắt vẽ bằng bút chì nước của nó. Đến tận giờ, mỗi khi nhớ đến nó chị vẫn ứa cả nước mắt. Còn khăn trải bàn bà Charlotte tặng, sau khi để nằm đó ít lâu cho phải đạo, thì đằng nào rồi chị cũng bỏ sọt rác.

Thế nhưng, cái bà Charlotte lôi từ trong túi vải dederon ra không phải khăn trải bàn. Cũng chẳng phải lịch treo tường. Mà là QUYỂN SÁCH ấy. Đến cả nửa năm nay bà Charlotte chẳng có chuyện gì khác ngoài chuyện về *quyển sách của bà,* mặc dù sách hoàn toàn không phải *của bà,* bởi thật ra bà chỉ viết *lời dẫn* mà thôi, nhưng bà làm như thể *lời dẫn ấy* là cái quan trọng nhất của cuốn sách, như thể cuốn sách không có *lời dẫn của bà* thì sẽ chẳng ma nào đọc vậy! Tóm lại, lời dẫn đó giờ rốt cuộc đã được in ra, cùng cuốn sách, và bà Charlotte tặng mỗi người một quyển, dĩ nhiên có chữ ký! Alexander được một, cô bé Mới một (bà còn phải ký tên cho cô, vì bà Charlotte hóa ra chưa biết tên cô là gì), anh chị Kurt cũng một. Chỉ vì tuần trước bà Charlotte đã tặng trước họ một quyển rồi.

Irina liếc Kurt. Anh liếc chị trở lại - cái liếc trông đêu đểu ấy.

Và sau cùng, rốt cuộc, sau khi bà Charlotte nhét các món quà phúc đáp đầy túi vải dederon, sau khi lão Wilhelm tìm được mũ và bà Charlotte tìm được túi xách tay, sau khi bà Charlotte lần nữa xuýt xoa rằng mình thật *thích thú về* mọi thứ ra sao, sau khi cả nhà đã tiễn hai ông bà lão ra đến bậc

thềm ngoài và đứng vẫy vẫy tay theo hai vị rồi lại hối hả chạy ra đưa hai vị chiếc ô họ để quên và rốt cuộc cánh cửa nhà khép lại, thì Irina, dù muốn hay không muốn, vẫn ôm bụng cười, không ra tiếng, cười điên đảo nhưng cũng là cười giải thoát. Chị vẫn không dừng được cười khi Kurt dang tay ôm lấy chị an ủi. Anh phải buông chị ra ngay vì toàn thân chị co rúm hết cả lại trong lúc cười. Rồi chị cũng dừng được cười khi bỗng dưng có mùi gì khen khét và tiếng Sasha lầu bầu rủa trong phòng khách. Chị thấy Sasha, lúc dùng tay vội vàng dập lửa bén lên mấy nhánh lá thông Giáng sinh trang trí trên bàn, làm rơi vỡ cái cốc. Cơn cười lại nổi lên lúc Sasha gí con thỏ bằng bông đã cháy sém vào mũi chị, *Mẹ, đến mở hộp ra mẹ cũng chưa*. Chị cười chảy cả nước mắt và mãi một lúc lâu mới bình tâm trở lại.

- Thôi, bây giờ thì tôi phải làm ly cognac.

Kurt mở toang cửa sổ để khói bay ra ngoài. Ai nấy nóng ran cả người, đầu hừng hực. Cả nhà tìm chỗ ngồi thoải mái trong góc kê ghế bành. Irina vẫn chưa thật bình thản sau trận cười rung như động đất vừa qua ấy.

- Chà, lại có chuyện để cười, Sasha nói.

- Thì ông bà mỗi ngày mỗi già mà lại, Kurt nói.

Rồi anh đứng dậy, lôi chai cognac từ trong ngăn đựng rượu của tủ Thụy Điển ốp tường ra. Rót cho Irina một ly, cho mình một ly. Cả Sasha cũng muốn một ly.

- Thôi nào Melitta. Cháu uống với cả nhà một ly nào, Irina nói.

Song Melitta không uống cognac. Cô chỉ xin uống nước. Và, chính lúc này, lúc chị đang bắt đầu thấy ưa ưa nó, Irina đâm tự ái. Kiểu cách gì lạ

vậy! Hay con bé lại còn là người chống uống rượu nữa? Đã ăn chay *còn* chống cả rượu!

- Thôi được, thì chúng tôi uống một mình vậy!

Hai thanh niên trẻ liếc nhìn nhau. Đến đây thì Irina chợt vỡ lẽ.

Chị vỡ lẽ rằng cô gái trẻ đây, con bé không chút gì đặc sắc, với đôi chân cũn cỡn và đôi mắt nhìn soi mói như dao đâm đây, con bé có móng tay không mấy chải chuốt và bộ tóc kỳ quặc trước mặt chị đây, đang toan tính biến chị, Irina Petrovna này, người đàn bà mà tuổi thật sự chưa đến năm mươi này, thành bà nội.

- Làm sao lại như thế được, chị thốt lên.

- Kìa mẹ, Sasha nói chen vào, mẹ làm như thể đấy là tai họa kinh khủng lắm không bằng.

- Có chuyện gì vậy mới được chứ? Kurt ngạc nhiên hỏi.

MỒNG 1 THÁNG 10 NĂM 1989

Nó không thích nhìn cảnh mẹ nó đứng tỉa lông mày trước gương trong buồng tắm tí nào. Suốt từ nãy đến giờ nó đã để ý xem mẹ nó trang điểm và làm dáng thế nào. Mọi ngày mẹ chỉ đánh độc một chiếc sơ-mi ca-rô (thích nhất là áo của Jurgen - hồi Jurgen vẫn còn ở đây), thế mà bây giờ giày cao gót nhá, nó còn chẳng biết là mẹ có cái thứ giày cao gót như thế, lông chân mẹ cũng dùng cái thứ sáp gì đó phết trên băng giấy (giấy hành xác) lột đi rồi, bây giờ đến lượt tỉa lông mày, chồm cả người lên bồn rửa mặt khiến ai mà nhìn chắc thấy cả quần lót ở dưới chiếc váy ngắn, kinh quá đi mất, lộ *hết* cả ra thế kia. Mẹ định ăn mặc thế mà đến chỗ lễ sinh nhật, đến chỗ mà cả nó lẫn mẹ nó đều biết là bố nó cũng có thể có mặt. Có điều, cũng có cái mẹ không biết.

Có lẽ nó nên nói cho mẹ biết thì hơn nhỉ? Mẹ không hỏi chuyện ấy, chỉ hỏi vòng vo, nhưng nó thừa biết mẹ muốn hỏi gì: Kiểu như, *thế bố có nấu gì cho hai bố con ăn không? Hai bố con có đi xem phim không?* Có, *cả ba* đều đi xem phim. Tất nhiên nó không nói vậy. *Đi với bạn gái mới của bố*. Nó cũng không nói vậy. *Đi với người tình mới của bố*.

- Con đi thay quần áo đi, mẹ nó bảo.

Markus vẫn ngồi yên, không chút động đậy, liếc xem mẹ chuyển sang tô lông mi, mắt trợn ngược chỉ còn trông thấy lòng trắng và khi nước mắt chảy thì chớp chớp liên hồi. Nó lấy làm ngạc nhiên thấy mẹ làm

những việc đó sao mà có vẻ nghề thế, cũng như bây giờ, nó ngỡ ngàng nhìn mẹ tô môi son thành thạo, rồi sau đó bặm hai môi trên dưới vào nhau và cũng làm bộ mặt y hệt cô tình nhân mới của bố, nó liếc mẹ nó xoa xoa thứ kem nhờn gì đó lên đầu ngón tay và phết phết lên mái tóc mới gội, để rốt cuộc lại xốc xốc hết cả lên và soi mình vào gương, bằng một ánh nhìn chéo từ dưới, y hệt ánh mắt cô tình nhân mới của bố. Nhưng, mặc dù nó ngạc nhiên về sự thành thạo của mẹ nó, mặc dù điều đó thậm chí còn làm nó phần nào thấy hãnh diện, nó vẫn không muốn tưởng tượng ra cái cảnh hai người, mẹ nó và cô tình nhân mới của bố, chiều nay sẽ gặp nhau tại buổi lễ sinh nhật ra sao.

- Nào, con mặc áo sơ-mi của con vào, mẹ nó giục, kẻo mình nhỡ xe buýt bây giờ.

- Con không mặc gì hết, Markus lầu bầu.

- Thôi vậy, mẹ nó nói, thì mẹ đi một mình vậy.

Vừa nói mẹ vừa dùng bông chấm chấm vào nơi lông mày mới tỉa xong. Markus quay người đi về phòng nó.

Để về đến phòng nó, lối gần nhất là đi qua sân sau, chỗ mẹ nó trưng bày đồ gốm cùng mấy cây hoa thục quỳ. Phòng nó nằm ở phần giữa của cái sân sau, tuy gọi là bốn mặt, nhưng sự thực chỉ có ba, ngay trên xưởng làm đồ gốm. Thỉnh thoảng vào buổi tối, nó vẫn nghe tiếng bàn quay đồ gốm quay rù rù. Nó lên cầu thang mười hai bậc, một mạch mỗi bước hai bậc và nằm vật xuống giường, tầng giường dưới vì giường có hai tầng, do Jurgen đóng cho nó, để Markus với Frickel bạn nó có thể ngủ qua đêm với nhau ở đây. Nhưng bây giờ thằng Frickel tếch rồi, cùng bố mẹ nó sang bên Tây Đức. Và từ ngày nó tếch đi, ở Groβkrienitz đây đâm ra vắng vẻ.

Bọn con gái ngon nhất trong lớp nó đều ở Schulzendorf, muốn sang đấy phải có xe gắn máy mới được. Bao giờ nó mười bốn, có thể nó sẽ được cái xe, nếu nhà mình có tiền, mẹ bảo thế, nhưng bây giờ nhà mình phải dành tiền mua cái lò nung đồ gốm đã, sau đó, mẹ nói vậy, mình sẽ có nhiều tiền. Đúng ra thì mẹ đã nhiều lần nói như thế, mình sẽ làm được nhiều tiền, bây giờ Jurgen đem nốt cả xe ô-tô đi. Chuyện như vậy làm nó cáu, nhùng nhà nhùng nhằng, mà Groβkrienitz nằm đây đúng là xó xỉnh cùng trời cuối đất thật, từ đây đến Neuendorf phải những hai lần chuyển tàu cơ mà.

Nó dỏng tai, nghe xem có tiếng chân mẹ lên cầu thang không. Nếu mẹ đi một mình thật thì làm thế nào nhỉ?

Điều làm nó xiêu lòng là ý nghĩ về những thứ nó thấy ở nhà ông bà cố nội. Nó vẫn còn nhớ như in cái vỏ ốc khổng lồ đặt ở hành lang cũng như bộ da rắn hổ mang trong nhà kính (cố bà vẫn nhầm tưởng đấy là rắn đuôi chuông), vẫn nhớ cái lưỡi cưa con cá kiếm (đúng ra là cá đao) lẫn con cá nhám mèo nhồi bông. Nhưng nhớ nhất vẫn là con kỳ nhông con màu đen trên giá sách cố Wilhelm. Mọi thứ giống như trong Bảo tàng tự nhiên ở Berlin vậy. Cũng không được chạm tay vào bất cứ con gì.

Còn thì ông bà cố nó rất buồn cười. Một dạo, lâu lắm rồi, nghe đâu hai người đánh nhau với Hitler, bí mật thôi, ở trường chúng nó đã học qua về thời quốc xã, cố Wilhelm có lần đến lớp nó kể về ông Karl Liebknecht mới lại chuyện hai người ngồi ở ban công thành lập CHDC Đức. Đại loại thế. Cả bọn chúng nó chẳng hiểu mô tê gì, nhưng đứa nào đứa nấy, đến cả thằng Frickel, đều nể nó vì có ông cố tiếng tăm thế. Nhưng thực ra ông cố khùng khùng thế nào. Lúc nào cố cũng nói *Ombre*. *Ombre* là cái khỉ gió gì mới được chứ, còn bà cố thì cứ *mưa nhé* chứ không nói đi đái, cứ làm như nó mới lên ba không bằng, thế nhưng cố bà lại trố mắt ngạc nhiên thấy nó

không biết thủ đô của Honduras là gì. Hê, hê, Honduras là cái gì vậy? Mác xe gắn máy chắc?

Bây giờ thì nó nghe rõ tiếng chân bước đến gần. Thì nó đã bảo ngay từ đầu mà lại, mẹ chỉ dọa thế thôi, chứ chả đi một mình đâu.

- Markus ạ, cố lên chín mươi rồi. Lần này, có khi là lần sinh nhật cuối cũng nên.

- Cuối con cũng kệ, Markus vùng vằng rồi thổi vào cái bùa bắt mộng nó treo ở giát giường trên.

- Con ăn nói như thế làm mẹ hơi buồn đấy, mẹ nó nói.

- Con chẳng có gì làm quà cả, Markus kêu váng lên.

- Ôi giời, không sao đâu.

- Có sao quá đi chứ!

Mẹ nó nghĩ ngợi trong chốc lát và, cũng như mọi khi, tìm ra ngay lối thoát:

- Thế thì tặng cố tranh mấy con rùa con vẽ ấy!

Làng Groβkrienitz nhỏ tí. Bến xe buýt đỗ chính là trung tâm của làng rồi. Khu nhà vườn hai mẹ con nó ở nằm rìa làng, thậm chí xa hẳn ra ngoài. Nó đi sau lưng mẹ nó, cách vài thước để đề phòng, nhỡ mẹ lại nắm tay nó đi thì ngượng chết.

Hai mẹ con đi qua đoạn đường ray bị bỏ hoang, ngang qua nhà xe hồi trước để xe cứu hỏa, giờ dùng làm kho chứa cái gì đó không rõ của hợp tác xã, đi qua công trường xây dựng, một nơi mà cứ đến cuối tuần lại thấy chiếc máy trộn bê-tông rù rù quay nhưng chẳng thấy có thay đổi gì, đi qua cái ao vịt ỉa đã gần đầy, qua cửa hàng tạp hóa mà nó với thằng Frickel thỉnh thoảng mua kem cây, đi qua những ngôi nhà cũ kỹ thấp tè của làng Groβkrienitz, những ngôi nhà mà nếu rèm cửa sổ không thỉnh thoảng động đậy thì có thể tưởng để hoang. Dĩ nhiên, nó chẳng thèm quan tâm đến chuyện tụi đần độn trong làng nghĩ gì, nhưng nó cũng mừng thầm rằng giờ mẹ nó ít gì cũng khoác chiếc áo có mũ trùm đầu ra ngoài, cho dù áo khoác cũng chỉ che phần trên váy thôi. Phía dưới là hai bắp chân mang quần tất hoa sáng màu của mẹ đưa lên đưa xuống theo nhịp đi và tiếng giày cao gót gõ lóc cóc trên lối đi bộ vốn đã hư hại nhiều của làng Groβkrienitz.

Markus ước, nếu từ đây đến bến xe mà nó không giẫm lên vết nứt nào trên mặt đường thì thể nào chuyến xe cũng bị hủy. Ở đây, việc chuyến xe nào đấy bị hủy là thường. Xe chạy tuyến này vẫn là xe buýt Ikarus cũ, máy lắp ở đít xe. Và nếu chuyến này bị hủy thì coi như xong, bởi vì Chủ nhật thì hai tiếng nữa mới lại có xe. Tuy nhiên, nó phải chú ý không giẫm phải phiến lát đường nào bị bật lên, vì chỗ bật lên như thế cũng là vết nứt vậy. Chuyện không dễ chút nào. Mẹ bước nhanh hơn, khiến Markus càng phải để ý.

Từ xa nó đã nghe thấy tiếng thử đàn từ phía nhà thờ vọng tới. Nó cũng chẳng cần ngước lên nhìn mà vẫn biết mẹ chào ai.

- Kìa, ông Klaus gọi to. Hai mẹ con vội đi đâu đấy?

Ông Klaus là mục sư ở nhà thờ đây.

- À, hai mẹ con em ra bến xe, mẹ đáp. Hôm nay sinh nhật mẹ em mà.

Markus ngạc nhiên ngước nhìn lên, một loáng thôi, nhưng đã giẫm ngay phải vết nứt rồi.

- Mẹ kiếp, Markus kêu lên.

- Nhưng tối nay, hai mẹ con đến dự buổi cầu nguyện cho hòa bình chứ? ông Klaus nói.

- Để em xem thế nào, sợ không kịp anh ạ.

- Thế thì tiếc nhỉ, ông Klaus gọi với theo. Lại đúng hôm nay.

Hai mẹ con đến bến thì xe cũng vừa tới.

Động cơ sau đít xe khẽ rồ lên khi xe lăn bánh. Chiếc xe Ikarus già nua nặng nề lấy đà. Bên ngoài vẫn là cảnh trí sáng nào nó cũng thấy, cách đồng trơ toàn gốc rạ, hàng cây thông và mấy cái tháp ủ thức ăn gia súc màu bàng bạc phía sau (thằng Frickel lúc nào cũng khăng khăng thật ra đấy là bệ phóng tên lửa hạt nhân của quân Nga).

Không rõ vì sao, tự dưng nó có cảm giác nó phải hỗ trợ mẹ nó.

- Con không đến chỗ bố nữa đâu, nó nói dõng dạc.

- Lại có chuyện gì thế nào? mẹ nó ngạc nhiên.

Nó cân nhắc nhanh trong đầu các hệ quả của phương án nó vừa nêu lên. Không đến bố, nghĩa là không đến Berlin, không đi xem phim, không thăm Bảo tàng tự nhiên nữa. Song, những lần như thế thật hiếm hoi, cho

nên nó bỗng cảm thấy không có gì đáng ngại, nếu có phải từ chối không nhận cái ơn được-bố-đón-rồi-đưa-về (vả lại, đến lúc nào đó, cũng chẳng lâu la gì nữa, nó sẽ đủ lớn để tự đi Berlin một mình).

- Cái lão khỉ ấy, Markus lầu bầu.

- Markus, con không được nói thế!

- Cái lão khỉ ấy, Markus không chịu thôi.

- Markus, mẹ không bằng lòng con nói về bố con như thế.

Xe buýt dừng lại một lúc. Một bà cụ già bước lên xe, ngồi xuống hàng ghế đầu. Lúc xe chạy trở lại, mẹ nó nói:

- Mẹ với bố con lấy nhau, rồi đẻ ra con, là vì hồi ấy bố mẹ yêu nhau. Và việc bố mẹ chia tay nhau không liên quan gì đến con cả. Bố con bỏ *mẹ,* chứ đâu có bỏ *con*. Thế được chưa?

- Cứt. Đái. Mửa. Thối hoăng, Markus văng tục.

Cứ bao giờ mẹ bênh bố nó là nó lại nổi cáu. Bố nó bỏ rơi cả mẹ lẫn nó chứ, bỏ cả nó! Bố gây cho mẹ bao nhiêu là chuyện. Mặc dù nó còn nhỏ, không biết hết được, như mẹ nó vẫn nói, nhưng ít nhiều nó vẫn biết, vẫn nhớ bị bỏ rơi là thế nào. Nhớ kinh sợ là thế nào, bị hành hạ là thế nào. Nó nhớ tiếng mẹ khóc thút thít, cố nén để nó khỏi nghe thấy, nó vẫn nhớ bố nó làm gì với mẹ nó ở phòng bên, hình như là kéo tóc, kéo lê trên mặt sàn thì phải, bởi mẹ có lần bảo *bố giỏi lôi kéo đàn bà* mà lại. Bây giờ thì nó biết, nói thế là có nghĩa khác cơ, nhưng tiếng mẹ nó thút thít thì nó nhớ như in, cũng như cảnh nó nằm lặng ra đấy vì sợ, nó cũng nhớ, lúc còn bé, nó rất hay bị ốm, mọi sự đều do nó bị bỏ rơi, mẹ nó làm nghề tâm lý nên mẹ nó

biết, hay tại sao, trước khi mẹ nó tặng nó cái bùa xua mộng, nó cứ hay mơ, đôi khi ngay giữa ban ngày, thấy toàn đầu cá chết.

Trụ sở hợp tác xã hiện ra trước mặt hai mẹ con. Một bãi đất rộng bỏ hoang, chất đầy các loại máy móc hoen gỉ giữa đám cỏ dại mọc cao. Tiếp đến là trại tập trung lợn, một công trình toàn bằng bê-tông thường cứ hiện lên trước mắt nó mỗi khi ở trường, chúng nó phải hát:

Tổ quốc ta, không chỉ là phố xá với làng quê...

- Tại sao lúc nãy mẹ bảo hôm nay sinh nhật bà?

- Ấy là nói thế, cho qua chuyện, mẹ nó đáp.

Nhưng nó thừa biết không phải chỉ là cho qua chuyện. Để ông Klaus biết mình đi dự sinh nhật cố Wilhelm, mẹ nó ngượng. Ông Klaus là người nhà thờ, cố Wilhelm người của đảng, chẳng thể hợp được nhau. Có điều, ông Klaus có biết cố Wilhelm là ai đâu (cả bà ngoại ông ấy cũng không quen), cho nên việc gì mẹ phải nói lảng như thế. Song, thay vì nói thế với mẹ nó, nó lại hỏi:

- Ông Klaus chống CHDC Đức, đúng không mẹ?

- Ông Klaus không chống CHDC Đức, mẹ nó đáp. Ông ấy muốn CHDC Đức tốt lên thôi, có nhiều dân chủ hơn.

- Thế sao ông ấy làm mục sư?

- Tại sao lại không chứ? mẹ nó nói. Ai cũng đấu tranh cho dân chủ được. Với lại, làm mục sư ông ấy dễ tổ chức cầu nguyện cho hòa bình hơn chẳng hạn.

Markus không thích tiếp tục câu chuyện, nó đánh hơi thấy mẹ nó lại định thuyết phục nó, nhưng chính nó, nó thấy các buổi cầu nguyện cho hòa bình ấy đến ghê cả người, cái trò mọi-người-nắm-tay-nhau-cùng-hát, cái trò ồn ào nhốn nháo ấy, rồi sau đó ai nấy lăn ra ngủ ở khu nhà vườn nhà nó, có người còn uống say rồi tè lên cà chua nhà nó: Vì một nước CHDC Đức tốt đẹp hơn! Làm thế nào để được như thế thì chịu, nghe cứ như câu đố.

Phía đằng xa là Tây Berlin, những ngôi nhà hộp mới xây màu trắng, trông cứ như là tương lai vậy. Thằng Frickel đang ở đấy.

- Sao mình không làm đơn xin xuất cảnh hả mẹ? nó hỏi.

- Nếu hôm nay mẹ con mình nộp đơn, giá đơn có được duyệt, thì chắc cũng phải đợi đến khi con mười tám, có khi hai mươi cũng nên, may ra mới xuất cảnh được.

- Hay mình trốn đi, Markus chợt nói.

- Nói khẽ chứ, mẹ nó ngăn.

Bỗng dưng nó thấy ý tưởng ấy thật tuyệt vời. Chỉ cần làm thế là mọi sự cũng cho qua nốt, cả làng Groβkrienitz lẫn xưởng đồ gốm của mẹ nó. Bố nó sẽ ngớ ra nhìn theo cho mà xem.

- Thế cậu định chuồn bằng cách nào hả cậu? mẹ nó hỏi.

- Mọi người làm sao, mình làm thế. Đi qua Hungari, chứ sao nữa.

- Chẳng dễ thế đâu, mẹ nói nhỏ, như thể mẹ sợ bà già ngồi phía trước là người của Stasi vậy. Muốn thế mình phải có giấy phép vào

Hungari, nhưng bây giờ giấy không cấp nữa rồi. Với lại, con nghĩ mà xem, có sang bên ấy thì con sẽ chẳng bao giờ gặp lại bạn bè con cả.

- Có chứ. Thằng Frickel đấy thôi.

- Ừ, thì Frickel. Thế những đứa khác thì sao?

- Thằng Lars đằng nào cũng ở bên ấy rồi.

- Thế ông bà thì sao? Cả bố con nữa?

- Cái lão khỉ gió ấy, Markus đáp.

- Này Markus, mẹ nghiêm giọng, hay hai bố con có chuyện gì hả? Con có định nói mẹ biết không đấy?

- Cứt. Đái. Mửa. Thối hoăng, Markus nói lảng và nhìn theo mấy khối nhà màu trắng đang dần dần trôi qua.

Khoảng một tiếng sau, lúc đã đứng trước nhà ông bà có nó, nó nhớ lại mấy cái vòng bằng đồng thau để gõ cửa treo ở cánh cửa vào nhà. Cái vòng có hình con rồng kiểu Tàu, nhưng hàm rồng đúc giống hệt mấy cái đầu cá nó thường mơ. May quá - chắc là để trừ ma - phía dưới đầu cá có dán mảnh giấy viết dòng chữ: *không gõ cửa!* Markus chợt nhớ, nhiều mảnh giấy như thế dán khắp nơi trong nhà, kiểu như: *chỉ dành cho khách* hoặc *công tắc bị hỏng,* hoặc *cắm chìa khóa phía trong,* thậm chí *Chú ý, lối xuống tầng hầm* dán ở cửa cầu thang, như thể vì lo nhà quá lớn nên dễ quên mất lối xuống tầng hầm vậy.

Hai mẹ con chưa kịp bấm chuông thì cửa đã mở ra và trước mắt hai mẹ con là một người đàn ông mặc com-lê màu xanh da trời, trán hằn những nếp nhăn to như mấy khúc dồi.

- Đồng chí... là..., ông ta nói.

Ông ta rõ ràng không biết ai đang đứng trước mặt, nhưng vẫn làm bộ như thể chỉ không nhớ tên thôi.

- Tôi là Umnitzer, mẹ nó nói rồi chỉ vào Markus, đây là chắt của ông bà Wilhelm.

- Chắt cụ đến thăm ạ, người đàn ông nói lớn vào trong. Ông ta nắm tay Markus lắc lắc.

- Ghê thật, ông ta nói. Ghê thật!

Thật lạ lùng, ngay cả khi ông ta cười, những nếp nhăn to như mấy khúc dồi trước trán vẫn không hề nhúc nhắc. Ông ta nói với mẹ:

- Thưa đồng chí, tôi được trao nhiệm vụ đỡ giấy bọc hoa cho đồng chí.

Mẹ nó chẳng nói chẳng rằng đưa giấy gói hoa cho ông ta.

Trong hành lang, cái vỏ ốc khổng lồ tỏa sáng, đúng như nó vẫn còn nhớ, chỉ có điều căn phòng có vẻ tối hơn lần trước nó đến đây. Hai mẹ con đứng lạc lõng ở đó mất một lát thì bà cố hiện ra, như một bóng ma ngay trước mặt. Bà cố nhìn hai mẹ con có vẻ như dò hỏi khiến Markus đã nghĩ, không khéo cố không nhận ra mình. Song bà cố nói:

- Hai mẹ con đến thăm thật là tuyệt. Cố rất mừng!

Một người đàn bà bước tới, đỡ áo choàng cho mẹ nó.

- Nếu ở lối sau không còn chỗ thì đem áo xuống dưới tầng hầm nhá, bà cố nói theo bằng một giọng nghe như xoáy vào tai. Rồi bà cố lại quay về phía hai mẹ con.

- Khiếp quá đi mất, bà nói.

Markus không hiểu bà cố nói vậy là nghĩa làm sao.

- Tôi kiệt sức rồi, bà cố nói, đúng là hết sức rồi.

Bà cố đưa tay ôm lấy mặt, giữ yên như thế một lúc, lâu đến mức Markus bắt đầu thấy ái ngại. Chợt bà cố nói:

- Không nói gì nhá! Rõ chứ?

Giọng cố lại nhói lên gay gắt.

- Không nói gì về Hungari cả nhá! Không nói gì cả! Nhất định không nói nhá. Rõ chưa?

- Vâng, rõ ạ, mẹ nó đáp.

Bà cố cúi xuống, nói gần như thì thầm:

- Ông ấy không chịu được nữa đâu.

- Được rồi ạ, mẹ nó lại nói.

- Thế thì tuyệt, bà cố lại nói như sáo thổi rồi xoa đầu Markus. Cháu bây giờ lớn quá nhỉ.

- Cháu mười hai tuổi rồi đấy ạ.

Bà cố gật gật đầu.

- Cháu là Melitta hả? Melitta chứ gì, đúng không?

- Vâng, mẹ nó đáp. Đúng ạ.

Bà cố xoa đầu nó lần nữa, cười với nó lần nữa rồi đột nhiên, thậm chí hơi khùng khùng, lại đổi giọng nói:

- *Vamos*[78] !Nhớ không nói gì cả nhá!

Vừa bước vào phòng lớn nó đã nhớ ngay đến Bảo tàng tự nhiên, mọi thứ ở đây đều để trưng bày, đều có vẻ gì đó tiền sử và cái mùi ở đây cũng vậy, bụi bặm, nặng nề và nghiêm trang, xung quanh toàn giá sách màu đen có cửa kính, và nhìn chéo qua cánh cửa kéo nối hai phòng thành một phòng rộng như cái hội trường này, nó thấy khu nhà kính mùa đông, là nơi như nó vẫn biết, chứa chất phần lớn các báu vật ở nhà đây.

Ở giữa phòng là bàn tiệc ghép thành từ nhiều chiếc bàn khác nhau (và cao thấp cũng khác nhau nốt). Quanh bàn tiệc đã có khá nhiều người ngồi. Nó không thấy bố nó ngồi ở đấy. Thoáng nhìn qua nó cũng không thấy bà nội nó đâu. Ngồi quanh bàn hầu hết là người già, rất già. Markus nghĩ bụng, cảnh tượng này trông giống như cảnh một bầy khủng long tụ tập uống cà phê, ăn bánh ngọt và cãi vã với nhau. Có điều sao ai nấy đều có vẻ xúc động và tranh nhau nói, như thể họ vừa thức dậy từ giấc ngủ từ thời tiền sử đến giờ và thi nhau nói cho bằng được những điều mà cả triệu triệu năm trước họ chưa kịp nói vậy.

Cách xa bàn tiệc lớn, ở tít tịt góc trái còn độc một người, cũng một con khủng long nữa, dường như chưa tỉnh hẳn, đang ngồi khuất trong bóng do tấm cửa dẫn vào nhà kính hắt vào. Đúng vậy, bóng người gầy guộc, xương xẩu, ngồi co ro, hai đầu gối quá tai kia cùng đôi cánh tay tựa hai bên ghế ngồi cũng như cái mũi diều hâu to tướng làm nó nhớ đến phiên bản hóa thạch của một loài bò sát đã bị tuyệt chủng từ lâu, loài pterodactylus, thằn lằn bay, vốn vẫn làm Markus say mê nhất ấy.

- Cháu Markus, bà cố nói với con khủng long bay. Chắt ông đấy!

- Cháu mừng sinh nhật cố ạ, Markus nói lầm bầm rồi chìa bức tranh cho ông cố.

Con khủng long bay nghiêng nghiêng đầu, quay quay cái mũi diều hâu.

- Cố không nghe thấy gì nữa đâu, bà cố thì thầm vào tai nó.

- Con kỳ nhông, con khủng long bay nói khò khè.

- Con rùa nước đấy ạ, Markus nói to. Nó không muốn nói chính xác hơn làm gì (rằng thực ra, trên bức tranh là con đồi mồi).

- Cố cũng chẳng thấy gì nữa đâu, cố bà lại thì thào.

- Cháu Markus rất yêu động vật đấy ạ, mẹ nó nói chêm vào.

Con khủng long bay ngồi yên, không động đậy một lát, rồi nói:

- Này Markus, cố mà chết thì cháu được thừa kế con kỳ nhông trên giá sách kia.

- *Cool,* Markus nói.

Nó chưa bao giờ được "thừa kế" cái gì của ai, cho nên nó không chắc lắm, chả biết nó có phải cảm ơn, hay liệu nó có được phép vui mừng không. Nếu mừng thì chả hóa ra mừng vì cố Wilhelm chết à! Song cố Wilhelm bỗng nói:

- Tốt nhất mày cứ lấy đem về luôn đi.

- Ngay giờ ạ?

- Lấy luôn đi, cố Wilhelm nói, cố chẳng sống được mấy bữa nữa đâu.

- Nhưng con phải đi chào mọi người đi đã, mẹ nó nói với theo.

Markus ngoan ngoãn đi bắt tay người này đến người khác. Cái tiếng xì xào kèm theo *Chắt của cụ đấy, chắt cụ đấy!* dĩ nhiên, làm nó ngượng, nhưng cũng làm nó hãnh diện thế nào đó.

- Chà, tuổi thiếu niên, một bà tóc nhuộm vàng nói, giọng nghe phì phì.

- *Da zdravstvuyet,* một ông to béo, đầm đìa mồ hôi, mặt đỏ gay do nói nhiều, rống lên.

Mọi người nâng cốc mừng lớp thanh thiếu niên.

Ông nội Kurt còn ôm lấy nó - đây không phải chuyện ông hay làm đâu, vì mọi khi ông nội là người chẳng thích ôm ấp và, như thế, làm Markus rất khoái. Mà nói chung, nó rất quý ông nội và cứ thấy ái ngại cho ông, khi thấy ông mỗi lần nó đến chơi là lại cố dạy cho nó một trò chơi gì

đó gọi là *có ích cho cuộc đời sau này*. Ông nội Kurt là thế, rất hiền, nhưng khó tính ra phết.

- Bà nội đâu ạ? Markus hỏi.

- Bà không được khỏe, ông nội đáp.

- Bà ốm ạ?

- Ừ, ông nội Kurt nói. Chắc phải nói bà ốm mới đúng.

Cuối cùng đến lượt cố Nadya. Nó hơi sợ bắt tay cụ. Cố Nadya ở bên kia, chỗ bà nội Irina, mỗi lần đến là nó lại phải vào phòng để chào cố, mà trong ấy có cái mùi gì kinh lắm, ngửi thấy ngòn ngọt, xộc vào mũi làm ngạt thở, khiến nó sau khi xong nghĩa vụ chào hỏi chỉ muốn chuồn ngay, nhưng bao giờ cái bẫy cũng sập rồi, tức là tay cố, tay bà già nhé, nắm lấy tay nó như gọng kìm, rồi trong khi nó sắp hết cả hơi, bà cố vừa tuôn ra những tràng tiếng Nga vừa kéo nó đến bên giường. Bàn tay như gọng kìm của cụ sẽ chưa mở ra đâu, nếu nó chưa chịu nếm của cụ một viên kẹo sô-cô-la nhân rượu mà nó rất ghét ấy.

Thì nó vẫn biết bà cố thương nó, rõ là như thế rồi, cho nên nó vẫn gắng để cụ không nhận ra vẻ gì khó chịu ở nó cả. Ngay cả lúc này, trong lúc chìa tay bắt tay cụ, nó bất giác chỉ thở bằng mồm nhưng vẫn làm bộ mặt vui vẻ và bụng bảo dạ sẽ bỏ ngoài tai tràng âm thanh khó hiểu mà thể nào cố cũng sẽ tuôn ra. Song, nó ngớ cả người, khi nghe cố Nadya chỉ nói có mỗi một tiếng duy nhất, tuy phát âm có sai (vì cụ đánh trọng âm vào âm cuối), nhưng nó lại hiểu được:

- Affidersin.

Auf Wiedersehen, chào tạm biệt, Markus thở phào đáp lại rồi bỏ ngay ra chỗ khác.

Trước hết nó đến ngắm con kỳ nhông giờ đã thuộc về nó. Đúng là một tiêu bản tuyệt vời, không hư hỏng chút nào, ngoài cái móng bị thiếu. Vảy con kỳ nhông hơi bám bụi và nó đã thấy vui vui vì khi về nhà nó sẽ được dùng chổi lông chải cho sạch. Không biết có nên đem con kỳ nhông cất vào chỗ nào chắc ăn hơn không, ai biết được ấy, chốc nữa cố Wilhelm lại quên hết mọi sự thì làm sao? Nhưng cất vào đâu bây giờ? Mà thôi không sao, đã có khối người làm chứng cố ông tặng nó con kỳ nhông. Nghĩ vậy, nó nhất định tiếp tục ngó nghiêng chỗ này chỗ nọ, bất chấp mẹ nó đang làm bộ điệu, mà không nói thành tiếng, bắt nó ngồi vào bàn uống cà phê với mọi người.

Phòng cố Wilhelm tuy không hấp dẫn bằng nhà kính, trừ con kỳ nhông, trừ luôn cả chiếc mũ sombrero to đùng cũng như sợi dây thòng lọng và chiếc thắt lưng tết bằng da (đeo cả bao súng lục nhá!) treo trong hốc tường xây bít một khung cửa cũ, nhưng Markus vẫn thong thả ngắm nghía mọi thứ ở đây lần nữa cho chắc ăn. Có mấy thứ bằng bạc, như bát tô to hay gạt tàn thuốc, nhưng cũng có thứ bằng vàng hoặc bằng pha-lê xanh, chắc là quý lắm, được cẩn thận phủ rèm để trong những ngăn riêng trên giá sách. Có hẳn cả một ngăn Nga, trong đấy là mấy con búp-bê gỗ có thể lồng vào nhau, mấy chiếc thìa gỗ sơn hoa nhiều màu, lại thêm khối gì đó bằng thủy tinh đặc, bên trong là mô hình điện Kremlin bé *tí teo* và nếu lắc lắc cái khối ấy lên sẽ có tuyết rơi. Ngoài ra, còn cái tượng đầu Lenin, bằng thạch cao, sứt một bên tai.

Mấy tấm ảnh đóng khung dựng trong ngăn tủ kính cao lưng lửng trông cũng hay hay. Một tấm chụp cố Wilhelm đứng cạnh một chiếc mô-tô

cũ kỹ từ thời tiền sử (không biết bộ quần áo có mặc có phải quân phục không?), đội mũ da ôm khít đầu và đeo kính đen (nó nhận ra cố nhờ cái mũi), ngồi trong thùng xe bên cạnh là một người đàn ông mặc com-lê. Phải ông Karl Liebknecht không nhỉ? Song bức ảnh đã cũ, nhìn không rõ, vả lại, hồi ấy hình như ai cũng để ria xồm xoàm.

Một tấm khác chụp trên tàu thủy. Không biết đây là tàu đưa ông bà cố từ Mexico về hay tàu đưa các cụ đến đó nhỉ? Làm thế nào mà hồi ấy hai cụ trốn khỏi nước Đức được nhỉ?

Ngoài ra là ảnh một người đàn bà trẻ, đẹp, mái tóc đen và đôi mắt sáng. Và, chỉ dựa vào kiểu cách để tóc mà đến tận giờ bà vẫn giữ mới có thể nhận ra người trong ảnh cũng chính là người đang hớt hải bước vào và rít lên nhắc nhở khách khứa quanh bàn tiệc:

- Kìa, các vị, tôi xin các vị!

Nhưng chuông đã lại reng. Cố bà biến ra ngoài hành lang và tiếng chuyện trò tào lao ồn ào của đám khủng long, chợt lắng trong giây lát sau lời nhắc nhở, lại nổi lên nhao nhao. Bất chấp lời dặn, mọi người bàn tán về *tình hình chính trị* và về Hungari lẫn những của nợ khác kiểu như thế. Markus ngạc nhiên thấy đám khủng long này cũng đồng ý kiến với mục sư Klaus ở Groβkrienitz:

- *Nhều rân trủ* hơn, ông to béo mặt đỏ gay, hét to, ngọng nghịu. *Túng* ta cần *nhều rân trủ* hơn!

Nhưng cố bà đã trở vào, vỗ vỗ tay chen vào:

- Các đồng chí, cụ nói to, các đồng chí, đề nghị im lặng nào.

Một người đàn ông mặc com-lê màu xanh lơ bước vào. Trông ông này rất giống thầy Brietzke hiệu trưởng trường nó. Ông ta cầm trên tay một cái cặp giấy màu đỏ. Ai đó gõ vào thành cốc thủy tinh kêu leng keng. Markus nghĩ bụng, chắc bây giờ sang phần lễ chính thức, hình như sẽ có diễn văn. Không biết bố đâu nhỉ?

- Thưa các đồng chí, kính thưa đồng chí Powileit đáng kính, ông hiệu trưởng cất lời và giọng ông ta ngay từ đầu đã gây buồn ngủ, như mọi diễn văn khác đều vậy, khiến Markus đã nghĩ không biết nó có nên lợi dụng lúc vẫn còn lộn xộn để chuồn nhanh sang nhà kính không, nhưng đã muộn, nó đành phải chờ. Nó đang đứng bên cửa sổ, trước bàn giấy của cố Wilhelm, cũng là thứ đáng cho vào bảo tàng rồi, với vô số đồ vật thuộc mọi thời đại đang nằm trên bàn: dao mở thư (nhiều con một lúc), bút chì gỗ (màu đỏ) và chiếc kính lúp rất to. Trong lúc ông hiệu trưởng thuật lại tiểu sử cố Wilhelm, Markus chợt nhớ đến dạo ấy, dạo cố Wilhelm đến thăm lớp nó, cố cũng kể về "cuộc đảo chính Kap"[79] khiến nó rất ngạc nhiên, và mặc dù nó chẳng biết cái xứ ấy như thế nào, nó đã tưởng tượng thấy cố nội nó hồi xưa ở Kap Hoorn, đầu đội mũ sombrero, tay lăm lăm khẩu súng côn cưỡi ngựa xung phong và - đoàng một phát - cố ngã ngựa. Chắc chắn mọi sự không phải như nó tưởng tượng ra, Markus nghĩ bụng, có lẽ thủ lĩnh tên là "Kap" chăng? Có thể thủ lĩnh chính là người ngồi thùng xe mô-tô trong ảnh chăng? Ảnh chụp lúc hai người lên đường làm đảo chính chắc? Hay đấy là ảnh thời quốc xã nhỉ, tức là dạo cố Wilhelm, nói như ông hiệu trưởng đang kể lể, phải hoạt động bí mật, và hóa trang thành lính SA? Về sau, ông hiệu trưởng nói tiếp, cố Wilhelm phải trốn khỏi nước Đức, nhưng trốn bằng cách nào thì ông hiệu trưởng không nói lộ ra, khiến Markus lại phải tự hỏi lần nữa, chẳng lẽ hồi ấy ở Đức không có biên giới hay sao? Hay biên giới không có ai canh gác? Mà dạo ấy cố bà Charlotte ở đâu chứ?

- ... trao cho đồng chí Powileit yêu quý Huân chương Tổ quốc ghi công hạng Nhất, Markus nghe ông hiệu trưởng nói đến đoạn kết. Nghe ghê thật đấy, Huân chương Tổ quốc ghi công. Nghe có hơi hướm của thời Hoàng đế và chiến tranh, lại hạng nhất, bằng vàng nữa. Ai nấy vỗ tay và ông hiệu trưởng, tay cầm cái huân chương, bước về phía cố Wilhelm.

Nhưng cố Wilhelm chẳng buồn đứng dậy, chỉ giơ tay lên nói:

- Tôi đủ xèng trong hộp rồi.

Ai nấy cười, mỗi bà cố lắc lắc đầu. Rồi ông hiệu trưởng gắn huân chương cho cố Wilhelm và mọi người lại vỗ tay, còn đứng cả dậy, và dường như ai nấy tự dưng không biết làm sao để dừng, thành ra cứ vỗ tay, vỗ mãi, vỗ mãi, ngay cả đến lúc cố bà nói chen vào bằng giọng như sáo thổi vẫn còn chưa thôi ngay:

- Tiệc buffet bắt đầu đấy!

Bàn buffet đặt ở phòng bên. Markus chớp nhanh một khúc xúc xích nhỏ rồi lẩn ra phía nhà kính. Chưa gì nó đã như ngửi thấy cái mùi quen thuộc, đầu ngón tay nó như đã có cảm giác gai gai của da cá nhám, thứ da hợp thành từ vô vàn chiếc răng nhọn, cứ thường xuyên rụng cái cũ lại mọc cái mới ấy. Thậm chí nó đã cẩn thận phòng xa, chỉ cầm xúc xích một tay, tay phải thôi, nhằm giữ sạch tay trái để chốc nữa còn sờ da con cá nhám. Nhưng cửa vào nhà kính bị khóa. Có một mảnh giấy, như tờ giấy niêm phong, dán đè lên khe giữa hai cánh có thể đẩy ra đẩy vào về hai phía: *cấm vào !* Markus chăm chú nhìn qua tấm cửa kính vào bên trong. Mọi thứ vẫn bày biện như nó nhớ. Kia là bộ da rắn hổ mang cùng mũi cá đao, ở góc khác là con cá nhám nằm lấp ló sau mấy tàu lá đa búp đỏ; chỉ có bồn phun nước nhỏ là không phun nữa. Và, kiễng chân lên, nó thấy sàn gỗ lát trước

cánh cửa dẫn ra sân hiên bị ngấm nước cong vống lên, hình như còn bong cả ra. Tiếc thật, Markus nghĩ, không phải tiếc cái sàn gỗ lát, mà tiếc số đồ vật hay hay trông có vẻ bị quên lãng, chẳng ai ngó ngàng đến thế kia, và nó chợt tự hỏi, không biết liệu nó có được *thừa kế* bộ da rắn hổ mang lẫn mũi cá đao và con cá nhám không. Nhưng, chắc là, khi nào cố bà chết, thì đến lượt ông nội Kurt cái đã, khi nào ông nội Kurt chết thì đến lượt bố nó, dài quá, thứ tự dài quá là dài, cho nên hy vọng độc nhất có lẽ là may ra nó sẽ được tặng mấy thứ đó trước khi đến lượt. À, hay là xin bố nhường lượt cho mình nhỉ? Nhưng bố đâu mới được chứ? Markus nhìn quanh một lượt, nhưng dĩ nhiên chả thấy bố nó đâu. Cứ lúc nào nó cần đến bố thì bố lại vắng mặt. Như bây giờ chẳng hạn, lúc nó cần nhờ xin bà cố khó tính cho nó vào nhà kính! Có được ông bố mà chẳng bao giờ thấy mặt ông ấy đâu, rõ chán! Bọn bạn nó, bao giờ cũng thấy bố chúng nó ló mặt, độc mỗi nó, Markus Umnitzer, là trúng một ông bố chết tiệt, chẳng bao giờ thấy mặt đâu. Lão khỉ gió.

Nó quay lại bàn buffet, nhón thêm khúc xúc xích nhỏ nữa. Mẹ nó đang ngồi ở phòng bên kia, cạnh ông nội Kurt. Bởi mẹ không thích nó cứ ăn độc mỗi xúc xích, nên nó tránh mặt mẹ, cứ loanh quanh ở phòng buffet cái đã, lơ đãng ngắm nghía lô hiện vật của người da đỏ mà cố bà nó lúc nào cũng hãnh diện khoe, rồi, khi nghe thấy chuông cửa ngoài, kín đáo nhìn xem có phải bố nó đến không. Và, sau khi đã chén nốt xúc xích mà lão khỉ gió chết tiệt vẫn chưa đến, nó nhăm nhăm sẽ tự tìm cố bà để hỏi xem liệu có thể cho phép nó được ngoại lệ vào thăm nhà kính không. Song, lúc nó vừa chùi tay vào quần cho sạch và ngó nghiêng toan tìm cố bà thì ở phòng bên cạnh bỗng dưng im bặt, rồi một lát sau, nó nghe một giọng hát cao, khe khẽ cất lên, hơi cao để bảo là giọng đàn ông, hơi trong để bảo là giọng một loài khủng long gần tuyệt chủng, nhưng giọng hát đúng thật là của cố Wilhelm. Cố ngồi một mình trong góc, tối nhá nhem, mắt nhắm nghiền

còn miệng thì *hát,* hát một mình những lời thoạt nghe cứ như là vớ vẩn cố vừa bịa ra. Ấy nhưng không phải. Đó là những lời hát gì về Lenin với Stalin. Có ai đấy thậm chí định hát theo, nhưng không thật thuộc lời, nên cố Wilhelm - con khủng long pterodactylus ấy, con thằn lằn bay còn mỗi da bọc xương, đeo huân chương trên ngực như nhà vô địch Thế vận hội ấy - cứ thế một mình, solo, hát hết bài.

Mọi người lại vỗ tay. Cố Wilhelm phẩy tay bảo thôi, nhưng chẳng ăn thua gì, mọi người vẫn vỗ tay không ngớt, như thể vừa xong một màn diễn tuyệt vời. Mỗi cố bà là nhăn mặt, rõ ràng là ngượng thay cho cố ông, và Markus chợt do dự không biết bây giờ có phải là lúc nên xin cố bà cho nó vào nhà kính không thì - thật ai mà tin được - một người khác, hay đúng hơn là một *bà* khác, cất tiếng hát. Đấy là cố Nadya. Bỗng dưng cụ lắc lư bên này bên kia theo nhịp và bằng một giọng trầm, khô khan, bắt đầu phát ra những âm thanh tiếng Nga khiến mọi người xung quanh lập tức chú ý. Họ suỵt soạt - khẽ nào - đến cả cố bà Charlotte cũng bị suỵt, và ai nấy hướng nhìn với vẻ khuyến khích về phía cố Nadya, một vài cái đầu thậm chí đã bắt đầu lắc lư theo nhịp. Đến lúc cố Nadya hát đến lần thứ hai hay thứ ba gì đó, như kiểu điệp khúc, trong đó có lẽ lời ca duy nhất mà mọi người đều hiểu là *vodka, vodka* thì lẻ tẻ bắt đầu có người hát họa theo, vào đúng đoạn *vodka, vodka,* còn cố Nadya vẫn tiếp tục nghiêm trang hát cho bằng hết đoạn này đến đoạn khác. Rốt cuộc, tất cả mọi người có mặt, mà to nhất là lão béo có bộ mặt đít khỉ đầu chó, cùng gào lên *vodka, vodka* và vỗ tay theo nhịp *vodka, vodka*. Khó mà tin được chuyện gì đang diễn ra ở đây. Cuộc liên hoan của loài khủng long! Thế là bố không được dự nhá, Markus nghĩ thầm và lại nhìn quanh, với ý nghĩ biết đâu bố nó đã đến từ lúc nào mà nó không hay. Song, thay cho khuôn mặt bố nó, nó lại nhìn thấy giữa đám những khuôn mặt hí hởn đến rồ dại ấy, giữa đám những khuôn mặt nhăn nhở, hở răng hở lợi và say mèm ấy, một khuôn mặt nghiêm nghị,

hờ hững, hoàn toàn bàng quan trước mọi sự đang diễn ra xung quanh, một khuôn mặt gầy và méo mó, mang một vết nho nhỏ bị nhiễm trùng dưới lông mày.

Đúng lúc ấy ở phòng bên có tiếng gì loảng xoảng rồi tiếng ai đó kêu lên, và Markus phải khó nhọc mới len qua đám người bất chợt tràn sang đó để đến được chỗ mẹ nó.

- Có chuyện gì thế, hả mẹ? nó hỏi to.

- Mình đi về, mẹ nó nói.

- Sao bây giờ đã về?

- Ra ngoài kia rồi mẹ nói, Melitta đáp vội.

Hai mẹ con ra về, không chào tạm biệt cả ông bà cố nội. Nó mang con kỳ nhông về theo.

Đêm đến nó lại nằm mơ thấy đầu cá đã bị chặt rời khỏi thân.

NĂM 1979

Ngay đến lớp tuyết trắng, phủ từ nhiều ngày nay vì dân tình không kịp dọn, cũng không làm khu phố này dễ nhìn hơn chút nào. Hai dãy nhà cho thuê cao ngất ngưởng bên trái bên phải đường phố trông đến thảm hại. Mặt ngoài trát vữa của những ngôi nhà này, trừ nơi nào vỡ bục để nhe ra lớp gạch xây, đều đen sạm vì khói lò sưởi than. Ban công, cái nào cái nấy trông như thể sắp đổ rơi xuống đầu người qua lại đến nơi.

Gây đổ nát không cần súng đạn, ông chợt nhớ câu chuyện tiếu lâm bảo đấy là khẩu hiệu của các sở nhà đất địa phương.

Bên kia, ở quận Wedding[80], có thể thấy một loạt những ngôi nhà mới xây trông tinh tươm đẹp đẽ vươn lên. Không biết dân Tây Berlin sẽ nghĩ gì nhỉ, khi nhìn qua bức tường Đông Tây thấy cảnh tượng khốn khổ này?

Nhà số 16 trông như thể không có người ở. Địa chỉ sai à? Cánh cửa chính dẫn vào nhà để ngỏ. Ông Kurt bước vào khoảnh hành lang chính đã tàn tạ của ngôi nhà. Trên nóc còn sót lại ít phù điêu hoa đắp nổi. Cứ như cung điện của công chúa ngủ trong rừng.

Mấy tấm biển cũ kỹ, nào cấm thú nuôi, nào cấm chơi bóng, nào cấm để xe đạp.

Cánh nhà bên phải. Thùng thư treo lủng lẳng, nắp mở toang. Cánh cửa mở rộng, không đóng lại được do một lớp băng dày trên nền nhà bịt kín mất ngưỡng cửa. Ống dẫn nước vỡ, ông Kurt nghĩ bụng, câu nói cửa miệng của thiên hạ vào mùa đông này. Sau lần nhiệt độ đột ngột tụt mạnh xuống vào dịp cuối năm, ống dẫn nước khắp nơi trong thành phố thi nhau vỡ toác.

Ông Kurt dò dẫm đi trên nền nhà phủ băng, leo cầu thang, gõ vào cánh cửa bên phải. Ông thầm hy vọng sẽ không ai mở. Thì ông sẽ có cớ để nói, ông đã gắng tìm. Nhưng, nếu có nói vậy thì lợi lộc gì cơ chứ? Irina sẽ cuống cuồng đi báo cảnh sát, hay kinh khủng hơn, tự mò đến đây. Lạy Chúa! Bà ấy mà thấy *những thứ này* thì thôi, hết chuyện.

Có tiếng sột soạt. Tiếng chân bước. Cửa mở và Sasha hiện ra. Anh mặc một chiếc áo len màu xanh da trời gớm ghiếc, vá víu lộ liễu. Tóc cạo trọc như tóc phạm nhân. Trông anh gầy guộc, gương mặt có vẻ mềm yếu lạ lùng và ánh mắt nhìn - có vẻ ngơ ngơ dài dại thế nào đó.

- Bố vào đi, Sasha nói và làm một cử chỉ như thể anh đang mời bố vào một lâu đài vậy.

Ông Kurt bước vào căn hộ trống không. Chẳng thấy có đồ đạc gì - mà cũng chẳng có đồ đạc gì thật. Hành lang trống trải đến rợn người. Bếp không có lấy chút bàn ghế nào. Mọi thứ đồ dùng trong bếp đều nằm hỗn độn trên mặt bếp lò. Trong căn phòng chính, nền trơ trụi, không trải thảm, quét sơn đỏ. Một bóng đèn trần trụi không chao, treo lủng lẳng. Một cái tủ. Một tấm nệm giường. Một chiếc bàn học sinh, loại thường dùng trong trường học, quét sơn màu xanh lơ, trên đó để chiếc máy chữ.

Sasha chỉ vào chiếc ghế độc nhất kê trong phòng.

- Bố ngồi đi, anh nói. Bố uống trà nhé?

Ông Kurt vẫn đứng, nhìn quanh.

Gạt tàn thuốc đầy ắp nằm trên bậu cửa sổ. Sách xếp lổn ngổn dưới nền nhà.

- Con chưa kịp sắp xếp mọi thứ cho thật ổn, Sasha thanh minh.

- Thế à, ông Kurt nói.

Ông nhìn xuyên qua cánh cửa sổ băng đóng thành vân như hoa, thấy mấy cây dương trong sân sau, cành đen ngòm hướng lên trời.

- Anh ở đây có giấy phép, hay cái gì đại loại như thế không vậy?

Sasha cười, lắc đầu.

- Vậy làm sao vào được đây? Chìa khóa đâu ra thế?

- Con lắp ổ khóa mới.

- Tức anh định bảo anh phá cửa vào chiếm nhà ở đây.

- Bố ơi, cái xó này bị bỏ hoang từ lâu. Có ma nào ngó đến đây đâu.

Ông Kurt ngắm nghía cái lò sưởi ốp gạch men. Đằng sau cánh cửa lò bằng gang hé mở, một ngọn lửa nhỏ đang bập bùng. Bên cạnh lò, một thùng các-tông nhỏ đựng than đốt. Thế này là phạm quy định sử dụng đây, ông Kurt nghĩ thầm. Nhưng ông lại nói to:

- Thôi được rồi, đi ăn cái gì đi.

Trời đã tối hẳn. Chỉ khoảng một nửa số cột đèn vốn đã có từ trước chiến tranh là còn sáng. Một thùng rác cháy, bốc khói mù mịt.

- Chỗ này đẹp đây, ông Kurt nói.

- Vâng, Sasha đáp, khu đẹp nhất Berlin đấy.

Hai bố con đi nối đuôi nhau, bởi chỉ có một lối đi hẹp, do người đi đường giẫm lên lớp tuyết dày mà thành. Sasha đi trước. Anh khoác trên người cái áo khoác có mũ trùm đầu của lính, sờn rách và quá mỏng manh. Áo paca, hình như thiên hạ gọi loại áo này như thế.

- Thế cái áo lông cừu đâu? ông Kurt hỏi.

- Vẫn ở chỗ Melitta, Sasha lầu bầu.

- Vẫn ở chỗ Melitta, ông Kurt cũng lầu bầu.

- Bố bảo sao? Sasha hỏi gặng.

- Không sao, ông Kurt đáp.

Cuối cùng hai người cũng ra đến đại lộ Schonhauser. Giờ bố con đi cạnh nhau.

- Mẹ anh lo lắm đấy, ông Kurt khơi chuyện.

Sasha nhún vai:

- Con ổn mà.

- Thế thì bố cũng mừng, ông Kurt nói. Vậy chắc anh cũng có thể nói bố rõ xem có chuyện gì chứ.

- Có chuyện gì đâu ạ. Con vẫn đây, vẫn sống đây. Mọi sự đều tuyệt vời.

- Melitta bảo anh muốn xin ly dị.

- Bố mẹ đến chỗ Melitta à?

- Cô ấy đến thăm.

- Hay quá nhỉ, Sasha nói.

- Thế Melitta không được đến thăm bố mẹ à?

- Ơ kìa, sao lại không! Con còn mừng là đằng khác, vì tự dưng bố mẹ lại đâm ra thân thiện với cô ấy.

- Ít gì Melitta cũng là mẹ thằng cháu nội của bố mẹ, ông Kurt nói. Mà bố mẹ cũng có muốn như thế đâu. Đấy là anh muốn vậy, anh muốn lấy vợ. Anh muốn có đứa con. Hồi ấy bố mẹ đã chẳng khuyên...

- Đúng rồi, Sasha thản nhiên nói, hồi ấy bố mẹ khuyên bọn con bóp cho nó chết đi.

- Bố mẹ chỉ khuyên anh chớ vội vàng cưới vợ, cưới một người anh chưa biết gì nhiều. Bố mẹ chỉ khuyên anh chưa nên có con lúc anh mới có hai mươi hai tuổi...

- Okay, Sasha nói, nếu bố muốn nghe con thừa nhận như thế thì, vâng hồi ấy bố nói đúng. Chúc mừng bố dạo ấy nói đúng. Được chưa ạ?

Ở góc phố Gleim có quán Vineta. Ngoài cửa có treo tấm biển viết tay: "Đóng cửa vì lý do kỹ thuật".

Cả hiệu ăn bên kia đường cũng đóng cửa nốt. "Nghỉ thứ Hai".

Hai bố con đi tiếp về phía trung tâm. Xe cộ chạy ầm ầm thành từng đợt lướt qua. Ông Kurt đợi một lúc để khỏi hét lên, rồi ông cố khơi chuyện lần nữa:

- Nào phải chuyện ai đúng ai sai. Bố chẳng trách móc gì anh. Thế nhưng, gì thì gì anh cũng đã lấy vợ, anh cũng đã đẻ một đứa con, thì giờ đây anh cũng phải có chút trách nhiệm nào đó chứ. Anh không thể chỉ vì một khó khăn nào đấy mà vứt hết, rồi bỏ chạy. Vợ chồng là thế, là đôi lúc có chuyện này chuyện nọ.

- Vợ chồng con nào có chuyện gì đâu, Sasha chống chế.

- Thế hả, vậy thì chuyện gì? ông Kurt hỏi.

Sasha lặng thinh.

- Bố xin lỗi, nhưng bố nghĩ, bố mẹ cũng có quyền được biết xem có chuyện gì. Anh cứ thế là biến đi hàng tuần, chẳng tin tức gì... Lẽ nào anh không nghĩ ở nhà sẽ như thế nào ư? Bà Nadya khóc suốt ngày. Mẹ anh thì sắp phát điên đến nơi. Bố chẳng biết mấy tuần vừa rồi mẹ anh già đi thêm bao nhiêu.

- Thôi, con xin bố, bố đừng bắt con chịu thêm cả tội làm mẹ già đi đấy.

Ông Kurt đã định nói đôi lời bác lại, song Sasha không để ông kịp nói nữa. Anh nói toáng lên.

- Đáng tiếc là con không sống theo ý mẹ con muốn được. Con có quyền được sống cuộc sống của riêng con chứ, con có quyền được có chuyện vợ chồng thế này thế nọ chứ, con có quyền được đau đớn...

- Sao bảo vợ chồng anh không có chuyện gì?

Sasha không nói gì.

- Anh có cô nào khác hả?

- Con tưởng Melitta kể hết rồi.

- Melitta không kể gì cả.

- Không, chẳng có cô nào khác cả, Sasha đáp.

- Thế thì là chuyện gì?

Sasha cất tiếng cười.

- Thế nhỡ Melitta có anh nào khác thì sao? Cũng có thể như thế chứ! - Ở đây có gà nướng nguyên con này.

Hai bố con đang đứng trước cửa hàng Goldbroiler ở góc phố Mila. Ông Kurt đã chẳng thiết ăn gà nướng nguyên con, lại càng không thích ngồi dưới đèn nê-ông bên mấy cái bàn nhựa sprelacart[81]. Song, ông ngán nhất phải đứng xếp hàng giữa trời lạnh giá. Dân tình xếp hàng ra tận cửa kia thôi.

- Còn gì g`ần đây không?

- Bên kia là Cà phê thành Viên, Sasha đáp.

- Ở đấ`y có gì ăn không?

- Độc bánh ngọt thôi.

- Ở đâu đây chắc phải có cái gì ăn được chứ, ông Kurt càu nhàu.

- Thịt nướng Balkan, Sasha đáp và chỉ tay v`ề hướng quảng trường Alex.

Hai bố con lại đi tiếp.

Gió thổi mạnh. Một đoàn tàu điện ng`ầm U-Bahn `ầm `ầm chạy qua. Ở đoạn này, tàu điện ng`ầm chạy lên cao, như tàu treo, trong khi tàu nhanh S-Bahn lại chạy xuyên phía dưới qua phố. Thế giới lộn ngược, ông Kurt nghĩ bụng.

Ông cố bình tâm, thử hình dung Melitta bỏ Sasha đi ngoại tình. Bảo rằng Sasha bội tình Melitta, thì chắc ông sẽ chẳng bất ngờ. Nhưng nếu ngược lại? Đó quả là đi`ều đáng ngạc nhiên và, thật lòng mà nói, ông còn cảm thấ`y, vâng, ít nhi`ều hả dạ. Vâng, vợ ch`ồng thời hiện đại! Vâng, bình với đẳng! Trong chuyện này, cứ kiểu vợ ch`ồng cổ điển mà diễn, ông còn sướng bằng vạn.

Ông nói to:

- Bố hiểu, chuyện như thế chắc chắn làm con bu`ồn.

- Bố hiểu thì hay r`ồi, Sasha đáp.

- Bố hiểu, ông Kurt nói tiếp, dù con có không tin hay không tin cũng vậy. Ít gì thì bố cũng có chút ít kinh nghiệm *ở* đời. Có điều bố không hiểu sao con lại chui vào cái xó ấy mà ở?

- Thế bố bảo con ra sở thú ở à?

- Vậy anh nói tôi biết, sao anh không ở trong căn hộ của anh.

- Thì con chả nói với bố rồi thôi. Vì Melitta ở đấy, với...

Sasha phẩy tay.

- Sao - hắn ta cũng *ở* đấy à?

Sasha không đáp.

- Nhưng anh không thể cứ thế là bỏ căn hộ được.

- Kìa bố, đằng nào thì tòa cũng chia căn hộ cho Melitta cơ mà.

- Thế nhưng anh sẽ mất quyền lợi của anh chứ.

- Bây giờ bố đang lo chuyện gì nào? Lo về căn hộ à?

- Xin lỗi nhá, ông Kurt nói. Cũng đáng lo chút ít về căn hộ đấy. Mẹ anh đã lo giúp vợ chồng anh căn hộ ấy, vì Melitta mang thai nên mẹ anh còn giúp anh dán giấy lên tường. Giờ anh bỏ mặc tất cả và mẹ anh lại chạy lo cho anh căn hộ khác hả.

- Bố thấy chưa, sự tình chính là đấy đấy! Sasha đứng dừng lại, nói gần như hét lên.

- Phải rồi, ông Kurt nói. Sự tình chính là đấy đấy.

Sasha lại phẩy tay, bỏ đi tiếp.

- Bố không hiểu sao anh lại không biết nghĩ gì cả thế, ông Kurt nói với theo.

Sasha vẫn chẳng nói chẳng rằng đi tiếp.

- Còn chuyện này bố nói để anh biết, nếu chuyện anh phá cửa để vào đấy mà lộ ra... Như thế là *phạm pháp*, anh biết chứ? Thì chuyện học hành đại học của anh cũng xong luôn.

- Chuyện đại học của con cũng coi như xong rồi, Sasha nói rồi mở cửa bước vào tiệm Thịt nướng Balkan.

Chẳng còn cách nào hơn, ông Kurt đành miễn cưỡng bước vào theo.

Trong tiệm, ngay sau cửa ra vào đã lố nhố mấy người đứng chờ đến lượt được xếp chỗ. Sasha cùng ông Kurt cũng đứng xếp vào hàng, để chờ. Tiệm ăn đúng là chật ních khách. Một gã chạy bàn béo mập, tóc đen - ông Kurt nghĩ ngay, tay này chắc người Bulgari - lăng xăng chạy đi chạy lại làm khung cảnh càng có vẻ chộn rộn. Gã mặc com-lê đen và chiếc áo sơ-mi trông không được sạch sẽ cho lắm. Cái bụng gã trồi lên bên trên thắt lưng, còn cái đầu có vẻ như sưng lên do quá căng thẳng.

- Cho hai xa-lát shopska, hai thịt rán kebab nhá, gã rống lên bằng giọng sệt Berlin về phía bếp.

Gã là người duy nhất ở đây tự cho phép gây ồn ào. Khách ăn hạ giọng nói chuyện có vẻ nhún nhường và chỉ lên tiếng rụt rè mỗi khi gọi thêm món. Ông Kurt chợt nghĩ đến lớp chỉnh huấn đảng hằng năm diễn ra

chiều nay, một loại lớp học ngu xuẩn, gọi là *hằng năm* nhưng tháng nào cũng bắt con nhà người ta học. Đề tài nêu ra hôm nay là *Lý luận và kinh nghiệm thực tiễn của công tác tiếp tục xây dựng cộng đông xã hội chủ nghĩa phát triển*.

- Ông bà đợi ở đây bao lâu rồi ạ? Sasha hỏi hai người đứng trước anh trong hàng.

Đấy là hai người cỡ tuổi trung niên. Họ thoáng nhìn nhau, như thể để ngầm thỏa thuận câu trả lời mà người đàn ông sẽ chịu trách nhiệm phát ngôn, còn người đàn bà chỉ mấp máy môi đánh vần theo, đồng thanh, bằng giọng vùng Sachsen:

- Ba mươi phút rồi.

Hai người gật gật đầu.

- Ở đâu cũng đóng cửa, một người đàn ông khác chen vào, giọng Berlin. Do khủng hoảng năng lượng đấy. Còn có cái này mở là may rồi, ông ơi.

Cặp kia lại gật gật.

- Các vị biết chuyện tếu này chứ, ông người Berlin vì lý do gì đó chợt hứng lên thì thầm hỏi mọi người đứng quanh. Bốn kẻ thù chính của chủ nghĩa xã hội là gì, biết không?

Hai ông bà kia liếc nhanh nhìn nhau.

- Bốn mùa! Xuân-Hạ-Thu-Đông, ông kia nói, rồi khúc khích cười.

Cặp kia liếc nhìn nhau.

Sasha cười to.

Ông Kurt biết chuyện này rồi. Tay Gunther kể ông nghe trước phiên họp chi bộ hôm nay.

Mươi mười lăm phút sau hai bố con bỏ đi. Thôi thì ít nhất họ cũng sưởi ấm được chút đỉnh.

- Bên kia đường có cửa hàng Stockinger, Sasha nói. Nhưng đắt lắm.

- Ôi giời, cứ sang đi.

Hai bố con chuyển sang bên kia đại lộ Schönhauser. Cửa hàng ăn Stockinger đúng là vẫn còn mở thật. Hơn nữa, một vài bàn vẫn còn trống. Thế nhưng, treo ngay ở cửa là tấm biển ghi:

XIN KHÁCH CHỜ XẾP CHỖ.

Một lát sau, một tay tiếp viên thắt nơ ở cổ hiện ra.

- Chúng tôi đi hai người, Sasha nói.

Tay tiếp viên nhìn Sasha từ đầu đến chân. Áo choàng vá víu, quần jean loang lổ, đôi giày thể thao xây xước và lấm bẩn.

- Hiện nay chỗ ngồi đều đặt trước hết rồi, tay tiếp viên nói.

- Sao không thấy có biển ghi để trên bàn, hả anh? Sasha hỏi vặn.

- Tôi đã bảo chỗ ngồi đều đặt trước hết rồi mà lại. Các ông thử sang bên Thịt nướng Balkan xem sao.

Sasha không nói không rằng, cứ thế đi thẳng vào trong.

- Sasha, thôi, đừng làm thế, ông Kurt ngăn.

Tay tiếp viên chạy theo Sasha, toan nắm tay anh.

- Xin anh đừng động vào người tôi, Sasha nói to.

- Mời anh ra khỏi cửa hàng ngay, tay tiếp viên lên giọng.

Sasha ngồi xuống bên một bàn ăn còn để trống, tay vẫy vẫy gọi ông Kurt:

- Bố, vào đây bố.

Một tay tiếp viên thứ hai bước đến, lát sau, thêm tay thứ ba. Ông Kurt bỏ ra, đứng chờ ở ngoài. Một lúc sau Sasha cũng chạy ra.

- Sao lại thế, sao bố không vào trong ấy?

- Thôi, con ạ, bố không muốn có chuyện lôi thôi, ông Kurt nhăn nhó. Mình đi tìm chỗ khác.

- Ở đây chẳng tìm được gì nữa đâu. Quán Bắc Kinh là quán đồng tính. Dưới ga tàu điện ngầm, may có xúc xích luộc là cùng.

Hai bố con tiếp tục đi dọc theo phía trái đại lộ Schonhauser về phía quảng trường Alex. Ông Kurt đợi một lúc, trước khi đặt lại câu hỏi làm ông băn khoăn suốt từ nãy đến giờ.

- Này, anh bảo chuyện đại học của anh coi như xong nghĩa là sao?

- Có nghĩa là con không đi học nữa.

- Anh viết xong luận văn tốt nghiệp rồi à?

- Không, con không viết luận văn tốt nghiệp.

- Này, anh hóa điên rồi hay sao đấy?

Sasha không nói gì.

- Học sắp xong, sao anh lại quẳng hết đi. Không có bằng tốt nghiệp thì anh định làm gì? Ra công trường hay sao?

- Con không biết, Sasha đáp. Nhưng con biết con *không* muốn cái gì. Con không muốn suốt đời cứ phải nói dối.

- Vớ vẩn, ông Kurt đáp. Thế anh bảo cả đời tôi, tôi chỉ nói dối à?

Sasha lặng im.

- Chính anh, tự anh chọn môn anh học, ông Kurt tiếp. Không ai buộc anh học sử cả. Ngược lại...

- Vâng, bố ngăn con, con biết. Con làm gì bố chả ngăn. Bất cứ là cái gì! Con nên mừng bố không ngăn con tồn tại ở đời mới phải.

- Đừng ăn nói hồ đồ thế, ông Kurt gắt.

Song ý nghĩ ấy có vẻ làm Sasha khoái chí.

- Nhưng con vẫn sống đây này. Vẫn sờ sờ ra đây này.

Ông Kurt đứng dừng lại. Ông cố giữ giọng thật bình tĩnh.

- Anh nghe tôi nói đây, ít nhất anh hãy nghe tôi lấy một lần. Giờ anh đang lúc hoang mang. Đã lúc hoang mang thì đừng quyết định gì cả.

- Con hoàn toàn tỉnh táo đấy chứ, Sasha đáp. Con chưa bao giờ tỉnh táo như bây giờ.

Anh thở phì phì, nhìn bố chằm chằm. Lại ánh mắt ngơ ngơ dài dại ấy!

- Thôi được, ông Kurt nói. Tùy, anh muốn làm gì cứ việc. Nhưng rồi...

- Nhưng rồi sao ạ? Sasha hỏi gặng.

Ông Kurt chả biết nói thế nào hơn:

- Thì sẽ tiêu mọi chuyện chứ sao.

- Ô hô, Sasha kêu lên. Ô hô!

- Anh điên rồi, ông Kurt nói.

Lời ông nói chìm đi trong tiếng ồn của xe hơi chạy qua. Ông nhắc lại, hay đúng hơn là gào lên:

- Mày điên thật rồi!

- Bố, Sasha cũng rống lên, trỏ ngón tay vào ông Kurt, bố can con đừng học sử, nhưng chính bố lại là dân sử học! Vậy thì ai điên đây ạ?

- Thôi, thôi. Giờ anh lại định dạy tôi đấy. Như thế là hết chỗ nói rồi! Anh mà phải sống như tôi thì anh đã tiêu từ lâu!

- À, bây giờ sang chuyện đó, Sasha nói, giọng đột nhiên trở nên bình thản.

- Đúng rồi, bây giờ đến chuyện đó, ông Kurt hét. Và, mặc dù tiếng xe cộ chạy đã bớt ồn, ông vẫn hét to. Anh cứ như chuột sa chĩnh gạo! Mẹ anh lo nhà lo cửa cho anh, bố anh trả bảo hiểm xe hơi cho anh...

Sasha tháo một chiếc chìa khóa khỏi chùm rồi chìa ra trước mặt ông Kurt.

- Đây, con trả bố chìa khóa xe đây.

- Giời đất ạ, ở nơi khác người ta chết đói, chết khát.

Sasha ném chiếc chìa khóa xuống đất, quay người bỏ đi.

- Đúng thế đấy, ở nơi khác thiên hạ phải chịu đói, chịu khổ.

Gió thổi ào ào.

Một người đàn bà đi bộ về phía ông Kurt, lúc đến gần chị ta làm một vòng rộng tránh xa ông ra.

Lại một chuyến tàu điện ngầm chạy qua, về hướng quảng trường Alex. Hành khách trong các toa ngồi bất động - trông cứ như mấy hình nộm bằng bia. Đoàn tàu chạy dần dần từ trên cầu cao xuống, cứ thế từ từ biến mất vào lòng đất. Cùng tất tật số hình nộm kia. Xéo hết cả xuống mồ đi, ông Kurt thầm rủa, nhưng cũng không rõ rủa ai.

Chiếc chìa khóa Sasha vứt xuống dưới chân ông, giờ đã chìm biến vào trong tuyết. Ông Kurt lôi kính ra đeo. Lớp tuyết ố vàng, trông bẩn thỉu, khiến ông ngại thọc tay xuống. Ông lấy chân dò dò tìm chiếc chìa, nhưng

không thấy. Rốt cuộc, ông vẫn đành thọc tay xuống mò mẫm tìm. Nhưng chìa khóa đã biến đâu mất. Cũng xuống nốt dưới mồ rồi chắc!

Ông Kurt lại đi tiếp, đuổi theo con trai. Ông đi nhanh, nhưng không chạy. Từ chỗ tàu điện ngầm chui xuống lòng đất trở đi, đại lộ Schonhauser biến thành một khu trơ trụi. Chẳng hàng quán gì. Không một khung cửa kính trưng bày hàng quảng cáo nào. Không một bóng khách bộ hành nào, trừ cái bóng gầy gò, trơ trọi của con trai ông, chừng năm sáu chục thước phía trước.

Cả ngoái lại nhìn nó cũng không, cứ thế lầm lũi đi.

Phía bên trái bây giờ là nghĩa địa Do Thái, đúng hơn là bức tường dài bao lấy khu nghĩa địa phía trong. Ông chưa vào đây bao giờ mà cũng chẳng bao giờ muốn vào. Thật tình mà nói, ông thấy ghê ghê các nghĩa địa. Điều đáng ngạc nhiên là ở đây chẳng khi nào thấy người ra vào. Kỳ quặc hơn nữa là tàu điện ngầm ở đây chạy sát sạt nghĩa địa, hẳn cũng là để đưa hành khách đi thử một chuyến xuống lòng đất, chắc chắn là ngang tầm mắt với người chết nằm đây.

Ông Kurt sực nhớ lời Melitta mới kể rằng gần đây, Sasha say sưa đọc Kinh Thánh. Cô ấy còn quả quyết, Sasha quay ra tin Chúa thế nào ấy nữa cơ...

Phải đấy là lý do vì sao trong mắt nó có vẻ gì ngơ ngơ dài dại không nhỉ?

Đối diện là khu nhà có cổng vòm kỳ quái đã bị hư hại. Ông Kurt hoàn toàn không biết xuất xứ lẫn mục đích của khu nhà này là gì, ông chỉ biết ở đâu đó đằng sau, trong sân sau của nó là nhà in báo *Nước Đức mới*.

Và, cái sự thật là ở đó, thỉnh thoảng các ý nghĩ của ông lại tuồn qua một cái máy in nào đấy để lên mặt báo, làm ông vui vui, mặc dù các bài trên *ND* - mà phần lớn là do người ta mời ông viết nhân một dịp kỷ niệm nào đấy - chắc chắn không nằm trong số công trình khoa học sáng chói của ông.

Thì anh cứ đọc cho biết tôi đã viết thế nào nào.

Không được, vớ vẩn. Thử tìm cách nói khác xem sao.

Anh cứ đọc hết những thứ tôi viết đi đã, rồi hẵng phán gì thì phán.

Nghe được hơn. Phải nhớ lấy, có dịp sẽ nói.

Cột đèn ở phố Wilhelm Pieck[82] chuyển sang đỏ. Sasha dừng lại chờ. Kể cũng lạ là cu cậu vẫn tuân thủ luật giao thông.

Ông Kurt đuổi kịp Sasha trước lúc đèn chuyển sang xanh. Rồi hai bố con sánh vai đi qua đường. Ông Kurt thoáng nghĩ trong giây lát, chả biết có nên khơi chuyện "Chúa" ra không. Song, khơi ra làm gì? Vả lại, khơi thế nào bây giờ? Chả lẽ ông phải thật sự nghiêm túc hỏi Sasha xem cậu ta có tin Chúa không à? Riêng cái từ "Chúa", nếu đúng là ông định hỏi về Chúa thật, nghe đã điên rồ rồi.

Hai bố con đi ngang nhà hát kịch nói Volksbuhne, sân khấu nhân dân. Ở đây đang diễn vở *Thằng ngốc*.

Họ lặng lẽ đi tiếp. Quảng trường Alex vẫn đang xây. Gió rít lên giữa các giàn giáo. Gọng kính của ông Kurt lạnh buốt, đến mức hai bên thái dương cũng đau nhức. Ông bỏ kính ra, kéo khăn quàng cổ lên kín mũi

và bỗng lấy làm ngạc nhiên, làm sao mà hồi ấy ông lại chịu đựng nổi. Chưa đến ngưỡng ba mươi lăm độ âm thì họ vẫn còn phải ra ngoài trời, vào rừng taiga làm lao công.

Gió mà mạnh, thì chỉ âm ba mươi.

Hai người đã xuyên qua cái khe giữa tòa nhà khách sạn cao tầng và cửa hàng bách hóa Warenhaus rồi đi xéo qua quảng trường trống, mà ông Kurt vẫn chẳng biết sao lại đi như thế và đi đâu. Gió thổi xoáy, xốc từng cơn vào người vào mặt họ làm chảy cả nước mắt nước mũi. Ông Kurt lấy tay che mắt, gồng mình ngược gió, loạng choạng, mò mẫm tiến tới trên mặt đất gồ ghề đóng băng trơn. Ông chẳng biết con trai ông còn đi bên cạnh không, ông cũng chẳng ngoái nhìn về phía con ông, ông không nghe thấy gì sất, chỉ thấy cảm giác đau buốt bất chấp cả đôi găng tay lông cừu vẫn lan dần đến mấy đầu ngón tay, và ông tưởng tượng ra cảnh, lúc về đến nhà, ông sẽ phải thú nhận vừa để lạc Alexander ở ngoài quảng trường Alexander, đúng quảng trường trùng với tên nó, như thể trời đã định sẵn quảng trường này sẽ nuốt chửng con ông, như thể số phận đã chọn trước nơi đây làm nơi Sasha tan vào không trung hoặc chim xuống đất. Đầu óc đến vớ vẩn, ông Kurt nghĩ thầm. Chỉ sểnh một cái đã nảy bao nhiêu ý nghĩ thật điên rồ.

- Mình đi đâu thế này nhỉ? Sasha bỗng hỏi.

Hai bố con đang đứng dưới chân đồng hồ thế giới, ở New York là mười hai rưỡi, ở Rio - ba rưỡi. Xung quanh loáng thoáng vài bóng người co ro lạnh cóng đã bất chấp giá buốt hẹn hò nhau ở đây. Dân tình chả thích hẹn gặp nhau ở đây, bên đồng hồ thế giới này mà lại, làm như thể tại đây họ sẽ cảm nhận được chút gì đó của thế gian bao la rộng lớn ở ngoài kia.

- Xuống mồ, ông Kurt buột miệng.

- Đúng rồi, chỗ ấy đang mở cửa đấy. Bố con mình vào đấy, kẻo con cóng hết người đây này.

Ý Sasha nói là cửa hàng tự phục vụ ở tầng dưới nhà lầu Alexanderhaus. Ông Kurt đã từng đến đó một lần duy nhất. Mười năm trước, lúc mới khai trương, cửa hàng ăn này từng là cửa hàng sang trọng bậc nhất. Hiện giờ nó đã bị một lớp gỉ đồng nhầy mỡ và hôi hám phủ kín. Những bóng người tối tối tạt vào đây, sao trông mặt mũi ai nấy đều dữ dằn, thô thiển, và ông Kurt luôn có cảm giác họ tàn phế suốt cả lượt.

Khách khứa tự chọn lấy thức ăn từ một loạt máy tự động kê thành dãy. Trên mặt quầy có đặt nồi xúp thịt kho nóng, tám mươi nhăm xu một suất. Ông Kurt chẳng nghĩ ngợi lâu, múc ngay một bát tô. Từ ngày dạ dày bị cắt mất một phần, ông đã bỏ thói quen nếm xem món ăn có cay hay mặn quá không. Ông ăn tất và ăn thế nào cũng thấy ngon miệng. Sasha cũng chọn xúp thịt. Hai bố con cùng đến bên một chiếc bàn đứng, xúc xúp lên miệng. Ăn cũng được chứ không đến nỗi dở. Ông Kurt thấy khoan khoái trở lại ngay, nghĩ đi nghĩ lại xem có nên múc suất nữa không, nhưng rồi tự kiềm chế, nghe theo lời bác sĩ đã dặn ông, ăn mỗi bữa ít thôi, nhưng nhiều bữa.

Ăn xong món xúp thịt, hai bố con còn lưu lại một lúc bên bàn. Qua tấm cửa kính rộng ông Kurt dõi theo luồng xe chạy phía ngoài, bên mép quảng trường Alexander và trong đầu ông nảy ra ý nghĩ thật cám dỗ, lát nữa sẽ bắt taxi về nhà, hay ít nhất cũng đến Karshorst. Ông chợt nhớ ra số tiền đã đếm sẵn, nãy giờ vẫn nằm trong túi áo măng-tô. Ông lôi xấp giấy bạc ra, tất cả hai trăm mác, rồi toan đưa cho Sasha, khuất dưới gầm bàn.

- Còn cái này cho anh đây, ông nói.

- Con không cần đâu, Sasha đáp.

- Thôi, không phải thế! Cứ cầm lấy.

- Con có hết những thứ con cần mà, Sasha vẫn một mực.

Ông Kurt lưỡng lự, chả biết có nên cứ thế nhét xấp tiền xuống dưới bát xúp cho Sasha rồi bỏ đi không. Nhưng rồi ông lại nhét tiền vào túi.

Hai bố con chia tay trước cửa hàng ăn, ôm vai nhau như mọi khi rồi gật gật đầu tạm biệt. Đoạn, Sasha quay về theo đường lúc nãy họ vừa đi, còn ông Kurt đi về phía nhà ga. Đang leo cầu thang dẫn lên chỗ đợi tàu nhanh S-Bahn, ông chợt dừng lại, nghĩ bụng, ối giời, kệ, bắt taxi về đã chết ai. Ông quay người, theo cầu thang đi xuống.

Tại bãi đậu taxi cạnh nhà ga, đúng vẫn còn một chiếc đang chờ khách thật. Ông Kurt lên ngồi ghế sau. Xe Volga, rộng rãi, đệm ngồi êm và có mùi xe Nga như mọi loại xe Nga khác, một thứ mùi luôn làm ông ít nhiều liên tưởng đến Moskva. Loại xe taxi Pobeda hồi xưa cũng có mùi na ná thế này.

- Cho về Neuendorf, phố Am Fuchsbau số bảy, ông Kurt nói rồi chờ tài xế thế nào cũng hỏi lại. Về đâu cơ? Neuendorf là đâu thế? Fuchsbau nào nhỉ?

Nhưng không, anh tài lẳng lặng gập tờ báo đang đọc rồi nổ máy cho xe chạy.

Trong xe rất ấm. Ông Kurt bỏ áo măng-tô ra, lấy hai trăm mác trong túi áo (cầm số tiền trên tay lúc này, ông có cảm giác như mới nhặt được dọc đường) và cho lại vào ví... Không biết nói lại với Irina thế nào đây?

Chiếc xe Volga phóng dọc theo đại lộ Adlergestell với tốc độ hơi cao hơn được phép một chút. Ông Kurt điểm lại trong đầu các chi tiết diễn ra trong buổi chiều không vui vừa qua. Ông cân nhắc, liệu ông có thể giảm nhẹ hay bỏ qua chi tiết nào đặc biệt khó chịu mà vẫn không mang tiếng cố tình giấu nhẹm hay không. Ông như đang nghe thấy cái giọng cố ý nhẹ nhàng và gắng vẻ ôn tồn của chính mình khi kể lại mọi sự cho vợ nghe.

Ông hình dung ra khuôn mặt bà; hình dung ra màu son bôi môi của bà, thứ son vẫn để lại vết trên đầu lọc điếu thuốc bà hút ấy. Ông thấy rõ đôi môi vợ, đôi môi gần đây không được chăm chút lắm và vẫn giần giật run lên mỗi khi bà bắt đầu mở một tràng xỉ vả mới nhằm vào Melitta...

Ông Kurt tính nhanh trong đầu, nhờ đi taxi ông sẽ dư ra được khoảng một tiếng. Ông đi với Sasha bao lâu thì khó có ai dò cho đúng được. Bây giờ là bảy giờ tối... Thôi kệ, ông Kurt chặc lưỡi. Mẹ kiếp, kệ mẹ nó.

- Anh biết phố Garten ở Potsdam không? ông hỏi anh tài.

- Phố rẽ từ đại lộ Lenin vào, phải không ạ.

- Đúng rồi. Anh đưa tôi đến phố Garten.

- Không về Fuchsbau nữa ạ? tài xế hỏi lại.

- Thôi, ông Kurt đáp. Phố Garten, số hai bảy.

NĂM 2001

Trong lúc chờ xe chuyển bánh, một ý nghĩ bất chợt làm anh kinh hãi. Tay *mestizo*[83] mập, lùn, bộ dạng nhà quê, đang vừa dùng tăm xỉa liên hồi hàm răng hở toang hoác vừa ồn ào nhóp nhép hít hà kia mà đến ngồi cạnh mình thì chết dở. Người đàn ông quả nhiên tiến mỗi lúc một gần tới chỗ Alexander đang ngồi, ngó nghiêng lâu đến sốt cả ruột so số từng ghế ngồi với số ghi trên tấm vé của ông ta. Mãi đến lúc một hành khách khác giúp ông ta tìm thì mới vỡ lẽ ông đã lần đi quá chỗ cần tìm ở phía trước khá xa.

Vậy là ghế ngồi cạnh Alexander vẫn trống. Nhưng thay vào đó là một loại hình tra tấn khác. Chả là, xe vừa chạy thì ông tài liền cho bật máy video trên xe và mới được vài phút đã bắt đầu chiếu bộ phim tự quảng cáo, trong đó một con thỏ hồng to quá cỡ nói giọng nheo nhéo giả tạo đóng vai chính.

Chuyến đi nghe nói sẽ kéo dài những sáu tiếng. Thế mà, mới khoảng một tiếng thì nỗi khó chịu ban đầu của Alexander về sự ồn ào xung quanh đã kịp biến thành căm tức thật sự. Trước hết là căm lão tài mà anh cho là chủ ý bật máy video chiếu phim, nhưng cũng tức cả những người ngồi cùng xe vì họ đâu chẳng mảy may để ý đến bộ phim kia, người lên giọng tiếp tục nhao nhao trò chuyện, người mắt vẫn dán vào màn hình nhưng lại gật gà gật gù thiu thiu ngủ, có người, thật không thể tin được, lại thật sự ngủ ngon lành.

Đêm qua Alexander chẳng ngủ được mấy. Hai nút bịt tai nhét dưới chiếc gối, lúc đầu còn mới nguyên, sau bị anh vò nhàu ấy, lúc anh đi Teotihuacán về đã biến mất tự bao giờ. Cô bé hầu phòng lúc thay chăn nệm chắc đã quẳng đi đằng nào. Anh mất công tìm mãi trên chiếc bàn kê bên giường ngủ, lục lọi trong buồng tắm, thậm chí bới cả thùng rác, nhưng vô ích, hai thỏi chất dẻo con con màu vàng ấy đã biến đâu mất. Bực điên người vì tiếng sủa tiếng hú của hai con chó trên nóc nhà, sáng anh dậy sớm. Rồi, sau khi nghe tay thanh niên mặt mày nhẵn nhụi ở quầy lễ tân cam đoan không còn phòng nào trống để đổi cho anh, anh quyết định lên đường ngay. Anh ăn sáng trước khi hai cô Thụy Sĩ kịp xuất hiện, lấy ba-lô, rồi trong tiếng rền rĩ phát ra từ loa của đám bán CD rong, xuống tàu điện ngầm ra bến xe khách trung tâm, gọi là bến TAPO, mua vé xe ca đi Veracruz[84].

Veracruz. Anh không biết tí gì về thành phố này cả, chỉ biết bà nội anh hồi xa xưa từng đi tàu thủy cập bến ở đây. Và, anh biết câu chuyện về người đàn ông từng nhảy xuống nước ở cảng. Và, như anh còn nhớ, cái gã Hernán Cortés ấy đã cùng khoảng hai trăm lính đổ bộ nhằm chinh phục lãnh thổ của người *Mexika*. Ngoài ra, anh chẳng biết gì hơn.

Lẽ ra anh có thể xem thêm trong quyển *Backpacker,* giá anh còn đem nó theo. Nhưng anh không mang nó theo, anh cố tình để nó nằm lại trên mặt bàn bên giường ngủ trong khách sạn.

Xe chạy được hai tiếng thì bộ phim con thỏ hồng đến hồi kết thúc. Đến lượt bộ phim khác. Đến một lúc nào đó thì Alexander đành chịu thua. Anh đã tính nhất quyết không nhìn vào bất cứ cái nào trong số bốn màn hình, vâng, như cố tình chĩa vào anh, và lục lại trong đầu vài câu tiếng Tây Ban Nha cần thiết để khi đến Veracruz sẽ đòi hãng xe ca trả lại một phần

tiền vé (ít nhất cũng phải lấy phần gọi là vé bổ sung hạng nhất - hay phần bổ sung hạng nhất chính là lối chiếu phim vô tội vạ được xem là "ưu tiên" này đây?). Vâng, trong lúc đầu óc anh bắt đầu hiểu ra sự vô ích của việc tranh cãi với một tay nhân viên hãng xe mặc đồng phục nào đấy thì trên bốn màn hình chĩa về phía anh, chuyện phim bắt đầu. Một anh lính đi tàu hỏa làm quen với một cô gái trẻ. Chả biết thế nào mà vài phút sau anh lính đã đeo vào ngón tay cô gái chiếc nhẫn cưới anh ta vô tình mang theo trong hộp kẹo nhân rượu. Gần như cùng lúc đó, một người đàn ông xuất hiện sau bụi nho rồi giương súng bắn hai người. Hóa ra đó là ông bố cô gái. Đoạn còn lại diễn ra trong vườn nho, xoay quanh chuyện gia đình. Anh lính yêu cô gái, ông bố gây rối, hộp kẹo nhân rượu đã được chia cho một lô một lốc cô chú, bà con. Cảnh trong phim cho thấy thu hoạch nho vui nhộn biết bao và, chiếu theo kịch bản, xuất hiện phong cảnh hùng tráng hoặc tiếng nhạc làm nền cho tâm trạng các nhân vật trong phim. Rồi ông bố vô tình châm lửa đốt vườn nho, lửa khói ngùn ngụt như napalm... Đến đây thì ông tài tắt máy video, dừng xe cho khách nghỉ giải lao đi tiểu.

o0o

Từ bến xe ca Veracruz, anh bắt taxi đi tiếp. Anh không hỏi tay lái xe về bất cứ khách sạn nào, mà để phòng hờ, chỉ nói tên phố có cái khách sạn ở *centro histórico* anh vừa thấy trên tấm quảng cáo ở bến xe.

- Phố Miguel Lerdo.

- Khách sạn Imperial phải không ạ? tay tài hỏi.

- Không, Alexander đáp gọn lỏn.

Anh làm bộ hằm hằm, dữ tợn. Anh quyết liều một chuyến. Xe chạy dọc một đại lộ hai bên trồng cọ đến một đoạn đường bị ùn tắc. Tay tài xế cho xe chạy ngoằn ngoèo qua khu phố cổ. Nhà cửa ở đây trông xinh xắn, phần lớn ba tầng quét màu tùng lam do nắng chiếu mà nhạt đi. Người bộ hành chen chúc. Trời nóng nực, oi bức. Khi chạy qua các hẻm phố hẹp, đủ thứ mùi lọt qua cửa sổ xe mở rộng vào trong, mùi dầu rán, mùi nước cống, mùi nước hoa toát ra từ một cửa hiệu làm đầu, mùi khí thải xe hơi, mùi bánh tortilla mới ra lò. Và ở một đoạn phố xe phải dừng lại chờ mấy anh thợ đang bốc lô túi vải nhựa từ một xe tải xuống, thì quả thật, có mùi phân đạm như trong nhà kính bà nội anh.

Alexander trả tiền taxi, cố che kỹ ví tiền để chờ gã lái cho xe chạy khuất hẳn mới thôi. Sát bên khách sạn Imperial là một khách sạn nhỏ, giản dị, giá phòng hai trăm peso một đêm. Anh trả trước tiền phòng cho cả tuần để nhận căn phòng ở tầng hai, cửa sổ trông ra khu quảng trường xinh xắn có tháp chuông ở giữa và trồng nhiều cọ. Xung quanh là các tòa nhà sơn màu tùng lam. Có thể do những cổng vòm liên tiếp nhau, ban bóng mát cho vô số những quán nước, hàng ăn mà Alexander nghĩ đây là kiểu kiến trúc Âu châu thời thuộc địa. Song, anh chợt nghĩ, không chừng tiếng ồn ào từ hàng quán kia, nhất là từ phòng ăn của khách sạn bàn ghế kê ngay dưới cửa sổ phòng anh sẽ làm anh mất ngủ. Anh bèn nói hai cô gái ở quầy lễ tân đổi cho anh căn phòng yên tĩnh và biệt lập hơn. Mặc dù hai cô đều như một nghiêm trang thề thốt chắc như đinh đóng cột rằng về đêm khu quảng trường rất yên ắng, Alexander vẫn đòi đổi phòng cho bằng được. Thay cho căn phòng sáng sủa, rộng rãi có cửa sổ trông ra khu quảng trường lúc nãy, bây giờ anh nhận một căn phòng nhỏ, không cửa sổ, ánh sáng nhợt nhạt chiếu xuyên qua mấy khối thủy tinh xây lẫn vào tường và khí trời lọt vào trong nhờ máy lạnh. Anh đoán căn phòng không xứng với số tiền anh đã trả, thế nhưng giấc ngủ đối với anh quý hơn cảnh đẹp bên ngoài.

Anh dùng bữa trong một nhà hàng gọi là *restaurante familiar*. Cậu bồi bàn, một thanh niên chừng hai nhăm tuổi mặc áo phông có cổ màu xanh da trời, để quyển sổ tay đã mở sẵn lên bàn cho anh tự ghi mã số của món ăn anh chọn vào đấy. Rồi anh ta đem sổ đến quầy, trao cho một người đàn bà trẻ lăng xăng bận rộn. Chị này giải mã món ăn anh đặt rồi chuyển cho hai người đàn bà khác, lớn tuổi hơn. Hai bà này nhanh nhẹn làm món ăn ngay trước mặt mọi người. Món xa-lát tôm trộn rau anh gọi rất tươi và ngon tuyệt. Và, dù khăn trải bàn chỉ bằng vải nhựa lòe loẹt, dù ghế ngồi chỉ bằng nhựa trắng, dù cửa rả toang hoác, dù trên trần nhà chỉ là mấy ống đèn nê-ông cháy sáng ngay giữa ban ngày, hiệu ăn này vẫn toát ra một vẻ gì ấm cúng, thân thiết của gia đình, khiến anh thấy nghèn nghẹn trong giây lát. Lý do có thể nằm ở bầu không khí hài hòa sau quầy hàng, nơi hai người đàn bà, người này mới đứng tuổi, người kia đã già hơn, đang làm món cá cho anh. Song, cũng có thể là do cử chỉ kín đáo của anh bồi bàn. Số là, sau khi thận trọng lượn giữa các bàn ăn, đem món nộm tôm trộn rau đựng trong một chiếc đĩa to đến chỗ anh ngồi và đặt lên bàn mà ngón tay không hề đụng đến vành đĩa, anh ta hơi cúi mình rồi, thậm chí dịu dàng, khẽ chạm tay vào vai anh.

Bóng tối sập xuống rất nhanh và gần như đúng lúc sáu giờ tối. Alexander đảo một vòng ra khu đi dạo chiếu đèn sáng trưng bên bến cảng. Không khí bây giờ đã trở nên dễ chịu, đại dương phả hơi mát lên mặt anh. Song, ngay gió trời ở đây cũng đượm vẻ u sầu, khiến Alexander chỉ dám thở nhè nhẹ, không dám hít sâu, như để tránh không cho nó thấm quá sâu vào thân thể mình.

Ra đến bờ kè, lúc gặp một nhóm cảnh sát súng ống đầy người lảng vảng phất phơ như một băng đảng thiếu niên, anh quay lại nhìn về phía thành phố Veracruz, xem cảnh phố xá từ phía biển nhìn vào ra sao. Trừ ngôi nhà bốn tầng mới xây ngay sát bờ kè, chắc là cảnh trí đã phơi ra như thế này đây trước mắt đám dân di cư từ châu Âu sang, khi tàu cập bến. Chắc là họ đã đứng trên boong tàu đêm này qua đêm khác nhìn xuống khu bến cảng, nhìn sâu vào đất liền, vào mảnh đất đã trở thành niềm hy vọng cuối cùng của họ. Alexander móc nối các mẩu chuyện bà nội từng kể anh nghe thành câu chuyện dài về những con người này. Hàng năm trời ròng rã, họ đã phải chạy trốn, lúc khốn cùng đã may mắn chuồn khỏi trại giam của quân Pháp, đã kịp nhanh chân để không rơi vào tay các đơn vị quân Đức đang tiến về Marseille, đã lăn mình trải qua các cửa quan để xin giấy tờ cho phép quá cảnh hoặc quyền lưu trú, đã không một xu dính túi lưu lại hàng tuần hay hàng tháng tại một thành phố hoang tàn nào đó ở Bắc Phi để rốt cuộc gặp được con tàu chịu nhận họ lên boong làm khách hạng ba vượt đại dương. Rồi đến lúc cập được bến Veracruz, lại không được phép lên bờ, vì thủ tục giấy tờ chưa rõ ràng, vì giấy phép chưa được cấp. Một người không chịu nổi cảnh chờ đợi đó đã phát điên, đang đêm nhảy xuống nước đặng bơi vào bờ Mexico. Như lời bà anh kể, người đàn ông nọ chìm sâu ngay xuống nước chứ không thấy nổi lên nữa. Chẳng bao lâu sau, chỗ người ấy nhảy xuống đã thấy vây cá mập nhọn hoắt nhô lên, nhẹ nhàng rẽ nước lượn vòng vòng.

Lúc anh quay trở lại, quảng trường trước khách sạn không đông người lắm, không đến mức như anh e ngại, nhưng cũng vừa ở mức để anh không phải nuối tiếc vì đã vội đổi phòng. Thế nhưng, trong căn phòng ngột ngạt không cửa sổ này, anh chẳng còn cách nào hơn là phải bật máy điều

hòa. Và, bây giờ anh mới biết, hóa ra máy điều hòa gắn vào khe thông gió, nên khi chạy, nó kéo cả luồng khói thuốc lá từ nơi khác vào theo. Thêm vào đó, cái máy điều hòa kêu rè rè mà mãi một lúc anh mới nghĩ ra nó gợi anh nhớ cái gì, và như một cuộc tái ngộ, anh phải bật đèn lên để xem lại cho chắc, rằng không phải mình đang nằm bệnh viện.

Sáng ra, đầu anh đau như búa bổ, trong người khó chịu. Anh cố không sờ đến mấy cái hạch sưng, anh cố tránh mọi thứ có thể làm anh nổi đóa. Anh bỏ cả lệ tắm nước lạnh đã thành thói quen từ nhiều năm nay và hơi loạng choạng theo cầu thang đi xuống. Lúc anh bước ra quảng trường, bầu trời Mexico mấy hôm nay vốn vẫn trong xanh bỗng kéo đầy mây.

Nếu không biết trước rằng mùa mưa ở Mexico mãi tháng Năm mới bắt đầu thì chắc anh đã tưởng trời sắp mưa.

Anh tìm thấy ngay một *farmacia*[85], không chút bận lòng tận hưởng cái tiện lợi mà sự hiện diện muôn nơi của các tổ hợp đa quốc gia đem lại. Bởi vì, anh chỉ văng ra một tiếng *aspirin* là có ngay thứ thuốc anh cần. Song, để tay dược sĩ hiểu được ý muốn tiếp theo của anh là gì lại khó khăn hơn rất nhiều. Anh rặn ra một câu:

- Quiero algo para tapar las orejas[86].

Gã dược sĩ nghiêng đầu bên này bên kia ra vẻ quan trọng rồi cất tiếng liến thoắng hỏi đi hỏi lại Alexander những câu khó hiểu. Rốt cuộc, mặc dù Alexander hầu như không chen nổi lời nào, gã dường như chợt hiểu để nhấn đi nhấn lại cái từ *ferretería*[87]. Sau đó Alexander phải nghe một hồi những lời chỉ dẫn đường đi rắm rối của gã, mặc dù đến lúc này thì anh cầm chắc gã hiểu sai anh. Bởi vì, không đời nào anh lại muốn nhét cái gì đó bằng sắt vào tai.

Anh tìm vào một quán cà phê to bên quảng trường. Trong quán, đông đảo một đám bồi bàn mặc âu phục màu nâu sô-cô-la, song, do cách họ làm thế nào mà anh không thể hiểu ra, mãi một lúc rất lâu anh mới gọi được ba món - một ly cà phê, một ly nước và một chiếc bánh sừng bò - ba món gọi của ba anh bồi bàn khác nhau. Lại chờ đợi, lâu đến bất tận, các món mới được mang đến, và rốt cuộc, phải mất thêm một lúc rất lâu nữa anh mới tìm được ai là người thu tiền để vẫy đến bàn anh ngồi. Lúc ra khỏi quán cà phê, đầu anh muốn nổ tung. Ra đến giữa quảng trường anh vẫn có cảm giác ngạt thở và cứ thế bước đi, chẳng thèm để ý là đi đâu. Chẳng mấy chốc anh đã lại ở trên lối đi dạo bên bến cảng và qua cánh mũi bị ngạt, căng ngực hít sâu làn gió từ biển thổi vào, mặc dù làn gió vẫn nặng nề, ẩm ướt và nồng thứ hương vị đáng ngờ như hôm qua.

Anh đi dọc theo bờ kè về phía Nam. Gió giật mạnh từng cơn, xoáy tung cát lên. Gần như tình cờ anh trông thấy một lũ trẻ Mexico, chắc chừng mươi mười lăm tuổi gì đó, đang tắm trong bến cảng. Chúng la hét ồn ào nhảy từ bờ kè xuống nước. Chẳng ma nào, kể cả cá mập, để ý đến bọn nó... Đi tiếp thêm một đoạn anh nhìn thấy cả một bãi tắm, dù chẳng có ai ở đấy. Thế nhưng, trời bắt đầu mưa, trong khi gió vẫn xoáy tung cát lên. Bầu không khí có vẻ lạ lùng, kích động thế nào đó. Xe cộ chạy thả hết ga. Có tiếng còi xe cứu hỏa và bỗng nhiên, không còn lấy một bóng người nào trên đường phố để Alexander hỏi đường. Thế nhưng, hỏi đường đi đâu chứ?

Chừng mười lăm hai mươi phút sau, cơn mưa đã thắng, đè cát nằm bẹp xuống mặt đất và xua tan niềm tin anh vẫn mang, rằng mùa này ở Mexico không có mưa to. Cả áo sơ-mi lẫn hai ống quần đều ướt sạch. Và, đột nhiên chẳng còn chiếc taxi nào còn trống cả. Lý do tại sao thì khi theo hướng vào trung tâm để bắt xe buýt quay lại anh cũng hiểu ra. Không còn

chuyến xe buýt nào nữa, hay nói đúng hơn là không còn xe nào chạy trên tuyến anh cần. Anh đợi xe để đi vòng, nhưng cũng vô ích. Trên đường không thấy bóng chiếc xe taxi nào. Anh thấy ớn lạnh, đành bấm bụng cuốc bộ.

Dọc đường, ghé vào một hiệu thuốc, anh định lần nữa giải quyết cái họa nút tai của anh. Song, vừa bước vào hiệu thuốc với đôi giày và chiếc mũ ướt sũng, anh đã bắt gặp ngay ánh mắt không thiện cảm của ông chủ hiệu đang ngồi sau quầy ngước nhìn ra. Giống hệt con *chó lông xù bị ướt* - đúng một hình ảnh như thế thoáng hiện trong đầu anh - anh đến trước mặt ông già chủ hiệu thuốc để ấp úng rặn ra một câu hỏi. Chẳng thấy có tác động gì. Anh đứng yên vài giây, liếc thấy nước giọt từ vành mũ anh xuống sàn nhà, trong khi ông già lại cúi xuống đống giấy tờ đang mở trước mặt. Hay là lão đang cố đoán xem anh vừa hỏi cái gì? Alexander bỏ đi, không chờ xem kết cục thế nào.

Anh liều bước vào một hiệu thuốc thứ hai nữa. Tiếp anh ở đây là một người đàn bà trẻ. Chị này có vẻ hiểu anh là đằng khác, nghe loáng thoáng chị ta nói gì như *tampón*. Phải rồi, *tampón* nhét tai. Nhưng chị ta lắc đầu:

- No hay. No tenemos.

Không có. Cửa hiệu chúng tôi không bán. Mà có để làm gì cơ chứ? Cái xứ toàn dân nếu không to mồm thì điếc tai này, họ dùng nút bịt lỗ tai làm gì mới được chứ? Thứ dân cứ để mặc cho phim thỏ hồng chạy mà chẳng kêu ca phàn nàn lấy một tiếng ấy. Thứ dân đem xích hai con chó lên nóc nhà nắng chang chang, chỉ nhằm mỗi một mục đích để chúng nó sủa to, phá giấc ai muốn ngủ ấy...

Anh thôi, không thèm tránh các vũng nước dọc đường nữa, cũng không buồn nhảy qua những con suối reo reo chảy cắt ngang lối người đi bộ nữa. Đằng nào cũng ướt hết rồi. Mọi thứ đều ướt, cả da, cả thịt đắp dưới da. Tất tật, anh có cảm giác vậy, ướt sũng nỗi u sầu không ngừng thổi từ đại dương vào, nhận chìm mọi thứ trong thành phố này, khiến con người ta hóa điên, bắt người mới đến nhảy qua thành tàu xuống biển để biến đi, không để lại chút dấu vết nào. Anh vào một siêu thị *supermercado* mua hai chai nước và lập tức nghĩ trong đầu, không khéo rồi đến nước khoáng bán trong các siêu thị ở Veracruz này cũng đều bị nhiễm thứ u sầu ấy chứ chẳng chơi.

Rồi anh về nằm trong căn phòng không cửa sổ của anh. Anh cảm thấy người đang lên cơn sốt. Anh uống thuốc, bằng nước khoáng nghi bị nhiễm độc trong chai nọ. Máy lạnh chạy, rè rè chọc vào đôi tai thông thống của anh. Anh gượng dậy lần nữa để tắt nó đi, nhưng chẳng mấy chốc anh đã lại có cảm giác không còn khí để thở. Đầu mỗi lúc một nhức thêm. Anh nghe tiếng nói lao xao dưới quầy rượu khách sạn. Anh lại lầm cầm ngồi dậy bật máy lạnh, xé giấy đi cầu nhét vào tai, uống thêm viên thuốc nữa rồi nằm xuống, kéo chăn che kín đầu.

Anh nằm nghiêng bên phải, co ro. Cơn lạnh bắt đầu lan ra toàn thân anh, thoạt tiên mới chỉ một bên người. Trong bóng tối đen ngòm của tấm chán trùm đầu, anh dõi theo cơn lạnh đang lan dần ra. Lan từ thận lan ra, cái lạnh trùm trước hết lên phía hông bên trái, từ đó lan lên vùng tim, bò sang lưng rồi bùng lên trên đường lần đến gáy. Giả sử hệ miễn dịch đã bị hư hại của anh không chống nổi cơn tấn công của một thứ bệnh lạ nào đấy thì làm sao nhỉ? Máy thở ôxy kêu rè rè trong đầu anh. Bỗng dưng đấy là máy của chính anh. Bỗng dưng chính anh lại là người đàn ông già đang hấp hối bên chiếc máy thở rè rè nọ. Bỗng dưng anh cảm thấy thật hợp lý và

đúng đắn, rằng anh sẽ chết ở đây, trong căn hầm cố thủ *ở* Veracruz này, hoàn toàn đơn độc, giấy đi cầu nhét trong tai. Nào anh có muốn gì hơn? Đây chính là hậu quả không gì hợp lý bằng của cuộc đời anh vậy.

Anh quay người sang phía bên kia, nhằm xua đuổi những ý nghĩ như thế đi. Nhằm đánh tan các hình ảnh nảy ra trong đầu. Anh tìm đôi hình ảnh khác. Anh cố nhớ đến một chuyện nào đó. Giữa các cơn sốt xô từng đợt như sóng biển đâm về phía anh, anh cố lục lọi trí nhớ xem có gì hay ho không. Song, anh chỉ thấy độc một cảnh anh đang lang thang lạc lõng trong các thành phố lạ hoắc, chỉ thấy có vậy, dường như trong đời anh chẳng có gì khác, toàn phố xá, toàn nhà cửa, toàn những khuôn mặt mà hễ anh chạm tay vào là sập đổ tan hoang. Trong lúc hai hàm răng lập cập đập vào nhau, anh nghĩ bụng, đây là bộ phim về đời mình, dù chỉ là trích đoạn vụng về và kém cỏi. Anh cố sao để răng đập vào nhau không thành tiếng ồn ào quá, tránh không làm đổ thêm nhà cửa. Mẹ kiếp, anh thầm nghĩ, anh sẽ phải đòi một phiên bản khác, dẫu gì anh cũng được quyền tự tay dựng cuốn phim về đời mình chứ. Anh cắn chặt răng, đến đau cả hàm. Rồi trời chuyển sang nóng ghê người, anh phải chạy, ai nấy cũng bỏ thành phố đi hết, anh chạy qua sa mạc, không khí cháy bỏng trong họng, anh vẫn chạy, tim đập nhanh không thể tưởng được, như thể nó đang run chứ không phải đập. Anh cứ như leo núi, leo ngược lên cao mãi mà chẳng thấy đỉnh đâu. Anh chợt hiểu, hóa ra sa mạc nghiêng, cứ thế cao lên mãi ở chân trời. Không làm sao mà vượt nổi dốc giữa trời nóng như lửa thế này, con tim nằm trong lồng ngực anh đây lại mắc khuyết tật, không mở được. Anh biết, anh phải dừng lại ngay. Thế nhưng, phía sau lưng anh cảnh vật đang vỡ ra từng mảnh, rơi xuống đáy sâu. Không, đúng hơn là bay lên trời, một bầu trời hiện ra *ở* khắp nơi, cả trên lẫn dưới và xuyên qua bầu trời ấy là lớp vỏ mỏng manh, dày chỉ chừng một thước, tức là trái đất. Đến lạ. Rồi bố mẹ anh hiện ra bên anh, dùng cả hai tay dìu anh, một kẻ đau tim. Bố mẹ mặc quần áo mùa hè,

bố mặc quần gập gấu theo mốt từ những năm năm mươi, mẹ đi giày cao gót và mặc chiếc váy trắng mà hồi nhỏ anh vẫn chui xuống dưới. Thế nhưng, cả hai không để tâm gì đến trang phục mà đều chạy, leo trèo, bò lên lớp vỏ trái đất mỏng manh đâm thẳng vào bầu trời ấy, tuột xuống, lại leo lên và kéo theo sau anh, kẻ đau tim, thúc giục anh bằng một giọng bình tĩnh nhưng nghiêm nghị, như thể phải nhanh chân để kịp đến nhà trẻ cho đúng giờ, nhắc nhở anh đi tiếp, đừng quay lại nhìn mặt đất đang vỡ ra từng mảnh, từng mảnh rơi xuống đó, hãy trông lên phía trước hoặc trên cao. Ở đó, tít trên cao, nơi tận cùng của thế giới, một nhóm người da đỏ đội mũ lông chim đang nhảy múa. Đấy là năm sáu người bé nhỏ, bụng bắt đầu to, đang chân này đổi chân kia theo nhịp. Họ nhảy theo tiếng nhạc phát ra từ một cái hộp, như hộp mấy người bán rong trên tàu điện ngầm vẫn buộc dây đeo ở cổ. Đồ trang sức bằng lông chim họ vừa mua từ cửa hàng lưu niệm và trên tay họ, thay vì cầm dao, mỗi người lại nắm một con rùa tạc ra từ đá thủy tinh núi lửa màu đen.

Anh nằm ốm hai ngày liền. Giữa chừng, anh cố trở dậy một lần, co ro loạng choạng trong cơn sốt, mò ra siêu thị mua nước uống. Sang ngày thứ ba, anh gói ghém đồ đạc, nhờ lễ tân đặt taxi, rồi không buồn đòi lại số tiền đã trả trước, anh ra bến xe ca mua vé đi sang bờ Thái Bình Dương. Người đàn ông ngồi ở quầy vé đặt một tấm bản đồ khổ giấy A5 ra trước mặt anh. Alexander lấy ngón tay chỉ bừa vào một điểm nằm bên bờ đại dương bên kia, phía yên tĩnh, nơi thái bình.

- Pochutla, người đàn ông nói.

- Pochutla, Alexander nhắc lại, một địa danh mà anh chắc chắn trong đời chưa bao giờ nghe nhắc đến.

Xe ca đường dài khởi hành lúc bảy giờ tối. Đây là một chiếc xe hạng sang, có ghế nằm và yên tĩnh. Âm thanh phát ra từ máy video, giống như trên máy bay, phải dùng tai nghe mới nghe được. Nhờ thế, Alexander cũng ngủ yên được đôi tiếng đồng hồ.

Sáng ra, trời lại trong xanh, xanh đến kinh dị. Anh có cảm giác mọi màu sắc ở đây đều sặc sỡ hơn bờ đại dương phía Đông. Những căn lều nghèo nàn bên lề đường rực rỡ màu đỏ rồi màu lục trong nắng sớm mai, những tấm biển quảng cáo vẽ tay như vẫy chào anh lúc xe chạy qua, và anh không hề thấy lạ lùng khi trông thấy một người đàn ông đang gạt cát trước một cửa hàng ăn bé tí. Một cái gì đó - bầu không khí, nếp trời, những ngôi nhà mong manh lợp mái tôn lượn sóng - báo hiệu bờ Thái Bình Dương sắp đến gần.

Sau đó là Pochutla. Từ trên xe, anh bước xuống trước một nhà để xe đã xây lại thành quán cà phê. Lúc xuống xe, đầu gối anh vẫn hơn run. Anh thấy người lâng lâng và có cảm giác như mới được lột da. Khí trời ban mai mơn man anh, tựa hồ muốn soi rạng lòng dạ anh. Nắng chiếu nhột nhạt trên làn da anh. Anh hỏi chị chủ cái quán cà phê xây từ nhà để xe đang quét dọn lối đi trước cửa xem ra biển đi đường nào. Còn những mười lăm cây nữa mới ra đến đấy. Phải đi taxi mới ra đó được, chị ta bảo anh, thế nhưng anh bạn chị lái xe taxi, chị ta nói vậy, và chị ta sẽ báo cho anh ấy biết đến đón anh. Anh có muốn ăn sáng đã không?

Alexander gật đầu và chị chủ quán - một người dù mang nét mặt người da đỏ, nhưng thế nào mà lại trông hao hao như các bà mẹ ở Prenzlauer Berg[88] xưa kia, trước Bước ngoặt, sáng sớm tinh mơ vẫn đèo con bằng xe đạp lặn lội giữa dòng xe cộ đông đúc - liền chạy vù sang cửa

hàng bánh bên kia đường mua vài chiếc bánh mì con mới ra lò cho anh ăn sáng.

Anh ở lại ăn sáng là đúng, được uống cà phê, rồi ăn chiếc bánh mì con phết mứt ngon tuyệt vời. Anh ngồi đấy, thấy rõ các vết nứt trên mặt đường đối diện, cả lối đi chị chủ quán mới dọn sạch. Anh nhìn theo một người đàn ông vừa vẫy vẫy vừa chạy theo một chiếc taxi. Rồi lại thấy một người khác trông như con voi đực màu xanh, và một con voi cái màu trắng bám theo. Một đứa trẻ hiện ra, đứng yên một chỗ nhoẻn miệng cười.

Chuyến taxi tốn mất năm chục peso, theo thỏa thuận từ trước khi chạy. Con đường ngoằn ngoèo chạy dần xuống dốc, qua một vùng đất chẳng hề gây ấn tượng gì đặc biệt.

Nếu anh hiểu đúng thì chỗ này gọi là Puerto Ángel. Không thấy có bảng ghi địa danh. Phía bên trái, ngay trong tầm nhìn, là bãi tắm. Bên phải, ngay trước sườn núi cao có vài ngôi nhà xuềnh xoàng dựng sát vách vào nhau dưới một lô một lốc dây nhợ chằng chịt thường thấy ở nhiều nơi. Một cửa hàng rau quả. Một *ferreteria*. Một chi nhánh ngân hàng chắc đang lúc tân trang.

Không chờ Alexander hỏi, anh tài mách anh tên một khách sạn, một *casa de huéspedes* - nhà trọ - thì đúng hơn, bằng một giọng khiến anh nghĩ chắc tay này ăn phần trăm của nhà trọ. Nhà trọ mang tên Eva & Tom làm Alexander đã ngại chủ là người Đức. Song, do anh tài một mực thề thốt không phải đâu, không phải đâu, nên lúc sau, đầu gối vẫn còn run run, Alexander đã leo cầu thang vào cái nhà trọ Eva & Tom ấy.

Ai đó gọi ới vào phía trong. Chạy ra tiếp anh tại một nơi có thể tạm coi như lễ tân nằm khuất dưới mấy tàu lá cọ là một người đàn bà mập mạp,

trông không còn trẻ lắm nữa, có nước da màu nâu đồng và mái tóc hoa râm dài tết lại nghiêm nghị khiến người ta có thể nghĩ ngay đây là một bà *squaw*[89]. Bà chủ đi dép lê, áo liền váy, vải đã sờn. Bà ta thờ ơ, thậm chí miễn cưỡng, lật lật quyển lịch làm việc và chẳng chút mào đầu cất lời nói tiếng Đức với anh, bằng một thứ giọng nặng của phương Nam, có lẽ là phương ngữ ở bên Áo. Sau đó bà ta cùng anh leo qua cầu thang lộ thiên đóng bằng gỗ ván thô kệch để lên các tầng trên của nhà trọ.

Tầng trên cùng nằm ngay giữa đỉnh đồi. Hoa râm bụt và cọ mọc xung quanh. Từ hiên nhà nhìn xuống có thể nhìn thấy cái vịnh, nước xanh cũng đến mức *kinh dị* như bầu trời úp bên trên, nằm lọt giữa những vách núi đá sừng sững bao bọc xung quanh.

Các phòng trọ ở đây đều nằm trên một khoảnh đất trống, bao bọc bởi bức tường quét vôi màu mè đúng theo kiểu Frida Kahlo (đỏ-xanh-lục). Và, trước khi bà *squaw* gốc Áo kịp chỉ cho anh căn phòng nhỏ, không cửa sổ (ánh sáng lọt vào phòng từ trên nóc, soi qua tấm nhựa con con gắn trên rui nhà, thay cho viên ngói), trước cả khi anh kịp đảo mắt nhìn vào căn phòng đơn sơ, kê độc một cái giường có treo màn chống muỗi, một cái bàn và một cái rương nhỏ, trước cả khi anh kịp hỏi giá phòng (năm mươi peso, tức năm đô-la), anh đã cảm thấy mê say cảnh tượng - giữa cơn nóng như rang của buổi chiều nay - anh sẽ ngả lưng trên chiếc võng căng ngay trước phòng anh đây, dưới bóng mát tàu lá cọ để ném cái nhìn xuống màu xanh đến kinh dị kia của Thái Bình Dương.

- Anh nhớ giữ chăn đi nhá, bà *squaw* gốc Áo nói thản nhiên. Ở đây có bọ cạp đấy.

MỒNG 1 THÁNG 10 NĂM 1989

Đúng ra, chỉ bước một bước là đến. Song cụ bà Nadezhda Ivanovna đang bước bên ông đây, do chân đau, nên đi chậm đến mức ông có cảm giác, dường như nhà mẹ ông nằm xa không bao giờ đến được nữa. Ông Kurt tưởng đang giẫm chân tại chỗ. Ham muốn được vận động trong ông trỗi dậy theo mỗi bước đi. Trời hôm nay đẹp tuyệt vời làm ông khó chịu. Cảm giác quằn quặn trong bụng mỗi lúc một tăng làm ông thêm bực mình. Lẽ ra sáng nay cứ thế sập cửa rồi ra vườn thú mà dạo vài tiếng đồng hồ có phải hơn không.

Cãi cọ với Irina chả được tích sự gì. Bây giờ bà ấy ngồi trên phòng nghe Vysotsky. Cả nhà rung lên cùng tiếng nhạc ấy. Ông Kurt đinh ninh tiếng gào đó có thể xuyên qua mọi cửa phòng lẫn cửa sổ. Như thể ai đó muốn gào để đời. Một thứ âm nhạc bất hạnh, ông nghĩ vậy. Một thứ nhạc - nếu có thể gọi đấy là nhạc thật - đưa Irina chìm sâu vào nỗi bất hạnh đó. Điều ông không thể ưa chính là lòng ham muốn tự làm mình mỗi lúc một bất hạnh thêm, một ham muốn mà, sau bao nhiêu năm trời không bao giờ nhắc đến gốc gác Nga của mình, bà Irina gần đây bỗng dưng lại khăng khăng bảo nó bắt nguồn chính từ *tââng hôồng Nga* ấy.

Thêm cả rượu nữa, một thứ mà *tââng hôồng Nga* đằng nào cũng có vẻ quá ư ưa chuộng. Vẫn biết Irina, khác hẳn ông, trước giờ vẫn uống khỏe, nhưng dù sao cũng chỉ vào các dịp "hội hè" thôi. Gần đây, việc bà một mình lui về phòng, nghe Vysotsky và ngồi đơn độc uống đến say mèm

là hiện tượng khá mới mẻ. Dĩ nhiên, không phải bà nghiện, bởi có lúc, hàng ngày liền, thậm chí hàng tuần, bà không uống lấy một giọt. Song ông Kurt không an lòng, mỗi khi ông nghĩ đến chuỗi phản ứng hầu như không kiềm chế nổi mà một ly cognac độc nhất đã gây ra ở bà.

Ly *cognac độc nhất* ấy - sau khi có tin Sasha vượt biên - ông không thể từ chối không rót cho bà. Song, vừa cạn ly đầu, bà đã nằng nặc đòi bằng được ly thứ hai (cũng là ly cuối cùng ông rót). Sau đó, bằng một lối thô lỗ bất thường bà chuyển sang gièm pha xỉa xói Catrin, vì bà ngờ cô này (có lẽ cũng không hẳn sai lắm) là kẻ xui Sasha vượt biên. Ly cognac thứ ba bà tự rót lấy và đã định vung tay vung chân đấm đá khi ông Kurt toan cất chai rượu đi. Chẳng biết làm sao hơn để an ủi bà, ông lại dở hơi đến mức rụt rè cất tiếng, rằng, thôi thì bây giờ bà cũng đã hơn sáu mươi, tức là ở tuổi về hưu rồi, bà cũng sẽ có quyền sang thăm con bên Tây Đức vậy. Thế là bà nổi đóa, quay sang trút cơn giận lên đầu ông, vì ông lại muốn bà bước chân vào nhà con bé ấy. Đến ly thứ tư thì chửi sang cả Sasha. Thông thường, nào bà có bao giờ buông tiếng nào xấu về con trai bà. Thế mà bây giờ, *con trai tôi phản bội cả tôi*. Đấy là lời than để lộ đầy đủ nhất nỗi thất vọng của bà. Và, mặc dù trong bụng thoáng một giây hả dạ, vì bỗng dưng Sasha cũng đến lượt chịu trận, ông Kurt vẫn dũng cảm lên tiếng, ít gì cũng là để phản bác những lời cáo buộc nặng nề và ít nhiều vô lý của bà, và hơn nữa, để bảo vệ một sự thật đơn giản là, Sasha vượt biên đâu có phải vì chống lại cá nhân bà! Để đáp lại ông, bà Irina lên tiếng dọa một cách lạ lùng, bà sẽ mua chó về nuôi, rồi vùng vằng cầm chai rượu uống dở lui về phòng mình. Còn ông Kurt, ông cun cút đi rán khoai tây vậy.

Bảo ông thử rán thì đúng hơn. Bực một nỗi, mấy lát khoai tây lúc rán cứ dán chặt xuống đáy chảo, khiến lúc lật thì nát ra và những mẩu còn dính lại được một lúc thì bắt đầu bốc khói cháy. Để cứu vãn, ông đập hai

quả trứng cho vào chảo. Ông đặt tên món ăn mới này là món tai họa ốp trứng. Vị của nó lúc ăn cũng đáng gọi là tai họa thật.

Tại sao Irina không chịu rán khoai bao giờ nhỉ? Với trứng ốp la. Ông vốn thích ăn như thế từ bé. Bà ấy cho món này quá bình dân chăng? Và tại sao, ông Kurt tự hỏi, trong lúc tìm cách tránh không giẫm lên đám bọ xít cánh đỏ trên lối đi bộ g`ô gh`ê ở Neuendorf, tại sao bà ấy lại nói đến *tââng hôông Nga cơ* chứ, bằng lối phát âm tiếng Đức mà mặc cho ba mươi năm học hành tập âm, luyện tiếng vẫn trật khấc.

- *Ông ấy* định cưới tôi đấy chứ, cụ Nadezhda Ivanovna chợt cất tiếng nói.

Ông Kurt chưa hiểu ngay, không biết cụ nói với ông hay tự nói với mình. Được một lúc ông mới vỡ lẽ cụ nói v`ê ông bố Irina. Irina quả quyết bố là người di-gan (dù bà chỉ nhìn thấy ông này độc một l`ần duy nhất, mà cũng là từ đằng xa). Song cụ Nadezhda Ivanovna lại bảo không phải thế. Chả biết ai đúng ai sai. Bà Irina thiên v`ê lối nhìn đời theo cách bà muốn thấy, còn cụ Nadezhda Ivanovna - vì cụ thật ra là mù chữ - chỉ ghi nhận từng mẩu từng mẩu riêng lẻ các sự kiện xung quanh cụ mà thôi. Tập thể hóa. Nội chiến. Cách mạng. Ông Kurt vẫn thường phải khó nhọc sắp xếp đ`ầu đuôi mạch lạc các câu chuyện cụ kể. Nhưng lúc này, trên đường đến dự sinh nhật ông Wilhelm mà cụ Nadezhda Ivanovna lại nhắc tới một *thành phố* nào đấy cụ từng dọn v`ê thì ông thật sự bối rối, dù chỉ trong giây lát.

- Thành phố nào, hả mẹ? ông hỏi.

Ra cụ muốn nói đến Slava thật.

Cái gọi là "thành phố" ấy chợt hiện ra trước mắt ông. Phố xá lát đá hòn lởm khởm, bên trái, bên phải là các dãy hàng rào bằng gỗ ván cao ngang đầu người, đằng sau đó lúp xúp những ngôi nhà một tầng bằng gỗ xiêu vẹo. Khu dân cư ở đấy chưa đầy chín ngàn dân, được xây giữa bãi đầm lầy. Nơi cùng trời cuối đất. Có lẽ trên đời không còn chỗ nào bẩn thỉu, xấu xí, u ám hơn cái xó ấy, nơi ông sau khi mãn hạn tù còn phải lưu lại thêm bảy năm nữa trong kiếp kẻ bị đày vĩnh viễn. Thế nhưng, nếu bỏ qua cái sự thỉnh thoảng (đúng ra thì cũng đều đặn mỗi tháng một lần) ông vẫn phải khóc rống lên khi thấy niềm hy vọng về một ngày mai được sống cuộc đời bình thường mỗi lúc một tan biến cùng ngày qua tháng lại, vâng, nếu bỏ qua sự thực đó thì ông phải nhận, thậm chí xó xỉnh bẩn thỉu ấy cũng có cái hay của nó.

Như món xúp đầu tiên Irina nấu ông ăn chẳng hạn. Xúp đậu lấy từ túi, hay đúng hơn là từ gói ra (đậu tươi ở đây không hề có). Ngon tuyệt vời! Mặc dù về sau này, cũng thứ xúp ấy - có lần Irina đem một gói như thế từ Slava về đây - lại không sao nuốt nổi nữa...

Hoặc sáng sáng bơi dưới sông.

Hay là những đêm trắng, ngồi cùng nhau bên đống lửa qua đêm chờ mặt trời mọc và thời gian dường như dần dần biến mất... Tất cả bọn họ đều bị đày vĩnh viễn, một đám những kẻ vĩnh viễn. Mang nỗi tuyệt vọng mênh mang mà con người ta vẫn có thể vui biết bao.

Hay những bức ảnh đầu tiên hai ông bà cùng chụp, rồi cùng rửa. Máy ảnh do Sobakin mang từ Sverdlovsk đến cho họ. Nước rửa, họ chế từ kali cacbonat trộn với một thứ, gọi là gì nhỉ, natrisulfit thì phải; mà phải trộn sao cho đúng tỷ lệ, nên cần dùng đến một cái cân tự chế, với mấy đồng cô-pếch Nga làm quả cân. Ông Kurt, khi nhắc đến "những bức ảnh

đầu tiên" là ông nhớ đến những bức, đúng là đầu tiên thật, và, biết nói thế nào nhỉ, không thể cho người ngoài xem. Lúc này đây, trong lúc đỡ tay cụ Nadezhda Ivanovna đi từng bước đến dự sinh nhật lão Wilhelm, ông nhớ tới cái giây phút, trên tờ giấy ảnh đang bơi bơi trong chậu nước rửa tự pha hiện dần lên những đường nét - mới đầu còn rất rụt rè, chưa rõ là cái gì, chưa biết đâu trên đâu dưới - cho đến lúc nền ảnh mỗi lúc một tối lại, thì đột nhiên, cái mông của Irina, trắng ngần và dữ dội, vụt hiện ra trước mắt họ. Cái giây phút ấy kích thích hút hồn đến đỗi, quên chuyển ảnh sang chậu nước hãm, họ cứ vậy, ở tư thế đứng, trong phòng tối rửa ảnh, dính vào nhau, quấn chặt vào nhau... Tiếc thật, ông Kurt nghĩ, lúc ra khỏi Liên bang Xô-viết họ phải hủy mấy tấm đó đi.

Nhưng, biết đâu cảm giác đó cũng chỉ giống như cảm giác sau mười năm bị giam cầm, lần đầu tiên được nếm món xúp lấy từ túi giấy ra ấy. Đằng nào thì Irina cũng chẳng buồn đả động đến *những thứ ấy* (gần đây bà gọi chuyện đó như vậy) nữa. Đúng thế, bà ấy thậm chí mỗi ngày một tỏ ra ghê tởm và khinh bỉ tất tật những gì trước đây bà vẫn trân trọng là gợi dục, là khoái lạc. Một lối nhìn hồi cố đen tối. Phải chăng cái lối nhìn đó cũng thuộc về *tâm hồn Nga* của bà ấy? Hay là do mổ buồng trứng? Gì thì gì, sống với Irina tự dưng đâm ra khó nhọc. Và, cái việc cụ thể là Sasha bỏ sang Tây Đức chắc chắn cũng sẽ không làm cuộc chung sống này nhẹ nhàng hơn.

Mà ông phải nói sao với bà Charlotte và ông Wilhelm về chuyện này đây?

Đã gần đến nhà ông bà Charlotte. Phía trên cao, căn phòng trên tháp, cửa sổ bán nguyệt và sân thượng đã thấp thoáng lộ ra giữa những tán cây mùa thu. Dạo trước ông đã ngồi đấy đánh máy luận án của ông. Và,

mặc dù ngôi tháp thật ra là biểu hiện của một thị hiếu cực kỳ hỗn loạn (toàn bộ ngôi nhà được xây theo một kiểu kiến trúc khá là quái gở, chiết trung, cóp mỗi thứ một ít, do một tay đảng viên quốc xã mới giàu lên kịp cho hoàn thành ít ngày trước khi chiến tranh kết thúc), ông Kurt không muốn chối rằng chính ông, ông từng rất thích căn phòng nhỏ trên tháp ấy. Tại đấy, cuộc đời thứ hai - hay thứ ba nhỉ? - đã bắt đầu và ông khoan khoái nhớ lại cái yên ắng trùm trên làng Neuendorf, mỗi khi sáng sáng, vào đúng sáu rưỡi, ông mở cửa sổ và đặt máy chữ trên bàn, nhớ luồng khí nhoi nhói lạnh lúc ban mai, nhớ những tàu lá vàng trước cửa sổ. Ấy nhưng, ông nghĩ bụng, có phải lúc nào cũng mùa thu đâu nhỉ. Song, thay vì ngẫm nghĩ để lý giải xem tại sao các lớp ký ức của ông lúc nào cũng nhuốm vàng, ông lại nghĩ, nên tìm cách nào để trả lời một lô câu sắp bị hỏi ngay bây giờ đây thì hơn.

Nhưng, nói cho cùng, có gì đâu mà phải nghĩ ngợi? Hôm nay, đúng ngày sinh nhật ông Wilhelm mà lại gây chuyện bê bối thì có ý nghĩa gì đâu? Để làm gì? Lợi lộc gì? Wilhelm là một lão già ngu ngốc, cứng đầu cứng cổ, thì đáng lẽ, ông Kurt nghĩ, sự thật sẽ là đòn trừng phạt đáng đời cho sự ngoan cố của lão. Trong lúc ngôi nhà với mặt ngoài xám xịt, cùng cánh cửa nặng nề và mấy cửa sổ con phía ngoài bịt lưới sắt - khiến ngôi nhà trông như pháo đài - dần dần lộ ra giữa những thân cây lốm đốm, ông Kurt nghĩ và cố hình dung gương mặt lão Wilhelm, lẽ ra phải nói lão biết, vâng, hôm nay, vào đúng sinh nhật ông, phải nói trắng ra thế, cháu ông cho ông thấy nó chán ngấy các người đến mức nào, xin chúc mừng ông! Vừa nghĩ vậy, ông Kurt vừa cò dằn lòng để không nắm lấy một núm gõ cửa đồn độn mà đập xuống. Cái biển ghi *"Không gõ cửa!"* đã làm ông bực từ lâu. Ai đời, vừa đến thăm, chưa kịp vào nhà đã được đón tiếp bằng một lệnh cấm! Hơn nữa, nếu không có tấm biển gắn ở đấy, cũng sẽ chẳng có ai nảy ra ý nghĩ mấy cái đầu sư tử đồn độn kia chính là mấy nắm đấm dùng để gõ cửa vậy!

Ông Kurt hít một hơi rõ sâu, sâu đến mức như thể sẽ đủ dưỡng khí cho ông nín thở được vài giờ, rồi lấy tay bấm chuông.

Cánh cửa mở và một khuôn mặt ló ra, một khuôn mặt tròn trịa và đần độn. Hiếm có ai, ông chợt nghĩ, như tay này, một người vừa thoáng nhìn đã có thể biết ngay gã là ai, nghĩa là, một *viên chức*, một từ đã thành một trong những tiếng rủa ưa thích nhất của Irina. Ông Kurt toan bước nhanh qua gã Schlinger này. Song, gã Schlinger một khi đã nắm được tay ông là không muốn buông ra nữa. Gã nắm tay ông, lắc lắc rồi cúi đầu chào theo cái kiểu thân mật, ra vẻ tin cậy rất khó chịu của gã. Ông Kurt bực bội bắt gặp mình cũng cúi đầu chào đáp lại, dù chỉ là để nhanh nhanh thoát khỏi thằng cha này.

- Xin anh chờ nữ đồng chí Powileit một lát ạ, gã Schlinger gọi với theo.

Ông Kurt không nghĩ đến chuyện đứng lại chờ *nữ đồng chí Powileit,* thế nhưng, trong lúc cụ bà Nadezhda Ivanovna còn chưa kịp cả cởi áo ngoài, thì *nữ đồng chí Powileit* đã gấp gấp bước chân đi tới, nhanh nhẹn, thành thục như một con nhện vồ mồi.

- Kìa, thế Irina đâu?

- Cô ấy bị mệt, ông Kurt đáp.

- Ốm à? Cô ấy bị làm sao? bà Charlotte hỏi gặng.

- Khó chịu trong người thế nào đó.

- Còn Alexander? Anh dừng bảo Alexander cũng khó chịu trong người nhá!

- Mẹ này, đáng tiếc là..., ông Kurt toan cất tiếng, nhưng bà Charlotte ngắt lời ông.

- Kìa, các anh các chị tính thế nào đây? Tôi nói với ông ấy thế nào bây giờ? Hôm nay ông ấy tròn chín mươi kia mà!

- Mẹ nghe con nói đã nào...

- Vâng, tôi xin, tôi xin, bà Charlotte đáp. Nhưng mà tôi sắp điên lên rồi đây này. Không chịu nổi nữa rồi.

Bà rên rỉ, ánh mắt nhìn thê thảm.

- Tay Juhn cũng thoái thác không đến, anh cứ nghĩ mà xem. Cử tay phó đến, thật không ra làm sao! Ông Wilhelm tròn chín mươi! Hôm nay ông ấy nhận Huân chương Tổ quốc ghi công! Thế mà hắn lại chỉ phái thằng phó đến thay!... Vậy chứ hoa anh đâu?

- Chà, khỉ quá. Con quên ở nhà mất rồi.

- Thôi, kệ! Không sao! Anh lấy bó nào khác vậy, bà Charlotte nói. Đầy ra kia kìa.

Ông Kurt nhìn vào chỗ đặt giá treo áo ngoài ở góc nhà tranh tối tranh sáng, thấy một lô hoa bó thành bó dựng sát tường. Trong khi đó tiếng mẹ ông như từ đâu xa xôi vẳng đến tai ông...

-... mà xin anh, anh Kurt, bây giờ anh vào trong ấy, xin đừng đả động đến chuyện gì nhé. Anh biết rồi đấy. Hung, Praha... Mới lại, đừng nói gì về Liên Xô nhá.

- Cũng không nói gì về Ba Lan, ông Kurt nói.

- Đúng thế, bà Charlotte đáp.

- Vâng, vâng. Cũng không nói gì về vũ trụ, không nói về mặt trăng chứ gì ạ, ông Kurt chua chát.

- Này anh Kurt, tôi xin anh đấy. Ông ấy không còn... Bà Charlotte trợn mắt, đảo qua đảo lại. Dạo này ông ấy kém minh mẫn đi nhiều.

- Dạo này, con cũng kém minh mẫn đi nhiều lắm, ông Kurt nói.

Ông thôi, không cầm theo bó hoa nào cả.

Bước vào phòng, ông Kurt thấy lão Wilhelm ngồi trong ghế bành như mọi khi, cách cư xử cũng thế, như mọi khi. Từ nhiều năm nay, ai chúc gì thì chúc, mừng gì thì mừng, lão Wilhelm cứ thế ngồi yên, chẳng thèm cả đứng dậy đáp lễ. Ông Kurt vốn đã rất bực cái lối ngạo mạn đó, nên lúc ông mới bước vào, và lão Wilhelm chưa chi đã cất tiếng bề trên hỏi thăm Alexander đâu, ông chợt cảm thấy thú vị, toan nói toạc hết ra mọi sự.

- Cháu Alexander ốm, ông ạ!

Bà Charlotte nhanh miệng cướp lời ông. Lão Wilhelm gật đầu rồi vẫy tay cho cụ bà Nadezhda Ivanovna đến gần, nhận quà của cụ. Cụ tặng lão lọ dưa chuột tự tay cụ muối và lão Wilhelm, vốn không bỏ lỡ dịp may nào để khoe tài tiếng Nga của lão, liền tuôn một tràng *Gorokh, Gorokh!* Chắc lão định nói *Khorosho* (tốt). Song, có thế thôi mà lão cũng còn nói chẳng nên hồn. Thật ra, lão Wilhelm không biết tiếng Nga, chưa bao giờ lão học tiếng Nga. Dù lão có thích khoe về "những năm sống ở Moskva" thật, nhưng cái gọi là "những năm Moskva" ấy không hề có. Đúng là năm 1936 lão có theo ông và Werner đến Moskva thật (sau đó, cả hai anh em ông "vì lý do an ninh" phải nằm lại đấy), để dự lớp huấn luyện mật vụ - ấy

là ông Kurt đoán thế - do cơ quan quân báo của Hồng quân tổ chức. Thế nhưng thời gian học chỉ một vài tuần là cùng chứ đâu có đến hàng năm, vả lại, nơi huấn luyện tuyệt mật nọ nằm đâu xa lắc xa lơ ở ngoại vi thành phố, cho nên lão Wilhelm trong đời, thật ra, chỉ đảo qua Moskva cùng lắm được ba lần. Thế mà cứ ngoạc mồm, *Gorokh* với chả *Gorokh!*

Để mọi người cùng chứng kiến, lão gọi Mãhlich đến gần, bảo lão này mở giúp lão lọ dưa chuột muối rồi nhón một quả ra ăn... Và, ngay cả ăn dưa chuột muối lão cũng diễn với điệu bộ có một không hai. Làm ra vẻ uể oải và cẩu thả lão đập đập nhẹ quả dưa vào miệng lọ cho ráo bớt nước, cắn ngập vào quả dưa, rồi trong lúc miệng vừa nhai nhóp nhép không chút ngượng ngùng, mấy ngón tay lão vừa xoay đi xoay lại quả dưa cắn dở để ngắm nghía như một viên quan chức tối cao đang đánh giá chất lượng dưa chuột vậy:

- *Gorokh,* lão Wilhelm nói lần nữa và rốt cuộc ban cho ông Kurt cái ơn được mừng thọ lão. Song, lúc ông Kurt vừa chìa tay cho lão vừa nhìn mấy ngón tay còn ướt nước muối dưa với vẻ ghê ghê trên mặt, thì lão gạt đi và nói: đem rau ra nghĩa địa cho tôi.

Đem rau ra nghĩa địa à? Giờ thì ông Kurt phải ngạc nhiên: không biết đầu óc lão có thật "kém minh mẫn" như mẹ ông nói không nhỉ?

Đoạn, ông quay sang phía bàn khách đến dự lễ sinh nhật đang ngồi. Hồi trước, thỉnh thoảng cũng có đôi nhân vật đáng để ý đến đây dự sinh nhật lão Wilhelm, như ông Frank Janko chẳng hạn, vốn là sư đoàn trưởng trẻ nhất quân đoàn tình nguyện quốc tế chống Franco ở Tây Ban Nha, hay ông Karl Irrwig, dẫu gì cũng là người từng chống lại Ulbricht để chọn con đường khác tiến tới chủ nghĩa xã hội. Hoặc như bà Stine Spier, nữ diễn viên đóng kịch Brecht ông bà Charlotte quen từ dạo lưu vong ở Mexico. Từ

ngày ông Janko nghe nói vì dính tội "có âm mưu" gì đó phải ngồi tù sáu năm, thì tên ông ta không được nhắc đến nữa trong nhà này. Ông Karl Irrwig, tuy bị loại khỏi Bộ Chính trị nhưng chưa thất sủng hẳn, thì đến một dạo, rồi cũng thôi không đến nhà nữa. Còn bà Stine Stier, là người vào các buổi lễ sinh nhật *ở* nhà này thường vẫn hiến các câu chuyện tếu táo mua vui, mà phần lớn đều bẩn thỉu về chính trị tại nhà hát, thì hai hay ba năm gần đây bà Charlotte đuổi khéo khỏi nhà. Cứ như thế, dần dần mấy người ít nhiều thú vị đều biến hết, chỉ còn lại có *đám này,* gồm dăm bảy người hôm nay tụ tập tại đây.

Tất nhiên, trong số này có Mählich, là kẻ ngưỡng mộ lão Wilhelm hết cỡ (lão này thật ra cũng được, chỉ tội đần độn), thêm mụ vợ không hiểu sao lúc nào cũng thấy đau ốm của lão. Mụ này vốn làm cảnh sát (tóc vàng, và hồi trước trông xinh đẹp đến mức - giá mụ không làm ra vẻ đoan trang quá đáng - rất có thể ông đã cân nhắc xem có nên xếp vào danh mục các cô các bà bị ông chinh phục hay không rồi). Ngồi cạnh là cặp vợ chồng hàng xóm, nhà ở phía đối diện. Hai vợ chồng này trông giống hai con chó pug như lột, tên là gì thì ông Kurt lần nào cũng như lần nào, đều quên. Ông chồng trước làm quản gia trong trường Sasha học, hiện giờ thỉnh thoảng ông ta chạy giúp vợ chồng lão Wilhelm việc này việc kia. Về bà vợ, ông Kurt không biết gì thêm, ngoài chuyện mọi người kháo nhau bà ta mang hậu môn nhân tạo (hậu môn nhân tạo, nghe đúng là kỳ cục). Rồi đến gã công an khu vực - đồng chí Krüger; gã này ông Kurt xưa nay chỉ thấy từ xa mỗi khi gã đạp xe chạy qua chạy lại. Và dĩ nhiên, lão Bunke, đại tá an ninh quốc gia mắc chứng cao huyết áp, lão này lúc nhìn thấy nhau là ngòng ngọng *Trào cậu, trào cậu, thế Irina tâu rồi!* Cứ như thể thân nhau lắm lắm (trong khi, thực ra vợ chồng ông chỉ mới mời lão uống trà mỗi một lần, để phàn nàn về hai cây thông nhà lão đổ bóng xuống luống dưa chuột của cụ Nadezhda Ivanovna). Còn ông Harry Zenk nữa, cũng lạc chân đến chốn

này, một người ngoại lệ ở đây, thuộc loại thông minh, thậm chí ranh mãnh (nhưng lại đủ dớ dẩn để chịu nhận làm chủ nhiệm cái gọi là Viện hàn lâm Neuendorf). Tiếp theo là bà Gertrud Stiller, mỗi năm một lần vẫn đỏ mặt gặp ông ở đây. Hồi xa xưa bà Charlotte định gán người đàn bà này cho ông, và điều đáng ngượng ở đây là ông Kurt - tuy không thật nghiêm túc lắm - cũng có cân nhắc khả năng này thật. Đấy là một trong những chuyện bí mật nhất trong các chuyện bí mật của ông Kurt, bí mật đến mức chính ông cũng chẳng mấy khi nhớ đến nữa. Mấy người còn lại thật ra ông không quen; bà bán rau nào đấy, thêm vài vị đảng viên kỳ cựu. Và, trời đất, sao trông gã khiếp thế này!

- Ai-iến-ạch-áu-ão, ông Till ấp úng.

Hóa ra đây là Tillbert Wendt, cùng đoàn viên Đoàn thanh niên cộng sản khu Britz ở Berlin với ông, dù ít hơn ông một hai tuổi gì đó. Ông Kurt cố giữ vẻ mặt không đến nỗi ái ngại quá.

- Nhưng vẫn khỏe chứ?

Hỏi đến ngu.

- Ưng ốt ôi, ông Till đáp.

- Thôi, quan trọng là mình vẫn sống, ông ạ, ông Kurt nói rồi vỗ vỗ lên vai ông ta, mặc dù chính ông, ông biết, nếu gặp *chuyện như thế này,* chắc chắn ông đã tự tử chết cho xong.

Hồi trước, món bánh kem bơ nhiều mỡ chẳng bao giờ ông đụng đến. Song, từ ngày hai phần ba dạ dày ông bị cắt bỏ, bánh kem bơ nhiều mỡ ông chẳng ngại nữa. Cà phê được dọn ngay ra cho ông và ông vớ phải cái ly làm bằng nhựa cứng đã bị xây xước nhiều từ thời Mexico, được lôi

ra dùng hằng năm để bù số "chén đĩa ngon lành" còn lại từ thời quốc xã bị thiếu. Đúng là ông bà Charlotte đã tiếp thu *tất tật* cùng với ngôi nhà (hay nói đúng hơn, tất tật những gì các sĩ quan Xô-viết từng ngụ ở đây một dạo khá lâu còn chừa lại). Duy bộ dao nĩa ăn có khắc hình chữ thập ngoặc nhỏ tí sau mấy chữ cái viết tắt tên họ chủ nhà cũ thì ông bà loại đi, dẫn đến kết cục là ở nhà này, chủ khách ăn bánh ngọt dọn trên bộ đĩa quốc xã nhưng dao nĩa lại do quốc doanh CHDC Đức sản xuất.

- *Da zdravstvuet,* lão Bunke nói và giơ cao ly rượu bằng nhôm lên.

Cả của nợ này, lẫn tất tật những thứ đựng trong đó đều là thành tựu của CHDC Đức cả. Và, dù rằng từ ba chục năm nay ông Kurt vẫn từng cự tuyệt không chịu uống cognac, hay thậm tệ hơn, Goldbrand[90], đựng trong loại ly nhôm này, hôm nay thôi thì ông cũng kệ, cũng nâng ly.

- Mừng *Kor*bachov, lão Bunke nói. Mừng *Be*restroika ở CHDC Đức!

Ông Till gạt đi, không nhận ly rượu vừa chuyền đến tay ông. Gã công an khu vực làm ra vẻ không nghe thấy gì. Hai vợ chồng chó pug lúc nghe nói *"Da zdravstvuet"* đã nhấp rượu mất rồi. Sau khi đảo mắt cẩn thận nhìn quanh, lão Mählich giơ ly rượu lên. Song lại hạ ngay xuống lúc nghe ông Harry Zenk lên tiếng phản bác lão Bunke:

- Mừng Gorbachov thì được. Nhưng, perestroika ở CHDC Đức thì không.

Mụ Mählich, ông Kurt sực nhớ tên mụ là Anita, đúng là ngớ ngẩn đến mức nhắc lại y lời của một gã cũng tên Kurt trong Bộ Chính trị (là Kurt

Hager, mà ông Kurt vẫn thầm gọi là *Kurt thôi)* mới đây nói trong bài phỏng vấn trả lời một tạp chí phương Tây được đăng toàn văn trên *ND:*

- Nếu hàng xóm dán giấy bồi, tân trang nhà, thì chúng tôi nào có phải cũng làm ngay như họ.

Một đảng viên kỳ cựu ở làng Neuendorf gật đầu tán thưởng. Lão Bunke chợt quay sang phía ông Kurt:

- Kìa anh, anh nâng cốc nói gì đi chứ!

Mọi người đều nhìn ông. Mụ Anita với cái mũi chợt trở nên nhọn hoắt. Lão Mählich gật gật đầu dù ông Kurt chưa kịp nói gì. Đôi chó pug nghiêng đầu về cùng một phía... Mỗi ông Till chẳng để ý gì đến xung quanh, đang nhẫn nại gắng đưa miếng bánh lên miệng trên bộ mặt bị liệt một nửa.

- *Prost,* nâng cốc, ông Kurt nói.

- Vâng, *brost,* lão Bunke họa theo.

Ông Kurt dốc tuột ly rượu đầy vào miệng. Nóng ran, chảy dần dần từ họng xuống. Rượu nóng ran, từ từ lan xuống đến một chỗ mà mấy tiếng đồng hồ nay thắt lại. Không phải dạ dày. Cái gì đó nằm thấp hơn nữa... Không biết cơ quan ấy là cơ quan gì, cơ quan sẽ lồng lên ngay khi con trai anh vượt biên ấy?

Ắt đấy là cơ quan đảng, ông Kurt nghĩ. Thế nhưng, ông chẳng còn tâm trí để khoái chí với ý nghĩ ngộ nghĩnh đó và cố tình ra vẻ bận bịu với miếng bánh ngọt để không bị lôi cuốn vào cuộc tranh luận về Gorbachov. Có nói mấy cũng vô ích thôi, ông nghĩ bụng, nói mấy thì mấy vị này cũng

chẳng bao giờ hiểu ý kiến ông về Gorbachov. Rằng Gorbachov bước chưa đủ xa ư... Rằng ông ta không có chiến lược và không nhất quán ư... Rằng công trình perestroika - cải tổ - của ông ta không chứa đựng chút lý thuyết nào ư...

Ông vẫn đang loay hoay với miếng bánh ngọt thì một người đàn bà bước vào phòng, một người ông chưa xác định được ngay là ai, quá trẻ, mà cũng quá xinh đẹp, sắc sảo giữa đám người đứng ngồi quanh đây. Mãi đến khi nhìn thấy thằng bé lầu khầu vụng về cô ta đang đẩy về phía lão Wilhelm ông mới nhận ra cô... Trang điểm ghê chưa kìa! Còn giày cao gót nữa chứ! Như thế là mang ý gì?

Ông Kurt nhìn hai mẹ con Melitta kéo nhau đến đứng trước ghế lão Wilhelm đang ngồi, nhìn Melitta cúi xuống bên lão, váy ngắn cũn cỡn. Markus tặng lão Wilhelm bức tranh gì đó. Ông Kurt nhớ Markus cũng tặng ông bức tranh, vẽ con thú gì đấy, vào dịp sinh nhật của ông. Khỉ thật, ông nghĩ, đúng là ông phải treo bức tranh lên mới đúng. Ông nhìn theo Markus đang đi một vòng chào khách khứa, dáng người mảnh dẻ, gương mặt nhợt nhạt và hơi ngượng nghịu, y hệt như Sasha hồi còn ở tuổi ấy. Ông ôm Markus vào lòng. Chỉ đưa tay bắt như mọi người khác thì ít quá. Bỗng nhiên ông cũng muốn ôm cả Melitta vào lòng, nhưng không, ông không ôm, sau khi bắt tay cô, ông chỉ nhanh nhẹn nhích sang một bên để kéo thêm chiếc ghế cho cô ngồi cạnh ông.

Cô ta mang quần tất in mẫu hoa. Thật không may cho ông, ghế ông ngồi thấp, thành ra, trong lúc ông lựa nói đôi lời thân thiện thì mắt ông cứ như bị dán vào mấy hình mẫu in trên quần tất Melitta mang. Mọi lời khen thoáng qua trong đầu nghe đều có vẻ như ông muốn bào chữa một định kiến trước đây vậy. Một lúc sau, ông mới cất được tiếng:

- Trông con xinh lắm.

- Trông bố cũng khá đấy, Melitta đáp và nhìn ông bằng đôi mắt to màu lục.

- Con nói vậy thôi chứ..., ông Kurt gạt đi nhưng thật tình, cũng muốn tin như thế lắm.

- Vậy mẹ đâu ạ? Melitta hỏi.

- Bà ấy không được khỏe, ông Kurt đáp và chờ Melitta sẽ hỏi về Sasha.

Song, Melitta không hỏi gì tiếp, cũng có thể chỉ vì đúng lúc đó, bà Charlotte bước vào và, giống như một cô giữ trẻ, vỗ vỗ mạnh hai tay vào nhau nhằm gây chú ý giữa đám khách khứa đang mỗi lúc một ồn ào. Ông Phó bí thư đến. Lễ trao huân chương!

Ông Kurt buông nĩa ăn bánh ngọt ra khỏi tay và ngả người ra sau, tựa vào lưng ghế. Diễn giả cất tiếng - bằng một giọng đến các *viên chức* cũng phải khâm phục về độ đơn điệu và buồn tẻ - đọc bài diễn văn khen tụng cuộc đời chiến đấu của lão Wilhelm. Trừ đôi chỗ không đáng kể, bài diễn văn lặp lại y sì nguyên văn các bài vẫn đọc mỗi lần lão Wilhelm được tặng huân chương (là việc mà gần đây tuồng như năm nào cũng diễn ra, vì lần nào cũng như lần nào, lão luôn gây cho thiên hạ cái cảm giác, thôi, âu cũng là lần sinh nhật cuối cùng của lão. Ngay cả trong chuyện bịp bợm này, lão cũng dần trở nên điêu luyện!). Điều đó khiến đôi chi tiết lẽ ra có thể là đáng để ý trong tiểu sử lão Wilhelm dần dần trở nên nhạt nhẽo cùng năm tháng, và toàn bộ hồ sơ ấy rốt cuộc biến thành một tài liệu tuyệt vời làm chứng cho sự nhàm chán. Song, dẫu sao, việc đọc nó lên cũng có cái lợi là

làm Melitta quay hẳn người về phía diễn giả, khiến lúc này ông Kurt có thể ngắm nghía không giấu giếm đôi tất in hoa của cô. Nói đúng hơn là ngắm nghía chiếc quần tất, hay đúng hơn nữa, ngắm nghía cái chỗ sát mép gấu váy ngắn. Ông không biết người ta gọi chỗ ấy là gì, cái chỗ chuyển từ hình mẫu in sang chỗ không có mẫu in. Và, khi Melitta lấy tay giật giật váy cho ngay ngắn, ông lại thấy càng thú vị, bởi vì chiếc váy lại xô lệch ngay, trong khi đôi chân cô cọ vào nhau, khẽ khàng kêu sột soạt.

Ông cảm thấy ở phần bụng dưới của ông có cái gì đó động đậy, và ông cân nhắc liệu có nên cảm thấy bực bội hay không. Bởi, dẫu gì đây cũng là con dâu cũ của ông... Không, nó không *đẹp,* ông nghĩ bụng trong lúc diễn giả đang tường thuật lão Wilhelm đã tìm đường đến với Đảng của giai cấp công nhân ra sao. Song, nhìn cô thế này, thật tình mà nói, chính điều đó lại làm ông thích. Chính cái không-đẹp-lắm ấy của người đàn bà, ông nghĩ bụng, càng làm họ trở nên khêu gợi. Đến là khó giải thích. Có lẽ, phải đến độ tuổi nào đấy người ta mới thấm thía được điều đó.

Ánh mắt ông lướt qua chiếc váy may bằng thứ vải dệt thô đầy khêu gợi của Melitta, trở lên chiếc áo sơ-mi nửa kín nửa hở, trườn lên cẳng tay chắc nịch, và trong lúc diễn giả nhắc đến vết thương lão Wilhelm bị trong vụ đảo chính Kapp, ánh mắt ông mắc kẹt lại ở bộ dây đeo mềm mại màu đen bắt chéo tấm lưng rộng của Melitta trước khi chuyển sang quan sát đôi môi son và gương mặt. Ông nhìn kỹ đôi lông mày được nhổ tỉa công phu (kể cả những nốt đo đỏ sót lại sau khi tỉa). Rồi ông thấy buồn rười rượi. Dáng vẻ người phụ nữ trẻ này chợt làm ông mủi lòng, ông tưởng như nhìn thấy ở cô hình bóng một kẻ bị hắt hủi, một biểu tượng của tất cả những gì mà Sasha đã vứt bỏ, xa lánh hay phá hủy trong đời cậu ta và giờ đây, đúng kiểu cu cậu lâu nay vẫn hành xử, lại bỏ rơi ở chốn này. Nhưng đồng thời - ông lấy làm ngạc nhiên rằng cả hai tình cảm trái ngược nhau lại nảy ra

cùng một lúc trong lòng như thế - chính cái đó lại khêu gợi ông. Ông có cảm tưởng, chính sự bị hắt hủi, bị khinh nhờn ấy làm ông rung động, chính lòng ham muốn và được ham muốn bị hắt hủi, bị khinh nhờn thuộc về vẻ không-đẹp-lắm ấy, chính vì nó bị hắt hủi, nó càng không chút che đậy, ngùn ngụt trỗi dậy. Chính cái đó kích động ông, giúp ông nhận ra sự liều lĩnh của người đàn bà trẻ trong bộ cánh này để có cớ ngầm phát triển một lý thuyết ngắn gọn về tính gợi dục của vẻ không-đẹp-lắm ấy. Song, ông tạm gác việc mở rộng thêm học thuyết này.

Cả hai thứ đó nằm thăng bằng một lúc lâu trên bàn cân, nỗi buồn và sự hấp dẫn, khối đau thắt trong ruột và cơn hứng ở hạ bộ. Như giữa *cơ quan đảng và phái đối lập* vậy, ông thầm nghĩ. Song, lúc diễn giả dài dòng và ồn ào (cốt chỉ để gợi lại chuyện lão Wilhelm từng làm phó đội dân quân đỏ RFB[91] vùng Berlin mà thôi) kể lướt qua về những năm 20, và tất nhiên bỏ qua, không nhắc tới đòn thua đau đớn năm 33, thì phái đối lập trong quần ông Kurt dần dần thắng thế. Và, trong lúc cả đám khách khứa chăm chú theo dõi buổi lễ, trong lúc hai cái đầu chó pug nghiêng nghiêng kính cẩn, trong lúc tay Till ngủ gật (hay đang tập làm dáng cho khuôn mặt lúc chết?), trong lúc ông Harry Zenk che tay để ngáp và lão Mählich lấy vẻ mặt như thể đang lần đầu nghe đọc tiểu sử lão Wilhelm, thì ông Kurt đã chui xuống hầm ngầm họp chi bộ của lão Wilhelm từ lâu. Diễn giả nói đến *kháng chiến chống phát-xít,* trong khi ông Kurt đang vướng vào nhiều hoạt động hối hả. Chiếc bàn dài cũng đóng vai trò nhất định, hình bóng mọi thứ trở nên mờ ảo, riêng các mẫu in trên quần tất thì ông thấy rất rõ, hay đúng hơn, ông thấy rõ cái chỗ mà ông không biết gọi là gì ấy. Lúc diễn giả nói đến *hoạt động bí mật* và lúc ông Kurt trở lại giữa đám khách đang chăm chú nghe thì phái đối lập trong quần ông đã *dũng cảm,* như diễn giả tuyên bố, vùng lên mạnh mẽ đến mức mắc kẹt giữa các nếp quần lót và giở trò dằn vặt ông.

Diễn giả kết thúc bài nói với nhiều lời ca ngợi con người đã cống hiến không mệt mỏi cho sự nghiệp nọ. Ông Kurt gắng sửa lại quần dưới gầm bàn cho ngay ngắn, song vô ích. Mãi đến lúc mọi người đứng dậy vỗ tay, nó mới chịu co rút lại, đúng vào lúc đám khách khứa nãy giờ khô cứng bỗng sống lại để vỗ tay hồ hởi tán thưởng một cách quá mức bài nói của ông Phó bí thư. Miễn cưỡng vỗ tay, ông Kurt nghĩ bụng, có lẽ không ai trong số những người đang vỗ tay đây biết họ đang vỗ tay để hoan hô cái gì. Vừa vỗ tay, ông vừa nghĩ, chẳng có chuyện nào trong bài nói vừa rồi là đúng với sự thật cả. Cả chuyện lão Wilhelm vào đảng "ngay từ đầu" (thật ra, lúc đầu lão là đảng viên đảng USPD[92], mãi sau này, do hai đảng sáp nhập lão mới thành đảng viên Cộng sản), lẫn chuyện lão bị thương trong vụ đảo chính Kapp (thì cũng đúng là lão có bị thương thật, song không phải vào năm 1920 trong lần đảo chính ấy, mà vào năm 1921 trong cuộc bạo động tháng Ba[93]. Cuộc bạo động thất bại quá thảm hại, cho nên, tất nhiên là vậy rồi, ghi vào tiểu sử chẳng hay ho gì). Song, tệ hại hơn mấy chuyện lặt vặt, sai không sai, đúng chẳng đúng đó là việc cố tình lờ tịt, lặng lẽ bỏ qua những việc lão Wilhelm có can dự trong những năm hai mươi đó. Hồi ấy - những chuyện này ông Kurt còn nhớ rất rõ - lão Wilhelm là kẻ chấp hành trung thành và mù quáng đường lối Mặt trận thống nhất do Liên Xô chỉ đạo, nhằm xuyên tạc và vu cáo các lãnh tụ Dân chủ xã hội là bọn "phát-xít xã hội" và thậm chí coi họ còn nguy hiểm hơn cả bọn quốc xã. Đúng ra, ông Kurt *tay vẫn vỗ* nhưng trong đầu thì nghĩ, nhìn nhận một cách thật khách quan thì cá nhân lão Wilhelm cũng phải chịu chung trách nhiệm về việc phái tả đánh giết lẫn nhau trong những năm hai mươi, khiến bọn phát xít thắng thế ở Đức. Ngay từ hồi năm 1932, ông Kurt nhớ lại, *tay lại vỗ* (tức là lúc Huân chương Tổ quốc ghi công hạng Nhất được cài lên áo lão Wilhelm) - ngay từ dạo 1932, lão Wilhelm trong vai trò đội phó dân quân đỏ RFB ở Berlin đã tham gia tổ chức một chiến dịch chung lớn của hai

đảng Quốc xã và Cộng sản. Đến tận sau ngày "nắm quyền"[94] - việc này lão không khai trong lý lịch - lão Wilhelm vẫn ngoan cố bảo vệ luận điểm về chủ nghĩa phát-xít xã hội. Luận điểm này mãi đến 1935 mới chính thức được sửa đổi, để rồi thêm vài năm sau đó mới chịu thua Hiệp ước hữu nghị giữa Liên Xô với nước Đức Hitler về mức độ ngu ngốc và bỉ ổi. Tất cả đều là lừa lọc, ông Kurt nghĩ, nhưng *tay vẫn tiếp tục vỗ*. Toàn bộ các chi tiết về những năm hai mươi đều láo toét hết - về những năm ba mươi cũng vậy nốt. Ngay cả việc "tham gia kháng chiến chống phát-xít", nói cho cùng, cũng là dối trá. Lý do tại sao lão Wilhelm không nhắc đến giai đoạn này không chỉ nằm ở chỗ lão là kẻ hợm hĩnh hay làm bộ úp mở mà thôi. Lý do ấy thực ra là ở chỗ, chuyện kháng chiến chống phát-xít rốt cuộc chỉ là chuyện *thất bại,* chuyện *anh em tranh giành nhau,* chuyện *các toan tính sai lầm* và chuyện *phản bội* của chính "lãnh tụ vĩ đại" đối với những người phải liều mạng chiến đấu trong vòng bí mật (nói cho cùng, chính sách của Liên Xô hồi đó đã như thế thì mọi sự cũng không thể khác đi được). Tràng vỗ tay chung của mọi người chưa dứt, thì ông Kurt đã thôi không vỗ tay và cũng không còn nhận ra dấu hiệu hoạt động nào của phái đối lập nữa, trừ một cảm giác ngồn ngộ... trong quần.

Thoạt tiên, lúc bàn tiệc buffet vừa khai trương, ông lưỡng lự chưa dám đứng dậy ngay, sợ có dấu vết trên quần mình chăng (nhưng nhìn kỹ lại thì may quá, không có gì). Thấy Melitta vẫn ngồi nguyên tại chỗ, ông Kurt nghĩ, có lẽ cô ngồi lại cốt để hỏi tin tức của Sasha, nên ông cũng ngồi yên. Nhưng cô không hỏi han gì cả. Ông Kurt chưa biết xử trí ra sao thì lão Bunke đã quay lại với chiếc đĩa đầy thức ăn. Nối chân lão là ông Harry Zenk cùng Anita. Thế là cuộc tranh luận về Gorbachov lại diễn ra.

- Ta phải *lói* rõ sự thật cho dân biết, lão Bunke lên tiếng đòi hỏi.

Ông Kurt nổi cáu, có lẽ vì thoáng thấy Melitta gật gật đầu tán thưởng, nên rốt cuộc cũng lên tiếng chen vào:

- Vậy ai, ai sẽ là người quyết định xem sự thật là gì đây?

Lão Bunke nhìn ông ngơ ngác.

- Ai sẽ quyết định cái đó nào, ông Kurt hỏi tiếp. Chúng ta đây? Hay Gorbachov? Hay ai nữa?

- Đúng rồi, ông Zenk gật gù. Sự thật bao giờ cũng mang tính đảng.

- Không phải thế! Ông Kurt cao giọng, bực bội trong lòng vì thấy ý ông bị hiểu sai đến thế. Sự thật, ông nói hay ông *định* nói... một câu, mà sau khi cân nhắc, có thể lời lẽ sẽ là như sau: Sự thật không phải là thứ gì đó chỉ riêng đảng sở hữu và ban phát cho quần chúng như ban của bố thí (tiếp theo chắc sẽ là đôi lời phân tích lý thuyết về cái gọi là nền dân chủ tập trung, cơ cấu quyền lực xã hội chủ nghĩa trong thực tế và vai trò của đảng trong hệ thống Xô-viết). Nhưng, ông không kịp nói gì nữa, vì mọi người đã chẳng còn để ý gì đến ông, mà hướng cả về phía sau lưng ông, về phía góc nhà nơi lão Wilhelm ngồi trong ghế bành và, khó ai mà tin được, đang cất tiếng *hát*.

Mới đầu ông Kurt tưởng lão chỉ lầu bầu gì đó trong miệng. Mất một lúc ông mới nhận ra đấy là tiếng hát. Nhưng, mãi đến lúc ông thấy hai cái đầu chó pug gật gù theo nhịp, cũng như thấy lão Mählich - tuy có vẻ không thuộc lời (hay không chắc có còn được hát những lời về Stalin nữa hay không) - vẫn lắp bắp hát theo, thì ông mới vỡ lẽ lão Wilhelm đang hát bài gì. Trời đất, không còn gì ngu xuẩn hơn nữa! Mà không, đây không còn là ngu xuẩn, đây là một *tội ác*. Ông nghĩ, xét cho cùng, đây là kết luận đúng

đắn và ngắn gọn nhất cho toàn bộ tai họa này. Nói cho cùng, đây cũng là ý đồ bào chữa cho tất cả những nỗi bất công và tội ác họ gây ra nhân danh "chính nghĩa", là lời nhạo báng họ nhằm vào hàng triệu người vô tội đã đổ xương máu làm nền tảng, dựng nên cái gọi là sự nghiệp này. Đó chính là bài Đảng ca nổi tiếng do một gã nhà thơ hèn nhát nào đó (ấy là Becher[95] hay Fürnberg[96] nhỉ?) đã không chút ngượng mồm sáng tác ra.

Sao mình lại ở đây nhỉ, ông Kurt tự hỏi, trong khi tay đã tê đi do vỗ nhiều quá, ông đưa mắt nhìn đám khách khứa lại đang ồ lên hoan hô ầm ĩ, nhìn nụ cười hoan hỉ đang nở dần trên gương mặt Anita, nhìn lão Mählich đưa tay gạt nước mắt - hay ông nhìn nhầm? Ông thấy ông Zenk hài lòng gật gù, như thể vừa được thăng chức không bằng. Lão Bunke cũng vỗ tay, cười hơn hớn như thể vừa nghe được một chuyện tiếu lâm hay nào đó. Còn hai con chó pug nhìn nhau rồi vẫn gật đầu theo nhịp.

Mỗi Melitta là không vỗ tay, hay đúng hơn, hai bàn tay cô chỉ đập nhè nhẹ đôi lần vào nhau cho có lệ rồi ném về phía ông Kurt một cái nhìn đầy ẩn ý. Ông nhướn lông mày đáp lại. Ông đã tưởng bây giờ Melitta sẽ hỏi ông về Sasha. Song, trước khi hai người trở lại câu chuyện bỏ dở thì đã lại có tiếng ai đó lầm rầm, lần này vọng từ phía bên phải tới. Và, thêm một lần nữa bị bất ngờ, ông Kurt lại phải mất một lúc mới nhận ra tiếng hát. Của cụ bà Nadezhda Ivanovna! Bài hát về con dê non cụ vẫn hát cho Sasha nghe lúc nó còn nhỏ, một bài hát nghe đầu đầu như nói, dài, nhiều đoạn đến phát ngượng. Song, chẳng có gì phải ngượng, bởi vì mọi người đều quay ra tán thưởng *bà cụ Nga,* đua nhau bày tỏ sự gắn bó của mình với nhân dân nước xã hội chủ nghĩa anh em. Vừa hết đoạn thứ hai, bọn họ còn ngu xuẩn đến mức cất tiếng đồng thanh hát cùng với cụ. Và, lập tức, không khí trong phòng bỗng giống hệt không khí một đại hội đại biểu nào đấy của Đoàn thanh niên tự do Đức (FDJ) vậy (mặc dù ông Kurt, thật tình

mà nói, chưa tham dự một đại hội như thế bao giờ). Vì điệp khúc của bài hát luôn bắt đầu bằng *vot kak, vot kak* - nghĩa là thế đấy, thế đấy - làm ai nấy tưởng nhầm đây là bài tửu ca dân Nga vẫn hát mỗi khi uống rượu, nên họ cùng đồng thanh gào lên *Vodka, vodka!* Họ còn vỗ tay thành nhịp và cuối cùng, bà khách ngồi cạnh ông (một nữ đảng viên kỳ cựu nào đấy trong làng Neuedorf đây thì phải) còn định ngoắc tay vào tay ông để đung đưa theo nhịp nữa chứ. Tất nhiên, ông không phụ họa và ngồi trơ ra như hóa đá giữa đám khách. Mọi thứ bỗng như đung đưa. Đầu ai nấy như bị tách khỏi cổ, nhô lên tụt xuống, cả cái đầu tóc nhuộm vàng của Anita, cả cái sọ tóc đen của lão Mählich lẫn cái đầu lão Bunke, trông như quả bóng hơi màu đỏ có vẻ sắp nổ tung đến nơi vậy.

- Bố nghĩ, ông Kurt nói, lúc bài hát rốt cuộc cũng kết thúc ở đoạn chó sói đến ăn thịt dê non, xé hết thịt, để lại mỗi xương và chẳng còn gì sót lại của dê non ngoài *sừng non với móng chân, gọi mãi gọi mãi cũng chỉ thấy sừng non với móng chân thôi* - bố nghĩ, ông Kurt nói, bố phải nói con biết Sasha chạy sang Tây rồi.

- Hừm, Melitta ậm ừ.

- Chà, thế đấy, ông Kurt nói.

Không hiểu sao, ông cứ hy vọng phản ứng của Melitta sẽ khác kia. Nhưng Melitta chỉ ngồi im và ông Kurt bỗng không biết phải làm gì tiếp. Trong giây lát ông có cảm giác Melitta dường như chưa hiểu thông tin ông vừa báo cho cô là thông tin gì. Không rời mắt khỏi tách cà phê, tách cà phê trên tay *cô,* tách của bọn quốc xã ấy, trên mép in rõ dấu son môi của cô, ông lên tiếng:

- Bố không biết bây giờ chuyện tiền trợ cấp nuôi Markus của con sẽ thế nào, nhưng nếu Sasha chưa trả được thì đương nhiên bố sẽ trả.

Ở phòng bên có tiếng gì loảng xoảng. Ông Kurt thấy mọi người đứng hết cả lên để chen nhau chạy sang đó, riêng thằng Markus lội ngược dòng, chạy từ bên đó sang hỏi có chuyện gì.

- Mình đi về, Melitta nói.

- Sao bây giờ đã về? Markus nhăn nhó.

- Ra ngoài kia rồi mẹ nói, Melitta đáp.

Markus vùng vằng lôi con kỳ nhông nhồi trên giá sách xuống.

- Cố Wilhelm tặng cháu mà, nó nói, mặt hướng về phía ông Kurt.

- Quà của cố hay đấy, ông Kurt nói, rồi nắm bàn tay Markus chìa ra cho ông, lắc hơi nồng nhiệt hơn mức cần thiết.

Đoạn, ông định bắt tay Melitta nhưng cô đã dang tay ôm lấy ông. Quá bất ngờ, ông lúng túng, chưa biết quay đầu phía nào thì cằm đã chạm ngay vào trán Melitta. Toàn thân Melitta cứng đơ, như khúc gỗ, trong vòng tay ngập ngừng, không dám siết chặt của ông.

Ông Kurt rót thêm ly Goldbrand rồi bước sang phòng bên. Bây giờ ông mới nhận ra bàn tiệc buffet gãy gục tự lúc nào. Ông đứng tách ra một bên, lơ đãng nhìn cảnh chộn rộn diễn ra xung quanh chiếc bàn tiệc bị gãy.

Trên môi ông, đến tận giờ vẫn còn lưu cảm giác từ vầng trán Melitta.

Cái thứ rượu Goldbrand này, mùi ngửi đến khiếp.

Ông dốc tuột hết rượu vào họng rồi đặt chiếc ly lên giá gần đấy. Đoạn, ông cứ thế ra khỏi phòng, đi dọc suốt hành lang, qua phòng tiền sảnh con con, rồi bước ra ngoài trời.

Ông bước hơi vội, như thể sợ đến phút chót ai đó sẽ gọi ông lại. Khi cảm thấy đi đã đủ xa, lòng ông bỗng tràn ngập một niềm vui trần tục. Ông tự nhủ phải kìm lòng. Hãy giữ niềm vui trong lòng đã. Để nó trào chút một ra thôi.

Được khoảng ba trăm thước ông mới sực nhớ, ông để quên cụ bà Nadezhda Ivanovna ở đấy. Ông bước chậm lại, trong đầu đã nghĩ, có lẽ phải quay lại đón cụ. Nhưng việc quái gì phải quay lại nhỉ? Đằng nào cụ cũng tự về được nhà, chả cần đến ông... Ông lại rảo bước. Đi dọc theo phố Fuchsbau. Bước tới nhà số bảy, trong ấy chắc Irina say, đang nằm trên ghế xô-pha...

Ông đi ngang qua nhà số bảy.

Ông đến cuối phố, rẽ vào đường ven hồ Seeweg. Dọc theo đường này, các ngôi nhà ở đây càng xa hồ, trông càng tầm thường. Phố Heiner đưa ông ra khỏi xóm toàn nhà vi-la rồi dẫn tiếp vào xóm thợ dệt ngày xưa, vốn là xóm xưa nhất ở làng Neuendorf này. Nhà cửa ở đây thấp, thấp đến độ với tay là chạm máng nước mưa. Ông Kurt đi theo những con phố ngắn, lát đá hòn và chạy ngoằn ngoèo, mang tên những Klopstock, Uhland hay Lessing. Mùi bếp núc, mùi men rượu thoát ra từ những cánh cửa sổ mở

toang. Phố Goethe dài hơn, chạy ngang qua nghĩa địa, rồi dẫn sang phố Karl Liebknecht, còn dài hơn phố Goethe. Cạnh trụ sở Ủy ban làng Neuendorf lẽ ra ông có thể nhảy tàu điện đi tiếp. Ông nghe rõ tiếng ken két man rợ của tàu điện đang lúc ngoặt sang phải, nhưng ông vẫn tiếp tục đi. Khi ông ra tới phố Friedrich Engels, một con phố dài nối Neuendorf với thành phố Potsdam và đi xuyên qua chỗ đường phố thắt cổ chai thì tàu điện leng keng loảng xoảng vượt lên trước. Chỗ này rất hay xảy ra tai nạn, ở lối ra phía bên kia, trên bức tường cắm dây thép gai của xưởng bảo dưỡng xe hỏa, trơ trọi một băng khẩu hiệu màu đỏ đã bạc thếch với dòng chữ *Chủ nghĩa xã hội nhất định thắng!* chăng từ nhiều năm nay (hay nhiều chục năm?).

Lá rụng sột soạt dưới chân lúc ông đi dọc đoạn đường chạy bên xưởng bảo dưỡng xe hỏa. Ông băng qua cầu Lange, vượt mặt đường và đường ray, vòng quanh khách sạn Interhotel ra phố Wilhelm Kulz để tới đại lộ Lenin, là con phố dài nhất - nhưng chắc chắn không phải là đẹp nhất - ở Potsdam. Ông theo đại lộ hai ba cây số ra phía ngoại vi thành phố. Đường phố mỗi lúc một tối và, ở chỗ hầu như không còn cột đèn nào nữa, ông rẽ sang phải.

Phố Garten. Nhà thứ hai, bên trái. Ông bấm hai hồi chuông ngắn rồi chờ, cho đến lúc phía trên, ở tầng ba, một cánh cửa sổ mở ra.

- Tôi đây, ông nói.

Đèn hành lang trong nhà sáng lên, tiếng chân bước xuống theo cầu thang. Tiếng chìa khóa quay trong ổ khóa cổ.

- Chà, ông làm tôi bất ngờ đấy, bà Vera mừng ra mặt.

Khoảng một giờ sau, ông Kurt nằm ngửa trên giường bà Vera, vẫn ở tư thế bà Vera vừa "chiều miệng" ông, như ông thường nói. Ông đánh hơi thấy ngay cái mùi không lẫn vào đâu được của thịt xông khói rán chảo phảng phất khắp nhà. Ông cảm thấy nhẹ nhõm, song cũng đôi phần thất vọng. Không rõ đây có phải là cảm giác cụt hứng thường vẫn dâng lên sau mỗi lần giao cấu, hay phải thừa nhận có cái gì đó không thật đúng như ông mong đợi. Phòng ngủ của bà Vera trông có vẻ bừa bộn, kém niềm nở hơn lần trước (nhưng, cũng đã ba năm rồi còn gì, tính từ lần cuối cùng ông nằm ở đây). Ánh đèn từ chiếc đèn ngủ hắt ra sáng quá, chiếu rõ mồn một những mạch xanh xanh trên *cái cặp ấy* của bà (ông vẫn chưa tìm được chữ nào hay hơn). Song, những nếp nhăn nổi lên trên trán bà lúc bà gắng sức chiều ông, mới thật sự làm ông khó chịu. Một ý nghĩ bất chợt nhói lên trong đầu ông, thì ra ông đang làm tình với một mụ già. Và, để xua đuổi ý nghĩ khó chịu ấy, hai tay ông nắm lấy đầu bà - cũng có hơi thô lỗ một chút - lôi lên, ấn xuống theo nhịp và độ sâu ông muốn.

Sau đó, lúc bà nằm, mặt âm ấm áp xuống bụng ông và ông cảm thấy hơi thở của bà trên lông mu mình, ông hơi ân hận vì hành động thô lỗ chợt đến ấy. Ông nằm xoa xoa tấm lưng bà Vera và nghĩ ngợi rất lâu về sự tự nguyện lạ lùng của bà từ nhiều năm nay, thỉnh thoảng lại sẵn lòng chiều ông như thế này. Cách nói "mối quan hệ khoai tây rán"[97] chợt nảy ra trong đầu ông! Tại sao gọi kiểu quan hệ này là *quan hệ khoai tây rán* nhỉ? Ông ngạc nhiên thấy mình không trả lời được câu hỏi vớ vẩn ấy. Có lẽ chính vì thế, tuy dĩ nhiên cũng là vì đói nữa, chính vì muốn gán cho cách nói lạ lùng kia một ý nghĩa nào đó, ông hỏi:

- Bà rán tôi ít khoai tây được không?

- Được chứ, bà Vera đáp, rồi nhổm ngay dậy, đi vào bếp.

Bây giờ đến lượt mùi khoai tây rán lan khắp nhà. Cái mùi thời thơ ấu. Ông Kurt nhắm mắt lại và mùi vị ấy dường như trong giây khắc đã đẩy ông lùi về phòng ngủ bố mẹ ông, nơi hồi xưa, ông bất chấp lời bố mẹ cấm vẫn thường trùm chăn để trốn. Đến giọng nói vọng từ bếp ra ông cũng tưởng là giọng mẹ ông:

- Ra ăn thôi.

Ông mở mắt ra, đực mặt trong giây lát, kinh ngạc nghĩ đến hoàn cảnh lạ lùng mà sau bảy chục năm cuộc đời ông đang rơi vào. Ông trở dậy, ngồi ở mép giường. Mặc quần lót. Xỏ chiếc tất không còn thật sạch nữa vào chân trái. Và, đột nhiên, ngay trong giây khắc đang lơ đãng tìm chiếc tất kia, chiếc bên phải, ông hiểu ngay rằng, *đã đến lúc rồi*.

Chẳng còn gì để suy tính nữa. Chẳng còn lý do gì để tốn thời gian vào những công việc vớ vẩn như viết nhận xét cho mấy bài gửi đăng *Tạp chí khoa học lịch sử* hay báo *ND* nhân dịp sự kiện lịch sử nào đó nữa... Thậm chí việc cộng tác cho ra tuyển tập gồm các bài viết của Đông lẫn Tây, trong khuôn khổ một hội nghị hấp dẫn ở Saarbrucken, ông cũng sẽ từ chối, tốt nhất là vì lý do sức khỏe, rồi ngay sáng mai sẽ ngồi vào bàn bắt đầu viết hồi ký, mở đầu (mở đầu thế nào ông cũng biết ngay rồi) bằng một ngày tháng Tám năm 1936, lúc ông đứng cạnh Werner trên boong chiếc phà vượt biển và cùng nhìn về phía cột hải đăng của cảng Warnemunde nhạt dần trong sương sớm.

- Ra ăn thôi, bà Vera lại gọi.

- Tôi ra ngay đây, ông Kurt đáp.

B`ầu không khí ẩm ướt khiến ông thấy lành lạnh... Và, ông dường như vẫn cảm thấy miếng băng dính dán trùm lên tờ giấy phép nhập cảnh Liên Xô đã được gập thật nhỏ, ở mặt trong bắp đùi bên phải của ông.

NĂM 1991

Giá bây giờ có phải kể về nguồn gốc mấy quả mơ để nhồi vào thân con ngỗng bỏ lò nướng, thì chắc bà Irina chỉ cần nói ngắn gọn: ở siêu thị.

Nho mua ở siêu thị. Mấy quả vả cũng từ siêu thị. Lê, mộc qua, tất tật đều mang từ siêu thị về. Cứ thế này, bà Irina nghĩ bụng, nhồi ngỗng nướng lò chả còn gì là tài ba khéo léo nữa. Ở siêu thị, đến hạt dẻ cũng có, vỏ bóc sạch, nhân nướng niếc xong xuôi cả. Năm ngoái bà còn dè bỉu, ngúng nguẩy không thèm mua hạt dẻ bóc vỏ và nướng sẵn, nhưng năm nay, bà mua ngay. Mất công thêm làm gì chứ?! Thế nhưng, chính chi tiết nhỏ nhặt ấy đã làm bà rối lên mất một lúc, bởi vì thông thường, việc đầu tiên bà bắt tay làm là bật lò nướng, rồi trong khi chờ lò nóng lên, bà khía chéo vào vỏ từng hạt dẻ... Thôi, thôi, lẫn rồi! Bà lại tắt lò và bắt tay thái hoa quả làm món nhồi.

Giờ mới chừng hai giờ hơn. Tuyết tan, rỏ nước kêu tích tích trên bậu cửa sổ bọc tôn ở phía ngoài. Chiếc radio trong bếp phát tin của Đài phát thanh Đức. Lúc này đài đang đọc đến tin về cuộc giải thể Liên bang Xô-viết sắp diễn ra.

Bà Irina thái mỏng mộc qua rồi cắt thành từng khối vuông vắn cỡ khoảng một phân. Mộc qua khá rắn, làm ngón tay bà đau đau. Thời tiết thế này các khớp xương bà đau nhức hết cả, xương sống, cổ tay, cổ chân...

Với lại, ai mà biết được, bà nghĩ bụng, trong lúc đài đọc tin tại vùng núi Karabakh ở Azerbaijan, dân Armenia (là dân tộc - cũng một phần do thứ cognac tuyệt vời của họ - bà Irina vẫn coi là rất văn minh ấy) vừa giết chết hai chục dân thường, ai mà biết được bà còn mắc những chứng độc địa nào khác nữa, do từng hít phải cái thứ hóa chất bảo quản gỗ kia. Để ngăn bụi Kamilit[98], Bụi Kamilit có thể gây ung thư phổi. người ta bảo bụi này gây ung thư... Nhưng mọi thứ đều vô ích.

Bà Irina co duỗi các ngón tay đôi lần, trong đầu nhớ lại ý định hôm nay không nghĩ gì đến mọi chuyện đó, một ý định khó thành nếu sáng sáng cứ phải ra thùng thư với một cảm giác không tốt lành gì trong bụng, xem xem có thư từ gì của tòa án không... Đúng thật, ngu quá đi mất. Ngu vì không bỏ ngay tiền mua đứt ngôi nhà. Nhưng, ai mà biết được liệu Ban quản lý nhà cửa có bán nhà thật không. Lẽ ra bà phải hỏi ai chăng? Chẳng ai hỏi han gì. Nhà cửa xung quanh đây đều thuộc Ban quản lý nhà cửa địa phương và chẳng ma nào (trừ lão Harry Zenk kỳ quặc kia) nghĩ đến chuyện mua chính ngôi nhà mình đang ở cả. Để làm gì chứ? Đằng nào tiền thuê cũng chỉ trăm mác là cùng.

Chỉ thế thôi là bà đã rơi ngay vào cái vòng giá mà, lẽ ra với đáng nhẽ. Giá được ly cognac thì hay, bà Irina nghĩ bụng, trong khi Quốc hội Liên bang thông qua luật áp dụng chính sách hỗ trợ các bà mẹ tại những nơi gọi là *các bang mới*. Ý họ nói đến các bang phía Đông. Tên gọi này mới xuất hiện gần đây, chữ nghĩa, tên tuổi nghe đến lạ lùng, như thể mấy cái bang "mới" này vừa mới được phát hiện ra, như châu Mỹ của Colombo ngày xưa vậy... Đúng thế, bây giờ giá có ly cognac thì hay, bà bụng bảo dạ, để xua những ý nghĩ quẩn quanh, lặp đi lặp lại như thế này trong đầu... Nhưng bà đã nhất định hôm nay không uống, không phải chỉ vì lát nữa bà còn phải đi đón bà Charlotte từ nhà dưỡng lão về. Đúng ra là vì lát nữa con

cái đến thăm, Sasha với con bé Catrin ấy. Thì bà phải tỉnh, nếu không, lại có chuyện bê bối không hay.

Thôi thì châm điếu thuốc hút bù vậy. Từ radio phát ra tiếng píp-píp đã thành quen thuộc và bà Irina nín lặng, nghe ngóng... Đúng là thói quen vớ vẩn. Trước đây, bà cũng như bất cứ người bình thường nào khác, chẳng để ý nghe tin giao thông đường phố bao giờ. Song từ ngày Sasha dọn đến ở cái thành phố Moers[99] ấy, một địa danh cứ vang lên trong tai bà như là *myors,* tiếng Nga nghĩa là *lạnh run* - vâng, từ ngày Sasha sống ở đấy, bà cứ dỏng tai nghe, vì cái địa danh Moers ấy thỉnh thoảng lại thấy nhắc đến trong bản tin giao thông: *Xa lộ AS7 Nijmegen hướng Köln: ở đoạn giữa Kamp-Lintfort và ngã tư xa lộ Moers tắc xe năm cây số*. Những mẩu tin như thế tạo cho bà cảm giác Sasha còn sống đâu đó. Cũng như hôm nay, vì Sasha trên đường về đây, về Neuendorf, bà thử dựa vào tên các địa danh để phỏng chừng Sasha sẽ đến trễ bao lâu và, nếu có tin tai nạn ở đâu đó, bà lại lẳng lặng tung lên trời đôi lời cầu nguyện.

Thực ra, bà đã ngỡ tường Berlin đổ khắc đưa Sasha về gần bà. Đó chính là ý nghĩ đầu tiên trong đầu bà, lúc nhìn trên vô tuyến thấy cảnh dân chúng, người người ôm nhau khóc. Bà cũng khóc theo, chẳng chút e dè. Nhưng bà bực cái ông Kurt nhà bà lắm, suốt buổi ngồi câm lặng, mắt dán vào màn hình vô tuyến và nhồi hết tẩu thuốc này đến tẩu thuốc khác. Bà khóc và cố cưỡng lại ý nghĩ ngu xuẩn rằng mọi sự chỉ vì bà mà diễn ra như thế.

Thế nhưng, thay vì quay về, Sasha lại chuyển đi xa hơn. Thay vì quay về Berlin, nơi đang diễn ra những chuyện phi thường, thay vì góp phần mình vào đó, thay vì nắm lấy cơ hội, nó lại chuyển về Moers... Lẽ ra nó đã nên người, bà nghĩ. Bà cứ thấy đau lòng, khi gần đây phải xem mấy

vở diễn đến là thảm hại trên vô tuyến, trong khi Sasha cứ nằm chết gí ở cái xó Moers ấy. Xó xỉnh ở đâu đấy sát biên giới Hà Lan. Cái xó mà đến ông Kurt còn chẳng biết nằm đâu... Mà vì sao cơ chứ? Chỉ vì Catrin được nhận một vai diễn nào đó ở đấy. Ở nhà hát Moers! Hẳn tài năng cô ta chỉ đến vậy, lấy đâu ra thêm nữa mà đi xa hơn, bà hằn học nghĩ.

Cơ mà sau cái lần cãi vã ầm ĩ trong chuyến hai anh chị về thăm nhà dạo hè, bà định bụng, dứt khoát không nhắc đến chuyện này nữa. Quãng thời gian ngắn ngủi Sasha về thăm bà ở Neuendorf đây quá quý giá để đem ra mà cãi nhau. Vả lại, bà phải mừng là nó còn về thăm mới đúng. Năm ngoái, trước lễ Giáng sinh không bao lâu, hai đứa báo tin không về được, rồi, nghĩ mà thấy lạ, hai vị kéo nhau cả mấy ngày lễ bay ra nằm ở quần đảo Canaria. Đúng lễ Giáng sinh! Để bà một mình với ông Kurt và mụ Charlotte! Năm nay bà dứt khoát làm một bữa tiệc Giáng sinh thật đàng hoàng. Ai biết được, có khi đây là lần cuối ở nhà này cũng nên. Song, bà nhất quyết, ngay cả ý nghĩ đó tối nay bà cũng sẽ không nói ra.

Bà tính làm một con ngỗng thầy tu như mọi khi. Lúc nào uống cà phê sẽ có cả bánh nướng nhân nho khô tự tay bà nướng. Và, khi cả nhà xơi xong thịt ngỗng Giáng sinh lẫn bánh nướng, bà nghĩ bụng trong lúc thái miếng chỗ vả và mơ khô, khi mọi chuyện bàn tán tầm phào về chính trị đã tàn cũng như ai nấy đã mở các gói quà xong, khi bà đã cho hết bát đĩa bẩn vào chậu ngâm và đã đưa mụ Charlotte trở lại nhà dưỡng lão xong xuôi, thì, bà Irina nghĩ tiếp, bà sẽ tự cho phép mình rót một ly cognac - chỉ một ly thôi! - để tận hưởng cái giờ phút bao giờ cũng thú vị nhất ở mọi lễ Giáng sinh ấy, tức là giờ phút *sau đó,* khi cả nhà kéo nhau đến ngồi ở góc nghỉ đằng kia, khi ông Kurt lôi tẩu ra nhồi thuốc, khi hai vị đàn ông - đã giễu cợt chán chê về chuyện này chuyện nọ đáng cười diễn ra trong bữa tiệc vừa xong - liền xắn tay áo làm với nhau hai, ba ván cờ...

Vừa lúc ấy, trong đài vang lên một thứ nhạc nhà thờ buồn rười rượi. Bà Irina chỉ vặn nhỏ, không tắt hẳn, bởi vì - dù bà biết thừa đây chỉ là điều mê tín không hơn không kém - nếu bà thôi không theo dõi tin giao thông nữa, e sẽ có chuyện gì xảy ra với Sasha dọc đường. Bà rít sâu một hai hơi thuốc lá rồi dụi điếu thuốc thật cẩn thận. Đoạn bà cho hẳn nửa miếng bơ vào nồi, đảo qua chỗ hoa quả đã thái miếng và rót một chút cognac lên. Một làn hương thơm ngòn ngọt dâng lên mũi bà. Song đấy là hương thơm của - whisky, *chyort poberi!* Quỷ tha ma bắt!

Bà Irina hoang mang nhìn chai rượu bà mua cốt cho buổi tối ngày lễ Giáng sinh này. Bà đã phải đứng mất cả chục phút đồng hồ trước quầy rượu. Cho đến tận giờ bà vẫn chưa thể quen với loạn xì ngầu bấy nhiêu loại rượu. Thứ duy nhất hiện giờ không thấy bán, kể cũng lạ, là cognac Armenia. Còn thì của Pháp, của Hy Lạp, của Tây Ban Nha, của Ý, của Áo, có quỷ mới biết là còn những gì nữa. Suy đi tính lại một lúc đến lâu bà mới chọn thứ cognac Ấn Độ đây, đắt kinh người, nhưng trông có vẻ lạ, mua về, bà cứ đinh ninh thế, để dành cho mấy ngày lễ. Hóa ra nó lại là whisky!

Bà nếm thử chỗ hoa quả trộn whisky - cũng được, nhưng có vị quái đản thế nào ấy. Chẳng biết làm sao hơn, bà đành phải chắt chỗ nước quả - đang dậy mùi thơm nhờ phần nho cắt đôi - ra một cái cốc (thật ra không nhiều lắm, nhưng biết đâu còn dùng được vào việc gì khác). Lấy gì trộn bây giờ? Rượu rum chắc được, bà Irina nghĩ, ít nhất là để trộn món nhồi ngỗng. Để làm nước dùng, bà lấy vang Bồ với mật ong cũng được vậy.

Bà để yên hoa quả trộn rượu rum chừng năm phút. Trong lúc chờ, bà loay hoay với con ngỗng: lôi hết nội tạng ra cho vào chảo, lấy nước rửa sạch con ngỗng rồi dùng giấy lau thấm khô. Gần đây ông Kurt thường hay nói đùa, chỉ riêng để có thứ giấy lau dùng vào công việc bếp núc này cũng

đáng tiến hành Bước ngoặt rồi. Bà lạng bớt mỡ đi, lọc bỏ các tuyến nhờn, chọc chọc dưới đôi cánh con ngỗng rồi xát muối trong ngoài. Sau đó, bà nhét món nhồi vào trong và bắt tay khâu bụng con vật lại, một việc làm - từ ít lâu nay, hay nói đúng hơn, từ sau lần bà phải mổ cắt dạ con - khiến những cảm giác rờn rợn cứ nổi lên trong lòng bà... Thế nhưng, cũng chả nên nghĩ đến chuyện ấy.

Bây giờ bà mới sực nhớ bà chưa đốt lò nướng. Bà bật diêm châm bếp lò, rồi vẫn que diêm đang cháy dở, bà châm bếp đun nước và suýt bỏng ngón tay vì, cũng bằng que diêm cháy đã tàn đến đít ấy, bà còn cố châm thêm điếu thuốc. Đoạn, bà thong thả ngó nghiêng chai rượu lỡ mua nhầm. Chỉ độc chữ *Single Malt*[100] trên nhãn chai, chẳng thấy ghi whisky đâu, hay là in chữ nhỏ nên, do không đeo kính, bà không đọc ra. Bây giờ, ít nhất bà cũng phải nếm xem cái của nợ này nguyên vị ra làm sao. Đúng lúc bà nghiêng chai, toan đưa lên miệng thì ông Kurt hiện ra, đứng ở ngưỡng cửa.

- Tôi chỉ nếm thôi, bà nói.

Bà giơ cao chai rượu lên làm chứng. Song, lúc nãy, do bà đã đổ một ít để ướp hoa quả, cho nên chai đã vơi đi một phần.

- Chà, tuyệt nhỉ, ông Kurt nhăn nhó, giờ chắc tôi phải đón mẹ chứ gì.

- Hượm đấy, tôi cho con ngỗng vào lò xong khắc đánh xe đi ngay.

Ông Kurt giơ hai tay lên cao:

- Tôi gọi taxi cũng được.

- Tôi chưa uống tí nào, bà Irina nhắc lại.

- Bà chạy làm sao được xe nữa, ông Kurt nói. Để tôi đi. Nhưng tôi xin bà, Irushka, bà đừng uống nữa. Hôm nay các con nó về..

- Tôi có uống đâu!

- Thôi, được rồi, được rồi! Nói xong, ông ra khỏi bếp.

Bà Irina đổ xâm xấp nước nóng vào nồi chuyên dùng cho lò nướng, đặt con ngỗng vào đấy, đậy nắp rồi đẩy nó vào trong lò. Bà vặn đồng hồ, để một tiếng rưỡi. Đoạn, bà lấy cây bắp cải tím, bóc mấy tàu lá bên ngoài vứt đi, rồi với lấy con dao to, chém mạnh một nhát bổ đôi cây bắp cải. Rồi bà ực một hơi hết ly nước hoa quả trộn whisky lúc nãy. Trước hết, đấy không phải rượu nhá. Hai là, bà đang cáu tiết đây.

Bà lại cầm con dao lên tay, thái bắp cải tím thành từng miếng... Phải, bà cáu lắm. Không phải chỉ vì ông ấy nghĩ bà uống gì thật - ông ấy mà nghĩ thế, bà cáu là phải! Nhưng cáu nhất là cái giọng trách móc, giận dỗi ấy... Cứ như thể phải đi đón mẹ là chuyện nhọc nhằn lắm không bằng. Rồi bà vì thế mà đâm áy náy trong lòng nữa chứ. Mà đấy là mẹ *ông ấy cơ* mà! Tại sao cứ đương nhiên là bà phải đến nhà dưỡng lão mới được? Chỉ vì ông Kurt không đi được xe à? Nói cho đúng ra, ông ấy chẳng làm được cái quái gì... Mà đúng là như thế, chứ không sai.

Trong lúc thái rau, bà nghĩ, ông Kurt chẳng lo gì đến việc nhà việc cửa. Vâng, thì trước giờ vẫn là thế rồi. Chỉ có điều gần đây đâm tệ hơn. Bà vẫn biết mọi chuyện đang làm ông ấy sốt vó. Ông ấy đang phải vật lộn với cái gọi là, như gần đây thiên hạ vẫn nói, cuộc "thanh lý" Viện ông. Ông ấy đi biền biệt. Về Berlin nhiều hơn mọi khi, thậm chí có lần còn sang

Moskva nữa, vì kho lưu trữ nào đấy ở đó đột nhiên mở cửa. Viết thư, viết bài liên miên. Còn mua hẳn cả chiếc máy chữ mới, chạy điện nhá! Bốn trăm mác chứ ít gì! Gớm cái ông, đến phải nện lên đầu mới chịu mua đôi giày mới mà mang ấy, giờ lại dám bỏ hẳn *bốn trăm đông mác Tây Đức* để mua chiếc máy chữ, trong lúc bà đến tận giờ mỗi khi phải đem loại tiền quý giá mới có ấy ra mua bơ mua bánh vẫn còn thấy xót xa trong lòng...

Ấy là trong lúc chưa rõ lương hưu ông Kurt sẽ được bao nhiêu sau đợt chuyển đổi này đấy nhé. Lương hưu của riêng bà thì khỏi bàn. Tự dưng bà phải trình giấy chứng nhận hồi xưa bà đã đi làm ở Slava nữa chứ. Rõ thật quan liêu! Thế mà lâu nay bà vẫn tưởng chỉ CHDC Đức mới quan liêu đến thế... Phần phụ cấp thêm, chắc bà cũng không được nữa (lúc trước, CHDC Đức từng cấp cho bà phần lương hưu dành cho nạn nhân chế độ quốc xã, gọi là để bù phần lương danh dự mà lẽ ra bà sẽ được nhận ở Liên Xô, do bà vốn là "cựu chiến binh"). Bây giờ thật khó mà mong các quan chức Tây Đức sẽ thưởng công cho bà vì từng là lính trong hàng ngũ Hồng quân đánh nhau với quân Đức!... Và, bây giờ ông bà mà mất nốt ngôi nhà này, thì thôi, coi như xong. Nếu họ có để ông bà ở đây sau khi "hoàn sản" đi - (từ này cũng là một trong những từ ngữ sau Bước ngoặt mới thấy dùng)[101] - thì về lâu về dài, ông bà cũng chẳng tiền đâu mà trả. Đời thật trớ trêu, chính do bà xây thêm tầng áp mái và cơi nới thêm phòng cho cụ Nadezhda Ivanovna mà cả diện tích, lẫn tiền nhà sắp tới đây phải trả, tất nhiên, đều tăng gần gấp đôi.

Bà làm một ngụm nhỏ. Đến lúc bà phải chở bà Charlotte về nhà dưỡng lão, hẳn rượu phải đã hết rồi. Một ngụm thôi! Rồi sau đó, bà thề sẽ cất chai rượu vào chạn để thức ăn. Nhưng bà phải làm một ngụm nữa đã. Cứ nghĩ một lúc nào đấy, chẳng bao lâu nữa, một bọn người lạ hoắc sẽ kéo nhau vào đây ở, bà lại thấy đau thắt ruột thắt gan. Và, cứ nghĩ cái cảnh, họ

sẽ chẳng ngượng ngùng giữ nguyên mọi thứ như thế này mà dùng, đã thấy tệ, nhưng, còn tệ hơn nữa là hình dung ra cảnh đám chủ nhà mới sẽ cho lột hết mọi thứ trong đây vứt đi. Vì mấy thứ của thời CHDC Đức không còn đủ tốt cho họ nữa mà lại. Bà đã kịp tưởng tượng số gạch tấm tráng men dùng để ốp tường hay lát sàn trong nhà bếp của bà vỡ vụn, chất đống trước cửa nhà... Vâng, vâng, bà còn nhớ rất rõ bà đã chất chỗ gạch tấm lên xe moóc, trong một cái sân sau tối om nào đấy dưới trời mưa như xối ra sao. Bà nhớ lại gương mặt đểu cáng của tay quản gia đã "dè sẻn", từ lô hàng vốn chỉ dành riêng cho lãnh đạo quận, cho bà mấy vòi nước trộn nóng lạnh đời mới... Bà nhớ lại tất cả những thứ đó, và lúc bà làm thêm một ngụm, dứt khoát là ngụm cuối cùng, bà cũng nhớ lại ông Kurt hai tuần trước đã nói với bà ra sao:

- Thì tôi với bà tìm thuê một căn hộ vừa phải vậy. Căn nhà này đằng nào cũng rộng quá cho tôi với bà!

Nước vẫn rỏ tích tích xuống mặt tấm tôn. Đài lại đưa tin giải thể Liên Xô và, mặc dù bà Irina hôm nay đã nghe tin này không biết bao nhiêu lần, lần này bà vẫn đứng lặng bên cửa sổ, tay vẫn cầm cây bắp cải... Trong giây lát, bà nhìn ra khu vườn còn phủ tuyết, nhưng tuyết đã bắt đầu tan và bà bỗng cảm thấy khó mà tin được rằng đó chính là bà vậy. Có một lần, xưa, xưa lắm rồi... bà chính là người đã bò trườn trên mặt đất lạnh giá như thế kia, bùn lầy, khóc lóc, chửi rủa, các đầu ngón tay xây xước... Mà người thương binh mới nặng làm sao! Còn đoạn đường về chiến tuyến quân ta cứ xa mãi, xa mãi ra... Và, đúng lúc bà đang băn khoăn, nếu bây giờ bà làm một ngụm, thật nhỏ thôi, chỉ để tượng trưng thôi, vì sự cáo chung của Liên bang Xô-viết, liệu có phải đạo hay không, thì phía ngoài có tiếng còi xe.

Bà bước nhanh ra hành lang, nhìn qua cửa sổ ra ngoài. Đúng lúc đó Catrin đang mở cổng, còn Sasha bước từ chiếc xe to màu xám bạc xuống. Chiếc xe Lada bà đỗ bên cạnh chợt trông giống như hiện vật bảo tàng vậy.

Bà gặp Catrin lần cuối vào dịp hè, và vẫn nhớ, lần ấy bà đã nhận thấy rõ sự thay hình đổi dạng ở cô ta. Từ một người đàn bà vốn trông cứ vụng về làm sao đó, ăn mặc, trang điểm rẻ tiền, bỗng dưng cô ta đẹp hẳn ra như nàng tiên trong mộng. Không biết do nhờ quần áo Tây Đức (Catrin đóng bộ âu phục cổ điển sẫm màu) hay do nước da nâu rám nắng (chắc do tắm nắng nhân tạo) nên Catrin đột nhiên trông cứ y như mấy cô người mẫu, ảnh vẫn thường in trong mấy quyển catalog thời trang dạo này tay đưa thư chẳng hỏi han gì cứ thế ném vào thùng thư các nhà. Thêm vào đó, cô ta lại mang giày gót thật cao, đến nỗi vọt lên, cao hơn bà đến những hai cái đầu.

Ngược với vẻ bên ngoài lộng lẫy ấy, cô ta tỏ ra rất rụt rè. Cô cố ý lùi ra sau Sasha, hơi nấp sau lưng anh. Cô mỉm cười, nhỏ nhẹ chào bà Irina và nhìn bà từ dưới lên với vẻ dò hỏi (kể cũng lạ, làm sao cô ta cao lớn thế mà vẫn nhìn bà từ dưới lên được). Thôi, chẳng phải vòng vo gì dài dòng, ngay từ giây khắc đầu tiên, bà Irina đã có ngay cảm giác dáng điệu Catrin giả dối, kịch cợt, thậm chí trêu ngươi bà.

Nhưng, ngay cả Sasha thoạt tiên bà cũng thấy là lạ. Có lẽ chỉ là do mái tóc nó trông khác xưa. Nó cạo cao tóc mai hai bên thái dương theo mốt hiện thời. Mặc chiếc quần jean hơi rộng (trước đây nó chỉ mặc thứ quần chật cứng) và chiếc áo vét, may bằng thứ vải thô bà Irina quên mất gọi là vải gì, trông nó có vẻ đứng đắn, chững chạc hẳn ra. Song, lúc nó ôm lấy bà, bà cảm thấy ngay hơi ấm quen thuộc của nó. Và, vừa thoáng trông thấy ít nhiều tóc bạc trên đầu con trai, bà đã thấy nước mắt chỉ chực trào lên trong mắt mình.

- Kìa, mẹ của con, Sasha nói. Mọi sự đều ổn cả mà.

Bà có cảm tưởng Sasha đang rất hứng khởi. Bà vừa bóc bắp cải vừa nghe con trai kể chuyện, về căn hộ mới - *Rồi bố mẹ phải đến thăm đấy!*, về chiếc xe mới và về *đường xa lộ ở phía Đông đây quá tệ,* khiến hai đứa tắc xe cả tiếng đồng hồ, rồi chuyện Paris anh chị vừa đi về nhưng không thích bằng London, mặc dù đồ ăn thức uống ở London dở kinh người; *kinh như thời CHDC Đức* vậy, Sasha cam đoan thế, rồi kể tiếp hai đứa uổng công tìm *fish and chips ở* London như thế nào. Trong lúc Sasha kể, Catrin khúc khích tán thưởng và thường xuyên nghiêng người lúc bên này lúc bên kia, đến mức trong bụng bà Irina cứ thấy sôi cả lên.

- Mình lấy gì cụng ly bây giờ mẹ? Sasha hỏi.

- Whisky nhé?

- Cụng gì cũng được, mẹ à. Con đang có cớ để ăn mừng đây. Con sẽ dựng kịch ở nhà hát Moers. Con vừa ký hợp đồng được hai hôm nay.

Bà Irina cố giữ vẻ vui mừng.

- Mẹ này, thật là tuyệt, Sasha nói. Đây là lần đầu tiên con được dựng vở ở nhà hát thật sự nhá.

- Thế thì nào, *prost,* bà Irina nói - rồi bỗng lặng người.

- Có gì cháy hay sao ấy, Catrin nói.

Đúng thật. Bà quên không vặn nhỏ lửa... Bà nhanh tay lôi cái nồi ra khỏi lò. Nước cạn sạch từ lúc nào, khói bốc mù mịt.

- Để con giúp một tay, Catrin nói.

Song bà Irina dứt khoát ngăn lại.

- Hai đứa đem đồ đạc lên phòng Sasha đi, để đấy mẹ làm.

Bà đóng cửa bếp lại, xem xét sự thể ra sao. Chưa có gì ghê gớm lắm. Bà cắt bỏ miếng da lưng con ngỗng, cạo sạch cái nồi rồi để nó nguội đi. Trong lúc chờ, bà trộn nửa cốc mật ong với ba phần tư lít rượu vang Bồ. Sau đó, bà giội chỗ rượu vang trộn mật ong lên con ngỗng nằm trong nồi, rồi lại đẩy hết vào lò nướng.

- Mọi sự ổn cả chứ, mẹ? Sasha hỏi, thò đầu qua cửa.

- Ổn cả, bà Irina đáp.

- Thế thì mẹ con mình nâng cốc nào, Sasha nâng ly rượu lên.

- Con có khỏe không? bà hỏi anh.

Song, thay vì trả lời bà, Sasha lại hỏi lại:

- Chứ mẹ có khỏe không?

- Khỏe, bà Irina đáp, rồi nhún vai.

- Chuyện gì vậy?

- Anh nào có biết chuyện gì đang diễn ra ở đây đâu. Anh không ở đây mà lại.

- Kìa, mẹ. Thôi mẹ gác chuyện ấy lại nào.

- Rồi họ sẽ xén bớt lương hưu của bố mẹ cho mà xem, bà Irina nói nhanh. Để lướt qua vết thương thật sự đau đớn trong lòng bà: Moers!

- Chuyện vớ vẩn, Sasha nói. Toàn tin đồn nhảm ấy mà. Mọi sự của bố mẹ đều ổn thỏa. Bố mẹ phải hưởng thụ đi. Sang Paris đi! Đến chơi chỗ bọn con đi!

Anh nắm chặt hai vai bà, nhìn sâu vào mắt bà:

- Mẹ này, Catrin không có ý gì với mẹ đâu.

- Thì mẹ có nói gì đâu.

- Thế thì mọi sự ổn cả, đúng không, Sasha nói. Okay? Ổn cả, đúng không nào?

Bà Irina gật gật đầu. Bà gõ bao thuốc cho hai ba điếu tòi ra rồi chìa bao thuốc về phía anh.

- Con còn thêm một tin vui nữa. Sasha tủm tỉm. Con bỏ thuốc rồi.

Một lát sau ông Kurt cũng về. Không có bà Charlotte đi theo.

- Chà, ông nói.

Đoạn, ông miễn cưỡng báo tin bà Charlotte không được khỏe. Thậm chí cả ông, bà cũng không nhận ra. Hầu như không còn tỉnh táo nữa. Bác sĩ bóng gió, bảo có lẽ người nhà lo chuẩn bị cho tình huống xấu nhất là vừa.

Cả nhà lặng im mất một lúc. Sasha đứng ở cửa thông sang nhà kính mùa đông, nhìn ra ngoài (hay anh đang nhìn cây thông Giáng sinh thấp nhỏ, tàn tạ của *ông Kurt;* dây kim tuyến rối thành búi, tuyết giả bằng

bông). Catrin làm bộ mặt đưa đám, như thể bà Charlotte đã chết rồi vậy. Bà Irina thấy bực dọc trong lòng.

Bà biết, bà bực bội là không phải. Nếu có lăn ra chết lúc này, thì bà Charlotte nào có lỗi gì đâu. Thế nhưng, bà Irina vẫn bực. Bà lặng lẽ lui vào bếp gọt khoai tây làm bánh khoai nghiền. Bà cố bào chữa cho sự dửng dưng của bà bằng một dây một chuỗi những trò bà Charlotte bày ra cốt làm nhục bà. Phải, bà vẫn chưa quên bà phải làm sạch các đường hoa văn khắc trên giá treo quần áo ra sao. Chưa quên chuyện mụ định gán con mẹ Gertrud cho ông Kurt thế nào... Bà đặt nồi khoai tây lên bếp rồi rót cho mình một ly whisky (thì đằng nào chốc nữa bà cũng không phải chạy xe nữa) và tự nhủ, đấy đúng là thời kỳ khổ sở nhất trong đời bà. Khổ hơn cả thời chiến. Kinh hoàng hơn cả trận pháo kích đầu tiên của quân Đức. Nói có ma quỷ chứng giám!

Bà làm một ngụm whisky. Thứ rượu gì đến mạnh! Rồi châm điếu thuốc. Bà chợt thấy buồn cười nghĩ đến cái quai cầm thùng rác bà Charlotte tặng bà dịp Giáng sinh năm ngoái, cái quai đã cũ và hoen gỉ. Chuyện ai mà tin được!... Song, chẳng nên trách cứ bà ấy nữa. Bà ấy già cả, lú lẫn, bây giờ đến lúc hấp hối lại chỉ một thân một mình, trong nhà dưỡng lão. Mai mình vào thăm bà ấy, bà Irina nghĩ bụng. Gì thì gì!

Bà đặt ghé điếu thuốc lên mép chiếc gạt tàn rồi bắt tay mài khoai tây tươi. Làm bánh khoai tây nghiền, kiểu Thuringen, nửa phần khoai sống, nửa phần khoai chín. Đúng ra, thứ này hơn thứ kia chút đỉnh. Nhưng nhiều ít thế nào nhỉ? Quyển sách dạy nấu ăn nằm đâu đây mà. Bà Irina quay qua quay lại tìm cuốn sách dạy nấu ăn, nhưng một lúc sau, bà chợt hiểu, nào bà có tìm sách đâu. Đầu óc bà vẫn quẩn quanh những ý nghĩ về bà Charlotte... Bởi vì, phải nói là hai năm trở lại đây, hay đúng hơn, từ

ngày lão Wilhelm lăn đùng ra chết - lão chết đúng vào sinh nhật lão chứ lại, đúng vào lúc chẳng ai ngờ, dù tuổi lão đã chín mươi - phải, phải, từ ngày lão Wilhelm đột ngột lăn ra chết, tính khí bà Charlotte thay đổi một cách lạ lùng. Và, điều đáng ngạc nhiên không phải là ở chỗ bà ta bỗng nhiên như hóa điên (thì từ trước đến giờ bà ấy chẳng vẫn hơi điên điên khùng khùng thế nào đó rồi hay sao), mà là ở chỗ bà ấy tự dưng dịu dàng, thân thiện hẳn ra. Đột ngột hết sức, tuồng như tính khí độc địa lâu nay bà ta vẫn ôm ấp trong lòng bỗng vụt bay biến đi vậy. Bà ta tự dưng quay ra gọi bà Irina là *con gái yêu*. Bà ta viết gửi ông Kurt những bức thư lằng nhằng đầy rẫy những lời yêu thương đằm thắm, hoặc đang đêm, bà ấy gọi điện chỉ để cảm ơn vì một chuyện rất vặt vãnh nào đấy... Rồi cho đến một đêm, trên người độc chiếc quần lót dài, tay xách chiếc va-li con con từ thời Mexico, bà ta hiện ra trước cửa nhà, cất tiếng hỏi liệu bà có được ngủ nhờ ở cái phòng vẫn để trống từ ngày cụ bà Nadezhda Ivanovna bỏ đi không. Lần này thì ông Kurt khăng khăng không chịu. Đành rằng bà Irina chẳng muốn bà Charlotte ở chung nhà này thật, thế nhưng, đẩy bà cụ vào nhà dưỡng lão thì bà Irina lại thấy phũ phàng quá. Và, dẫu bà Charlotte chịu nhập nhà dưỡng lão không chút kêu ca, phàn nàn gì, mỗi lần vào đấy thăm bà cụ, nhìn cảnh cụ bơ vơ giữa bấy nhiêu người, ai nấy già cả, mắt mũi đờ đẫn, dò dẫm trong các hành lang của nhà dưỡng lão, bà Irina thường vẫn không cầm được nước mắt...

Sách nấu ăn ghi, *gọt khoảng hai phần ba số khoai tây rồi dùng bàn mài, mài thật mịn*... Bà Irina gắng xoay xở với lời hướng dẫn sơ sài đó... Phần nào hơn phần nào đây... Lạy Chúa, bà phải thôi, không uống nữa mới được. Một ly nữa thôi! Bà cần một ly này nữa để xua bớt nỗi chua xót đang dồn ứ trong lồng ngực bà. Bởi dù bà Charlotte có là người thế nào chăng nữa, dù bà ấy có gây những chuyện gì đi nữa, thì bà cũng không thể tưởng tượng nổi một lễ Giáng sinh không có mặt bà ấy. Không có bà Charlotte

trong bộ áo choàng lông thú, không có cái giọng chút chít như chuột kêu, không có những lời khen giả dối, những lời khoe khoang rỗng tuếch, không có túi vải dederon đựng vài món quà mà lúc mở ra trông đến phát ngượng ấy ư?! Và, dẫu cái quai đeo thùng rác mà bà Charlotte mặt mày *tươi roi rói* đưa tặng bà có là món quà ngớ ngẩn nhất trần đời đi nữa, thì bà Irina vẫn cảm nhận thấy rõ ràng đấy là món quà đầu tiên và duy nhất xuất phát tự đáy lòng...

Thêm một ly, bà tự nhủ. Thêm một ly, vì bà Charlotte, đang hấp hối trên giường bệnh.

Từ phòng trong vọng ra tiếng hai vị đàn ông đang tranh luận. Vẫn chuyện mọi khi, về nạn thất nghiệp, về chủ nghĩa xã hội... *Những gì đang diễn ra ở đây chỉ là cuộc bán tống bán tháo CHDC Đức mà thôi,* ông Kurt nói. Bà Irina nghe mấy chuyện này từ lâu. Hễ có ai đến thăm là lại chẳng có chuyện gì khác ngoài những chuyện như thế này. Song, đúng ra thì chẳng còn mấy ai đi thăm hỏi nhau nữa. Thiên hạ đột nhiên trở nên bận bịu. Mặc dù ai nấy hầu như đều thất nghiệp cả. Kể cũng lạ, bà Irina nghĩ bụng. *CHDC Đức đã phá sản từ lâu rồi,* bà nghe tiếng Sasha nói, *tự nó, nó đã bán hết rồi*... Tiếp theo là mấy con tính gì đó bà không hiểu hết... *Nếu bây giờ lương ở đây một chuyển một,* ông Kurt nói, trong khi bà Irina vẫn nghĩ đến tỷ lệ hai phần ba, *thì các xí nghiệp ở đây chẳng mấy chốc đều phá sản hết*. Nhưng Sasha lại lên tiếng, *nếu họ không trả lương theo tỷ lệ một ăn một thì người ta sẽ kéo nhau sang bên kia hết lượt cho mà xem*... Tỷ lệ một trên một, bà Irina nghĩ. Hay một trên hai phần ba... *Con không hiểu bố,* Sasha nói, *chính bố lúc nào cũng bảo chủ nghĩa xã hội hết thời rồi. Hóa ra bố chỉ nói suông thôi ư*... Bà bỗng cảm thấy mọi sự đều rất xa vời... *Tôi không nói chuyện CHDC Đức, tôi nói về chủ nghĩa xã hội kia, một chủ nghĩa xã hội chân chính và dân chủ kia!* Bây giờ đến bánh khoai tây

nghiền bà cũng thấy thật xa vời... *Làm gì có thứ chủ nghĩa xã hội nào dân chủ chứ,* bà nghe tiếng Sasha nói. Tiếng ông Kurt đáp lại. *Từ trong bản chất, chủ nghĩa xã hội đã là dân chủ rồi, bởi vì quá trình sản xuất do tự tay người sản xuất...*

Bà Irina lấy chiếc nĩa thử xem khoai đã chín chưa... Thế nào mà chả được, bà nghĩ bụng. Cãi nhau toàn chuyện vớ vẩn... Ăn Giáng sinh lần nữa trong nhà này. Lần nữa làm ngỗng thầy tu. Một lần nữa làm bánh khoai tây nghiền, cho đúng phép đúng tắc. Rồi sau đó, bà tự nhủ, các vị cứ việc khênh tôi đi... Mà khênh thế nào để chân ra trước nhá. Nâng cốc nào! Bà dốc nốt chỗ rượu còn lại trong ly vào họng. Nhưng trong ly có còn giọt nào nữa đâu. Thôi, thế là bà dốc nốt chút rượu còn lại trong chai ra rồi bắt tay bóc vỏ khoai tây luộc. Tự nhiên, bà nghe tiếng hai bố con nói đâu rất gần.

- À ra thế, ông Kurt nói. Ra bây giờ không ai được cân nhắc, suy nghĩ về con đường nào khác con đường chủ nghĩa tư bản đấy! Thật là tuyệt! Thì ra đấy là nền dân chủ của các anh đấy...

- Chà, nhờ ơn Chúa nên trong thời chủ nghĩa xã hội của nợ ấy của bố, bố cũng được phép cân nhắc chọn con đường nào khác cơ đấy.

- Anh đúng là bị mua chuộc hết cỡ rồi, ông Kurt nói to.

- Bị mua chuộc à? Con mà bị mua chuộc à? Suốt bốn chục năm trời bố phải câm như hến, Sasha kêu lên. Bốn chục năm ròng, bố không dám hé răng nói một lời nào về những năm tháng tuyệt vời bố phải trải qua ở Liên Xô.

- Rồi tôi khắc làm việc ấy...

- Vâng, bây giờ bố mới làm, vào lúc chẳng còn ma nào màng đến nữa!

- Vậy *anh* đã làm được gì nào! Giờ đến lượt ông Kurt cũng gào lên. Những việc anh hùng hảo hán *của anh* đâu nào!

- Con nhổ toẹt vào đấy, Sasha gào đáp lại, con xin nhổ toẹt vào cái xã hội lúc nào cũng cần có anh hùng hảo hán ấy của bố!

- Còn tôi, tôi cũng nhổ toẹt vào cái xã hội làm hai tỷ người phải đói khổ ấy của anh nhá.

Đột nhiên bà Irina hiện ra, đứng giữa phòng. Đến bà, bà cũng chẳng biết bà vào phòng lúc nào. Bà đứng giữa phòng, hét rõ to:

- Thôi đi nào!

Mọi người lặng im trong giây lát. Rồi, bà nói tiếp:

- Lễ Giáng sinh.

Đúng ra, bà định nói: Hôm nay là lễ Giáng sinh. Bà cũng muốn nói, mấy tháng rồi, bây giờ Sasha mới có dịp về chơi. Thì bố con vui vẻ với nhau có được không. Song, mặc dù đầu óc bà vẫn *hoàn toàn tỉnh táo,* mồm miệng bà chẳng hiểu làm sao không nói được thành lời.

- Lễ Giáng sinh, bà nói, rồi quay người lui trở lại vào bếp.

Tim bà đập thình thịch. Bà đột nhiên thấy ngạt thở. Bà chống tay, tựa vào bồn rửa, đứng yên như thế một lúc. Bà nhìn cái bát tô bê bết tiết ngỗng nãy giờ vẫn nằm bên bồn rửa... Chết rồi, bà quên khuấy chỗ nội tạng ngỗng. Bà nắm lấy con dao to dùng để thái thịt... Nhưng sao bỗng

nhiên bà không làm được gì nữa cả. Đến những thứ trong tô bà cũng không chạm tay vào được nữa. Bà bỗng có cảm giác như đấy là nội tạng của chính bà vậy, tuồng như đấy chính là những gì họ đã mổ và cắt từ bụng dưới của bà ra, chỗ đã làm bà đau đớn vậy...

- Con giúp được gì không ạ? Giọng Catrin cất lên, niềm nở, thân mật. Con làm nốt chỗ bột khoai nhá...

- Để đấy mẹ làm, bà Irina nói. Bà định bảo đây là bánh Thuringen nhưng lại thôi, tốt nhất là không nên nói những từ quá khó như vậy. Thay vào đấy, bà nói: Ấy là nửa này nửa kia đấy... Thế nhưng hơn một ít...

- Vâng, con biết rồi, Catrin đáp. Mẹ bỏ bao nhiêu khoai tây sống vào đây rồi?

Bao nhiêu khoai sống ư?

- Để đấy mẹ làm, bà Irina lại nói.

- Trông như năm, sáu củ thì phải, Catrin nói rồi với tay lấy cái bàn mài. Chà, cũng phức tạp ra phết đấy nhỉ...

Catrin nói rất nhanh, quá nhanh, nhưng bà Irina lại phải mất một lúc mới bắt được những âm thanh nhỏ nhẹ, tung tăng nhảy nhót ấy để xếp lại thành câu. Và, chờ bà xếp xong thì nghe đại loại như sau:

- Mẹ này... dạo này có bán sẵn cả bột bánh khoai tây nghiền... Bột, nói đúng ra... cũng được lắm... Con ghi lại... nhãn hàng... cho mẹ nhé.

Bà Irina nắm lấy bàn mài khoai trên tay Catrin.

- Con xin lỗi, Catrin nói. Con chả có ý gì đâu... Con chỉ thấy mẹ sẽ đỡ mất công thôi.

- Để. Đấy. Mẹ. Làm. Bà Irina nói dằn từng tiếng.

Đến lúc Catrin đi rồi, bà mới nhận ra, hóa ra bà vẫn cầm lăm lăm con dao thái thịt trên tay.

Bà bỏ dao xuống. Đứng dựa một lát vào bồn rửa. Lúc hít vào, bà thấy ít đau hơn. Bà hít vào. Nhưng lúc này, giọng hai vị đàn ông lại vang lên.

- Có lẽ vì bố bị tù như thế chưa đủ! Lẽ ra chúng nó phải hành hạ bố thêm mười năm nữa!

Chỗ nội tạng con ngỗng bắt đầu nhảy múa trước mắt bà.

- Anh chưa hề biết chủ nghĩa tư bản nghĩa là gì đâu.

Bà Irina nhìn lên lên tường, gắng tập trung vào mấy tấm gạch ốp.

- Chủ nghĩa tư bản giết người, *ông Kurt hét*. Chủ nghĩa tư bản đầu độc hết thảy! Chủ nghĩa tư bản sẽ làm tiêu tan trái đất này cho mà xem...

Bà Irina lại thở ra. Mười sáu giờ, Đài phát thanh Đức, tiếng trong đài vang lên. Liên Xô lại bị giải thể lần thứ ba. Tuy thế, bà vẫn hơi băn khoăn. Về thời tiết.

- Tám chục triệu người chết, *Sasha gầm lên*. Tám chục triệu!

Đấy chính là bà ư? Hai cánh tay. Bụng. Vì Tổ quốc, vì Stalin. Vố lừa đảo đến là đẹp. Giá mà ta chỉ cần hít vào thôi...

- *Hai tỷ người,* ông Kurt gào đáp lại.

Bà đổ tuột của nợ ấy, chỗ khoai tây ấy, vào thùng rác. Rồi bà đeo thứ khỉ gió nọ vào tay. Chỉ có điều đeo găng tay... khó mở cái chai quá. Nâng cốc mừng Tổ quốc nào! Mừng Stalin nào! Mừng tất tật những ai đã đánh lừa bà nào!

- Phải, bọn trẻ châu Phi, *ông Kurt hét to*. Tôi nói có gì buồn cười mà mặt anh nhăn nhở thế!

Bà lôi con ngỗng ra khỏi lò. Con ngỗng, con ngỗng đần độn. Nó nằm chình ình ra đấy. Vết rạch ở bụng nó bục ra, toang hoác. Bà thọc tay vào đấy, cũng thấy đau... Dùng tay không, bà lôi chỗ bầy nhầy ra. Khối nhồi nóng ran ở tay... nhưng biết làm sao được. Bà hít vào. Được cái phần nội tạng vẫn còn nguội. Bà vơ tất tật thành một mớ. Rồi vốc một vốc, bà lại nhét hết cả vào. Con ngỗng đần độn. Và, trong lúc tay bà vẫn đang trong lòng con vật, phần nội tạng nguội vẫn còn trên tay, ngoài nóng, trong nguội... thì mọi thứ bỗng trơn tuồn tuột. Toàn bộ căn bếp. Các tấm gạch tráng men ốp. Mọi thứ nhảy múa. Có điều, đấy là gạch tấm lát sàn nhà.

Catrin đỡ tay bà.

- Đừng có đụng vào tôi, bà Irina lúng búng nói.

- Kìa mẹ, Catrin nói.

Và bây giờ thì chút cặn còn sót lại ấy, nó bật ra. Tự bật ra. Tự phụt ra thành tiếng kêu. Cái phần nhỏ nhoi còn sót lại ấy, nó dính chặt vào tiếng kêu bà phụt ra:

- Đừng có đụng vào tôi, đồ thịt thối!

Rồi bà thấy sàn nhà áp lại gần. Mấy miếng gạch tấm lát sàn nhà. Chúng nó nhảy múa. Chỉ con ngỗng là nằm yên. Một lúc lâu. Nó nằm yên trên sàn nhà lát gạch tấm tráng men. Hừ, con ngỗng, con ngỗng đần độn ấy. Mổ toang hoác ở giữa bụng!

- Thôi, thế là xong, Sasha nói.

Còn phải khâu bụng nó lại đã, bà Irina tự nhủ.

NĂM 1995

Y như mọi khi, cứ vào thứ Sáu, ngày cuối cùng trong tuần, bao giờ nó cũng về đến nhà trước tiên. Chính vì thế mà nó cũng là người đầu tiên lôi chiếc phong bì viền đen khỏi thùng thư, đề gửi Melitta và Markus Umnitzer, mặc dù từ ba năm nay mẹ nó mang họ Greve rồi (mẹ nó chuyển sang mang họ lão Klaus, đâm ra còn độc mình Markus giữ họ Umnitzer ở cái gọi là gia đình mới này).

Chiếc phong bì đập ngay vào mắt nó, bởi trông rất trang nghiêm. Nó không rõ lắm liệu mình có quyền mở thư hay không, nên nó gập đôi phong bì lại rồi nhét vào túi quần sau. Nó còn nhiều việc gấp gáp hơn.

Nó quẳng quần áo bẩn vào buồng tắm, chạy vù lên phòng mình, lôi bộ soundcard vừa mua tại một hiệu máy tính ở Cottbus[102]. Cho chắc ăn, nó xé nhỏ hộp đựng hàng nhét xuống đáy thùng giấy lộn (tất tật những gì dính dáng đến máy tính mẹ nó đều cho là tốn thời gian vô ích). Rồi nó mở tấm chắn chỉ gắn hờ bằng một chiếc vít bên mặt hông thùng máy tính, ấn card vào khe rồi cắm dây cáp nối với bộ khuếch đại stereo, khởi động máy tính và chơi thử trò DOOM[103] một lượt: Kinh thật! Tiếng rên hấp hối của con quái vật nghe phát khiếp. Tiếng súng nổ, tiếng súng ngắn lên nòng lẫn tiếng quái vật gục ngã lúc trúng đạn. Markus bắn vung vít một chập để leo lên được bàn cao hơn, nhưng rồi nó không sao vào được căn phòng bị tụi ma quỷ dưới địa ngục chiếm giữ để lấy chìa khóa leo tiếp nữa lên cao.

Mới thế mà đã năm giờ rưỡi. Mẹ nó thường từ Berlin về đến nhà vào khoảng sáu giờ. Từ dạo làm đồ gốm chẳng ra tiền nữa, mẹ nó lại làm tâm lý ở cửa hàng hoa[104] hay cái gì đại loại thế (cái gì liên quan đến bọn tội phạm phát rồ thì phải). Markus chỉ muốn biến, trước khi mẹ nó về. Trong tủ lạnh, nó thấy có mấy món mẹ để sẵn cho nó, chỉ cần hâm nóng. Chỉ có điều, bên cạnh bếp cũng còn dán mảnh giấy ghi dài dằng dặc những việc mẹ nó dặn phải làm. Nó bèn thôi, chẳng đụng đến thức ăn mà cũng không đọc mảnh giấy dán bên lò. Nó cắt hai lát bánh mì dày cộp rồi đặt pho-mát lên. Vừa ăn bánh, nó vừa loay hoay tìm hộp đựng cần sa giấu đâu đó giữa đống đồ đạc ngổn ngang trong phòng mà mãi chẳng thấy đâu. Trong khi thời gian cứ nhích đầy vẻ hăm dọa đến khắc sáu giờ. Nó đành phết vội chút gel lên tóc rồi rời khỏi nhà.

Từ dạo Bước ngoặt (hay một hai năm sau gì đó) ga tàu S-Bahn Großkrienitz hoạt động trở lại. Chẳng cần mất đến bốn mươi phút đã vào được trung tâm, cũng chẳng cần mất đến hai mươi phút để đến Gropiusstadt ở Nam Berlin - chỗ nhà thằng Frickel. Chỉ buồn cười ở chỗ, Gropiusstadt, nơi mà hồi xưa Markus vẫn từ xa ngóng tới đầy ngưỡng mộ ấy, hóa ra chỉ là một khu dân cư xoàng xĩnh, hay nghèo nàn thì đúng hơn, trong khi Großkrienitz nơi mẹ con nó ở lại biến thành một khu sang trọng ở ngoại ô Berlin. Và, ngôi nhà mẹ nó mua rẻ hồi nào bằng tiền Đông Đức hóa ra lại bở. Từ ngày ông Klaus chuyển đến đây ở cùng, hai người cho sửa sang lại hết, trên mái nhà trồng cả hoa, cùng bao nhiêu thứ nhiêu khê khác. Tiền nong không đáng kể! Bởi lão Klaus bỗng dưng thành chính khách có ghế trong Quốc hội Liên bang! Mục sư Klaus, cái lão mục sư ở nhà thờ Großkrienitz hôm xưa vẫn phân phát thơ ca được nhân bản bằng giấy than ấy, bỗng dưng thành đại biểu Quốc hội - mà có ma mới biết lão ấy còn thành những gì gì nữa - và cứ thứ Hai lại đáp máy bay đi Bonn[105], lương tiền thì vô kể. Mẹ nó cũng làm ra thêm tiền, còn mua cả chiếc Audi

màu xám bạc. Trong khi mẹ thằng Frickel gần đây lại bỏ chồng, rồi thất nghiệp và hiện giờ ở chung với con trai trong một căn hộ nhà lắp ghép tại khu Gropiusstadt.

Sự đời nó như thế thì Markus biết làm sao. Đến chính nó, từ ngày hai cụ nhà nó tự dưng tiền bạc rủng rỉnh đến giờ, cũng nào có xơ múi gì thêm được đâu. Lão Klaus - gần đây cứ làm như thể lão là bố đẻ nó không bằng - còn bắt Markus phải chi tiêu làm sao đủ trong khoản tiền học nghề của nó thôi, thậm chí còn trừ khoản này khoản nọ, khi nó nhỡ có để quên dụng cụ đồ nghề ngoài vườn hoặc vô ý làm hư hỏng cái này cái nọ. Còn mẹ nó thì lão Klaus cứ nói gì cũng đúng cả. Hai vị còn đi nhà thờ nữa chứ. Và, đương nhiên, hai vị cũng muốn bắt nó cứ Chủ nhật lại cùng đi nhà thờ lắm. Nhưng, nó viện đến quyền tự do tín ngưỡng ghi trong Luật cơ bản[106] thì hai vị phải chịu thôi. Khó chuồn hơn là những buổi gọi là "hội gia đình"; nào ta cùng nhau nấu cái gì chung nào, kiểu như thế. Khiếp nhất là, nào ta cùng nhau đi xem triển lãm nào. Nếu không thì còn thêm cái nạn họp gia đình. Gọi là thế, nhưng thật ra họp để hành hạ nó, vì tội lại không làm tròn nghĩa vụ này nọ, hay vì cái dấu thập ngoặc trong phòng nó. Cái dấu không dính dáng chút nào đến bọn Nazi đâu, mà là từ Ấn Độ sang nhá, đạo Hindu các kiểu nhá. Thế mà đột nhiên hai vị cứ như lên cơn động kinh! Những chuyện như thế làm nó tức phát điên lên được. Thế nhưng mỗi lần gặp thằng Frickel, nó lại thấy áy náy thế nào, như thể nó được nuông chiều, chăm bẵm lắm và cảm thấy phải nói cái gì thật xấu về Großkrienitz cho bạn nó yên lòng. Song, nói nhiều thì sẽ không thể coi là *cool* được, thành ra thông tin tóm tắt về tuần qua thường chỉ rất ngắn gọn mà thôi:

- Chán đến nôn ra được, Markus nói, lúc hai đứa ngồi trong ngôi chòi xây bằng gạch đã bỏ hoang và lần đầu tiên hút một điếu thuốc lá cuốn cần sa.

Còn thằng Frickel thì bảo:

- Thôi thì kệ, làm một đống lên đấy.

Rồi chìa điếu thuốc cho Markus.

Lát sau, hai thằng Klinke và Zeppelin đến. Thằng Zeppelin nảy sáng kiến, rủ cả bọn đâm thủng bánh xe chiếc Opel cứt thối của một tay người Thổ cứt thối nào đấy định tán tỉnh một đứa con gái cùng lớp nó hồi xưa. Nhưng, một là vì trời còn sáng, hai là vì chiếc Opel không đỗ ở đó, nên thôi. Cũng may, vì tuy Markus ừ ngay - chỉ cốt để tỏ ra mình không phải là cậu ấm - nó cũng thừa biết, làm cái trò ấy chả hơn gì tự sát.

Gần nửa đêm thì chúng nó kéo đến sàn disco Boong-ke. Thằng Zeppelin quen tay hộ pháp gác cửa, mở lối cho cả bọn theo cầu thang đi xuống. Ngay ở đây tiếng nhạc nghe đã ầm ầm. Cái mùi chua chua, khen khét, ẩm ướt, dơ dáy không lẫn vào đâu được của hầm ngầm bốc ngược lên, khó chịu đến mức Markus chẳng muốn hít vào. Song, lúc cánh cửa thép nặng nề vừa mở ra, và tiếng nhạc techno với các loại âm bass như một nắm đấm khổng lồ vô hình giáng thẳng vào người nó, thì không còn thấy mùi vị gì nữa. Chỉ còn độc thứ âm thanh đó và thứ ánh sáng nhờn nhợt cùng đám đông người đang lượn sóng và nhóm nữ vũ công go-go đang nhảy trên bục cao, họ xõa tóc, họ lắc bụng, họ ngoáy mông, ưỡn ngực như muốn đ... nhau ngay tại chỗ, nhưng chắc chắn sẽ chẳng bao giờ chịu đ... với ai, càng không phải với nó, Markus Umnitzer, hay với thằng Frickel ở Gropiusstadt, đến cả với hai thằng Klinke hay Zeppelin cũng không nốt, mặc dù hai thằng đấy hơn nó những hai tuổi, cánh tay còn xăm hình rất ngông.

Thằng Zeppelin thảy cho nó viên ecstasy. Markus rút tiền trả, rồi uống ngay với Cola (nó không uống ecstasy với rượu được). Nó đứng ngó nghiêng xung quanh một lúc, người lắc lư theo tiếng nhạc và tìm xem có đứa con gái nào vừa tầm nó xơi được không. Càng để ý, nó càng thấy trên sàn nhảy cũng khối đứa thuộc loại siêu. Dần dà chân tay nó cũng đỡ vụng về ngượng nghịu đi. Mặc dù nó không biết nhảy, bởi chưa bao giờ nó biết nhảy cả, giờ nó vẫn cảm thấy thoải mái hơn. Một lúc lâu, nó cảm giác dường như có sự cọ xát vô hình nào đấy với một ả tóc vàng xỉn xỉn, dáng nhỏ con, nhưng khỏe khoắn, mặc chiếc áo dây đã cũ chỉ chực tuột ra để lộ cặp vú con con, tròn trĩnh và rắn chắc. Mắt nó dán vào đấy, ả kia để mặc cho nó nhìn. Ả hầu như không nhìn nó, nhưng cứ mặc cho nó dán mắt vào đấy. Càng nhìn, cơn dục vọng trong lòng nó càng nổi lên, mặc dù nói cho cùng, vú cô ả chẳng to hơn của đàn ông là mấy. Lát sau, ả biến đâu mất, nó đành nhảy một mình, rồi ngừng lại, uống ly bia. Sau đó, nó lại nhảy tiếp, đánh mắt làm tình với một con mặc quần tất rách, mắt như mắt người chết sống lại. Một lúc nào đó, mọi sự đều trở nên vô nghĩa, bỗng dưng nó tự cảm thấy mình rất sexy. Song, chỉ lát sau, lại chẳng cảm thấy gì, chỉ có tiếng nhạc làm nó nghẹt thở. Nó lại gặp ả tóc vàng xỉn xỉn có đôi vú rắn chắc lúc nãy. Hai đứa đưa mắt rủ nhau mua rượu uống và, sau khi uống mỗi đứa hai ly Black Russian thì lôi nhau ra lối đi cạnh nhà xí hôn nhau. Nó khám phá xem vú cô ả to nhỏ thật sự cỡ nào và sờ soạng chút đỉnh ở khoảng giữa hai đùi cô ả, nhưng xem ra, ả chẳng còn gì hơn.

Chẳng rõ ai dúi cần sa vào tay nó. Nó hút cho tan nỗi thất vọng đọng lại trong đầu. Lúc cả bọn kéo nhau ra về, nó chẳng còn biết thời gian sớm muộn ra sao. Nó cũng không thủng, tại sao hai thằng kia cứ sằng sặc cười. Bọn nó đứng chờ mãi vẫn không thấy tàu điện đến. Cái lạnh lặng lẽ luồn vào thân thể vốn nhảy nhót đã hết cỡ, đã qua cơn hứng khởi tột đỉnh, nay đang uể oải xuống dốc. Lúc nó tỉnh dậy trên ghế băng, toàn thân nó, từ

đầu đến mông rồi lưng, tất thảy đều đau ê ẩm. Khó nhọc lắm nó mới leo lên được xe điện vừa dừng bến và lúc trở dậy lần sau, nó thấy mình đang nằm trong một căn phòng lạ hoắc, đầu gối lên giày thằng Zeppelin. Họng nó khô không khốc, đau khé. Trong đầu nó, mớ bòng bong cứ như lắc bên này ngả bên kia, đến mức, lúc lần ra buồng tắm, nó mất thăng bằng chỉ chực ngã dúi ngã dụi.

Đến chiều chúng nó ra quán McDonald's. Tụi nó bây giờ đông hơn, có hai thằng hooligan bạn của Zeppelin, hai thằng hơi lộn xộn, gây chuyện ầm ĩ không ra đâu vào đâu, khiến cả bọn bị đuổi ra khỏi quán McDonald's này, phải mò đến quán McDonald's khác, suốt đêm như thế, để rốt cuộc, khoảng sáu giờ, lại đưa nhau đến câu lạc bộ, dự Afterhour[107]. Mọi sự ở đây, nói chung, cũng y hệt hôm qua, chỉ khác ở chỗ lần này Markus không biết làm sao mà, trưa Chủ nhật thức dậy, hay đúng hơn là bị mẹ nó vừa đi nhà thờ về đánh thức, nó đã nằm trong phòng mình ở Großkrienitz rồi.

Nó tắm khá lâu, uống một lúc hai viên aspirin, tống chỗ quần áo trong áo ngoài sặc mùi chua chua, khen khét, ẩm ướt, dơ dáy - mà nó đã cứ thế mặc lên giường ngủ ấy - vào giỏ chứa quần áo bẩn và bước ra căn bếp, vốn đã rộng, sau khi sửa sang, giờ còn rộng thênh thang gấp đôi. Trong bếp, mẹ nó với lão Klaus đang nấu ăn trưa (thật ra là lão Klaus nấu, mẹ nó chỉ được phụ một tay cắt gọt gì đó thôi). Và, mãi đến lúc mẹ nó dúi mấy củ hành và con dao vào tay nó, nó mới sực nhớ đến bức thư trong túi sau cái quần giờ đang nằm gọn trong giỏ quần áo bẩn.

- A, có cái này con quên mất, Markus nói rồi quay trở lại buồng tắm, lôi chiếc phong bì đã nhàu nhò ra khỏi túi quần.

- Có cái thư này họ mới đem đến, nó nói, rồi trao bức thư cho mẹ.

Mẹ nó bỏ con dao xuống, chùi tay vào tạp dề đã rồi mới mở phong bì ra.

- Lạy Chúa, mẹ nó khẽ kêu lên.

Giờ thì lão Klaus cũng cúi xuống đọc thư. Mẹ nó nhìn lão, dò hỏi, nhưng lão không đáp lại. Markus sực hiểu, có ai đó vừa chết.

Mẹ chìa bức thư cho nó, đúng hơn là tấm bưu thiếp, cũng viền đen, mặt trước không ghi gì hơn ngoài dòng chữ:

Irina Umnitzer
7 tháng 8 năm 1927 - 1 tháng 11 năm 1995

Mẹ ngước mắt nhìn nó. Nó chẳng biết giờ mẹ muốn gì ở nó. Từ đời nào đời nào đến giờ, nó chẳng còn gặp bà nội Irina nữa. Lần chót nó đến thăm ông bà, bà say mèm và suốt buổi cứ khóc như mưa, nhưng lại khăng khăng, nào bà có khóc đâu. Suốt cả buổi bà cứ bám lấy cổ nó mà gọi "Sasha". Sau lần ấy, nó chẳng đến thăm bà nữa. Thế mà bây giờ... Markus trân trân nhìn dòng chữ ghi họ tên người đã khuất. Họ cũng là họ của nó. Mọi thứ xung quanh, không hiểu sao, chợt biến đi trong giây lát và nó cảm thấy buồn nôn. Nhưng, có lẽ cũng là do tối qua nữa.

Nó trả tấm bưu thiếp cho mẹ nó. Mẹ lật nhìn đằng sau tấm thiếp rồi nói với lão Klaus:

- Lễ mai táng vào thứ Sáu này. Ở phố Goethe.

Mẹ lại nhìn lão Klaus, dò hỏi.

- Này, tôi là tôi không đời nào đến đấy đâu nhé, lão Klaus nói. Đám đảng viên SED già thể nào cũng kéo hết cả đến đấy cho mà xem...

- Bà ấy vốn nào có ở trong đảng ấy đâu, mẹ nó đáp.

- Cô cứ việc đến dự, lão Klaus nói. Rồi nói thêm, giọng nghe có phần còn khó tin hơn: Tôi không phản đối gì hết!

Lúc nấu ăn, lão Klaus với mẹ nó còn nói dăm ba chuyện nữa về bà nội Irina (lẫn tật nghiện rượu của bà), về ông nội Kurt (không biết ông vẫn còn ở trong đảng không) và về cố Wilhelm. Lão Klaus chẳng hề quen cố Wilhelm nhưng lại nói về cố như về một tên tội phạm. Markus cáu lắm, thấy mẹ nó, như mọi khi, cũng tán đồng với lão. Lúc gập khăn ăn màu xanh lục và dựng mấy cây nến cũng màu xanh lục lên bàn, nó nhớ lại lần trên đường đi dự sinh nhật cố Wilhelm, mẹ bảo với lão Klaus, hai mẹ con đi dự sinh nhật bà ngoại. Giờ nó có im, không nói gì, thì chỉ vì không muốn làm bẽ mặt mẹ nó trước mặt lão Klaus thôi.

Trong bữa ăn trưa, lão Klaus lại làm nó khó chịu với chuyện chính trị, đúng hơn là với mấy chuyện cỏn con, lão kể để ra vẻ ta đây quan trọng. Thử hỏi ai màng đến chuyện Thủ tướng Helmut Kohl tuần trước nói gì trong bữa ăn trưa cơ chứ? Hay là chuyện thìa ăn trong nhà ăn của Quốc hội Liên bang bị mất cắp?! Markus bỏ hết ngoài tai, bụng tự dưng thấy đói cồn cào. Hôm nay có món lườn lợn rán ăn với viên rau bi-na trộn bột, nhưng thịt lợn lại có nhồi pho-mát Roquefort. Markus chẳng giấu giếm gì, gạt bỏ chỗ pho-mát ra. Lão Klaus bực ra mặt. Nhưng không nói gì.

Sau đó tự dưng chuyển sang mục "họp gia đình".

Hóa ra là lại có thư của hãng truyền thông Telekom, nơi nó học nghề, gửi đến. Vẫn chuyện mọi khi, nào trốn học, nào điểm kém. Nhưng dần dần chuyện đâm ra căng thẳng.

- Không phải vì tôi đã lo cho cậu chỗ học này đâu, lão Klaus nói. Thế nhưng, Markus nghĩ bụng, lão muốn nói chính vì lão đã lo cho nó chỗ học ấy.

Nó lại phải ngồi nghe ca khúc đã nhàm, nào cuộc đời, nào nghề nghiệp, và nếu bây giờ cậu không... Chung cuộc, đến lượt nó cần "có ý kiến".

- Thì đằng nào cũng chỉ là trò bịp bợm, Markus vùng vằng. Mới đầu Telekom bảo sẽ nhận tất vào làm, bây giờ tự dưng giở giọng, chỉ nhận một người thôi!

Lại lão Klaus: thì có thể xin việc chỗ khác. Và, nếu thành tích học tập của nó tốt thì sẽ thế này thế kia. Markus tự hỏi, không biết thành tích học tập của lão Klaus rực rỡ cỡ nào. Lão từng học môn đại biểu Quốc hội chắc? Liệu lão có giải nổi mấy bài tập toán ở trường học nghề không đây? Sin. Cosin. Nó dám chắc lão không làm nổi! Rồi đột nhiên nó phải ngáp một cái, không đừng được, do vừa ăn no, cũng do hai đêm vừa qua nữa, chứ tuyệt nhiên *không* nhằm nhạo lão Klaus, không như mọi lần. Thế nhưng, mẹ nó đột nhiên nổi khùng, quát ầm lên sao ngáp mà không lấy tay che miệng (cứ làm như sự thể chỉ quan trọng ở chỗ, lúc ngáp có che miệng hay không vậy) và lẽ ra nó phải *biết ơn* lão Klaus đã tìm được chỗ học cho nó mới đúng, cứ thế tuôn một tràng tràng giang đại hải.

- Nào con có nhờ vả ông ấy đâu, Markus vặc.

Đấy là chuyện đúng trăm phần trăm nhá. Nó chưa bao giờ nhờ lão Klaus lo cho nó chỗ học nghề thợ điện tử ngành truyền thông (đúng ra nó rất muốn thành người chăm nom súc vật, nhưng không được, vì trường học hết chỗ, lẽ ra nó thành đầu bếp, ở đó còn chỗ để học, nhưng không, cứ nhất định bắt nó phải thành thợ điện tử truyền thông cơ).

Song, lẽ ra nó không nói ra điều đó thì hơn. Lúc nào cũng bảo: con phải nói thật! Thế nhưng, nếu nó thật sự nói thật, thì mẹ nó lại la lối, đúng hơn là thử la lối bằng cái giọng chẳng bao giờ bật to ra nổi. Sau một hồi la lối (nội dung chẳng hay ho gì) mẹ nó quay ngoắt người lại và ném đánh xoạch cái túi nhựa tí con lên mặt bàn.

Cần sa. Cỏ. Cái thứ mà Markus tin chắc là nghìn lần vô hại hơn rượu mạnh, chả việc gì mà nổi xung lên thế. Nhưng mẹ nó nổi xung, thành cơn điên thật sự. Con đã hứa không hút thứ đó nữa (thì nó biết nói gì hơn). Thế nhưng, chỉ cái túi nhựa thôi thì cũng chưa thể bảo nó hút cơ mà. Nói cho đúng, cái túi còn nguyên, Markus nghĩ bụng, chứng tỏ điều ngược lại mới đúng. Cơ mà, bây giờ có lý sự cũng chả ăn thua gì.

- Thôi đủ rồi, mẹ nó nói to. Mẹ chán lắm rồi! Con hiểu không, chán lắm rồi, đến tận đây này! Mẹ nó lấy ngón tay đặt ngang mũi.

Thêm vào đấy lại giọng lão mục sư:

- Nếu cậu không biết đường hối cải ngay, Markus ạ, thì lúc nào đấy tôi với mẹ cậu sẽ phải...

- Rõ chán mớ đời, Markus kêu lên.

- Này, con im ngay, mẹ nó hét lên.

- Lão mặt mẹt kia chả có quyền gì dạy con, Markus hét lại.

Đến giờ, rốt cuộc, lão mặt mẹt cũng hét ầm ầm:

- Xéo, lão mặt mẹt quát, xéo ngay!

Markus gói ghém quần áo rồi nhảy tàu cuốn ngay về Cottbus.

Tối Chủ nhật nó ngồi một mình trước máy vô tuyến trong nhà trọ, bật đi bật lại giữa phim hài *White Men Cant Jump* và bộ phim hình sự Tatort chán ngấy để cuối cùng dừng lại ở phim khiêu dâm kèm chín trăm số điện thoại. Mắt xem phim, nó dùng tay tự thủ dâm một lượt.

Sáng thứ Hai nó đi làm đúng giờ. Tuần này nó được giao làm trợ lý kỹ thuật cho khách hàng và theo chân một anh đồng nghiệp lâu năm hơn ra hiện trường, kiểm tra dây dẫn, xử lý sự cố, đại loại thế. Anh đồng nghiệp tên Ralf, tuổi ít nhất cũng bốn mươi rồi. Trời mưa, tháng Mười một lạnh buốt, ngón tay cóng hết cả lại. Hai người dừng nghỉ bên một quán ăn nhanh. Anh Ralf chiêu đãi nó món currywurst và ly trà nóng. Hai anh em ngồi trong xe, để máy chạy cho ấm. Chán mỗi một chuyện là suốt buổi Ralf cứ nghe thứ nhạc gì vớ vẩn.

Tối thứ Ba, mấy đứa cùng ở nhà trọ với nó đều đủ mặt. Cả bọn rủ nhau mua bia về, vừa uống vừa kể cuối tuần chúng nó kiếm được những em nào. Những chuyện này chả mấy chốc làm Markus ngán tận cổ, nó bèn lui về phòng lên giường ngủ sớm. Nó tự thủ dâm lần nữa (lần này với cô ả tóc vàng xỉn xỉn, vú rắn cứng nọ).

Sang ngày thứ Tư, sau ca làm, nó lang thang trong khu gọi là Trung tâm một lúc, ngó hai ông lái xe con ầm ầm cãi cọ vì chạm nhẹ xe nhau. Sau rồi nó rúc vào một vũ trường, là nơi duy nhất ở đây mở cửa giữa tuần. Chui vào đứng một góc, nó chỉ ngó nghiêng tụi con gái.

Ngày thứ Năm nó cố học ít toán.

Ngày thứ Sáu nó nói với anh Ralf phải về đưa đám bà nội nó. Anh Ralf chở nó ra ga.

Khoảng mười một giờ thì nó đến nghĩa trang ở phố Goethe. Hồi xưa, nó với ông bà thỉnh thoảng cũng có đi ngang chỗ này. Nhìn từ ngoài vào, nó vẫn thấy mấy tấm bia hoặc mấy bà già xách bình nước tưới hoa, nhưng nó chưa bao giờ có ý nghĩ rằng phía sau bức tường sắp đổ kia, sau cánh cổng giữa hai cột mốc xiêu vẹo kia, lại có cái gì liên quan đến nó. Khu này đối với nó luôn luôn là một nơi biệt lập, cả về thời gian lẫn không gian, khiến lúc đến gần, nó bán tín bán nghi, chẳng biết có đúng hôm nay người ta chôn bà nội nó ở đây không, mặc dù đây đúng là nghĩa trang thật. Nhưng, trên cái bảng thông báo dầm mưa dãi gió không biết đã bao lâu dựng ở lối vào, có ghi rõ buổi tang lễ hôm nay, đúng mười hai giờ.

Dù chưa xuống dưới không độ, trời vẫn lạnh cóng. Hơi ẩm quẩn quanh trên các nhành cây, xuyên qua mọi thứ, cả mặt đất lẫn không trung, và dần dà xuyên qua nốt cả lớp áo choàng lính của Thụy Điển đã cũ, nó mua ở Berlin trong một cửa hàng bán quần áo theo ký. Markus đi đi lại lại trước cửa nghĩa trang một lúc. Cái quán bên kia đường cửa bị bịt lại bằng mấy tấm ván đóng đinh. Còn độc cửa hàng hoa là mở, loại nhà một tầng thời CHDC Đức đã hư hỏng, cửa sổ phun graffiti nửa vời. Markus bước

vào trong. Trong cửa hàng ấm thật, song chị bán hàng hỏi ngay, nó muốn mua hoa gì. Trong đầu nó quả cũng nảy ý định mua hoa viếng bà nội Irina thật, và nó làm bộ ngó nghiêng tìm kiếm, nhưng nó chỉ còn chưa đầy mười mác trong túi. Cho nên, rốt cuộc nó chặc lưỡi, thôi, có lẽ đến quán rượu đằng kia mua cái gì uống cho nóng người thì hơn.

Đi thêm chừng năm trăm thước nữa, nó nhìn thấy một quán rượu mang tên "Pháo đài hòa bình" dưới tầng hầm một ngôi nhà nằm ngay góc phố. Nó là khách duy nhất ở trong quán. Một con chó võ sĩ già, chân mọc túi mỡ to phát khiếp nằm bên cạnh quầy rượu, khe khẽ ngáy. Gã bồi bàn có mái tóc thưa chải ngược ra sau và đeo chiếc khăn bẩn bẩn trên tay, chậm rãi, như trong phim quay chậm, lướt từ đầu này đến đầu kia quán tới chỗ nó, đặt chiếc khay nhỏ đựng tách nước trà, ly rượu rum con con cùng lọ đường trước mặt nó rồi nói "Xin chúc sức khỏe, thưa quý khách!" Markus trút chỗ rượu rum vào tách trà, thêm hai thìa đường vào đó, bởi nó nghĩ thế là đúng điệu. Hơi rượu xông ngay lên đầu nó, và lần đầu tiên từ khi nghe tin bà nội Irina mất đến giờ, nó thấy buồn rười rượi, và nhờ thế, chợt thấy nhẹ nhõm trong lòng, thậm chí còn vui vui là khác. Nó tưởng tượng cảnh lát nữa, ông nội Kurt, bố nó cùng với nó sẽ đứng bên ngôi mộ chôn bà nội Irina. Một cảnh nghẹn ngào không nên lời. Hay còn ông mục sư nào đó đứng bên? Tay cầm ô che mưa, như trong một phim nào đấy nó từng xem. Song, ngôi mộ ấy đâu nhỉ? Hay phải vào bên trong mới thấy?

Lúc nó quay lại nghĩa trang - trước mười hai giờ một chút cho chắc ăn - hơi rum trộn nước trà đã tan biến. Con phố lát đá hòn bỗng dưng đỗ đầy xe con, người người kéo đến từ mọi phía. Ai nấy đều cầm vòng hoa hay bó hoa trên tay. Markus bước theo họ, dọc theo lối đi có trồng cây ở giữa dẫn đến một ngôi nhà nhỏ. Đám đông chen chúc trước ngôi nhà như ở ga S-Bahn giờ cao điểm. Gian phòng bên trong chật cứng người. Cánh cửa

gập được mở rộng ra để người đứng bên ngoài cũng có thể ít nhiều thấy những gì diễn ra bên trong. Thế mà vẫn còn nhiều người kéo đến tiếp, đi thành từng đôi, từng nhóm, hoặc riêng lẻ. Markus nhìn các khuôn mặt họ và tự hỏi, có phải đây là các đảng viên cũ lão Klaus nhắc đến không nhỉ: người đàn bà tóc nhuộm, ông diễn viên nó từng thấy trên ti-vi, hay người đàn ông to béo đồ sộ với bộ tóc lởm chởm... Thêm lão già có cái đầu to tướng, mái đầu hung hung xanh xanh kia có phải là lão từng hét ầm ầm đòi *nhều rân trủ* hôm sinh nhật cố Wilhelm năm nào không nhỉ?

Qua đầu, qua vai những người đứng trước, nó ngó vào bên trong ngôi nhà. Tít trong cùng có dựng một cây thập tự màu đen. Cả hai bên trái phải là mấy chậu trồng cọ mà thậm chí đứng từ xa cũng biết là cọ giả. Phía trước là cái bục diễn giả bằng gỗ, bọc vải đen không được khéo lắm; một nút bấm bị thiếu, khiến mép vải chỗ đấy hơi bung ra. Đoạn, nó nhìn thấy ông nội Kurt nó, đang đứng ở hàng đầu, phía bên phải, mái đầu hoa râm, hói ngay giữa đỉnh, và người đứng sát bên cạnh là ông ấy, bố nó.

Tiếng nhạc vang lên. Nhạc cổ điển, nghe oa oa qua những chiếc loa âm lượng vặn quá nhỏ. Đám đông yên ắng dần, ai nấy cúi đầu, rồi một người đàn bà bước đến bên bục diễn giả bọc vải hơi cẩu thả kia. Thoáng nhìn qua ai nấy đều hiểu ngay bà này không phải mục sư. Bà cất tiếng:

Chị Irina, chị Irina yêu quý, *bà ta nói, như thể nói với bà nội Irina vậy,* vẫn còn lâu mới đến lúc chia tay. Ý nghĩ ấy cứ muốn lừa phỉnh chúng tôi... *Nhưng bà nội đâu mới được chứ?*

Markus cố vươn cổ lên nhìn. Phía trước, mọi người đặt vòng hoa lẫn bó hoa thành đống lớn xung quanh một chiếc ghế đẩu màu đen cao ngang đầu gối. Trên đó đặt một cái gì trông như lọ hoa. Thế quan tài đâu ta? Điều khiến nó càng thấy lạ là người đàn bà nọ cứ "chị ơi, chị ơi" mà

gọi, như thể bà nội đang ngồi đâu đây trong phòng vậy... *Chị luôn luôn đón chào mọi người đến thăm; chúng tôi luôn luôn vui mừng mỗi khi gõ cửa nhà chị*... Và, mặc dù biết thừa điều đó thật vớ vẩn, nó vẫn thử nhìn quanh xem, liệu nó có hiểu nhầm cái gì không, liệu bà nội nó có đang ngồi đâu đó ở hàng đầu, cạnh ông nội Kurt nó, hay cạnh ông kia, bố nó. Song, tất nhiên, không có bà nó ở đấy. Ngồi chỗ đó lại là *cái con mẹ* nọ. Thất vọng, nó nuốt nước miếng đánh ực.

Tôi từng gọi chị là Nausikaa[108], người đàn bà đứng bên bục nói tiếp... Nausikaa là ai mới được chứ? Chịu không biết được... *người phụ nữ từ thời cổ xa xưa đến với chúng tôi*... Nó thận trọng đưa mắt nhìn quanh: Không biết lão già có mái đầu hung hung xanh xanh kia có hiểu người ta đang nói gì không?... *từ các cuộc hành quân, từ nơi lưu đày, từ cuộc di dân vĩ đại. Chính người phụ nữ này đã làm cuộc đời không đáng sống trở thành đáng sống*... Cái đầu gật gật... *Chị thuộc về cuộc sống ấy, chị Irina ơi. Chị có thể*... Cái đầu lại gật gật và Markus đã hình dung ra cảnh nó rút phăng khẩu súng lục bắn gục cái đầu gật gật đần độn kia.

Rồi người đàn bà kia bỗng dưng chuyển sang nói chuyện nấu ăn... *nhưng thứ đổ thêm vào xúp không phải là nước suông*[109] bà ta nói. Thoạt tiên Markus tưởng nó nghe nhầm. Song, đúng là chuyện nấu ăn thật, ít nhất cũng là chuyện dọn bàn. *Bàn ăn do tay chị dọn bao giờ cũng là một công trình nghệ thuật*, người đàn bà nói, rồi nhấn mạnh thêm: *Bàn ăn chị dọn bao giờ cũng mời mọc khách khứa, hãy ngồi xuống mà chuyện trò*.

Bà ta lặng im.

Chị có biết nó quý giá thế nào không?

Lại ngừng một lát.

Chúng tôi đã bao giờ nói với chị điều đó chưa?

Hồi trước, nó nhớ lại, lâu lắm rồi, thỉnh thoảng bà nội làm bánh pelmeni và nó được phép giúp bà. Đến giờ nó vẫn còn nhớ phải làm thế nào. Mới đầu phải cán bột nhào, xong cuốn nó lại như cái dồi. Rồi cắt cái dồi thành từng khúc và trộn qua với bột khô (để không bị dính), nhưng cũng không được nhiều quá (vì còn nhiều công đoạn khác nữa), và trải trở lại thành những miếng bột bánh mỏng, to cỡ lòng bàn tay. Rồi đến đoạn khó nhất... Trong khi giọng nói nhỏ nhẹ của bà không phải mục sư kia bay từ trong ra qua cánh cửa gập và lướt qua người nó, nó chợt cảm thấy như đang đứng trong bếp bà nội nó vậy. Mũi nó đánh hơi thấy mùi vị không thể lẫn vào đâu của bột mì nhào và hành tây, của thịt băm còn tươi, ngón tay cái và ngón tay trỏ nhớ rành rành cái quy trình phức tạp: một thìa cà phê thịt băm cho vào một miếng bột mỏng, gập miếng bột thành hình bán nguyệt, bóp bóp viền xung quanh cho dính vào nhau rồi cuối cùng, gắn hai đầu mặt trăng lưỡi liềm vào nhau thành một thứ trông như cái mũ tí con... *Cái mú con,* như bà nội nó vẫn nói. Có giúp bà cả trăm lần, bà vẫn phát âm sai, và dù thằng Frickel chẳng bao giờ có mặt ở đấy, Markus vẫn thường hơi ngường ngượng rằng bà nó nói tiếng Đức nghe "Nga" quá.

Chiếc ghế chị ngồi giờ để trống, nó nghe bà không phải mục sư nói. Trong giây lát nó cảm thấy nghèn nghẹn trong họng, có lẽ vì nó chợt nhớ chiếc ghế cũ mặt đã sờn trong bếp mà mỗi lần giúp bà làm pelmeni nó vẫn quỳ lên. Nó nghe ai đó đứng bên khóc thút thít, nó lại sực tỉnh.

Nó nhìn mấy cây cọ bằng nhựa.

Nó nhìn cái bục diễn giả bọc cẩu thả bằng vải đen.

Nó cảm thấy đôi chân đau nhói vì lạnh.

Và chúng tôi phải chịu đựng điều đó, *bà không phải mục sư nói*.

Rồi bà lại dừng.

Nay giờ đã điểm.

Tiếng thút thít mỗi lúc một nhiều. Đến cả cái đầu hung hung xanh xanh cũng lau nước mắt. Song tiếng thút thít xung quanh nó càng tăng, nó càng thấy như mất hết cảm giác vậy.

Đã đến lúc ta phải chia tay.

Im lặng.

Cảm ơn Chị.

Tiếng nhạc lại oa oa vang lên. Bỗng nhiên, không rõ từ đâu, hiện ra một người đàn ông nhỏ bé, trông như một con cá nhỏ bó trong bộ quần áo nhân viên hỏa xa cổ xưa. Trên đầu ông ta đội chiếc mũ của nhân viên hỏa xa có quai đeo, cài chặt phía dưới cằm. Người đàn ông bé nhỏ nhấc *cái-gì-đó-trông như-lọ-hoa* khỏi bệ đỡ và bê nó trước mặt như bê mâm bánh hay cái cúp, bước đi hết sức chậm rãi. Nhiều người khác nối bước ông ta, trước tiên là bố và ông nội nó. Những người đứng trước cửa tự động dạt ra, tạo thành hai hàng người, khiến nó, Markus, bỗng nhiên đứng ngay đầu một hàng người ấy. Đứng ở đấy gần đến mức nó có thể chạm vào bố nó. Đúng thế, suýt nữa thì nó chạm vào bố nó thật. Nhưng bố nó đi qua mặt nó, mà không nhận ra.

Markus đứng lại ở cửa trông theo đám rước đang mỗi lúc một dài ra. Đám rước đi dọc con đường trồng cây hai bên rồi rẽ phải, và khi người sau cùng khuất hẳn sau lối rẽ, lại ngoặt phải lần nữa. Đoạn, đám rước lại

theo chân người đàn ông tí hon đội mũ nhân viên hỏa xa nọ trườn ngược hướng quay về, cho đến lúc người đàn ông dẫn đường dừng chân thì đám rước mới dừng lại. Chỗ này cỏ mới lật lên, còn tươi, thành một dải đất trông như luống rau nhiều rãnh. Trên mấy rãnh đầu tiên hoa đã bày la liệt, và chỗ kia, nơi không còn hoa nữa, là một cái hố đào sâu xuống đất, to vừa đủ cho *cái-gì-đó-trông-như-lọ-hoa* lọt vào. Và, đúng vào giây phút người đàn ông tí hon cúi mình đặt *cái-gì-đó-trông-như-lọ-hoa* kia xuống hố, Markus chợt vỡ lẽ hai điều:

Trước hết, nó hiểu vì sao gã đàn ông thắt chặt chiếc mũ hỏa xa gã đang đội bằng quai đeo dưới cằm.

Hai là, nó vỡ lẽ ra *cái-gì-đó-trông-như-lọ-hoa* kia chính là bà nội Irina của nó.

Trên đường về, trời đổ mưa. Chiếc áo choàng lính cũ nó đang mặc thấm nước nặng trình trịch. Phải một lúc rất lâu, chân nó mới ấm trở lại.

MỒNG 1 THÁNG 10 NĂM 1989

Bà vẫn còn cảm thấy như bị ai nện vào đầu. Khó nhọc lắm bà mới xong cái việc tiễn đưa khách khứa, tay bắt, miệng cười, hết chịu khó nghe lão Bunke say rượu nói ba hoa, lại phải gật đầu lia lịa với mụ Anita, do mụ không mệt mỏi luôn mồm thề thốt, dù có thế nào thì bữa tiệc vẫn thật *tuyệt vời*... Bà còn lần nữa xin lỗi ông Zenk.

Giờ bà đứng trong phòng khách, ngao ngán nhìn đống đổ nát lão Wilhelm gây ra... Cái bàn kéo trông như con chim gặp nạn. Hai mặt bàn hai bên vểnh lên cao. Đống ngổn ngang các thứ dưới nền nhà kia trông chẳng khác nào ruột gan nội tạng một con thú chết tan xác.

Bà những muốn gọi điện ngay cho bác sĩ Süß. Lão ta chả vẫn bảo, cần chứng cớ hiển nhiên là gì?

- Nữ đồng chí Powileit, về việc này đồng chí cần đưa ra các chứng cớ hiển nhiên mới được!

Thì đây, "chứng cớ hiển nhiên" cho lão đây.

Bà bước lên trước một bước, sờ sờ mũi đinh đóng vào mặt bàn, gõ gõ vào mặt bàn bằng gỗ, để thử xem cái tiếng động ghê rợn nọ còn nổi lên không, tiếng động đã nổi lên cùng lúc mặt bàn đập vào đầu lão Zenk, lúc lão tì vào bàn tiệc, toan nhón một quả dưa chuột chua ở mép ngoài cùng... Lão Zenk, lại đúng lão Zenk chứ! Bà như vẫn còn thấy lão đứng trước mặt

bà, cầm gọng kính gãy trên tay. Run rẩy. Đôi mắt to bất lực hoang mang trên gương mặt...

Chả biết rồi ai sẽ trả tiền cặp kính đây?

- Cháu dọn ngay giờ, Lisbeth nói.

Chị ta hiện ra đứng cạnh bà từ lúc nào.

- Thật là tuyệt, bà Charlotte nói to. Tôi cứ tưởng cô nghỉ phép đã chứ.

Bà quay người, ra khỏi phòng. Bà thoáng nghĩ, hay lui vào phòng trên tháp một lúc cho tĩnh trí. Đấy là căn phòng duy nhất trong nhà này còn là của riêng bà. Thế nhưng bốn mươi bốn bậc thang dẫn lên đấy làm bà sợ, thành ra thôi, bà vào bếp vậy.

Ngoài hành lang bà chạm trán lão Wilhelm. Bà Charlotte giơ tay lên cao, bà bỗng thấy ngạt thở. Lão Wilhelm lầu bầu cái gì đấy, song bà Charlotte không nghe lão, nhìn lão cũng không. Bà làm một vòng rộng tránh lão, đi nhanh vào bếp. Đóng cửa. Cho chắc ăn, bà xoay, khóa cửa lại, lắng tai nghe ngóng...

Tuyệt không thấy động tĩnh gì. Chỉ hơi thở của bà hơi dồn dập một cách đáng ngại. Bà thọc tay vào túi quần bên phải, xem lọ thuốc hen suyễn Aminophyllin còn đó không. Còn nguyên. Bà nắm chặt lọ thuốc con con. Đôi khi, chỉ cần nắm chặt lọ thuốc trong lòng bàn tay như thế, rồi đếm đến mười, khắc đỡ.

Bà đếm đến mười. Đoạn, bà đi vòng quanh cái bàn chất đầy ắp chén đĩa uống cà phê chưa rửa rồi ngồi phịch xuống chiếc ghế đẩu. Mai,

bà định bụng, bà sẽ gọi điện cho bác sĩ Süß, xin ông ấy hẹn bữa khám bệnh. Chứng cớ hiển nhiên!

Bà đã chẳng cung cấp cho lão khối "chứng cớ hiển nhiên" đấy thôi! Không phải "chứng cớ hiển nhiên" là gì đây: Đống hóa đơn của thợ mở khóa, gồm mười hay mười hai tờ gì đó? Bởi lão Wilhelm thuê lắp khóa an toàn khắp nơi, sau đó lão đánh mất chìa, hay nói đúng hơn, giấu biến đi, rồi tìm không ra nữa... Đấy chưa phải là chứng cớ ư? Hay là báo *ND,* trong đó lão gạch đỏ từng bài, để khỏi quên bài nào đã đọc, bài nào chưa. Hay đống thư từ lão gửi đến cơ man nào cơ quan xí nghiệp... Nói đúng ra thì thư lão viết thế nào, bà không có trong tay. Cơ mà thư trả lời người ta gửi đến. Thư trả lời của Đài truyền hình CHDC Đức. Lão Wilhelm chả than phiền về một chương trình nào đấy, nhưng hóa ra đó là chương trình của đài truyền hình Tây Đức. Vậy lão Wilhelm làm gì đây? Lão viết thư gửi Bộ An ninh quốc gia. Bằng thứ chữ mực đỏ loằng ngoằng chẳng ma nào đọc nổi ấy. Lão viết thư gửi Bộ An ninh quốc gia, vì lão nghi, trong máy vô tuyến màu SONY do CHDC Đức nhập mấy ngàn chiếc dạo nào, có lắp bộ phận rất phản động, khiến máy lúc nào cũng tự động chuyển sang sóng đài phía Tây...

Còn lão Süß bảo sao?

- Nhưng đồng chí Powileit ạ, chúng ta không thể vì thế mà đưa ông ấy vào nhà thương điên được.

Sao lại nhà thương điên! Có ai bảo nhà thương điên đâu? Thế nhưng, có thể tìm chỗ cho lão trong một nhà dưỡng lão đàng hoàng nào đấy chứ. Dẫu gì lão cũng bảy chục năm tuổi đảng! Được thưởng Huân chương Tổ quốc ghi công hạng Nhất nhá! Còn cần gì nữa nào!

Cái lão Süß đến thật vô tích sự! Thế mà cũng gọi là bác sĩ khu vực! Đến mắt mù còn thấy lão Wilhelm đổ đốn cỡ nào nữa là. Hôm nay ai cũng thấy đấy thôi! Tôi đủ xèng trong hộp rồi! Phải gọi cái đó là gì mới được? Lão được tặng Huân chương Tổ quốc ghi công hạng Nhất! Đến hạng Hai bà còn chưa được! Thế mà lão lại tuôn ra: Tôi đủ xèng trong hộp rồi! May mà tay Bí thư quận không đến. Chứ không thì muối mặt. Lại thêm trò hát hỏng nữa chứ. Mà bà đã dặn kỹ con Lisbeth không rót rượu cho lão rồi. Đến tỉnh táo còn chẳng ai chịu được lão nữa là say. Mà lão đối xử với người ta mới xấc xược làm sao chứ: Đem rau ra nghĩa địa cho tôi. Cơ mà lão nói thế là nghĩa làm sao: Đem rau ra nghĩa địa cho tôi?

Bà Charlotte không bật đèn trong bếp, song ánh sáng nhờn nhợt xanh hắt từ cột đèn đường vào bếp khiến trông qua cánh cửa thông sang lối đi phụ đang mở bà vẫn nhìn thấy cánh cửa vốn dẫn sang phòng lão Wilhelm, nhưng bị xây bịt lại từ ba mươi lăm năm trước đến giờ. Mãi đến lúc này, trong lúc mải nghĩ xem lão Wilhelm ngụ ý gì khi luôn mồm *nghĩa địa, nghĩa địa,* bà mới chợt nhận ra, suốt từ nãy đến giờ, hóa ra bà cứ chằm chằm nhìn cánh cửa bị bịt lại ấy. Nhìn cánh cửa bị bịt, bà khó chịu. Bà đứng dậy, đóng cánh cửa thông sang lối đi phụ rồi lại ngồi xuống chiếc ghế đẩu.

Bao giờ đưa được lão Wilhelm ra khỏi nhà, bà nghĩ bụng, bà sẽ cho mở chỗ bịt ấy ra. Rõ thật vớ vẩn, lúc nào cũng phải đi vòng mới ra được hành lang. Lúc nào cũng phải đi lòng vòng, cứ làm như bà thiếu việc phải làm ấy. Mỗi lần cần gì trong bếp, bà lại phải chạy lòng vòng. Lúc nào tìm Lisbeth, cũng phải chạy lòng vòng. Đấy, chỉ riêng hôm nay thôi, bà đã phải bao nhiêu lần chạy lòng vòng! Thế mà cứ đòi phải có chứng cớ hiển nhiên! Riêng việc lão Wilhelm cứ dần dà phá hoại cái nhà này như thế nào cũng đã là một chứng cớ hiển nhiên rồi. Nhìn đâu cũng thấy đầy các chứng cớ!

Có lẽ phải chụp ảnh thật, bà nghĩ bụng. Mỗi tội bà không có máy ảnh riêng. Anh Kurt có một cái, nhưng cái nhà anh ấy chắc không chịu làm việc này. Không biết nhà Weihe có máy không nhỉ? Máy ảnh phải gắn đèn chớp hẳn hoi. Việc này hệ trọng lắm, bởi vì đèn trần ngoài hành lang đã hỏng từ lâu. Đã thế, lão Wilhelm còn che bớt cửa sổ ở hành lang trên gác, bảo để ngăn không cho hàng xóm biết lúc nào lão đi ngủ. Hiện giờ ngoài hành lang còn độc chiếc bóng đèn lắp trong vỏ ốc mang từ Pochutla dạo nào về là sáng. Thế nhưng, nghĩ cho cùng, cũng may chỉ còn cái vỏ ốc là sáng, để không phải thấy lão Wilhelm đã gây ra những trò gì ở đây. Màu sơn nền nhà này! Đây cũng không phải "chứng cớ hiển nhiên" sao? Nơi treo quần áo này, cả cầu thang lẫn mặt sàn này... Bây giờ đến lượt cửa ra tầng trên lão cũng sơn tuốt! Tất tật những gì bằng gỗ, lão đều sơn màu nâu đỏ như nền nhà, và nếu có hỏi sao cái gì lão cũng sơn màu nâu đỏ như thế, thì lão bảo màu nâu đỏ của nền nhà là màu bền nhất!

Không biết cấp cao hơn bác sĩ khu vực là bác sĩ cấp gì? Bác sĩ quận à?

Hãy xem cái buồng tắm kia. Cũng phải chụp ảnh mới được. Hư hỏng hết cả. Cái gì lão cũng dùng búa điện đập nát bằng hết. Chỗ gạch tấm lát nền kia, mua đâu ra mà thế vào bây giờ. Mà vì sao chứ? Vì lão cứ phải chọc cho bằng được lỗ thoát nước dưới nền nhà kia. Lỗ thoát nước nền nhà! Từ dạo ấy, đèn ngoài hành lang không sáng nữa. Mà còn nguy hiểm nữa chứ! Điện với nước mà chạm nhau thì có mà...! Chứng cớ hiển nhiên đấy chứ đâu...

Suốt ngày lão Wilhelm chẳng làm gì hơn là đẻ ra các chứng cớ hiển nhiên kiểu như thế. Toàn rớ vào những thứ lão chẳng hiểu mô tê gì. Lão ra tay chữa cái này sửa cái nọ để rốt cuộc mọi thứ đều hư hỏng chỏng chơ.

Và, nếu bà không thỉnh thoảng cho một hai thìa thuốc an thần từ cây nữ lang vào trà cho lão uống, chắc cái nhà này không cháy trụi thì cũng đổ sập từ lâu, hoặc bà đã chết ngạt vì khí độc từ bao giờ ấy rồi!

Hay là xem lão làm cái trò gì ngoài hiên nhà kia kìa. Đây mới là chuyện tệ hại nhất nhá. Tại sao bà không làm gì ngăn lão lại? Gọi công an ư? Mới đầu lão bảo, chỉ thêm hai phân thôi... Có quỷ mới biết tại sao chỉ một ít rêu mọc giữa mấy phiến đá ghép lại làm lão khó chịu đến vậy! Thế là lão đổ bê-tông toàn bộ mặt hiên! Tức là hai tay Schlinger với Mählich đổ bê-tông, còn lão Wilhelm chỉ huy. Hết chăng dây lại đo đo đạc đạc. Kết cục là thế nào nào? Nước mưa cứ thế tuôn tộc chảy vào nhà kính. Nền nhà hư nát, cửa dẫn ra hiên vênh lên, kính nứt rạn hết cả...

Thế mà lão Süß bảo sao?

- Thật là đáng tiếc, lão chỉ nói được có thế.

Đáng tiếc thôi à?! Đấy là nơi quý giá nhất của bà. Nơi bà làm việc, nơi bà ngủ nghê. Nơi bà lui về cố thủ! Cái mẩu Mexico của bà, bà từng gìn giữ bao năm ấy, nay bị hủy hoại tan tành. Giờ hằng ngày bà phải năm lần bảy lượt leo bốn mươi bốn bậc thang lên căn phòng trên tháp. Trên ấy gió thổi như huýt sáo qua các khe hở, bà phải quấn chăn ngồi bên bàn giấy. Vào những ngày nóng nực, trên ấy toàn mùi bụi bặm lẫn mùi gỗ kèo nhà, thứ mùi làm bà nhục nhã liên tưởng đến cái phòng xép mà mẹ bà xưa kia vẫn nhốt bà vào để phạt giam.

Chỉ nghĩ đến cái phòng xép ấy thôi bà đã lại bắt đầu thở gấp. Bà suy đi tính lại xem có nên uống thêm mười giọt Aminophyllin nữa không. Song hôm nay bà đã hai lần uống Aminophyllin rồi, và từ dạo bác sĩ Süß dặn bà, thứ thuốc ấy dùng quá liều có thể dẫn đến liệt cơ đường khí quản,

thì bà chỉ lo, nhỡ đang đêm, bà đột nhiên ngừng, thôi không thở nữa. Tức là, bà có thể bỗng dưng thôi không còn sống nữa, vào một lúc mà chính bà cũng chẳng hay biết gì... Không, không, bà không thể chiều lão Wilhelm như thế được. Bà vẫn *còn* đây và bà dứt khoát sẽ còn *ở lại* trên đời này lâu hơn nữa. Bà còn nuôi nhiều ý định lắm, chỉ chờ lão Wilhelm rời khỏi nhà này. Lúc đó, bà khắc làm tất cả những gì lão cản bà làm, bà sẽ sống ra sống, làm việc ra làm việc, bà sẽ du ngoạn đó đây! Một lần nữa sang Mexico... Để ít nhất một lần trong đời được ngắm hoa quỳnh, Nữ chúa đêm khuya, bừng nở...

Bà bỗng có cảm giác như có ai đang cào cào vào cửa. Hay đấy chỉ là hơi thở của chính bà? Bà vẫn ngồi yên tại chỗ, nhìn xem nắm cửa có động đậy không. Nhưng, bà chợt giật bắn người, vì cánh cửa dẫn sang lối đi phụ lúc nãy bà vừa khép lại bỗng từ từ, từ từ mở ra và, trong bóng tối nhá nhem, hiện ra một bóng người gớm ghiếc... lom khom... tóc tai dựng đứng...

- Khiếp! Bác Nadezhda Ivanovna, bà Charlotte kêu lên, bác làm tôi hết cả hồn!

Hóa ra, cụ Nadezhda Ivanovna trong lúc lần đi tìm áo khoác, làm sao lại chui tọt xuống tầng hầm. Đúng ra thì bà Charlotte có bảo đem áo choàng của khách xuống tầng hầm thật, vì lúc nãy, góc treo áo choàng để đầy lọ hoa. Song, lúc khách khứa ra về, Lisbeth lại đem áo choàng lên rồi. Riêng cụ Nadezhda Ivanovna không thấy áo khoác đâu cả. Nghĩa là nó vẫn nằm đâu đấy dưới tầng hầm, thế nhưng dưới ấy cũng chẳng thấy đâu, cụ Nadezhda Ivanovna bảo thế. Dần dà chuyện này làm bà Charlotte bực mình. Bà còn bao nhiêu việc, quan trọng hơn việc loay hoay tìm áo khoác cho cụ Nadezhda Ivanovna!

Thế nhưng rốt cuộc áo khoác của cụ lại lù lù trên giá treo. Bà Charlotte đã định gọi Lisbeth ra vặn vẹo, *sao áo lại treo ở đây?* Thế nhưng, bà chỉ giật chiếc áo ra khỏi giá treo, dúi nó vào tay cụ Nadezhda Ivanovna.

- Cơ mà anh Kurt đâu nhỉ, bà chợt nhớ ra. Sao anh ấy không đưa bác về cùng?

- *Ne znayu,* cụ Nadezhda Ivanovna đáp. Tôi chả biết nữa.

Đoạn, cụ loay hoay xỏ tay vào tay áo, vào một bên này trước, rồi vào bên kia sau, quấn khăn quàng cổ cẩn thận, rồi, trong lúc bà Charlotte hết nghiêng người sang bên này lại ngả người sang bên kia, cụ thong thả cài lần lượt các nút áo, thử đi thử lại sợi dây chuyền đeo chìa khóa ở cổ xem nó còn đấy không, rồi lần tìm túi xách. Đến lúc cụ nhớ ra không mang túi xách theo thì cụ nói:

- *Nu vsyo, poyedu*. Xong. Tôi lên xe nhé.

- Sao lại *lên xe,* bà Charlotte đỡ lời cụ. *Peshkom,* đi bộ thôi.

- *Net, poyedu,* cụ Nadezhda Ivanovna khăng khăng. *Domoi!* Về nhà thôi!

Bà Charlotte nghĩ bụng, chắc bà cụ không muốn đi một mình trong đêm tối. Bà chạy nhanh vào phòng khách gọi điện thoại cho Kurt, bảo đến đón cụ. Nhưng chẳng ai nhấc máy. Thật chẳng ra làm sao. Ai lại để bà già một mình thế này! Bà nghĩ đi nghĩ lại một lúc, rồi quay số gọi xe taxi.

- *Sadites,* bà nói với cụ Nadezhda Ivanovna. *Seichas budet taksi!* *[110]*

- *Net, ne nada taxi*[111], cụ Nadezhda Ivanovna đáp.

- Bác Nadezhda Ivanovna ơi, bà Charlotte kêu lên. *Ya ochen sanyata,* tôi đang bận nhiều việc lắm! Mời bác ngồi xuống đây, chờ xe đến đón.

Song, bà già không muốn chờ taxi. Đi bộ không muốn, taxi cũng không nốt. Cái lối do dự, đỏng đảnh này khiến bà Charlotte phát cáu.

- *Spasibo sa vsyo,* cụ Nadezhda Ivanovna nói. Cảm ơn bà về mọi chuyện.

Và, trước khi bà Charlotte kịp định thần, bà cụ già đã quàng tay quặp chặt lấy cổ bà. Bà Charlotte cố tránh mũi ra xa chiếc khăn quàng sặc mùi băng phiến và nước hoa Nga, một thứ mùi lẫn lộn như mùi xà-phòng pha thuốc súng.

Rồi cụ Nadezhda Ivanovna bước ra ngoài trời tối om om. Bà Charlotte đứng lại một lúc dưới bầu không khí trong lành, nhìn theo bóng bà cụ lom khom, bước từng bước ngắn qua sân ra cổng - và biến mất. Một chiếc lá rụng, âm thầm lượn bay qua chùm ánh đèn hắt xuống từ cột đèn đường. Bà Charlotte bước vội vào trong, trước khi nỗi buồn u uất của mùa thu ào tới kịp xâm chiếm lòng bà.

Bà đứng lưỡng lự giây lát trong hành lang. Còn bao nhiêu việc phải làm đây, bà chưa biết bắt đầu từ đâu. Trong hành lang, thật ra, mọi thứ trông có vẻ ổn. Chỉ có chỗ hoa sẽ phải dọn đi, nhưng dĩ nhiên chưa phải gấp lắm. Mỗi tội, nhìn chỗ nhãn dán lọ hoa bà Charlotte lại bực mình, đã định dán nhãn các lọ hoa cho đàng hoàng mà rồi cũng không thành. Cái nhà cô Irina, đúng là chứng nào tật nấy (!), mãi đến phút chót mới lo được

nhãn thì muộn mất rồi, chẳng kịp điền tên ai vào nữa. Bởi một khi số lọ hoa đã xếp đống ở đây thì cố nhiên, chẳng biết lọ nhà ai với nhà ai nữa. Sự thể nó như vậy, ai cũng hiểu, mỗi con bé Lisbeth là không, vẫn nhắm mắt nhắm mũi dán nhãn vào mấy cái lọ. Giờ lọ hoa đứng xếp kia, nhãn trống trơn... Nhưng, ô kìa?

Một cái nhãn có đề dòng chữ gì đó. Bà Charlotte bước đến gần. Dòng chữ màu đỏ. Nét loằng ngoằng của lão Wilhelm:

Mấy chữ CHOV. Độc có thế thôi, CHOV.

Đấy, chứng cớ hiển nhiên đấy. Bà Charlotte gỡ tấm nhãn dán trên lọ hoa ra, định bụng sẽ cất nó vào cái hộp thiếc bà dùng từ lâu để lưu giữ các tài liệu quan trọng. Bà không tin cậy con Lisbeth được. Con bé chỉ làm do thám cho lão Wilhelm. Song, cái hộp thiếc nằm những bốn mươi bốn bậc thang trên cao. Tờ nhãn dinh dính thế này, bà không nhét túi quần được... Bà dán tạm nó lên áo len bà đang mặc.

Bà vào phòng khách gọi điện cho ông Weihe, hỏi ông ta có máy ảnh không.

- Tôi có, ông trả lời.

- Tôi sẽ gọi lại cho ông, bà Charlotte nói rồi dập máy.

Đúng lúc ấy bà sực nhớ bà không hỏi về đèn chớp. Bà lại nhấc máy gọi ông Weihe lần nữa, ông có máy đèn chớp không.

- Tôi có, chị ạ, ông Weihe đáp.

- Tôi sẽ gọi lại nhá, bà Charlotte nói rồi dập máy.

Cái tay Weihe này thật tuyệt vời. Cả hai vợ chồng, bà vợ Rosi cũng vậy, dù bà ta ốm yếu thế. Bà có thể trông cậy vào họ. Bà Charlotte tự hỏi, không biết bà đã cảm ơn ông bà nhà Weihe về việc họ giúp thu gom lọ hoa chưa. Cho chắc ăn, bà gọi điện lần nữa cho ông Weihe để cảm ơn ông đã giúp bà việc thu gom lọ hoa đó.

- Nhưng chị Powileit ạ, chị đã cảm ơn chúng tôi rồi mà, ông Weihe nói.

- Tôi sẽ gọi lại nhá, bà Charlotte nói rồi dập máy.

Bây giờ thì bà có thể quay sang lo việc nhà. Có bao nhiêu là việc đây. Song, khi công việc dần dần chạy, bà lại sốt ruột thấy Lisbeth vẫn còn loay hoay mãi dưới cái bàn bị gãy gục. Mỗi mông chị ta là thòi ra ngoài.

- Cô đang làm gì dưới đấy? bà Charlotte xẵng giọng hỏi.

Thay vì trả lời bà, chị Lisbeth lại nói:

- Này bác Lotti này, nhà mình không còn hộp nhựa nào trong bếp nữa à?

- Ôi giời, hộp nhựa làm cái gì, bà Charlotte đáp. Cho hết vào thùng rác cho tôi.

- Lên thùng rác ấy ạ?

- Vào thùng rác, bà Charlotte gắt. Ở nhà này vẫn còn nói tiếng Đức thôi nhá.

- Thế nhưng thế thì phí phạm quá, bác Lotti ạ. Vậy nếu bác không muốn gom, thì cháu gom mang về vậy.

- Ôi giời, sao lại mang về, bà Charlotte nói, và ngay lúc đó, trong đầu bà nảy ra ý nghĩ, phải chụp ngay cảnh bàn buffet sụp đổ này trước khi con Lisbeth kịp dọn sạch đi.

Vừa lúc đó có tiếng chuông reng ngoài cửa. Ai bấm chuông giờ này nhỉ? Bực cả mình, bà Charlotte nghĩ bụng, chẳng được yên thân để làm cái gì cả! Bà hằm hằm qua hành lang, giật toang cánh cửa.

- Taxi đây ạ, gã đàn ông nói.

- Cảm ơn anh, chuyện giải quyết xong rồi, bà Charlotte nói và đã toan đóng sập cửa lại. Song, gã lái xe đòi trả tiền xe chạy không đón khách.

Tiền xe chạy không đón khách, bà Charlotte điên tiết. Thời buổi này mỗi lúc một thú vị thật.

Song bà còn nhiều việc đáng làm hơn là đứng cãi nhau với gã lái xe taxi. Bà dúi mười mác vào tay gã lái xe. Và, gã kia chưa kịp rút tiền trả lại thì bà đã sốt ruột đóng sập cửa.

Bà đi nhanh trở lại phòng khách và lệnh cho Lisbeth:

- Cô thôi được rồi!

Bà vẫn chỉ nhìn thấy mông Lisbeth từ gậm bàn nhô ra. Dần dần, bà có cảm giác bà đang chuyện trò với cái mông chị ta thì đúng hơn.

- Bác Lotti ạ, không được đâu, Lisbeth đáp. Mình không để các thứ vương vãi thế này được!

- Còn bao thứ phải làm kia kìa, bà Charlotte nói. Bát đĩa bẩn còn đầy ra trong bếp kia. Với lại trà buổi tối cho ông Wilhelm cũng đến lúc

phải hâm rồi, kẻo chốc nữa ông ấy lại kêu ca trà nóng quá.

- Bát đĩa chốc nữa cháu dọn, Lisbeth đáp. Trà bác bắc lên hâm lại thì còn nhanh hơn cả cháu chui ra khỏi chỗ này ấy chứ.

- À tất nhiên rồi, bà Charlotte đây. Vâng, tôi xin lỗi ạ, tôi quên mất giờ cô là chủ nhà này ạ!

Bà hằm hằm đi vào bếp, đóng cửa và cho chắc ăn, còn xoay cả chìa, khóa lại. Bà lắng nghe.

Hơi thở bà dồn dập.

Lẽ ra, bà tấm tức nghĩ, mình không nên bao giờ cho phép con bé gọi mình là Lotti. Nó đâm nhờn, đã chẳng nể nang gì, lại còn giễu cợt bà. Bà bảo gì nó đều không nghe, cứ việc nó, nó làm... Bao giờ lão Wilhelm ra khỏi nhà này, bà tự nhủ, bà khắc tống cổ con bé ngay.

Bà nắm chặt lọ thuốc con trong túi quần vào tay rồi đếm đến mười. Đoạn, bà cho nước vào ấm rồi đặt ấm lên bếp ga.

Không hiểu sao cánh cửa sang lối đi phụ lại để ngỏ. Cũng không biết ai quên tắt đèn ở cầu thang xuống tầng hầm. Ánh sáng lờ mờ chiếu lên cánh cửa bị lão Wilhelm xây bịt từ ba mươi lăm năm nay, làm lộ rõ hình thù mấy hòn gạch... Bà Charlotte nhanh tay tắt đèn tầng hầm và đóng chặt cánh cửa dẫn sang lối đi phụ ngày xưa ấy.

Khi nào lão ra khỏi nhà này, bà lại suy tính, bà sẽ cho mở cánh cửa ra. Rõ toàn chuyện ngớ ngẩn! Đến chuông gọi người hầu lão cũng cho tháo ra, ngay từ dạo đầu ấy, bởi cái đó trái với danh dự người vô sản! Thế nhưng bà phải ngoạc cổ ra mà gọi con bé Lisbeth đang quẩn quanh đâu đó

trong nhà thì được. Như thế thì không phạm đến danh dự vô sản. Bà cũng đã tám sáu rồi, chứ ít gì. Chuyện này không đáng kể chứ gì? Bà cũng sáu mươi hai năm tuổi đảng rồi! Bà chỉ từng bốn năm học nghề nội trợ mà vẫn thành Viện trưởng. Chuyện vặt ư? Chỉ có danh dự vô sản của lão Wilhelm mới đáng kể ư?

Bà ngồi xuống chiếc ghế đẩu, ngả đầu dựa vào bức tường sau lưng. Ấm nước bắt đầu reo reo.

Bỗng dưng bà cảm thấy người lả đi.

Bà nhắm mắt lại. Nước trong ấm bắt đầu lục bục... chỉ lát nữa thôi sẽ có tiếng rít chen vào. Bà quen lắm, biết rõ lắm, cái thứ tự các tiếng động phát ra từ ấm nước sôi ấy. Hàng trăm, hàng nghìn lần rồi, bà đã phải ngồi cạnh ấm nước, đã phải nghe tiếng phì phào của nước sôi và, chỉ cần một tiếng còi réo lên từ cái ấm thôi, mẹ bà khắc bợp vào gáy bà: phải dè sẻn tiền khí đốt, để anh trai bà học đại học. Vì thế mà bà phải ngồi canh nồi nước. Thật buồn cười ở chỗ, bây giờ bà đã tám sáu, anh bà đã chết từ lâu, mà bà vẫn ngồi đây canh ấm nước sôi... Tại sao nhỉ, bà tự hỏi, trong lúc tiếng rít chuyển dần thành tiếng reo đều đều, tại sao cứ phải là *bà* ngồi canh ấm nước sôi... trong khi người khác được đi học đại học... trong khi người khác được tặng Huân chương Tổ quốc ghi công...

Tiếng reo tắt, chuyển thành tiếng phì phì đùng đục. Bà Charlotte đứng dậy, tắt bếp ga, đúng vào giây phút ấm nước phụt hơi, phát thành tiếng còi. Như cái máy, bà pha trà buổi tối cho lão Wilhelm, lôi lọ thuốc nữ lang bà cất trong tủ đựng đồ tẩy rửa dưới bồn nước ra. Bà cho một thìa thuốc an thần vào trà lão Wilhelm, đút lọ nữ lang vào túi quần... rồi chợt sững người. Bỗng dưng, tay bà nắm hai lọ thuốc con con, sờ vào cảm giác y như nhau, lọ nào cũng như lọ nào...

Một ý nghĩ đến ngộ. Bà Charlotte lấy lọ nữ lang ra khỏi túi quần, đặt trở lại vào tủ và quay ra với công việc dọn dẹp trong nhà.

Lisbeth vẫn lầm cầm dưới gầm bàn.

- Ra cô vẫn rúc mãi dưới gầm bàn thế kia hả, bà Charlotte nói.

Cái mông Lisbeth chậm rãi nhích dần dần từ dưới gầm bàn ra. Chị ta kéo theo sau một cái thùng đựng mảnh thủy tinh vỡ cùng một lô hộp nhựa đựng số thức ăn đổ còn dùng được ra ngoài.

- Bác có mang cho cháu thêm vài hộp nhựa nào không? chị ta hỏi, trên tay còn cầm mẩu xúc xích con con.

- Ôi giời, hộp với hiếc gì, bà Charlotte gạt đi. Cho hết vào thùng rác cho tôi.

- Không vứt vào thùng rác được, Lisbeth nói rồi cắn một miếng xúc xích nhai.

Bà Charlotte nhìn khuôn mặt đang nhai của Lisbeth. Hàm dưới chị ta đung đưa sang hai phía, nghiền qua nghiền lại, như loài thú nhai lại... Bà Charlotte nhìn hàm dưới của Lisbeth động đậy một lúc, rồi bà giật mẩu xúc xích khỏi tay Lisbeth, vứt vào đống thức ăn buffet đổ ngổn ngang còn nằm kia. Đoạn, bà vớ một hộp nhựa đựng thức ăn Lisbeth nãy giờ gom lại, vứt nốt vào đấy.

- Bác làm gì thế, Lisbeth kêu thất thanh rồi đưa tay che mấy hộp nhựa còn lại.

Bà Charlotte nắm thùng đựng mảnh thủy tinh, dốc hết cả vào đống kia.

- Bà làm cái gì thế! Bây giờ đến lượt giọng lão Wilhelm vang lên.

- Ông đừng dính vào đây, bà Charlotte nói. Hôm nay, ông làm hỏng các thứ như thế là đủ rồi.

- Sao lại là tôi, lão Wilhelm đáp trả. Lão Zenk đấy chứ.

- À ra thế, lão Zenk đấy chứ! Bà Charlotte cười phá lên vì giận dữ. Bây giờ ông đổ cho lão Zenk! Tôi đã bảo ông, ông đừng đụng vào cái bàn ấy của tôi!

- Vâng ạ, vâng ạ, lão Wilhelm mỉa mai. Thằng Alexander khắc làm chứ gì. Vậy nó đâu, thằng Alexander của bà đâu?

- Alexander bị ốm.

- Rặt bá láp, lão Wilhelm nói. Nó là kẻ không đáng tin cậy về chính trị.

- Ông đừng có nói vớ nói vẩn như thế, bà Charlotte dằn giọng.

- Không đáng tin cậy về mặt chính trị, lão Wilhelm nhắc lại. Cả nhà bà như thế! Bọn nhãi ranh mới ngoi lên! Tuyền một lũ thất bại chủ nghĩa!

- Thôi đủ rồi đấy, bà Charlotte kêu lên. Nhưng lão Wilhelm không đừng được nữa.

- Kia thôi! lão cười phá lên, chỉ vào miếng nhãn bằng giấy dán trên áo khoác len của bà. Tôi đã bảo mà, lão quạc mồm. Giờ mụ còn quảng cáo

cho tên phản bội nữa chứ! Lão bỗng sủa rống lên. Ngửa cổ, sủa lên trần nhà: Chov, chov-chov, và, đúng lúc bà Charlotte cầm chắc lão già đã hóa điên, lão dừng sủa, nhìn bà bằng đôi mắt hoàn toàn tỉnh táo rồi chậm rãi nói:

- Họ biết rõ, tại sao.

- Tại sao *cái gì* nào? bà Charlotte ngơ ngác.

- Tại sao họ phải tống giam bọn người như thế, lão Wilhelm thủng thẳng đáp và, dừng một lát, lão nói thêm: bọn người như mấy thằng con bà.

Bà Charlotte hít một hơi thở sâu. Nhưng, bà chợt không thở ra được nữa... Bà trân trân nhìn lão Wilhelm... Sọ lão bóng nhẫy, đôi mắt sáng trên gương mặt rám nắng hè... Bộ ria mép - từ xưa đến giờ, ria lão lúc nào cũng mỏng thế này sao? - nhảy tưng tưng trên môi trên, bộ ria mép con con, chả to hơn con sâu róm là mấy. Tưng tưng, ngọ nguậy, ngo ngoe trước mắt bà... Rồi lão biến đi đâu mất. Chỉ những lời lão, nói cho đúng, là những lời sau cùng lão nói, vẫn còn treo lơ lửng đâu đó.

Hay, nói cho đúng hơn nữa, đôi ba lời *sau rốt*.

- Vậy cháu phải làm gì bây giờ chứ, giọng Lisbeth hoang mang. Cháu lại phải dọn đống của nợ này à?

- Cô xéo về nhà cô cho tôi, bà Charlotte nói.

Lisbeth có vẻ không hiểu ý bà. Bà Charlotte thử nói to lần nữa:

- Tôi bảo, cô xéo về nhà ngay.

- Kìa, bác Lotti, sao lại thế, cháu không...

- Tôi đuổi việc cô. Tôi cho cô ba phút để ra khỏi nhà tôi.

- Kìa, bác Lotti...

- Tôi không Lotti, Lotti gì với cô nữa cả, bà Charlotte nói to. Nếu không tôi gọi cảnh sát đấy.

Bà bước ra hành lang, ngồi phịch xuống chiếc ghế bà vẫn ngồi thay giày, chờ cho Lisbeth biến đi hẳn.

Bà chờ thêm một lát cho đôi tay hết run.

Rồi bà vào bếp, khóa cửa lại, dỏng tai nghe.

Tiếng bà thở đều đều.

Bà rót trà cho ông Wilhelm vào tách, lôi lọ thuốc trong túi quần ra. Cho hai thìa canh thuốc vào trà. Leo mười tám bậc thang lên hành lang tầng trên và đặt tách trà lên chiếc bàn kê cạnh giường ngủ cho lão Wilhelm.

Đoạn, bà vào buồng tắm, đánh răng.

Bà leo tiếp hai mươi sáu bậc thang nữa lên phòng tháp. Bà cởi bỏ xiêm áo, xếp lần lượt từng cái đặt lên ghế. Bà gỡ tấm nhân dán trên áo len, xé vụn nó ra, vứt vào thùng giấy.

Đôi tất, bà nhét vào giày.

Bà chui người vào chiếc áo ngủ may bằng vải bông rồi lên giường nằm. Bà đọc cuốn *Oliver Twist* của Charles Dickens một lúc. Quyển này, bốn chục năm về trước, bà đã đọc một lần, nhưng gần đây, bà Charlotte thích đọc lại những sách hồi xưa bà từng yêu chuộng, đặc biệt nhất là

những quyển bà từng đọc và thích, nhưng đã quên hẳn, khiến bà thực sự hồi hộp thưởng thức.

Đến lúc Oliver Twist bị thương nằm bất tỉnh dưới hố sâu, bà gập sách lại, để dành đoạn kết đến sáng sớm mai đọc tiếp.

Bà tắt đèn. Trời đêm không một bóng mây. Trên trời lơ lửng vệt trăng lưỡi liềm mảnh mai. Gương mặt đang nhai của Lisbeth lại hiện ra trước mắt bà. Bà nhớ cô hầu gái của bà hồi xưa trên đất Mexico, một con người dịu dàng, lặng lẽ, bao giờ cũng chỉ gọi bà, tất nhiên thế, bằng *Señora*. Bà nhớ mãi không ra tên cô ta là gì. Nhưng căng óc mãi rồi bà cũng nhớ ra cô ấy tên Gloria! Không rõ hiện giờ cô ấy ra sao? Gloria. Chả biết có còn sống không?

Bà nằm, mở mắt thao láo nhớ đến Gloria. Cùng cái sân thượng. Và trăng lưỡi liềm ở xứ Mexico, nằm hơi ngả sang một bên... Trông giống chiếc thuyền thì đúng hơn là lưỡi liềm, bà nghĩ bụng. Rồi, bà nhớ đến ông Adrian.

Dĩ nhiên bà biết, đây chỉ là một giấc mơ mà thôi. Song, bà vẫn thử bắt chuyện với ông ấy. Thử thuyết phục ông ấy, mặc dù bà cũng biết ngay, đây cũng chỉ là một phần của giấc mơ mà thôi, giấc mơ bà đã mơ từ ngày theo tàu vượt biển về đây. Ông Adrian chăm chú nhìn bà. Trên mặt ông là những đốm sáng long lanh, như thể ánh sáng hắt lên từ mặt nước đang chuyển động. Trông ông đẹp, nhưng cũng hơi ma quái thế nào đó. Song bà vẫn nối gót ông. Hai người chui xuống khoang máy tàu thủy, đi xuyên qua một trận đồ bát quái gồm toàn lối đi hẹp lẫn cầu thang. Thời gian kéo dài vô tận, và càng lâu, bà càng thấy bí hiểm. Bà hớt hải chạy theo ông, và mặc dù ông đi rất thong thả, bà vẫn phải khó nhọc lắm mới kịp. Loáng một cái, ông Adrian đã lại vượt lên trước. Bà thấy ông rẽ vào một lối đi hẹp. Đúng

hơn là lúc nào ông ấy cũng rẽ vào lối đi ấy. Còn bà cứ bám riết lấy ông, mặc dù cánh cửa cuối lối đi đã bị xây bịt kín.

Bà đinh ninh như thế. Song bà cũng không biết, có phải bà chỉ đinh ninh như thế trong mơ không. Có phải bà luôn đinh ninh như thế mỗi lần mơ, hay chỉ một lần này như thế. Hay lần nào bà cũng đinh ninh rằng, chỉ lần này bà mới đinh ninh như vậy.

Cánh cửa mở ra, bà Charlotte bước qua. Giờ ông Adrian lại hiện ra, miệng mỉm cười. Ông dịu dàng chạm tay vào người bà, xoay người bà ra sau, và bà Charlotte cảm thấy tóc gáy mình dựng đứng. Nữ thần Coatlicue, vị nữ thần Sinh Tử. Nữ thần Coatlicue với khuôn mặt đôi đầu rắn. Cổ đeo sợi dây chuyền kết bằng những trái tim moi ra từ lồng ngực.

Một trái tim trong số ấy, treo chỗ kia kìa, bà biết, là của Werner.

NĂM 2001

Anh nằm trên võng, đung đưa nhè nhẹ bằng cách chốc chốc chống ngón tay vào lan can sân thượng đẩy võng ra. Giọng miền Nam Đức từ chiếc bàn lớn, nãy giờ vẫn rời rạc vọng sang, đã lặng hẳn. Cả tiếng hò reo, tiếng cười nói thỉnh thoảng từ trong làng lọt ra đây, lẫn tiếng động cơ xe hơi, cả tiếng đài phát thanh nghe có vẻ ma quái văng vẳng lúc xa lúc gần không rõ từ đâu đến, lẫn tiếng xôn xao vang từ căn bếp nhà khách, cũng im nốt. Đến cả mấy tàu lá cọ cũng thôi không sột soạt nữa. Trong giây lát, giữa cơn nóng cực điểm của buổi chiều mùa hạ này, trời đất dường như trở nên bất động.

Duy chỉ tiếng kẽo kẹt đều đều của dây thừng căng võng còn dư lại. Và tiếng rì rầm xa xôi, vô tình của biển cả mà thôi.

Một sự trống trải đến bao la. Một trạng thái bất động nguyên sơ.

Về sau, sau khi anh đã thức dậy từ giấc ngủ mơ màng, sau khi anh uể oải vươn người thoát được sức hút nhẹ nhàng mà khó cưỡng, chỉ muốn đè chặt anh xuống võng ấy, sau khi anh đã đi lấy ly cà phê và, lúc đi ngang, ngẩng đầu chào hai khách du lịch đeo ba-lô vừa mới đến, cũng y hệt như anh lúc đầu, đang đứng trên sân thượng ngẩn người say ngắm phong cảnh bày trước mặt - về sau, anh sẽ ngày nào cũng như ngày nào, ngồi xuống chiếc ghế băng sau bức tường quét vôi màu theo kiểu Frida Kahlo, từ chỗ

có thể nhìn xuống những mái lều lượn sóng của đám nhân viên nhà trọ Eva & Tom này - để giở báo ra đọc.

Bao giờ cũng độc một tờ báo ấy. Bao giờ cũng tờ báo in hình chiếc máy bay đâm vào một cao ốc. Anh chậm rãi đọc, đọc đi đọc lại một bài báo, cho đến khi anh hiểu được đôi phần nội dung.

Anh không hiểu được hết.

Anh hiểu Tổng thống Hoa Kỳ tuyên bố loài người đang bước vào trận sống mái chống lại cái ác. Và, nước Mỹ là ngọn hải đăng sáng nhất của tự do.

Anh hiểu, một phần dân chúng Mỹ La-tinh còn bị đói, một phần phải sinh sống bằng nghề bới rác.

Anh hiểu việc chuẩn bị đưa đồng euro vào sử dụng đang ở giai đoạn gấp rút và thị trường chứng khoán trên thế giới đang chịu thiệt hại nặng nề.

Điều anh không thể hiểu là, vì sao thị trường chứng khoán bị thiệt hại nặng nề? Giá trị, ví dụ của cổ phiếu bưu điện chẳng hạn, liên quan thế nào đến việc hai ngôi nhà chọc trời ở Mỹ bị sập? Từ giờ trở đi người ta sẽ ít chuyển thư gửi từ cho nhau hay sao?

Điều nữa anh không hiểu, và cũng sẽ không thể hiểu - dù cho chiều nay anh có đọc bài báo viết về sự nghèo đói của châu Mỹ La-tinh đến ba bốn lần đi nữa, hay, ít nhất là những gì anh hiểu được cũng sẽ khó tin đến mức khiến anh phải nghi ngờ, không biết anh hiểu có đúng hay không, rằng trên các núi rác khổng lồ tại các thủ phủ ở châu Mỹ La-tinh, đã hình thành

một giống người lùn tịt. Dường như giống người này dễ thích nghi hơn với điều kiện quanh các núi rác để có thể sinh sống ở đó vậy.

Đọc báo xong, anh sẽ lần nữa ra bãi biển, sẽ ngồi xuống ngắm mặt trời lặn, trên chiếc ghế nằm bằng gỗ, có cắm cái ô màu xanh da trời mà ngay ngày đầu, anh đã tốn bộn tiền thuê (để sau đó cứ mặc nó nằm chỏng chơ trên cát).

Cảnh mặt trời lặn cũng sẽ như mọi khi. Anh đã nhận rõ một điều: Ở Thái Bình Dương, mặt trời lặn ở đâu cũng như đâu, to tướng, đỏ chói và dửng dưng, một kiểu dửng dưng anh chưa biết sẽ an ủi hay gây bất an.

Marion yêu quý. Gần đây, anh hay nhớ đến em. Thường là do những nguyên cớ rất chi nhỏ nhặt và đôi khi, anh thú thật, hết sức khó hiểu. Bảo rằng anh nhớ đến em khi mặt trời lặn thì anh còn hiểu được. Song tại sao anh lại nghĩ đến em khi nhìn chiếc ô che nắng màu xanh da trời, mặc dù em nào có thích màu xanh da trời đâu? Tại sao anh lại nhớ em khi thấy một bầy chim đậu trên đường dây điện cùng cất cánh bay vù đi? Tại sao anh lại mong nhớ em mỗi khi tay anh đặt lên mặt cát âm ấm này?

Lúc mặt trời đã lặn xuống biển đến mức không sao vớt lên được nữa, thì anh sẽ là khách hàng duy nhất còn ngồi ăn cá bên chiếc bàn nhựa trắng của quán Al Mar. Anh sẽ uống một ly vang trắng. Anh sẽ nhìn theo thứ ánh sáng long lanh như ngọc trai phản chiếu từ phía chân trời, thứ ánh sáng gần giống hệt như màu ở mặt trong chiếc vỏ ốc to, có lắp bóng đèn, của bà nội Charlotte anh.

Anh sẽ lấy làm ngạc nhiên, vì sao trăng lưỡi liềm lại treo nghiêng như thế. Anh sẽ lại thử định vị các chòm sao nằm kế bên (song, thường

chẳng mấy khi định vị nổi).

Khi trời tối hẳn, anh sẽ thong thả leo bậc thang lên nhà trọ Eva & Tom, nơi nhóm người, như mọi khi, vẫn đang ngồi quanh chiếc bàn kê ngoài hiên ồn ào trò chuyện bằng giọng miền Nam Đức. Đấy toàn là người quen của Eva, bà *squaw* chủ nhà trọ, hằng năm, cữ này, vẫn tụ tập ở đây. Một người đàn ông tóc hoa râm, miệng hút thuốc liên hồi, hết điếu này châm điếu khác và mặc chiếc sơ-mi hoa hòe hoa sói rộng thùng thình, một gã trẻ hơn chút ít, đầu hói, ngủ chung phòng với ông hút thuốc không ngừng kia, một người đàn bà sún răng, mặc áo in hoa thủ công, thêm một tay đàn ông nữa mà Alexander mệnh danh là Mũ rơm, bởi hắn suốt ngày đội một chiếc mũ rơm đã tả tơi, rất hợp bộ quần áo vải lanh, vốn dĩ màu trắng, đã nhàu nát của hắn, và sau rốt là một tay thành viên băng đảng mô-tô, tai xuyên một lô khuyên lủng lẳng.

Tay chơi mô-tô (về sau lộ diện là trưởng phòng nhân sự một nhà thương thành thị cỡ lớn ở Đức) đã kể Alexander nghe rằng họ, trừ gã hói đầu, quen nhau ở đây từ những năm bảy mươi và Eva cùng với Tom đóng chốt lại chốn này, rồi từng bước từng bước dần dà dựng lên cái nhà khách đây, từ một nhà trọ ám mùi cần sa cho đủ hạng người. Và, trước khi tay mô-tô nói anh biết Tom đã mất từ lâu, thì Alexander cứ đinh ninh gã Mũ rơm chính là Tom vậy, có thể vì hắn luôn to mồm tính chuyện sửa cái này, chữa cái kia, xây chỗ này, phá chỗ nọ, đồng thời không ngớt ca cẩm về tính khí không đáng tin cậy lẫn thói ù lì của dân Mexico.

- Chỉ thằng Mexico nào chết rồi mới là thằng Mexico ra hồn thôi, hắn sẽ nói, lúc Alexander tối nay từ cầu thang bước lên sân thượng. Và, gã đàn ông mặc áo rộng thùng thình, hoa hòe hoa sói nọ sẽ lại cười khúc khích, như người ta thường vẫn khúc khích khi nghe một chuyện tiếu lâm

quen thuộc và có thể tự kể vậy. Cái bụng dưới vạt áo rộng in đầy hoa kia sẽ nhún nhảy lên xuống theo nhịp gã cười.

Tệ nhất - tệ nhất ư? - là đêm đêm, những lúc anh nằm trong màn tránh muỗi và nghe tiếng chuyện trò của đám hippie quá lứa đang ngồi ôn chuyện cũ ngoài kia lọt qua vách ngân khốn khổ của túp lều anh thuê đây, thì anh chỉ nghĩ đến em. Không rõ vì sao lại đúng vào lúc đó? Vì anh cảm thấy bị lẻ loi ư? Vì anh có cảm giác không cùng cánh với họ ư? Nhưng cả đời anh, lúc nào anh chả cảm thấy không thuộc cánh nào cả. Mặc dù cả đời anh, anh cũng muốn nhập cánh với ai đó lắm chứ, nhưng cả đời anh, anh chưa bao giờ tìm ra bầy đoàn cho anh có thể nhập cuộc. Có phải như vậy là bệnh hoạn không? Có phải cơ thể anh thiếu một gien nào đó không? Hay cái đó dính dáng thế nào đó đến tiểu sử của anh? Tiểu sử gia đình anh? Nếu anh phải nói thật thì, đúng là chẳng có gì lôi kéo anh, đang nằm trong màn đây, ra ngoài kia, đến ngồi cùng bàn với họ. Thế nhưng, nghe họ cười nói với nhau, anh vẫn thấy trong lòng cồn cào niềm thương nhớ.

Anh sẽ giũ chăn nệm, theo lời bà *squaw* dặn. Trong lúc làm anh sẽ nhớ đến con bọ cạp anh bắt gặp trên sân thượng cách đây mấy hôm. Bọ cạp vùng này cắn không chết người, nhưng to phải bằng lòng bàn tay chứ không ít, và đẹp đến mê hồn. Đứng trước sản phẩm mảnh mai ấy của tạo hóa, anh cảm thấy động lòng, đến mức anh không đủ sức đạp chết nó. Bà *squaw* thì, chẳng chút nể nang nào, đạp thẳng cánh bằng dép lê bà ta mang. Từ lần ấy, anh đoán vậy, bà ta khinh anh ra mặt.

Tối nay, anh sẽ còn phải nghe những tiếng nói kia rất lâu đây. Gã đàn ông mặc áo rộng, in hoa hòe hoa sói sẽ cười khùng khục trong bụng. Tay Mũ rơm sẽ không ngớt phàn nàn về tính cách không đáng tin cậy cũng như thói ù lì của dân Mexico. Và đến một lúc nào đó người đàn bà sún răng

sẽ lôi ghi-ta hát một bài của Joan Baez[112] và những người kia sẽ hát hòa theo, bằng một nhiệt tình chân thật, nhưng cũng dữ tợn làm sao.

Rồi, vào một lúc nào đó giữa đêm khuya, sẽ chỉ còn nghe thấy những cơn ho của gã đàn ông mặc áo hoa thỉnh thoảng nổi lên cùng tiếng dế kêu như tiếng còi, và Alexander sẽ nằm trong màn, lựa tiếp những lời viết gửi Marion:

Đôi lúc anh nghĩ, có lẽ anh chẳng được phép viết thư cho em. Anh nên cứ thế mà lẳng lặng biến khỏi đời em thì hơn. Giờ đến lúc anh phải tự mình hứng chịu những gì anh đã gây ra. Làm sao anh có thể vào lúc lâm bệnh thế này, chui vào giường cùng đắp một chăn với em được? Làm sao lúc này anh lại mong nhớ em được? Song, đúng là anh thương nhớ em thật. Và điều kỳ lạ là ở chỗ, cái đó không có gì là tệ cả. Không, đúng là tệ, nhưng cũng lại là niềm an ủi. An ủi ở chỗ, có em trên đời này. Niềm an ủi chính là được nhớ đến mái tóc đen dày của em. Được nhớ đến mùi thơm ở gáy em, mỗi khi anh nằm ôm lưng em. Hay được nhớ tiếng em rên khoan khoái lúc nửa tỉnh nửa mê.

Khoảng bảy rưỡi sáng anh sẽ trở dậy và đặt cô nhân viên người Mexico - người duy nhất giờ này đã loay hoay trong bếp - pha cho anh ly cà phê. Anh sẽ ngồi một lúc ngoài hiên, tay cầm tách cà phê còn nóng hổi để nhìn một ngày mới đang đến và lắng nghe hơi thở của chính mình phả ngược trở lại từ lòng tách cà phê.

Hay là nhớ đến tiếng sột soạt phát ra từ quần áo lót của em lúc em đứng sau cánh cửa tủ để thay. Hay nhớ đến miệng em mở ra thế nào khi hứng tình.

Một con chim ruồi sẽ đậu một lúc lâu giữa các bông hoa râm bụt trông giống như một con sâu to. Và trên cao, giữa bầu trời lúc ban mai, vài con chim đen đen trông như kền kền cứ lượn vòng, lượn vòng.

Hay nhớ đến cơ bắp của em (lúc đầu cứ làm anh phát ngượng). Hay nhớ đến bụng em. Hay đến lòng bàn tay, do công việc, mà hơi thô của em.

Rồi, trên cầu tàu khổng lồ, xây bằng bê-tông kia sẽ xuất hiện những người đi câu đầu tiên. Trong giây lát, Alexander sẽ tự hỏi, sao chẳng bao giờ thấy ai cập bến ở cầu tàu này. Anh sẽ nghĩ, như thể công trình này được xây chỉ cốt để cái làng nhỏ bé này được xứng với tên "Puerto", bến cảng, ghép vào mà thôi. Như thể ai đó tưởng có thể dùng cầu tàu này để mời chài tàu bè biển cả ghé vào cập bến vậy.

Hay đến đón em từ nơi em làm việc. Nhớ em trong bộ quần áo làm việc lẫn giữa những bụi cây xanh cao ngang đầu gối, nhớ em lấy mu bàn tay gạt mồ hôi trên trán ra sao.

Hay nhớ đến thói quen lê mề chậm chạp của em - anh đã nói với em chuyện đó chưa nhỉ?

Hay cái lối em nhăn mũi rồi nói "Hm".

Hay ánh tinh ranh vẫn hay bừng lên trong mắt em.

Hay gương mặt em - không biết có được nói thế không? - gương mặt em lúc khóc.

Chỉ thoáng một giây khắc thôi, anh sẽ thử tìm cách ghi lại những gì anh vừa nghĩ, phòng khi, đến lúc nào đó anh sẽ viết thư thật. Song, anh e,

không chừng chỉ cái việc lục tìm cây bút, phải, chỉ một việc nhỏ nhặt như thế thôi, cũng có thể làm anh mất hết cả hứng thú.

Đúng vậy, được nhớ đến em như thế là anh được an ủi và, đôi khi anh tự hỏi: Có lẽ, chỉ thế là đủ? Một mặt anh thấy đau xót rằng, khi xưa em gần sát bên anh thì anh lại cẩu thả, vô ý, trong mọi chuyện. Mặt khác, chính lúc này anh hiểu ra một điều thật lạ lùng, rằng con người ta không nhất thiết phải sở hữu cái gì mình yêu quý. Một mặt anh khao khát được về bên em để trao cho em tất cả những gì đáng ra đã phải trao cho em từ trước. Mặt khác anh e rằng, sau khi y học đã chẩn đoán như thế cho anh, anh sẽ chỉ biết đón nhận tình yêu của em mà thôi. Một mặt, anh muốn viết tất cả những ý nghĩ này gửi em. Mặt khác anh lại lo ngại em sẽ tiếp nhận những lời ấy như một kiểu lời cầu hôn - Mà cũng đúng là lời cầu hôn thật, em ơi.

Uống xong tách cà phê, anh sẽ xỏ giày thể thao chạy một vòng vài cây số. Anh mua đôi giày chạy này ở Pochutla. Mới đầu anh chỉ định đi dạo. Như ông Kurt, bố anh vậy. Anh bật cười khi bắt gặp mình đang nghĩ, người ta có thể sẽ mở được cho anh, như trường hợp ông bố, nếu anh bắt chước lối sống của ông. Thế nhưng, chẳng mấy chốc anh phát hiện ra vùng này không đi dạo được. Vùng đất sâu trong đất liền, anh thấy lúc ngồi trong taxi, trông chẳng mấy hấp dẫn. Chỉ bãi cát ven biển là có vẻ mời gọi người ta di dạo, nhưng lại bị các vách đá không thể vượt qua chia thành nhiều vịnh nhỏ. Phải theo đường cái mới từ vịnh này sang vịnh khác được. Mà con đường trông đến là nhàm chán. Thì chạy vậy.

Hôm nay, cũng như mọi khi, anh sẽ chạy đều đều về hướng Bắc, theo con đường lát nhựa, hẹp và uốn khúc, anh sẽ chạy lên dốc thật thong

thả, sao cho nhịp tim đập không quá nhanh, vừa ở mức anh có cảm giác có thể chạy mãi, chạy không bao giờ dừng lại nữa.

Thỉnh thoảng sẽ có vài chiếc xe hơi chạy qua. Khách ngồi trong taxi sẽ ngoái đầu nhìn anh. Khách bộ hành ở đây rất hiếm, cho nên, lúc nhìn thấy hai người đàn ông đi ngược về phía mình, anh sẽ lại bất giác tự hỏi, nếu họ muốn trấn lột anh, thì anh làm thế nào có thể giải thích họ hiểu rằng anh chỉ mang theo người độc hai chục peso mà thôi.

Hóa ra, đấy là hai người đàn ông ở độ tuổi trung niên, vạm vỡ, da ngăm ngăm đen, trông y hệt số công nhân cách đây mấy hôm tụ tập trước cơ quan hành chính của Puerto Ángel phản đối tình trạng nước uống quá tồi tệ ở địa phương đây. Hai người sẽ lặng lẽ nhưng vui vẻ chào anh, theo kiểu chỉ đàn ông với đàn ông mới chào thôi và Alexander, đến anh cũng chẳng biết tại sao, chỉ vì thế mà cảm động đến rớm nước mắt.

Rồi thị trấn Zipolite hiện ra trước mặt. Ông chủ quán sách báo và đồ uống giải khát sẽ từ xa vẫy vẫy tay hơi quá nhiệt thành (và thật ra, cũng hoàn toàn vô cớ) ra hiệu đã để sẵn nước cho anh. Bởi dần dà Alexander cũng thành thói quen, lúc về mới mua nước uống, để khỏi đeo thêm chai nước nửa lít chạy hết cả quãng đường. Thế nhưng, nay chưa phải lúc quay về, nên chưa đến chỗ quán báo, anh đã rẽ trái, hướng ra biển.

Thêm vài trăm thước anh sẽ đến vịnh Zipolite. Đây là vịnh dân hippie, trải dài chừng hai cây số, và trái ngược với cái vịnh nhỏ hơn ở Puerto Ángel kia còn có cả dân bản xứ xuống tắm, ở đây tuyền đám du khách trẻ nước ngoài. Giá trông họ không ít nhiều hơi trau chuốt quá, hơi sang trọng quá, thì với những kiểu tóc tai, trang phục, dây chuyền đủ loại lủng lẳng như thế kia, cũng có thể tưởng họ là dân hippie thật.

Vào giờ này, đám du khách ai nấy đều vẫn còn nằm trên võng cả. Chả là họ ngủ hết ngoài bãi tắm, dưới những mái chòi lợp lá cọ, gọi là *palapa,* mà các quán bar hay khách sạn nhan nhản bên bãi tắm kia cho thuê - anh đoán thế - với giá rẻ rề. Tuy nhiên, một gã trông hơi đẫy đà và sang trọng, mắt xanh và tóc nhợt màu vì nắng, sẽ đột nhiên chạy nhập hội với anh, và Alexander, mặc dù chẳng có dụng ý gì xấu, sẽ vô tình dấn bước thêm một chút.

- *Hi,* gã đẫy đà sẽ hỏi. *Where're you just coming from?* (Anh vừa ở đâu đến thế?)

- Puerto Ángel, Alexander sẽ đáp và gã đẫy đà sẽ nói:

- Wow, great! *Ghê nhỉ.*

Mới được vài trăm thước gã đẫy đà nọ bắt đầu thở hồng hộc. Rồi, chưa chạy hết vịnh, gã đã đầu hàng, chịu bỏ cuộc.

- *Wow, great,* gã nhắc lại và đưa tay lên chào, còn Alexander, như thể được chắp cánh nhờ chiến thắng knockout ngon ơ và bất ngờ đó, sẽ quyết định chạy tiếp đến Mazunte.

Anh đã có lần đến Mazunte, bằng xe taxi đón người dọc đường. Anh từng thăm bảo tàng các giống rùa ở đây. Anh nào có để ý đến rùa riếc gì đâu, song tay chơi mô-tô cứ nằng nặc bảo anh nên xem bảo tàng ấy, đến mức anh mà không đi, hẳn hắn ta sẽ phật ý. Trước đây, hắn ta kể anh nghe, nghe đâu có một nhà máy chuyên bắt giống rùa nước vốn vẫn hằng năm đúng hẹn lại về bãi biển Mazunte đẻ trứng - chúng chỉ kéo nhau về độc một nơi này mà thôi - rồi làm thịt chúng một cách hết sức dã man để nấu xúp đóng hộp. Đến nay, nạn giết hại rùa vô tội vạ rồi cũng bị cấm và người ta

chuyển sang lo chuyện nuôi dưỡng và bảo vệ giống bò sát này. Alexander quả nhiên đã bỏ cả tiếng đồng hồ xem xét chu kỳ sinh nở của giống rùa nước, ngắm nhìn một lô rùa to nhỏ trong các bể nước và rất lấy làm cảm động trước cảnh những người nuôi rùa chăm sóc rùa cẩn thận ra sao. Họ chữa cho chúng khỏi bệnh rồi lại thả xuống biển, thậm chí còn gom nhặt số trứng rùa mẹ vùi không kỹ xuống cát đem về trạm, ấp cho nở ra. Anh quyết định xếp địa danh này vào một số nhỏ nhoi những thí dụ cho thấy nhân loại đang tốt dần lên, đối lại với vô vàn những thí dụ cho thấy điều ngược lại.

Lúc anh chạy vào thị trấn Mazunte, mặt trời sẽ lơ lửng chừng gang tay tính từ chân trời. Nhà cửa ở Mazunte sẽ tối lại, hắt bóng sắc gọn xuống mặt đường và, lúc Alexander chạy qua bãi cát rộng, xuyên qua đế giày, bàn chân anh sẽ cảm thấy cả hơi nóng của lớp cát bọn rùa biển vẫn đến vùi trứng. Vịnh Mazunte rộng hơn vịnh Zipolite, rộng hơn, hoang dã, vắng vẻ hơn. Biển ở đây, người ta bảo anh thế, nguy hiểm hơn. Và bầu trời dường như cũng rộng hơn, nếu đấy không phải là ảo giác do liều endorphin[113] cơ thể anh sinh ra, sau chừng mười cây số liên tục chạy. Gương mặt anh sẽ nở một nụ cười. Đôi chân anh cứ thế mà tự chạy, đôi bàn chân cứ thế mà tự đạp lên dải cát cứng, rất hẹp, chạy giữa mặt cát quá ướt với mặt cát quá khô, giữa nước biển và đất cát. Biển cả sẽ bập bùng theo chân anh, sẽ làm anh say sưa. Anh sẽ reo hò, tuy không thành tiếng, nhưng thật to trong cơn say sưa ấy. Anh sẽ nhẹ nhàng, với những bước chân đều đều, vòng qua những đợt sóng liếm lên mặt cát. Anh sẽ như bị mê hoặc bởi những cử động chính xác của chính mình. Anh sẽ có cảm giác anh không điều khiển mà chính cơ thể anh chủ động giữ vai điều khiển, như thể nó dần dần tách ra khỏi sự điều khiển của chính anh và, ngay trong giây khắc đó, giây khắc chơi vơi đó, một ý nghĩ sẽ len vào nhận thức của anh rằng, tất tật, sự tồn tại nói chung, đã tan biến hoàn toàn và không hoàn lại. Rồi, ý nghĩ đó lóe

lên với sức mạnh dữ dội, đến mức anh phải khó nhọc lắm mới không mất đà ngã gục.

Hôm nay, khi quay về đến Puerto Ángel, thì anh đã chạy được hai mươi bốn cây. Anh sẽ lên cầu thang với cảm giác căng căng thường thấy ở gân gót chân, anh sẽ thấy đau đau ở bắp chân sau và nhưng nhức ở các khớp xương do bị dội lên dội xuống hàng trăm, hàng nghìn lần. Anh sẽ kiên nhẫn tập các động tác dãn gân dãn cốt bên bức tường dựng gần phòng anh ở, anh sẽ gập người lên xuống cho thẳng lưng đến lúc xương sống khoan khoái kêu răng rắc, và sẽ không khó nhọc lắm để xua đi niềm hy vọng lại chợt lóe lên rằng lời người ta chẩn đoán bệnh tình của anh là sai. Với chai nước uống trong tay và chiếc áo ngắn tay ướt đẫm mồ hôi trên người, anh sẽ ngồi dựa vào hàng lan can rộng xây bằng đá quanh sân thượng và tận hưởng một lúc lâu cái cảm giác dễ chịu do mấy cột chống lan can rắn chắc áp vào lưng mình.

Hai người khách du lịch ba-lô hôm qua vừa đến, sẽ từ phòng họ đi ra. Hai con người trẻ tuổi và vui vẻ, vừa tốt nghiệp trung học. Nàng con gái xinh đẹp không thể chê vào đâu và một chàng thanh niên cao lênh khênh, hơi gầy. Họ sẽ đi ra khỏi phòng và hỏi Alexander, anh có biết có chỗ nào cho thuê ống thở để lặn hay không.

Alexander không biết chỗ nào để mách cho họ.

Hai người sẽ vội nói thôi thôi, không sao, không sao. Họ sẽ hỏi trong làng xem có ai biết không.

Lúc rời đi, họ sẽ vẫy tay chào anh như chào người quen cũ và Alexander sẽ vẫy tay đáp lại. Anh sẽ nhìn theo họ, thấy họ lững thững theo lối đi rồi rẽ xuống cầu thang, rồi dừng lại ở bậc trên cùng, nói với nhau chuyện gì mà Alexander không nghe được. Nàng con gái xinh đẹp sẽ hơi cau trán. Chàng thanh niên sẽ đưa tay nắm lấy tay nàng. Hai bả vai chàng trai sẽ hằn qua chiếc áo cộc tay màu đất như đôi cánh cụp lại.

Rồi Alexander sẽ đi tắm. Anh sẽ đứng chống hai tay lên tường, để dòng nước ấm chảy lên lưng, rồi xuống hai chân mình rất lâu, lâu đến khi nào bình đun nước tắm cạn hết nước mới thôi.

Đoạn, anh lấy bàn cờ vua gập lại được của bố anh, cặp vào nách, và tuy trời nóng nực, anh vẫn hơi co ro, đi xuống bãi tắm. Anh sẽ ngồi xuống chiếc ghế nằm kê dưới cái ô màu xanh da trời và, trước khi bắt tay vào việc vẫn làm mỗi sáng, anh mua đôi thứ để ăn sáng của người đàn bà Mexico bán hàng rong ở bãi tắm đây.

Bao giờ anh cũng chỉ mua của chính người đàn bà ấy đúng từng ấy thứ mà thôi, tức là một bát nhựa đầy hoa quả gọt sẵn và ba chiếc bánh tortilla. Thế nhưng, người đàn bà, sau khi chờ một lúc cho phải đạo, sẽ xuất hiện bên cạnh chỗ anh ngồi và bày số hàng hóa ít ỏi của bà ta ra trước mặt anh, và bao giờ cũng ngước nhìn anh bằng ánh mắt dò hỏi (chứ hoàn toàn không phải cầu xin). Sau khi anh đã chọn bát hoa quả và bánh bột ngô, bà sẽ lại tính nhẩm trong đầu và xướng một cái giá nghe mỗi ngày một khác. Alexander cho rằng sự khác biệt về giá cả ấy là do thành phần hoa quả trong bát nhựa mỗi hôm một kiểu (chẳng hạn, hôm nay có xoài, dứa và dưa hấu), nhưng thật ra điều đó chẳng có ý nghĩa gì, bởi tổng số tiền, cộng thêm ít tiền boa anh đưa cho bà ta, rốt cuộc ngày nào cũng như ngày nào. Alexander đoán, có lẽ bà ta làm thế chỉ cốt để anh - hay chính bà ta - hiểu

rằng, đây là cuộc mua bán giữa hai bạn hàng bình đẳng, mặc dù sự thật hoàn toàn không phải thế. Không có gì hiển nhiên hơn mối quan hệ bất bình đẳng giữa họ với nhau, một sự bất bình đẳng, theo như anh hiểu, không hề dựa trên cơ sở nào khác, ngoài vài tờ giấy bạc anh cuỗm được.

Bởi thế, hay có lẽ cũng còn vì cơn đói dấn dấn làm anh bồn chồn nữa, Alexander quyết định rút ngắn nghi lễ và toan dúi tiền vào tay bà kia. Nhưng lại thôi, chờ bà ta loay hoay chọn một trong ba bát đựng hoa quả và ba trong số sáu chiếc bánh tortilla đặt lên cái đĩa bằng bìa rồi ngẩn mặt cộng nhẩm tổng số tiền. Anh sẽ ngồi ngắm đôi tay đen đủi - nhưng lòng bàn tay lại hồng hồng son trẻ - của bà, ngắm gương mặt nhỏ nhắn, nghiêm nghị trùm dưới tấm khăn màu xanh lơ đùng đục. Rồi anh sẽ tự hỏi, không biết bà này bao tuổi. Năm mươi? Ba mươi? Tuổi thọ trung bình ở xứ Mexico này là bao nhiêu nhỉ? Hay câu hỏi đúng hơn phải là: Tuổi thọ trung bình của đàn bà thuộc tầng lớp dưới trong xã hội Mexico thực sự là bao nhiêu?

Mặc dù người anh do thiếu đường huyết bắt đầu run run, anh sẽ vẫn đợi cho người đàn bà chân giẫm lún xuống cát chầm chậm lùi ra xa. Rồi anh sẽ dùng nước uống rửa cẩn thận chỗ hoa quả lần nữa.

Anh sẽ làm một lúc hết sạch chỗ hoa quả. Anh sẽ ăn, người run lên vì tham, và lúc ngắm nghía mấy ngón tay bên bết, dính đường hoa quả đang giơ lên như thề thốt, anh không thể không nhớ đến ông Kurt, bố anh, lúc này chắc đang mò mẫm trong ngôi nhà dần dần mục rữa ở đâu đó phía bên kia địa cầu. Anh sẽ tự hỏi, không biết ông Kurt có nghĩ đến anh, đến Alexander này không, dù chỉ là lờ mờ, loáng thoáng mà thôi. Rồi sau đó, khi đã đánh sạch chỗ bánh tortilla, anh sẽ rửa ngón tay với ít cát và

nước rồi mở hộp cờ ra. Trong đấy anh lưu xấp giấy tháo từ cặp hồ sơ có mang dòng chữ GIẤY TỜ RIÊNG của ông Kurt.

Anh tìm thấy lại xấp giấy này khi lần đầu đánh cờ với tay chơi mô-tô. Lúc đầu anh tưởng, đây chỉ là thư cũ ông Kurt gửi bà Irina, mẹ anh. Song, thật ra xấp giấy gồm nhiều thứ. Một phần quả là thư thật, vài lá thư gửi mẹ cũng như thư mẹ gửi bố, hoặc thư bố gửi anh, gửi Alexander. Và, đúng kiểu ông, bao giờ ông cũng giữ một bản lưu, qua giấy than. Phần khác là các ghi chép bố anh luôn ghi - ở mặt sau các hóa đơn cũ hoặc giấy loại - bằng nét chữ gấy guộc quen thuộc. Ghi chép - để làm gì? Ghi những gì?

Thoạt đầu Alexander chỉ vội vã đọc thoáng qua và lộn xộn. Nét chữ bố anh, thoáng nhìn cứ tưởng cẩn thận, nhưng đúng ra rất khó đọc. Những trang giấy sin sít chữ làm anh ngán. Chúng đặc vẻ trang nghiêm, chúng sặc mùi bố anh. Anh có cảm tưởng, từ những dòng chữ ấy đang toát ra tất cả những đòi hỏi, những ý định thâu tóm, những ham muốn thống lĩnh mà, đối với anh, bố anh là hiện thân vậy.

Nhiều đoạn không thể hiểu được, dù anh có nhận rõ hết mặt chữ cũng vậy, như thể bố anh đã cố tình làm ra thế, để che đậy nội dung thực của những gì ông muốn ghi lại.

Một đoạn viết về cuộc họp chi bộ đảng. Về vụ "kết tội tay Rohde". Về một ủy viên Ban chấp hành trung ương khiến ông Kurt nhớ đến (anh đọc không ra tên ai). Về một chiếc xe Trabbi màu xanh da trời, cửa kính mờ do bám hơi nước, ông bắt gặp trong rừng.

Thỉnh thoảng có những đoạn viết bằng tiếng Nga, rất khó hiểu, lại viết tắt nhiều, khiến Alexander rất lâu mới vỡ lẽ đoạn này viết về cái gì.

Tức là về các cuộc tình ái. Sao bố lại ghi lại? Sao ghi bằng tiếng Nga?

Dễ đọc là đôi lời than phiền về bà nội Charlotte, vừa viết bài gì đó về tình hình phát triển kinh tế ở Mexico.

Chẳng có chút hiểu biết gì. Ngày gọi điện bảy tám lần. Để hỏi xem một triệu có mấy số không.

Ở mặt sau một số tờ thỉnh thoảng cũng đọc được chuyện kỳ lạ. Thư khiếu nại về hóa đơn khí đốt cao gấp trăm lần. Hoặc thư nói về tiền nhuận bút cho nhóm tác giả của một loại "chuyên luận nhiều tác giả" xuất bản tại Nhật Bản, trong đó phần ông Kurt được hưởng là bốn mươi bốn mác, một nửa trả bằng ngoại tệ nếu ông có tài khoản ngoại tệ, bằng không sẽ trả bằng séc Forum[114]. *Xin đồng chí trả lời gấp*. Thư do Viện trưởng và Viện phó ký.

Cũng có cả những ghi chép về anh, có điều những gì bố nhớ và ghi lại khác xa đến lạ lùng với những gì chính anh nhớ. Anh không hề nhớ mình đã *tự nguyện* mặc quân phục đi thăm ông Wilhelm bị ốm bao giờ. Anh cũng ngạc nhiên đọc bố anh nhận xét em Christina tóc vàng, *thông minh nhưng hơi cuồng tín*. Anh tự hỏi, không biết anh ở đâu lúc mẹ anh, khi nhác trông thấy con trai mặc quân phục liền *òa khóc,* vì, như bố anh viết đây, bà nhớ tới chuyện cấp trên từng có lần ra lệnh bà phải bắn phát đạn ban ơn cho một tên lính Đức bị thương. Bà đã từ chối, không tuân lệnh, bất chấp tội bất tuân thượng lệnh có thể bị xử tử hình. Mở ngoặc: *lấy vào phần mô tả nhân vật*.

Cái gì đây? Phác thảo tiểu thuyết ư? Là phần hai của hồi ký, về đoạn đời diễn ra ở CHDC Đức chăng?

Hôm nay, sau khi chạy đến Mazunte rồi quay về, Alexander sẽ lục được phần ghi chép về tháng Hai năm 1979. Dĩ nhiên anh còn nhớ mùa đông năm ấy. Song, mãi đến khi lần đọc ra được những dòng chữ kia, anh mới vỡ lẽ đây là ghi chép về anh:

Nó có vẻ phát điên thì phải.

Rồi đoạn tiếp theo:

Toan mở mắt cho mình, rằng đời mình chỉ là một chuỗi dài dối trá.

Tiếp theo, ở phía dưới (và cũng đáng ngạc nhiên hơn): *Theo lời Melitta thì gần đây nó còn đi nhà thờ nữa kia.*

Bức tranh ấy sẽ hiện ra, bức tranh đại lộ Schonhauser. Mép tuyết bẩn thỉu bên đường. Bố anh đi cạnh anh. Song đi đâu nhỉ? Hai bố con đi đâu nhỉ?

Hình ảnh tái hiện khá rõ. Bố anh đột nhiên đứng dừng lại, hét lên và Alexander sẽ cảm thấy, rõ vớ vẩn, như thể anh đang nghe rõ mồn một bố anh hét vậy:

Ở châu Phi người ta đang chết đói chết khát!

Rồi đến một loạt các chi phí tính bằng tiền mà anh, Alexander, đã nhận vào tháng Mười hai năm 1978, kể cả tiền mua quà Giáng sinh (tổng cộng đâu hai nghìn hai trăm mác), thêm đôi dòng về chuyện mẹ anh - vì anh - mà đau lòng ra sao. Còn một câu rất khó đọc về cuộc đời mà bố anh, nếu anh đọc không nhầm, không muốn để bất cứ ai *phá hại*.

Buổi chiều, vào lúc những giờ nóng nực nhất trong ngày sắp đến, Alexander sẽ lại xếp chỗ giấy rời rạc vào hộp bàn cờ và leo lên nhà trọ. Gã chơi mô-tô, khi nhìn thấy anh cắp nách bàn cờ tiến tới gần, sẽ thách anh đấu một ván. Alexander sẽ gật đầu chịu chơi, mặc dù cơn buồn ngủ buổi chiều kéo đến đang làm mắt anh díp lại.

Như mọi khi, như những lần họ đánh cờ trước đây, để không bị ai quấy rầy, hai người sẽ lôi nhau ra chiếc ghế băng sau chái nhà sơn màu theo kiểu Frida Kahlo, nơi Alexander vẫn ngồi đọc tờ báo phát hành ngày 12 tháng Chín. Họ ngồi cạnh nhau, mặt quay cùng một hướng, bàn cờ đặt giữa, hơi nghiêng, theo độ nghiêng của ghế.

Alexander sẽ ra quân trước, nước f2-f4, một lối chơi tấn công hơi nhẹ dạ mà dạo đầu anh vẫn thường thành công khi chơi với bố anh. Gã chơi mô-tô sẽ bình tĩnh đáp lại bằng nước d7-d5 và Alexander, để chặn con hậu nhảy lên h4, sẽ đẩy con mã - quân cờ do một tù nhân đẽo từ gỗ thông Siberi cách đây hơn nửa thế kỷ, và từ lúc Alexander đủ lớn để biết nghĩ đến giờ, vẫn bị sứt mũi - lên vị trí f3.

Đằng sau hàng rào lưới sắt, lũ gà do đám nhân viên người Mexico nuôi sẽ thì nhau mổ mổ xuống bãi cát khô cằn.

Trong lúc chơi như máy, bước hai... c5, bước ba: e3 e6, bước bốn: b3 Mc6, bước năm: Tb2 Mf6 và bước sáu Td3, ý nghĩ trong đầu anh lại lần nữa quay lại, như trong phim, với cái ngày mùa đông năm xưa ấy, với các lối đi đóng băng trên đại lộ Schonhauser, với cuộc dạo chơi kỳ quặc và vô mục đích ấy, với cảnh châu Phi đói... Song, bộ phim bỗng dưng chiếu tiếp, đến quảng trường Alexander, gió lạnh. Cảnh nhà hàng tự phục vụ đã biến

mất từ lâu, vốn nằm bên trái, cạnh cột đồng hồ thế giới. Có thể như thế không nhỉ?

Gã chơi mô-tô, đúng ra, tên là Xaver ấy, sau bước nhập thành của cả hai sẽ chồm người xuống bàn cờ, đến mức đầu gã che gần hết nửa bàn. Để không phải nhìn mãi vào lớp da đầu hơi đo đỏ của gã phơi ra dưới lớp tóc thưa, Alexander sẽ đưa mắt nhìn ra xa. Và trong lúc đấu gã bắt đầu đung đưa với vẻ đầy suy tư, anh chợt nhớ đến các chi tiết, nhớ đến những chiếc bàn đứng bằng nhựa sprelacart hồi đó thuộc loại tân thời nhưng đã bị xây xước nhiều, đến quầy hàng ốp nhôm tấm, đến mùi xúp thịt kho, không biết có phải nấu trong nồi tráng men không? Anh thấy lại bố anh, người mặc áo choàng lông cừu, đầu đội chiếc mũ lông xoàng xĩnh đang đứng ăn xúp bên chiếc bàn bằng nhựa ấy. Anh sẽ thấy lại chính anh, đầu cạo trọc, áo paca sờn rách trùm đầu và - thật không thể tin nổi, anh vẫn nhớ! - và chiếc áo len xanh da trời pha thêm nhiều màu không hề hợp nhau mà hồi ấy anh thấy cần phải mặc, chỉ vì trong lòng anh nung nấu một nhu cầu không thể lý giải là, cố làm sao cho có vẻ đáng ghét.

Gã chơi mô-tô sẽ đi nước hậu b6 và, ngay trong giây khắc gã đẩy quân cờ, Alexander sẽ cảm thấy ngay, anh không đủ tập trung để chống đỡ đòn tấn công thật ra rất xấc xược, nhưng không lấy gì làm nguy hiểm, nhằm vào con vua của anh, do bước f2-f4 lúc khai quân mà bị hở sườn ấy.

Xong ván cờ mà anh sau mười bảy bước phải đầu hàng ấy, anh sẽ lại nằm trên võng treo trước cửa phòng. Anh sẽ lại dùng ngón tay chống vào lan can sân thượng đẩy võng ra, sẽ cảm thấy cơ bắp, gân cốt mệt mỏi sau cuộc chạy và trong lúc trọng lực như ôm níu lấy anh thì bao nhiêu ý nghĩ sẽ nhảy loạn xạ trong đầu anh. Anh sẽ nghĩ đến Colombo, người đã

mang võng về phổ biến ở châu Âu. Và, ý nghĩ rằng, rất có thể đây chỉ là một trong những hiểu lầm lớn nhất giữa hai nền văn minh mà thôi, vì Colombo, khi nhìn thấy chiếc võng của người da đỏ, có lẽ đã chẳng nghĩ đến cái gì khác ngoài biện pháp ông có thể dùng để xếp thêm chỗ nằm cho thủy thủ trên tàu. Ý nghĩ ấy lóe lên như một phát hiện lớn vậy. Rồi anh sẽ tự hỏi, phải chăng, lẽ ra anh nên đi con tượng d5 thì hơn; đoạn, đầu óc anh lại nhảy sang chiếc áo len đáng tởm, pha nhiều màu không hợp nhau, và anh sẽ tự hỏi, tại sao lại dễ chịu thế, thậm chí thấy được an ủi như thế, khi hồi tưởng lại những ngày xa xưa ấy.

Rồi những tàu lá cọ sẽ ngừng sột soạt. Tiếng hò reo, cười nói trong làng cũng như tiếng lạch cạch trong căn bếp nhà trọ đây cũng sẽ lắng đi. Tiếng động cơ sẽ im, cả tiếng đài, vốn suốt ngày vọng từ mấy chiếc loa của một chi nhánh ngân hàng vừa khai trương, cũng câm nốt.

Duy chỉ tiếng kẽo kẹt đều đều của dây thừng căng võng còn dư lại. Và tiếng rì rầm xa xôi, vô tình của biển cả mà thôi.

CHÚ THÍCH

[1] Khái niệm "Bước ngoặt" *(Wende,* hay còn được gọi là "cuộc cách mạng hòa bình") dùng để chỉ quá trình biến đổi về chính trị xã hội diễn ra tại CHDC Đức vào các năm 1989-1990, dẫn tới thống nhất nước Đức vào tháng 10 năm 1990. (Mọi chú thích đều của người dịch)

[2] Ernst Thälmann (1886-1944), lãnh đạo đảng Cộng sản Đức trong thời kỳ Cộng hòa Weimar, sau bị Hitler biệt giam 11 năm trước khi đem xử bắn.

[3] "Ừ" tiếng Đức là "ja"; "một năm" là "jahr".

[4] Tên gọi tắt xe Trabant

[5] Vladimir Semyonovich Vysotsky (1938-1980), diễn viên, ca sĩ nổi tiếng của Liên Xô trước đây.

[6] Viết tắt của Staassicherheit: an ninh quốc gia, là cơ quan mật vụ của CHDC Đức trước đây.

[7] Thành phố ven bờ Thái Bình Dương thuộc bang Oaxaca phía Nam Mexico.

[8] Thành phố thuộc bang Oaxaca, giáp Puerto Ángel.

[9] Nguyên là đồng tiền Tây Ban Nha, nay là đồng tiền phổ biến tại nhiều thuộc địa cũ của Tây Ban Nha. (Ký hiệu $ vốn là ký hiệu dùng để chỉ đồng peso Tây Ban Nha-Mexico, về sau cũng mới được dùng cho đồng đô-la Mỹ).

[10] Thành phố nhỏ ven Thái Bình Dương, cách Puerto Ángel chừng 10 cây số về phía Tây.

[11] Tiếng Tây Ban Nha: nhân viên phục vụ.

[12] Rudolf Slánský, cựu Tổng bí thư Đảng cộng sản Tiệp Khắc từ năm 1945 đến 1951, bị kết tội phản quốc và kết án tử hình năm 1952.

[13] Dạng rút gọn của Katharina (có nghĩa là "trong sạch") là tên gọi của phụ nữ, thông dụng trong khoảng thời gian năm 1960-1980. Dạng phổ biến hơn là Kathrin.

[14] Một loại thuốc lá hạng sang thời CHDC Đức.

[15] Ông Kurt đùa, giải nghĩa từ *Imbärmarmeladde* hình thành từ cách âm sai của bà Irina ("im bar" = "bên trong con gấu").

[16] Thành phố thuộc bang Hessen. Từ những năm 1950, ở đây có trại đón người tị nạn từ Đông Âu sang. Năm 1989, dân CHDC Đức vượt biên sang Tây Đức đều tạm thời lưu trú ở đây trước khi chuyển đi nơi khác.

[17] Nguyên bản là *lapotchka* (tiếng Nga): bàn chân nhỏ.

[18] Alexander nhầm giữa "geboren" = đẻ/sinh ra, với "bohren" = khoan.

[19] Tiếng Tây Ban Nha: Anh bạn.

[20] Jorge Negrete (1911-1953), một trong những ca sĩ nổi tiếng nhất mọi thời ở Mexico.

[21] "Jorge Negrete", Alexander lúc nhỏ tuổi, nghe ra thành "Goldene Gräte', nghĩa là "xương cá (bằng) vàng".

[22] Mexico thân yêu, nếu ta ngã xuống nơi xa, xin hãy nói họ hay ta chỉ nằm chợp mắt, thì may ra họ sẽ đưa ta v`ê bên Người.

[23] Tiếng Tây Ban Nha: Hiểu không?

[24] "Kapitalismus" (chủ nghĩa tư bản), Alexander nghe nh`ầm thành "Kipitalismus".

[25] Thành phố ở Đông Ukraina.

[26] Ông Wilhelm nói "Kommunismus" (chủ nghĩa cộng sản), Alexander nghe nh`ầm thành "Komponismus".

[27] Tiếng Tây Ban Nha: Khủng bố.

[28] Khu phố cổ ở trung tâm thành phố Mexico City.

[29] Tướng Tây Ban Nha (1485-1547) dẫn đ`ầu đoàn quân đã tiêu diệt đế chế Aztek năm 1521 bằng cách liên minh với các bộ lạc bản địa khác, đổi tên thành phố thủ đô thành Mexico City và đích thân cai trị ở đây vài năm. Đây là một mốc lớn trong công cuộc thuộc địa hóa Nam Mỹ của người Tây Ban Nha.

[30] Tiếng Tây Ban Nha: Ta đi đâu đây?

[31] Tiếng Anh bồi: Giá rẻ thôi.

[32] Tiếng Anh bồi: Chất lượng tốt.

[33] Tiếng Anh bồi: ông phải trả công tôi.

[34] Tiếng Anh: Tôi không có tiền.

[35] Tiếng Tây Ban Nha. Không có tiền.

[36] Walter Ernst Paul Ulbricht (1893-1973), Chủ tịch Hội đồng Nhà nước CHDC Đức (1960-1973).

[37] Tức "Cách mạng muôn năm". Viết đúng là: Viva la revolución.

[38] Một hình thức rút thăm trúng thưởng.

[39] Cuba Libre (Cuba tự do): một loại đồ uống pha từ rượu rum và Cola.

[40] Tên một cậu bé chỉ cao bằng ngón tay út trong truyện cổ dân gian châu Âu.

[41] Leonid Ilyich Brezhnev (1906-1982), Tổng bí thư Đảng cộng sản Liên Xô cũ và đứng đầu nhà nước Liên Xô cũ từ năm 1964 đến 1982.

[42] Tiếng Đức là Volkssolidarität (Đoàn kết các dân tộc), cụ Nadezhda Ivanovna nói bị chệch đi.

[43] Tiếng Nga: Bà.

[44] Tiếng Nga: Đừng nói gì cho ông Wilhelm nhá.

[45] Tiếng Nga: Nào, nâng cốc mừng cái gì đây?

[46] Tiếng Nga: Nào, rót đi.

[47] Quảng trường ở Moskva, nơi có trụ sở chính, nhà tù và phòng hồ sơ lưu trữ của cơ quan mật vụ Liên Xô (KGB) trước đây và Nga (FSB) hiện nay.

[48] RIAS (Rundfunk im amerikanischen Sektor): Đài phát thanh trong vùng quân đội Mỹ kiểm soát, là đài phát thanh do ban quân quản Mỹ lập ra ở Tây Berlin sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai. Đài này hoạt động từ năm 1946 đến 1993.

[49] Điểm 3 theo thang điểm 5 ở Nga và Đông Âu ngày trước.

[50] Tiếng Nga (lóng): dương vật.

[51] Một thành phố của Bungari bên bờ Biển Đen.

[52] Viết tắt từ Sozialistische Einheitspartei Deutschland (đảng Xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức), là đảng cầm quyền tại CHDC Đức trước đây.

[53] Paul Ludwig Hans Anton von Beneckendorff und von Hindenburg (1847-1934), Thống chế Đức, Tổng thống Đức vào năm 1925. Hindenburg là người trao quyền lập nội các cho Thủ tướng Đức Adolf Hitler đầu năm 1933.

[54] Đế chế Đức: năm 1871-1918.

[55] Robert Havemann (1910-1982), nhà hóa học CHDC Đức, đảng viên cộng sản, do chống chế độ do đảng SED cầm quyền nên bị quản thúc,

cấm hành nghề và khai trừ đảng.

[56] Món xúc xích rán, thái khúc, ăn với xốt cà chua trộn cà-ri.

[57] Karl Paul August Friedrich Liebknecht (1871-1919): nhà mác-xít nổi tiếng thời Đế chế Đức, vốn là đảng viên đảng Dân chủ xã hội Đức. Ông là một trong những người sáng lập đảng Cộng sản Đức. Ông cùng với Rosa Luxemburg bị ám hại sau cuộc Khởi nghĩa tháng 1 năm 1919 tại Berlin.

[58] Súng ngắn Korovin, cỡ nòng 6,35 mm, sản xuất ở Liên Xô vào thời kỳ 1926-1935.

[59] Trong tiếng Đức, con kỳ nhông là "Leguan".

[60] Giọng nói vùng Sachsen (Đông-Nam nước Đức), trong dân gian, thường vẫn bị chê quê mùa.

[61] Cơ quan liên lạc quốc tế (Otdel Mezhdunarodnoy Svyazi) của Quốc tế Cộng sản.

[62] Tiếng Anh Mỹ: Cừ đấy, oách đấy.

[63] Ca sĩ chính của nhóm nhạc rock The Rolling Stones.

[64] Thị trấn tại Bethel, New York, nơi diễn ra buổi liên hoan âm nhạc từ 15 đến 18 tháng Tám năm 1969 của phong trào hippie tại Mỹ.

[65] Klement Gottwald (1896-1953), Tổng bí thư Đảng cộng sản Tiệp Khắc (1929-1948), Thủ tướng (1946-1948) và Chủ tịch nước (1948-1953) Tiệp Khắc.

[66] Chiến tranh giữa liên minh Ai Cập và Syria với Israel, diễn ra năm 1973 (từ 6.10 đến 26.10).

[67] Gamal Abdel Nasser (1918-1970), Tổng thống Cộng hòa Ả Rập thống nhất (1954-1970).

[68] Victor Lidio Jara Martinez (1932-1973), ca sĩ, bị quân đảo chính Chile giết hại.

[69] Frida Kahlo de Rivera (1907-1954), nữ họa sĩ Mexico, nổi tiếng với các chân dung tự họa.

[70] Trotsky bị ám sát tháng 8 năm 1940 tại Mexico, sau này ngôi nhà ông sống ở đó từ năm 1936 trở thành viện bảo tàng.

[71] David Alfaro Siqueiros (1896-1974), họa sĩ người Mexico, là người ám sát hụt Trotsky tháng 5 năm 1940.

[72] Địa phương nằm giữa nước Pháp (tiếng Pháp là Bourgogne).

[73] Wolf Biermann, nhà thơ và ca sĩ Đức, sinh năm 1936 tại Hamburg. Từ năm 1953 đến 1976, ông sống và hoạt động nghệ thuật tại CHDC Đức, từng được nhiều giải thưởng văn học. Năm 1976, nhân một chuyến biểu diễn ở Koln (CHLB Đức) ông bị chính quyền CHDC Đức trục xuất. Sự kiện này đã gây ra làn sóng phản đối mạnh mẽ của công chúng Đông và Tây Đức.

[74] Christa Wolf (1929-2011), nữ văn sĩ Đức, được xem là một trong những tác giả quan trọng nhất của nền văn học Đức hiện đại.

[75] Túi may từ vải sợi hóa học, rất phổ biến thời CHDC Đức. Loại sợi này được đặt theo tên viết tắt của CHDC Đức (DDR).

[76] Tiếng Nga: Quỷ tha ma bắt.

[77] Tâm lý học là Psychologie; lão Wilhelm nghe chệch thành Pseudo (từ gốc Hy Lạp) nghĩa là ngụy, giả.

[78] Tiếng Tây Ban Nha: Thôi, đi đi.

[79] Còn gọi là cuộc đảo chính Kapp-Luttwitz, là cuộc đảo chính bất thành vào ngày 13.3.1920 của phái quân nhân cũ toan lật đổ chính phủ Weimar do Gustav Bauer đứng đầu. Ở đây, Markus lẫn lộn tên người (Kapp) với tên địa danh (Kap Hoorn, Mũi Sừng), là điểm cực Nam của một quần đảo tại Nam Chile.

[80] Một quận ở Tây Berlin cũ, giáp Đông Berlin.

[81] Nhãn hiệu thời CHDC Đức của loại vật liệu chế tạo từ giấy bìa tẩm nhựa ép lại với nhau.

[82] Tên phố thời CHDC Đức; nay là phố Tor.

[83] Người da trắng lai thổ dân Nam Mỹ.

[84] Nghĩa đen là "cây thập tự chính cống", còn gọi là Puerto de Veracruz, cảng chính trong Vịnh Mexico bên bờ Đại Tây Dương.

[85] Tiếng Tây Ban Nha: Hiệu thuốc.

[86] Tiếng Tây Ban Nha (bồi): Tôi muốn có cái gì nhét tai.

[87] Tiếng Tây Ban Nha: Cửa hàng đồ kim khí.

[88] Một quận thuộc Đông Berlin trước đây, từ năm 2001 nhập vào quận Pankow.

[89] Squaw: người đàn bà (một từ thuộc ngôn ngữ Algonkin của người da đỏ Bắc Mỹ), ý chỉ một người đàn bà da đỏ.

[90] Một loại rượu brandy (chưng cất từ rượu vang) sản xuất tại CHDC Đức trước đây.

[91] Rotfrontkampferbund: đội dân quân do đảng Cộng sản Đức tổ chức và lãnh đạo thời Cộng hòa Weimar.

[92] USPD: đảng Dân chủ xã hội độc lập Đức, tồn tại và hoạt động vào các năm 1917-1931 tại Đức.

[93] Cuộc bạo động vũ trang do đảng Cộng sản Đức cùng một số đảng cánh tả khác tổ chức bất thành vào tháng 3 năm 1921 ở vùng Trung Đức (Halle, Leuna, Merseburg).

[94] Là ngày 30.1.1933, khi Hitler trở thành thủ tướng Đức.

[95] Johannes R. Becher (1891-1958), nhà thơ Đức, Bộ trưởng Bộ Văn hóa CHDC Đức (1954-1958), tác giả lời bài quốc ca CHDC Đức.

[96] Louis Fürnberg (1909-1957), nhà văn, nhà thơ Đức-Tiệp, tác giả Đảng ca đảng SED.

[97] Mối quan hệ vợ chồng ngoài giá thú, phổ biến vào những năm sau chiến tranh (1945), phần lớn là giữa lính giải ngũ hồi hương với phụ nữ góa chồng.

[98] Một loại sợi bông vô cơ nhân tạo, vốn được dùng nhiều làm vật liệu xây nhà lắp ghép ở CHDC Đức trước 1990.

[99] Thành phố bên sông Rhein, thuộc bang Nordrhein-Westfalen phía Tây CHLB Đức.

[100] Một loại whisky đặc biệt, cất từ mạch nha (malt) và bắt nguồn từ một lò cất duy nhất (single), khác với blended whisky là hỗn hợp từ nhiều loại khác nhau.

[101] Sau Bước ngoặt, Quốc hội Liên bang Đức thông qua luật hoàn trả tài sản (nhà cửa, đất đai, nhà máy...) đã quốc hữu hóa dưới thời CHDC Đức.

[102] Một trò chơi máy tính, vốn bị cấm phổ biến tại Đức.

[103] Thành phố phía Đông nước Đức, giáp Ba Lan.

[104] Markus nhầm Tloristik" (nghề trồng, bán hoa) với "Forensik" (môn tâm lý học hình sự).

[105] Thành phố thuộc bang Nordrhein-Westfalens, CHLB Đức, là một trong những thành phố cổ nhất nước Đức. Từ năm 1949 đến 1990 là thủ đô không chính thức của CHLB Đức. Sau khi thống nhất, chính phủ CHLB Đức vẫn đặt trụ sở ở Bonn đến 1999.

[106] Có giá trị ngang như Hiến pháp của CHLB Đức, có hiệu lực ở Tây Đức từ năm 1949; từ năm 1990 có hiệu lực trên toàn nước Đức thống nhất.

[107] Vũ trường nhạc điện tử, thường mở sáng sớm Chủ nhật hay thứ Bảy (biến dạng từ tiếng Anh).

[108] Nhân vật trong thần thoại Hy Lạp, từng cứu vớt và cưu mang Odysseus khi lâm nạn.

[109] Dựa vào thành ngữ: "mời năm người, mười người đến, thì thêm nước vào nồi xúp, đủ mọi người cùng ăn". Ý nói bà Irina lúc đương thời, vì mến khách, không bao giờ thêm nước mà nấu thêm để mời.

[110] Tiếng Nga: Mời bác ngồi. Xe taxi khắc đến ngay.

[111] Tiếng Nga: Không, không cần taxi đâu

[112] Ca sĩ dân ca Mỹ nổi tiếng, sinh năm 1941. Do bà đồng thời cũng là thành viên tích cực của các phong trào bảo vệ hòa bình, bảo vệ quyền công dân, chống chiến tranh và chống phân biệt chủng tộc, bà từng được mệnh danh là "lương tâm và tiếng nói của những năm 60".

[113] Một loại hoạt chất có tác dụng kích thích do cơ thể người tự sản sinh trong quá trình hoạt động.

[114] Một loại séc thanh toán được phát hành năm 1979 tại CHDC Đức. Công dân CHDC Đức không được phép sử dụng ngoại tệ làm phương tiện thanh toán. Những ai có ngoại tệ (mác Tây Đức, đô-la Mỹ v.v.) đều phải đổi lấy séc Forum tại Ngân hàng Nhà nước CHDC Đức mới có thể sử dụng để thanh toán được.

MỤC LỤC

THỜI NẮNG LỊM
LỜI CHÀO CỦA TÁC GIẢ
NĂM 2001
NĂM 1952
MỒNG 1 THÁNG 10 NĂM 1989
NĂM 1959
NĂM 2001
NĂM 1961
MỒNG 1 THÁNG 1O NĂM 1989
NĂM 1966
MỒNG 1 THÁNG 10 NĂM 1989
NĂM 1973
NĂM 2001
NĂM 1976
MỒNG 1 THÁNG 10 NĂM 1989
NĂM 1979
NĂM 2001
MỒNG 1 THÁNG 10 NĂM 1989
NĂM 1991
NĂM 1995
MỒNG 1 THÁNG 10 NĂM 1989
NĂM 2001
CHÚ THÍCH